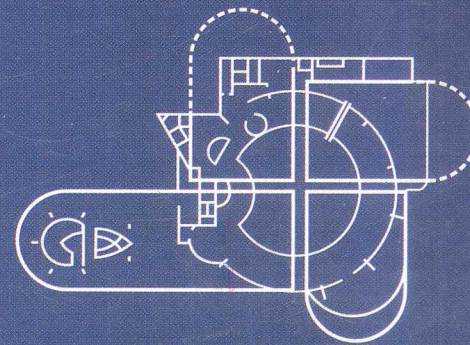
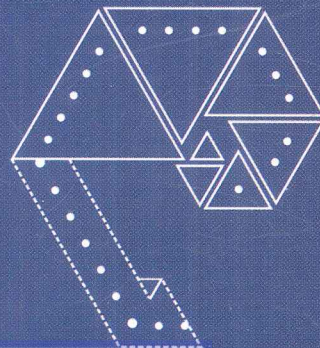
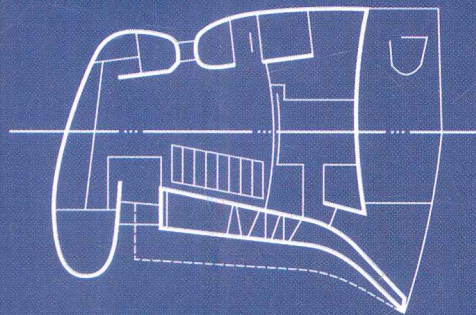
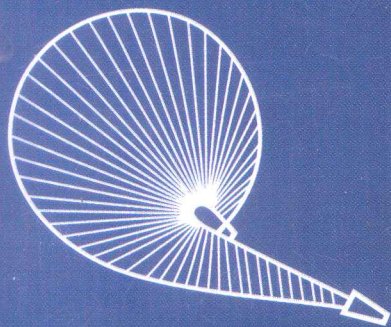


TỦ SÁCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHÂN TÍCH PHƯƠNG PHÁP TẠO HÌNH QUA HÌNH VẼ NHỮNG TÁC PHẨM KIẾN TRÚC NỔI TIẾNG CỦA CÁC KIẾN TRÚC SƯ LỚN THẾ GIỚI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG



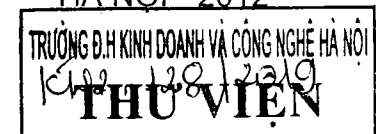
TỦ SÁCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHÂN TÍCH PHƯƠNG PHÁP TẠO HÌNH QUA HÌNH VẼ NHỮNG TÁC PHẨM KIẾN TRÚC NỔI TIẾNG CỦA CÁC KIẾN TRÚC SƯ LỚN THẾ GIỚI

(Tái bản)

Biên dịch
V.H. NGUYỄN NGỌC GIẢ
VÕ ĐÌNH DIỆP

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2012





THƯ VIỆN
HUBL

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Lâu nay chúng ta vẫn bàn thảo về *phương pháp dạy và học môn sáng tác thiết kế kiến trúc*, và thực sự chúng ta cũng chưa rút ra được nội dung định hướng để dạy và học môn học mang nhiều đặc thù này.

Đây là cuốn sách nối tiếp cuốn "*Cơ sở tạo hình kiến trúc*".

Bằng những dẫn dụ các công trình thực, cuốn sách "*Phân tích phương pháp tạo hình qua hình vẽ những tác phẩm kiến trúc nổi tiếng của các kiến trúc sư lớn thế giới*" làm sáng tỏ luật ngữ hội kiến trúc của kiến trúc học. Chúng tôi hy vọng nội dung của cuốn sách đủ sức trợ giúp chúng ta đi tới những định hướng về *phương pháp dạy và học môn sáng tác thiết kế kiến trúc*.

Nội dung của kiến trúc học rất rộng, cuốn sách chỉ tập trung bàn thảo (bằng đồ giải) hình thể kiến trúc, không can thiệp những vấn đề xã hội, chính kiến, kinh tế, kĩ thuật... của kiến trúc học. Vì rằng cấu tứ thiết kế kiến trúc tồn tại trong phạm trù hình thể và không gian của kiến trúc học, cho nên rất cần thiết nghiên cứu thâm sâu nội dung này.

Cấu tứ hình thể một công trình kiến trúc chỉ có thể hình thành qua nhiều lần trở suy tư công phu của kiến trúc sư mới tới được. Ý thức đầy đủ tới cách thức diễn hình của kiến trúc sẽ là nội lực tốt trong quá trình nghiên cứu thiết kế kiến trúc.

Thông qua phân tích những công trình kiến trúc thực để tìm phương cách và thủ pháp lí giải, thuyết minh cấu tứ thiết kế kiến trúc, từ đó, nhận được những kiến thức bổ ích để sáng tác thiết kế kiến trúc.

Cuốn sách cung cấp một loại ngôn ngữ phân tích, giúp sinh viên và kiến trúc sư lí giải được tác phẩm kiến trúc. Qua phân tích, tìm kiếm một cơ sở lí luận để phát triển cấu tứ thiết kế, hình thành nguồn căn sáng tạo trong sáng tác thiết kế.

Cuốn sách gồm 2 phần:

Phần 1, tập trung phân tích 88 công trình kiến trúc nổi tiếng của 23 kiến trúc sư, mỗi công trình đều phân tích 11 hạng mục. Cần biết tường tận nội dung của những hạng mục này trước khi nghiên cứu đồ giải.

Phần 2, phân biệt miêu tả dạng thức (mô thức - form) diễn hình hoặc cấu tứ hình thể của mỗi công trình kiến trúc, quá trình diễn tiến và hình thành dần dần cấu tứ thiết kế.

Cấu tứ hình thể của mỗi công trình kiến trúc gồm có 9 nội dung, cần thiết tường tận những nội dung này trước khi nghiên cứu đồ giải.

Nguyên tác của cuốn sách này là của 2 tác giả: Roger H. Clark và Michael Pause.

Chúng tôi biên dịch qua bản Trung Văn do Thang Kỳ Mai dịch từ bản gốc Anh ngữ, do Nhà xuất bản Kiến trúc Công nghiệp, Bắc Kinh - Trung Quốc xuất bản tháng 5/1998. Trong quá trình biên dịch, chúng tôi tham chiếu một số tài liệu sau:

- Cơ sở tạo hình kiến trúc. V. H. Nguyễn Ngọc Giả, Võ Đình Diệp. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 2001.
- Architecture: Form, Space and Order. Francis D. K. Ching. Nhà xuất bản VNR.

- Tuyển tập tác phẩm của một số kiến trúc sư: Le Corbusier, Alvar Aalto, Tadao Ando, Louis I. Kahn, Kenzo Tange...

Cuối cùng, vấn đề thuật ngữ tạo hình kiến trúc, chúng tôi rất mong quý đồng nghiệp cộng tác tìm kiếm những thuật ngữ ngắn gọn và rõ nghĩa hơn. Để suy cứu tìm kiếm, bên cạnh mỗi thuật ngữ chúng tôi có ghi chú tiếng Anh.

Trân trọng cảm ơn và giới thiệu cùng bạn đọc.

Nhóm biên dịch

GIỚI THIỆU TÓM TẮT

Những quan tâm đối với lịch sử kiến trúc và những công trình kiến trúc có tính lịch sử thường xuyên được nhắc tới và phát triển không ngừng. Những quan tâm này tập trung vào sự cần thiết nhận thức rõ mối liên hệ giữa thiết kế và lịch sử. Nghiên cứu theo cách của trường phái hàn lâm chỉ coi tính liên tục của lịch sử trong thời gian và không gian, hoặc là nhận thức quá khứ theo cách học thuật tuyệt đối, khác nào đem tri thức của kiến trúc sư gói gọn trong phạm vi chỉ biết tới danh tiếng, thời gian và phong cách kiến trúc. Kiến trúc học nói chung chú trọng phân loại lịch sử phong cách, đồng thời biểu hiện các loại lịch sử phong cách đó. Từ bề mặt các tầng thứ trong lịch sử phong cách hoặc vượt tầng thứ để quan sát và nghiên cứu lịch sử thì mới có thể biến lịch sử trở thành nguồn căn phong phú cho thiết kế kiến trúc.

Nội dung cốt lõi của cuốn sách này là tìm kiếm những cơ sở lý luận nào có thể làm cho cấu trúc kiến trúc hiển lộ siêu vượt thời gian. Phương pháp tìm kiếm là khảo tra và phân tích cẩn trọng các công trình kiến trúc. Chúng tôi hy vọng kết quả của sự tìm kiếm này có thể hình thành một loại lý luận, để từ đó phát triển cấu trúc thiết kế kiến trúc.

Cuốn sách này gồm 2 phần:

Phần 1, tập trung phân tích 88 công trình kiến trúc, biểu hiện thông qua tổng mặt bằng, mặt bằng, mặt cắt và đồ giải.

Phần 2, phân biệt miêu tả mô thức điển hình hoặc cấu trúc hình thể của kiến trúc. Cũng xuất phát từ đây, kiến trúc diễn biến và hình

thành dần dần. Chúng ta có thể thấy một số mô thức nào đó vẫn tồn tại theo thời gian.

Những công trình kiến trúc mà chúng tôi tuyển chọn đều là đại biểu cho một thời đại, cho một loại công năng, hoặc một loại phong cách. Những kiến trúc sư mà chúng tôi tuyển chọn đều là đại biểu của phương pháp sáng tác kiến trúc khác nhau. Sự hạn chế tư liệu đã ảnh hưởng tới việc tuyển chọn của chúng tôi; bởi vậy, trong cuốn sách này còn thiếu một số kiến trúc sư và công trình kiến trúc, vì tư liệu chúng tôi có được không đủ để phân tích.

Đối với công trình thực và phương án thiết kế, chúng tôi ưu tiên chọn công trình thực, chỉ có những phương án thiết kế nào có thể đại biểu cho một loại cấu trúc nào đó mới được chọn vào phần hai của cuốn sách này. Tuy rằng phương pháp phân tích vận dụng trong cuốn sách này có thể áp dụng để phân tích một quần thể kiến trúc, nhưng trong cuốn sách này chỉ hạn chế việc phân tích những tác phẩm kiến trúc đơn thể.

Những công trình kiến trúc đã tuyển chọn, với tư liệu mà chúng tôi có được bộc lộ một số mâu thuẫn. Trường hợp này, chúng tôi cố gắng biện minh tính chính xác của tư liệu. Nếu như vô phương thì chúng tôi tìm những giả định hợp lý; ví dụ, tổng bình đồ Nhà ở Tucker của Robert Venturi chưa từng vẽ qua, cho nên tổng bình đồ thể hiện trong cuốn sách này chúng tôi suy từ những tư liệu khác.

Có trường hợp, một kiến trúc nào đó mang nhiều tên khác nhau trong văn kiện. Chẳng hạn: Biệt thự Tròn của Andrea Palladio

thường gọi là Biệt thự Capra, nhưng theo người của họ tộc xây dựng đầu tiên lại gọi là Biệt thự Almerico. Khi gặp hiện tượng này, chúng tôi lấy tên gọi thường dùng, đồng thời ghi chú những tên gọi khác trong chú dẫn.

Đối với thời gian của một số tác phẩm kiến trúc, có nhiều cách nhìn nhận khác nhau. Vì rằng để hoàn thành một công trình kiến trúc cần một thời gian khá dài, hoặc là do sự ghi chép lịch sử không chính xác, cho nên muốn xác định chuẩn xác tuyệt đối thời kì của một công trình kiến trúc rất khó khăn. Tính trọng yếu của thời kì là ở chỗ đặt tác phẩm ở chỗ nào của biểu thời gian. Khi có mâu thuẫn trong các loại tư liệu nguyên thủy, chúng tôi lấy thời kì thường dùng nhất.

Rõ ràng, tính phức tạp của kiến trúc luôn luôn là khó có thể quy một tác phẩm về một cá nhân. Kiến trúc, bất luận là hoàn thành trong thời kì nào, hiển nhiên đều là sản phẩm hợp tác, là kết quả tham gia của nhiều người. Do vậy, để đạt được sự minh xác, tất cả công trình kiến trúc trong cuốn sách này đều quy về cá nhân thường được thừa nhận là tác giả thiết kế. Chẳng hạn, không liệt kê những người hợp tác với Charles Moore, tương tự, Romaldo Giurgola đại diện cho những người đã cộng tác với ông.

Trong phần phân tích mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng của tất cả các kiến trúc đều diễn họa theo tỉ lệ giống nhau. đương nhiên, hai kiến trúc lớn nhỏ, hình thức biểu hiện khác nhau áp dụng hai tỉ lệ khác nhau. Hướng của tổng mặt bằng, nói chung, trùng với hướng của mặt bằng, đồng thời tiêu chí hướng Bắc.

Để có thể liên thông giữa phân tích kiến trúc và cấu tứ hình thể, trong cuốn sách này, chúng tôi sử dụng một hoặc nhiều loại đồ giải. Những đồ giải này đều là những đồ hình trừu tượng, mục đích là để

biểu đạt những đặc trưng cơ bản vốn có của kiến trúc và mối quan hệ tương hỗ giữa những đặc trưng đó. Cho nên, đồ giải hướng thẳng vào những đặc trưng hình tượng minh xác, như vậy có thể thoát li khỏi những nhân tố phong cách, hình thức, công năng và thời đại... để dễ dàng so sánh những đặc trưng cùng loại giữa các kiến trúc với nhau. Những loại đồ giải này đều cấu thành từ ba chiều của hình thể và hình thức không gian, sẽ cung cấp nhiều thông tin hơn so với cách diễn họa mặt bằng, mặt đứng và mặt cắt thông thường. Để có thể hoàn trả kiến trúc về với bản chất cơ bản nhất của nó, đồ giải đều có ý đơn giản hoá. Bỏ qua những nhân tố khác, chỉ khảo cứu những bộ phận quan trọng nhất, những bộ phận này vừa là cốt lõi vừa tạo nên ấn tượng sâu sắc.

Để phân tích, cần chế định những tiêu chuẩn lập bản vẽ mới có thể so sánh giữa các đồ giải với nhau. Nói chung, những nét đậm trong mỗi đồ giải dùng để nhấn mạnh yếu tố cần nói. Để cho mục tiêu được minh xác, mặt bằng, mặt đứng và mặt cắt của bộ phận cấu tứ hình thể đều diễn họa bằng nét mảnh, những vấn đề cần phân tích và so sánh được diễn họa bằng nét đậm hoặc tối. Trong phần đầu của cuốn sách trình bày tiêu chuẩn lập hình vẽ áp dụng cho các đồ giải của phần phân tích.

Cuốn sách không phải đề cập tất cả, chính xác hơn, những kiến trúc tuyển chọn trong cuốn sách chỉ là những tinh tế của cấu tứ. Rất khó tìm được một hình thức kiến trúc chỉ hàm chứa đơn thuần tuyệt đối một loại chủ đề cấu đồ. Thường gặp hơn cả là sự biến hoá của các loại mô thức trùng hợp tầng tầng lớp lớp-tính đa thức, đa dạng của kiến trúc, chính là rút kết được từ trong sự hoà nhập đa tầng này. Trong cuốn sách chỉ miêu thuật giản lược một số mô thức chủ yếu nhất, không có nghĩa là không có những mô thức khác.



CHÚ DẪN DIỄN HỌA	TƯỜNG WALLS CỘT COLUMNS DẦM CHÍNH MAJOR BEAMS OVERHEAD KẾT CẤU STRUCTURE	HÌNH DẠNG TƯƠNG QUAN RELATED CONFIGURATION KIẾN TRÚC LIÊN KẾT REMAINDER OF BUILDING MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	ĐƠN ĐỘC UNIQUE TRÙNG LẬP REPETITIVE KIẾN TRÚC LIÊN KẾT REMAINDER OF BUILDING TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	ĐỐI XỨNG TỔNG THỂ OVERALL SYMMETRY ĐỐI XỨNG CỤC BỘ LOCAL SYMMETRY CÂN BẰNG TỔNG THỂ OVERALL BALANCE CÂN BẰNG CỤC BỘ LOCAL BALANCE KHỐI THAM CHIẾU REFERENCED COMPONENTS BỘ PHẬN ĐỐI ỨNG POINT AND COUNTERPOINT ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE
	ÁNH SÁNG TRỰC TIẾP DIRECT ÁNH SÁNG TÁN XA DIFFUSED ÁNH SÁNG PHI TRỰC TIẾP INDIRECT KHÔNG GIAN BÊN TRONG INTERIOR SPACE CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	TUYẾN GIAO THÔNG CHÍNH MAJOR CIRCULATION TUYẾN GIAO THÔNG PHỤ SECONDARY CIRCULATION KHÔNG GIAN SỬ DỤNG USE-SPACES KIẾN TRÚC LIÊN KẾT REMAINDER OF BUILDING GIAO THÔNG TRỰC GIAO VERTICAL CIRCULATION GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE-SPACE	HÌNH VUÔNG SQUARE HÌNH CHỮ NHẬT 1,4 1.4 RECTANGLE HÌNH CHỮ NHẬT 1,6 1.6 RECTANGLE KÍCH THƯỚC HOẶC ĐƠN VỊ DIMENSION OR UNIT GÓC ANGLE LƯỚI Ô GRID LINES BÀN KÍNH TÂM TRÒN RADIUS CENTER HÌNH KỶ HÀ GEOMETRY	ĐƠN NGUYÊN TĂNG THÊM ADDITIVE UNITS CẮT BỚT SUBTRACTION TỔNG THỂ WHOLE ĐƠN NGUYÊN CẮT GIẢM SUBTRACTIVE UNIT PHƯƠNG PHÁP TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
TIÊU CHỈ HƯỚNG BẮC NORTH INDICATOR MẶT ĐỨNG ELEVATION MẶT CẮT SECTION	KHỐI CHÍNH MAJOR MASSING KHỐI PHỤ SECONDARY MASSING TỔ CHỨC KHỐI MASSING	ĐƠN NGUYÊN UNITS KIẾN TRÚC LIÊN KẾT REMAINDER OF BUILDING ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	HÌNH KỶ HÀ GEOMETRY	TRỌNG YẾU NHẤT MOST DOMINANT ĐẾN TO KHÔNG TRỌNG YẾU LESS DOMINANT ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

Giới thiệu tóm tắt 5

PHÂN TÍCH 13

Alvar Aalto 20

Trung tâm thị chính, Saynatsalo

Nhà thờ Vouksenniska, Imatra

Tổng bộ công ty Enso - Gutzeit, Helsinki

Trung tâm văn hóa, Wolfsburg

Tadao Ando 28

Nhà thờ - Mt. Rokko, Kobe

Nhà thờ trên nước, Tomamu

Erik Gunnar Asplund 32

Nhà ở Snellman, Djursholm

Lễ bái đường Woodland, Stockholm

Tòa án Lister, Solvesborg

Thư viện công cộng Stockholm, Stockholm

Peter Q. Bohlin 40

Nhà ở cuối tuần của Eric Q. Bohlin, West Cornwall

Nhà ở Gaffney, Romansville

Ngôi nhà ở Adirondacks, New York State

Nhà ở Gates, Medina

Mario Botta 48

Nhà ở độc hộ, Riva San Vitale

Nhà thờ San Giovanni Battista, Mogno

Nhà ở Bianda, Losone

Nhà thờ Beato Odorico, Pordenone

Filippo Brunelleschi 56

Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo, Florence

Cô nhi viện, Florence

Nhà thờ Thánh Maria, Florence

Nhà thờ Thánh Spirito, Florence

Sverre Fehn 64

Biệt thự Busk, Bamble

Bảo tàng Glacier, Fjaerland

Romaldo Giurgola 68

Viện học tập nghiên cứu thực nghiệm vị thành niên, Bryn Mawr

Trung tâm âm nhạc Lang, Swarthmore

Câu lạc bộ sinh viên, Plattsburgh

Thư viện công cộng Tredyffrin, Stratford

Nicholas Hawksmoor 76

Lâu đài Easton Neston, Northamptonshire

Nhà thờ Thánh George ở East, Wapping



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Nhà thờ Christ, Spitalfields	
Nhà thờ Thánh Mary Woolnoth, London	
Louis I. Kahn	84
Trung tâm nghiên cứu y học Richards, Philadelphia	
Viện nghiên cứu sinh vật học - Đại học Salk, La Jolla	
Bảo tàng nghệ thuật Kimball, Fort Worth	
Thư viện, Exeter	
Le Corbusier	92
Biệt thự Savoye, Poissy	
Chung cư, Marseilles	
Nhà thờ Đức mẹ, Ronchamp	
Khách sạn hội nghị, Chandigarh	
Claude Nicholas Ledoux	100
Khách sạn Montmorency, Paris	
Khách sạn Guimard, Paris	
Nhà hát, Besancon	
Nhà Director, gần Besancon	
Edwin Lutyens	108
Ngôi nhà Homewood, Knebworth	
Lâu đài Nashdom, Taplow	
Ngôi nhà Heathcote, Ilkley	
Ngôi nhà Salutation, Sandwich	
Richard Meier	116
Nhà ở Smith, Darien	
Trung tâm lễ khách, New Harmony	
Khách sạn triển lãm và hội nghị Ulm, Ulm	
Diễn đàn Weishaupt, Schwendi	
Charles Moore	124
Nhà ở Moore, Orinda	
Chung cư I, Sea Ranch	
Nhà ở Hines, Sea Ranch	
Nhà ở Burns, Santa Monica Canyon	
Andrea Palladio	132
Biệt thự Foscari, Malcontenta	
Nhà thờ Thánh Giorgio Maggiore, Venice	
Biệt thự Tròn, Vicenza	
Nhà thờ Redentore, Venice	
Henry Hobson Richardson	140
Nhà thờ Tam Thánh, Boston	
Tòa nhà Sever, Cambridge	
Tòa án Allegheny, Pittsburgh	
Nhà ở J. J. Glessner, Chicago	
James Stirling	148
Viện công trình, Leicester	
Khoa lịch sử - Đại học Cambridge, Cambridge	
Tòa nhà Florey, Oxford	
Trường chuyên khoa Olivetti, Haslemere	

Louis Sullivan156

Tòa nhà hội nghị, Chicago

Tòa nhà Wainwright, St. Louis

Bách hóa tổng hợp Carson Pirie và Scott, Chicago

Ngân hàng nông dân Quốc gia, Owatonna

Giuseppe Terragni.....164

Chung cư Novocomum, Como

Chung cư Fascio, Como

Trường mẫu giáo Sant Elia, Como

Biệt thự Bianca, Seveso

Ludwig Mies van der Rohe.....172

Cung CHLB Đức, Viện bảo tàng trung bày Quốc tế, Barcelona

Nhà ở Tugendhat, Brno

Nhà ở Farnsworth, gần Plano

Viện thiết kế kiến trúc và quy hoạch đô thị, Chicago

Robert Venturi.....180

Nhà ở Vanna Venturi, Philadelphia

Trạm cứu hỏa số 4, Columbus

Nhà ở Peter Brant, Greenwich

Nhà ở Carll Tucker III, Mount Kisco

Frank Lloyd Wright.....188

Nhà thờ Nhất ngôi, Oak Park

Nhà ở Frederick G. Robie, Chicago

Biệt thự trên suối, Ohiopyle

Bảo tàng Solomon R. Guggenheim, New York

CẤU TỨ HÌNH THỂ KIẾN TRÚC197

Từ mặt bằng đến mặt cắt (hoặc mặt đứng)213

Quan hệ tương đồng

Quan hệ một với một nửa

Quan hệ tương tự

Quan hệ tỉ lệ

Quan hệ tương phản

Từ đơn nguyên đến tổng thể220

Đơn nguyên bằng tổng thể

Đơn nguyên bao hàm trong tổng thể

Tổng thể lớn hơn tập hợp các đơn nguyên

Tập hợp đơn nguyên cấu thành tổng thể

Liên kết đơn nguyên

Đơn nguyên trùng hợp

Đơn nguyên cách rời

Từ trùng lặp đến đơn độc227

Trùng lặp bao vây đơn độc

Đơn độc là biến hình của trùng lặp

Đơn độc trong khu vực trùng lặp

Đơn độc chen vào trùng lặp

Đơn độc xác định từ trùng lặp



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Phương pháp tăng và giảm	233	Mô thức hình dạng.....	255
Phương pháp giảm		Mô thức dạng dài: mục đích sử dụng	
Phương pháp tăng		Mô thức dạng dài: công năng giao thông	
Đối xứng và cân bằng	235	Mô thức trung tâm: mục đích sử dụng	
Đối xứng		Mô thức trung tâm: công năng giao thông	
Cân bằng hình dạng		Mô thức song trung tâm	
Cân bằng hình kỉ hà		Mô thức tụ tập	
Cân bằng thực và ảo		Mô thức bao bọc	
Hình kỉ hà.....	241	Mô thức đồng tâm	
Hình kỉ hà cơ bản		Mô thức song nhân	
Hình tròn và hình vuông		Diễn tiến	265
Trùng hợp hình chữ nhật và hình tròn		Đẳng cấp khối	
Hai hình vuông		Chuyển hoá	
Trận đồ 9 hình vuông		Biến hình	
Bốn hình vuông		Trung gian	
Hình chữ nhật tỉ lệ cạnh 1,4 và 1,6		Thu nhỏ.....	269
Phát triển hình kỉ hà		Thu nhỏ, ghép nhỏ vào lớn	
Xoay, dịch chuyển và trùng hợp		Tổng thể thu nhỏ thành cục bộ	
Hình cánh quạt, hình phóng xạ, hình xoáy ốc		Kiến trúc sư và tác phẩm	273
Lưới ô			

PHÂN TÍCH



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PHÂN TÍCH

Trong phân tích, chúng tôi tuyển 88 tác phẩm kiến trúc của 23 kiến trúc sư lớn. Hầu hết, mỗi kiến trúc sư tuyển chọn 4 tác phẩm đại biểu. Những tác phẩm này xếp thứ tự vần ABC tên tiếng Anh của các kiến trúc sư, tác phẩm của các kiến trúc sư xếp thứ tự theo niên đại thiết kế.

Mỗi công trình trình bày trên 2 trang liên tục. Trang trước trình bày tên công trình, thời gian thiết kế, địa điểm xây dựng, tổng mặt bằng, mặt bằng, mặt đứng và mặt cắt. Trang sau trình bày 11 hình vẽ đồ giải phân tích và cấu đồ cơ bản, diễn họa rất tinh giản đủ để phân tích kiến trúc. Cấu đồ cơ bản có tác dụng chủ đạo và có tính khái quát nhất đối với cấu tứ kiến trúc, đặc trưng tính cách nổi bật nhất của kiến trúc, đồng thời bảo lưu sự giản lược cơ bản nhất của thiết kế. Không có cấu đồ cơ bản, chủ đề không tồn tại; xuất phát từ cấu đồ cơ bản, kiến trúc mới có thể ra đời. Điều quan tâm chủ yếu của phân tích là bằng phương pháp nào để thẩm tra những đặc trưng hình thể và không gian, lí giải được cấu đồ cơ bản của kiến trúc. Với mục đích đó, trong phạm vi phong phú của các loại đặc trưng, chọn ra 11 hạng mục: tất cả kiến trúc đều giống nhau, cùng bao hàm những nhân tố cơ bản, quan hệ giữa các thuộc tính và cấu tứ hình thể. Mỗi một hạng mục phân tích, trước tiên, trình bày đơn độc; sau đó, trình bày mối quan hệ giữa các hạng mục với nhau. Nghiên cứu những tài liệu này để làm sáng tỏ cần nhấn mạnh cái gì, đồng thời làm thế nào xác định được cấu tứ đóng vai trò chủ đạo. Trên cơ sở những phân tích và cấu đồ cơ bản tìm được của mỗi kiến trúc, những điểm tương tự và bất đồng trong thiết kế, từ đó đi tìm ý tưởng thiết kế.

Những hạng mục lựa chọn để phân tích gồm có: kết cấu, chiếu sáng tự nhiên, tổ chức khối, mối quan hệ từ mặt bằng đến mặt cắt, giao

thông đến không gian sử dụng, từ đơn nguyên đến tổng thể, từ trùng lặp đến đơn độc, đối xứng và cân bằng, hình kỉ hà, phương pháp tăng và giảm, đẳng cấp khối.

KẾT CẤU

Trên cơ bản, kết cấu đồng nghĩa với chống đỡ, cho nên luôn tồn tại với tất cả kiến trúc. Cụ thể: kết cấu là cột, là bản hoặc là tổ hợp cột bản. Kiến trúc sư sử dụng kết cấu một cách có ý thức để thực hiện các loại cấu tứ. Với ý nghĩa đó, có thể căn cứ vào tiết cấu, mô thức, tính giản lược, tính quy luật, tính tùy ý, tính phức tạp để thiết kế cột, tường, dầm. Cho nên kết cấu có thể xác định không gian, hình thành đơn nguyên, liên kết lộ tuyến giao thông, chỉ thị phương hướng vận động, để tổ hợp và điều chỉnh. Chính vì vậy, không thể thiếu kết cấu trong mối liên hệ các yếu tố của quá trình sáng tạo kiến trúc, trong mối liên hệ với phẩm chất và sự tinh tế của kiến trúc. Kết cấu có thể làm sáng tỏ thêm các hạng mục phân tích: chiếu sáng tự nhiên, quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể, hình kỉ hà, giao thông đến không gian sử dụng, tính đối xứng, cân bằng và đẳng cấp khối.

CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN

Trọng điểm mà chiếu sáng tự nhiên quan tâm là ánh sáng tự nhiên vào kiến trúc bằng phương thức nào và ở vị trí nào. Tận dụng tia sáng là thủ pháp tạo hình thể và không gian. Lượng, tính chất và màu sắc của ánh sáng ảnh hưởng tới cảm giác về khối tích và lập thể. Khi quyết định mặt đứng và mặt cắt kiến trúc là đã xác định phương thức lấy ánh sáng tự nhiên vào nhà. Ánh sáng tự nhiên đi

qua cản lọc, phản xạ... có thể có sự khác biệt về tính chất. Ánh sáng lấy từ một phía của bên sẽ dịu hoà qua một lớp cản lọc, khác với ánh sáng lấy trực tiếp qua cửa mái, khác với ánh sáng sau khi phản xạ từ tường ngoài của kiến trúc mới vào phòng. Thiết kế chiếu sáng tự nhiên là một loại thiết kế cấu tứ, có quan hệ mật thiết với kích thước, vị trí, hình dáng, nhịp điệu mở cửa, vật liệu bề mặt, chất cảm, sắc điệu của kiến trúc, và cả với quá trình ánh sáng kinh qua bên ngoài tường trước khi vào phòng, hoặc các loại nhân tố điều tiết sau khi vào phòng. Chiếu sáng tự nhiên có tác dụng rất quan trọng đối với hầu hết các hạng mục: hình kỉ hà, đẳng cấp khối, quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể, từ trùng lặp đến đơn độc, giao thông đến không gian sử dụng...

TỔ CHỨC KHỐI

Tổ chức khối có tác dụng lớn nhất đối với trực giác, là vấn đề hình thể ba chiều thường xuyên gặp trong thiết kế kiến trúc. Tổ chức khối không những chỉ là chiều cao và mặt đứng, còn là hình tượng cảm giác đối với tổng thể kiến trúc. Tổ chức khối, mặc dù bao gồm cả bình diện và chiều cao, còn có tác dụng để cân bằng tương quan tỉ lệ giữa các khối trong tổng thể; nhưng không thể chỉ gói gọn tổ chức khối trong 2 nội dung trên. Ví dụ, việc bố trí cửa đi, cửa sổ trên mặt đứng kiến trúc không được ảnh hưởng tới cảm giác chủ thể của kiến trúc. Trục chiều cao cho thấy sự khác biệt cụ thể của hình khối đồng thời cũng hiển đạt sự lung củng của tổ hợp khối.

Tổ chức khối không đơn thuần chỉ có hình thái không gian ba chiều mà còn phụ thuộc vào nhiều phương diện khác. Với tư cách là một loại cấu tứ thiết kế, tổ chức khối liên quan với các phương diện sau đây của tổ hợp khối: sự liên hệ giữa các đơn thể, tập trung và mô thức của nó, một hoặc nhiều khối, chủ yếu và thứ yếu trong tổ hợp.

Tổ chức khối có thể xác định giải pháp kết nối với không gian bên ngoài, điều chỉnh vị trí khuôn viên, định vị lối vào của kiến trúc, hiển thị tuyến giao thông, đồng thời, làm nổi trội vị trí trọng điểm của kiến trúc. Tổ chức khối có tác dụng nhấn mạnh cấu tứ của tất cả các phương diện: từ đơn nguyên đến tổng thể, trùng lặp đến đơn độc, mặt bằng đến mặt cắt, hình kỉ hà, tăng và giảm, đẳng cấp khối.

TỪ MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT (HOẶC MẶT ĐỨNG)

Mặt bằng, mặt cắt và mặt đứng mô tả mặt nằm ngang và mặt thẳng đứng của kiến trúc. Trong phân phân tích, mỗi một cấu tứ thiết kế, từ hình dáng mặt bằng đến hình tượng mặt đứng đều xác định từ các yếu tố hữu quan. Các loại hoạt động trong kiến trúc đều tổ chức trên mặt bằng, cho nên, có thể coi mặt bằng là khởi nguồn của hình thể kiến trúc. Mặt bằng có thể thuyết minh được rất nhiều vấn đề, chẳng hạn, đâu là đường đi, đâu là chỗ nghỉ... Mặt đứng và mặt cắt càng dễ dàng tiếp cận với trực giác của con người, bởi vì trực diện nhìn thấy trước tiên. Lợi dụng mặt cắt hoặc mặt đứng để suy tưởng hình ảnh lập thể, bởi vì mỗi nét vẽ trên mặt đứng hoặc mặt cắt đều có chiều thứ ba. Mặt bằng và mặt cắt (hoặc mặt đứng) ảnh hưởng lẫn nhau, liên quan, tồn tại với nhau, là thủ pháp thiết kế nên vận dụng, và cũng là vấn đề có tính quyết sách cơ bản của thiết kế. Các loại cấu tứ mặt bằng, mặt cắt (hoặc mặt đứng) hoặc là tương đồng, hoặc là tương tự, hoặc có quan hệ tỉ lệ nhất định, hoặc bất đồng, thậm chí tương phản... Bất cứ một khía cạnh nào của mặt bằng, mặt cắt hoặc mặt đứng đều có ảnh hưởng tới hình dáng của nó.

Mối quan hệ tương hỗ giữa mặt bằng, mặt cắt (hoặc mặt đứng) cũng có thể phát sinh ở các tầng thứ của kiến trúc: một gian phòng, một bộ phận cục bộ hoặc toàn thể kiến trúc. Quan hệ từ mặt bằng đến mặt cắt có tác dụng cực lớn đối với các phương diện: tổ chức khối,



cân bằng, hình kỉ hà, đẳng cấp khối, phương pháp tăng và giảm, mối quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể, từ trùng lặp đến đơn độc.

TỪ GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG

Trên cơ bản, giao thông và không gian sử dụng đại biểu cho 2 bộ phận tổ hợp tĩnh và động của tất cả kiến trúc. Không gian sử dụng theo yêu cầu của công năng là trọng điểm đầu tiên khi thiết kế kiến trúc, còn giao thông là phương pháp để đạt được mục đích công năng của thiết kế. Bản chất của kiến trúc là kết hợp hai loại trạng thái vận động và tĩnh tại. Bởi vì giao thông quyết định phương cách để con người thể nghiệm một công trình kiến trúc, cho nên có thể lợi dụng để nhận thức một số nội dung nào đó của kiến trúc; chẳng hạn: kết cấu, chiếu sáng tự nhiên, hàm nghĩa đơn nguyên, yếu tố trùng lặp và đơn độc, hình kỉ hà, cân bằng, và đẳng cấp khối. Tuyến giao thông có thể hạn định một không gian chỉ đơn thuần dành riêng cho vận động, hoặc chiếm một chỗ trong không gian sử dụng, để cách ly không gian sử dụng, hoặc là xuyên qua, hoặc ở cuối không gian sử dụng; còn có thể xác định vị trí cửa vào, trung tâm, kết thúc bộ phận trọng yếu của kiến trúc. Không gian sử dụng có thể khép kín, có thể mở, có thể tự do, có thể nửa kín nửa mở, có thể tách biệt độc lập; chẳng hạn, một căn phòng. Điều muốn nói ở đây là mô thức liên hệ giữa các không gian sử dụng chủ yếu. Có mấy dạng mô thức: dạng trung tâm, dạng dải, dạng tập hợp. Quan hệ giữa tuyến giao thông và không gian sử dụng có thể xác định đâu là tính riêng tư, đâu là vùng đi lại giao tiếp trong kiến trúc. Phân tích mối quan hệ giữa tuyến giao thông với không gian sử dụng là thủ pháp nhằm mục đích có thể lí giải chính xác 2 vấn đề:

- Xác định hình thể của tuyến giao thông và không gian sử dụng.
- Bằng phương thức nào liên kết những yếu tố trực tiếp ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa không gian sử dụng và tuyến giao thông.

TỪ ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ

Phân tích một kiến trúc trong quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể là phương cách quan sát một kiến trúc, bằng phương thức nào liên hợp các đơn nguyên cấu thành một tổng thể. Đơn nguyên là một thực thể xác định, là một bộ phận của kiến trúc. Một kiến trúc có thể chỉ có một đơn nguyên, khi đó đơn nguyên trở thành một tổng thể. Tổng thể có thể là một tập hợp nhiều đơn nguyên. Đơn nguyên có thể là một thực thể dạng không gian, hoặc là một thực thể dạng hình thể. Một đơn nguyên có thể là: một không gian sử dụng, một tổ hợp kết cấu, một tổ chức khối, một khối lập thể, hay tổ hợp các hạng mục trên. Đơn nguyên cũng có thể cấu thành từ những hạng mục không có quan hệ với nhau.

Vận dụng mối quan hệ giữa đơn nguyên và tổng thể để cấu tứ thiết kế, cần thiết nghiên cứu tính chất của đơn nguyên, phương thức thống nhất, biểu đạt, quan hệ giữa đơn nguyên với đơn nguyên, giữa đơn nguyên với tổng thể. Với ý nghĩa đó, đơn nguyên có thể liên kết với nhau, có thể tách biệt, trùng lặp, hoặc nhỏ hơn tổng thể. Mối quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể, trên mức độ rất lớn, chịu ảnh hưởng những yếu tố sau: kết cấu, tổ chức khối, hình kỉ hà. Mối liên hệ giữa đơn nguyên và tổng thể có thể hình thành: tính đối xứng, cân bằng, hình kỉ hà, tăng và giảm, đẳng cấp khối, quan hệ từ trùng lặp đến đơn độc.

TỪ TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC

Ý tứ bao hàm trong quan hệ các nguyên tố trùng lặp và đơn độc là làm thế nào liên kết, tổ hợp các thành tố không gian và hình thể thành một thực thể tổng hợp, đa dạng. Nếu quan niệm đơn độc là chỉ có một trong mỗi tầng thứ, hoặc chỉ có một khác biệt với những thành tố khác trong chủng loại; như vậy cần phải so sánh trong cùng



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TRƯỜNG Đ. H. KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
THƯ VIỆN
14/2/2018

tầng thứ mới phân biệt được thuộc tính nào làm cho thành tố đơn độc, khác với những thành tố khác. Đồng thời, hai phạm trù trùng lặp và đơn độc phải cùng một hệ tham chiếu mới có thể liên hệ với nhau được. Điểm then chốt nhất là một phạm trù trong đó xác định từ một phạm trù tương đối khác. Cho nên, phải căn cứ vào thuộc tính đồng hệ hoặc dị hệ để xác định các thành phần hợp thành của tổ hợp kiến trúc là trùng lặp hay đơn độc. Kích thước, phương hướng, vị trí, kiểu dáng, hình dạng, màu sắc, vật liệu, và chất cảm đều là những nhân tố quan trọng để cấu thành trùng lặp và đơn độc. Bởi vì những nguyên tố trùng lặp và đơn độc có thể xuất hiện ở rất nhiều phương diện trong nội bộ và ở những tầng thứ khác nhau của kiến trúc, mục đích phân tích là tìm ra hạng mục quan trọng nhất trong đó. Mỗi quan hệ từ trùng lặp đến đơn độc tương quan, tương sinh với những hạng mục sau: kết cấu, tổ chức khối, quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể, từ mặt bằng đến mặt cắt, hình kỉ hà, tính đối xứng hay cân bằng.

ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG

Từ thời sơ khai của kiến trúc, đã vận dụng rộng rãi khái niệm đối xứng và cân bằng. Cân bằng mà kiến trúc học đề cập chính là phương thức cơ bản để tổ hợp các nguyên tố hình thể hoặc không gian. Cân bằng là trạng thái đẳng lượng của trục giác hoặc khái niệm, đối xứng là hình thức đặc biệt của cân bằng. Cân bằng trong tổ hợp kiến trúc, nói theo khái niệm đẳng lượng, rất giống với cân bằng trọng lượng. Có thể nói, nhiều đơn nguyên A có thể tương đẳng với không cùng số lượng các đơn nguyên B. Cân bằng là liên kết hai đơn nguyên, đồng thời xác định trục cân bằng vô hình giữa hai đơn nguyên đó. Muốn tạo được sự cân bằng giữa hai đơn nguyên, trước tiên cần phải xác định tính chất của mối quan hệ giữa chúng; tức là, một nguyên tố nào đó phải liên kết với một bộ phận khác trong cùng

kiến trúc cần có điều kiện đẳng lượng trong tri cảm. Khái niệm đẳng lượng xác định bằng cảm giác đối với thuộc tính của các bộ phận. Trong khái niệm, cân bằng thường xuất hiện khi định vị một thành tố hoặc nhóm thành tố tạo được cảm nhận một loại giá trị hoặc ý nghĩa nào đó. Ví dụ, một thân tượng khá nhỏ có thể cân bằng với một không gian thứ yếu hoặc đóng vai trò phụ trợ lớn hơn nó rất nhiều.

Cân bằng có thể hình thành từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng đối xứng cân có sự tương đồng của các đơn nguyên ở hai bên trục. Trong kiến trúc học, có thể có 3 loại phương thức đối xứng: phương thức phản xạ, phương thức xoay quanh một trung tâm, phương thức tịnh tiến và vận động theo một tuyến trục.

Đối xứng và cân bằng có thể tồn tại trong tổng thể kiến trúc, trong một bộ phận thành phần, trong một gian phòng ở các tầng thứ khác nhau. Do những thay đổi ở các tầng thứ khác nhau, sẽ xuất hiện sự khác biệt về đối xứng và cân bằng trong tổng thể và cục bộ. Vận dụng cân bằng hoặc đối xứng để tìm cấu tứ hình thể cần phải khảo cứu kích thước, phương vị, liên kết, hình dạng, giá trị... Cân bằng và đối xứng có ảnh hưởng rất lớn đối với tất cả các hạng mục phân tích.

HÌNH KỈ HÀ

Thiết kế hình kỉ hà là một loại cấu tứ hình thể của kiến trúc học. Hàm nghĩa là xác định hình thể kiến trúc bằng nguyên lý của kỉ hà học bình diện và kỉ hà học lập thể. Trong phân phân tích hạng mục này, lưới ô hình thành và phát triển từ bội số, tổ hợp, tái phân cắt và tổ hợp lặp lại hình kỉ hà.

Trong thời kì khởi thủy của lịch sử kiến trúc, con người đã biết lợi dụng hình kỉ hà như là một thủ pháp thiết kế. Trong kiến trúc, hình kỉ hà là nhân tố quyết định tổng quát nhất, hoặc có thể nói là nhân tố



bản chất. Nó là phương pháp có thể vận dụng với không gian hoặc tầng thứ hình thể, phạm vi rất rộng, bao gồm phương pháp xử lý các hình khối đơn giản, sự hội ngộ của nhiều loại hình thể, các loại tỉ lệ của hình khối, và cả với những hình khối phức tạp, đa biến. Hình khối học với vai trò phát triển hình thể kiến trúc có quan hệ với đo lường và cân lượng. Trung tâm của hạng mục phân tích này đặt ở kích thước, vị trí, dạng thức, hình thể và tỉ lệ, đồng thời cũng chú trọng tới sự thay đổi liên tục trong hội ngộ hình thể và hình khối. Những loại thay đổi này xuất hiện từ quá trình tổ hợp, diễn biến, linh hoạt những hình cơ bản. Lưới ô ở đây nhằm để quan sát tiết tấu, hình dạng, tính phức tạp, tính đồng nhất và tính biến hoá. Với vai trò là thuộc tính phổ biến của kiến trúc, hình khối có quan hệ mật thiết không thể tách rời với tất cả các hạng mục phân tích.

PHƯƠNG PHÁP TĂNG THÊM VÀ GIẢM BỐT

Cấu trúc hình thể bằng phương pháp tăng thêm và giảm bớt chính là sự gia tăng, rút gọn, tập hợp, chia cắt hình thể trong quá trình tìm ý để cấu thành một kiến trúc. Bất luận là tăng thêm hay giảm bớt, đều phải qua trực giác nhận thức kiến trúc. Bằng thủ pháp gia tăng để tổ chức hình thể kiến trúc, tức là đặt cục bộ của kiến trúc lên hàng đầu, còn tổng thể thì tập hợp một số đơn nguyên hoặc cục bộ nhất định thành một khối. Bằng thủ pháp cắt giảm thì tổng thể đóng vai trò chủ đạo và cắt giảm một vài bộ phận trong tổng thể đã xác định. Nói chung, phương pháp gia tăng hoặc cắt giảm đều là giải pháp tư duy hình thể, cho nên kết quả thu được là tính không gian. Nếu đồng thời vận dụng cả 2 phương pháp có thể sáng tạo được hình thể kiến trúc đa dạng, phong phú; chẳng hạn, tập hợp nhiều đơn nguyên sẽ tạo thành một tổng thể, sau đó cắt giảm một vài bộ phận, hoặc có thể từ tổng thể cắt ra một số bộ phận, sau đó tổ hợp lại vào tổng thể.

Tổng thể kiến trúc tổ hợp bằng phương thức nào, hình thức cấu thành bằng phương pháp nào, phân tích hạng mục này sẽ cho lời giải đáp vô cùng quan trọng. Chỉ có thông qua quan sát sự biến đổi của tổ chức khối, thể tích lập thể, màu sắc và vật liệu mới có thể hiểu thấu đáo nội dung này. Cấu trúc tăng và giảm tương bổ, tương thành với những hạng mục sau: tổ chức khối, hình khối, cân bằng, đẳng cấp khối, quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể, từ trùng lặp đến đơn độc, từ mặt bằng đến mặt cắt.

ĐẲNG CẤP KHỐI

Đẳng cấp khối thuộc loại cấu trúc hình thể, biểu hiện cụ thể một loại thuộc tính nào đó hoặc thứ tự địa vị của một số thuộc tính trong thiết kế kiến trúc. Ý tứ bao hàm trong khái niệm này là đặc tính của một phạm vi nào đó sẽ nảy sinh những giá trị tương ứng khác nhau. Hàm nghĩa này có thể lý giải như sau: với một thuộc tính đã chọn, sự thay đổi giá trị trong quá trình diễn biến có thể biểu thị bằng một phương thức nhất định. Đẳng cấp khối cho thấy sự biến đổi trật tự của địa vị từ trạng huống này đến trạng huống khác. Trạng huống khác nhau thường áp dụng bao gồm: từ lớn đến nhỏ, từ mở đến kín, từ giản đơn đến phức tạp, từ chung đến riêng, từ tinh thần đến thể tục, từ chủ thể đến phụ trợ, từ đơn chiếc đến tập đoàn. Trong phạm vi biến đổi này, thứ tự địa vị đẳng cấp đều biểu hiện bằng hình tượng từ hình thể, không gian, hoặc vừa hình thể vừa không gian.

Trong phần phân tích này, đẳng cấp khối hoàn toàn căn cứ vào những yếu tố quan trọng và có tính chủ đạo vốn có của kiến trúc thông qua quan sát để xác định đối với từng hạng mục: mô thức, kích thước, hình khối, phương thức liên kết. Những yếu tố chất lượng, tính phong phú, sự tinh tế, vật trang sức và vật liệu đặc biệt đều là những tiêu chí có tính trọng yếu. Đẳng cấp khối đóng vai trò là một loại cấu trúc thiết kế, có quan hệ tương bổ, tương thành với tất cả các hạng mục phân tích khác.

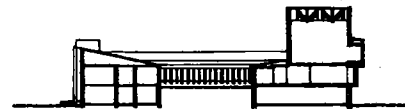


ALVAR AALTO

ALVAR AALTO

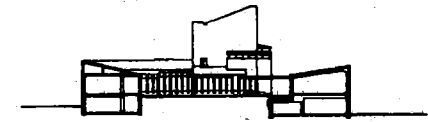
TRUNG TÂM THỊ CHÍNH
SAYNATSALO, PHẦN LAN
1950 - 1952

TOWN HALL
SAYNATSALO, FINLAND
1950 - 1952



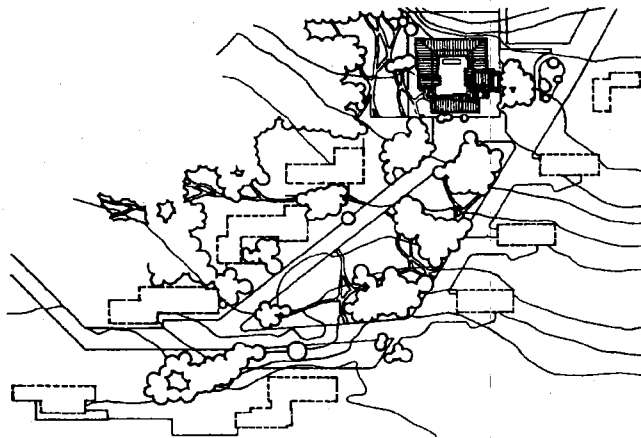
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



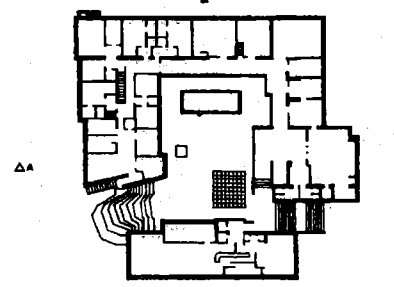
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

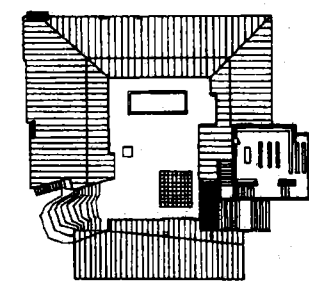


MẶT ĐỨNG 2

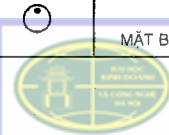
ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN

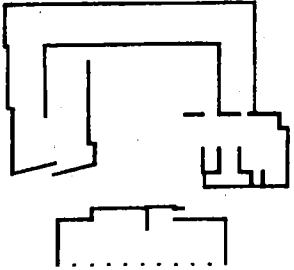
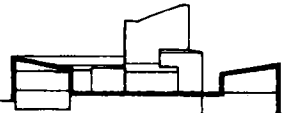
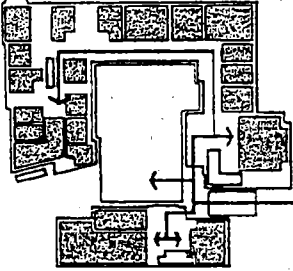
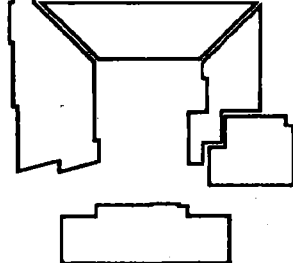
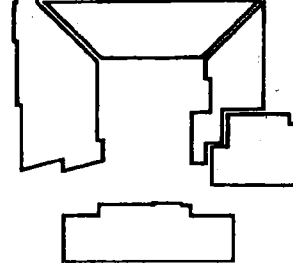
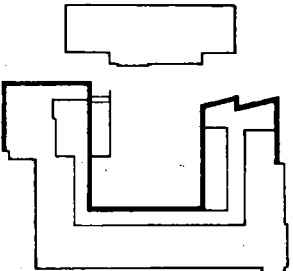
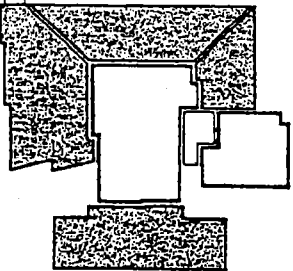
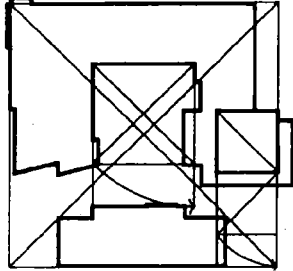
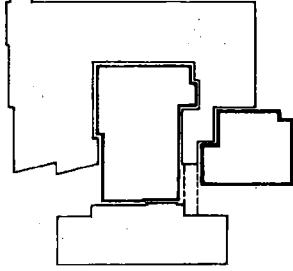
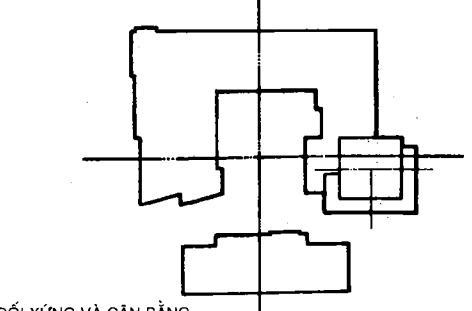
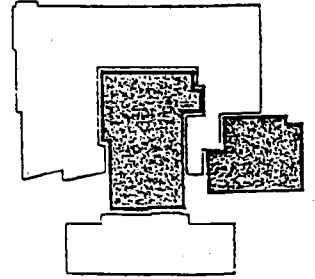
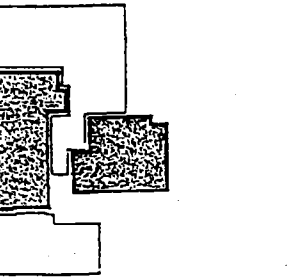
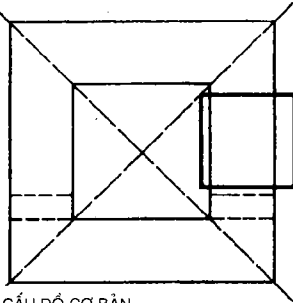


MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ALVAR AALTO

NHÀ THỜ VOUKSENNISKA
IMATRA, PHẦN LAN
1956 - 1958

VOUKSENNISKA CHURCH
IMATRA, FINLAND
1956 - 1958



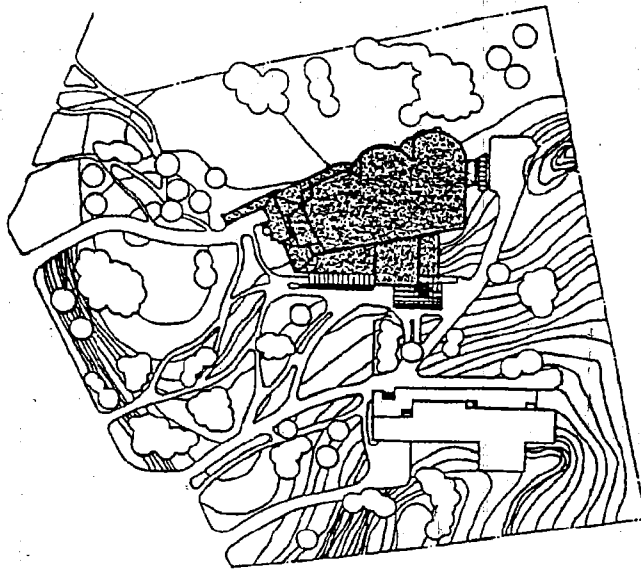
MẶT CẮT A

SECTION A



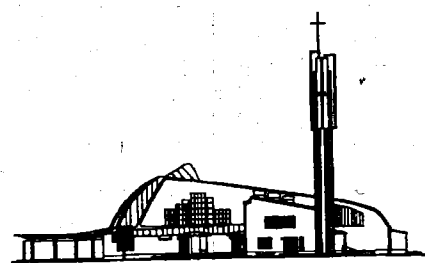
MẶT CẮT B

SECTION B



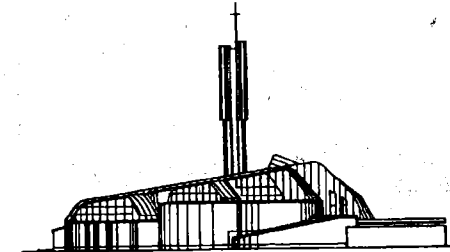
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



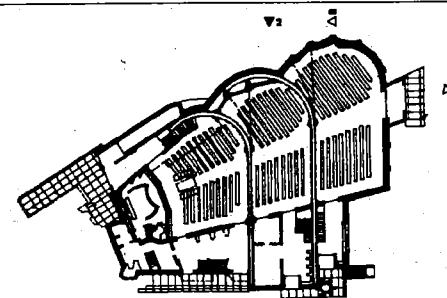
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



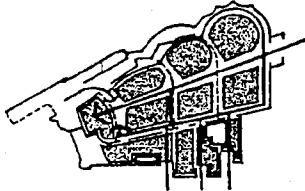
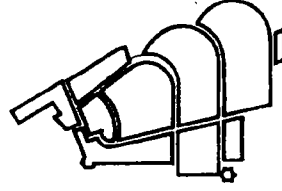
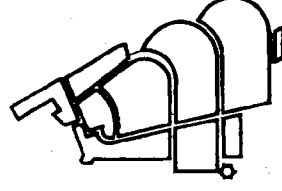
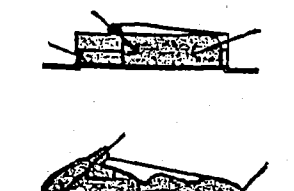
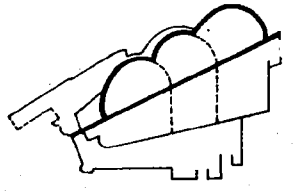
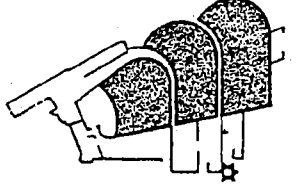
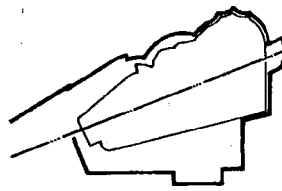
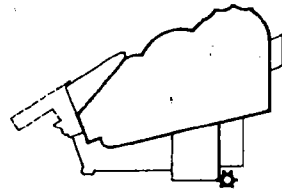
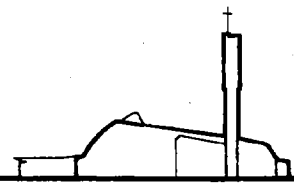
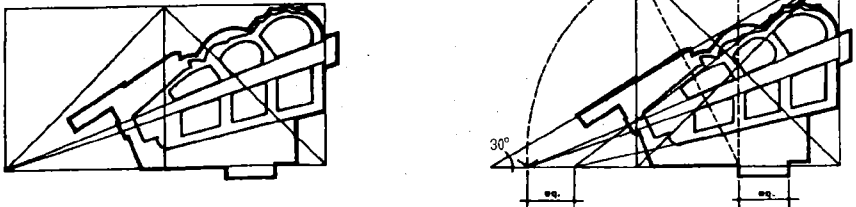
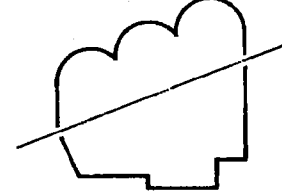
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



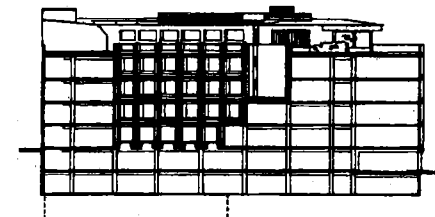
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ALVAR AALTO

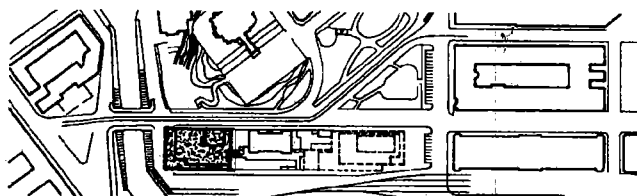
TỔNG BỘ CÔNG TY ENSO-GUTZEIT
HELSINKI, PHẦN LAN
1959 - 1962

ENSO-GUTZEIT COMPANY HEADQUARTERS
HELSINKI, FINLAND
1959 - 1962



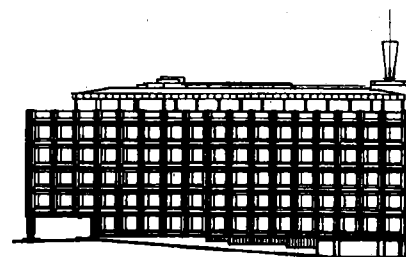
MẶT CẮT A

SECTION A



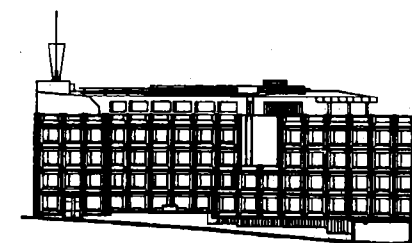
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



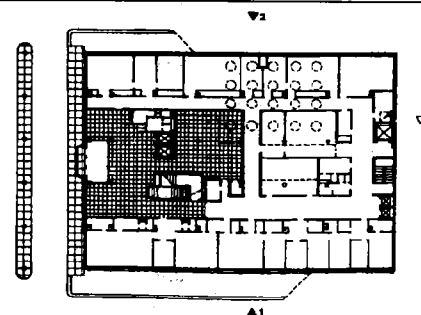
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



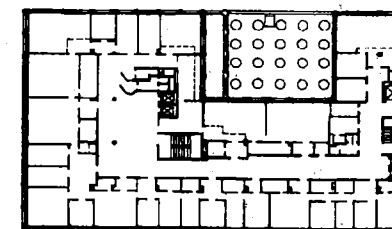
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



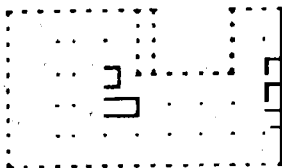
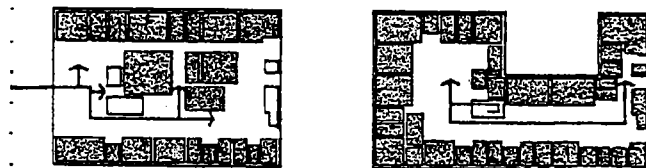
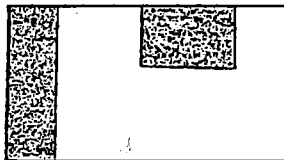
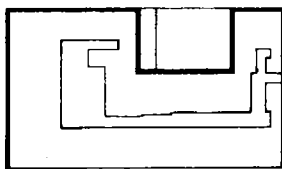
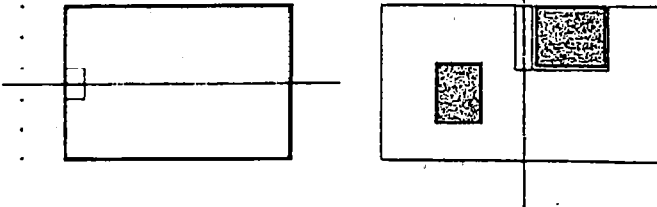
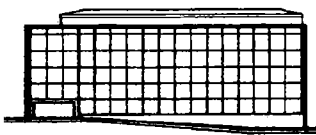
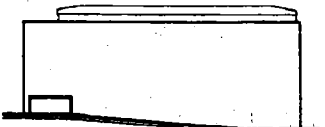
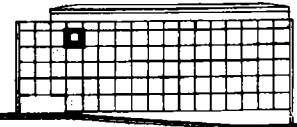
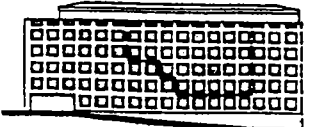
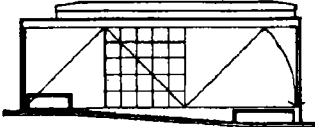
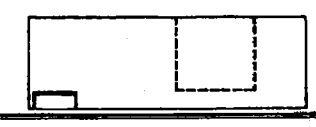
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE		 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ALVAR AALTO

TRUNG TÂM VĂN HOÁ
WOLFSBURG, CHLB ĐỨC
1958 - 1962

CULTURAL CENTER
WOLFSBURG, GERMANY
1958 - 1962



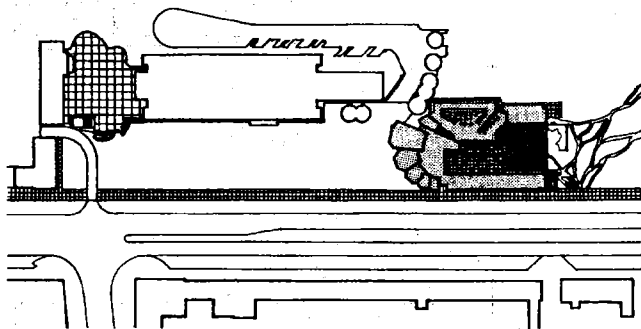
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



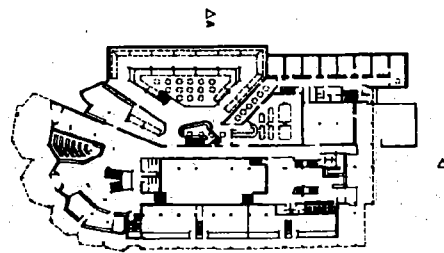
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

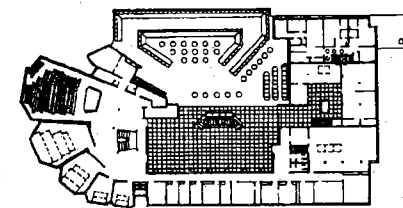


MẶT ĐŨNG 1

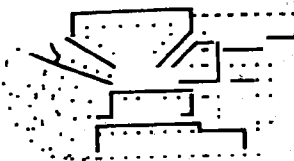
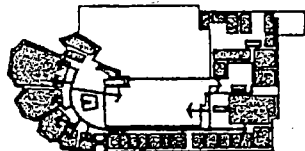
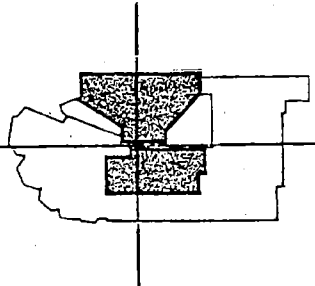
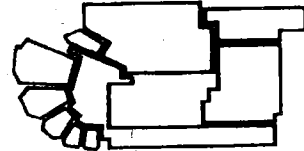
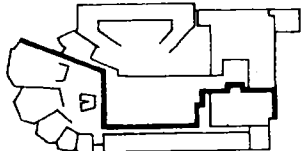
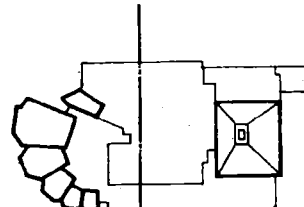
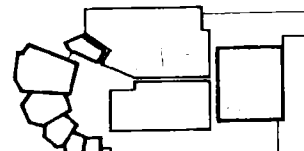
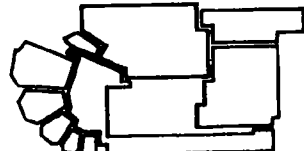
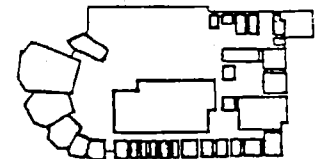
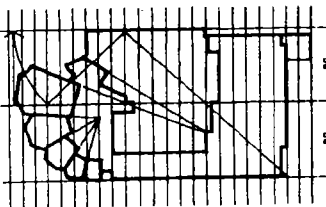
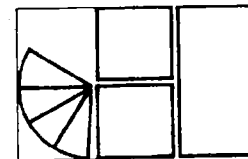
ELEVATION 1



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 CẦU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

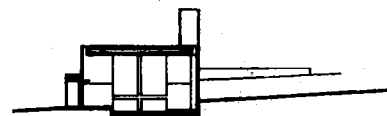
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TADAO ANDO

TADAO ANDO

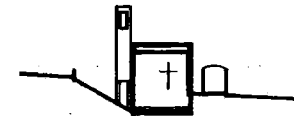
NHÀ THỜ - MT. ROKKO
KOBE, HYOGO, NHẬT BẢN
1985 - 1986

CHAPEL ON MT. ROKKO
KOBE, HYOGO, JAPAN
1985 - 1986



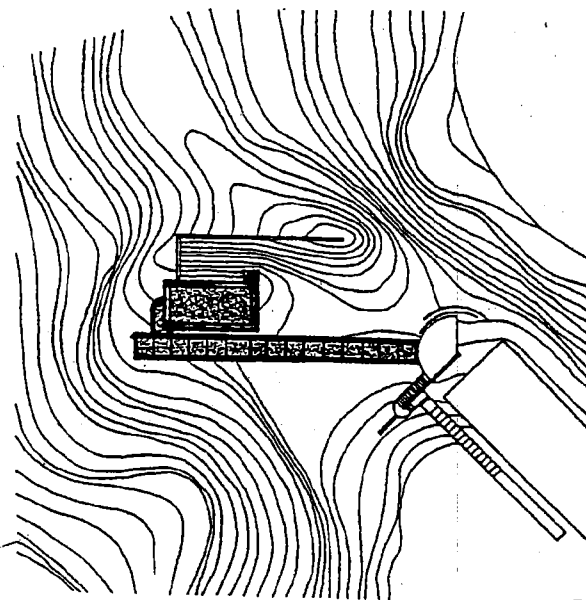
MẶT CẮT A

SECTION A



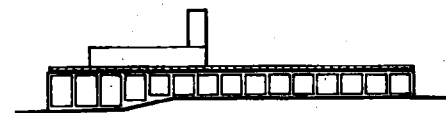
MẶT CẮT B

SECTION B



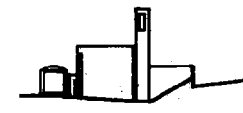
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



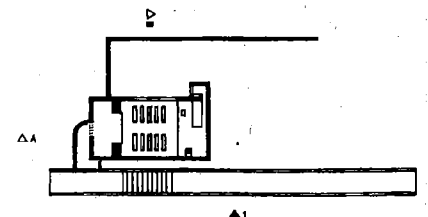
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



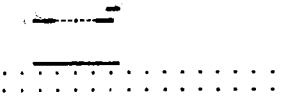
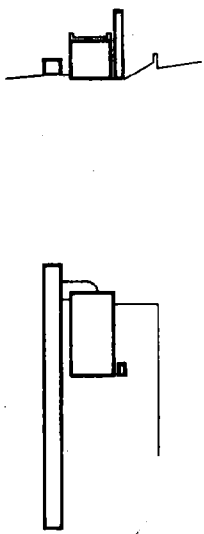
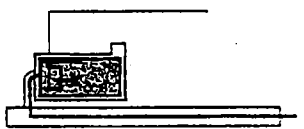
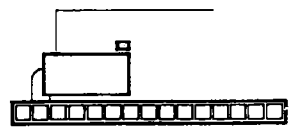
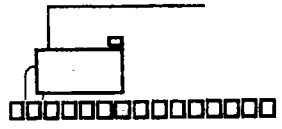
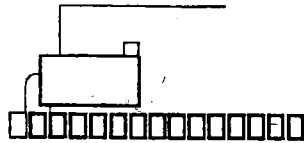
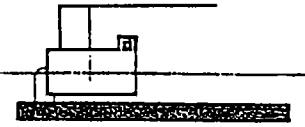
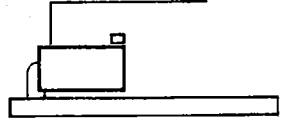
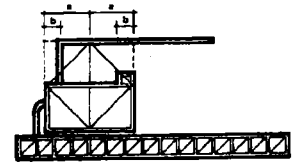
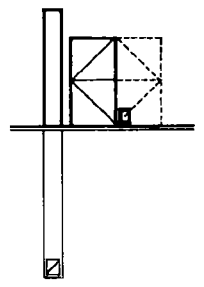
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT		 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING		 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TADAO ANDO

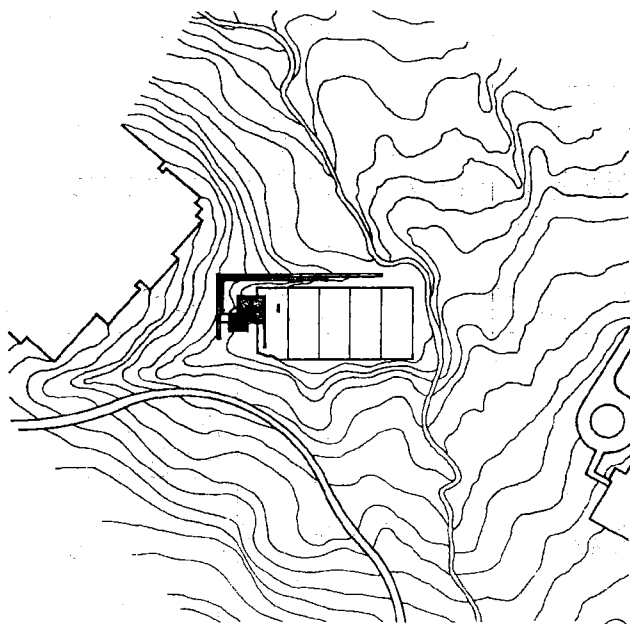
NHÀ THỜ TRÊN NƯỚC
TOMAMU, HOKKAIDO, NHẬT BẢN
1985 - 1988

CHURCH ON THE WATER
TOMAMU, HOKKAIDO, JAPAN
1985 - 1988



MẶT CẮT A

SECTION A



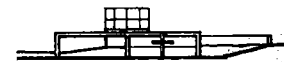
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



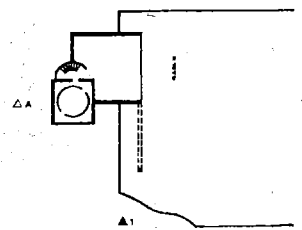
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



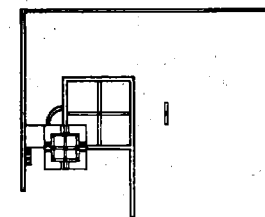
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



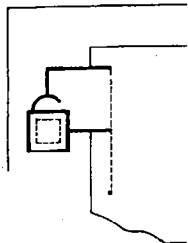
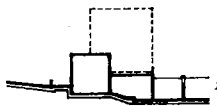
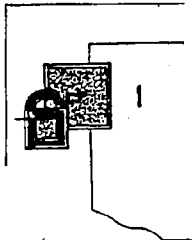
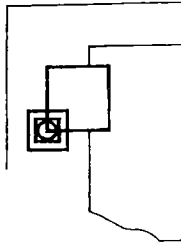
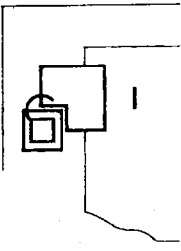
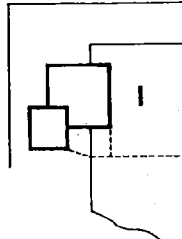
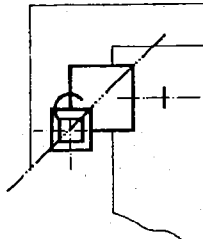
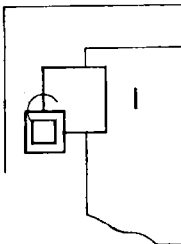
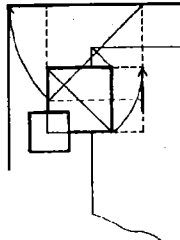
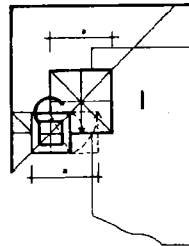
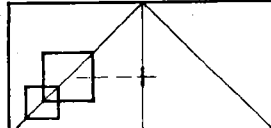
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÌ HẢ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

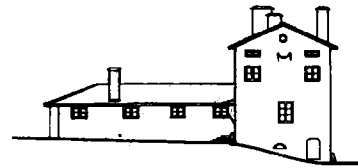
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ERIK GUNNAR ASPLUND

ERIK GUNNAR ASPLUND

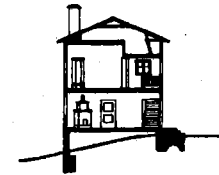
NHÀ Ở SNELLMAN
DJURSHOLM, THỤY ĐIỂN
1917 - 1918

SNELLMAN HOUSE
DJURSHOLM, SWEDEN
1917 - 1918



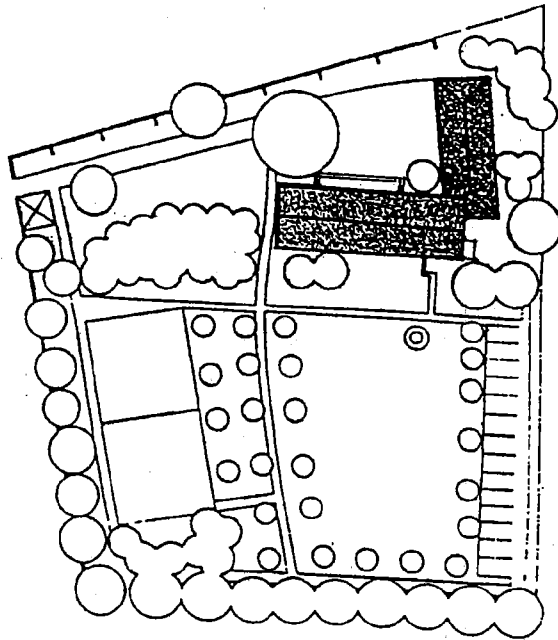
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



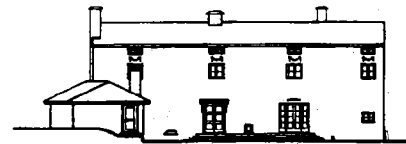
MẶT CẮT A

SECTION A



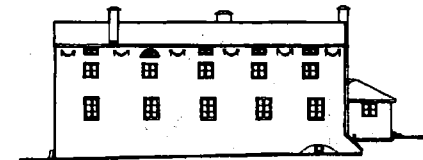
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



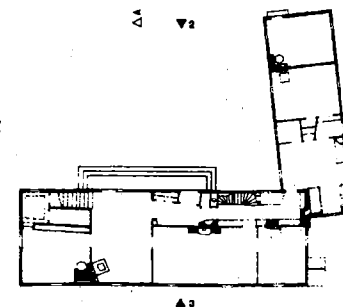
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



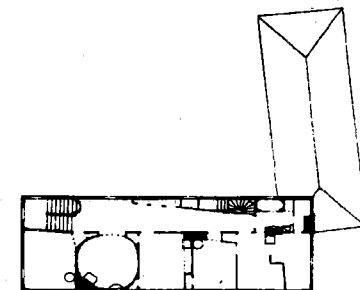
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3



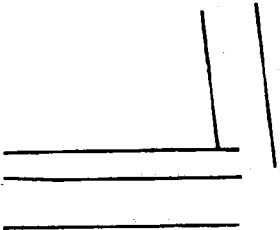
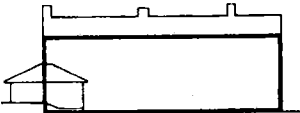
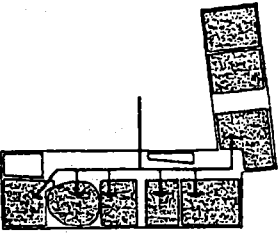
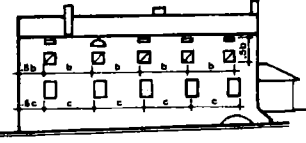
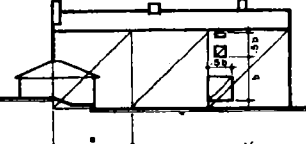
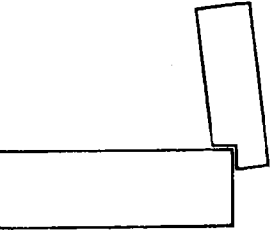
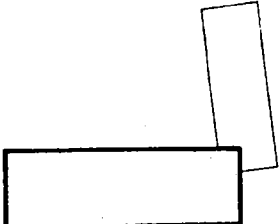
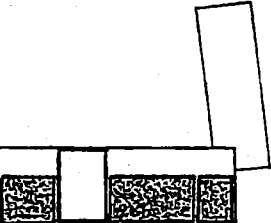
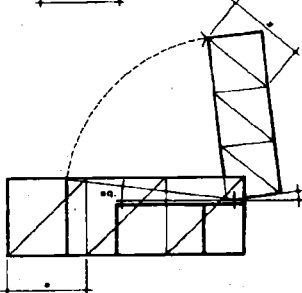
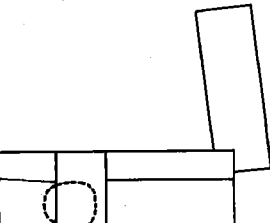
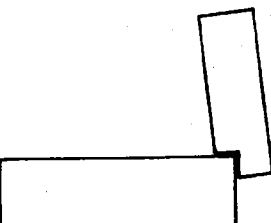
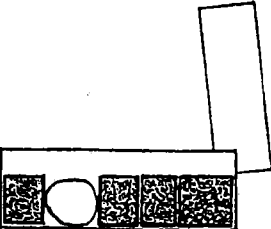
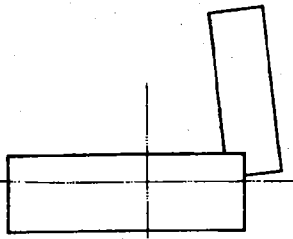
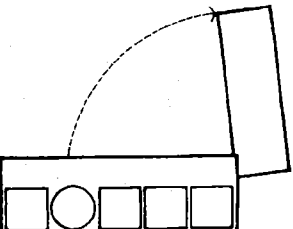
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



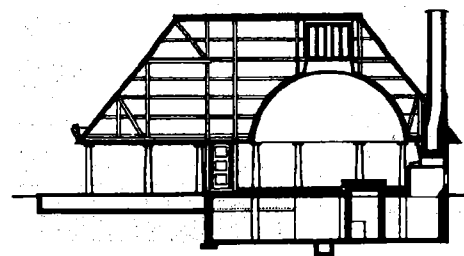
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ERIK GUNNAR ASPLUND

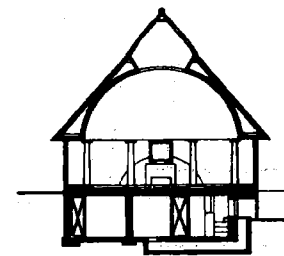
LỄ BÁI ĐƯỜNG WOODLAND
KHU NGHĨA TRANG NAM STOCKHOLM
STOCKHOLM, THỤY ĐIỂN
1918 - 1920

WOODLAND CHAPEL
STOCKHOLM SOUTH BURIAL GROUND
STOCKHOLM, SWEDEN
1918 - 1920



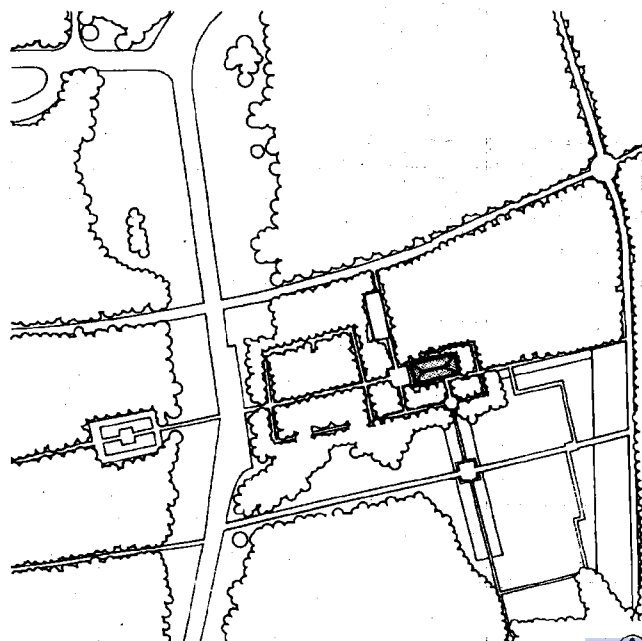
MẶT CẮT A

SECTION A



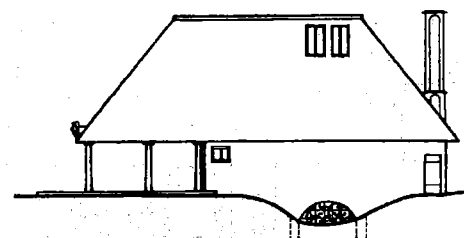
MẶT CẮT B

SECTION B



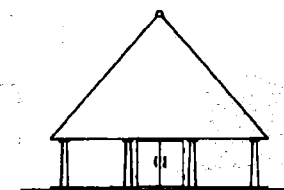
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



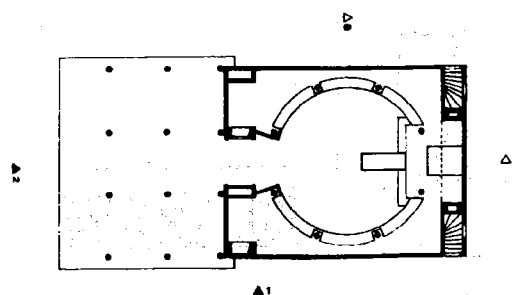
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



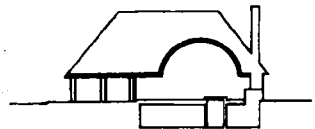
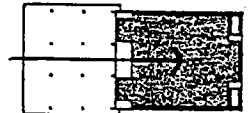
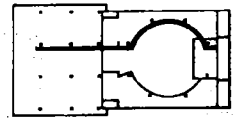
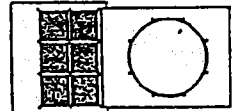
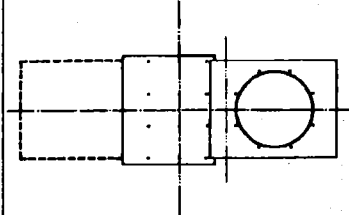
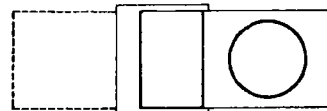
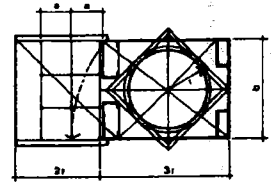
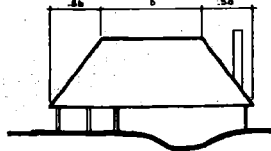
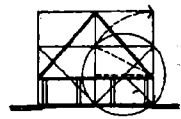
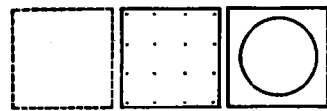
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 LƯU TUYẾN ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KĨ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



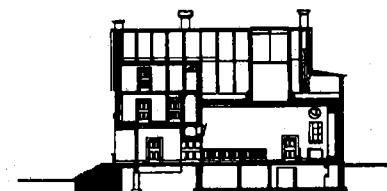
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ERIK GUNNAR ASPLUND

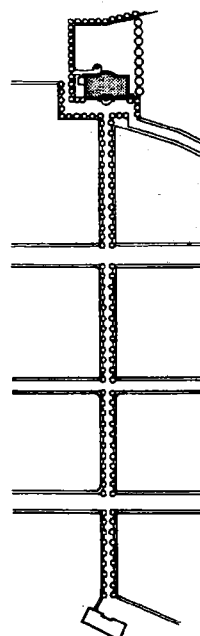
TOÀ ÁN LISTER
SOLVESBORG, THỤY ĐIỂN
1917 - 1921

LISTER COUNTY COURTHOUSE
SOLVESBORG, SWEDEN
1917 - 1921



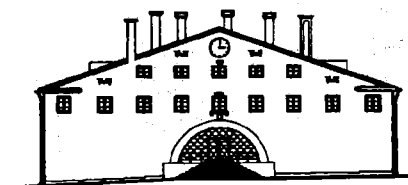
MẶT CẮT A

SECTION A



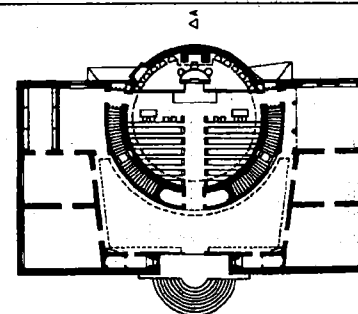
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



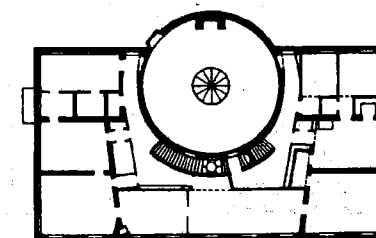
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



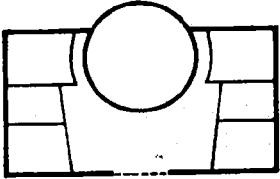
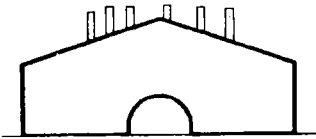
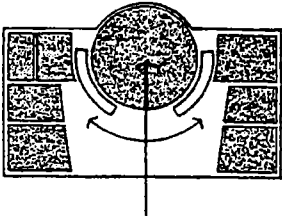
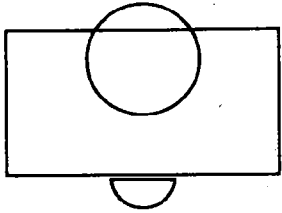
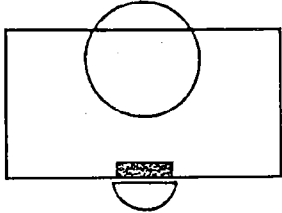
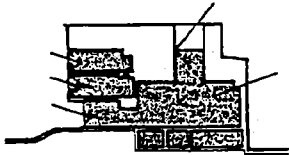
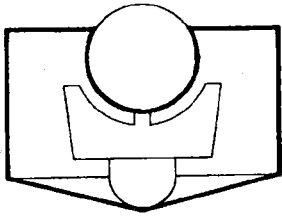
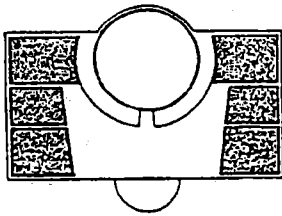
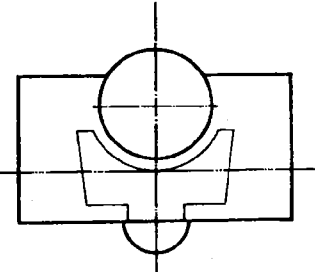
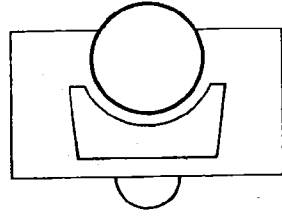
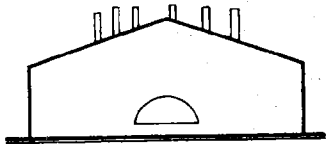
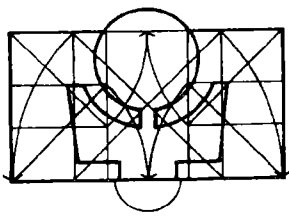
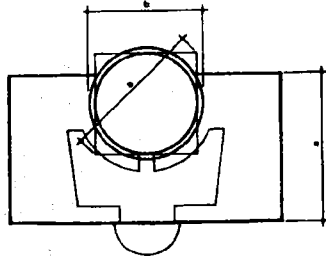
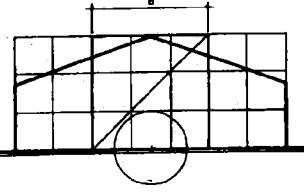
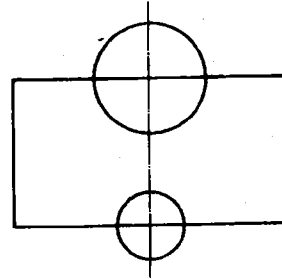
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



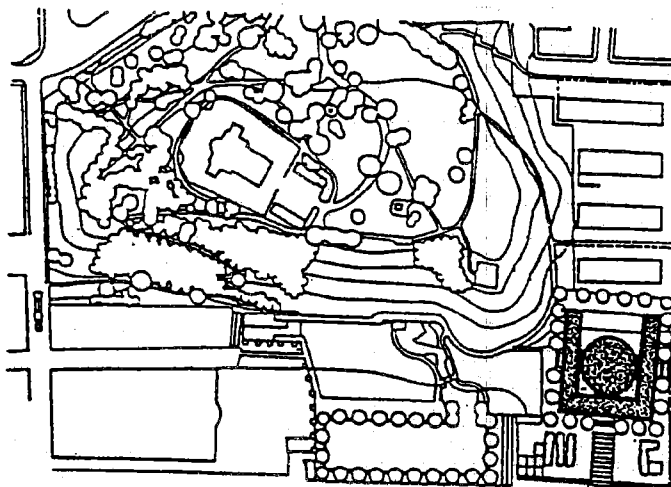
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

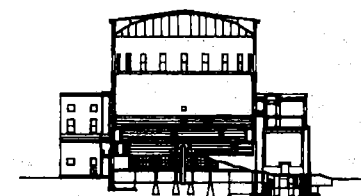
ERIK GUNNAR ASPLUND

THƯ VIỆN CÔNG CỘNG STOCKHOLM
STOCKHOLM, THỤY ĐIỂN
1920 - 1928

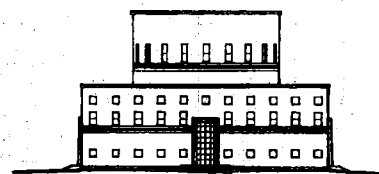
STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
STOCKHOLM, SWEDEN
1920 - 1928



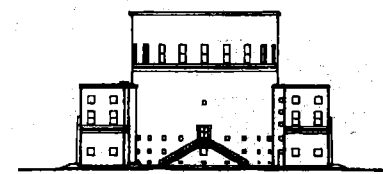
TỔNG MẶT BẰNG SITE PLAN



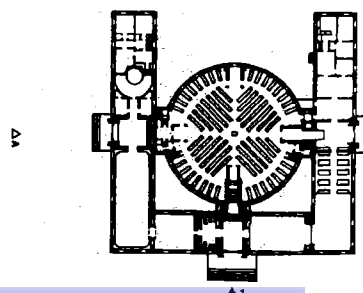
MẶT CẮT A SECTION A



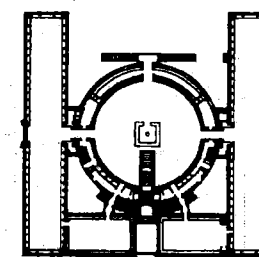
MẶT ĐŨNG 1 ELEVATION 1



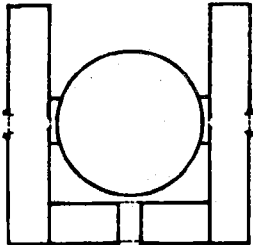
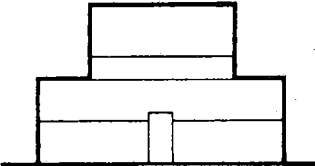
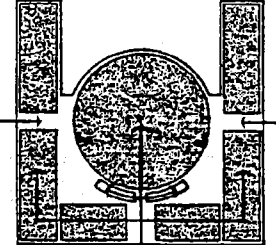
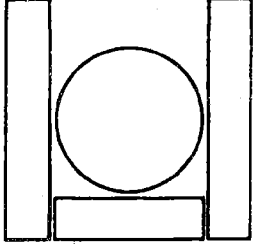
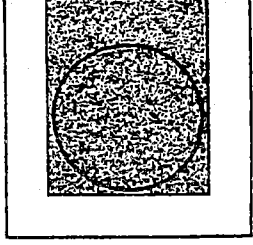
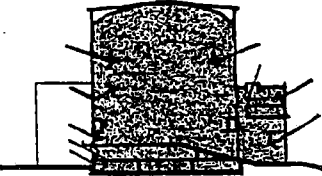
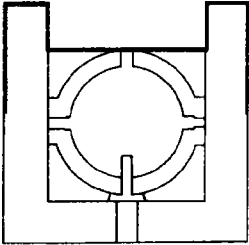
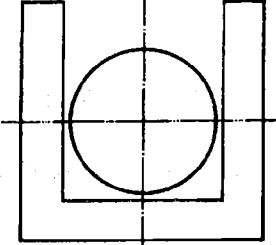
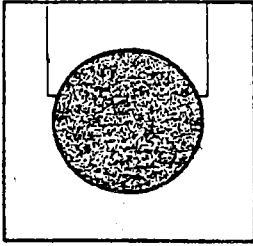
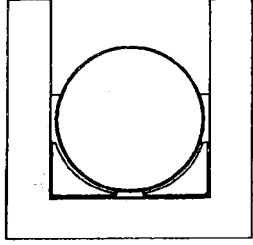
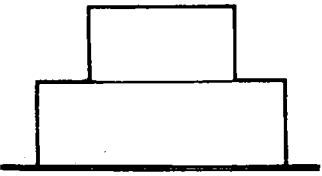
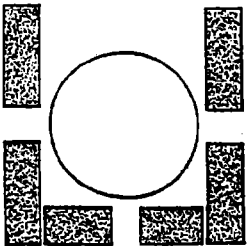
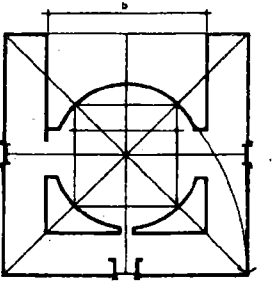
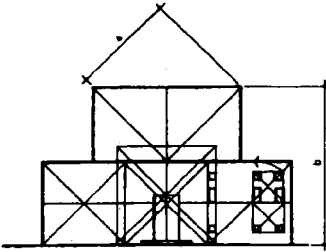
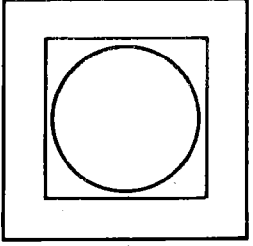
MẶT ĐŨNG 2 ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG TRỆT LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

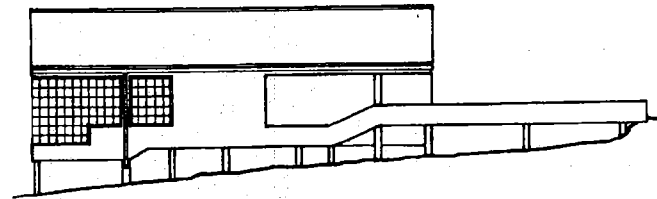
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PETER Q. BOHLIN

BOHLIN AND POWELL (PETER BOHLIN)

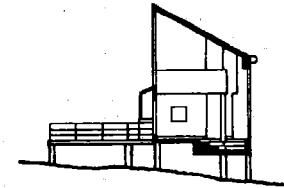
NHÀ Ở CUỐI TUẦN CỦA ERIC Q. BOHLIN
WEST CORNWALL, CONNECTICUT
1973 - 1975

WEEKEND RESIDENCE FOR ERIC Q. BOHLIN
WEST CORNWALL, CONNECTICUT
1973 - 1975



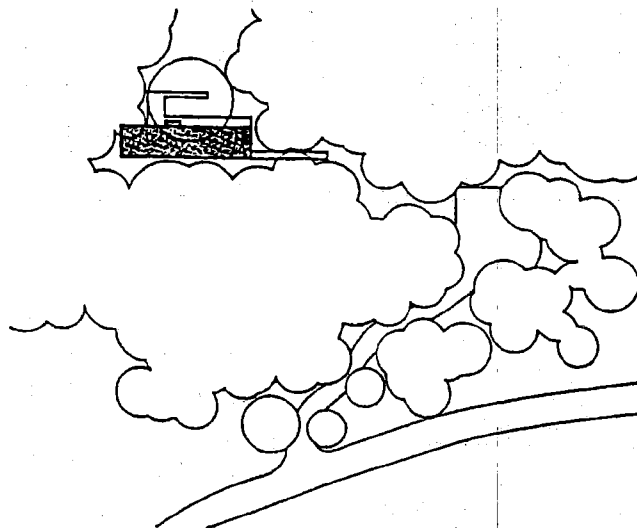
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



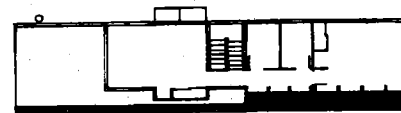
MẶT CẮT A

SECTION A



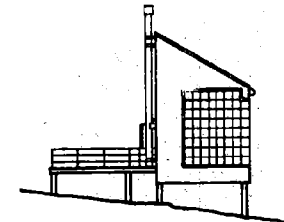
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



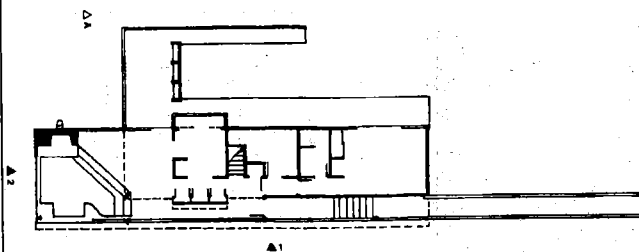
MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

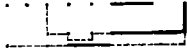
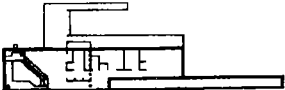
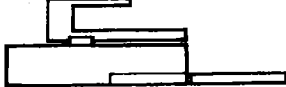
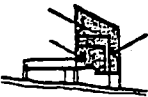
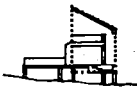
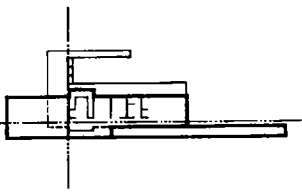
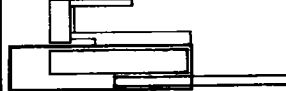
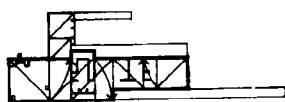


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH / MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BOHLIN CYWINSKI JACKSON (PETER BOHLIN)

NHÀ Ở GAFFNEY
ROMANSVILLE, PENNSYLVANIA
1977 - 1980

GAFFNEY RESIDENCE
ROMANSVILLE, PENNSYLVANIA
1977 - 1980



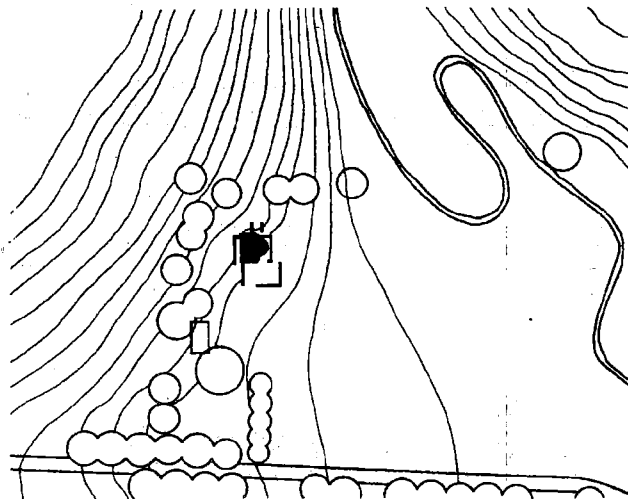
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



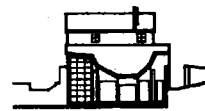
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



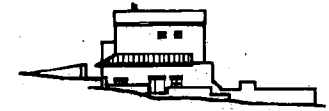
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



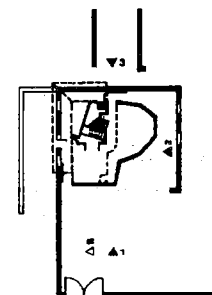
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



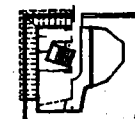
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3

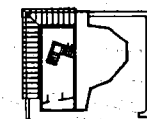


MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN

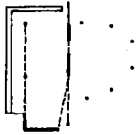
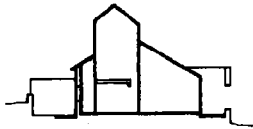
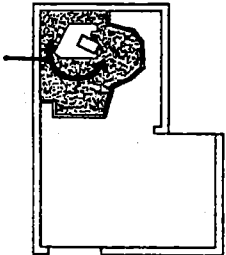
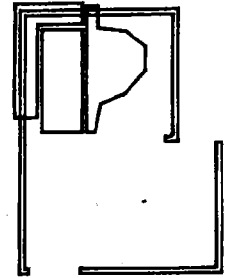
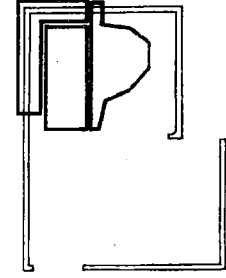
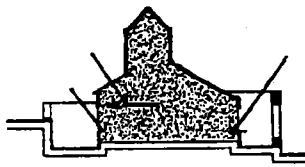
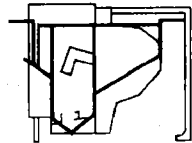
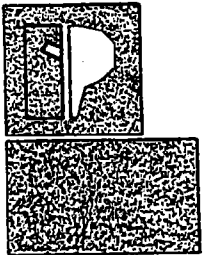
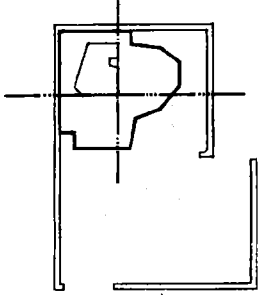
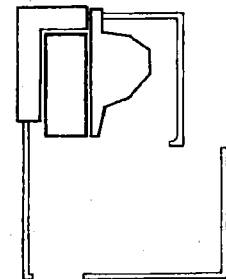
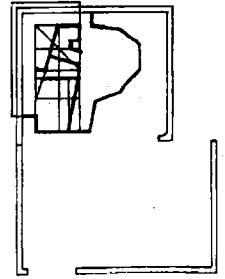
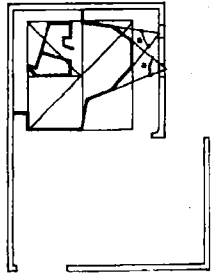
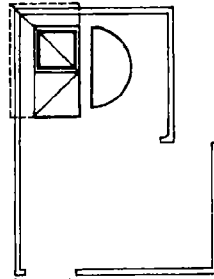


MẶT BẰNG TẦNG GIỮA
MIDDLE FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING				 CẦU ĐÓ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BOHLIN CYWINSKI JACKSON (PETER BOHLIN)

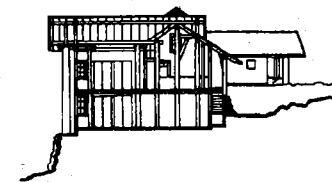
NGÔI NHÀ Ở ADIRONDACKS
CHÂU NEW YORK
1987 - 1992

HOUSE IN THE ADIRONDACKS
NEW YORK STATE
1987 - 1992



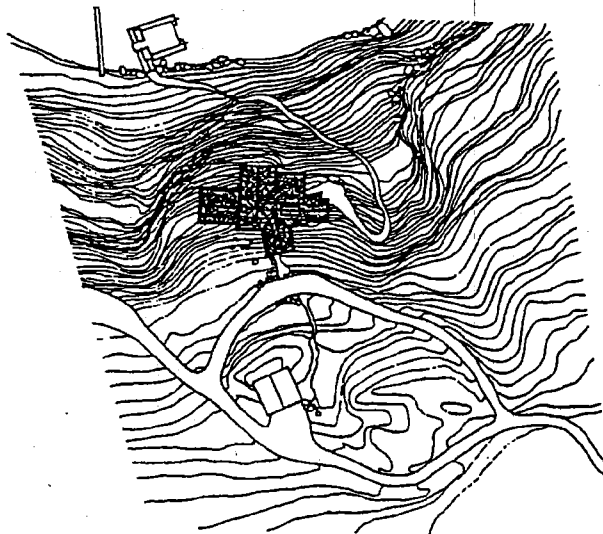
MẶT CẮT A

SECTION A



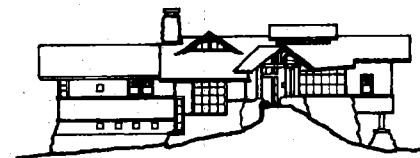
MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



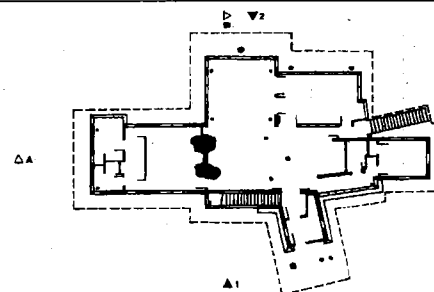
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



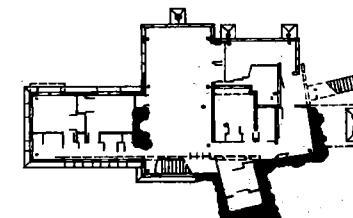
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



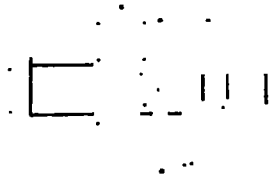
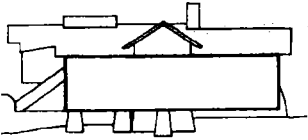
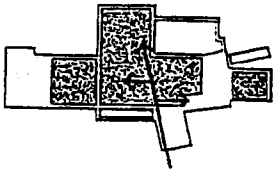
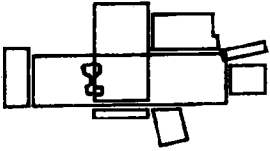
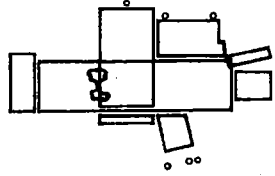
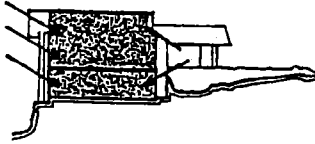
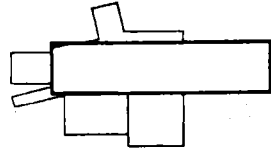
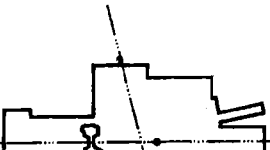
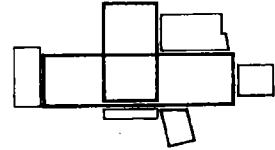
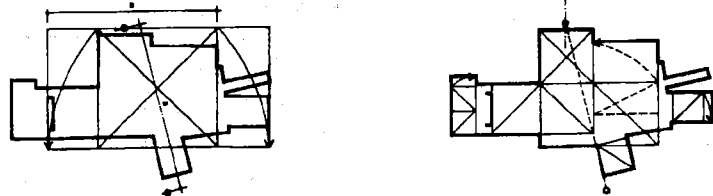
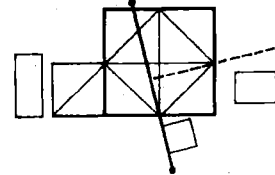
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG MỘT

LOWER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BOHLIN CYWINSKI JACKSON/JAMES CUTLER
ARCHITECTS (PETER BOHLIN)

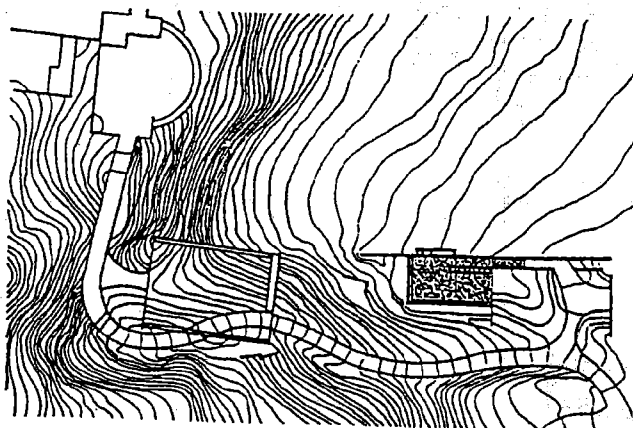
NHÀ Ở GATES
MEDINA, WASHINGTON
1990 - 1993

GATES RESIDENCE
MEDINA, WASHINGTON
1990 - 1993



MẶT CẮT A

SECTION A



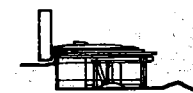
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



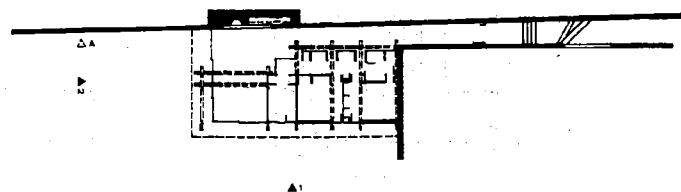
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



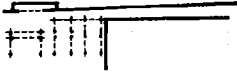
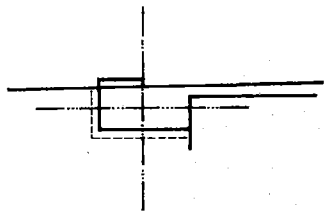
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

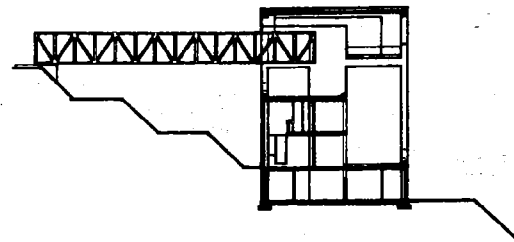
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MARIO BOTTA

MARIO BOTTA

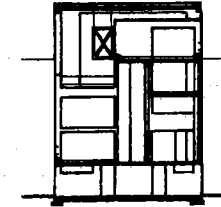
NHÀ Ở ĐỘC HỘ (NHÀ Ở BIANCHI)
RIVA SAN VITALE, THỤY SĨ
1971 - 1973

SINGLE FAMILY RESIDENCE (BIANCHI RESIDENCE)
RIVA SAN VITALE, SWITZERLAND
1971 - 1973



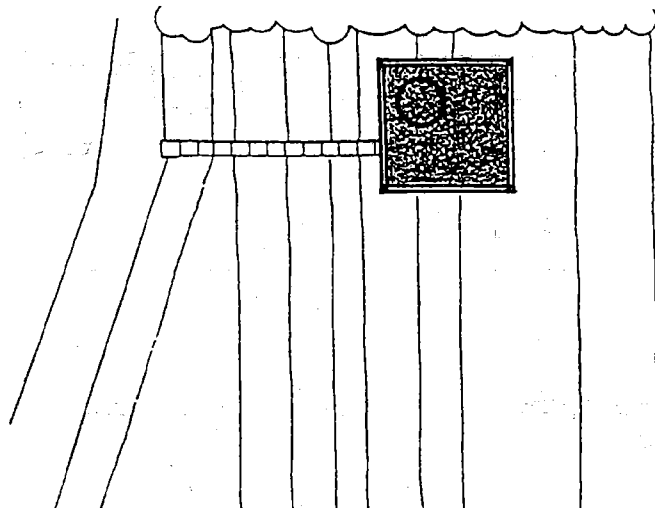
MẶT CẮT A

SECTION A



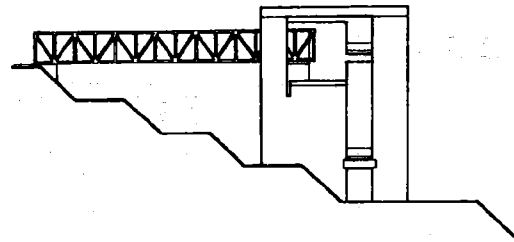
MẶT CẮT B

SECTION B



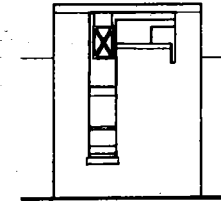
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



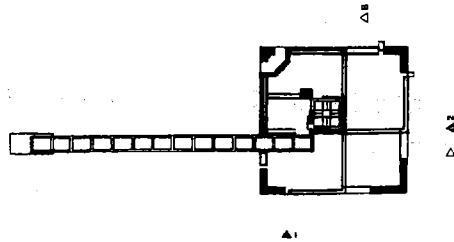
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



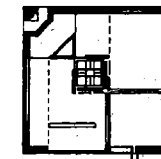
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



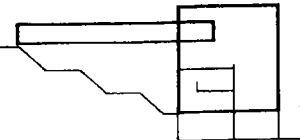
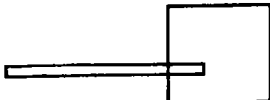
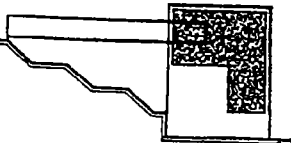
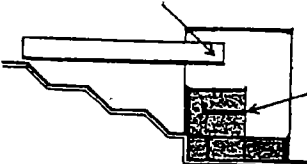
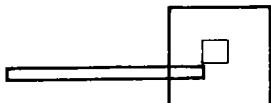
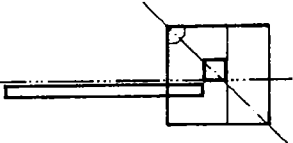
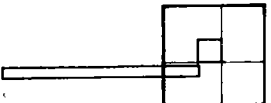
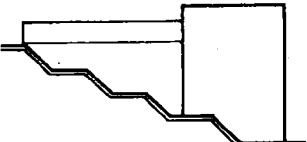
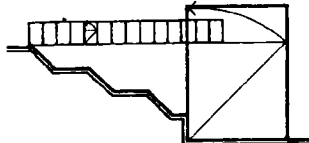
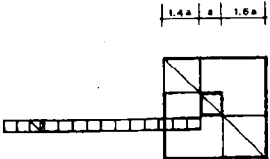
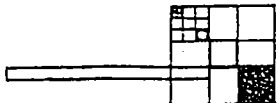
MẶT BẰNG TẦNG Mái

TOP FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



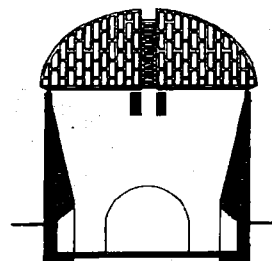
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MARIO BOTTA

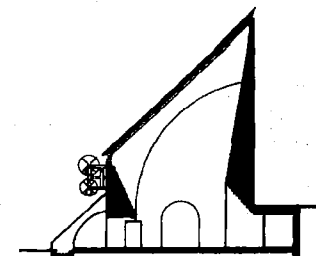
NHÀ THỜ SAN GIOVANNI BATTISTA
MOGNO, TICINO, THỤY SĨ
1986 - 1995

CHURCH OF SAN GIOVANNI BATTISTA
(SAINT JOHN THE BAPTIST)
MOGNO, TICINO, SWITZERLAND
1986 - 1995



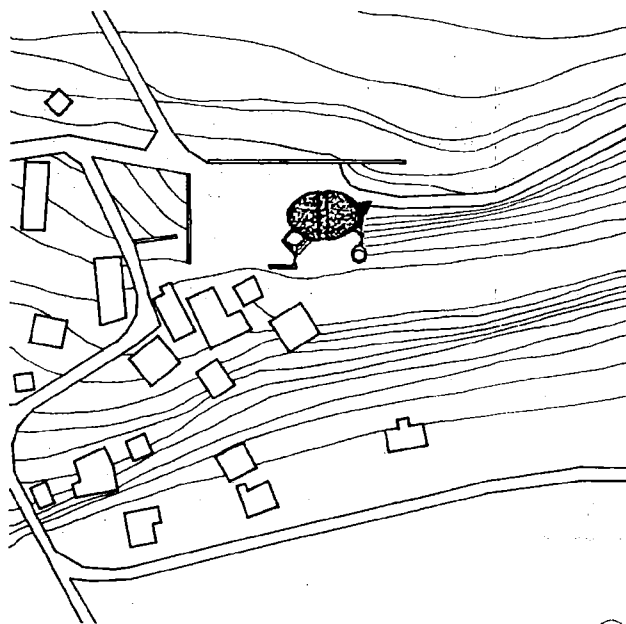
MẶT CẮT A

SECTION A



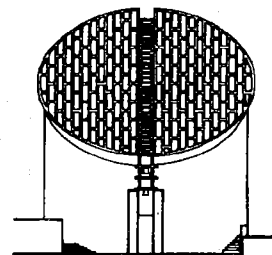
MẶT CẮT B

SECTION B



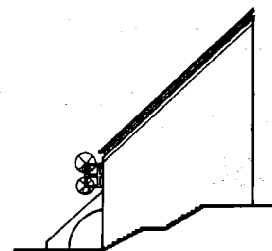
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



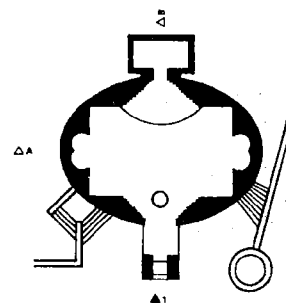
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



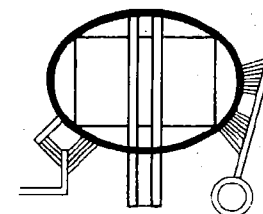
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



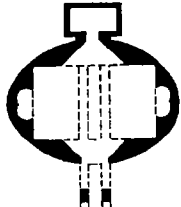
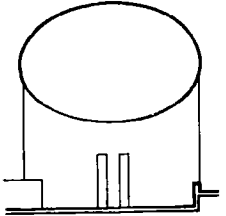
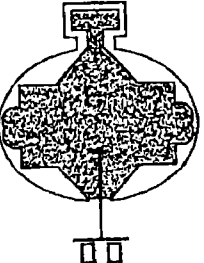
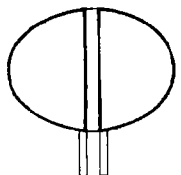
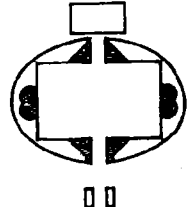
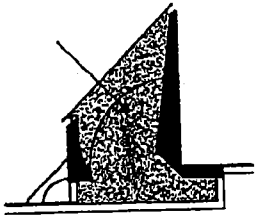
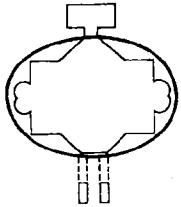
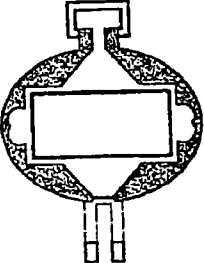
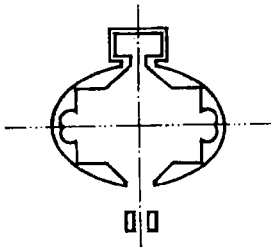
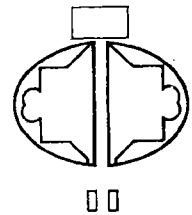
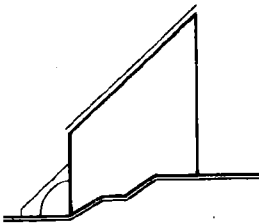
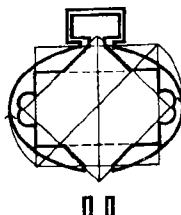
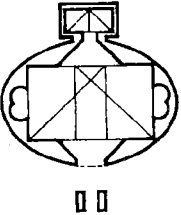
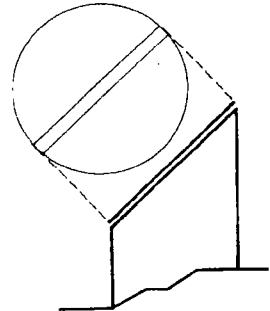
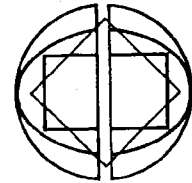
MẶT BẰNG

FLOOR PLAN



MẶT BẰNG KHÔNG CÓ MÁI

PLAN WITHOUT ROOF

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



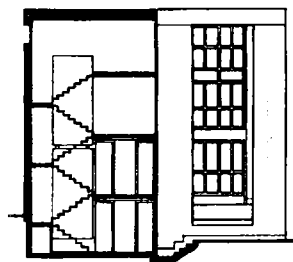
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MARIO BOTTA

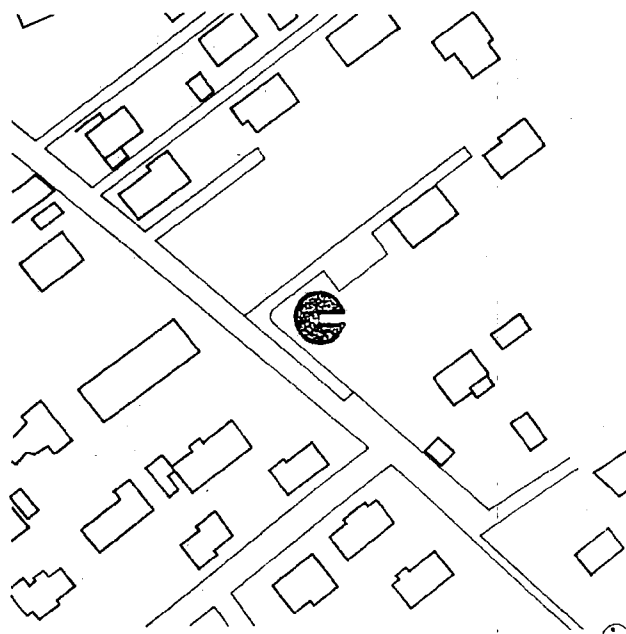
NHÀ Ở BIANDA
LOSONE, TICINO, THỤY SĨ
1987 - 1989

BIANDA RESIDENCE
LOSONE, TICINO, SWITZERLAND
1987 - 1989



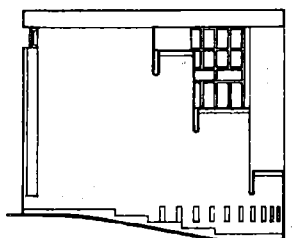
MẶT CẮT A

SECTION A



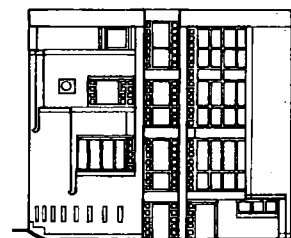
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



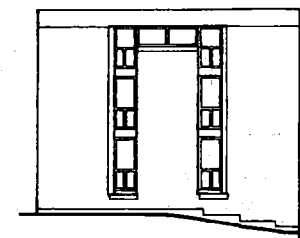
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



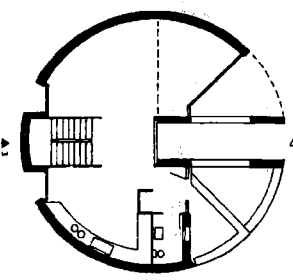
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



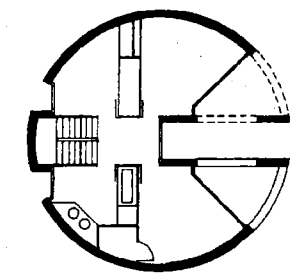
MẶT ĐÚNG 3

ELEVATION 3



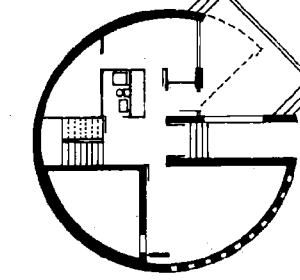
MẶT BẰNG TẦNG HAI

FIRST FLOOR



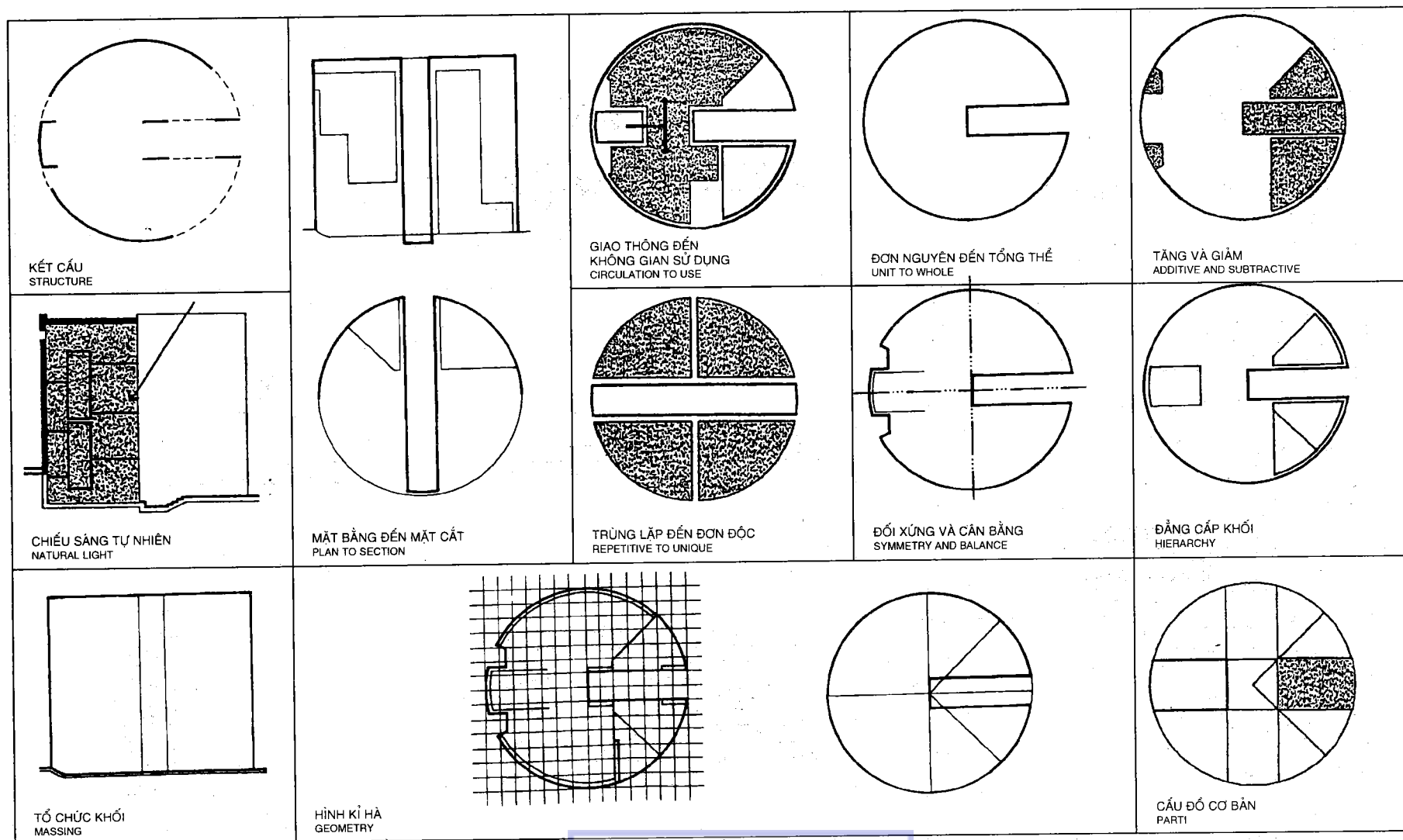
MẶT BẰNG TẦNG BA

SECOND FLOOR



MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

GROUND FLOOR



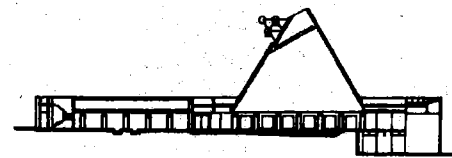
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MARIO BOTTA

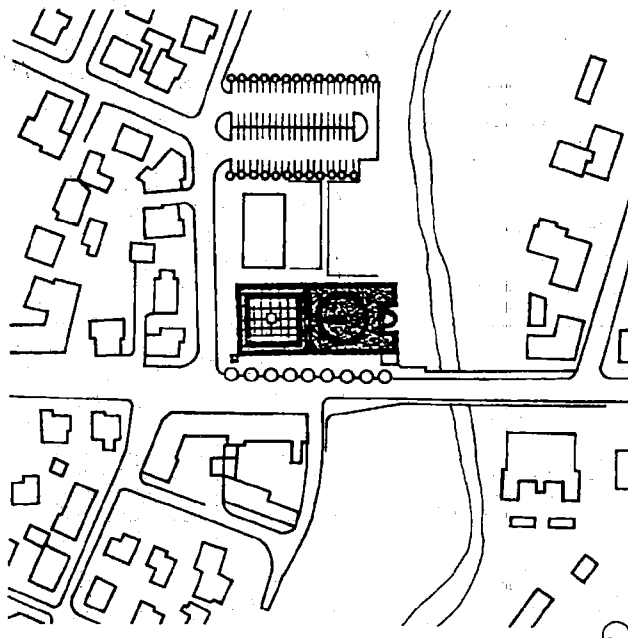
NHÀ THỜ BEATO ODORICO
PORDENONE, Ý
1987 - 1992

THE CHURCH OF BEATO ODORICO
PORDENONE, ITALY
1987 - 1992



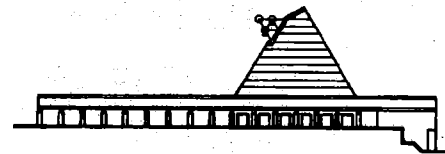
MẶT CẮT A

SECTION A



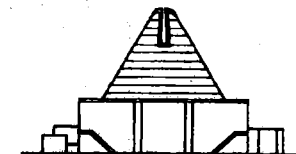
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



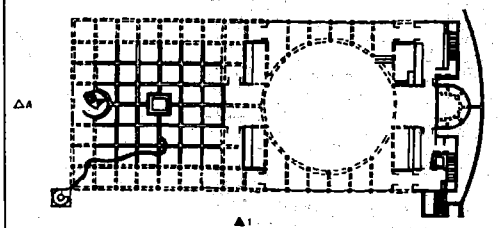
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



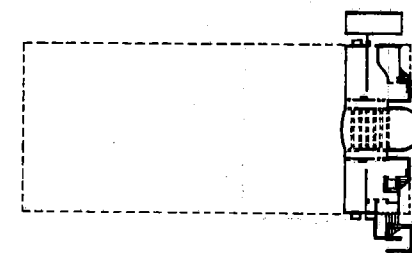
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



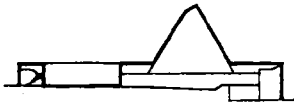
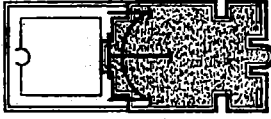
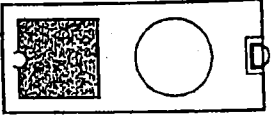
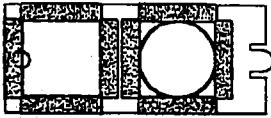
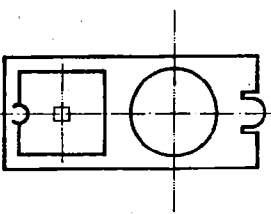
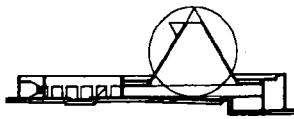
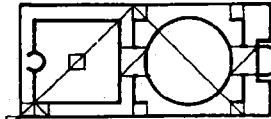
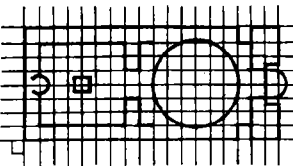
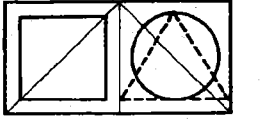
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

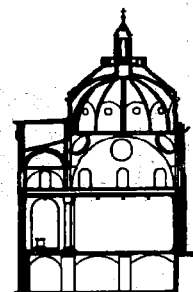
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FILIPPO BRUNELLESCHI

FILIPPO BRUNELLESCHI

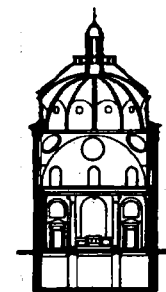
LỄ ĐƯỜNG
NHÀ THỜ THÁNH LORENZO
FLORENCE, Ý
1421 - 1440

OLD SACRISTY
CHURCH OF SAN LORENZO
FLORENCE, ITALY
1421 - 1440



MẶT CẮT A

SECTION A



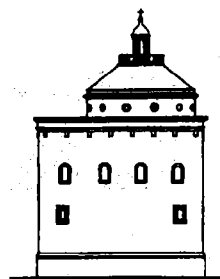
MẶT CẮT B

SECTION B



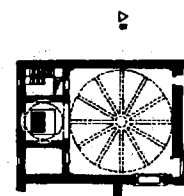
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

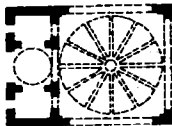
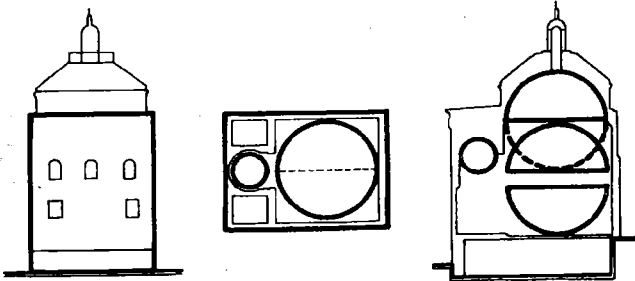
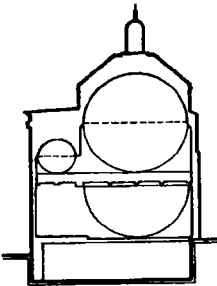
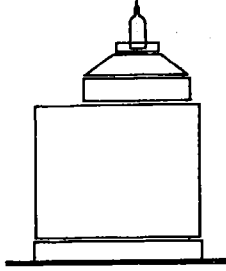
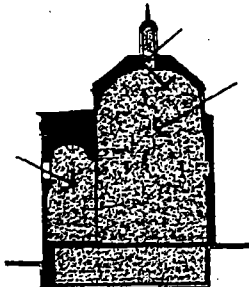
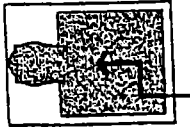
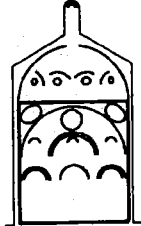
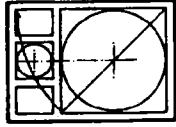
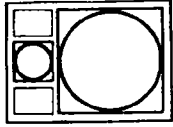
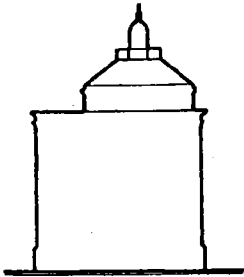
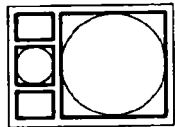
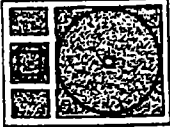
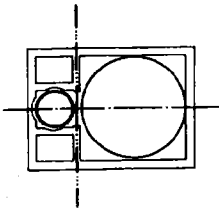


MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION			 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE		 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE



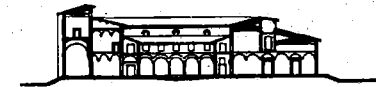
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FILIPPO BRUNELLESCHI

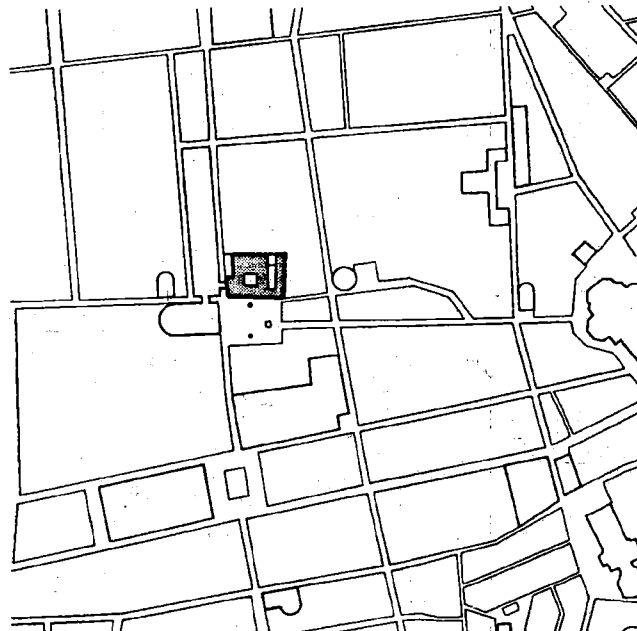
CÔ NHI VIỆN
FLORENCE, Ý
1421 - 1445

OSPEDALE DEGLI INNOCENTI
FLORENCE, ITALY
1421 - 1445



MẶT CẮT A

SECTION A



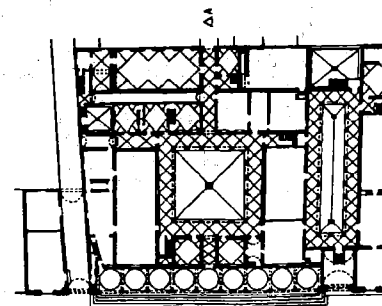
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

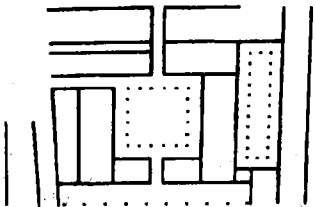
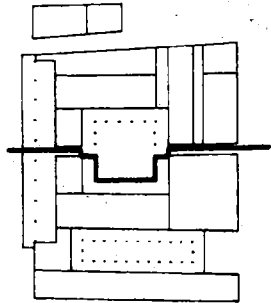
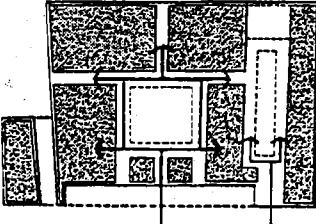
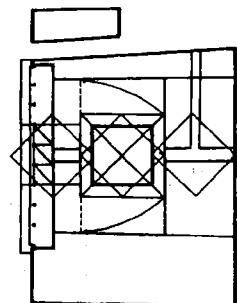
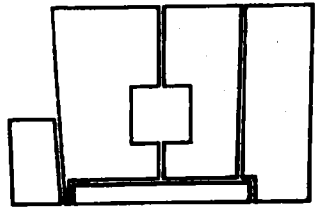
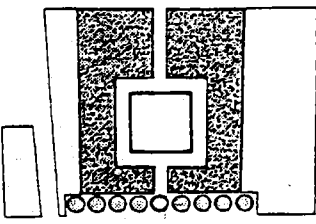
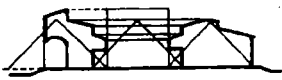
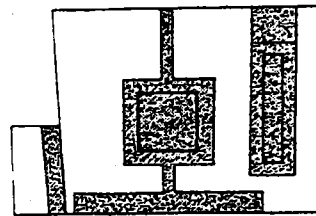
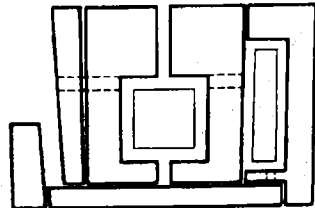
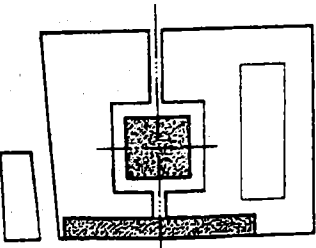
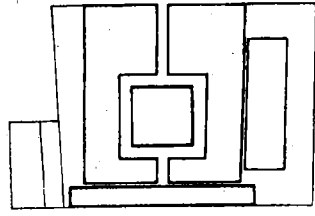
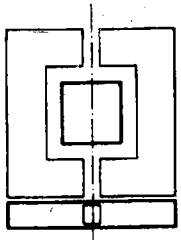


MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



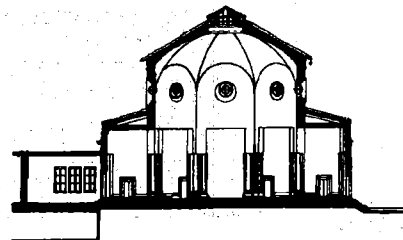
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FILIPPO BRUNELLESCHI

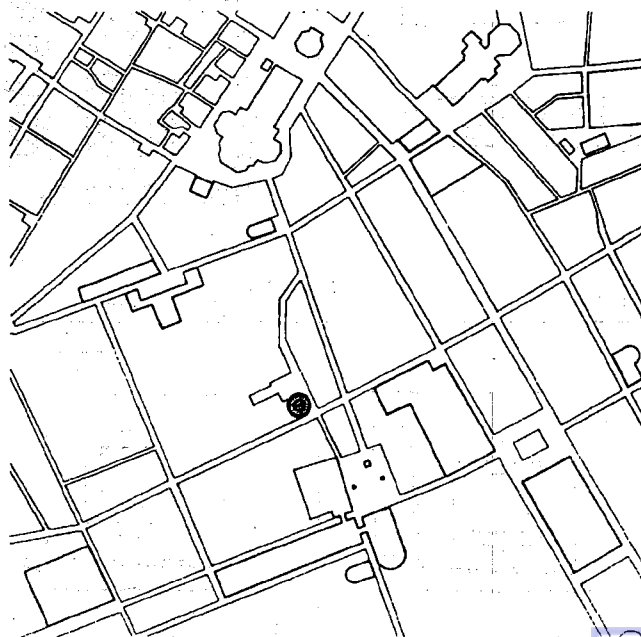
NHÀ THỜ THÁNH MARIA
FLORENCE, Ý
1434 - 1436

CHURCH OF SAN MARIA DEGLI ANGELI
FLORENCE, ITALY
1434 - 1436



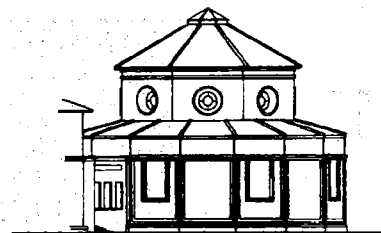
MẶT CẮT A

SECTION A



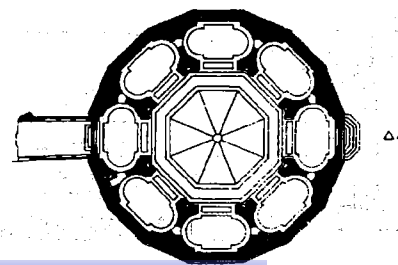
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



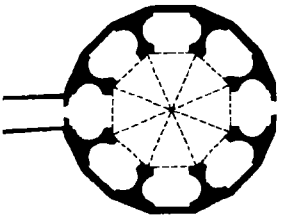
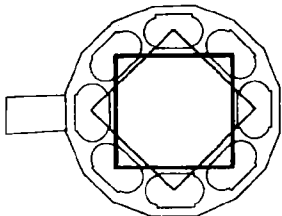
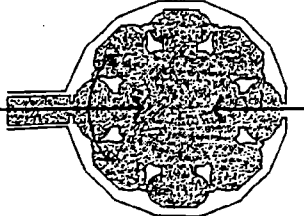
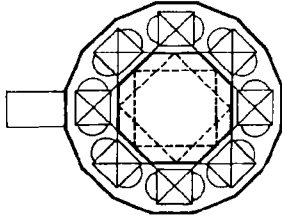
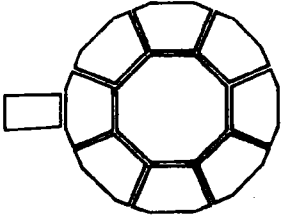
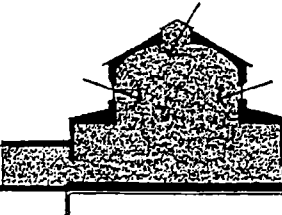
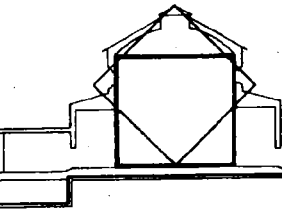
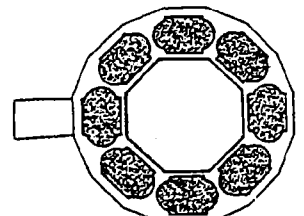
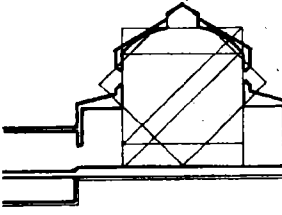
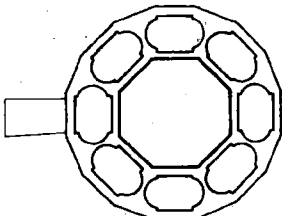
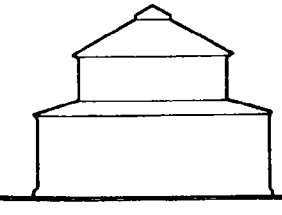
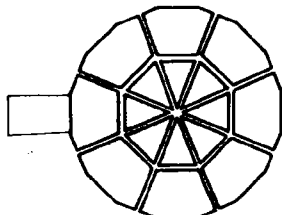
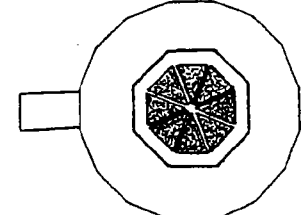
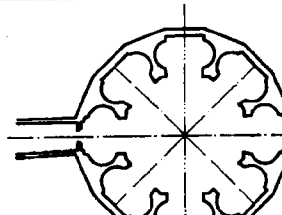
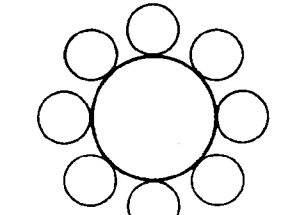
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



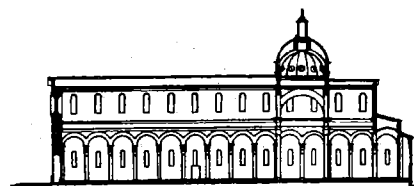
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FILIPPO BRUNELLESCHI

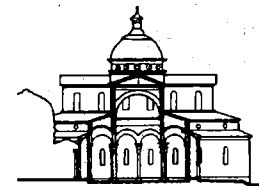
NHÀ THỜ THÁNH SPIRITO
FLORENCE, Ý
(Begun) 1434

CHURCH OF SAN SPIRITO
FLORENCE, ITALY
(Begun) 1434



MẶT CẮT A

SECTION A



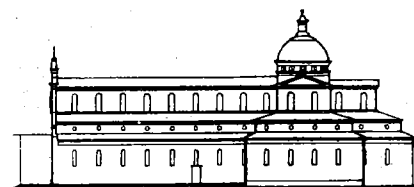
MẶT CẮT B

SECTION B



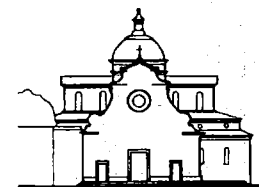
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



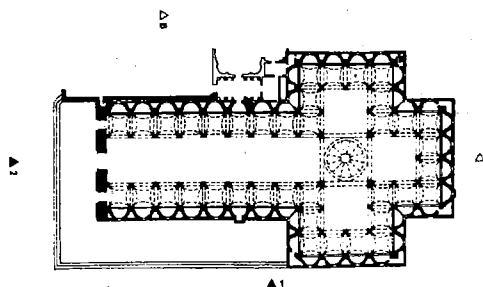
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

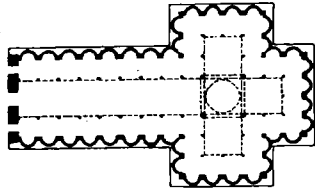
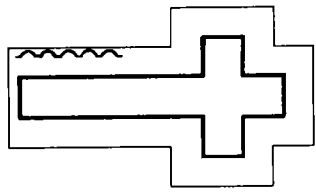
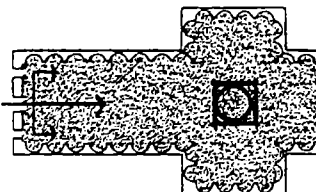
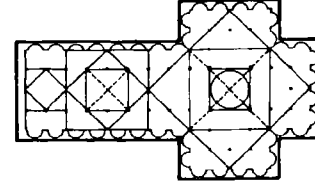
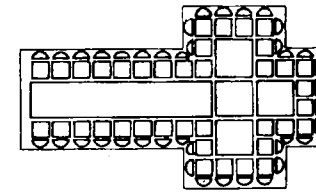
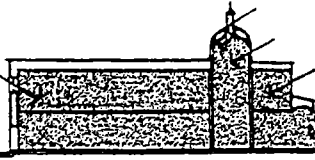
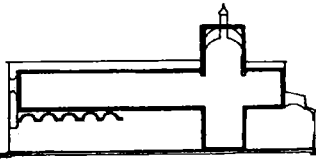
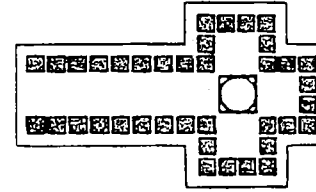
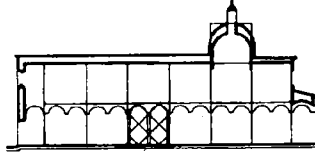
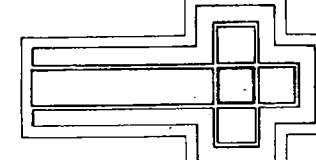
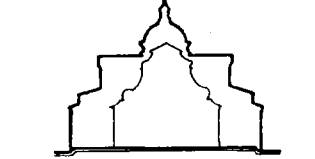
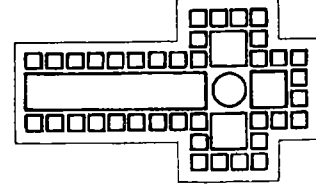
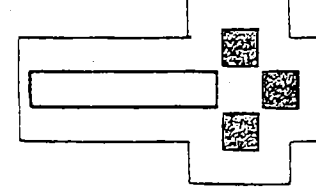
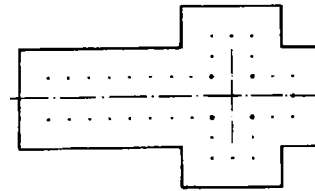
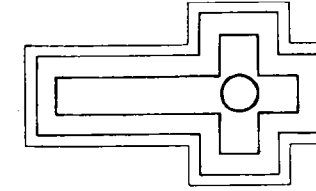


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐÓ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

SVERRE FEHN

SVERRE FEHN

BIỆT THỰ BUSK
BAMBLE, TELEMAR, NA UY
1990

VILLA BUSK
BAMBLE, TELEMAR, NORWAY
1990



MẶT CẮT A

SECTION A



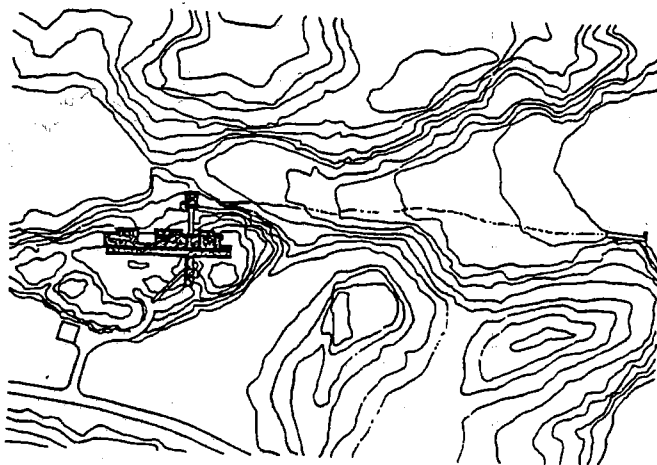
MẶT CẮT B

SECTION B



MẶT CẮT C

SECTION C



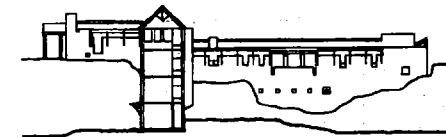
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



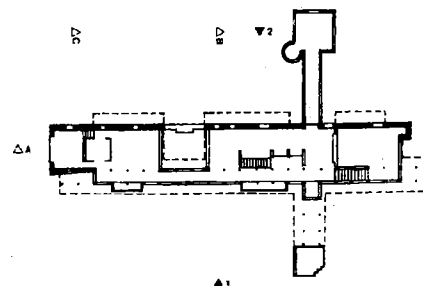
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

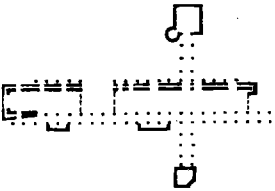
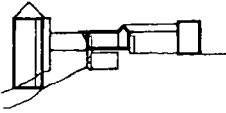
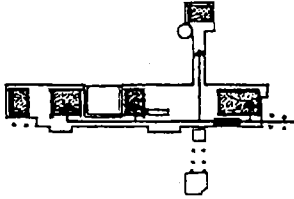
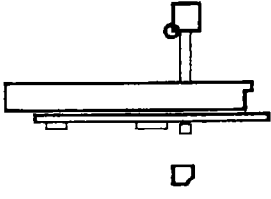
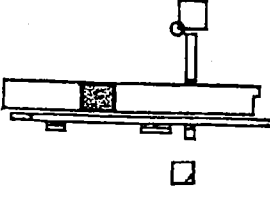
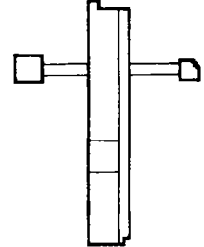
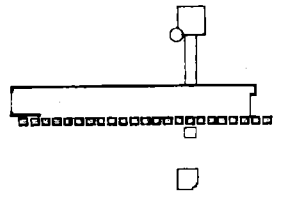
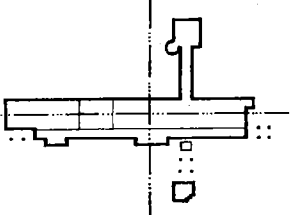
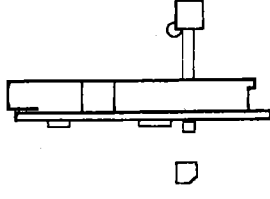
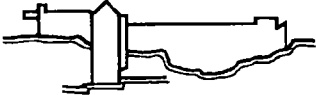
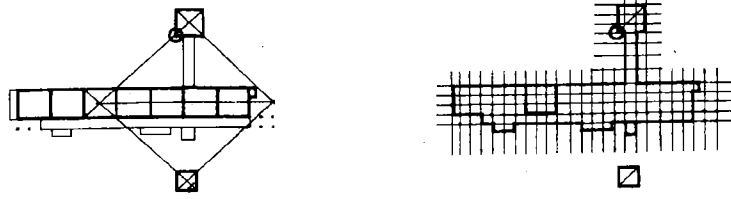
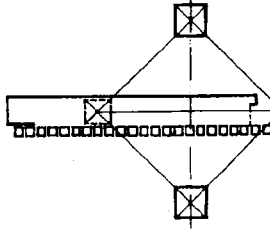


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



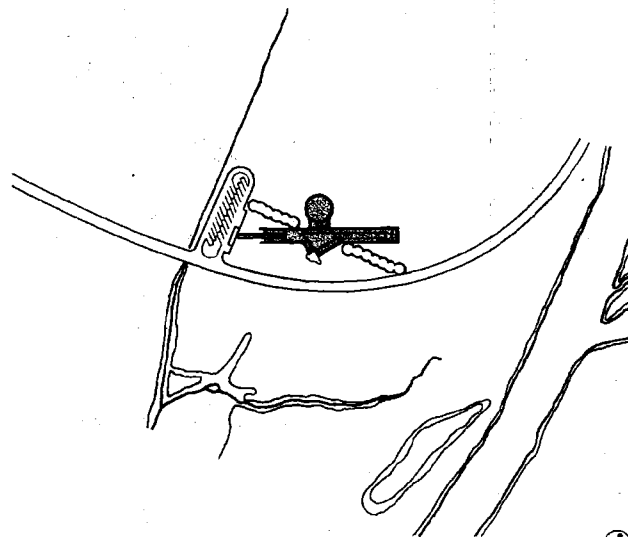
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

SVERRE FEHN

BẢO TÀNG GLACIER
FJAERLAND, BALESTRAND, NA UY
1991

THE GLACIER MUSEUM
FJAERLAND, BALESTRAND, NORWAY
1991



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



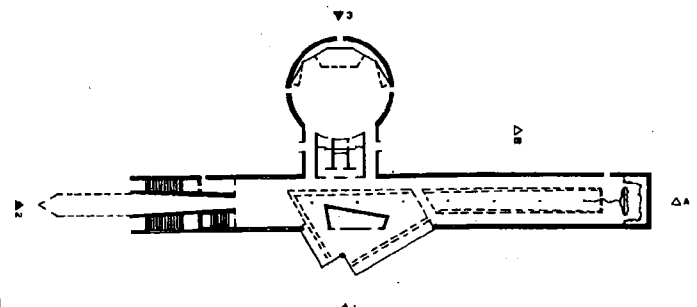
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3

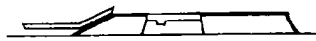
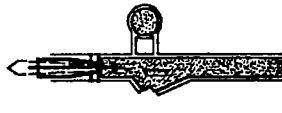
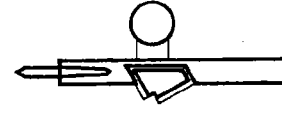
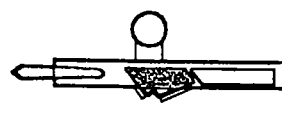
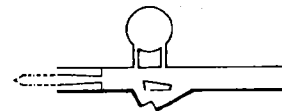
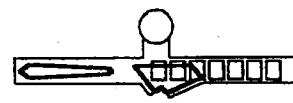
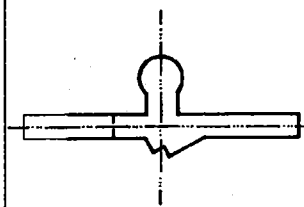
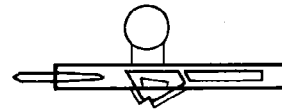
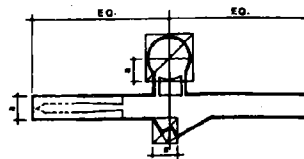
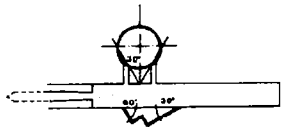
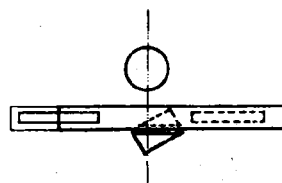


MẶT ĐỨNG 4

ELEVATION 4



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH - MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

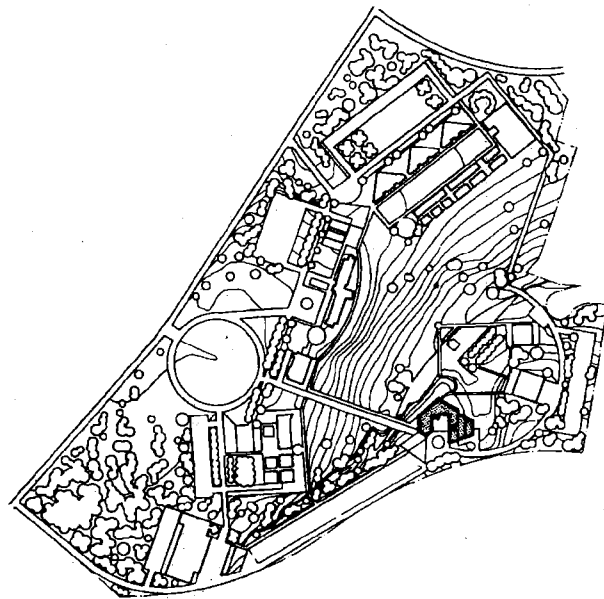
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROMALDO GIURGOLA

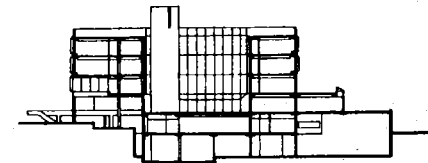
ROMALDO GIURGOLA

VIỆN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM
VỊ THÀNH NIÊN
BRYN MAWR, PENNSYLVANIA
1972

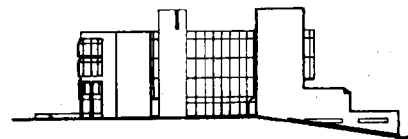
ADULT LEARNING RESEARCH LABORATORY
BRYN MAWR, PENNSYLVANIA
1972



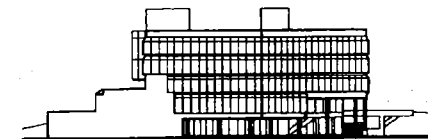
TỔNG MẶT BẰNG SITE PLAN



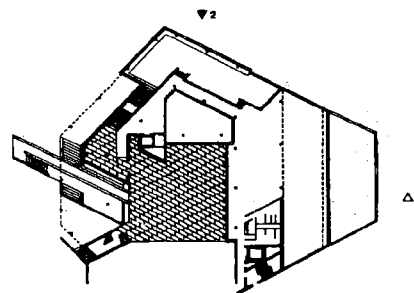
MẶT CẮT A SECTION A



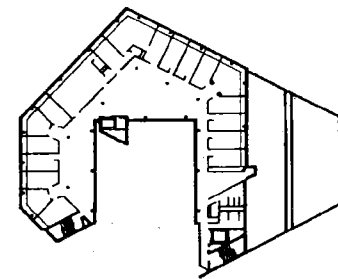
MẶT ĐỨNG 1 ELEVATION 1



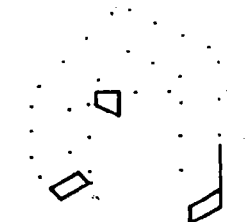
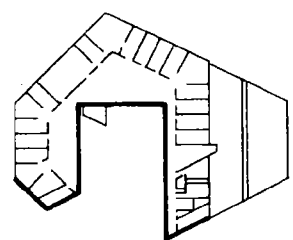
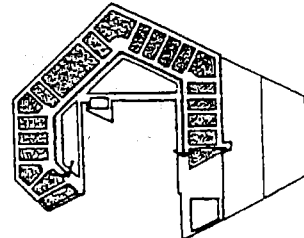
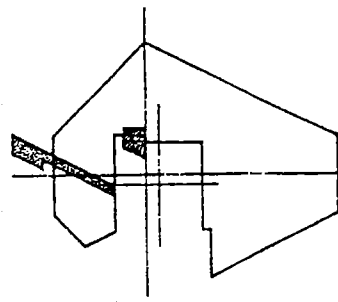
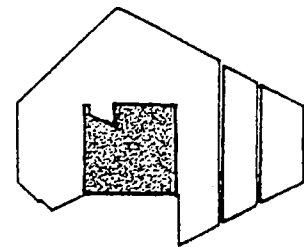
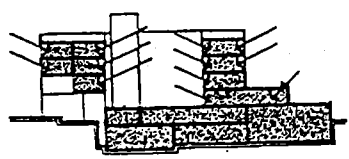
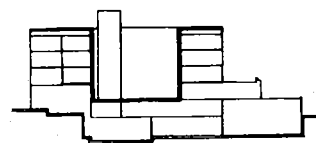
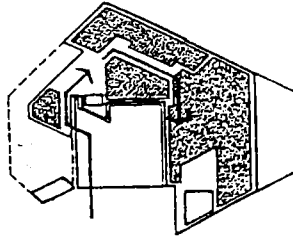
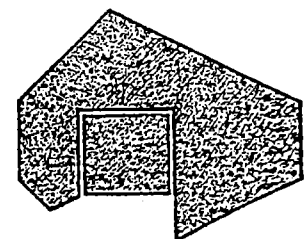
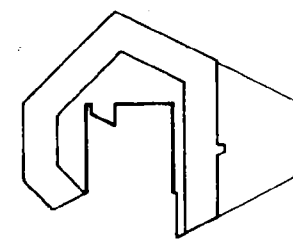
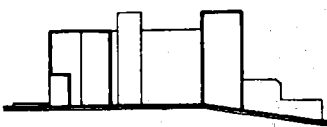
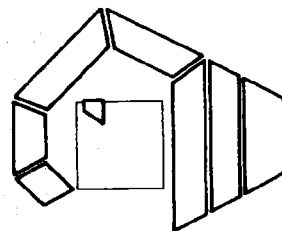
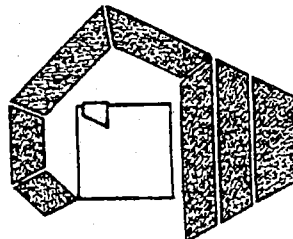
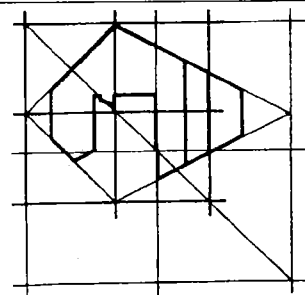
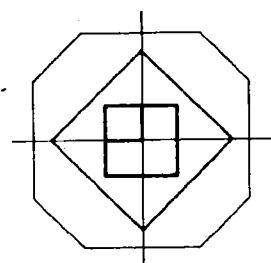
MẶT ĐỨNG 2 ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG HẦM LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE				 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỶ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROMALDO GIURGOLA

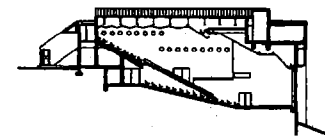
TRUNG TÂM ÂM NHẠC LANG
HỌC VIỆN SWARTHMORE
SWARTHMORE, PENNSYLVANIA
1973

LANG MUSIC BUILDING
SWARTHMORE COLLEGE
SWARTHMORE, PENNSYLVANIA
1973



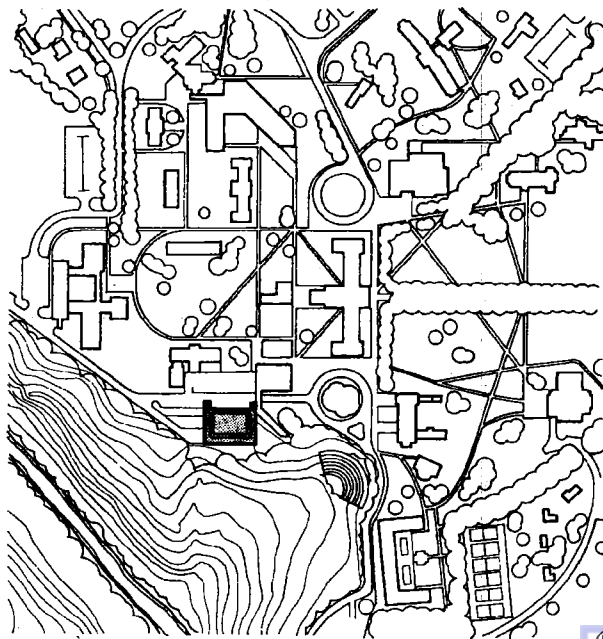
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



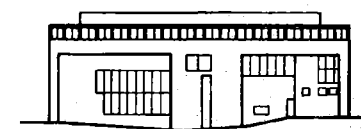
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



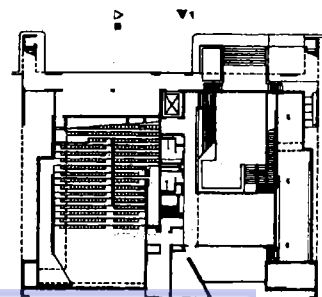
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



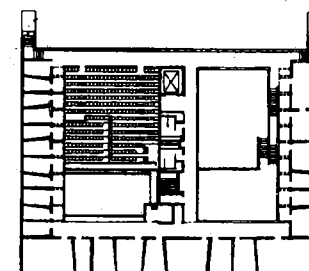
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



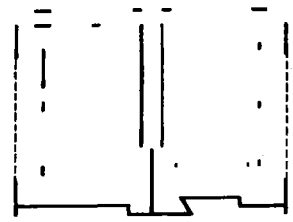
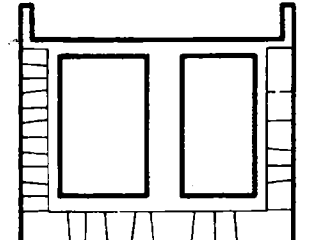
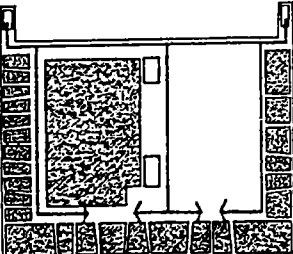
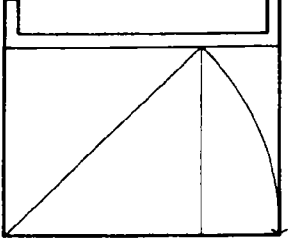
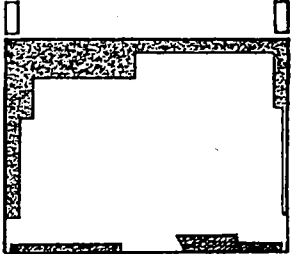
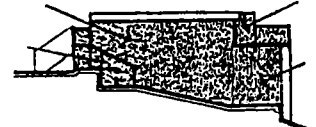
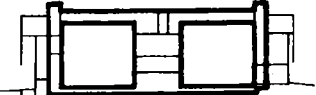
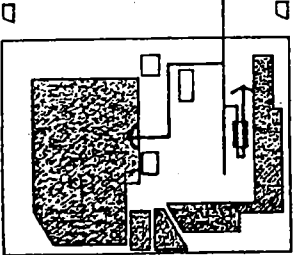
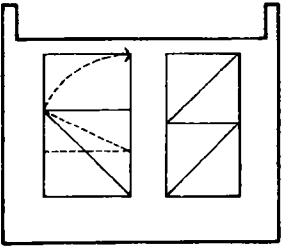
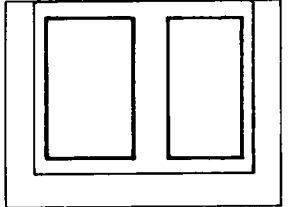
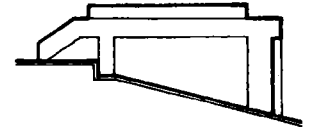
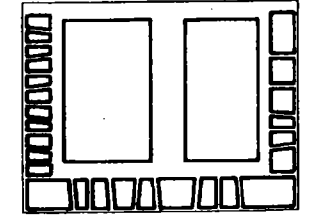
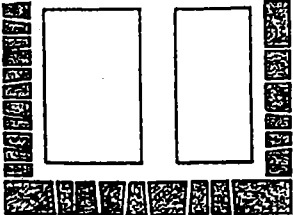
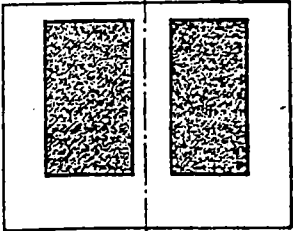
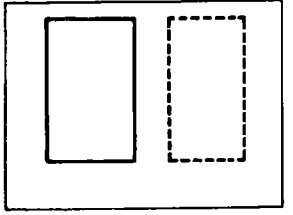
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE				 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROMALDO GIURGOLA

CẦU LẠC BỘ SINH VIÊN
ĐẠI HỌC NEW YORK
PLATTSBURGH, NEW YORK
1974

STUDENT UNION
STATE UNIVERSITY COLLEGE OF NEW YORK
PLATTSBURGH, NEW YORK
1974



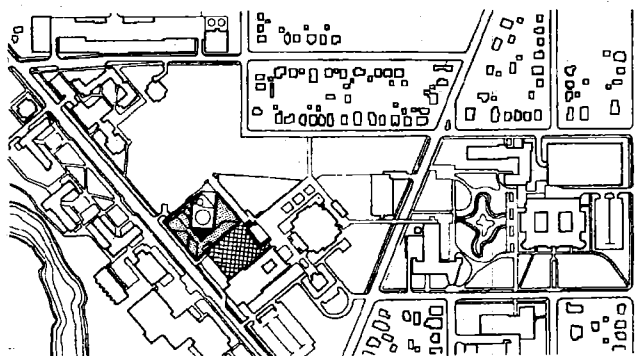
MẶT CẮT A

SECTION A



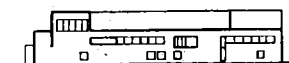
MẶT CẮT B

SECTION B



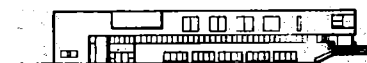
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



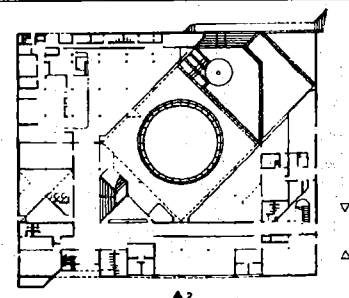
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



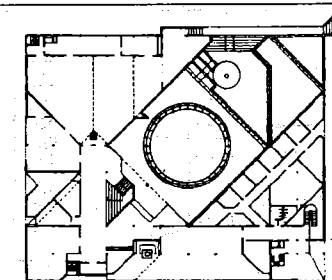
MẶT ĐŨNG 2

ELEVATION 2



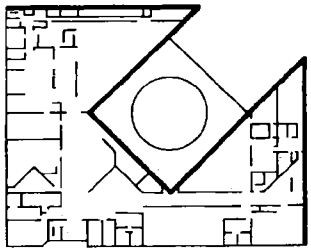
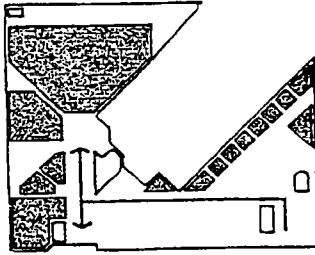
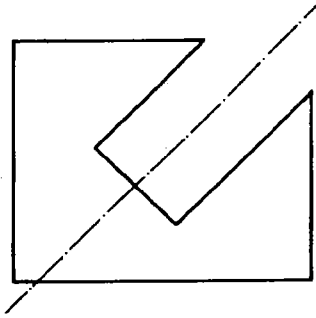
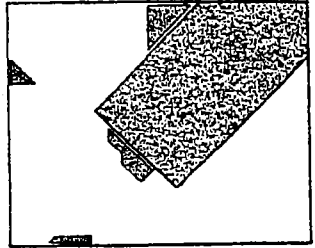
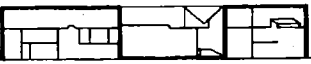
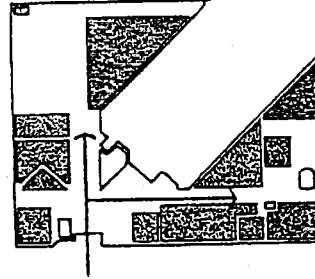
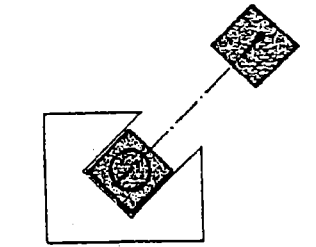
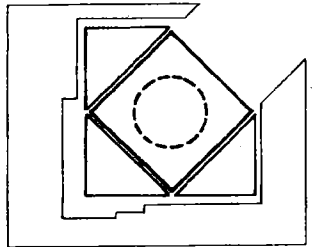
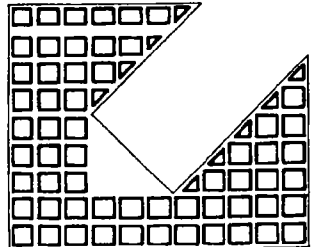
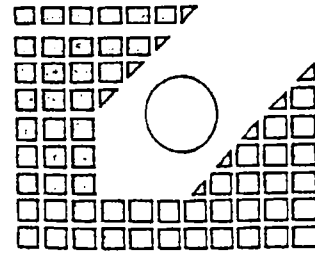
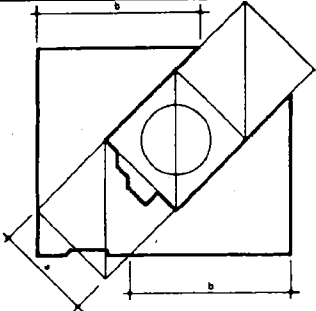
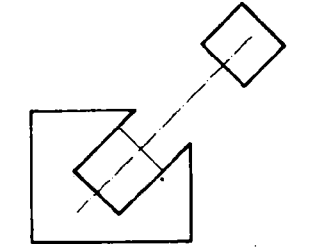
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



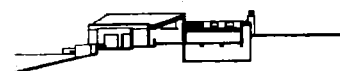
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROMALDO GIURGOLA

THƯ VIỆN CÔNG CỘNG TREDYFFRIN
STRATFORD, PENNSYLVANIA
1976

TREDYFFRIN PUBLIC LIBRARY
STRATFORD, PENNSYLVANIA
1976



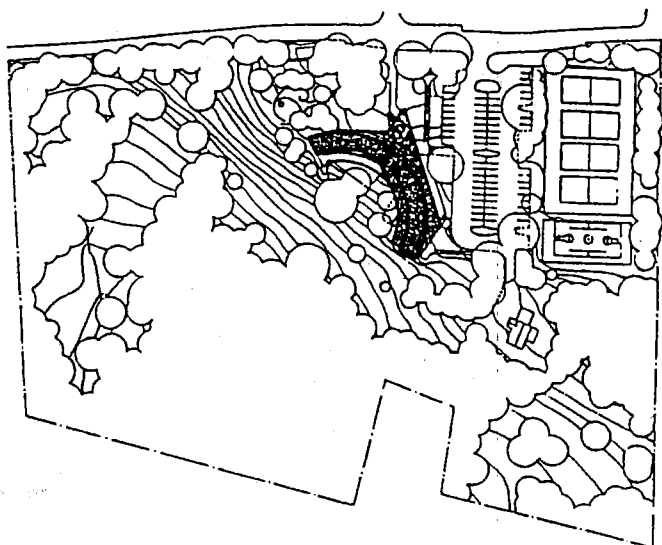
MẶT CẮT A

SECTION A



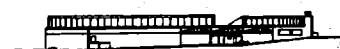
MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



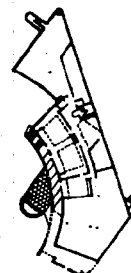
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



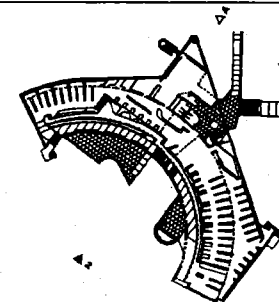
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



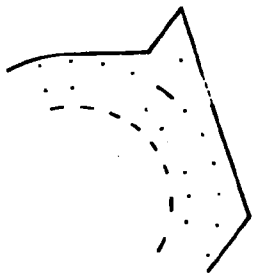
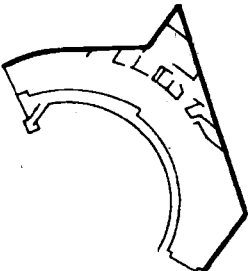
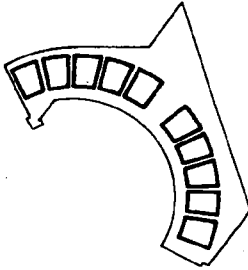
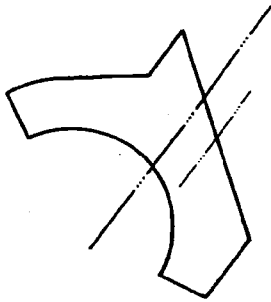
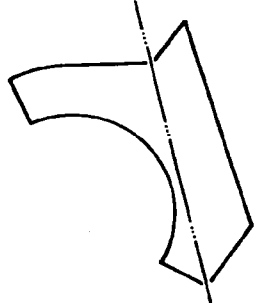
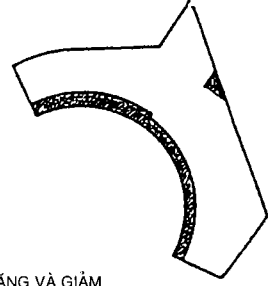
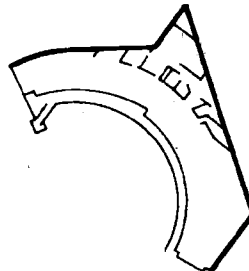
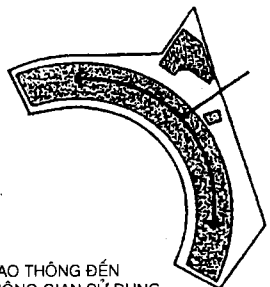
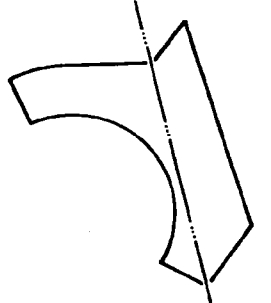
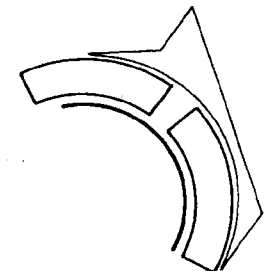
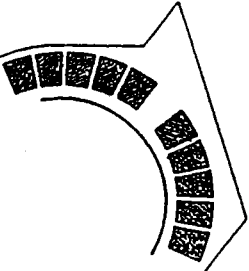
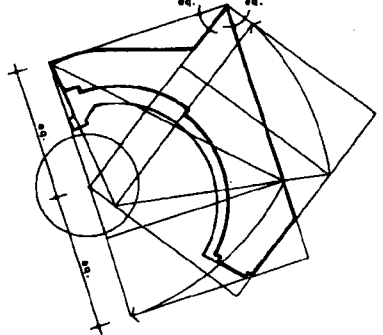
MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	  MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	  ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

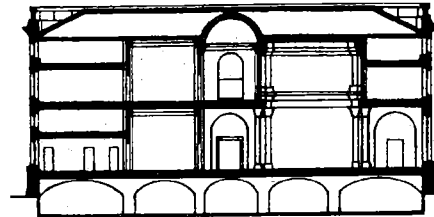
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

NICHOLAS HAWKSMOOR

NICHOLAS HAWKSMOOR

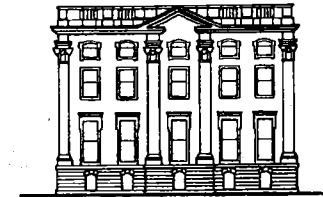
LÂU ĐÀI EASTON NESTON
NORTHAMPTONSHIRE, ANH
khoảng 1695 - 1710

EASTON NESTON
NORTHAMPTONSHIRE, ENGLAND
c1695 - 1710



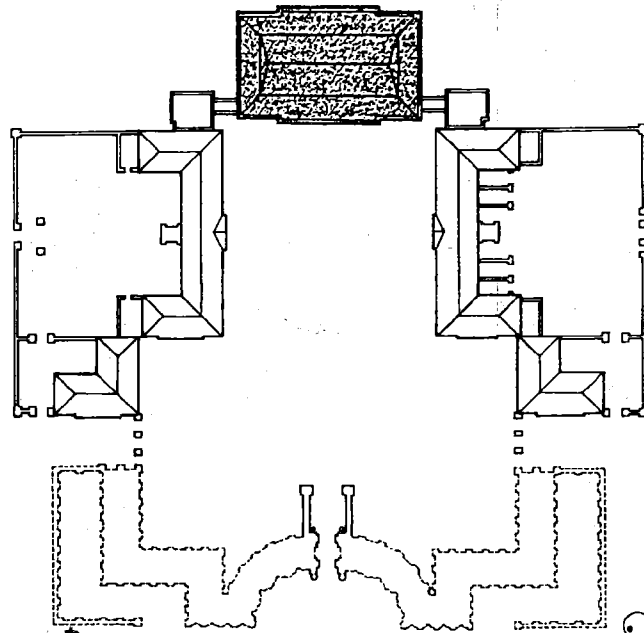
MẶT CẮT A

SECTION A



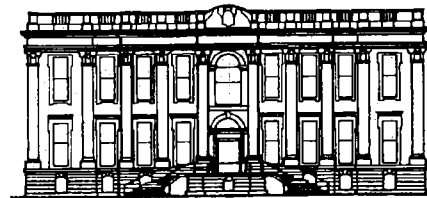
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



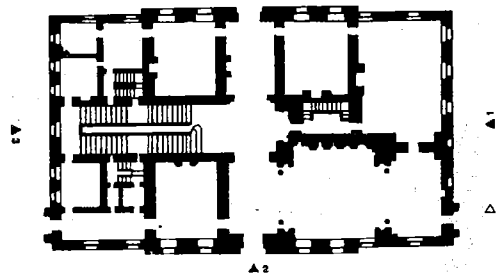
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



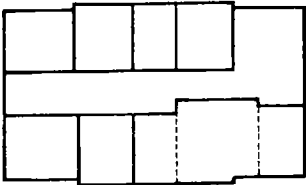
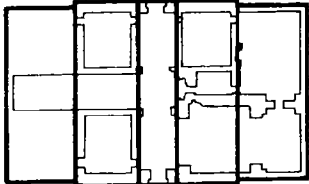
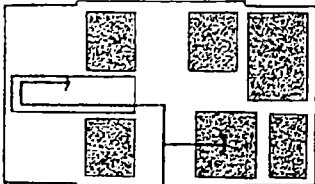
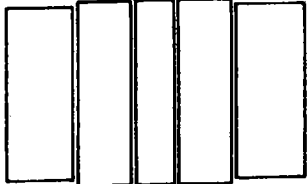
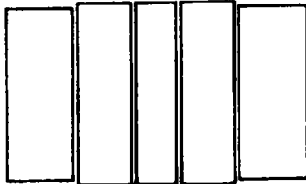
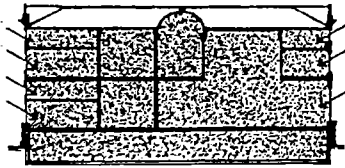
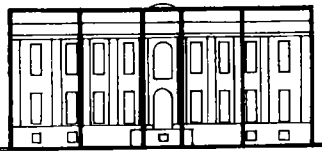
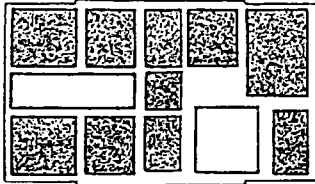
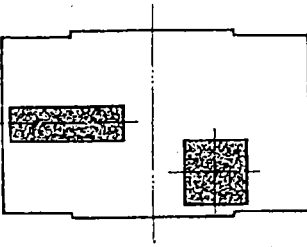
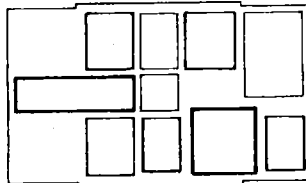
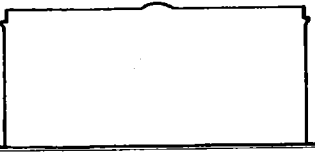
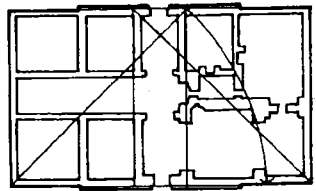
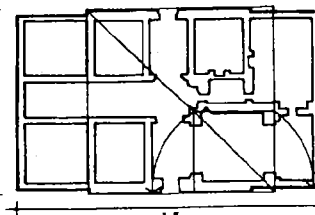
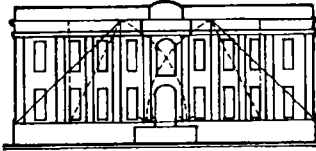
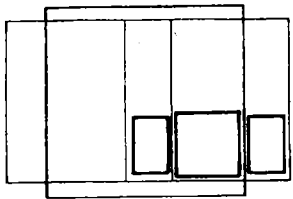
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KĨ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



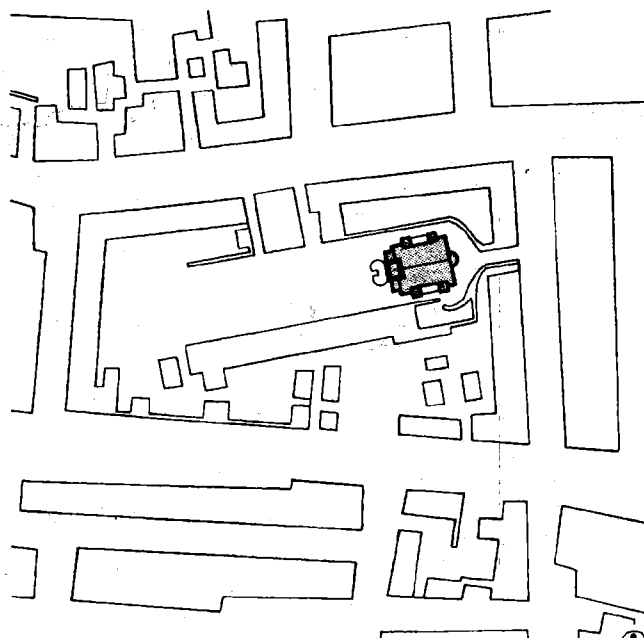
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

NICHOLAS HAWKSMOOR

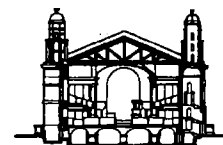
NHÀ THỜ THÁNH GEORGE Ở EAST
WAPPING, STEPNEY, ANH
1714 - 1729

ST. GEORGE-IN-THE-EAST
WAPPING, STEPNEY, ENGLAND
1714 - 1729



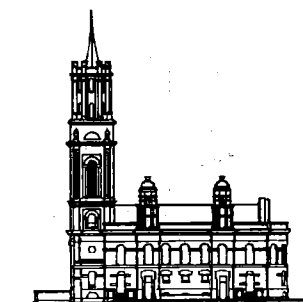
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



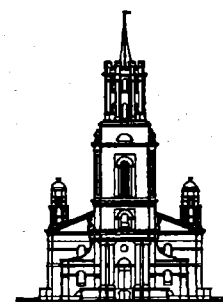
MẶT CẮT A

SECTION A



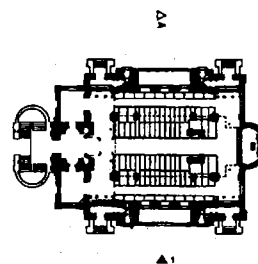
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



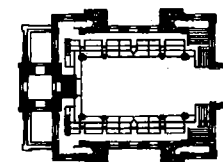
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



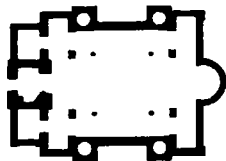
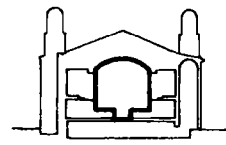
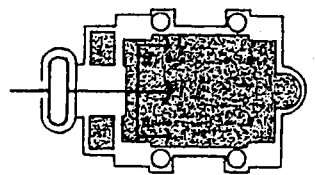
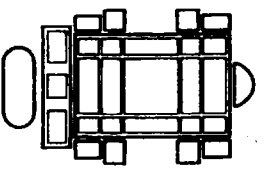
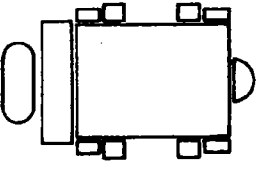
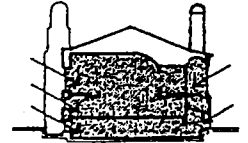
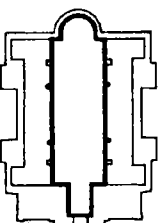
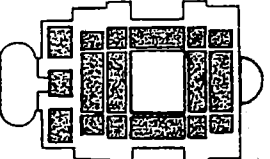
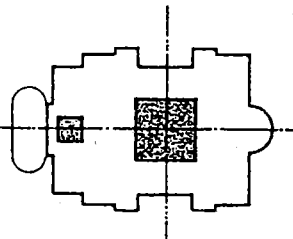
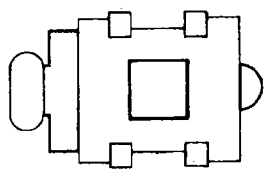
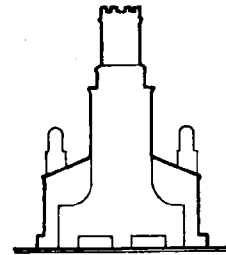
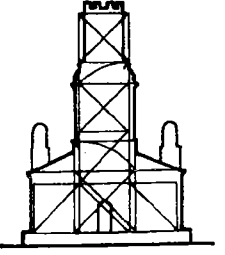
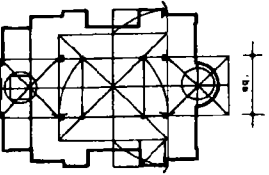
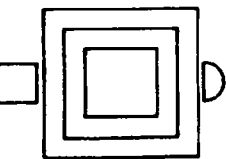
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



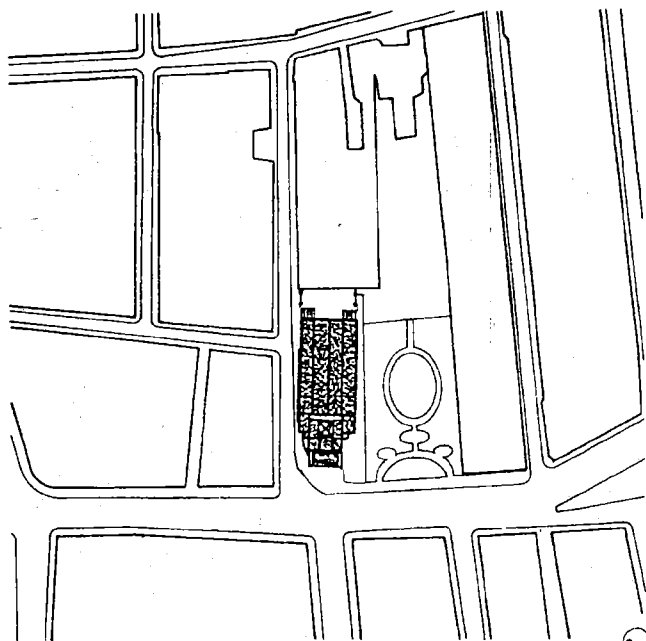
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

NICHOLAS HAWKSMOOR

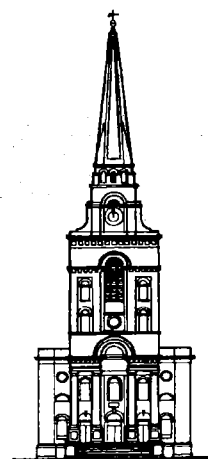
NHÀ THỜ CHRIST
SPITALFIELDS, LUÂN ĐÔN, ANH
1715 - 1729

CHRIST CHURCH
SPITALFIELDS, LONDON, ENGLAND
1715 - 1729

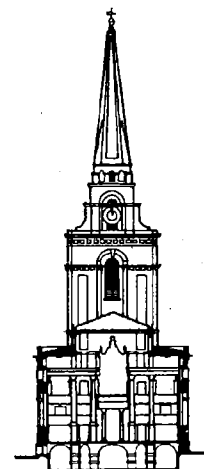


TỔNG MẶT BẰNG

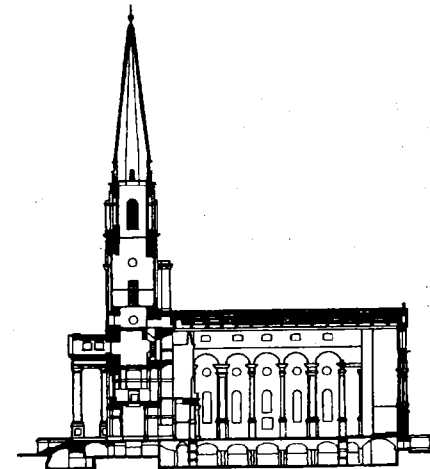
SITE PLAN



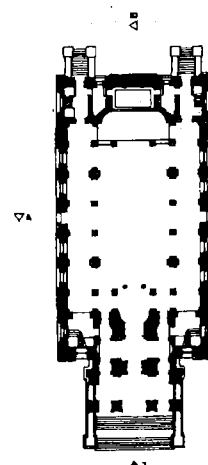
MẶT ĐỨNG 1 ELEVATION 1



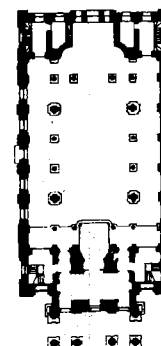
MẶT CẮT A SECTION A



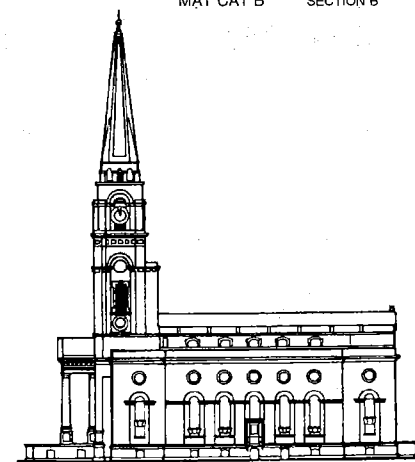
MẶT CẮT B SECTION B



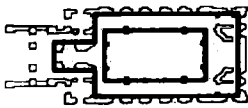
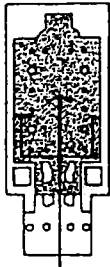
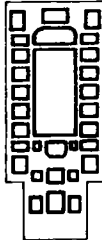
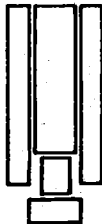
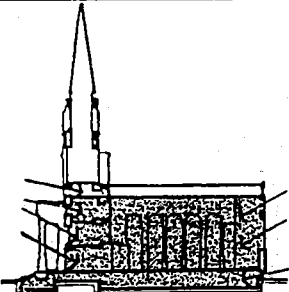
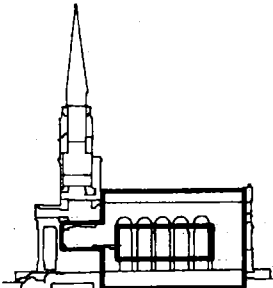
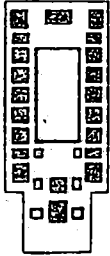
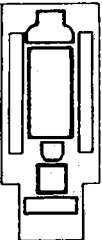
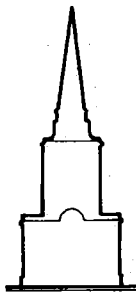
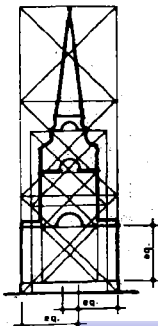
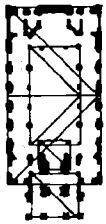
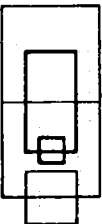
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG
UPPER FLOOR PLAN



MẶT ĐỨNG 2 ELEVATION 2

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	  HÌNH KĨ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



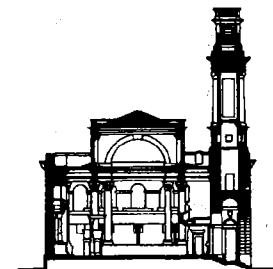
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

NICHOLAS HAWKSMOOR

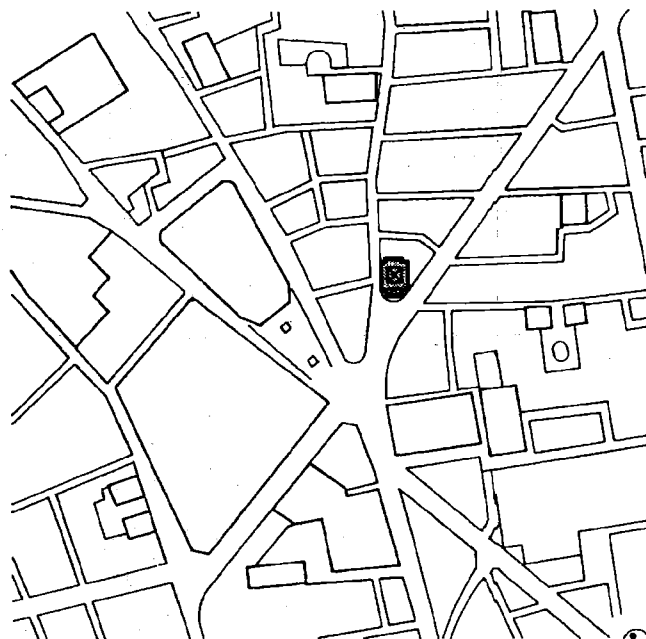
NHÀ THỜ THÁNH MARY WOOLNTH
LUÂN ĐÔN, ANH
1716 - 1724

ST. MARY WOOLNTH
LONDON, ENGLAND
1716 - 1724



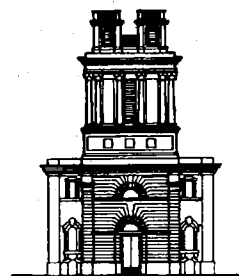
MẶT CẮT A

SECTION A



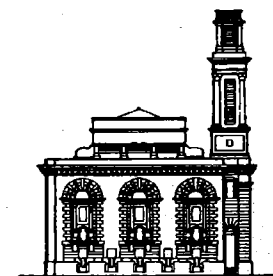
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



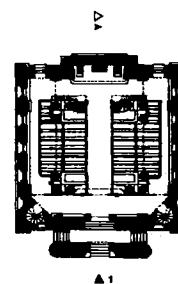
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

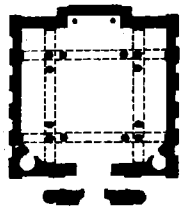
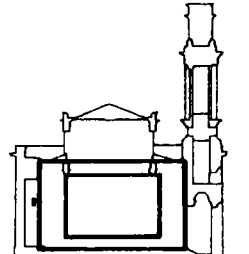
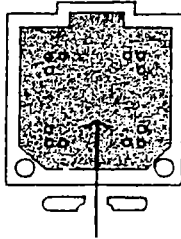
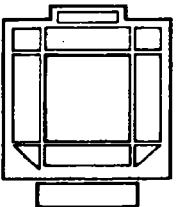
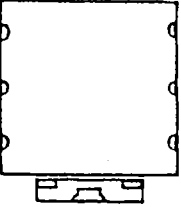
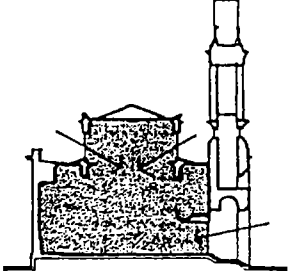
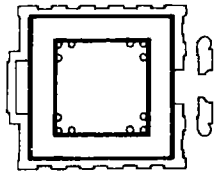
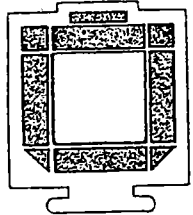
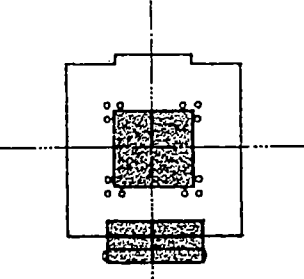
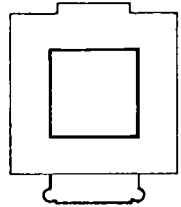
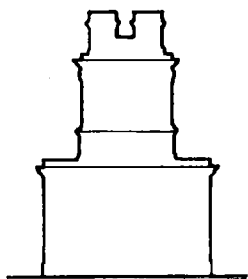
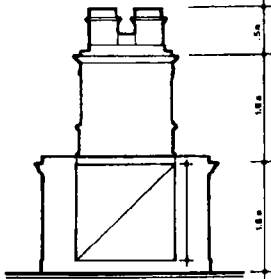
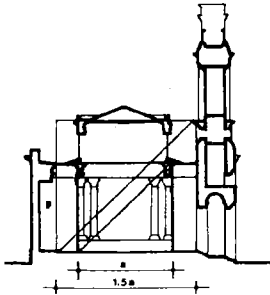
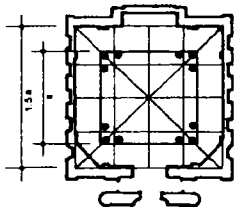
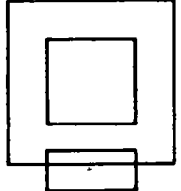


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

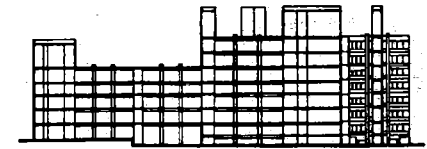
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS I. KAHN

LOUIS I. KAHN

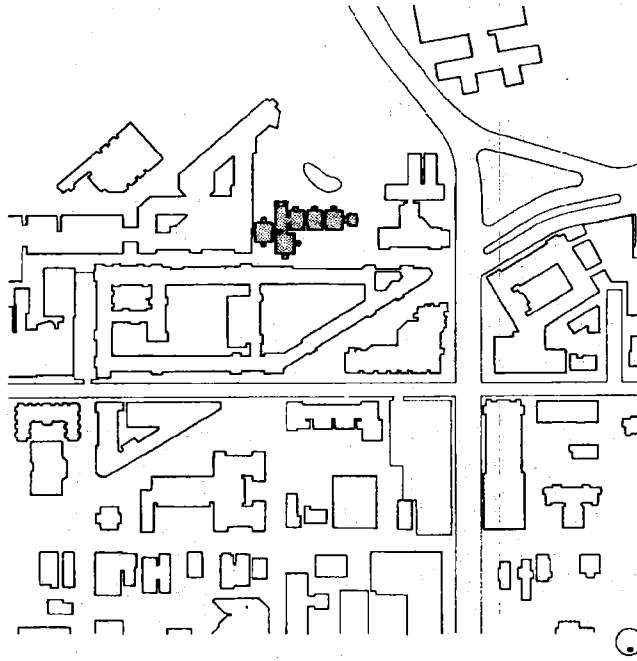
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU Y HỌC ALFRED. N. RICHARDS
ĐẠI HỌC PENNSYLVANIA
PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA
1957 - 1961

ALFRED N. RICHARDS MEDICAL RESEARCH BUILDING
UNIVERSITY OF PENNSYLVANIA
PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA
1957 - 1961



MẶT CẮT A

SECTION A



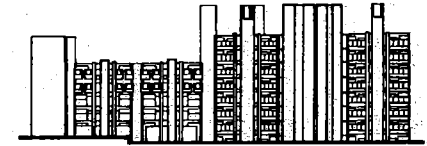
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



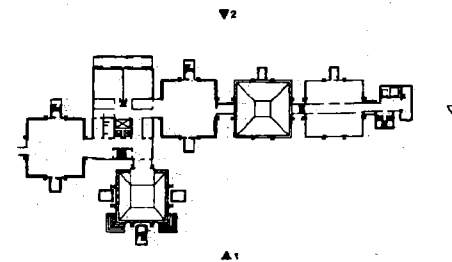
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



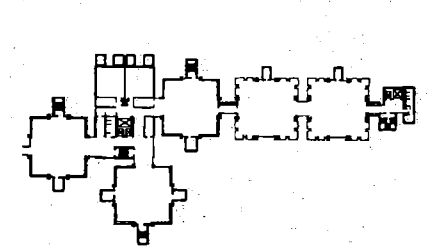
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



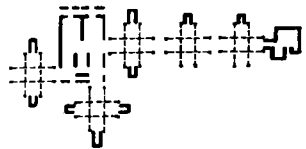
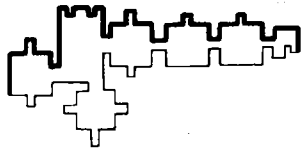
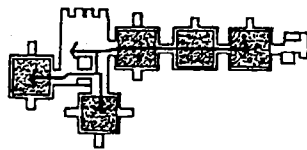
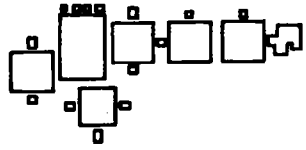
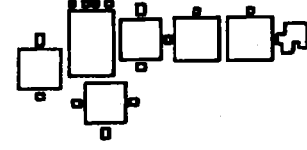
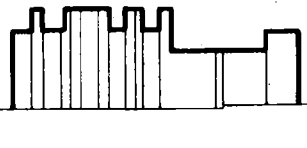
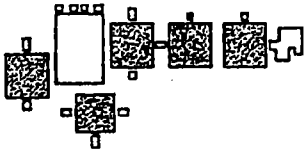
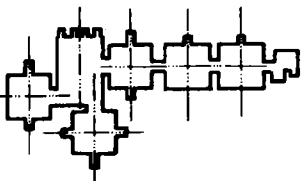
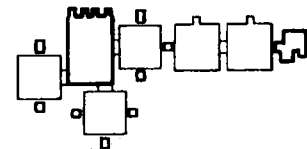
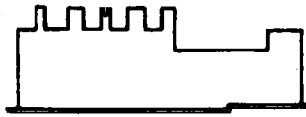
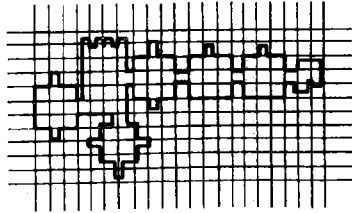
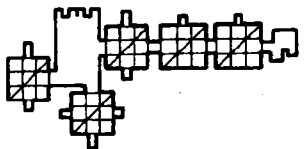
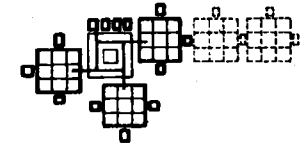
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	  HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS I. KAHN

VIỆN NGHIÊN CỨU SINH VẬT HỌC, ĐẠI HỌC SALK
LA JOLLA, CALIFORNIA
1959 - 1965

SALK INSTITUTE OF BIOLOGICAL STUDIES
LA JOLLA, CALIFORNIA
1959 - 1965



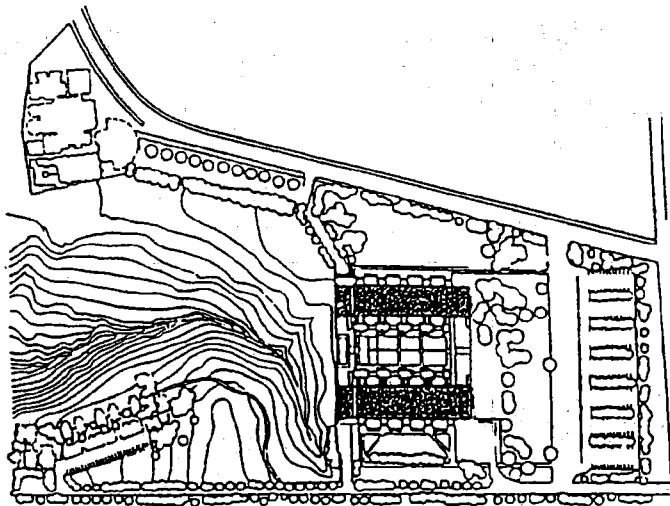
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



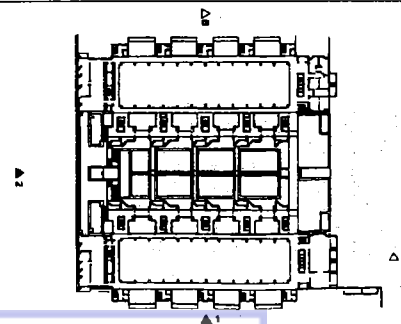
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

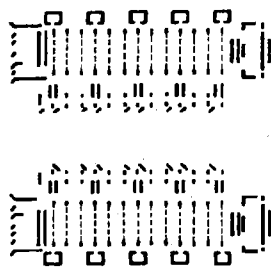
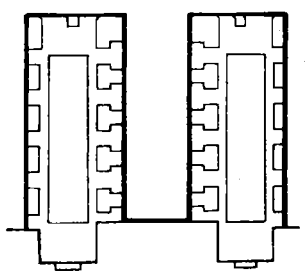
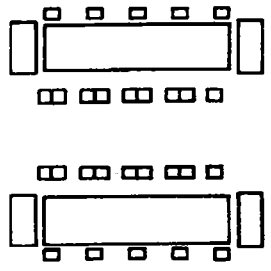
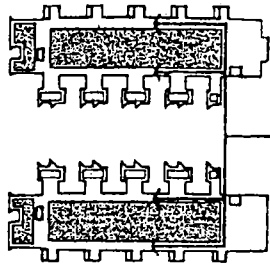
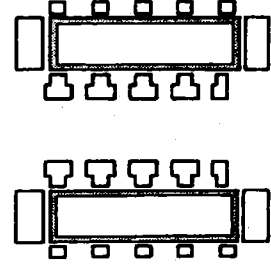
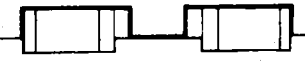
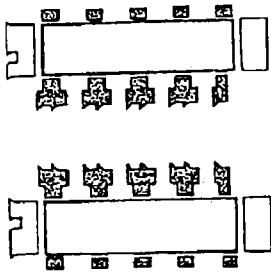
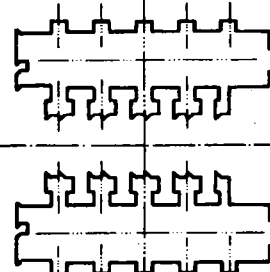
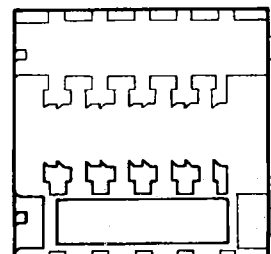
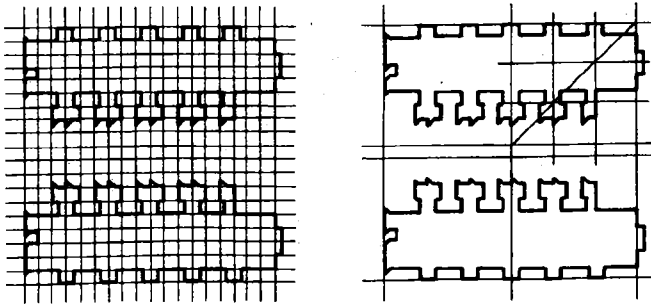
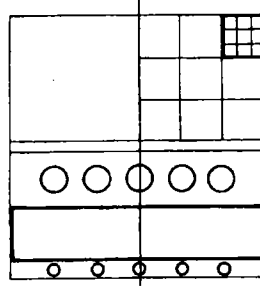


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐÓC CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS I. KAHN

BẢO TÀNG NGHỆ THUẬT KIMBALL
FORT WORTH, TEXAS
1966 - 1972

KIMBALL ART MUSEUM
FORT WORTH, TEXAS
1966 - 1972



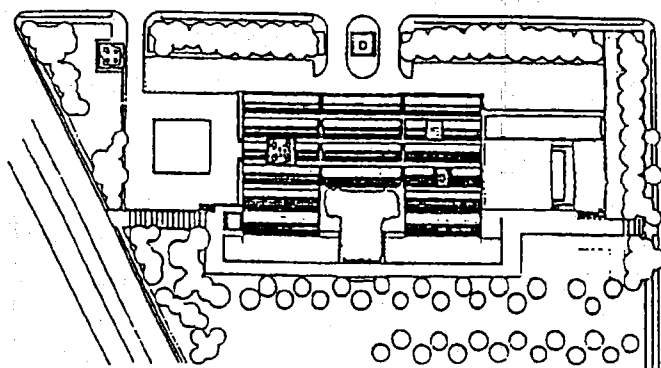
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



MẶT CẮT A

SECTION A



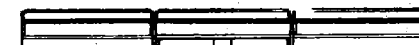
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



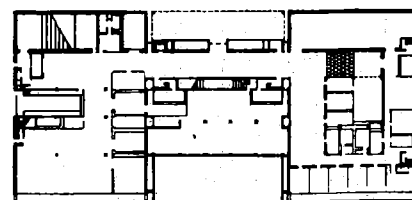
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



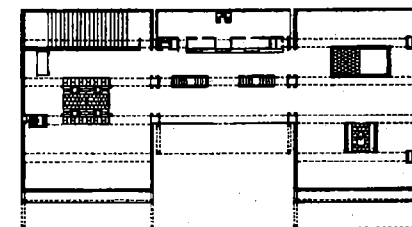
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3



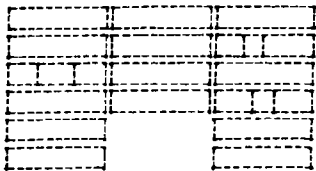
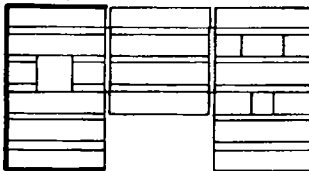
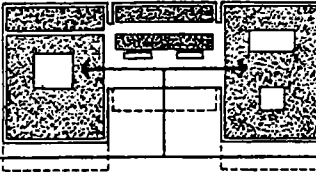
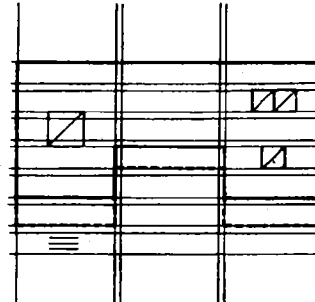
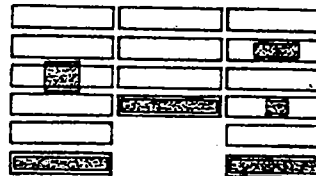
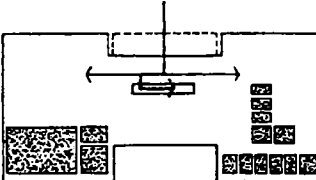
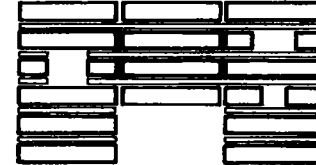
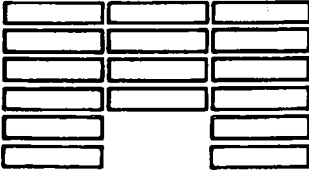
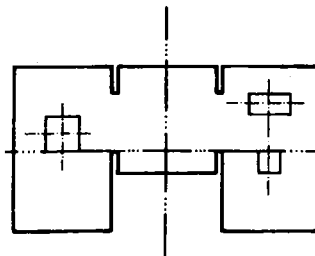
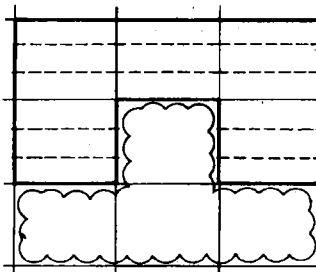
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



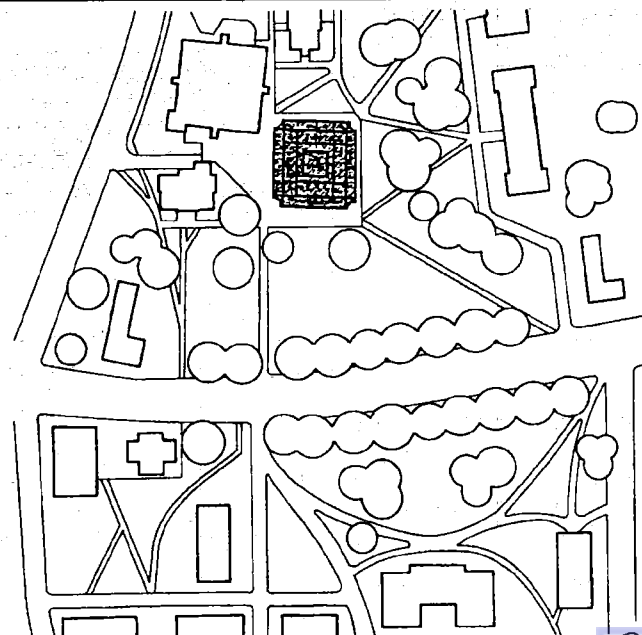
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

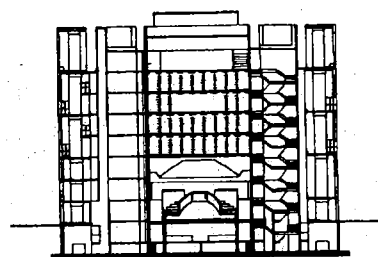
LOUIS I. KAHN

THƯ VIỆN
HỌC VIỆN PHILIP EXETER
EXETER, NEW HAMPSHIRE
1967 - 1972

LIBRARY
PHILIP EXETER ACADEMY
EXETER, NEW HAMPSHIRE
1967 - 1972

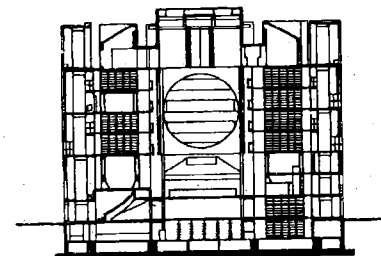


TỔNG MẶT BẰNG SITE PLAN



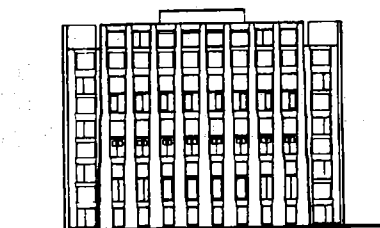
MẶT CẮT A

SECTION A



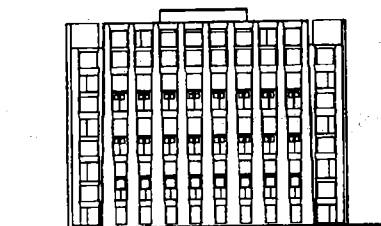
MẶT CẮT B

SECTION B



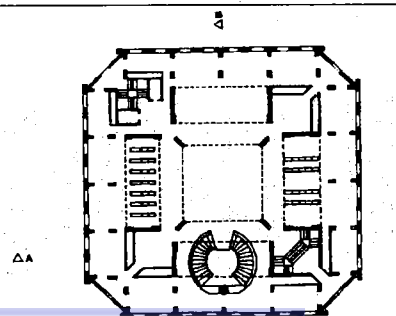
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



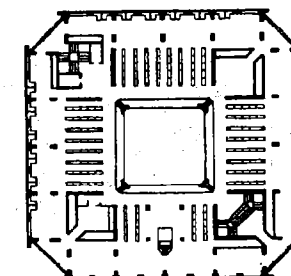
MẶT ĐŨNG 2

ELEVATION 2



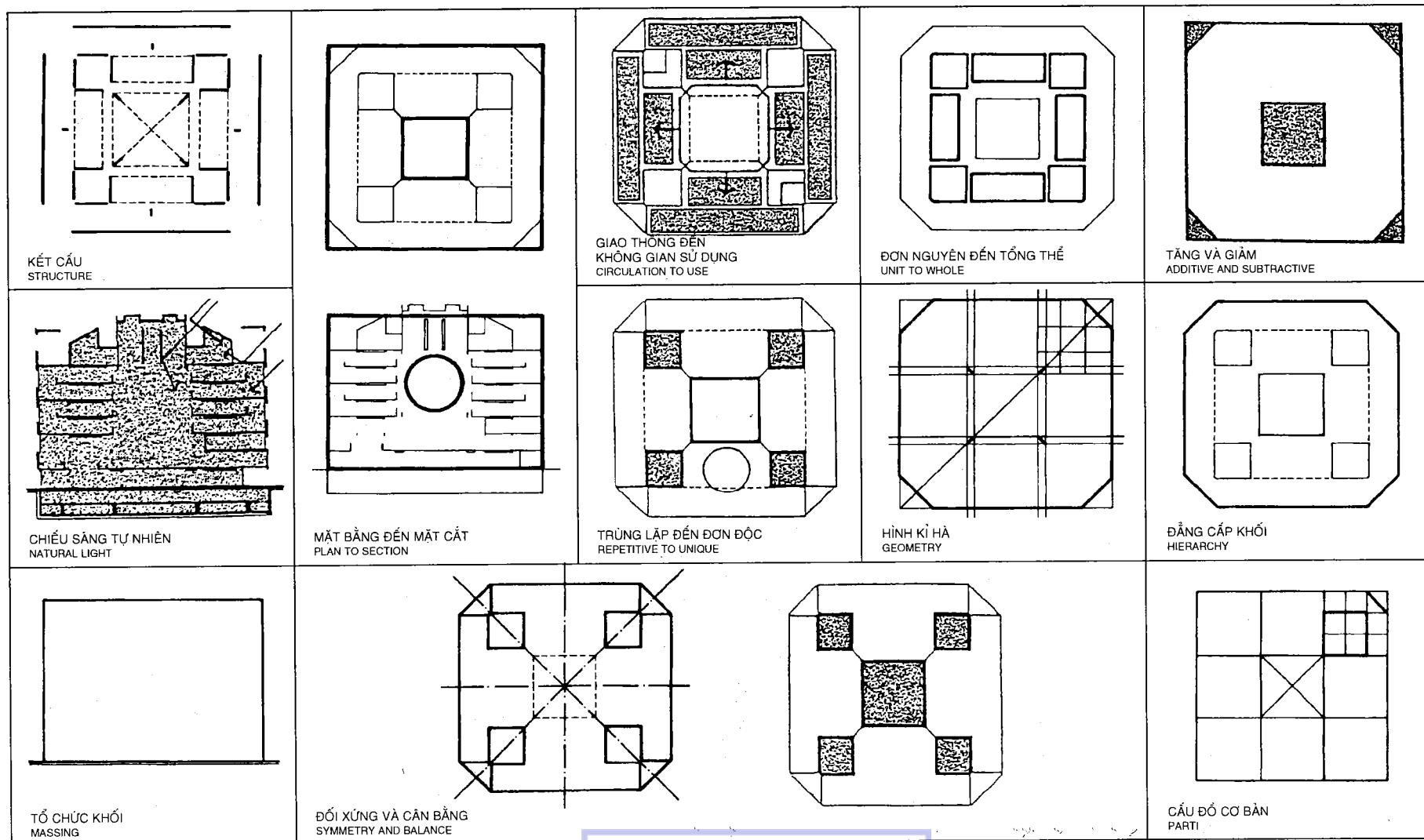
MẶT BẰNG TẦNG HẠM

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN



THƯ VIỆN
HUBT

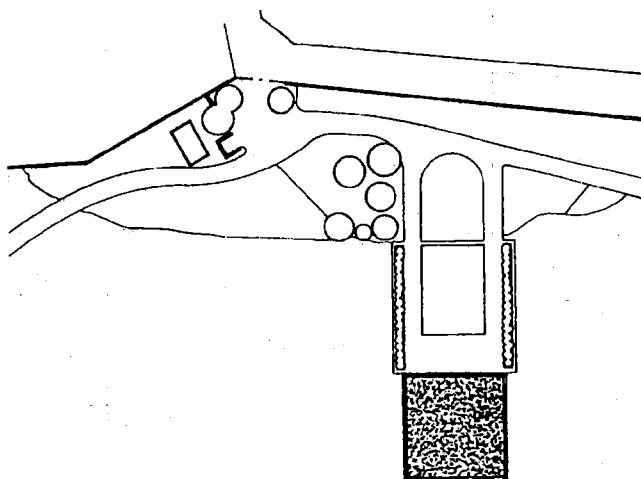
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LE CORBUSIER

LE CORBUSIER

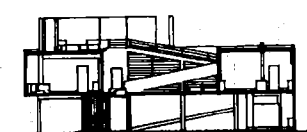
BIỆT THỰ SAVOYE
POISSY, PHÁP
1928 - 1931

VILLA SAVOYE
POISSY, FRANCE
1928 - 1931



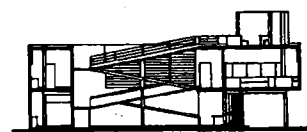
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



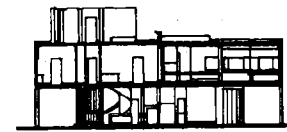
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



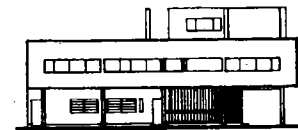
MẶT CẮT C

SECTION C



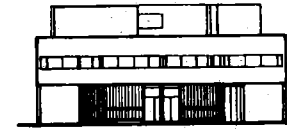
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



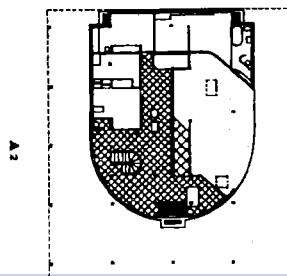
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2

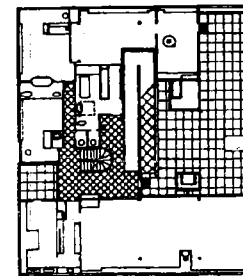


MẶT ĐỨNG 3

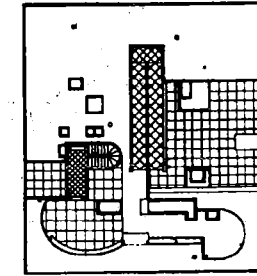
ELEVATION 3



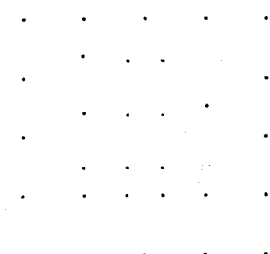
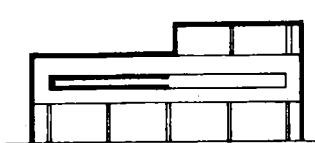
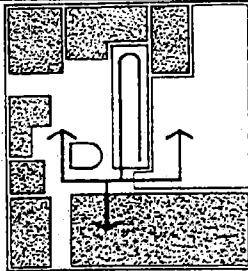
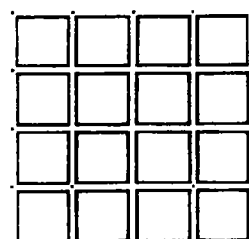
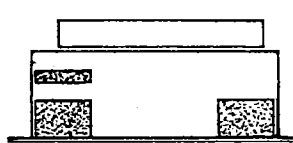
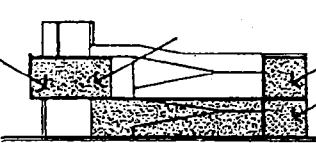
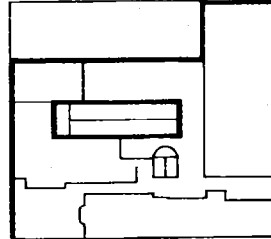
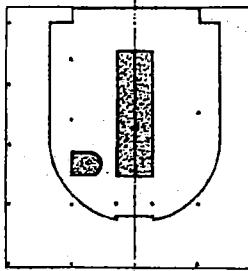
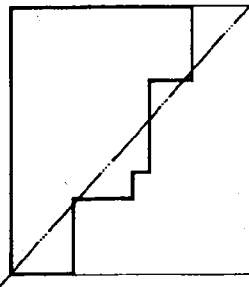
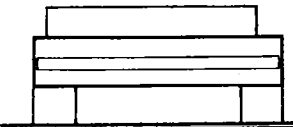
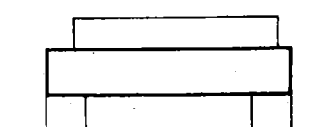
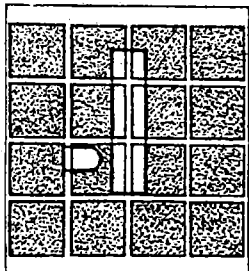
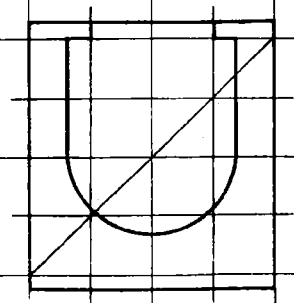
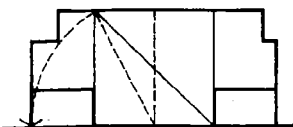
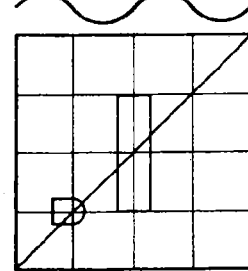
MẶT BẰNG TẦNG HẦM LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG GIỮA MIDDLE FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE		 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



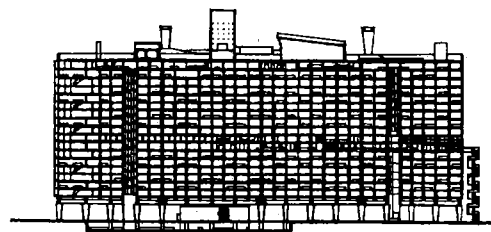
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LE CORBUSIER

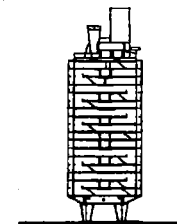
CHUNG CƯ
MARSEILLES, PHÁP
1946 - 1952

UNITE D' HABITATION
MARSEILLES, FRANCE
1946 - 1952



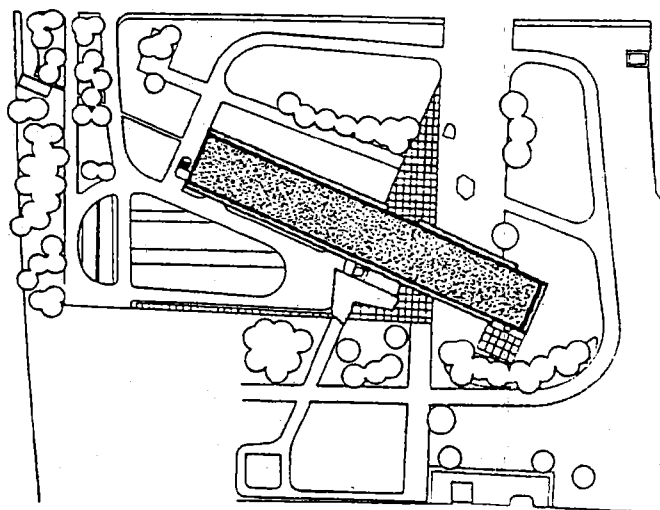
MẶT CẮT A

SECTION A



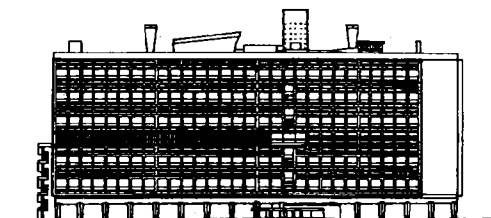
MẶT CẮT B

SECTION B



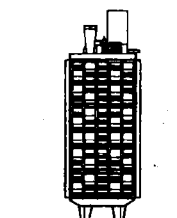
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



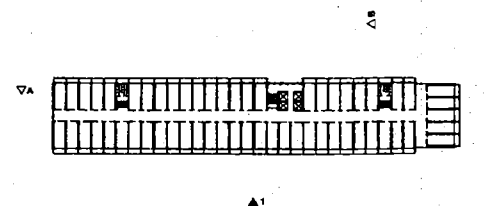
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



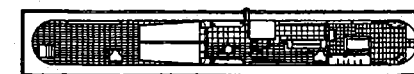
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



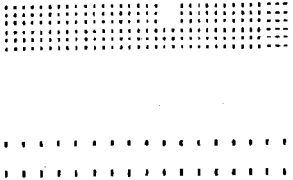
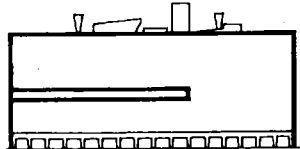
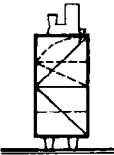
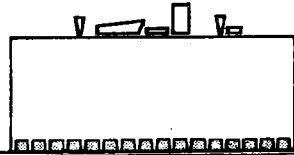
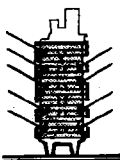
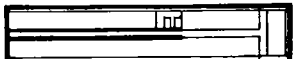
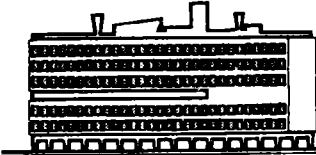
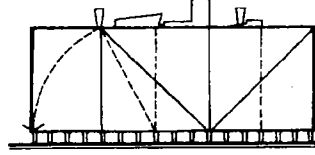
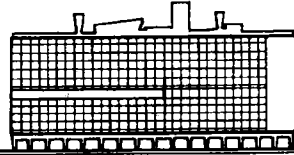
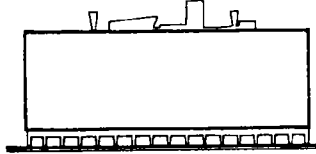
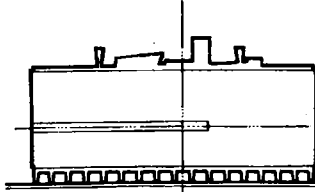
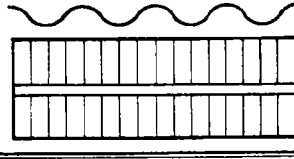
MẶT BẰNG TIÊU CHUẨN

TYPICAL FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG MÁI

ROOF FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỶ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



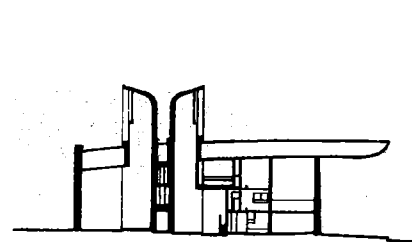
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LE CORBUSIER

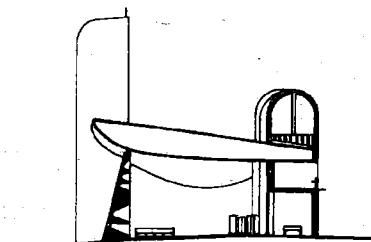
NHÀ THỜ ĐỨC MẸ
RONCHAMP, PHÁP
1950 - 1955

NOTRE DAME DU HAUT CHAPEL
RONCHAMP, FRANCE
1950 - 1955



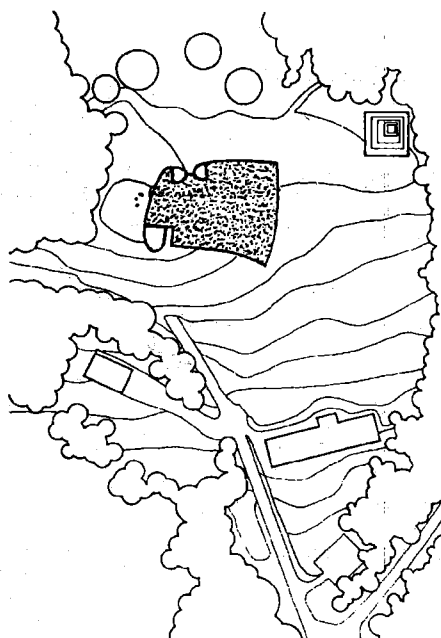
MẶT CẮT A

SECTION A



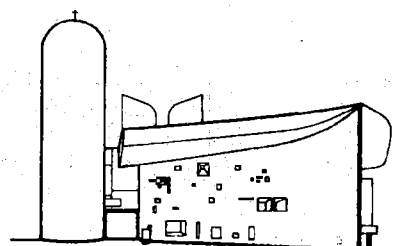
MẶT CẮT B

SECTION B



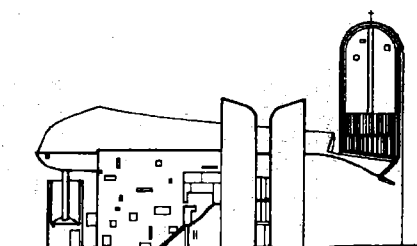
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



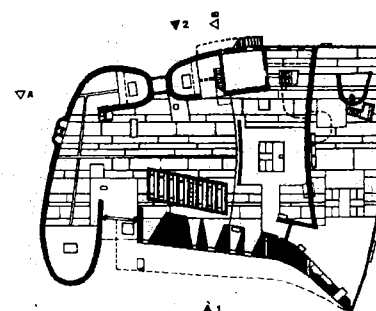
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



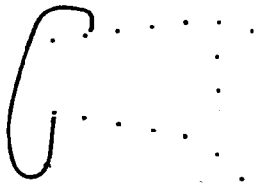
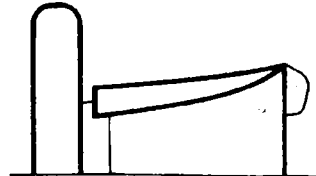
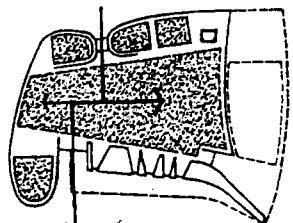
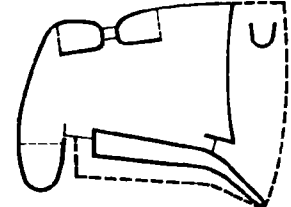
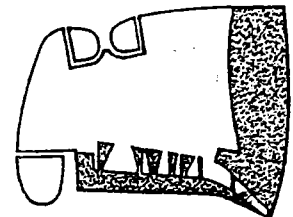
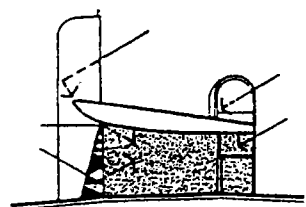
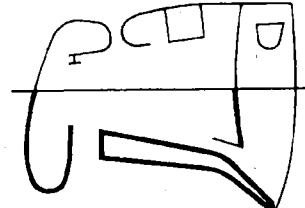
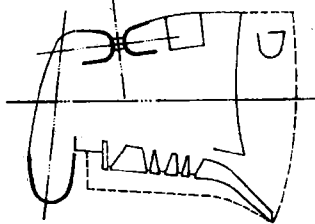
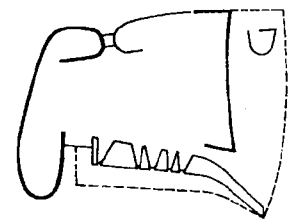
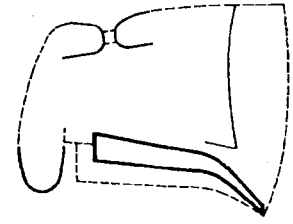
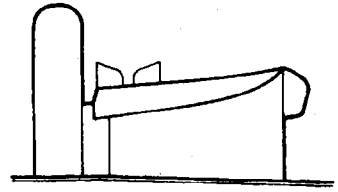
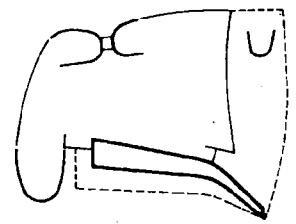
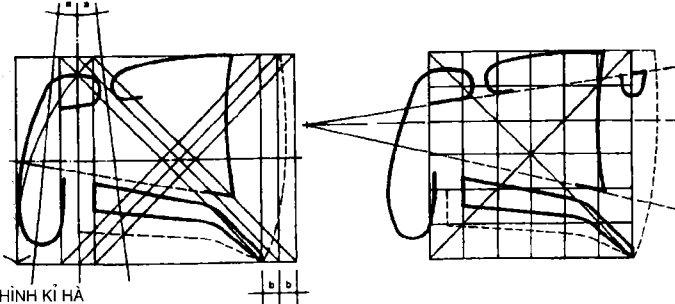
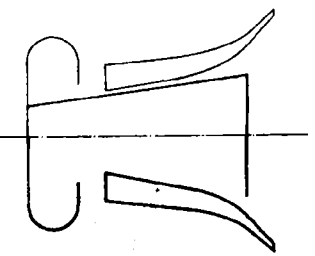
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE		 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LE CORBUSIER

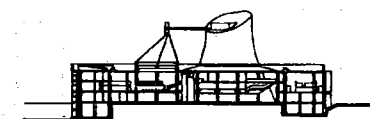
KHÁCH SẠN HỘI NGHỊ
CHANDIGARH, ẤN ĐỘ
1953 - 1963

THE PALACE OF ASSEMBLY
CHANDIGARH, INDIA
1953 - 1963



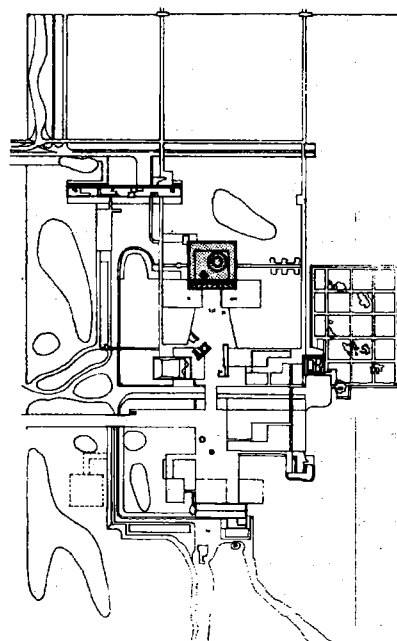
MẶT CẮT A

SECTION A



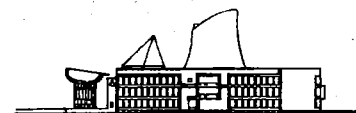
MẶT CẮT B

SECTION B



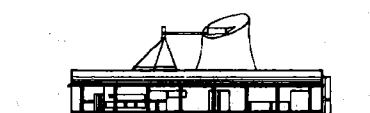
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



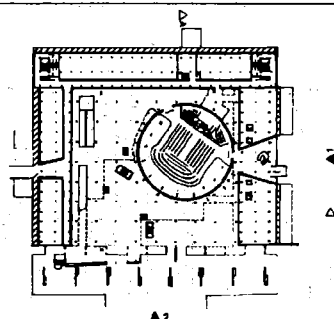
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



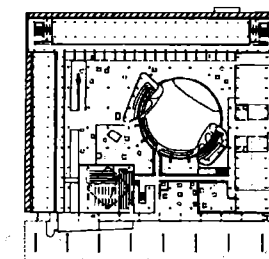
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



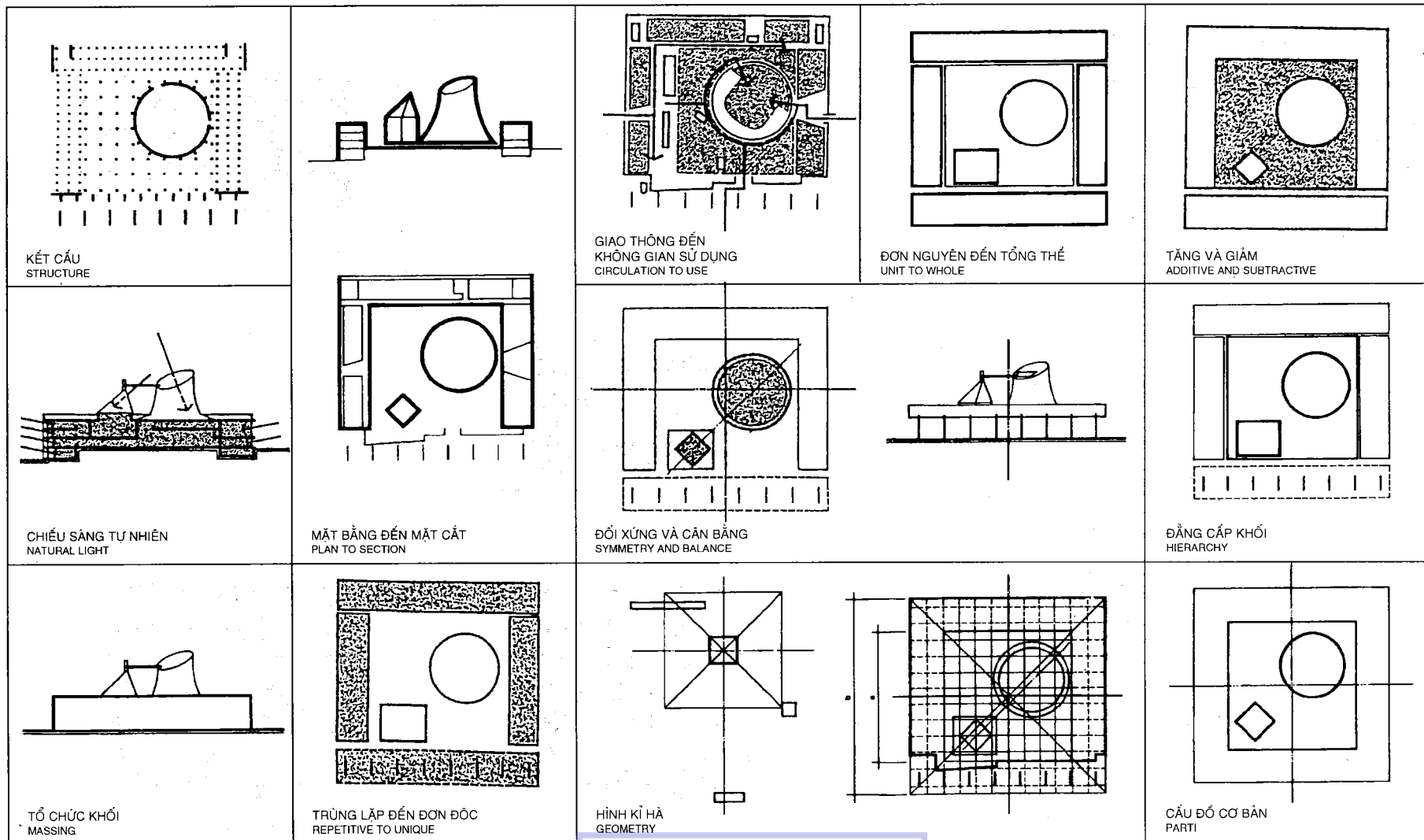
MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CLAUDE NICHOLAS LEDOUX

CLAUDE NICHOLAS LEDOUX

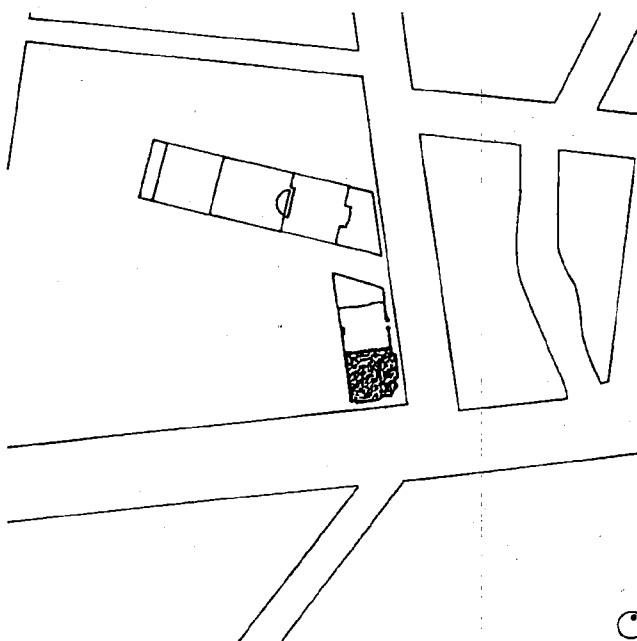
KHÁCH SẠN MONTMORENCY
PARIS, PHÁP
1769

HOTEL DE MONTMORENCY
PARIS, FRANCE
1769



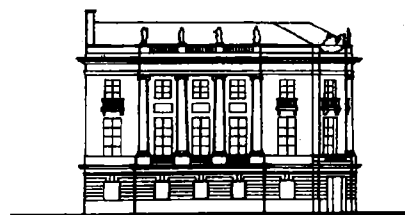
MẶT CẮT A

SECTION A



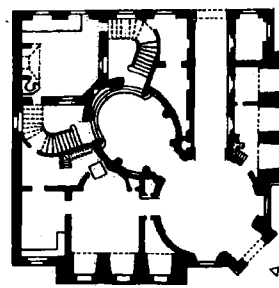
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



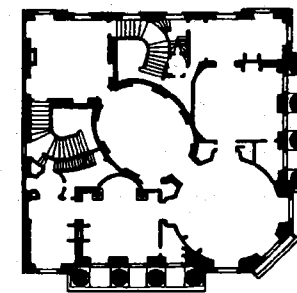
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



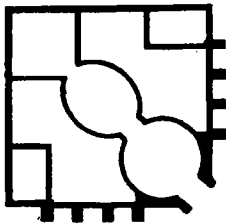
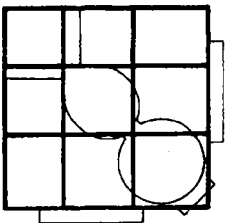
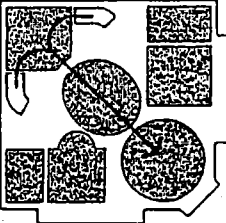
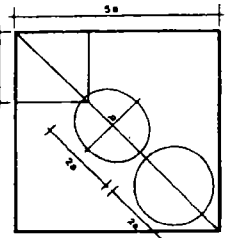
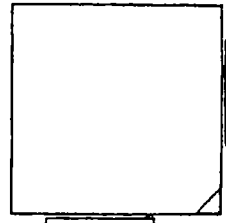
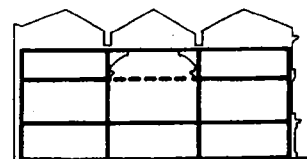
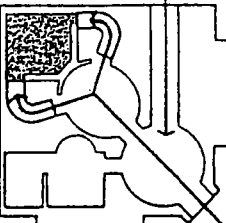
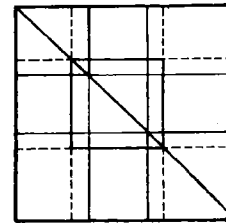
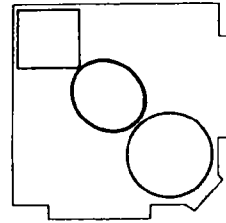
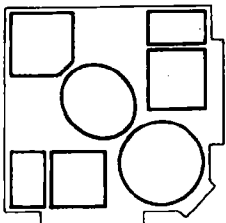
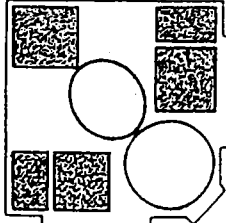
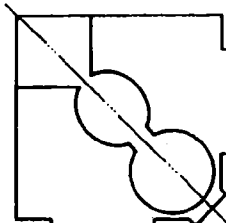
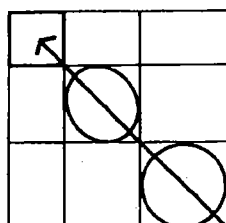
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CLAUDE NICHOLAS LEDOUX

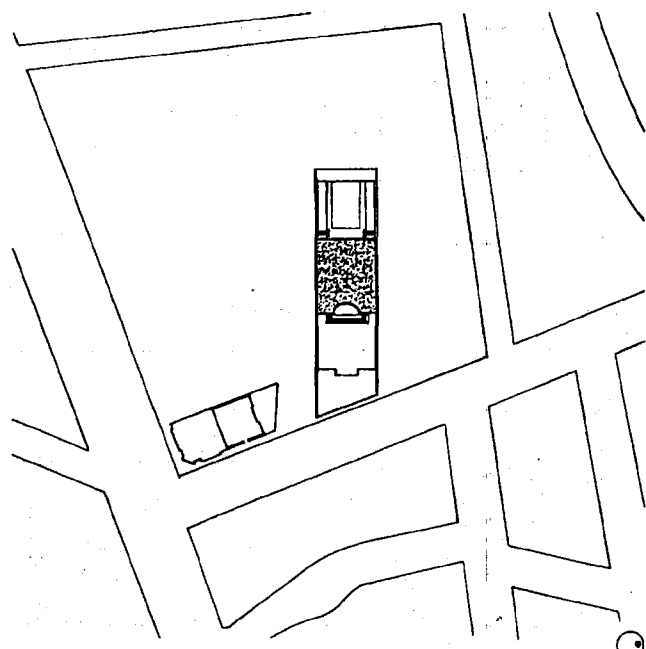
KHÁCH SẠN GUIMARD
PARIS, PHÁP
1770

HOTEL GUIMARD
PARIS, FRANCE
1770



MẶT CẮT A

SECTION A



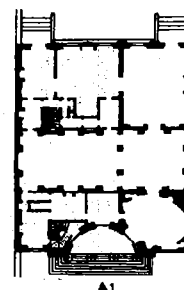
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

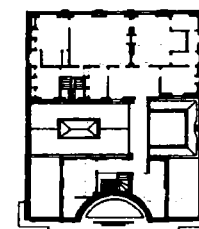


MẶT ĐỨNG 1

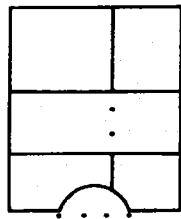
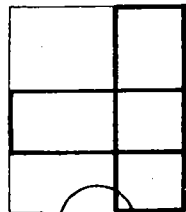
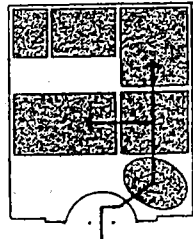
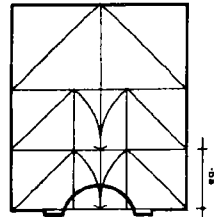
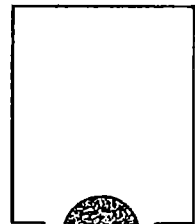
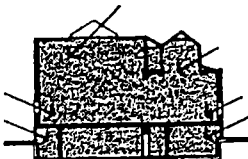
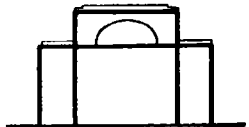
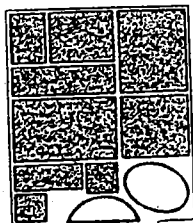
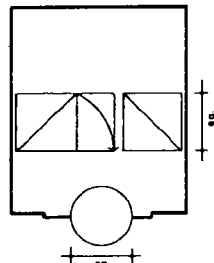
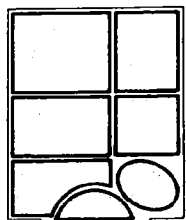
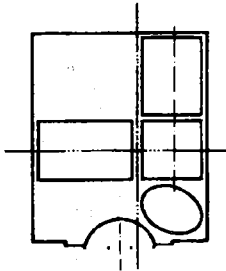
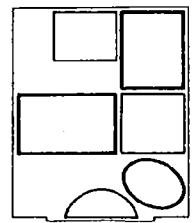
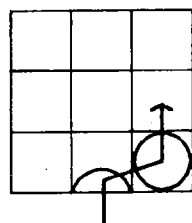
ELEVATION 1



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH - MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG - UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



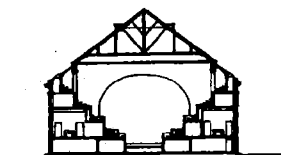
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CLAUDE NICHOLAS LEDOUX

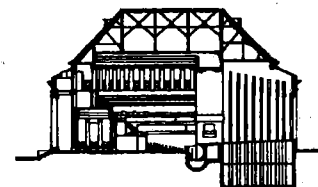
NHÀ HÁT
BESANCON, PHÁP
1775

THEATER
BESANCON, FRANCE
1775



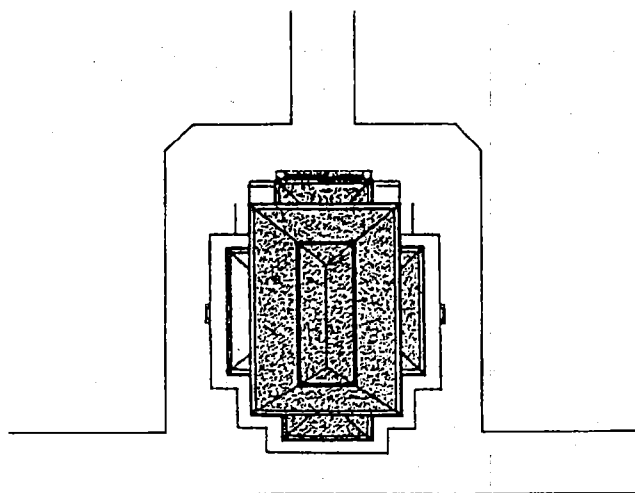
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



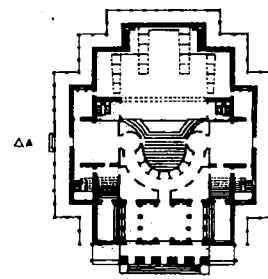
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

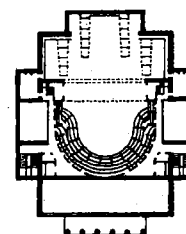


MẶT ĐỨNG 1

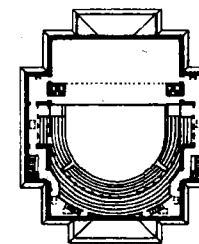
ELEVATION 1



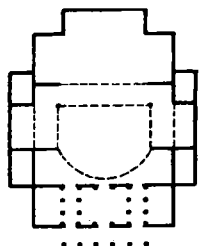
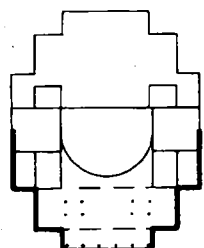
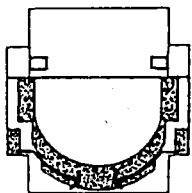
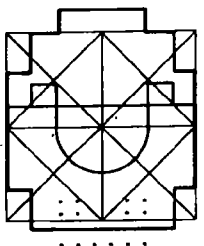
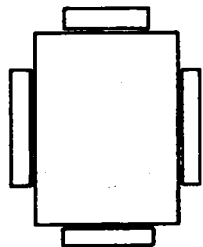
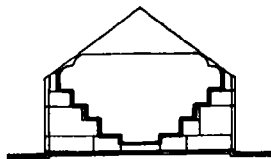
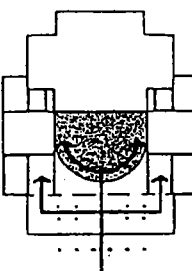
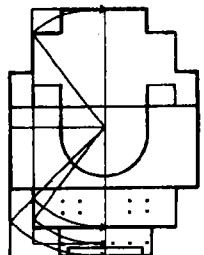
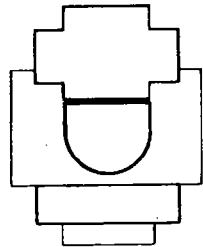
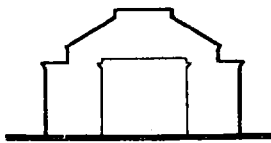
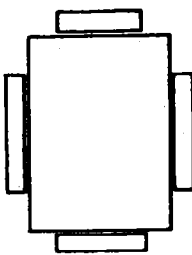
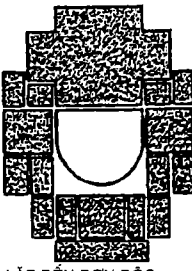
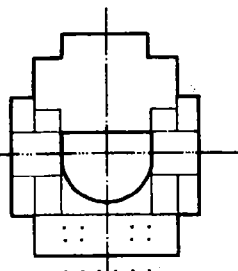
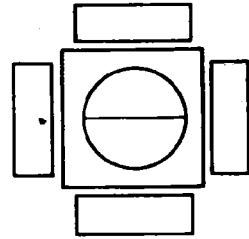
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG GIỮA MIDDLE FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE				 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



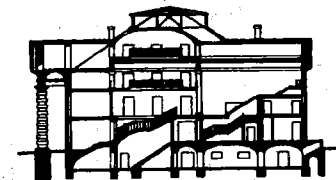
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CLAUDE NICHOLAS LEDOUX

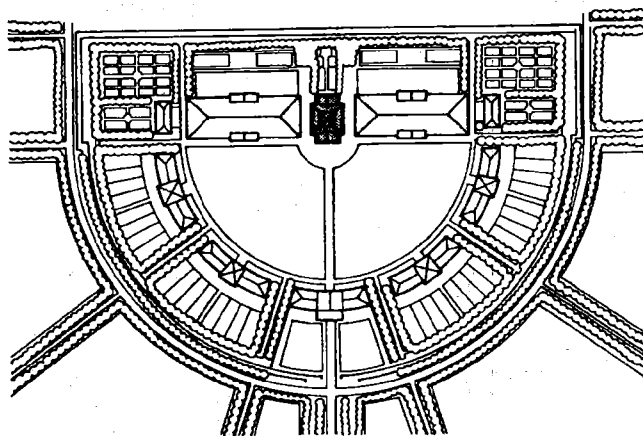
NHÀ DIRECTOR
CẬN BESANCON, PHÁP
1775 - 1779

DIRECTOR'S HOUSE
NEAR BESANCON, FRANCE
1775 - 1779



MẶT CẮT A

SECTION A



TỔNG MẶT BẰNG

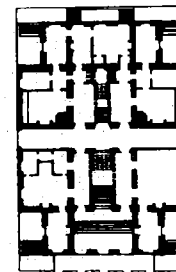
SITE PLAN



MẶT ĐỨNG 1

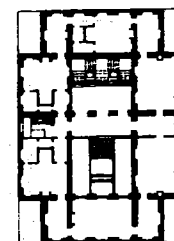
ELEVATION 1

3

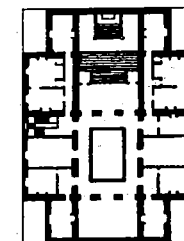


MẶT BẰNG
TẦNG TRỆT

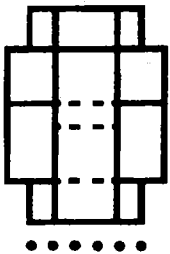
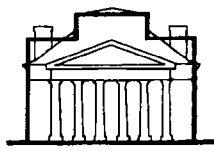
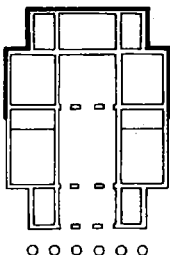
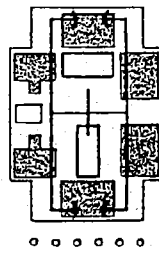
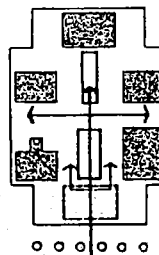
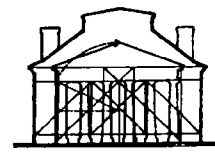
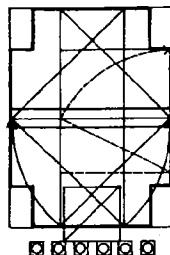
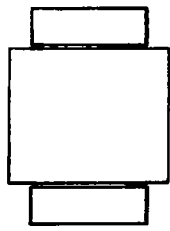
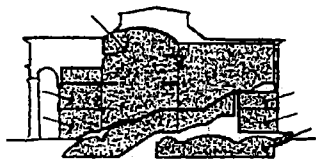
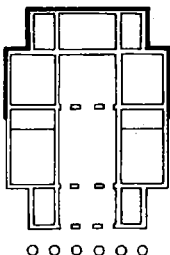
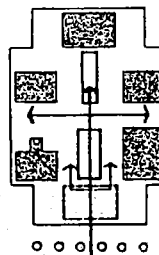
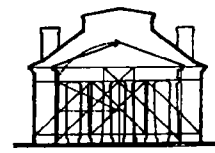
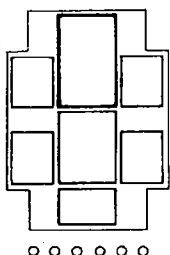
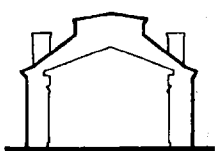
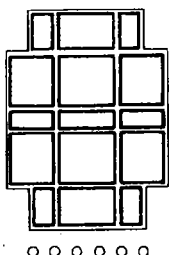
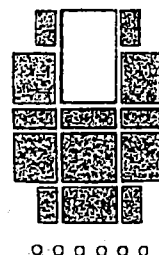
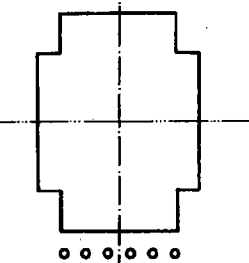
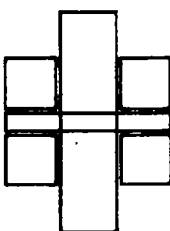
LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG GIỮA MIDDLE FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	  MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	  GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	  HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

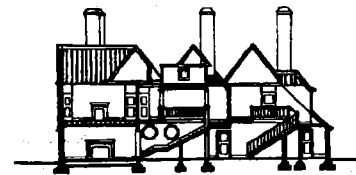
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

EDWIN LUTYENS

EDWIN LUTYENS

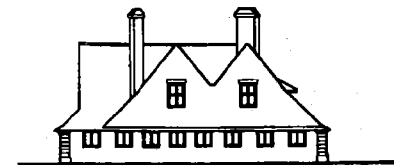
NGÔI NHÀ HOMEWOOD
KNEBORTH, HERTFORDSHIRE, ANH
1901

HOMEWOOD (EARL OF LYTTON HOUSE)
KNEBORTH, HERTFORDSHIRE, ENGLAND
1901



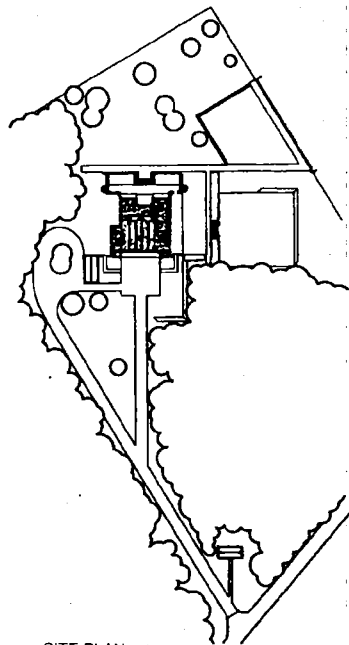
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



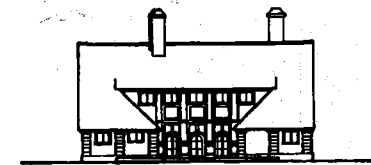
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



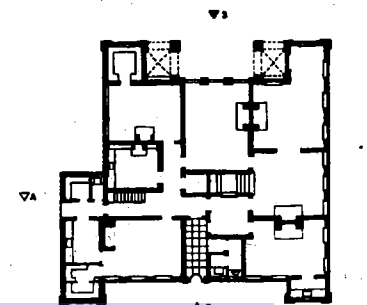
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



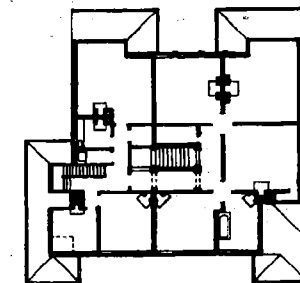
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3



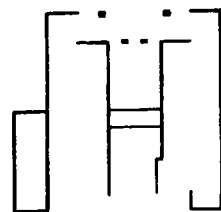
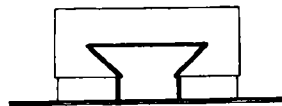
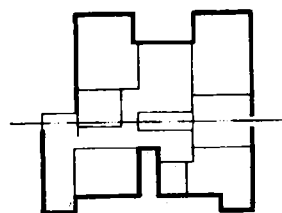
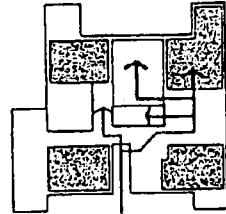
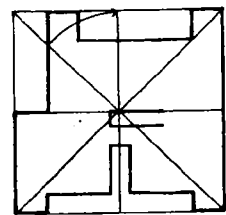
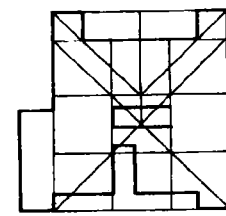
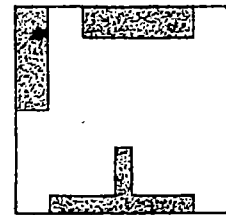
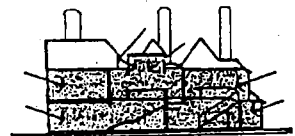
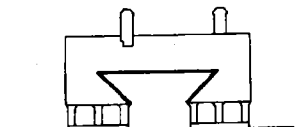
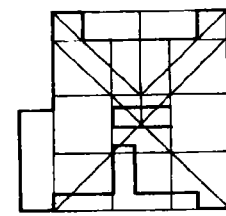
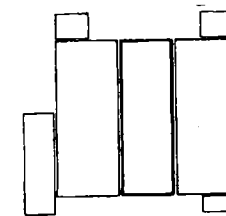
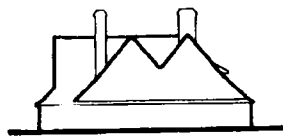
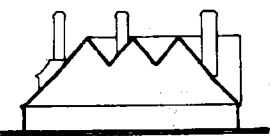
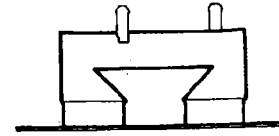
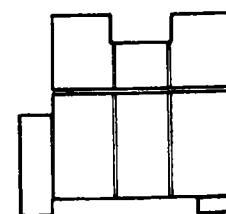
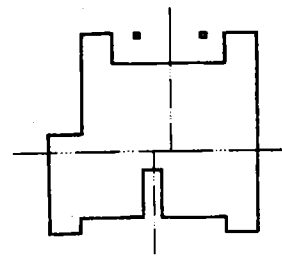
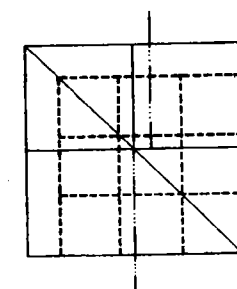
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	  MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	  HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	  TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
   TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

EDWIN LUTYENS

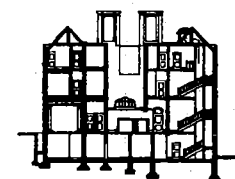
LÂU ĐÀI NASHDOM
(PHỦ CÔNG CHÚA ALEXIS DOLGORONKI)
TAPLOW, BUCKINGHAMSHIRE, ANH
1905 - 1909

NASHDOM (PRINCESS ALEXIS DOLGORONKI HOUSE)
TAPLOW, BUCKINGHAMSHIRE, ENGLAND
1905 - 1909



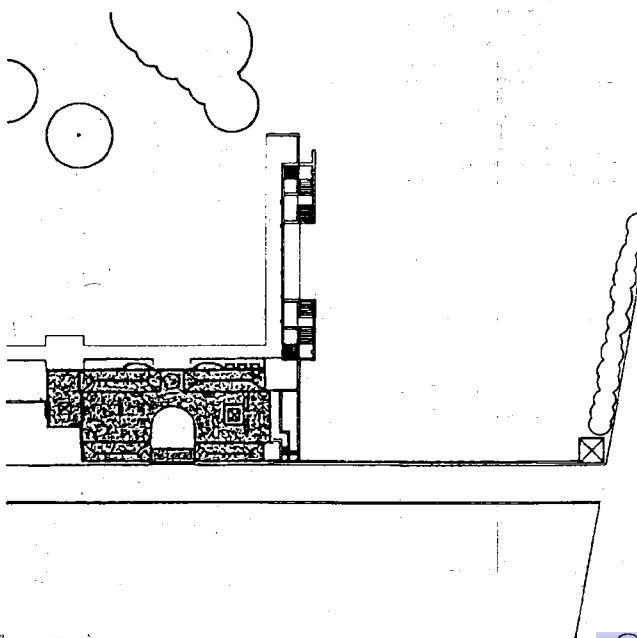
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



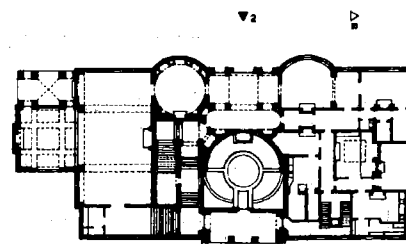
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



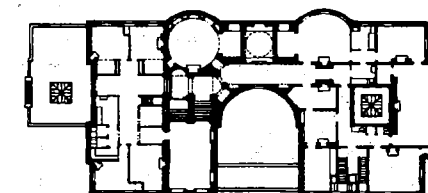
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



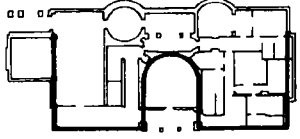
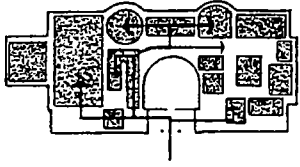
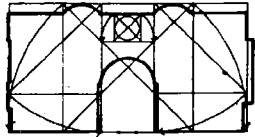
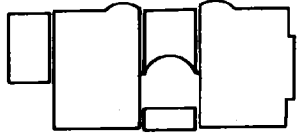
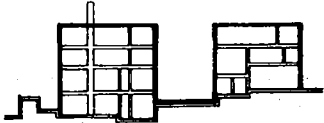
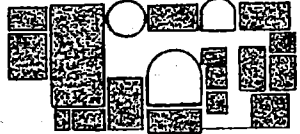
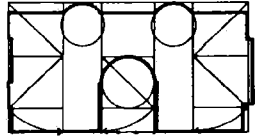
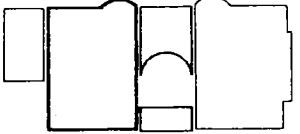
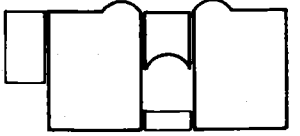
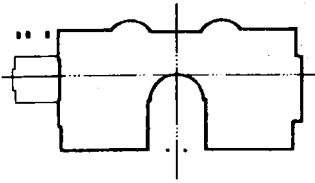
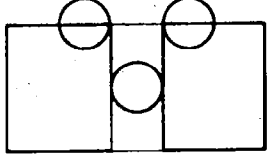
MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT		 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

EDWIN LUTYENS

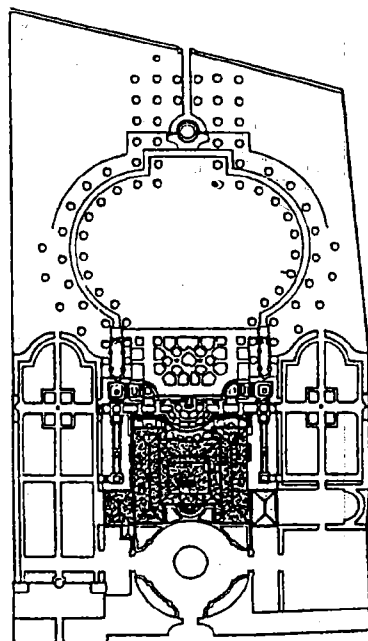
NGÔI NHÀ HEATHCOTE (NHÀ Ở HEMINGWAY)
ILKLEY, YORKSHIRE, ANH
1906

HEATHCOTE (HEMINGWAY HOUSE)
ILKLEY, YORKSHIRE, ENGLAND
1906



MẶT CẮT A

SECTION A



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



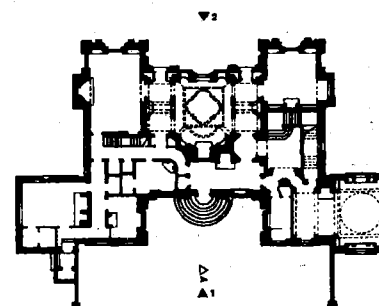
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



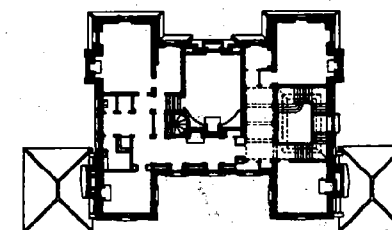
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



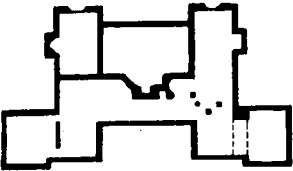
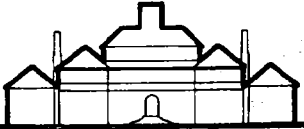
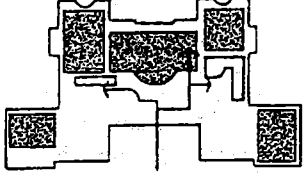
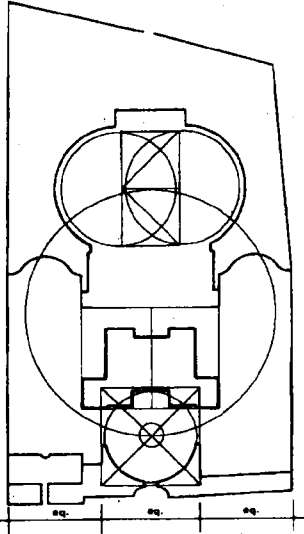
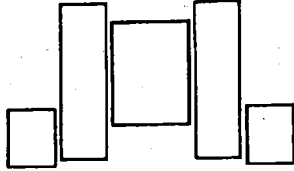
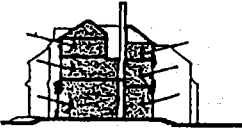
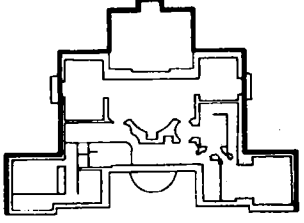
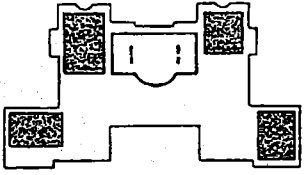
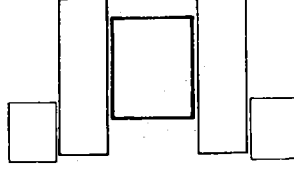
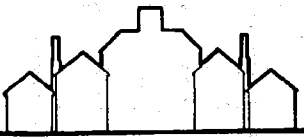
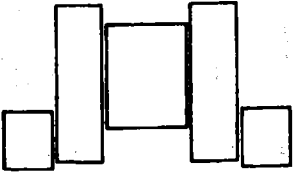
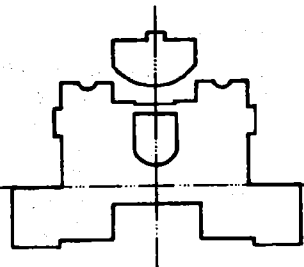
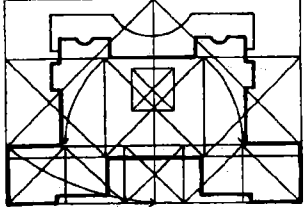
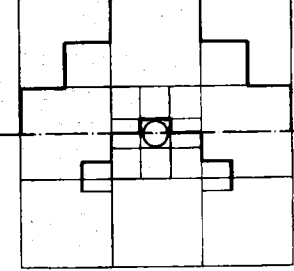
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE		 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

EDWIN LUTYENS

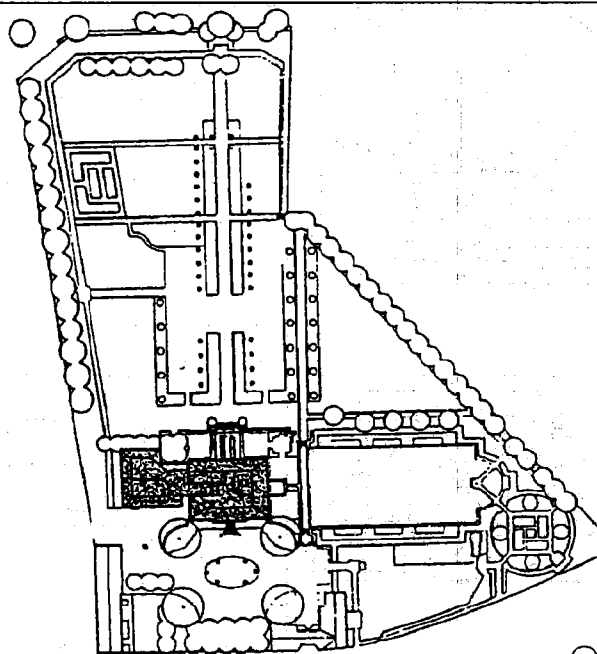
NGÔI NHÀ SALUTATION (NHÀ Ở HENRY FARRER)
SANDWICH, KENT, ANH
1911

THE SALUTATION (HENRY FARRER HOUSE)
SANDWICH, KENT, ENGLAND
1911



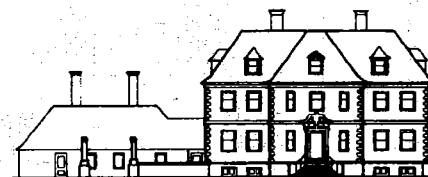
MẶT CẮT A

SECTION A



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



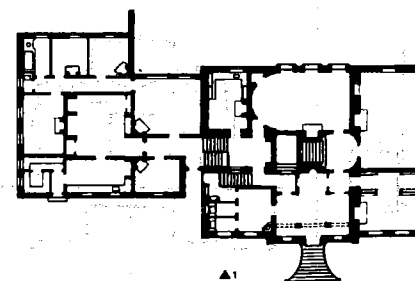
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



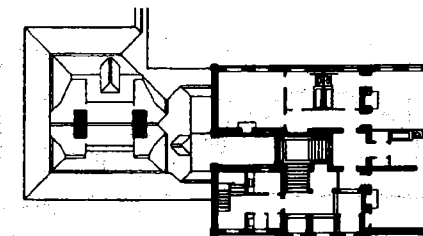
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



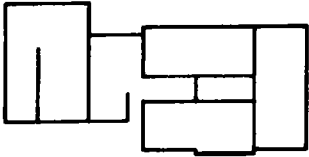
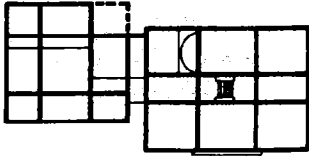
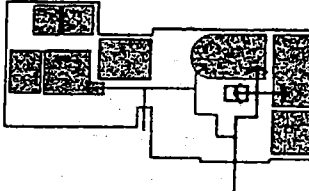
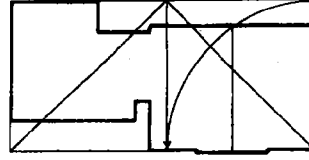
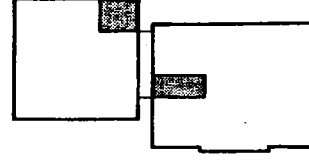
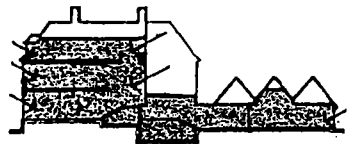
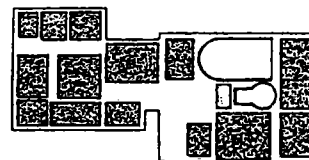
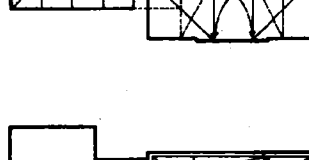
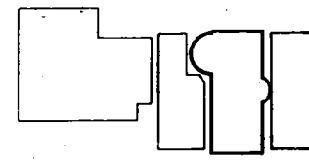
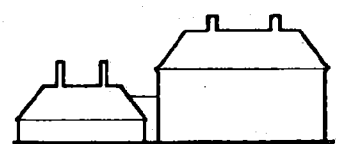
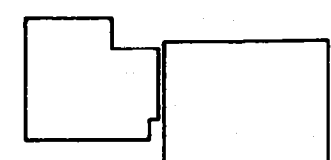
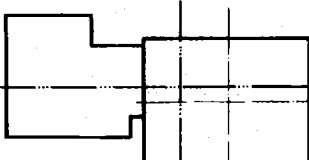
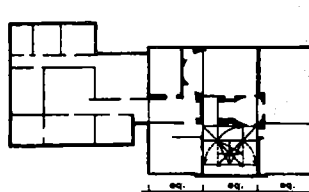
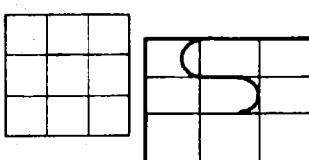
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PART



THƯ VIỆN
HUBT

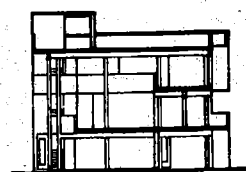
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

RICHARD MEIER

RICHARD MEIER

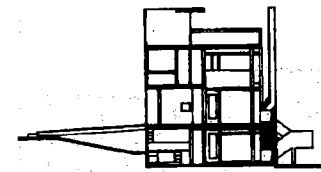
NHÀ Ở SMITH
DARIEN, CONNECTICUT
1965 - 1967

SMITH HOUSE
DARIEN, CONNECTICUT
1965 - 1967



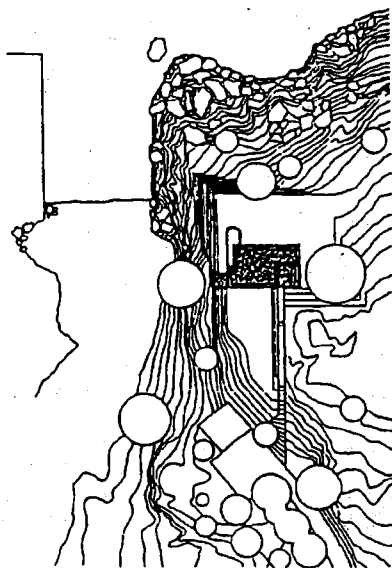
MẶT CẮT A

SECTION A



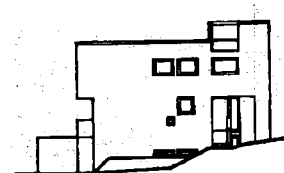
MẶT CẮT B

SECTION B



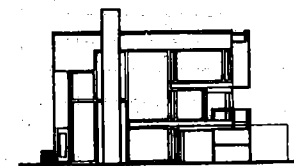
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



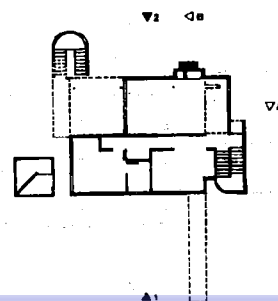
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



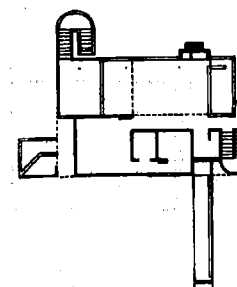
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



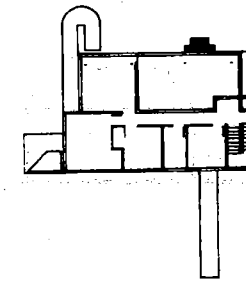
MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN



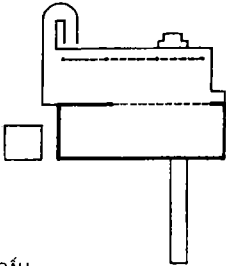
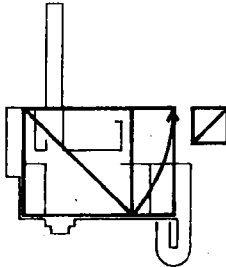
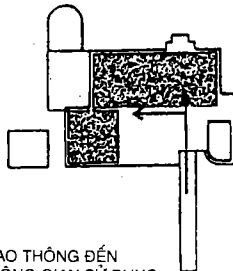
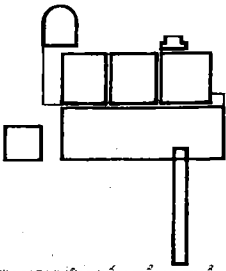
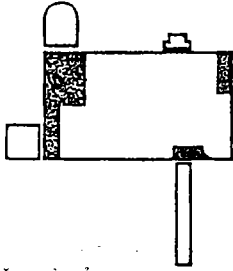
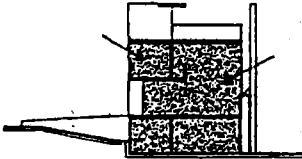
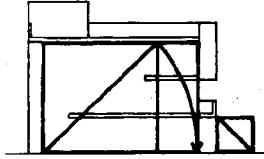
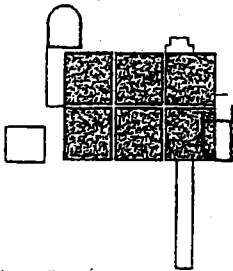
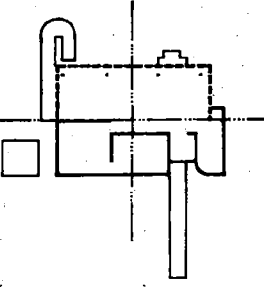
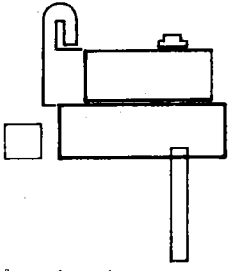
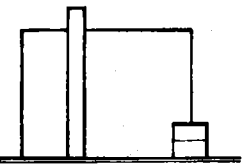
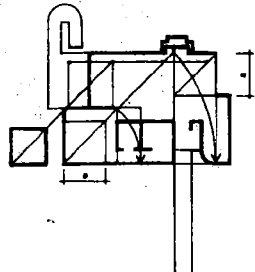
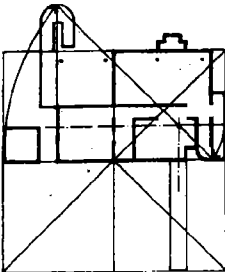
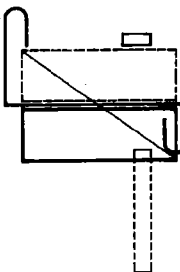
MẶT BẰNG TẦNG GIỮA

MIDDLE FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KĨ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



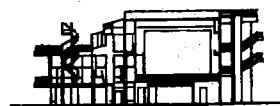
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

RICHARD MEIER

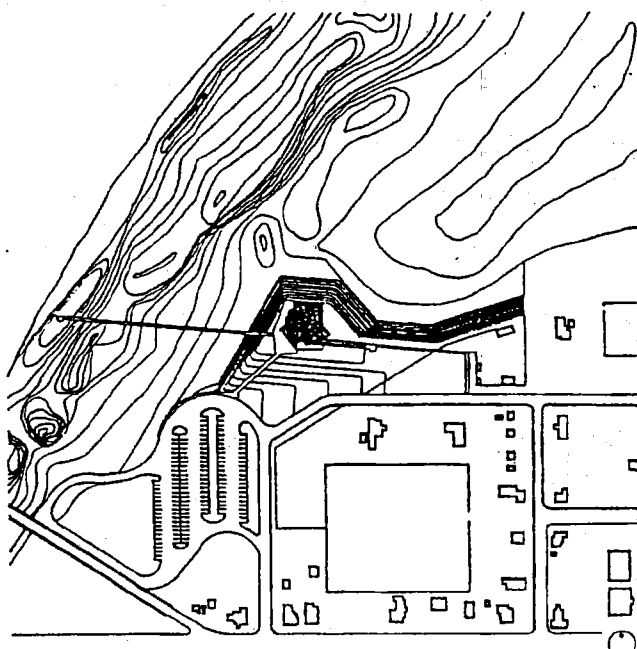
TRUNG TÂM LỮ KHÁCH
NEW HARMONY, INDIANA
1975 - 1979

THE ATHENEUM
NEW HARMONY, INDIANA
1975 - 1979



MẶT CẮT A

SECTION A



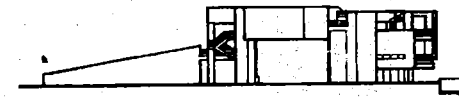
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



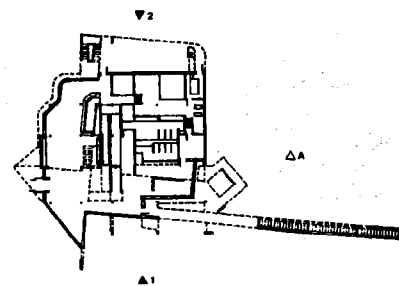
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



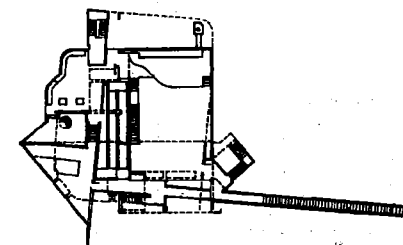
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



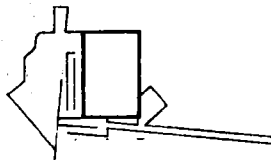
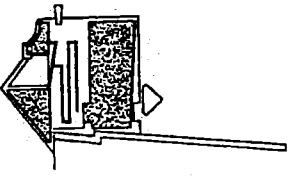
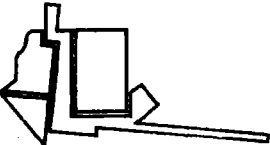
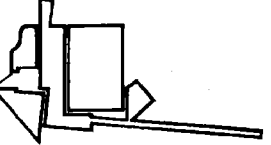
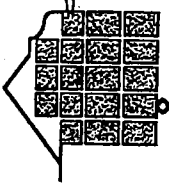
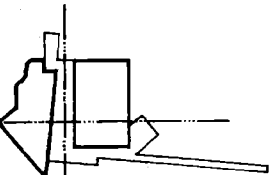
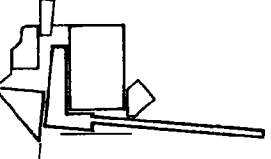
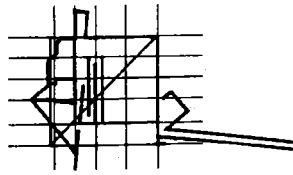
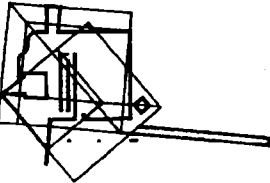
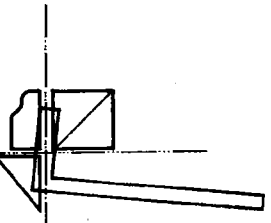
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG GIỮA

MIDDLE FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	  HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



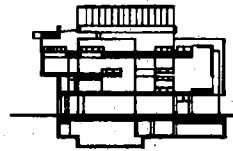
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

RICHARD MEIER

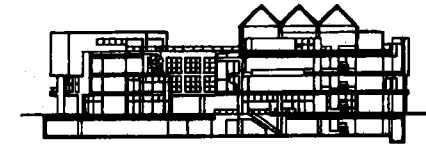
KHÁCH SẠN TRIỂN LÃM VÀ HỘI NGHỊ ULM
ULM, CHLB ĐỨC
1986 - 1992

ULM EXHIBITION AND ASSEMBLY BUILDING
ULM, GERMANY
1986 - 1992



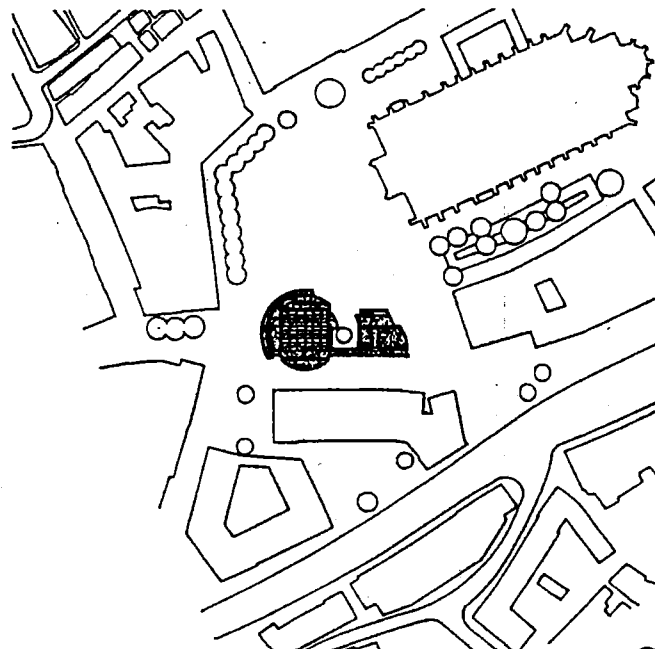
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



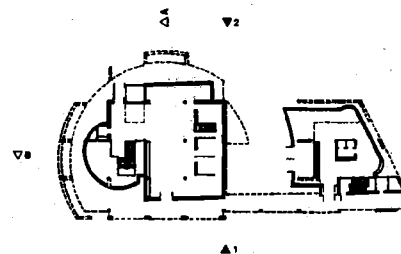
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



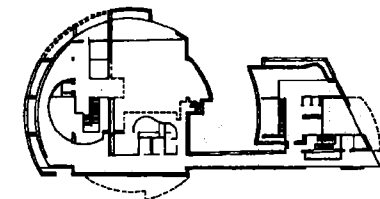
MẶT ĐŨNG 2

ELEVATION 2



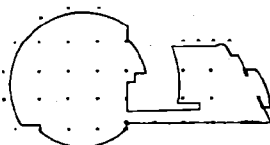
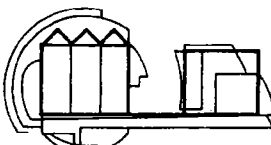
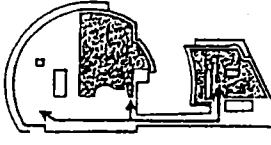
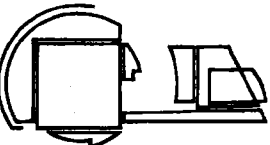
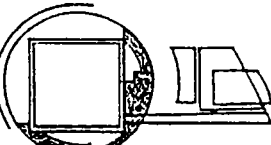
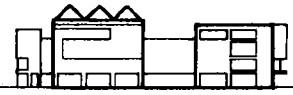
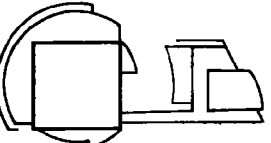
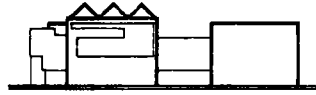
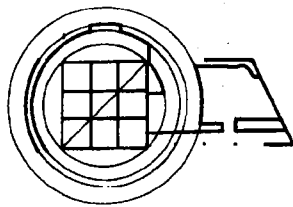
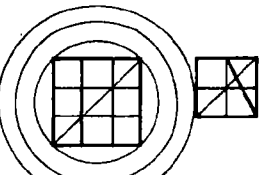
MẶT BẰNG TẦNG HAI

FIRST FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG BA

SECOND FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PART



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

RICHARD MEIER

DIỄN ĐÀN WEISHAUPT
SCHWENDI, CHLB ĐỨC
1987 - 1992

WEISHAUPT FORUM
SCHWENDI, GERMANY
1987 - 1992



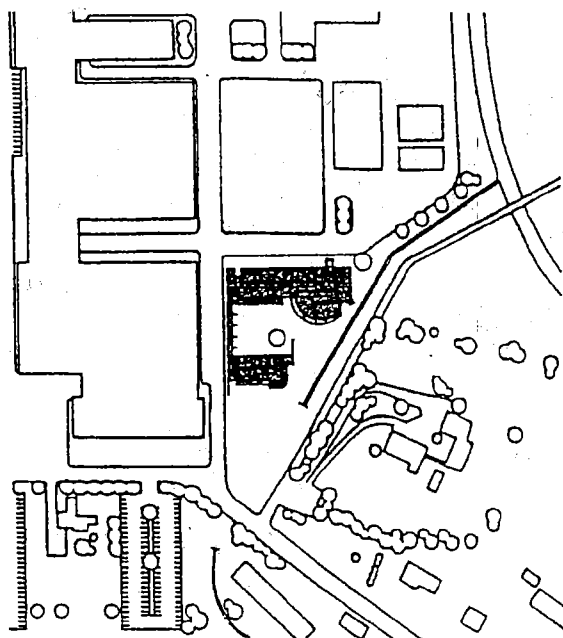
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



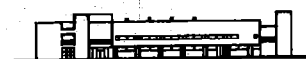
MẶT CẮT A

SECTION A



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



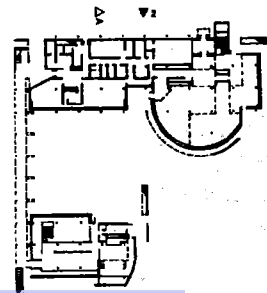
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



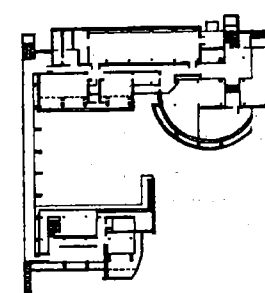
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3



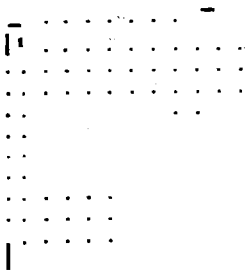
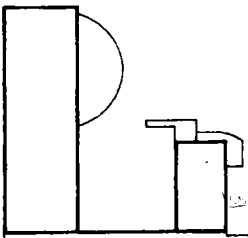
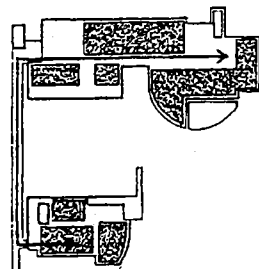
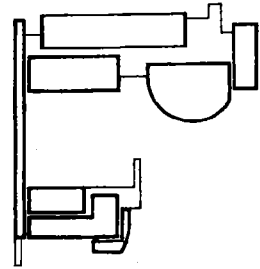
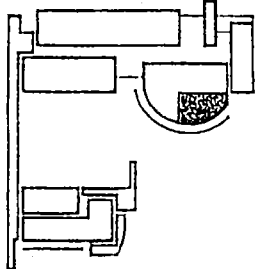
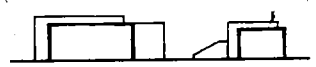
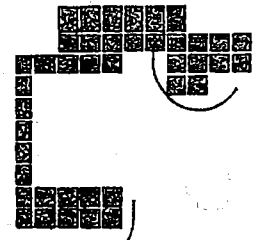
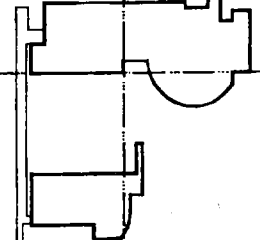
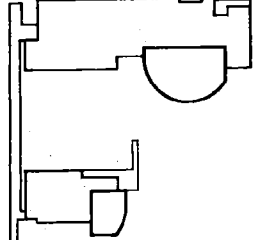
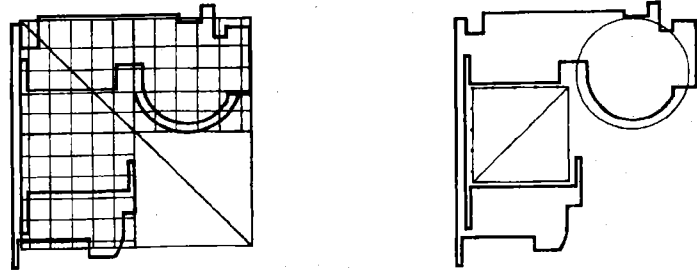
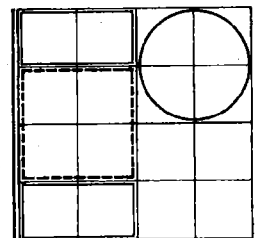
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIỚI THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

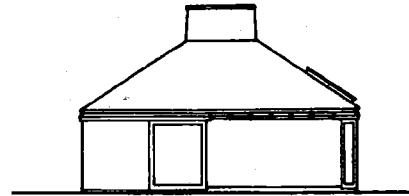
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CHARLES MOORE

CHARLES MOORE

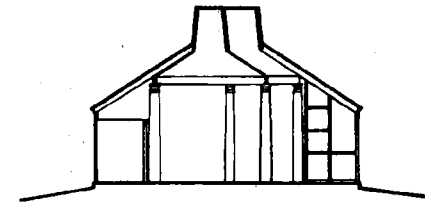
NHÀ Ở MOORE
ORINDA, CALIFORNIA
1962

MOORE HOUSE
ORINDA, CALIFORNIA
1962



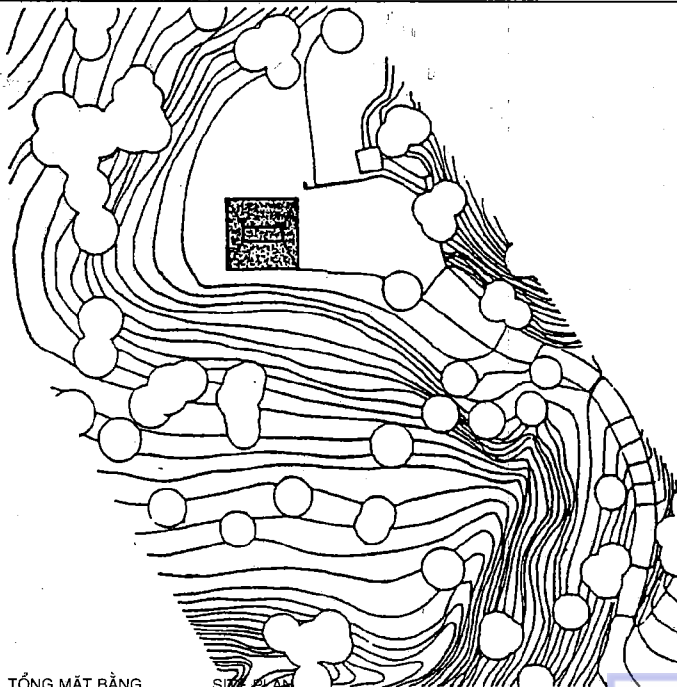
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



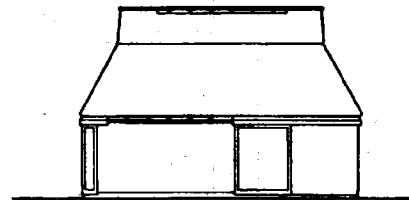
MẶT CẮT A

SECTION A



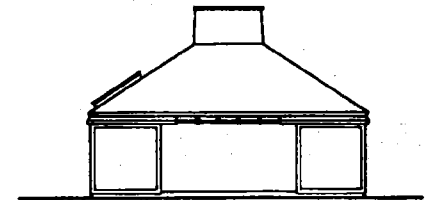
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



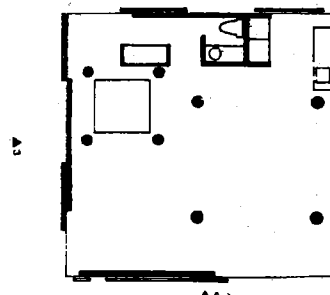
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT ĐỨNG 3

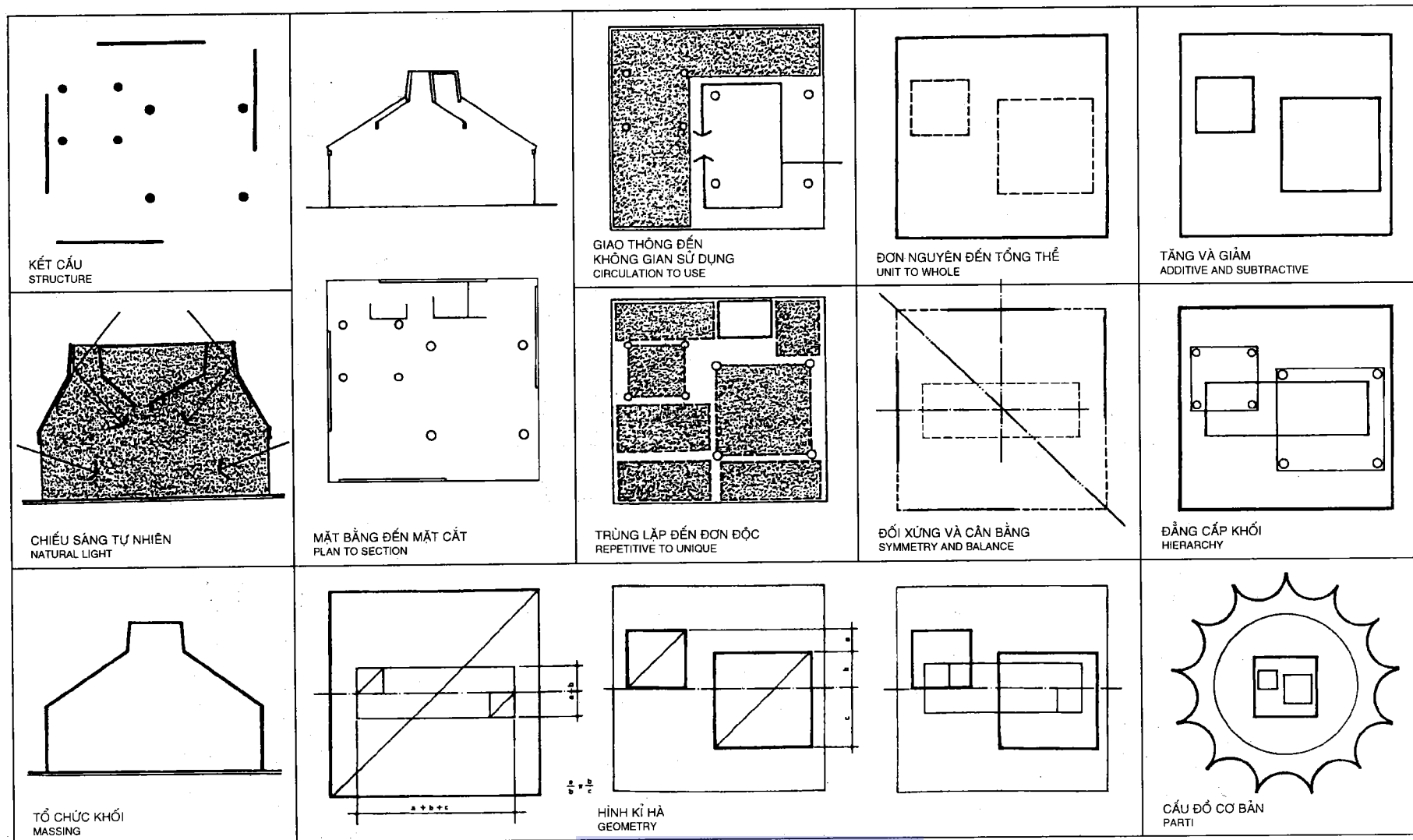
ELEVATION 3



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN





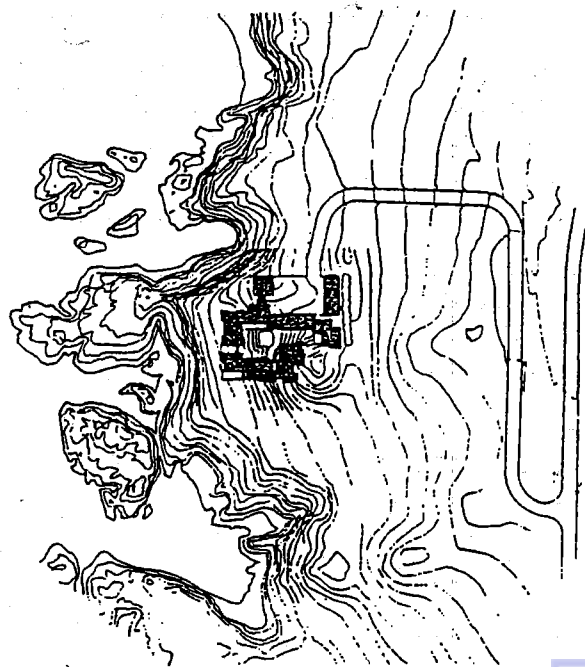
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

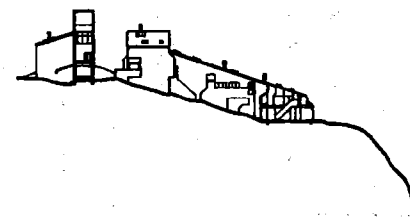
CHARLES MOORE

CHUNG CƯ I
SEA RANCH, CALIFORNIA
1964 - 1965

CONDOMINIUM I
SEA RANCH, CALIFORNIA
1964 - 1965



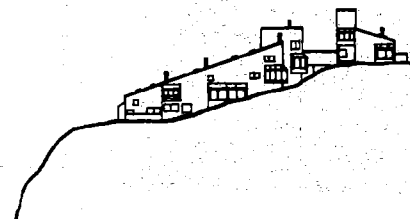
TỔNG MẶT BẰNG SITE PLAN



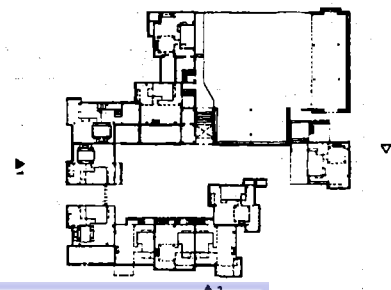
MẶT CẮT A SECTION A



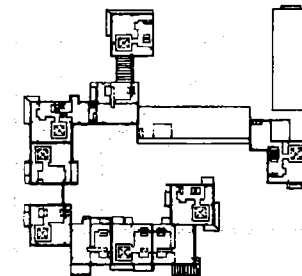
MẶT ĐỨNG 1 ELEVATION 1



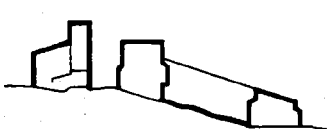
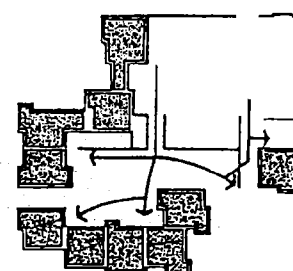
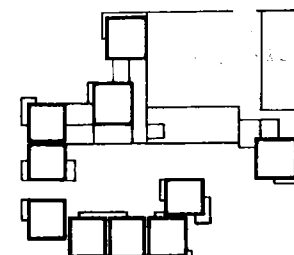
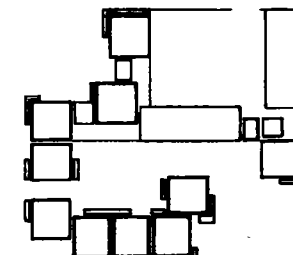
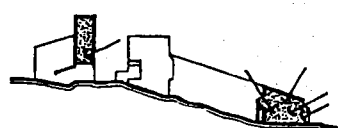
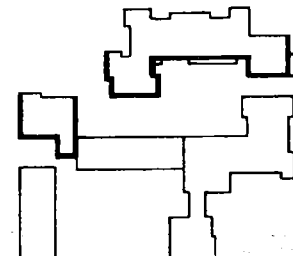
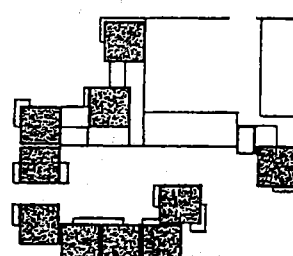
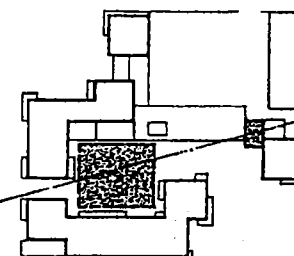
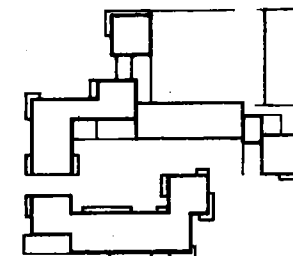
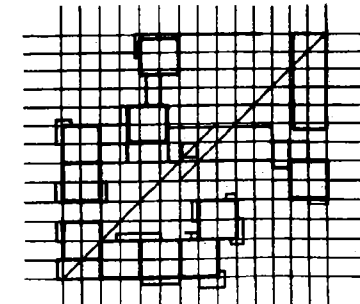
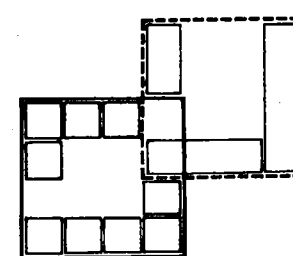
MẶT ĐỨNG 2 ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐÓC CƠ BẢN PARTI	

CHARLES MOORE

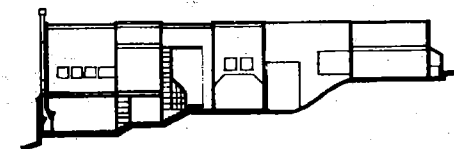
NHÀ Ở HINES
SEA RANCH, CALIFORNIA
1967

HINES HOUSE
SEA RANCH, CALIFORNIA
1967



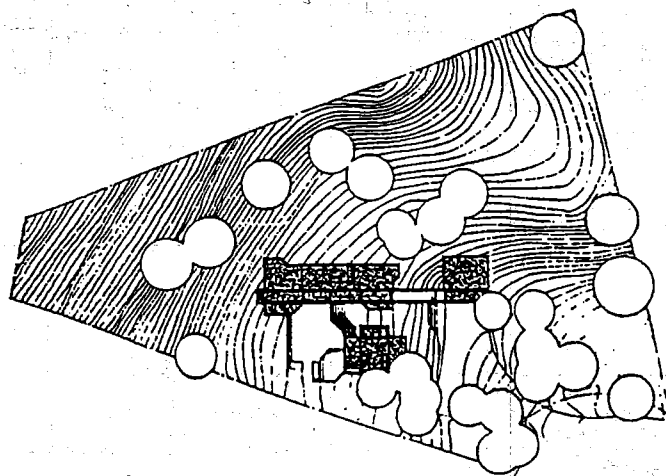
MẶT CẮT A

SECTION A



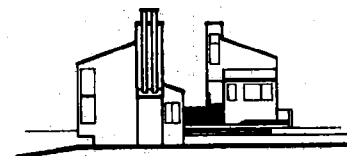
MẶT CẮT B

SECTION B



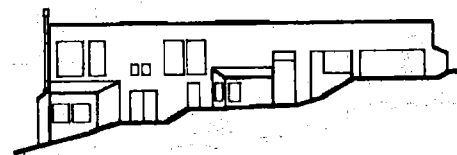
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



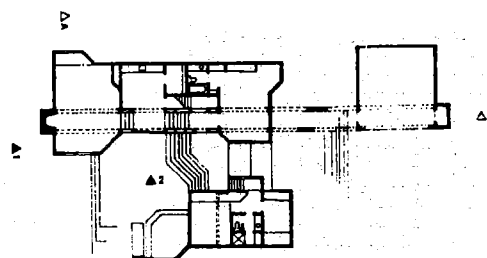
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

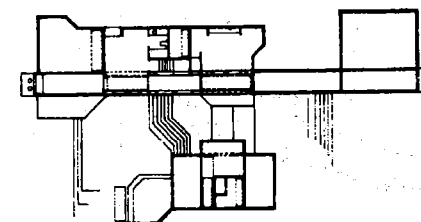


MẶT ĐỨNG 2

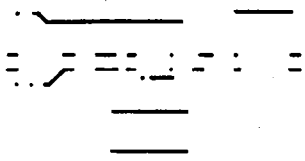
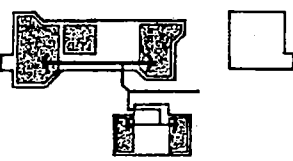
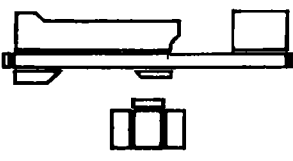
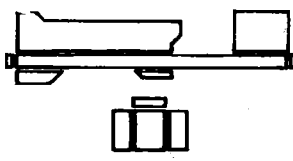
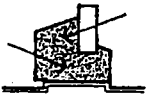
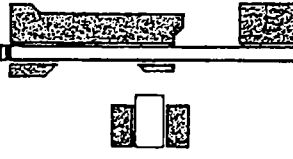
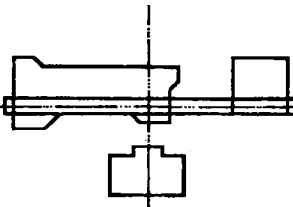
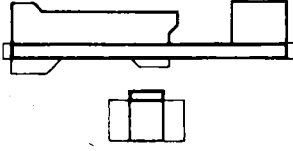
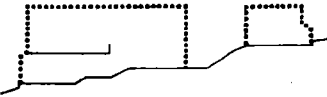
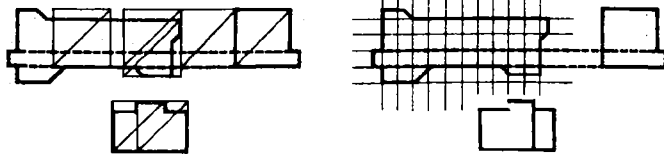
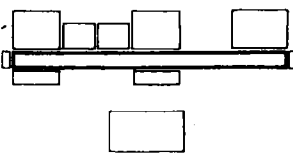
ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH - MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG - UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT		 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 HÌNH KÍ HẠ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



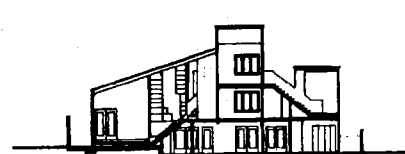
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CHARLES MOORE

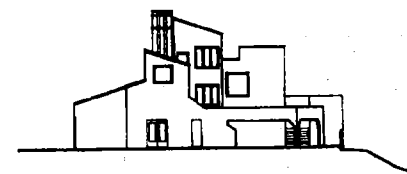
NHÀ Ở BURNS
SANTA MONICA CANYON, CALIFORNIA
1974

BURNS HOUSE
SANTA MONICA CANYON, CALIFORNIA
1974



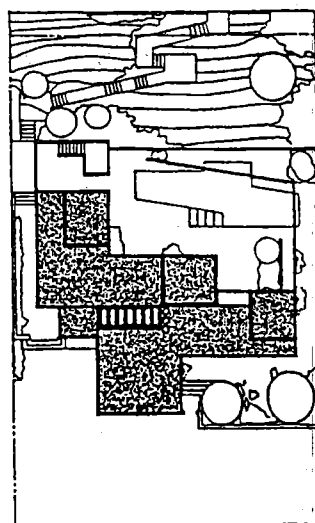
MẶT CẮT A

SECTION A



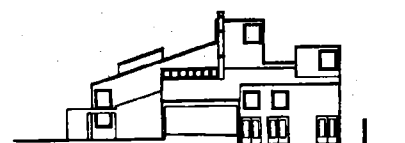
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



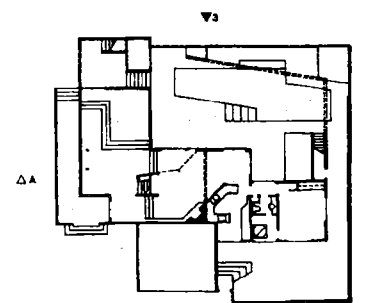
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



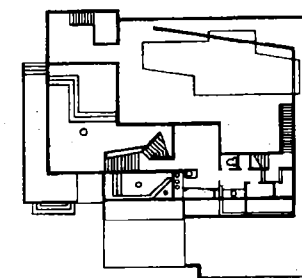
MẶT ĐÚNG 3

ELEVATION 3



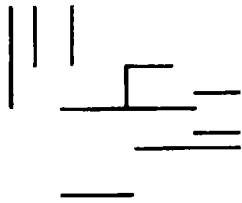
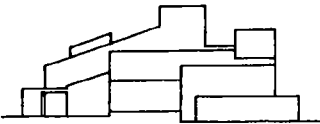
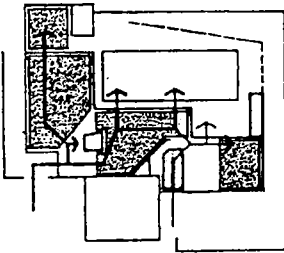
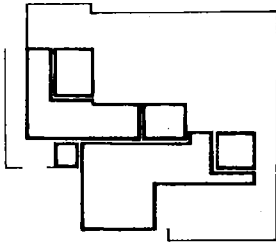
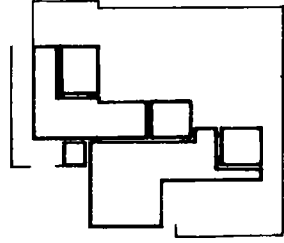
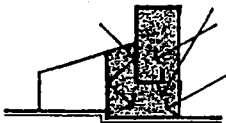
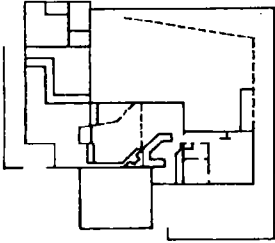
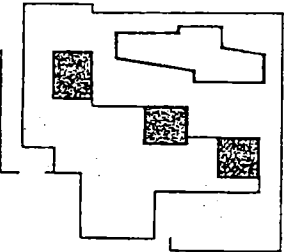
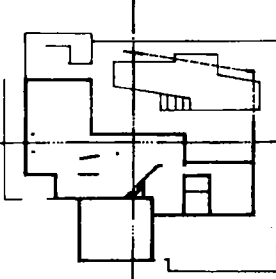
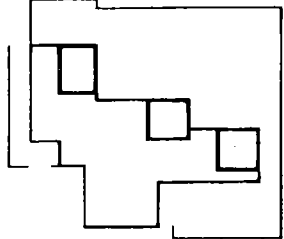
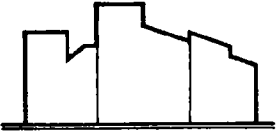
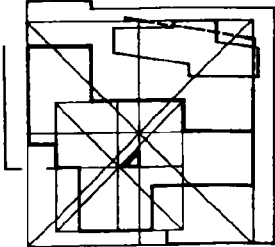
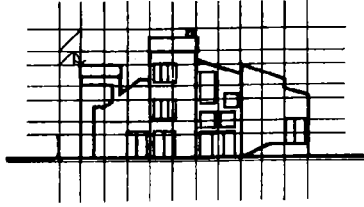
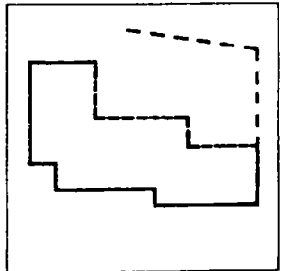
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

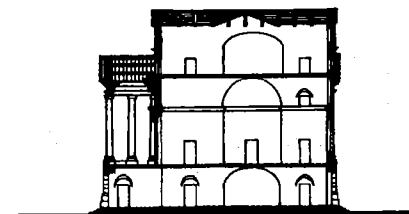
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ANDREA PALLADIO

ANDREA PALLADIO

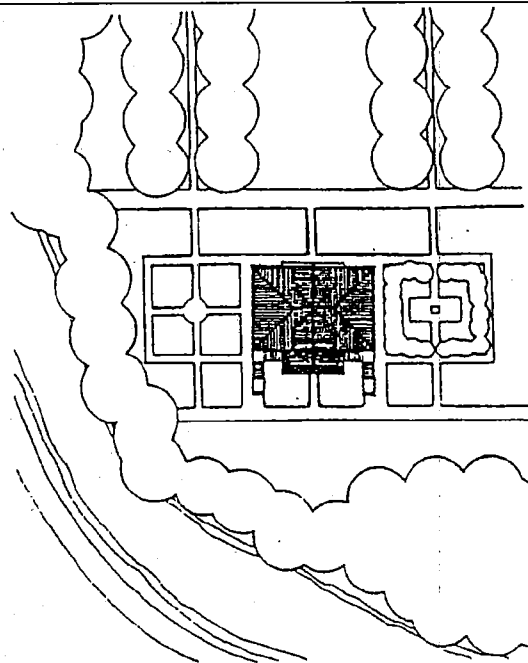
BIỆT THỰ FOSCARI
MALCONTENTA, Ý
1549 - 1563

VILLA FOSCARI
MALCONTENTA, ITALY
1549 - 1563



MẶT CẮT A

SECTION A



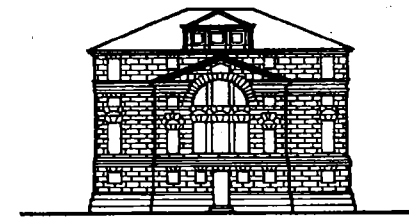
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



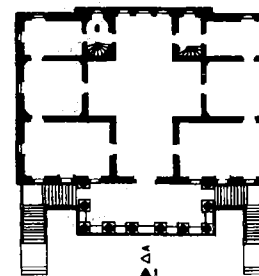
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

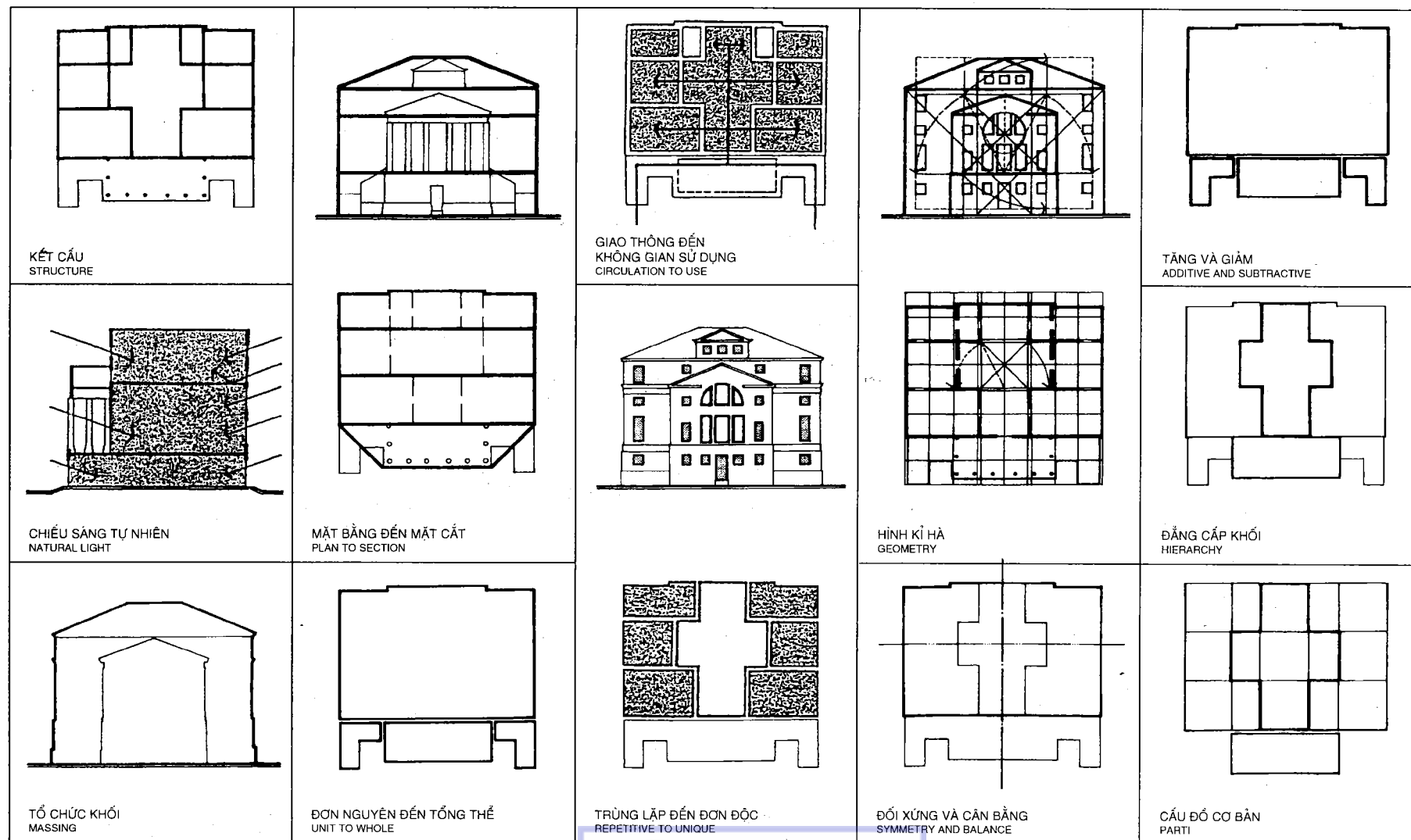


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN



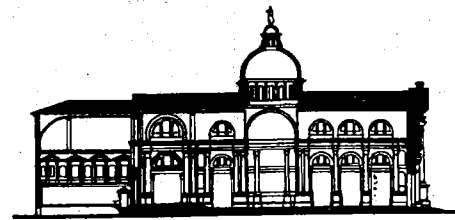
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ANDREA PALLADIO

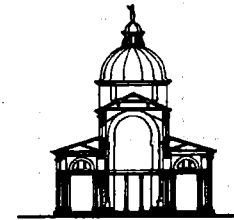
NHÀ THỜ THÁNH GIORGIO MAGGIORE
VENICE, Ý
1560 - 1580

CHURCH OF SAN GIORGIO MAGGIORE
VENICE, ITALY
1560 - 1580



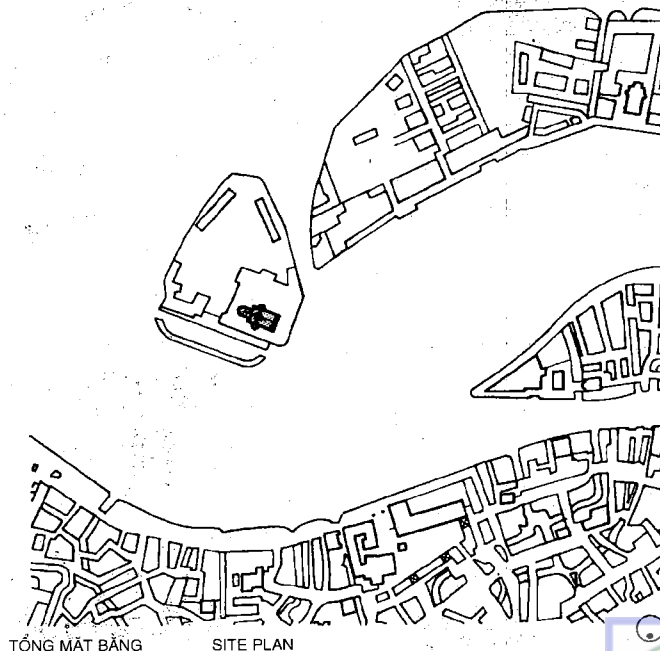
MẶT CẮT A

SECTION A



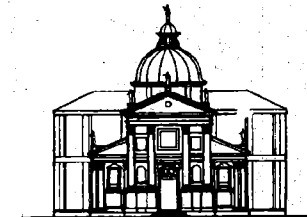
MẶT CẮT B

SECTION B



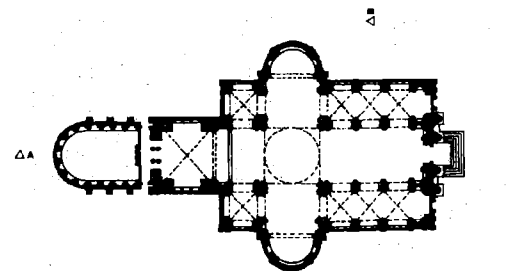
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

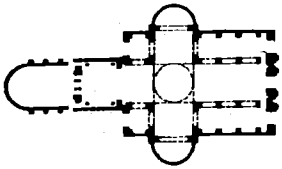
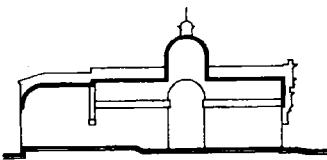
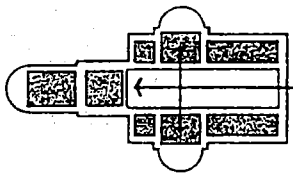
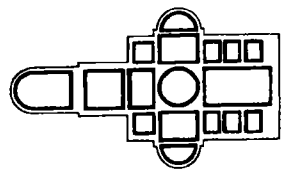
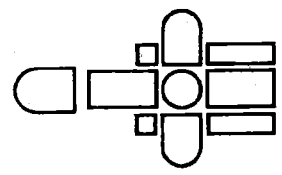
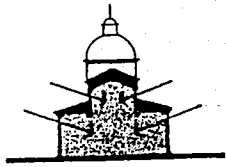
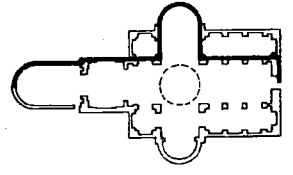
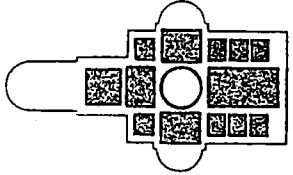
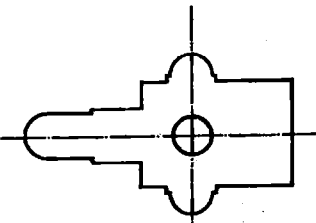
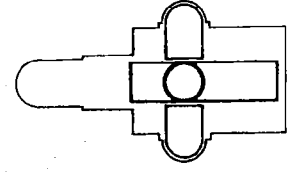
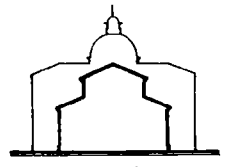
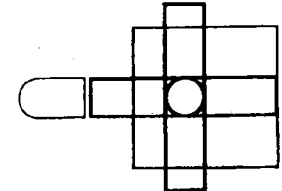


MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỶ HẠ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



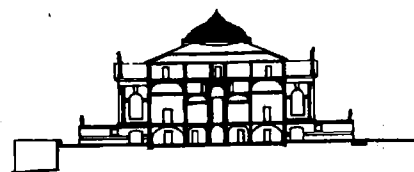
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ANDREA PALLADIO

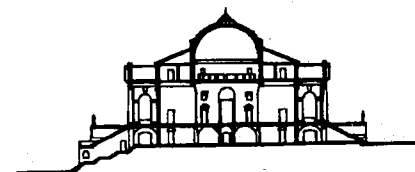
BIỆT THỰ MÃI TRÒN
(BIỆT THỰ CAPRA hoặc ALMERICO)
VICENZA, Ý
1566 - 1571

LA ROTONDA (VILLA CAPRA or ALMERICO)
VICENZA, ITALY
1566 - 1571



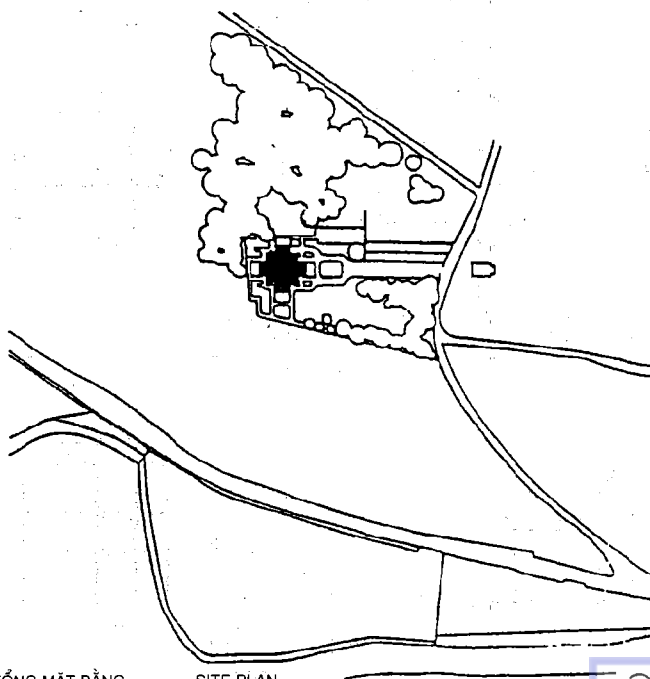
MẶT CẮT A

SECTION A



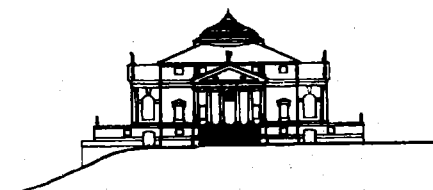
MẶT CẮT B

SECTION B



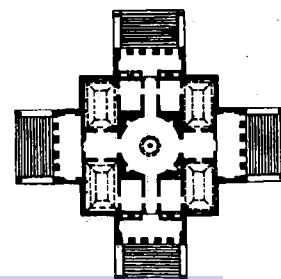
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

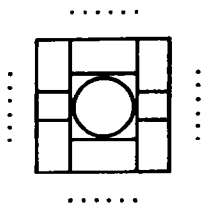
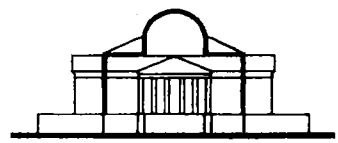
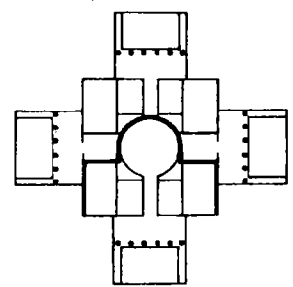
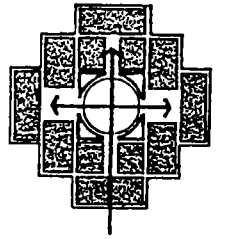
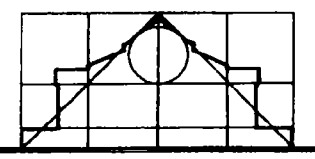
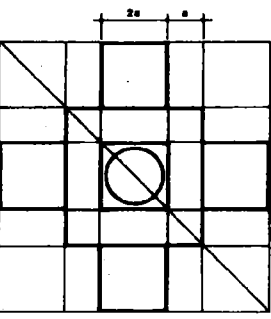
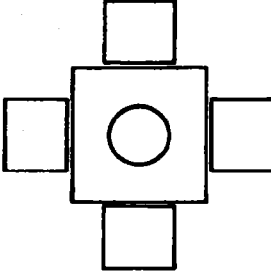
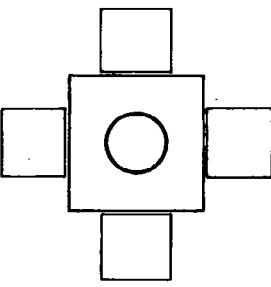
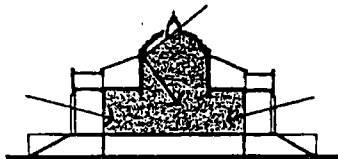
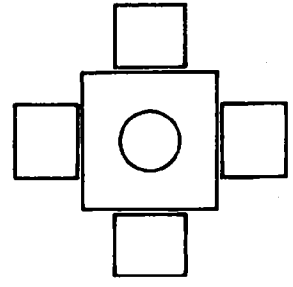
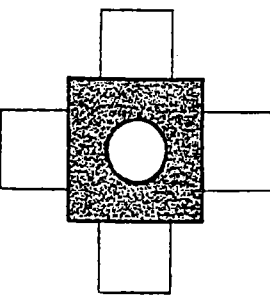
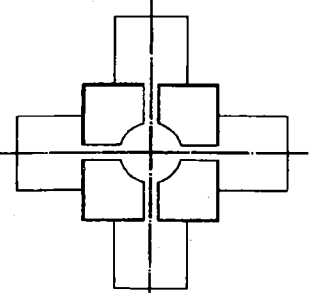
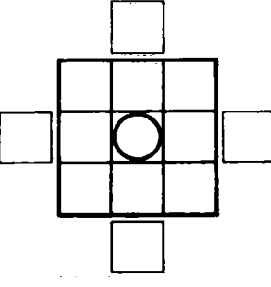


MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	  MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	  HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE  ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



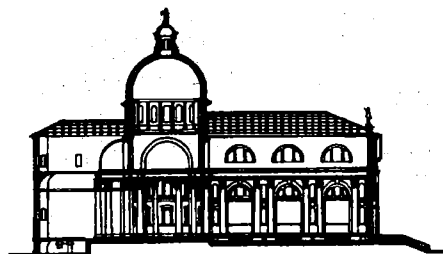
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ANDREA PALLADIO

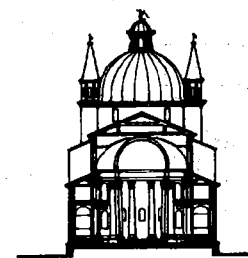
NHÀ THỜ REDENTORE
VENICE, Ý
1576 - 1591

REDENTORE CHURCH
VENICE, ITALY
1576 - 1591



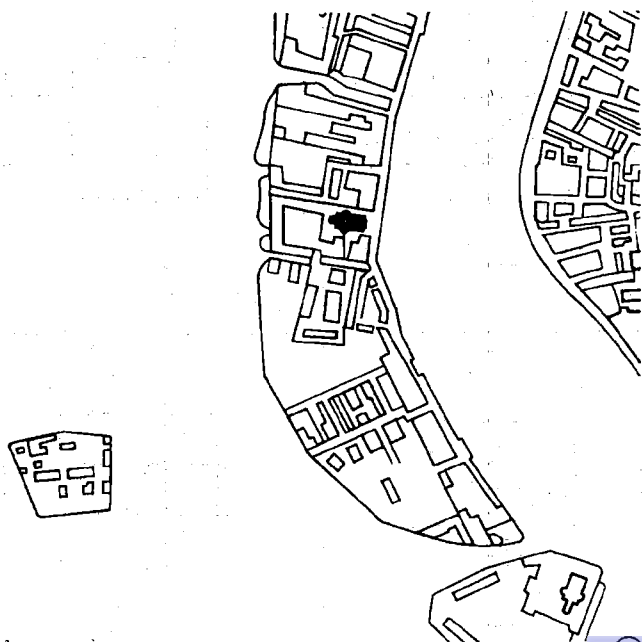
MẶT CẮT A

SECTION A



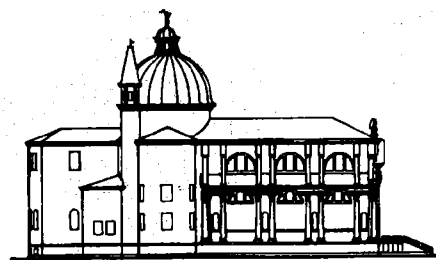
MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



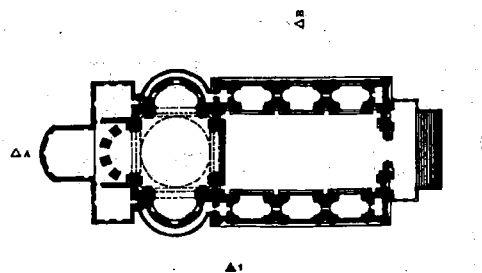
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



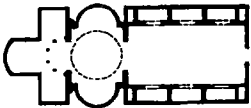
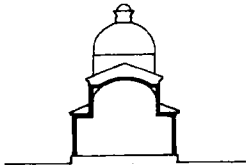
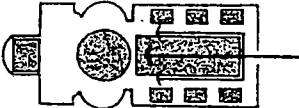
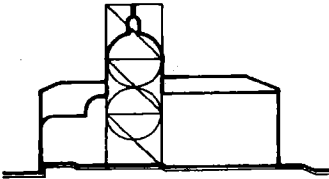
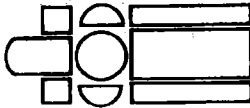
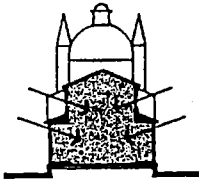
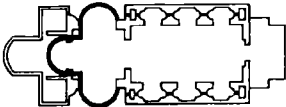
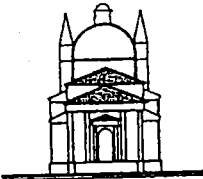
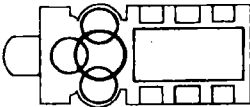
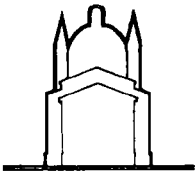
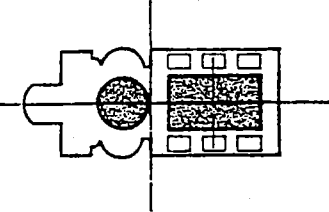
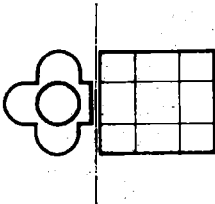
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

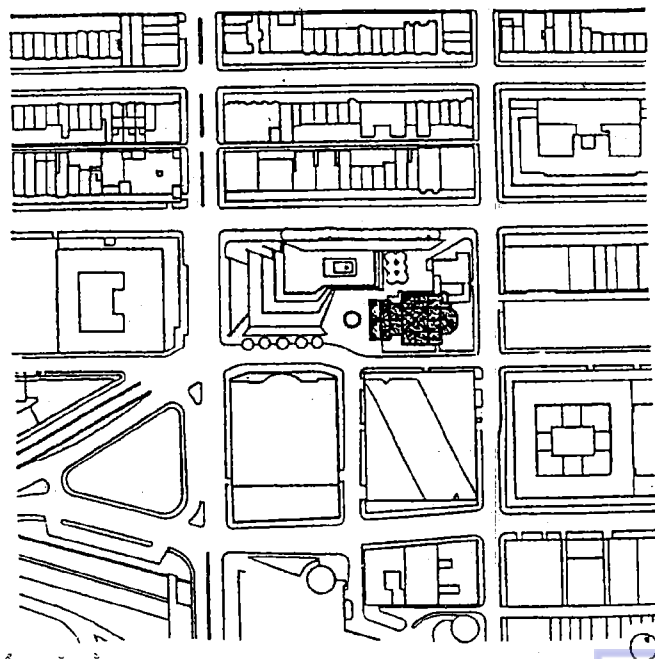
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

HENRY HOBSON RICHARDSON

HENRY HOBSON RICHARDSON

NHÀ THỜ TAM THÁNH
BOSTON, MASSACHUSETTS
1872 - 1877

TRINITY CHURCH
BOSTON, MASSACHUSETTS
1872 - 1877



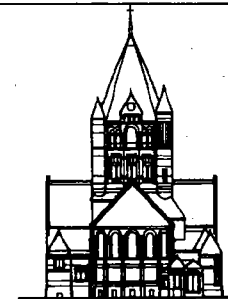
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



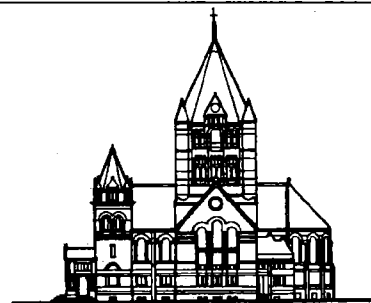
MẶT CẮT A

SECTION A



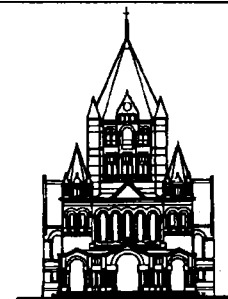
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



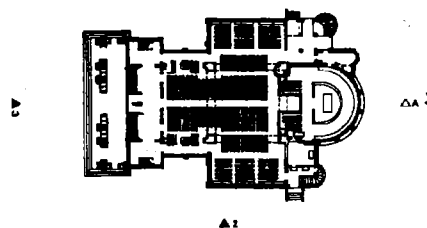
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2

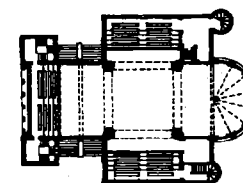


MẶT ĐỨNG 3

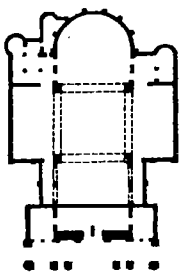
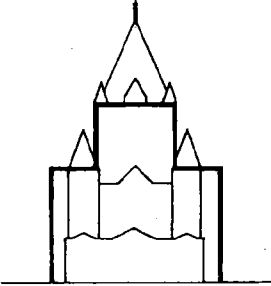
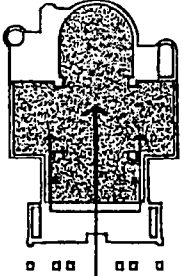
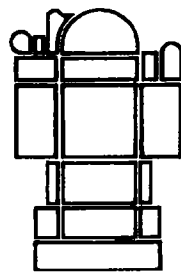
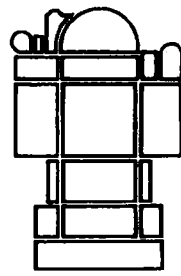
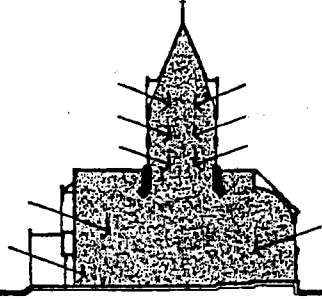
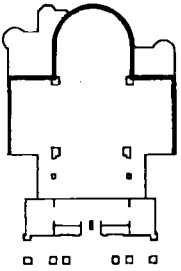
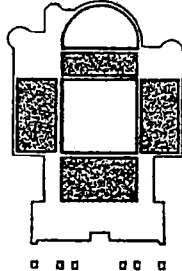
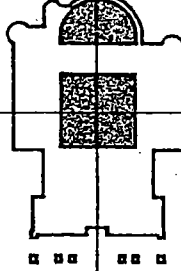
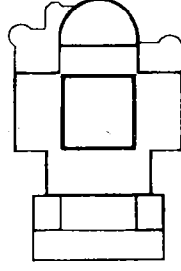
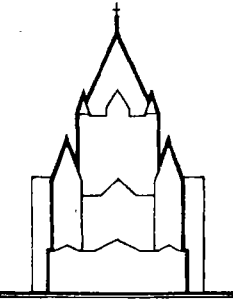
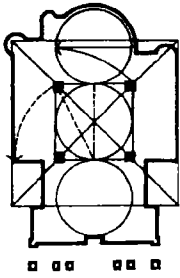
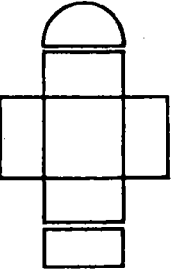
ELEVATION 3



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



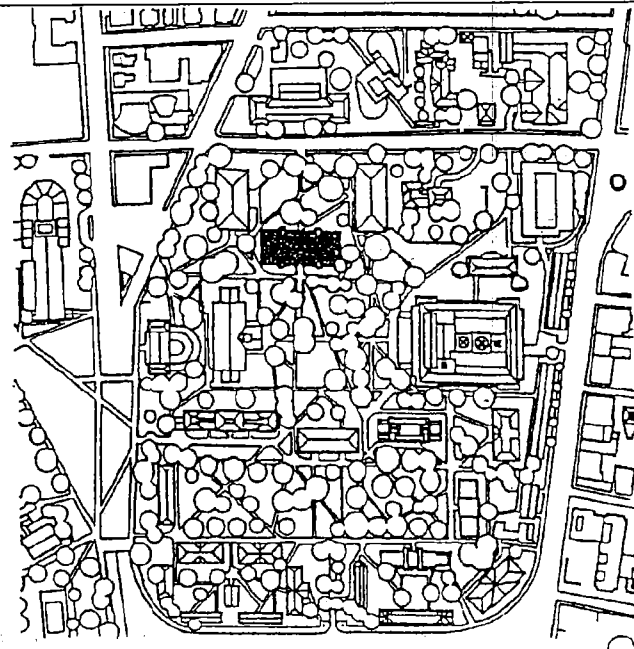
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

HENRY HOBSON RICHARDSON

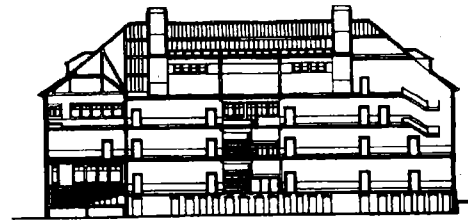
TOÀ NHÀ SEVER
ĐẠI HỌC HARVARD
CAMBRIDGE, MASSACHUSETTS
1878 - 1880

SEVER HALL
HARVARD UNIVERSITY
CAMBRIDGE, MASSACHUSETTS
1878 - 1880



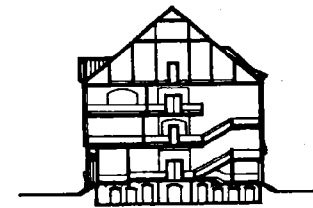
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



MẶT CẮT A

SECTION A



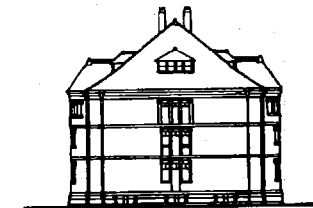
MẶT CẮT B

SECTION B



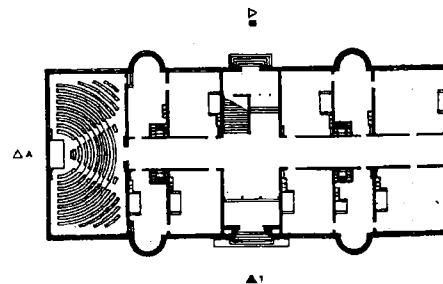
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



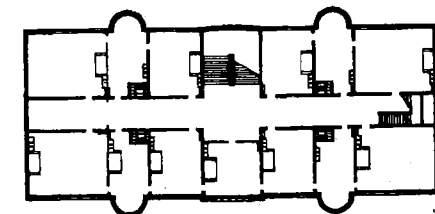
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



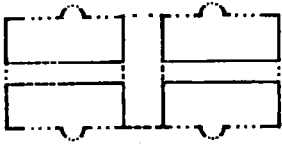
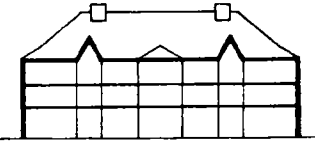
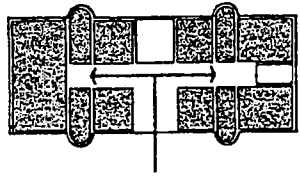
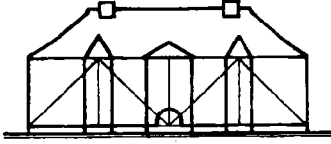
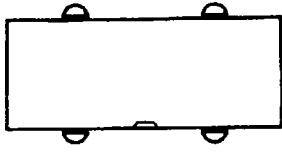
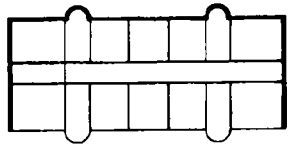
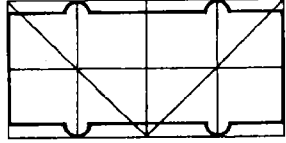
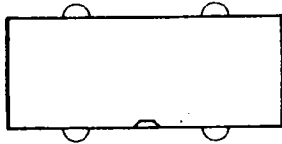
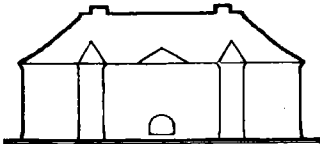
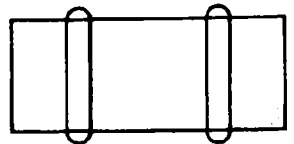
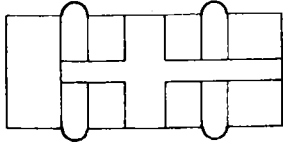
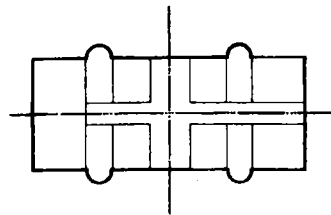
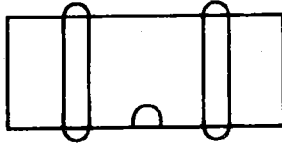
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



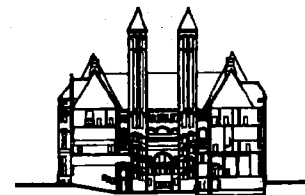
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

HENRY HOBSON RICHARDSON

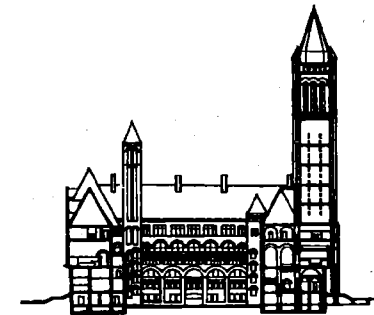
TOÀ ÁN ALLEGHENY
PITTSBURGH, PENNSYLVANIA
1883 - 1888

ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
PITTSBURGH, PENNSYLVANIA
1883 - 1888



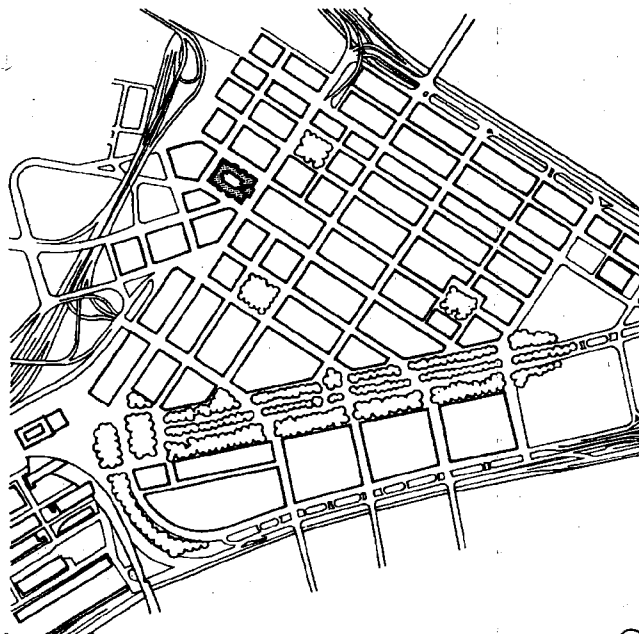
MẶT CẮT A

SECTION A



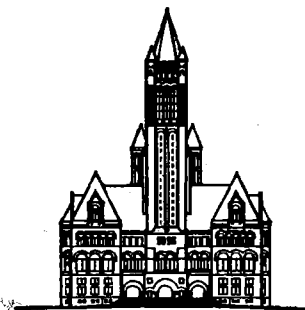
MẶT CẮT B

SECTION B



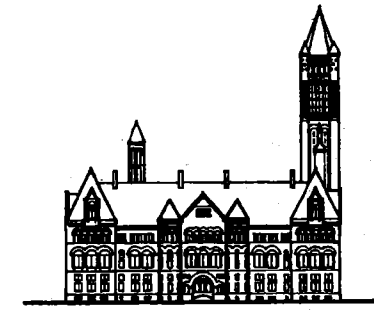
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



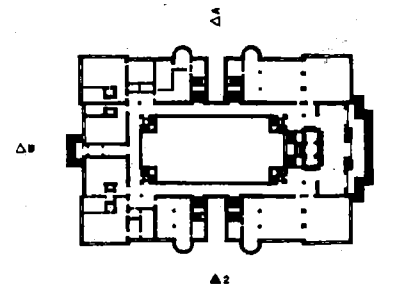
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



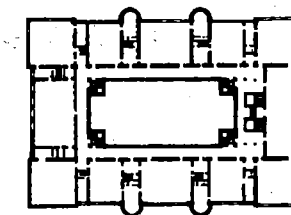
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



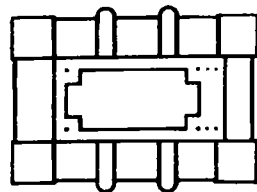
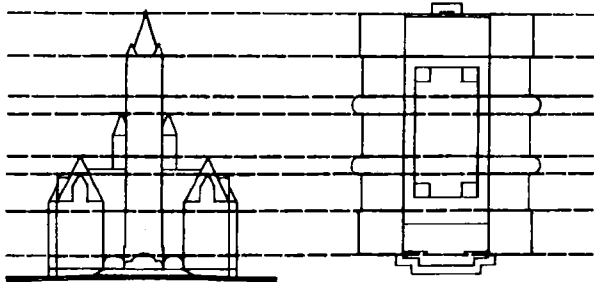
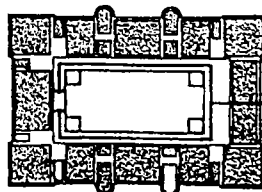
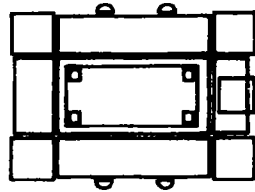
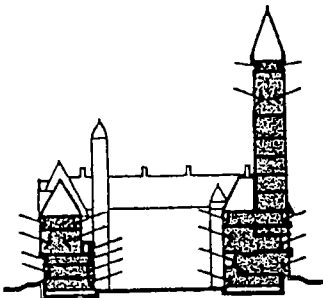
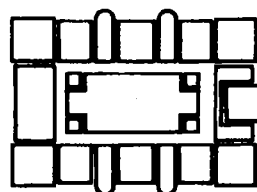
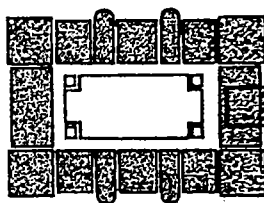
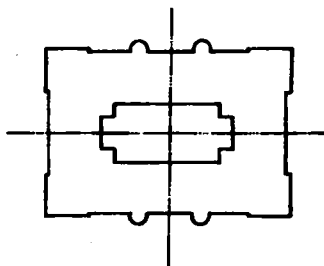
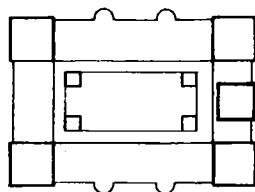
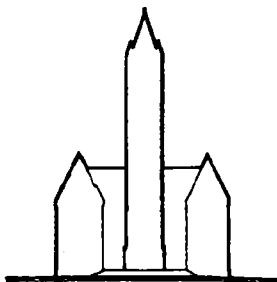
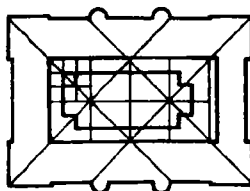
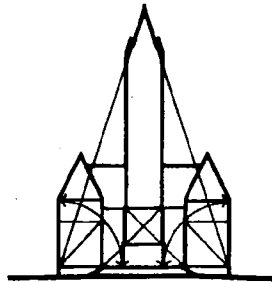
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÍ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

HENRY HOBSON RICHARDSON

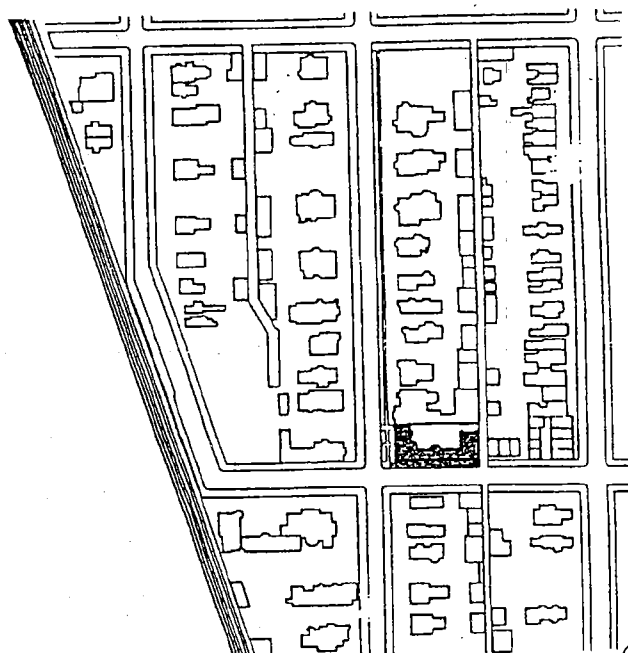
NHÀ Ở J.J. GLESSNER
CHICAGO, ILLINOIS
1885 - 1887

J.J. GLESSNER HOUSE
CHICAGO, ILLINOIS
1885 - 1887



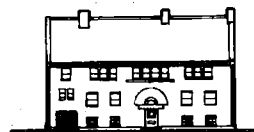
MẶT CẮT A

SECTION A



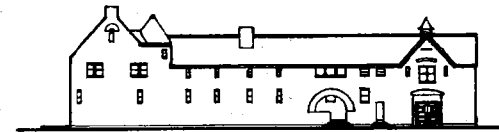
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



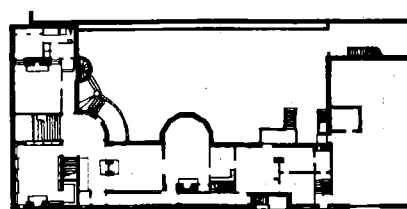
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

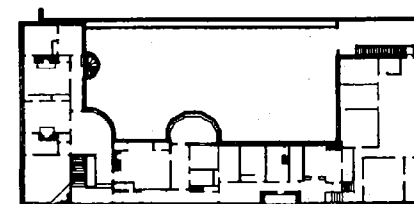


MẶT ĐỨNG 2

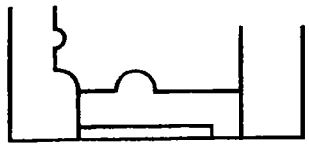
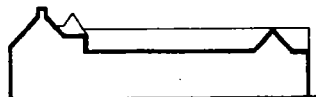
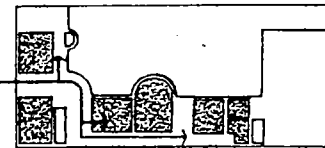
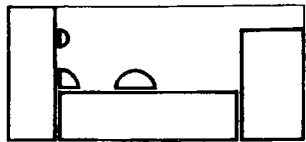
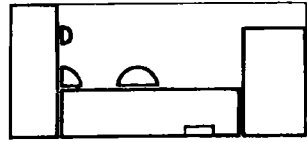
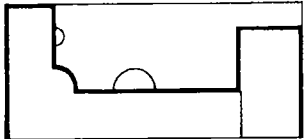
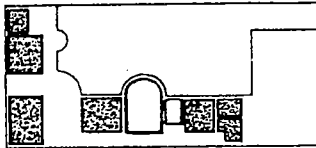
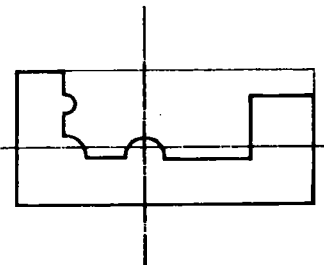
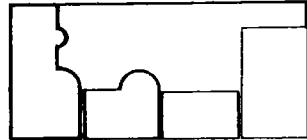
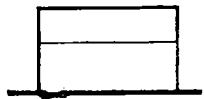
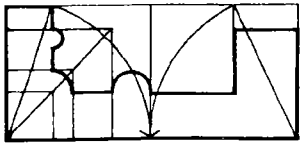
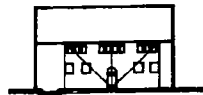
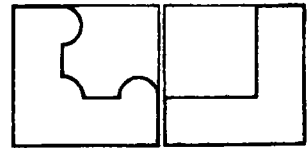
ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH - MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG - UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	  HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

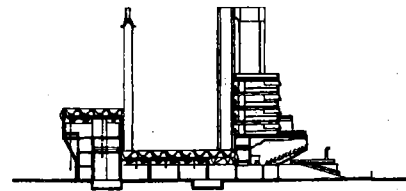
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

JAMES STIRLING

JAMES STIRLING

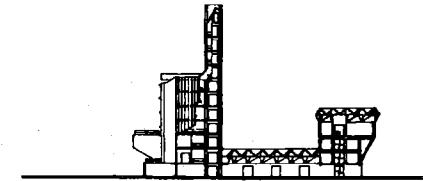
VIỆN CÔNG TRÌNH
ĐẠI HỌC LEICESTER
LEICESTER, ANH
1959

ENGINEERING BUILDING
LEICESTER UNIVERSITY
LEICESTER, ENGLAND
1959



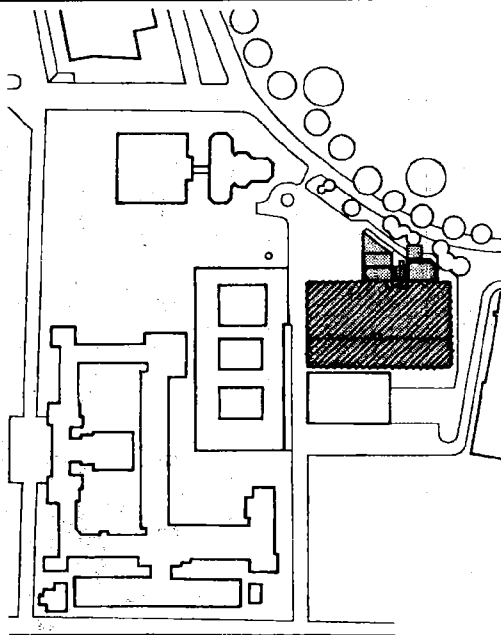
MẶT CẮT A

SECTION A



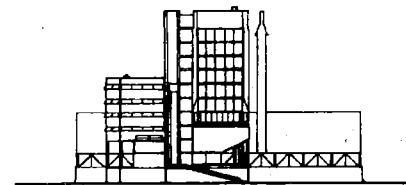
MẶT CẮT B

SECTION B



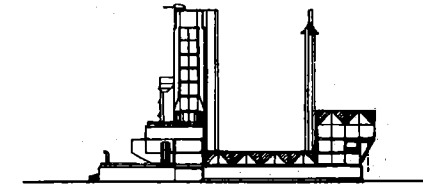
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



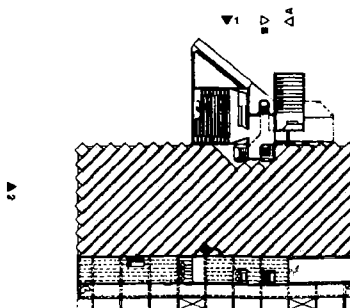
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



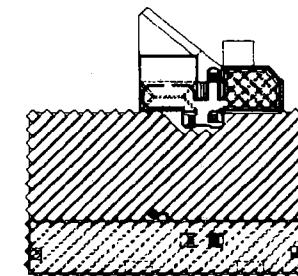
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



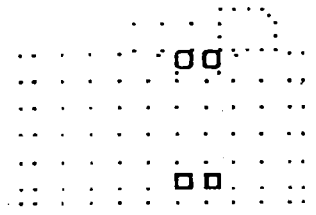
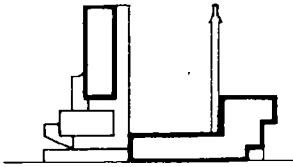
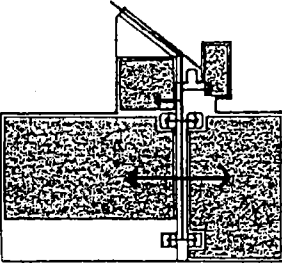
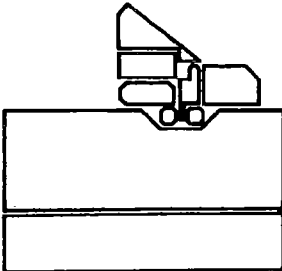
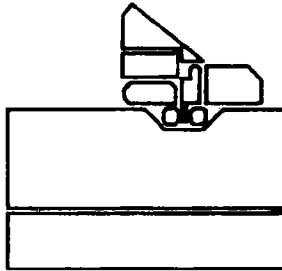
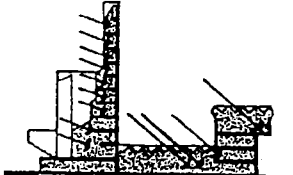
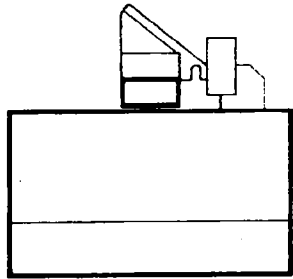
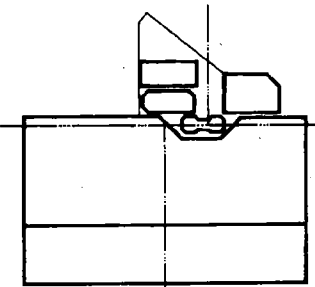
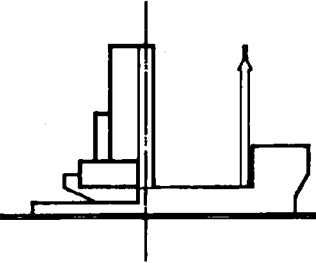
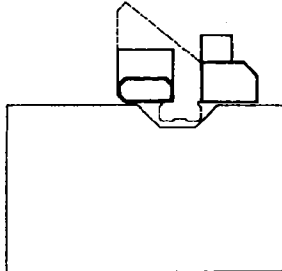
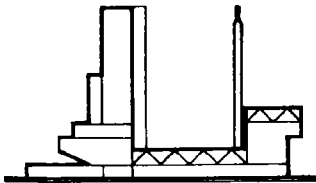
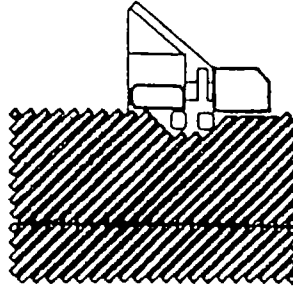
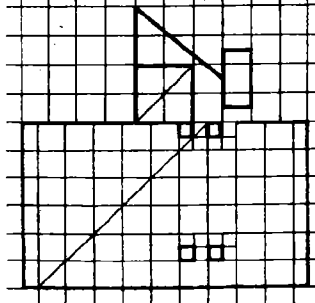
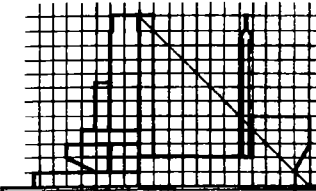
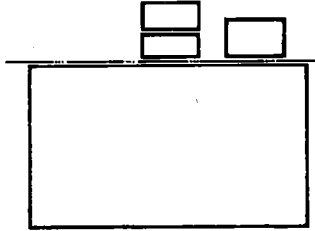
MẶT BẰNG TẦNG GIỮA

MIDDLE FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE		 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KÌ HẠ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

JAMES STIRLING

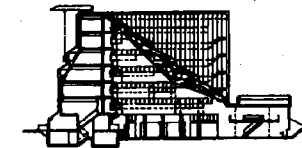
KHOA LỊCH SỬ
ĐẠI HỌC CAMBRIDGE
CAMBRIDGE, ANH
1964

HISTORY FACULTY BUILDING
CAMBRIDGE UNIVERSITY
CAMBRIDGE, ENGLAND
1964



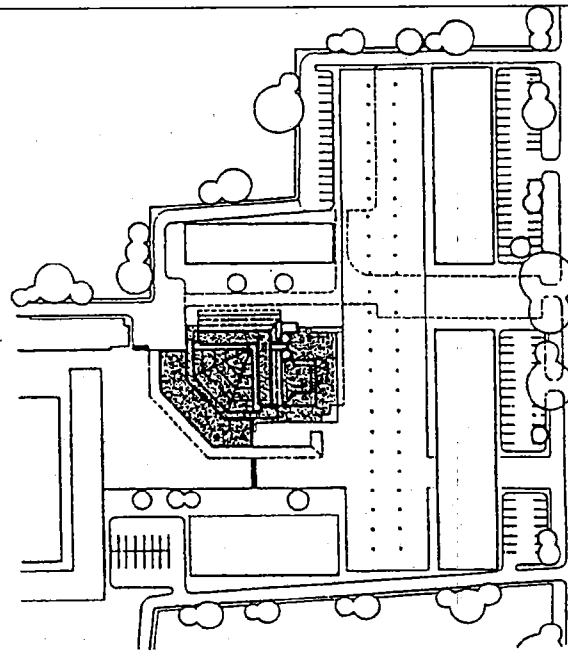
MẶT CẮT A

SECTION A



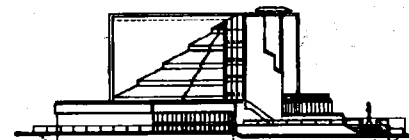
MẶT CẮT B

SECTION B



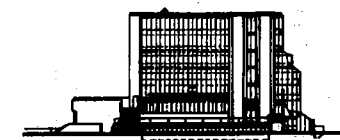
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



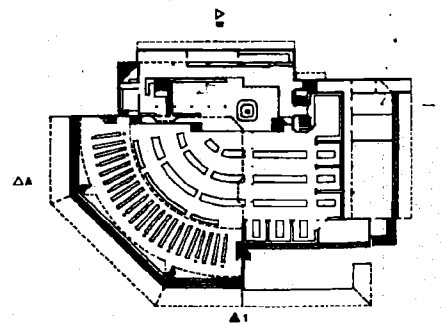
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



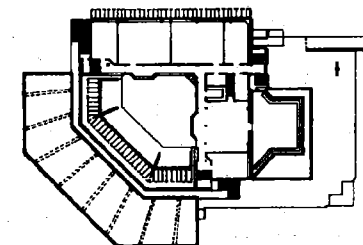
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



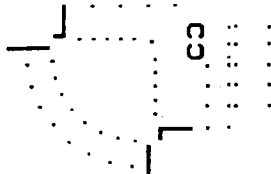
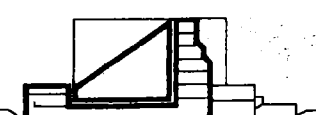
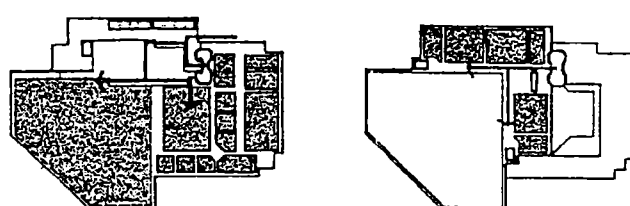
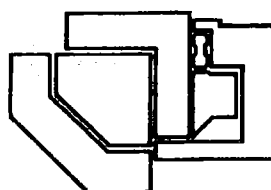
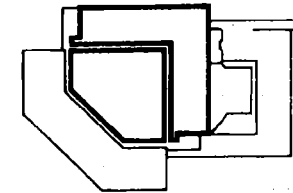
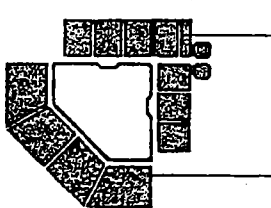
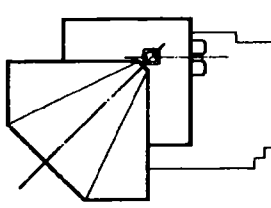
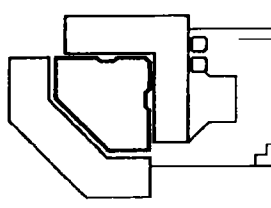
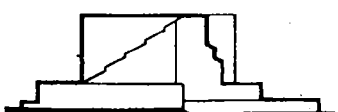
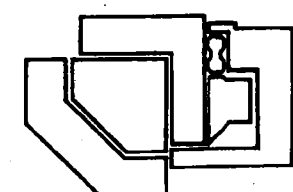
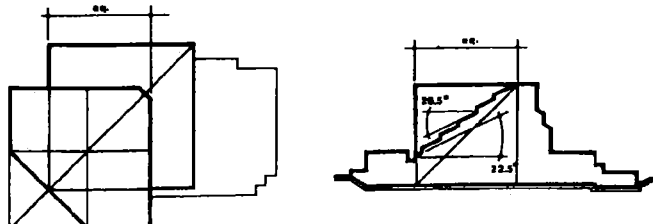
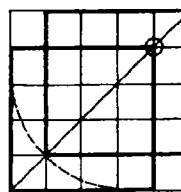
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE	
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



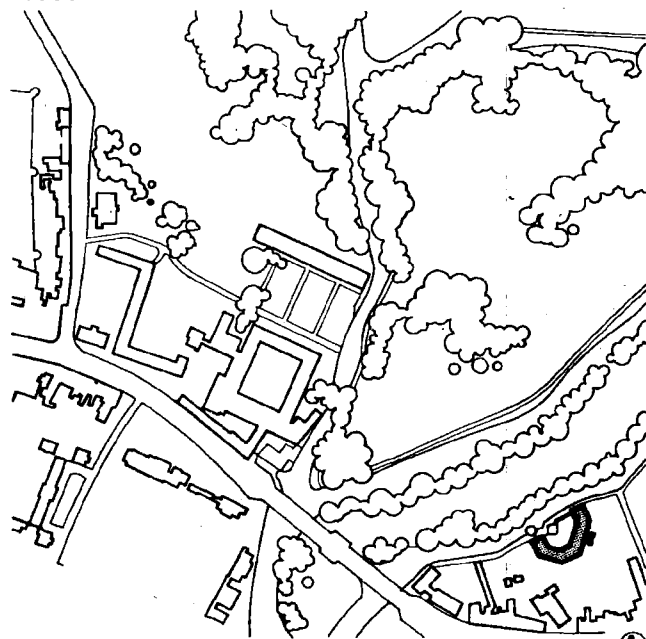
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

JAMES STIRLING

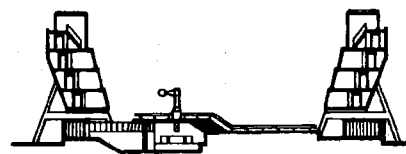
TOÀ NHÀ FLOREY
TRƯỜNG TRUNG HỌC NỮ HOÀNG
OXFORD, ANH
1966

FLOREY BUILDING
QUEENS COLLEGE
OXFORD, ENGLAND
1966



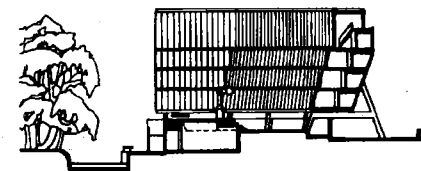
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



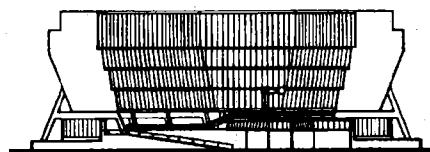
MẶT CẮT A

SECTION A



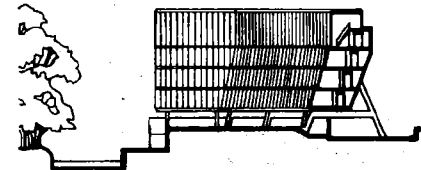
MẶT CẮT B

SECTION B



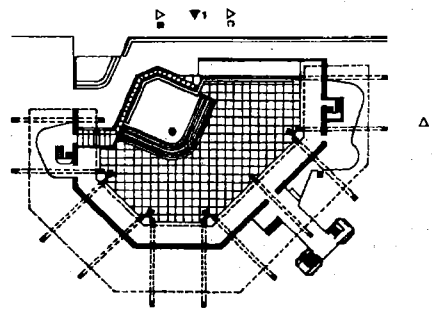
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



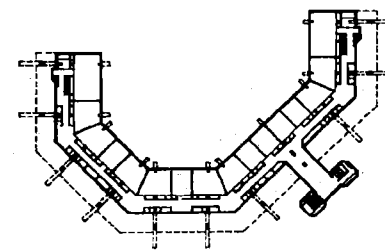
MẶT CẮT C

SECTION C



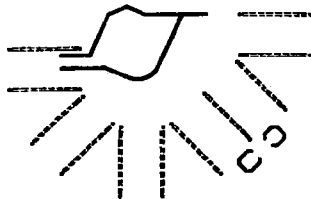
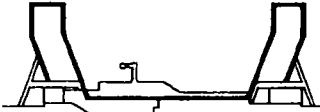
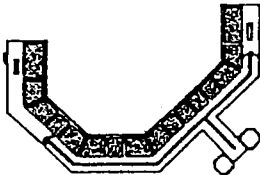
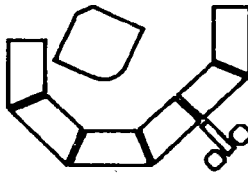
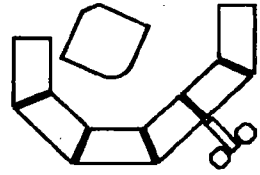
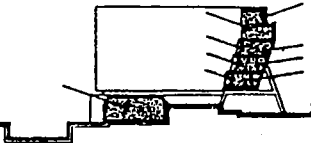
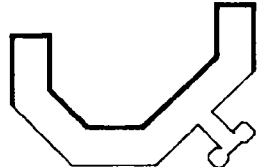
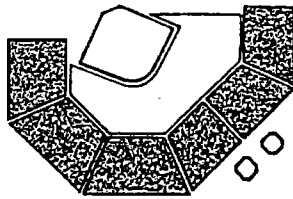
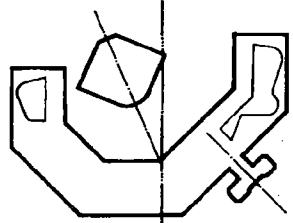
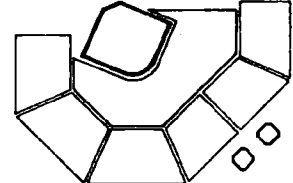
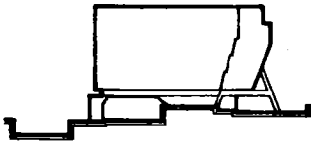
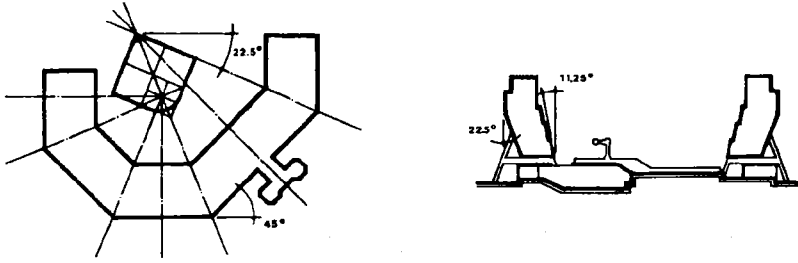
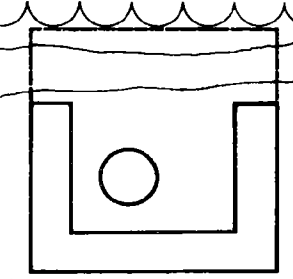
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG TIÊU CHUẨN

TYPICAL FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	

JAMES STIRLING

TRƯỜNG CHUYÊN KHOA OLIVETTI
HASLEMERE, SURREY, ANH
1969

OLIVETTI TRAINING SCHOOL
HASLEMERE, SURREY, ENGLAND
1969



MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



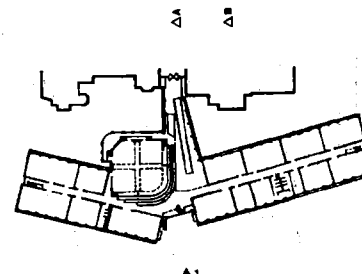
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



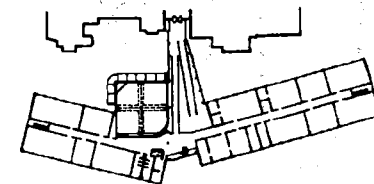
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



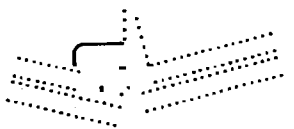
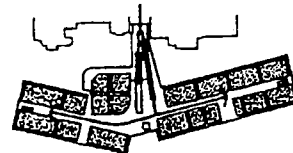
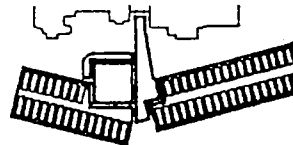
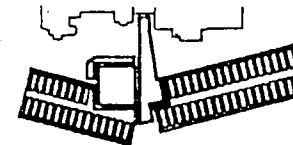
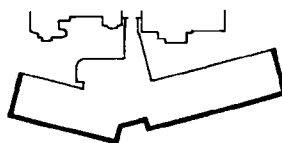
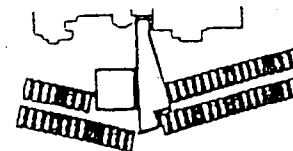
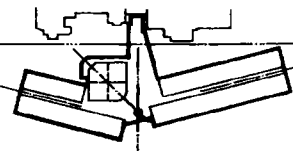
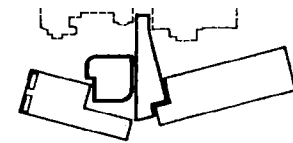
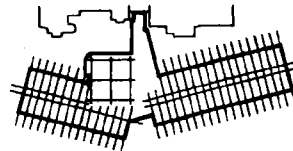
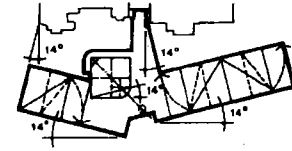
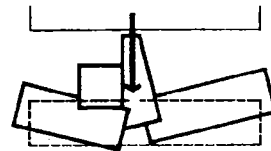
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	  HÌNH KỶ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

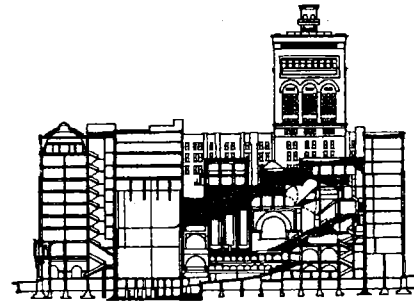
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS SULLIVAN

LOUIS SULLIVAN

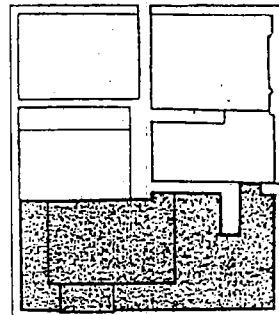
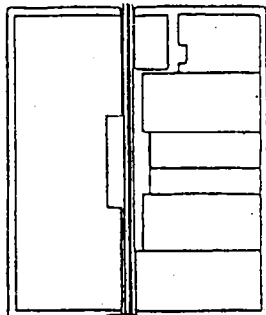
TOÀ NHÀ HỘI NGHỊ
CHICAGO, ILLINOIS
1887 - 1890

AUDITORIUM BUILDING
CHICAGO, ILLINOIS
1887 - 1890



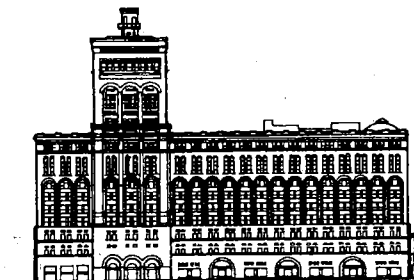
MẶT CẮT A

SECTION A



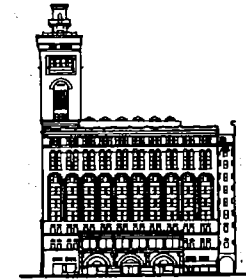
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



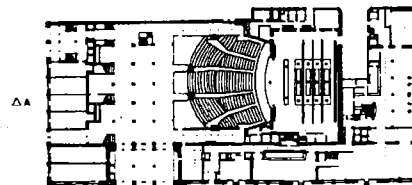
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



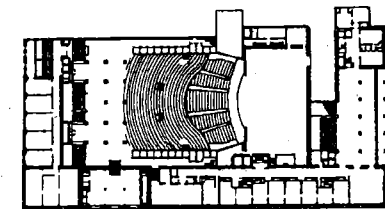
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



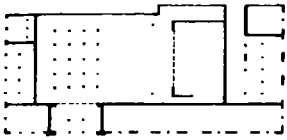
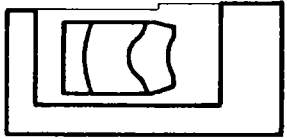
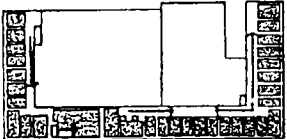
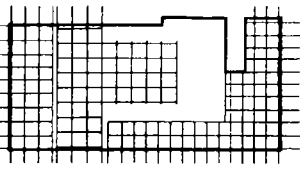
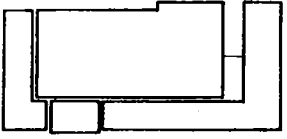
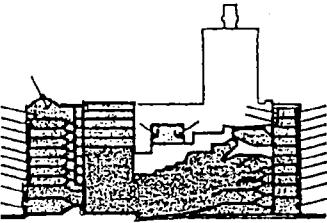
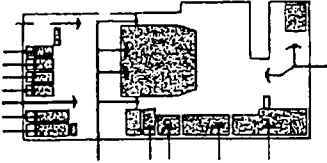
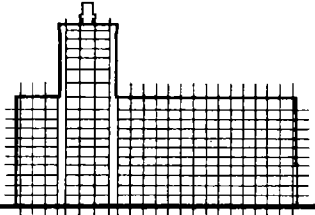
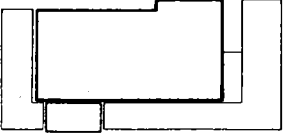
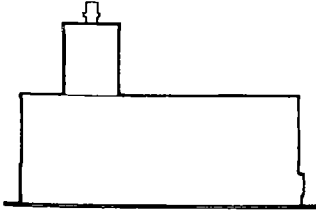
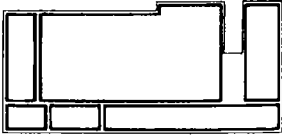
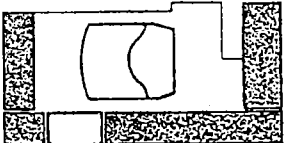
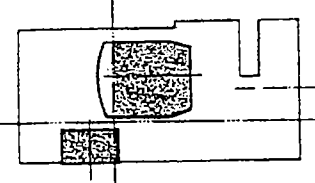
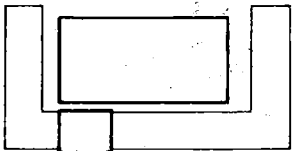
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE				 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KỶ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



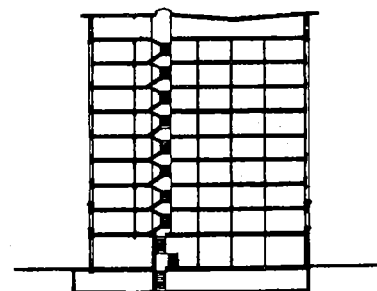
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS SULLIVAN

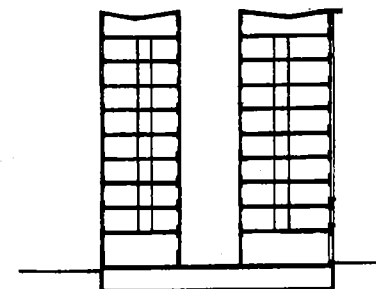
TOÀ NHÀ WAINWRIGHT
ST. LOUIS, MISSOURI
1890 - 1891

WAINWRIGHT BUILDING
ST. LOUIS, MISSOURI
1890 - 1891



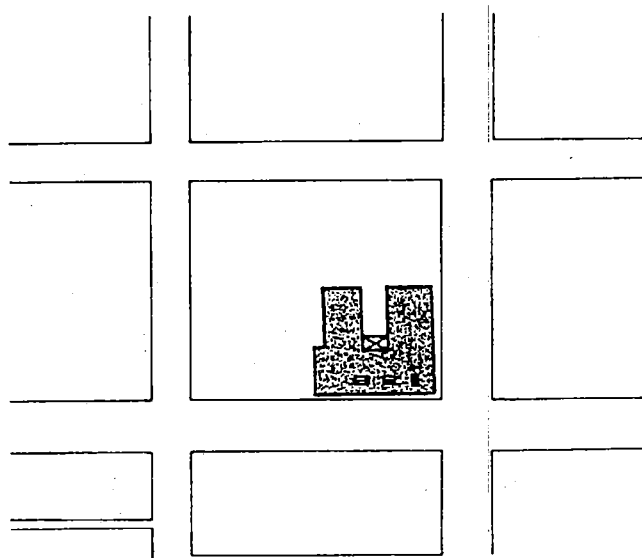
MẶT CẮT A

SECTION A



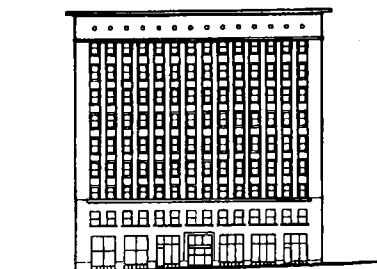
MẶT CẮT B

SECTION B



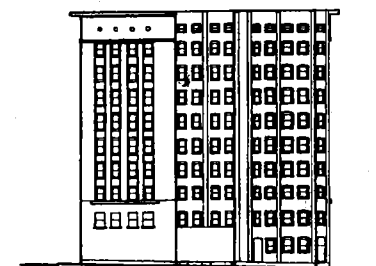
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



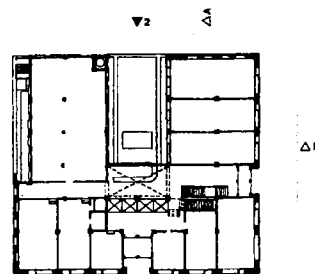
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



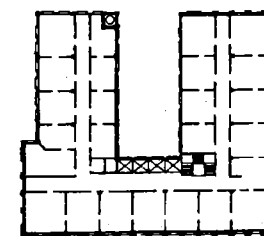
MẶT ĐŨNG 2

ELEVATION 2



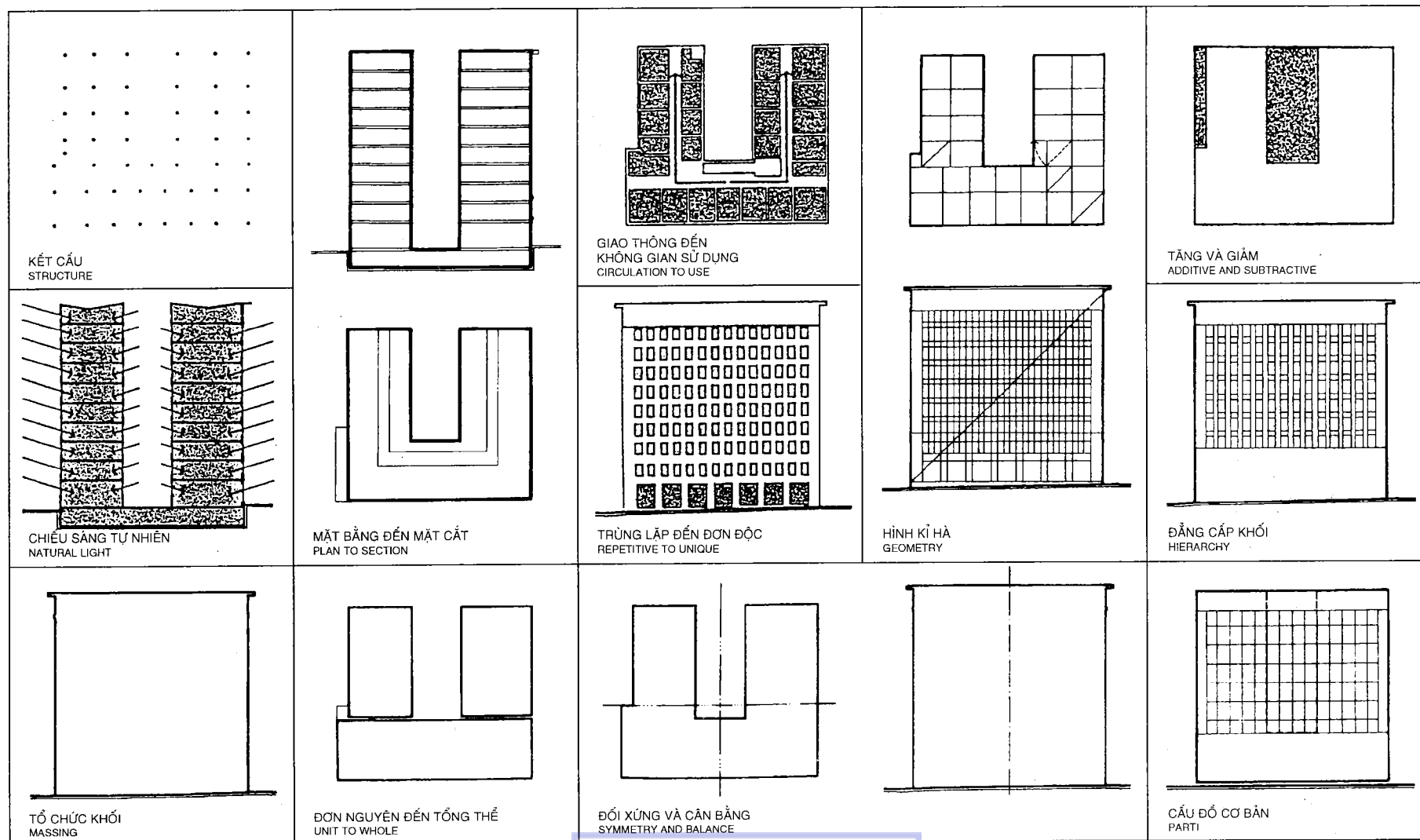
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN



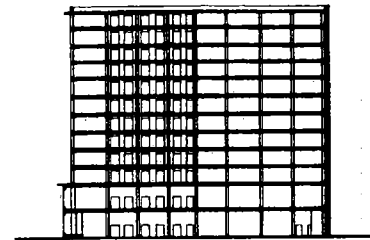
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS SULLIVAN

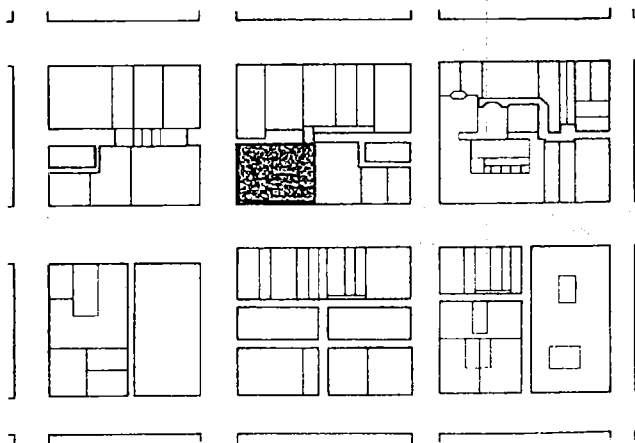
BÁCH HOÁ TỔNG HỢP CARSON PIRIE VÀ SCOTT
CHICAGO, ILLINOIS
1899 - 1903

CARSON PIRIE AND SCOTT STORE
(SCHLESINGER AND MAYER DEPARTMENT STORE)
CHICAGO, ILLINOIS
1899 - 1903



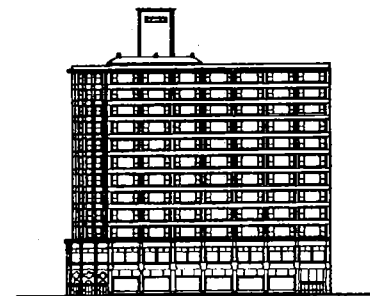
MẶT CẮT A

SECTION A



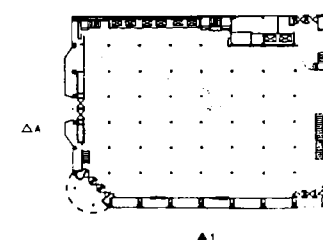
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

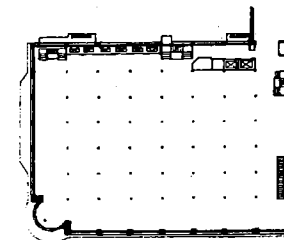


MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH - MAIN FLOOR PLAN

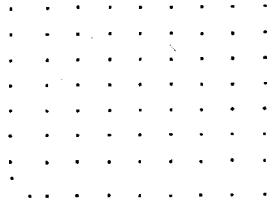
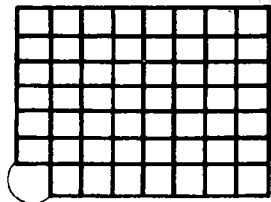
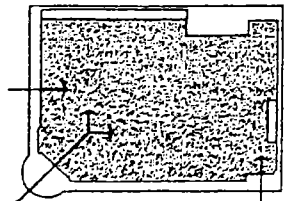
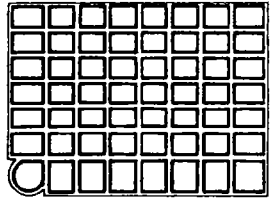
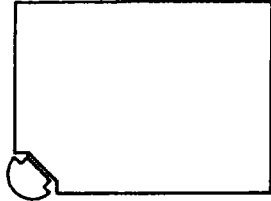
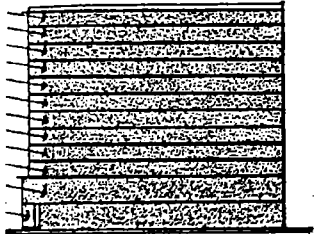
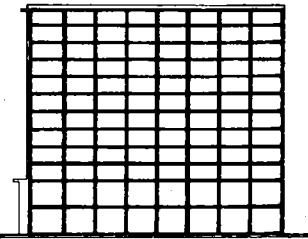
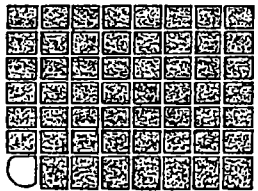
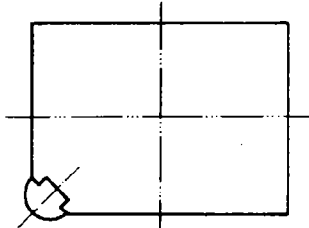
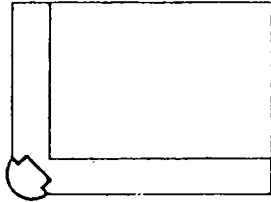
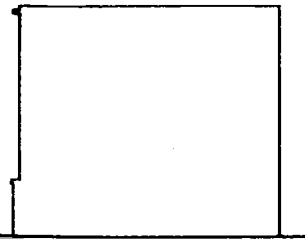
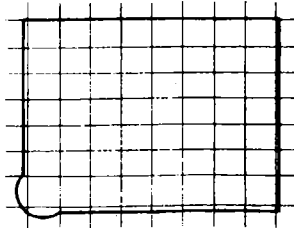
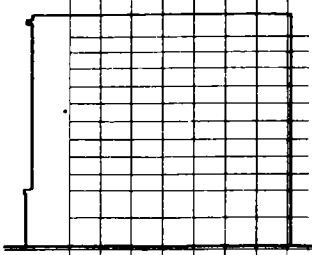
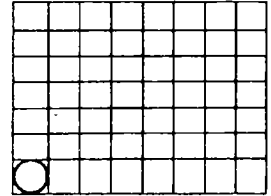


MẶT BẰNG TẦNG TIÊU CHUẨN

TYPICAL FLOOR PLAN



THƯ VIỆN
HUBT

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY 		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



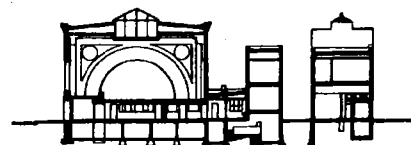
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LOUIS SULLIVAN

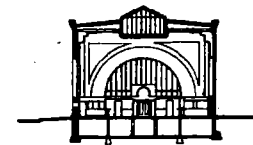
NGÂN HÀNG NÔNG DÂN QUỐC GIA
OWATONNA, MINNESOTA
1907 - 1908

NATIONAL FARMERS' BANK
OWATONNA, MINNESOTA
1907 - 1908



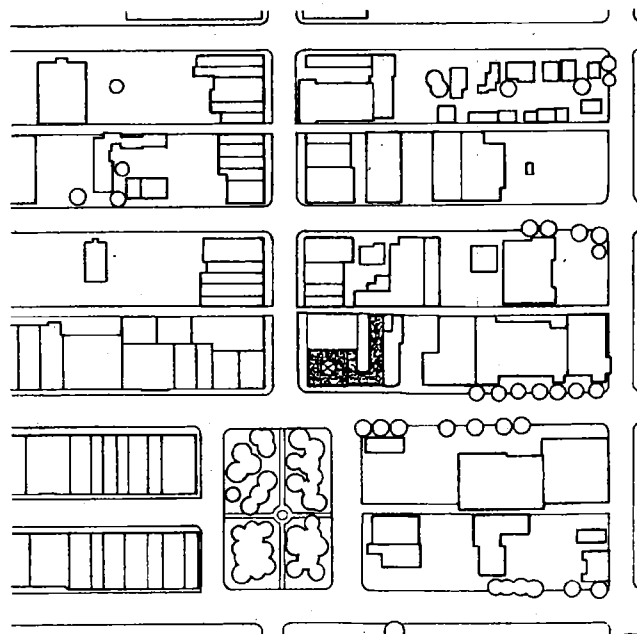
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



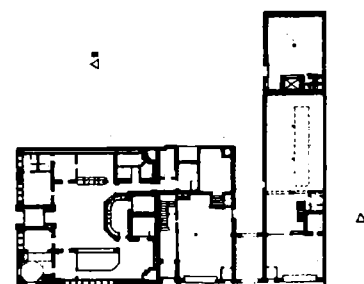
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



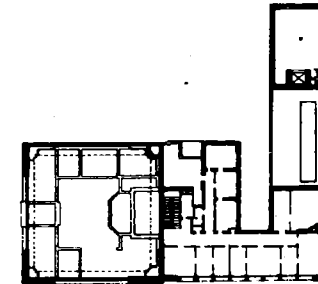
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



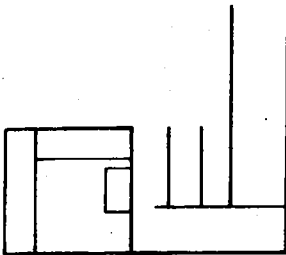
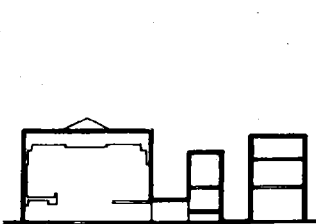
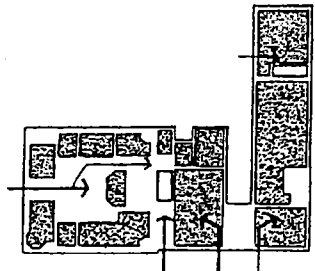
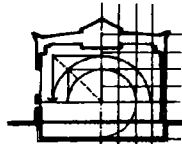
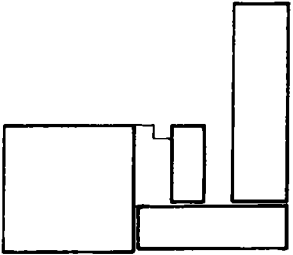
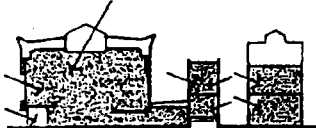
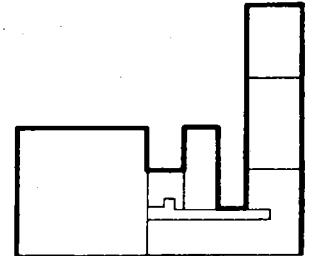
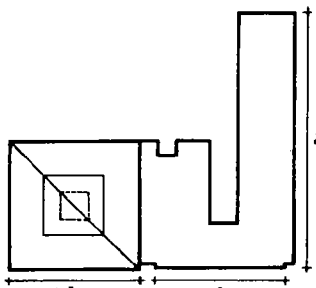
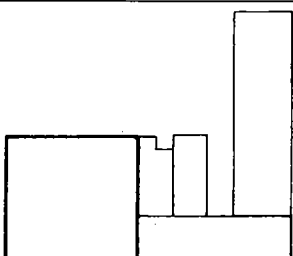
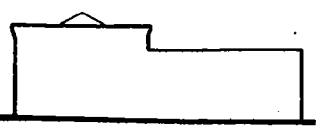
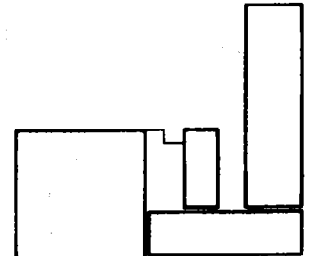
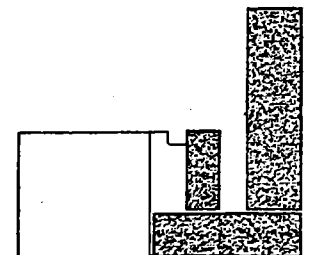
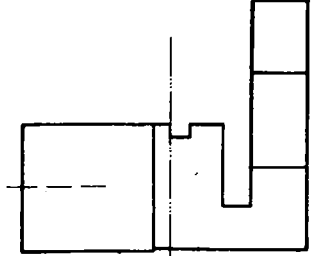
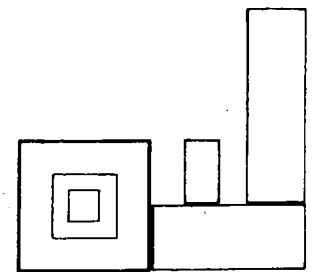
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

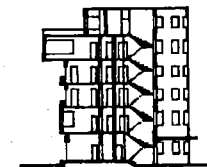
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

GIUSEPPE TERRAGNI

GIUSEPPE TERRAGNI

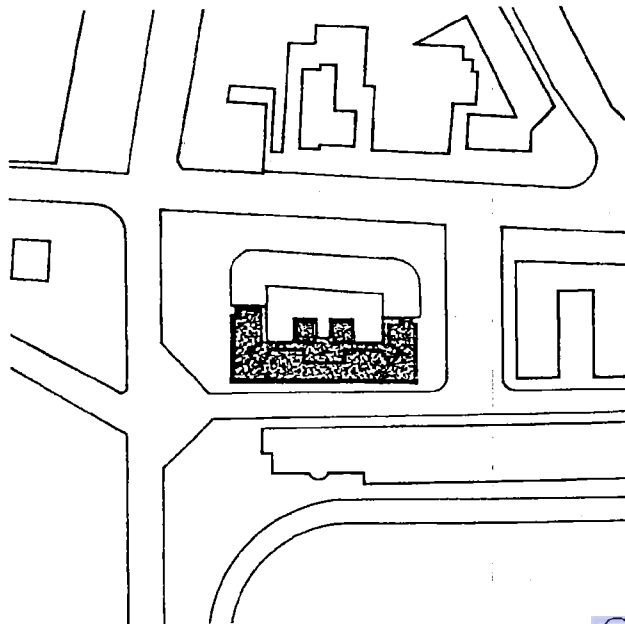
CHUNG CƯ NOVOCOMUM
COMO, Ý
1927

NOVOCOMUM APARTMENT HOUSE
COMO, ITALY
1927



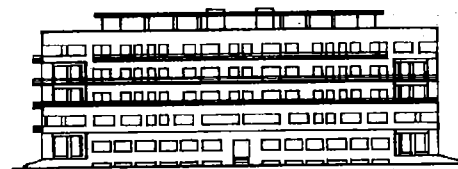
MẶT CẮT A

SECTION A



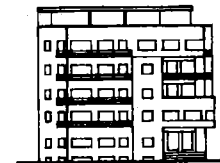
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



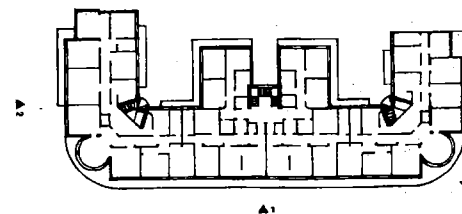
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

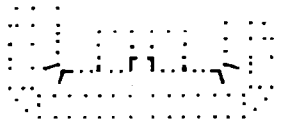
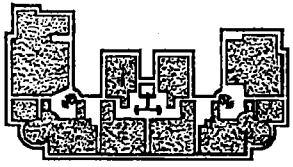
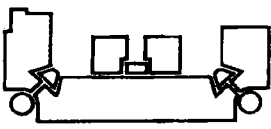
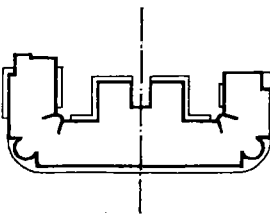
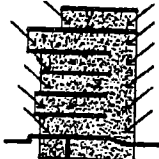
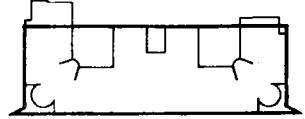
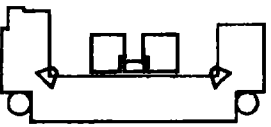
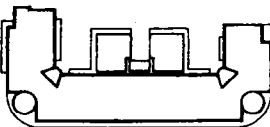
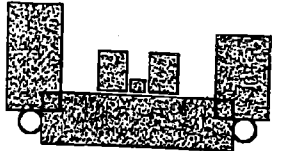
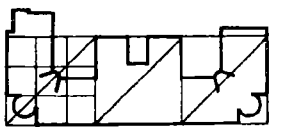
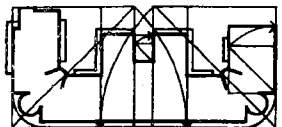
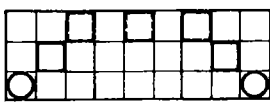


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẶP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



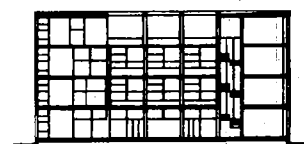
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

GIUSEPPE TERRAGNI

CHUNG CƯ FASCIO
COMO, Ý
1932 - 1936

CASA DEL FASCIO
COMO, ITALY
1932 - 1936



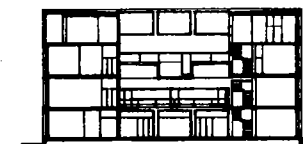
MẶT CẮT A

SECTION A



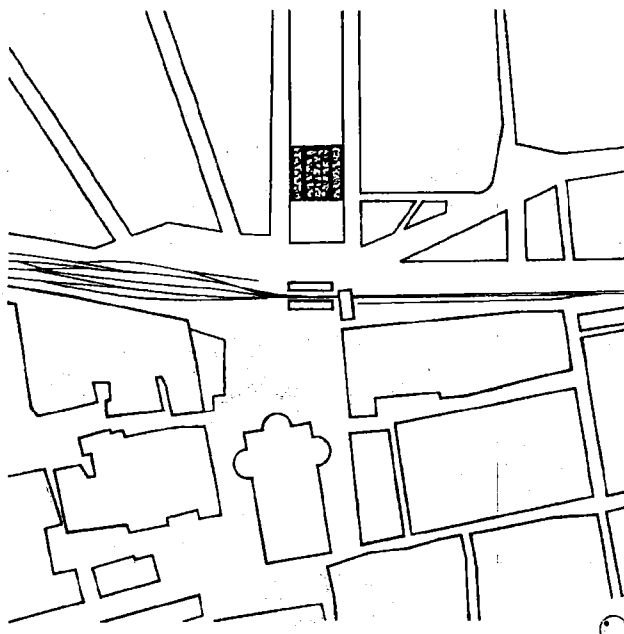
MẶT CẮT B

SECTION B



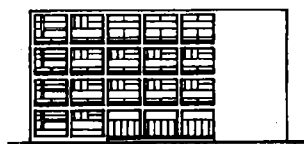
MẶT CẮT C

SECTION C



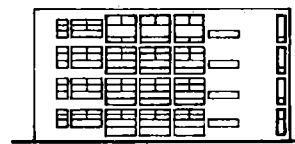
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



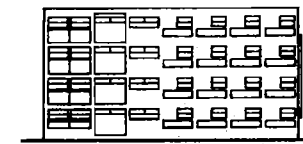
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



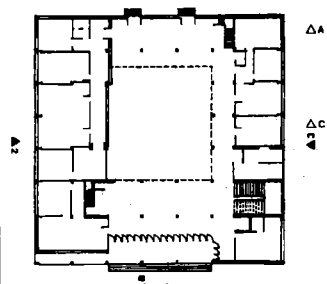
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



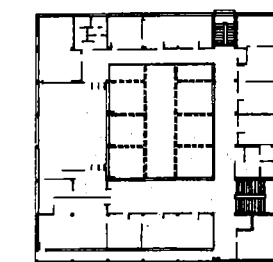
MẶT ĐỨNG 3

ELEVATION 3



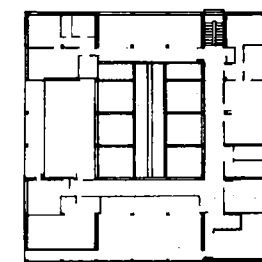
MẶT BẰNG TẦNG MỘT

GROUND FLOOR PLAN



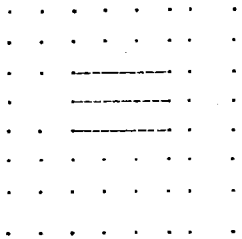
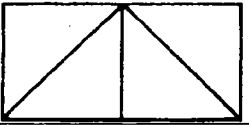
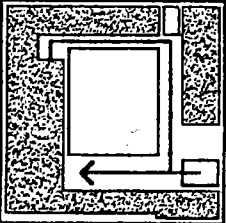
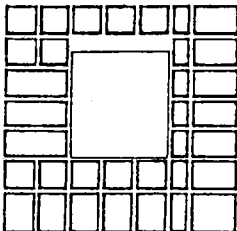
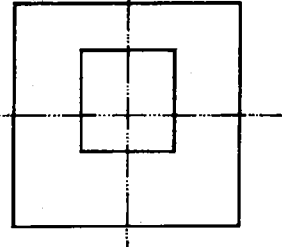
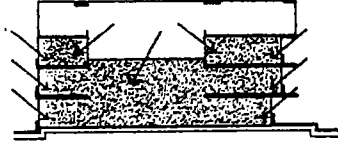
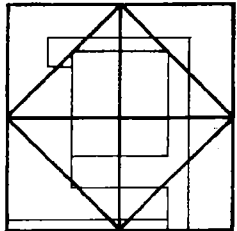
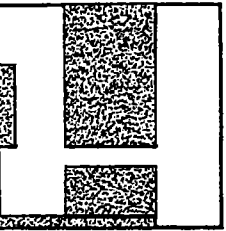
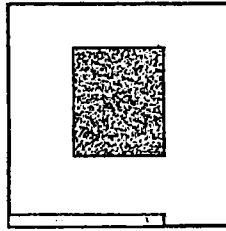
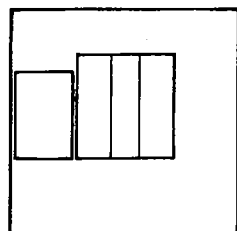
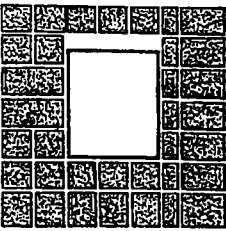
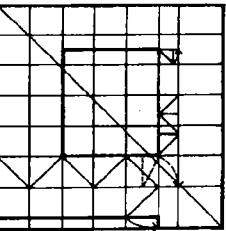
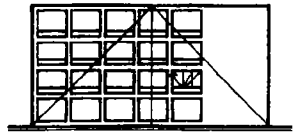
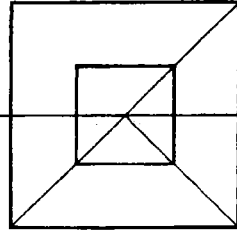
MẶT BẰNG TẦNG 2

FIRST FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG 4

THIRD FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẶP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



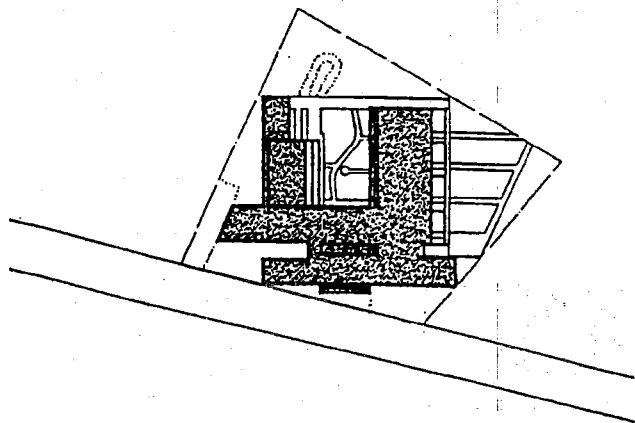
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

GIUSEPPE TERRAGNI

TRƯỜNG MẪU GIÁO SANT ELIA
COMO, Ý
1936 - 1937

SANT' ELIA NURSERY SCHOOL
COMO, ITALY
1936 - 1937



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN

MẶT CẮT A

SECTION A



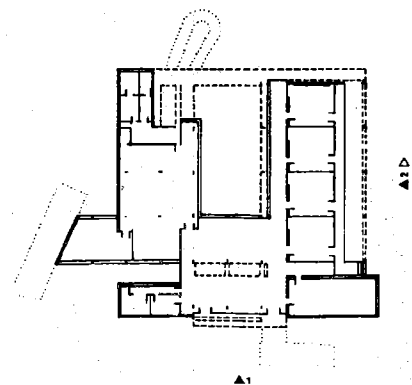
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

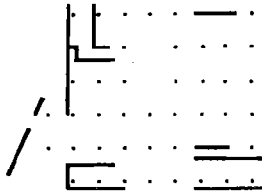
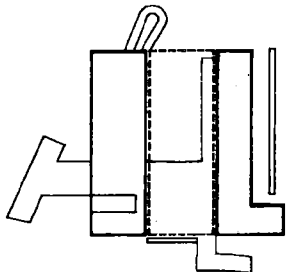
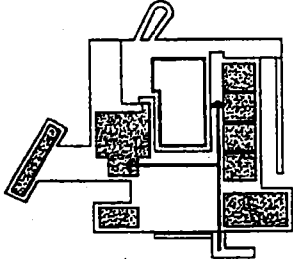
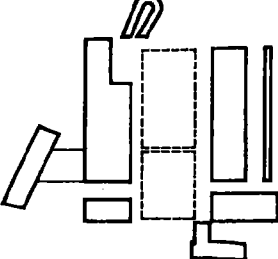
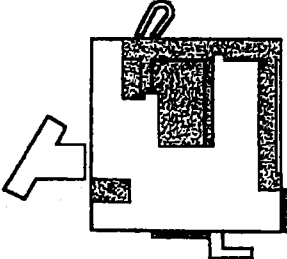
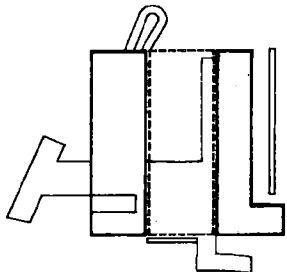
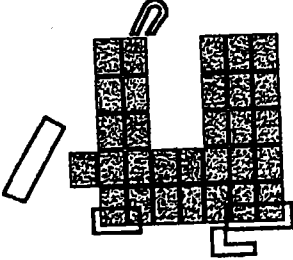
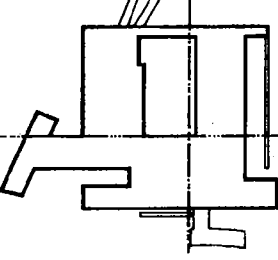
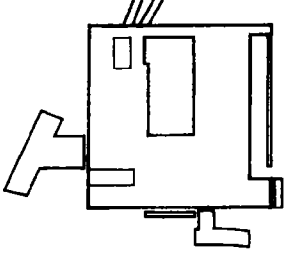
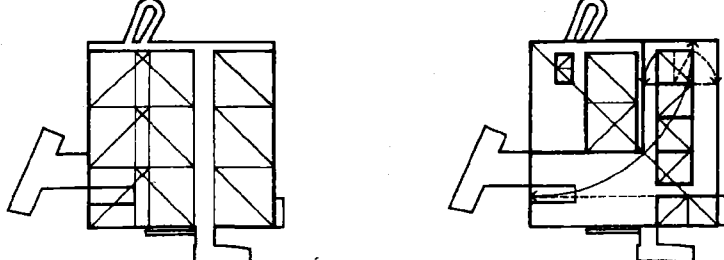
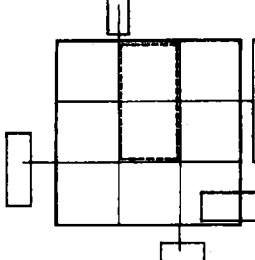


MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	  MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



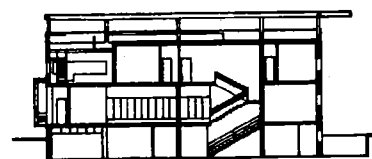
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

GIUSEPPE TERRAGNI

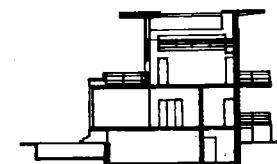
BIỆT THỰ BIANCA
SEVESO (MILAN), Ý
1937

VILLA BIANCA (ANGELO TERRAGNI HOUSE)
SEVESO (MILAN), ITALY
1937



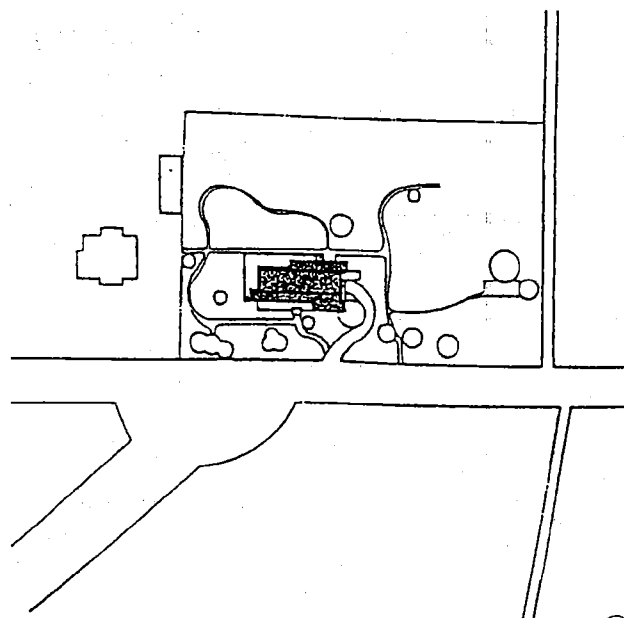
MẶT CẮT A

SECTION A



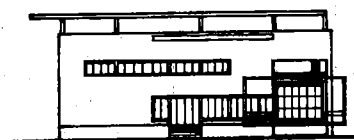
MẶT CẮT B

SECTION B



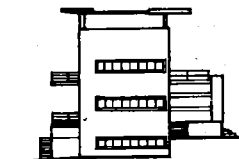
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



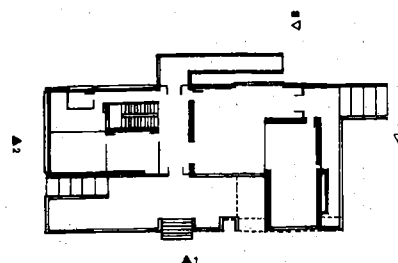
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1

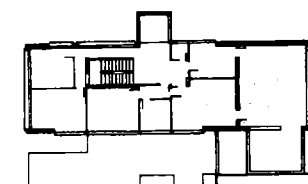


MẶT ĐỨNG 2

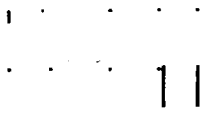
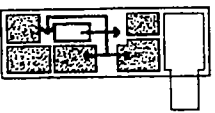
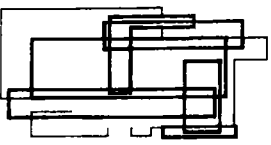
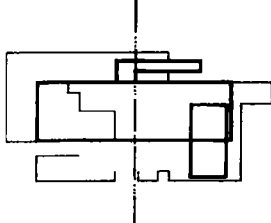
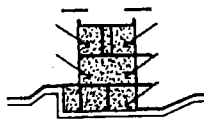
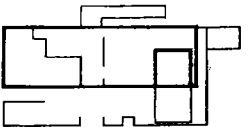
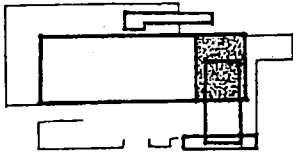
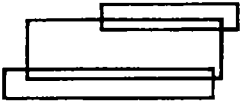
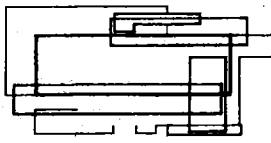
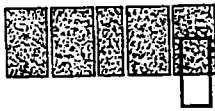
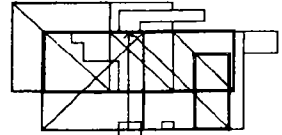
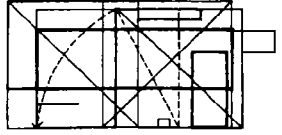
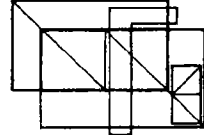
ELEVATION 2



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH | MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG | UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE		 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LUDWIG MIES VAN DER ROHE

LUDWIG MIES VAN DER ROHE

CUNG CHLB ĐỨC -
VIỆN BẢO TÀNG TRUNG BÀY QUỐC TẾ
BARCELONA, TÂY BAN NHA
1928 - 1929

GERMAN PAVILION AT INTERNATIONAL EXHIBITION
BARCELONA, SPAIN
1928 - 1929



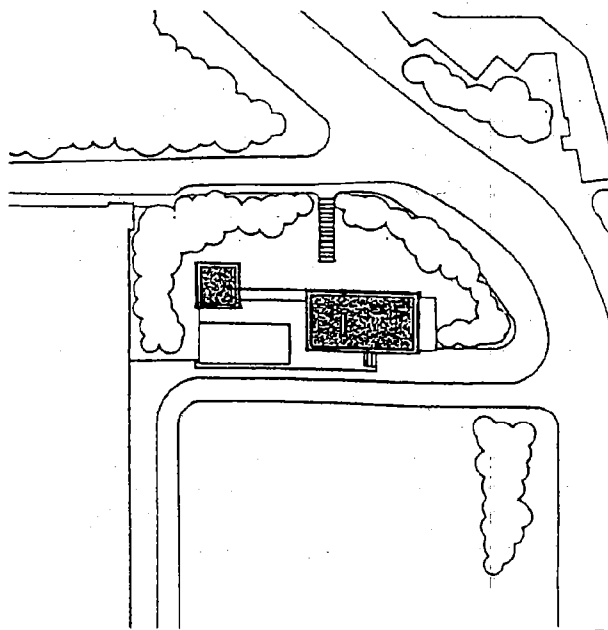
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



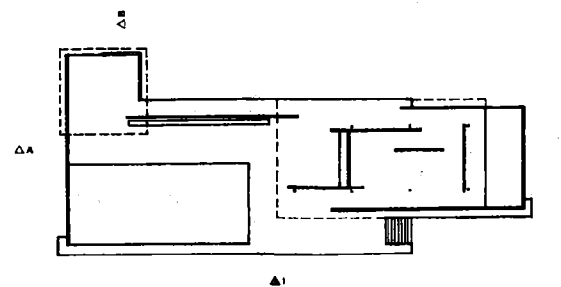
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



MẶT ĐỨNG 2

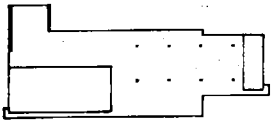
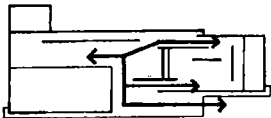
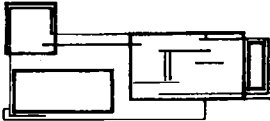
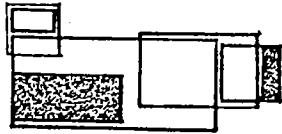
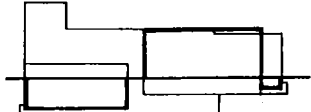
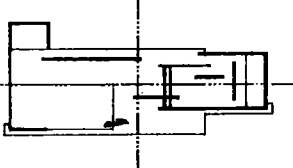
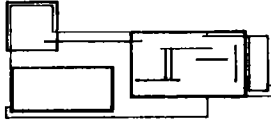
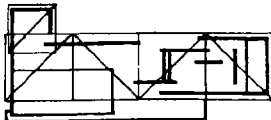
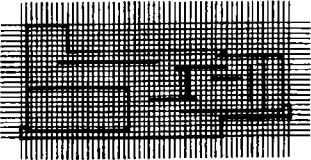
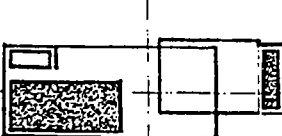
ELEVATION 2



MẶT BẰNG FLOOR PLAN



THƯ VIỆN
HUBT

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



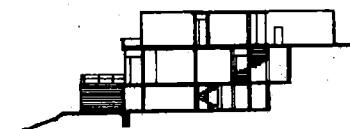
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LUDWIG MIES VAN DER ROHE

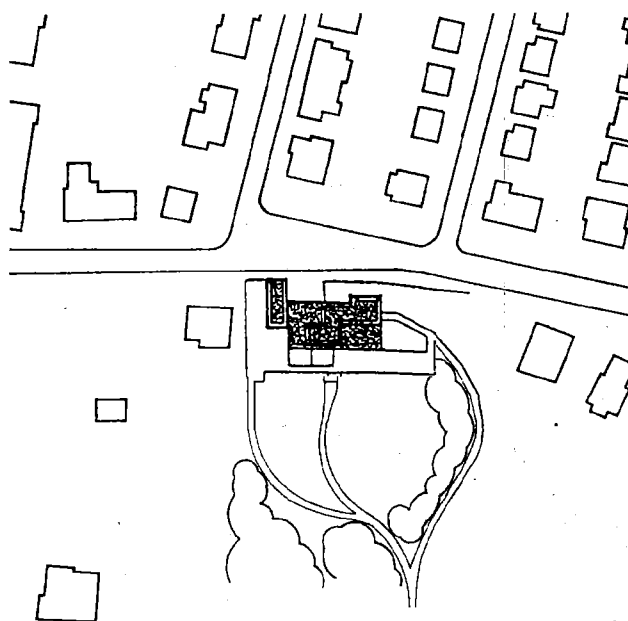
NHÀ Ở TUGENDHAT
BRNO, TIỆP KHẮC
1928 - 1930

TUGENDHAT HOUSE
BRNO, CZECHOSLOVAKIA
1928 - 1930



MẶT CẮT A.

SECTION A



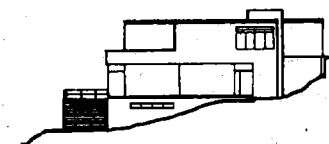
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



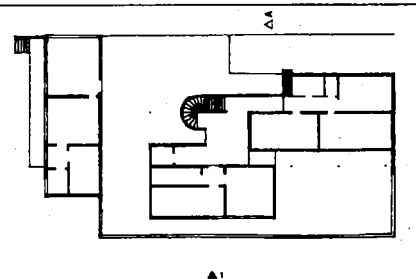
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



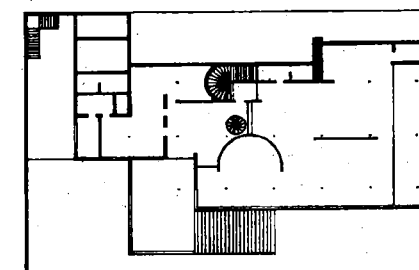
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



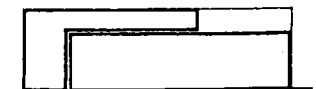
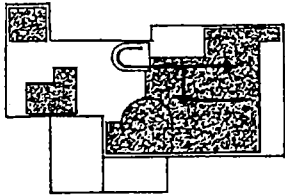
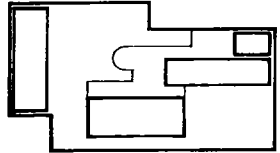
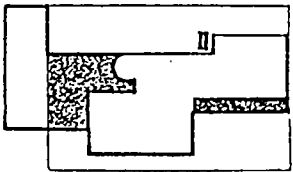
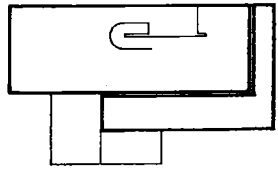
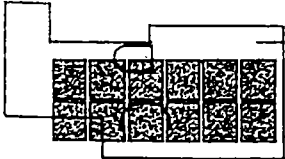
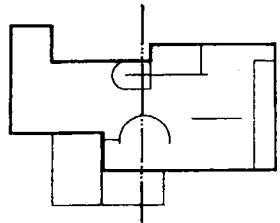
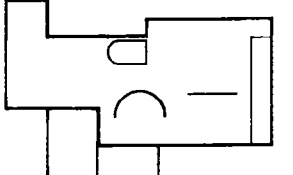
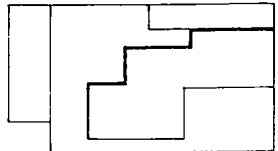
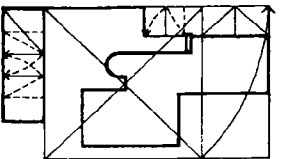
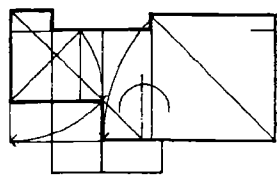
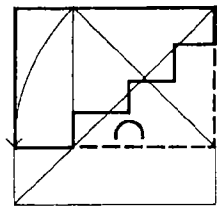
MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT		 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 HÌNH KÍ HẠ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



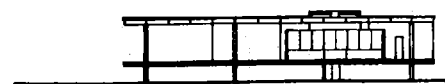
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LUDWIG MIES VAN DER ROHE

NHÀ Ở FARNSWORTH
FOX RIVER VALLEY (GẦN PLANO), ILLINOIS
1945 - 1951

FARNSWORTH HOUSE
FOX RIVER VALLEY (NEAR PLANO), ILLINOIS
1945 - 1951



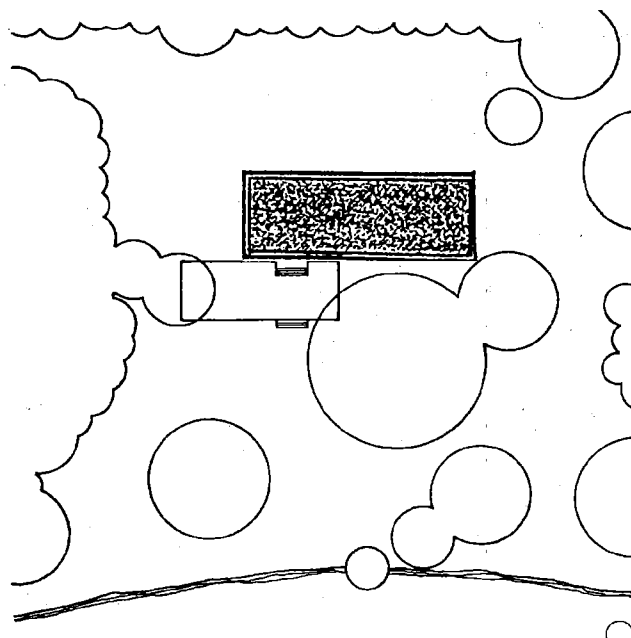
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



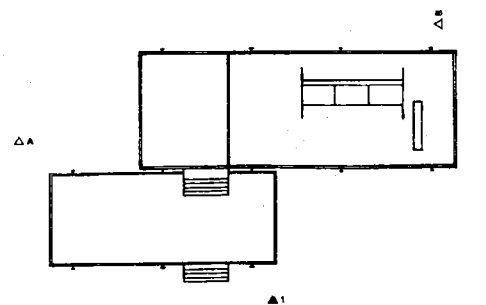
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



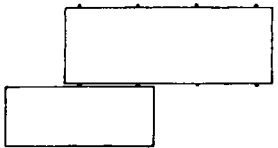
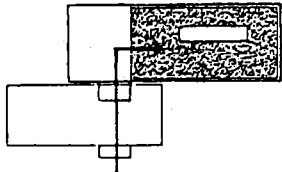
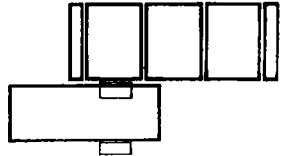
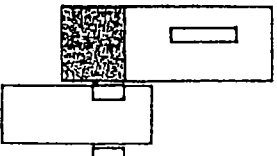
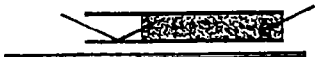
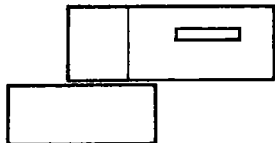
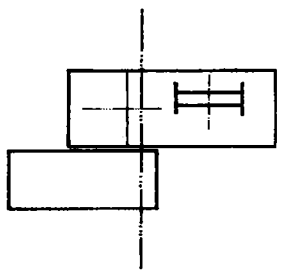
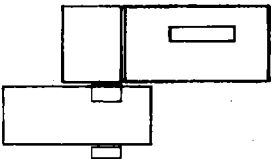
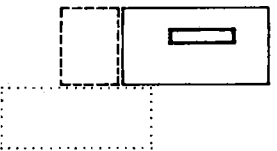
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI		



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

LUDWIG MIES VAN DER ROHE

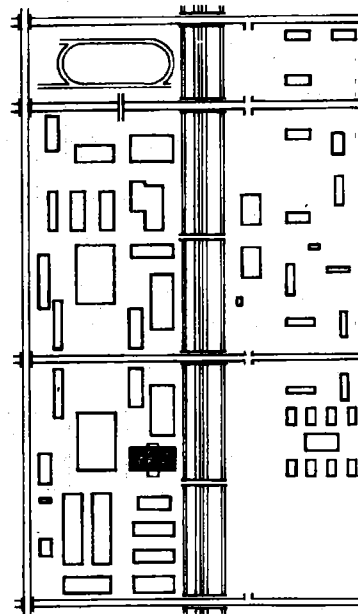
VIỆN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ
ĐẠI HỌC KỸ THUẬT ILLINOIS
CHICAGO, ILLINOIS
1950 - 1956

CROWN HALL (ARCHITECTURE, CITY
PLANNING AND DESIGN BUILDING)
ILLINOIS INSTITUTE OF TECHNOLOGY
CHICAGO, ILLINOIS
1950 - 1956



MẶT CẮT A

SECTION A



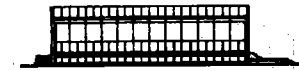
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



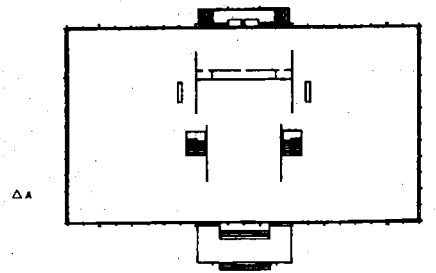
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



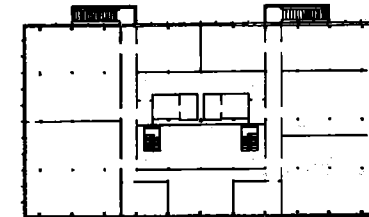
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



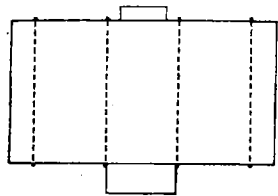
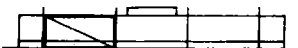
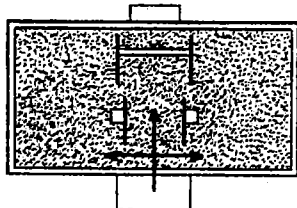
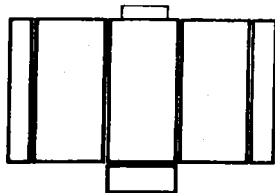
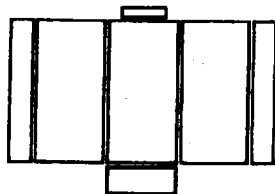
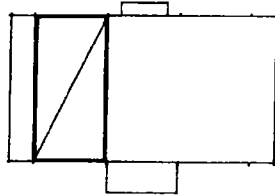
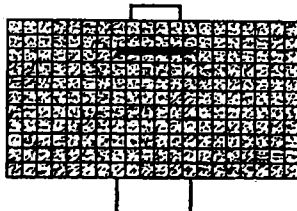
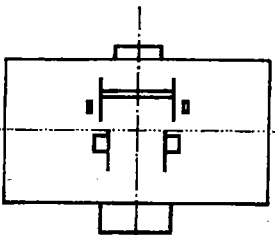
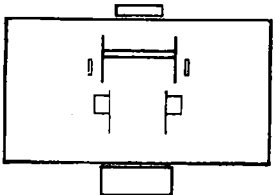
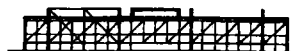
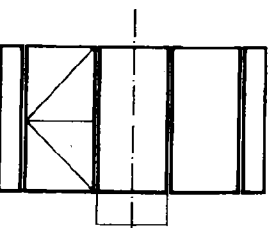
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN

		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÍ HẠ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

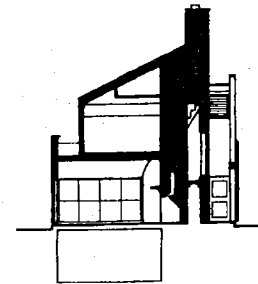
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROBERT VENTURI

ROBERT VENTURI

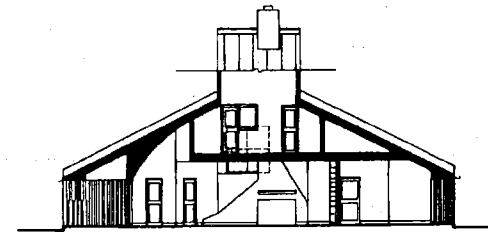
NHÀ Ở VANNA VENTURI
PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA
1962

VANNA VENTURI HOUSE
PHILADELPHIA, PENNSYLVANIA
1962



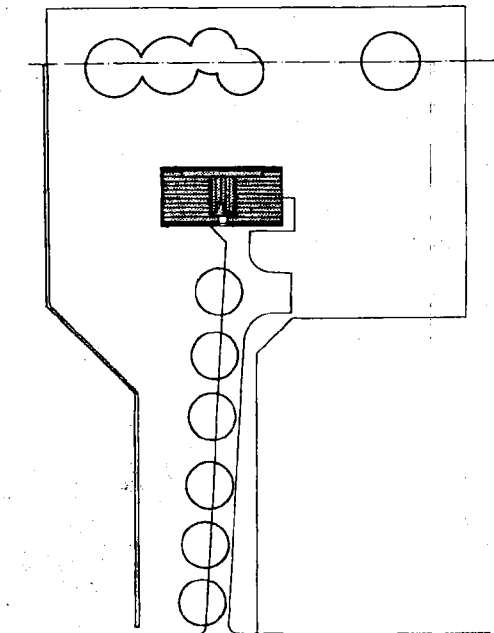
MẶT CẮT A

SECTION A



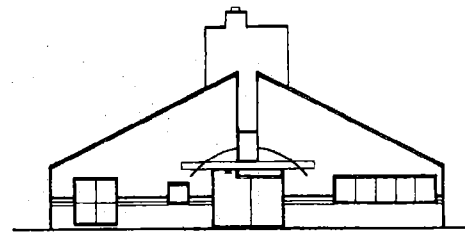
MẶT CẮT B

SECTION B



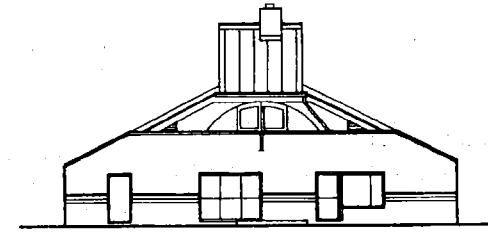
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



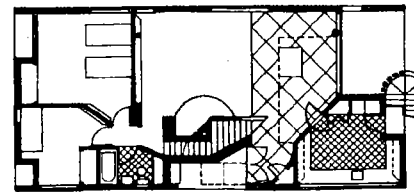
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



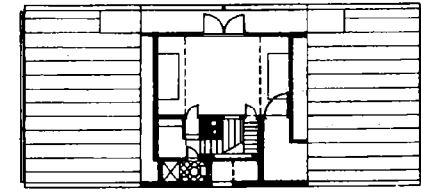
MẶT ĐÚNG 2

ELEVATION 2



A1

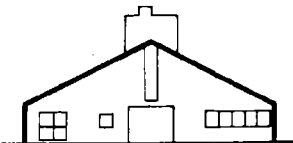
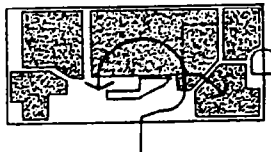
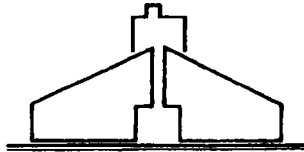
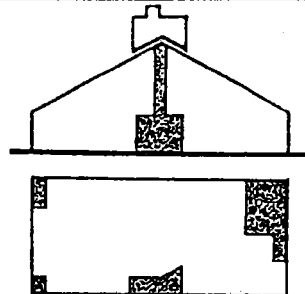
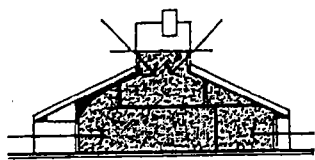
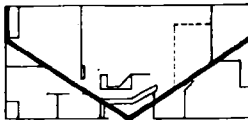
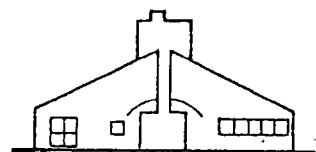
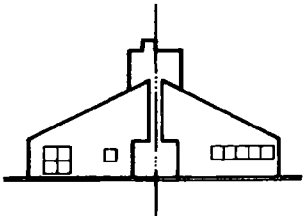
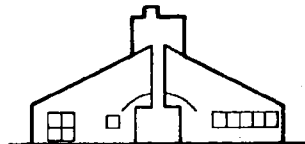
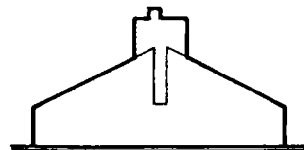
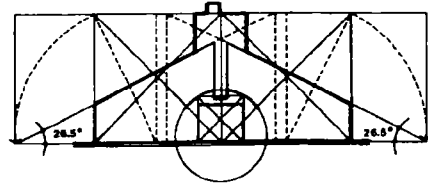
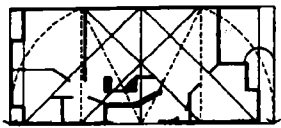
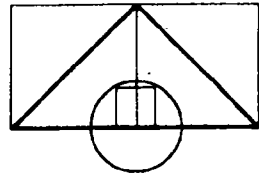
MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH MAIN FLOOR PLAN



B2

MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY			 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



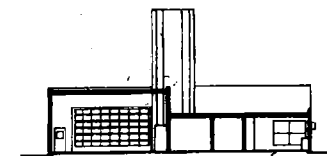
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROBERT VENTURI

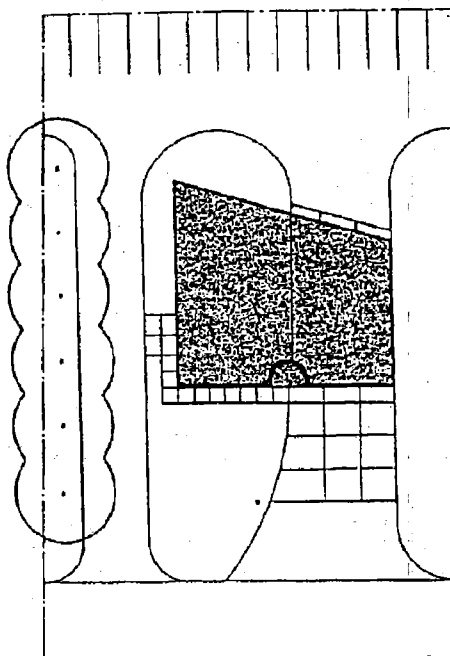
TRẠM CỨU HOẢ SỐ 4
COLUMBUS, INDIANA
1966

FIRE STATION - NUMBER 4
COLUMBUS, INDIANA
1966



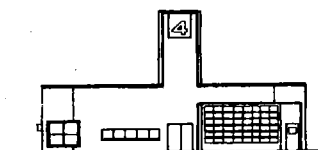
MẶT CẮT A

SECTION A



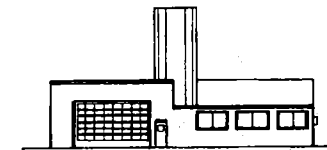
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



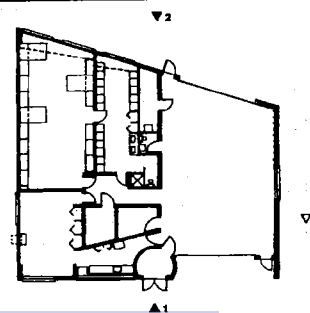
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



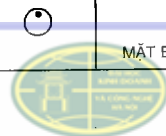
MẶT ĐŨNG 2

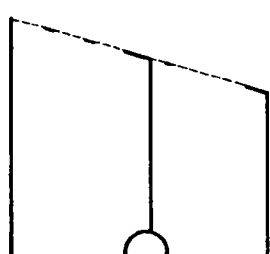
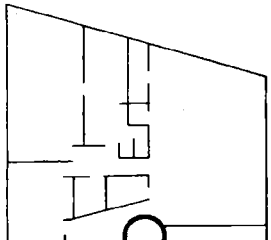
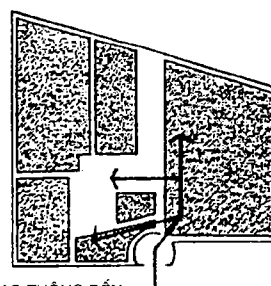
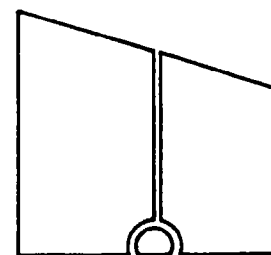
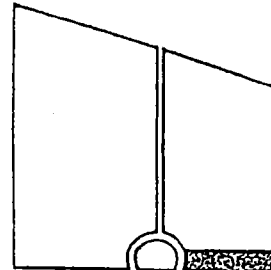
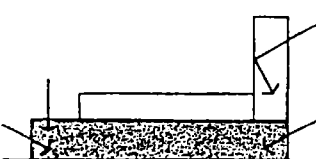
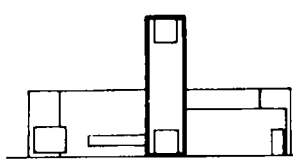
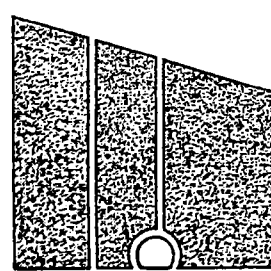
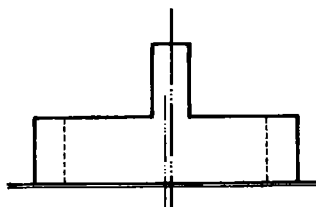
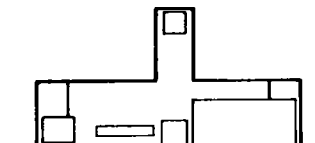
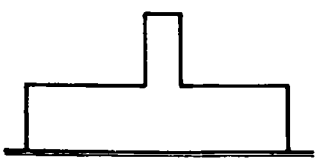
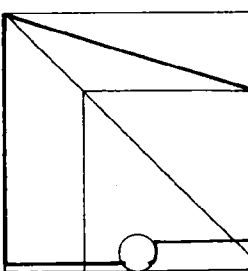
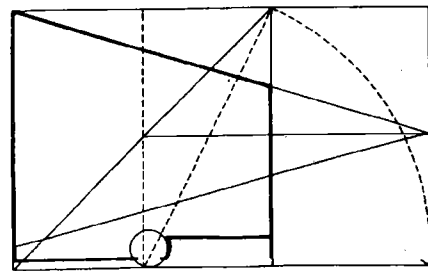
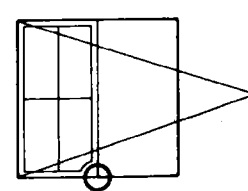
ELEVATION 2



MẶT BẰNG

FLOOR PLAN



 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



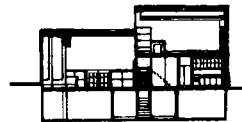
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROBERT VENTURI

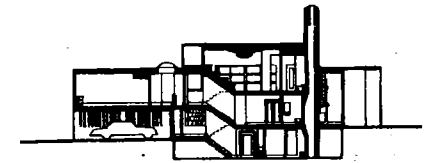
NHÀ Ở PETER BRANT
GREENWICH, CONNECTICUT
1973

PETER BRANT HOUSE
GREENWICH, CONNECTICUT
1973



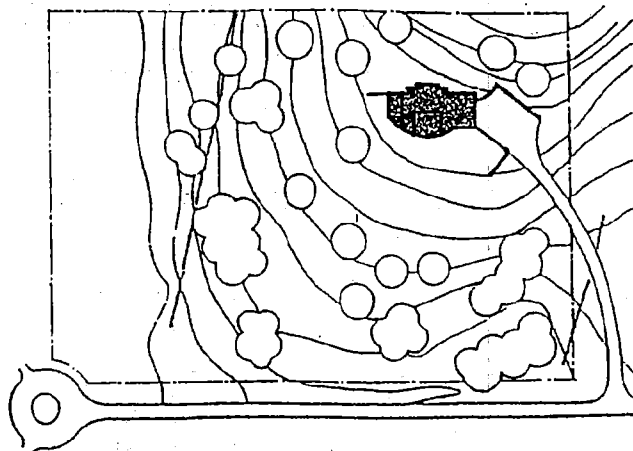
MẶT CẮT A

SECTION A



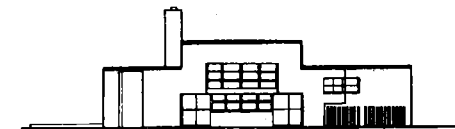
MẶT CẮT B

SECTION B



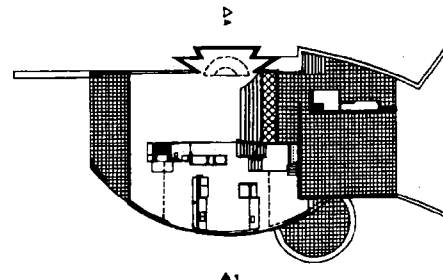
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



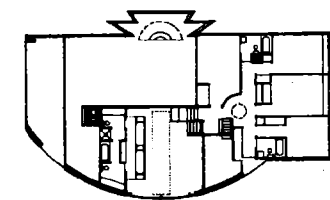
MẶT ĐŨNG 1

ELEVATION 1



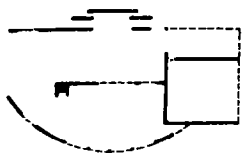
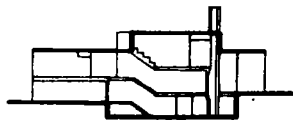
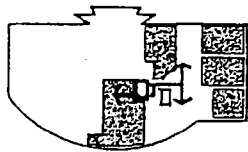
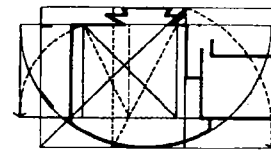
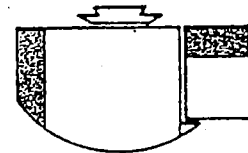
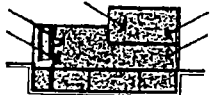
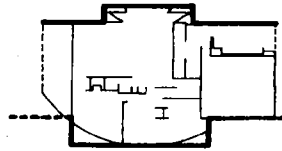
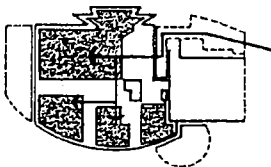
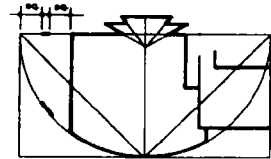
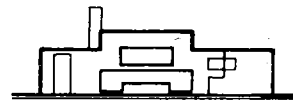
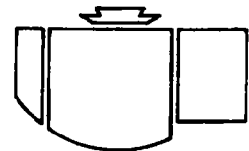
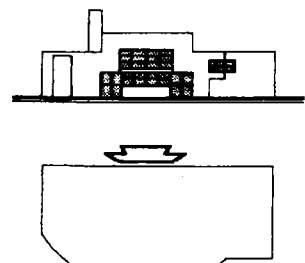
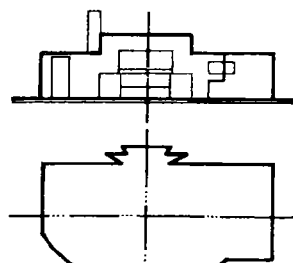
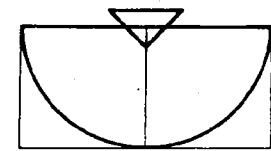
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE				 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KỈ HẠ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

ROBERT VENTURI

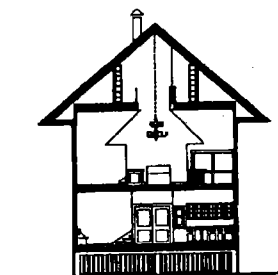
NHÀ Ở CARLL TUCKER III
MOUNT KISCO, WESTCHESTER COUNTY, NEW YORK
1975

CARLL TUCKER III HOUSE
MOUNT KISCO, WESTCHESTER COUNTY, NEW YORK
1975



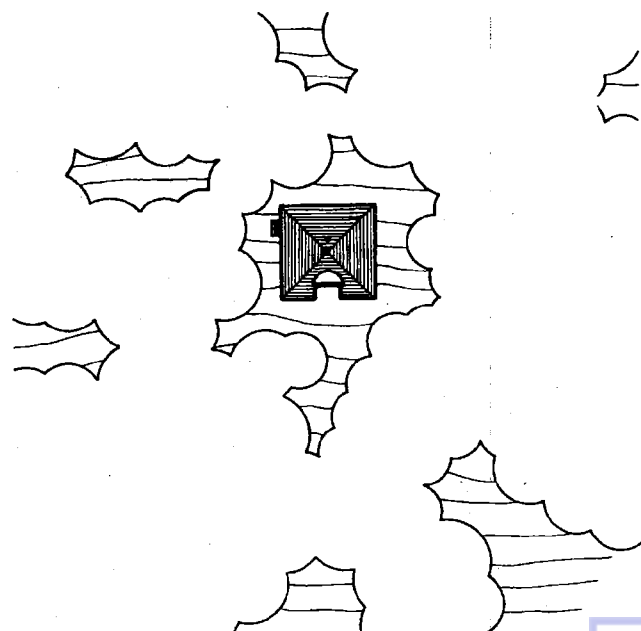
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



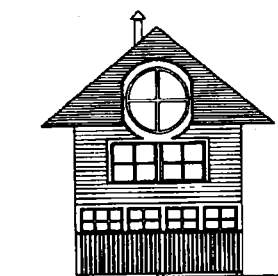
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



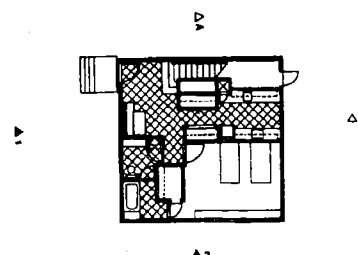
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



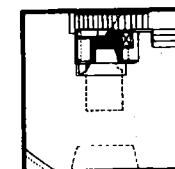
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



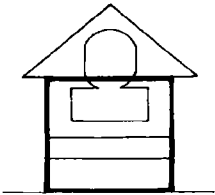
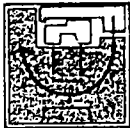
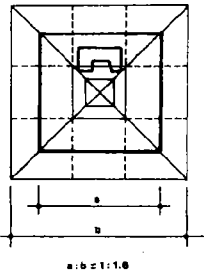
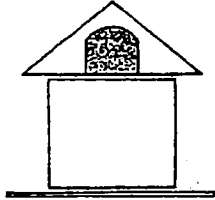
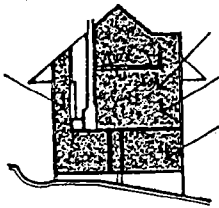
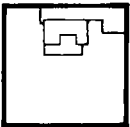
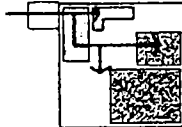
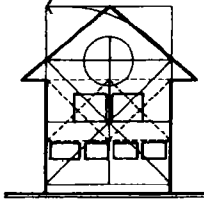
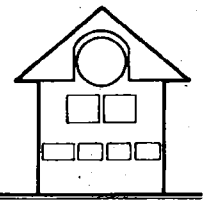
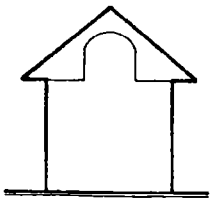
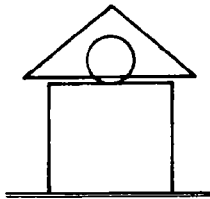
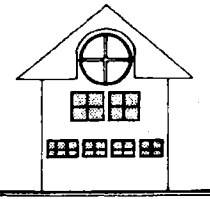
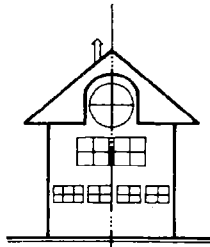
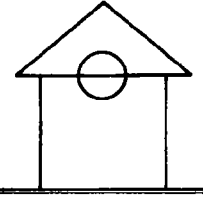
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE				 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 HÌNH KỶ HẠ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



THƯ VIỆN
HUBT

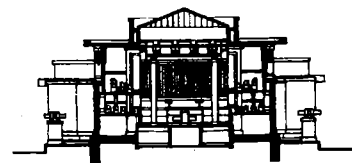
TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FRANK LLOYD WRIGHT

FRANK LLOYD WRIGHT

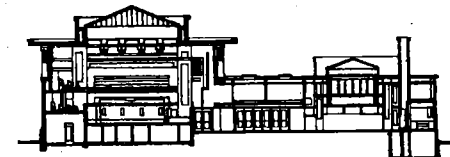
NHÀ THỜ NHẤT NGÔI
OAK PARK, ILLINOIS
1906

UNITY TEMPLE
OAK PARK, ILLINOIS
1906



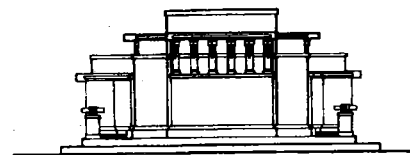
MẶT CẮT A

SECTION A



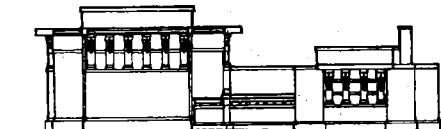
MẶT CẮT B

SECTION B



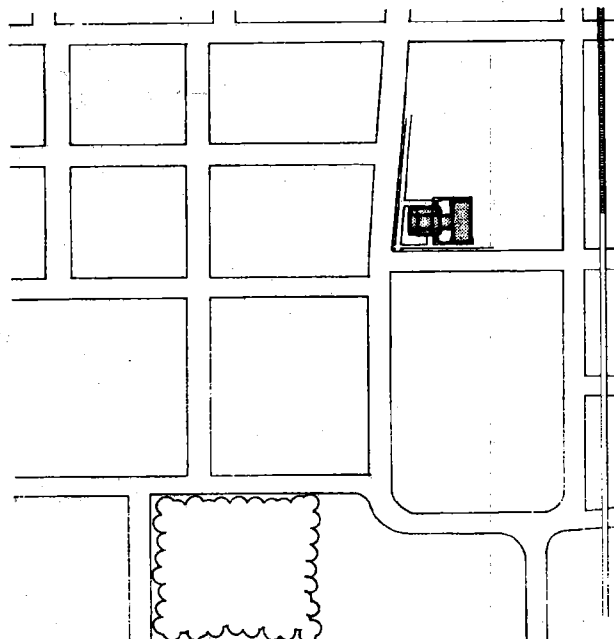
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



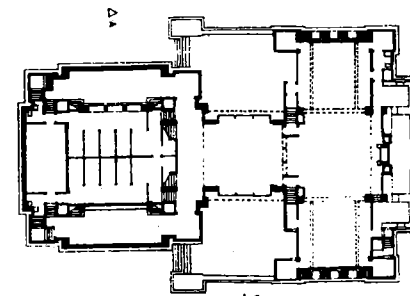
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



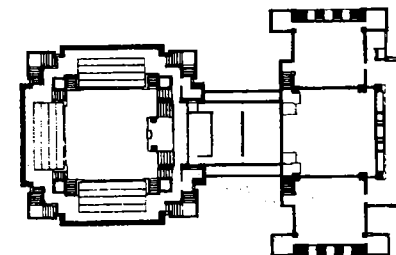
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



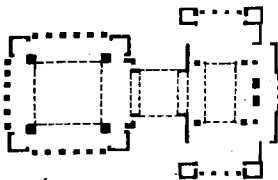
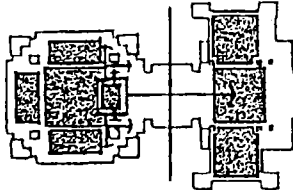
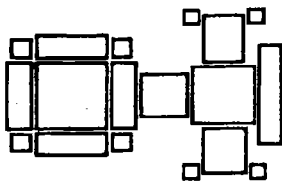
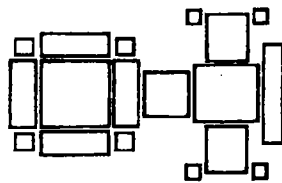
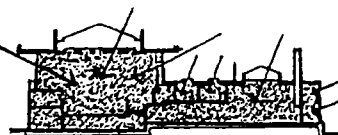
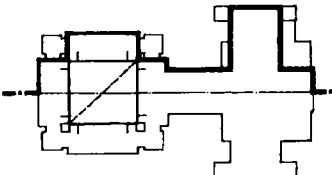
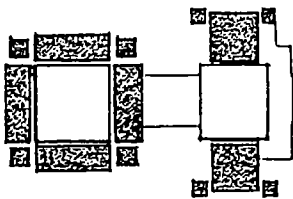
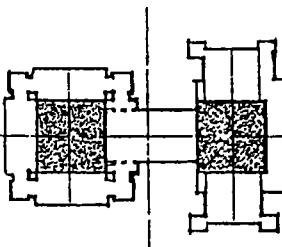
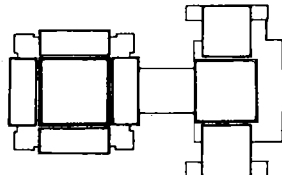
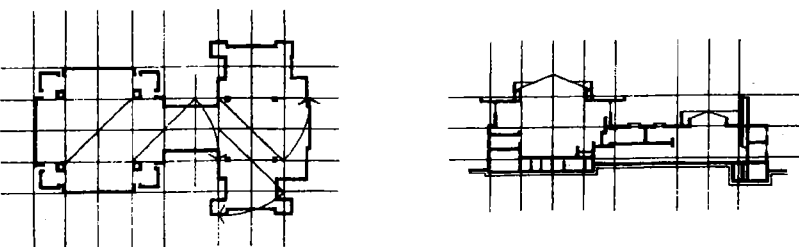
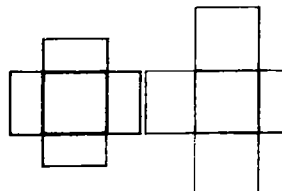
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG CHÍNH

MAIN FLOOR PLAN

				
KẾT CẤU STRUCTURE		GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
				
CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
				
TỔ CHỨC KHỐI MASSING	HÌNH KÍ HẠ GEOMETRY		CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FRANK LLOYD WRIGHT

NHÀ Ở FREDERICK G. ROBIE
CHICAGO, ILLINOIS
1909

FREDERICK G. ROBIE HOUSE
CHICAGO, ILLINOIS
1909



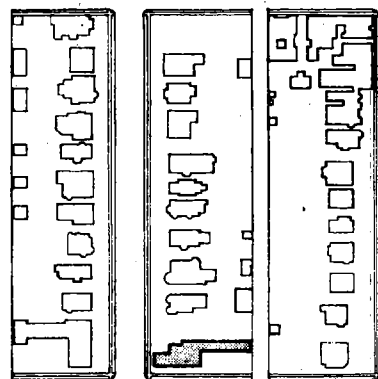
MẶT CẮT A

SECTION A



MẶT CẮT B

SECTION B



TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



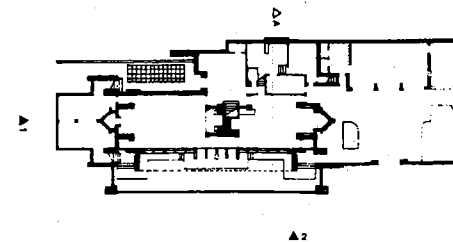
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



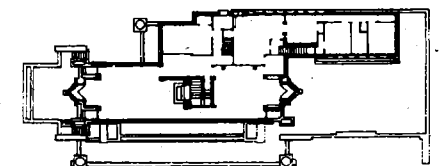
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



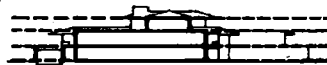
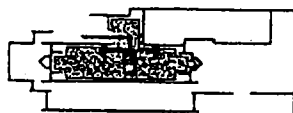
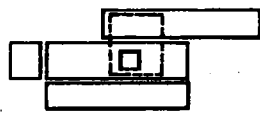
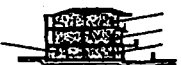
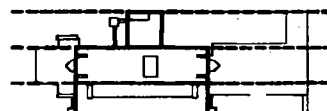
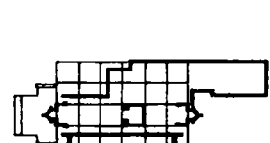
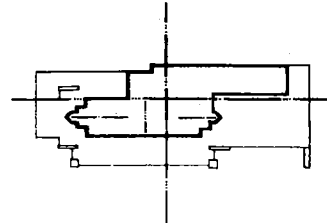
MẶT BẰNG TẦNG HẦM

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE		 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION		 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI



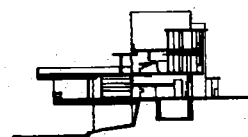
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FRANK LLOYD WRIGHT

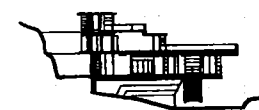
BIỆT THỰ TRÊN SUỐI
(NHÀ Ở EDGAR J. KAUFMANN)
OHIOPYLE, PENNSYLVANIA
1935

FALLINGWATER (EDGAR J. KAUFMANN HOUSE)
OHIOPYLE, PENNSYLVANIA
1935



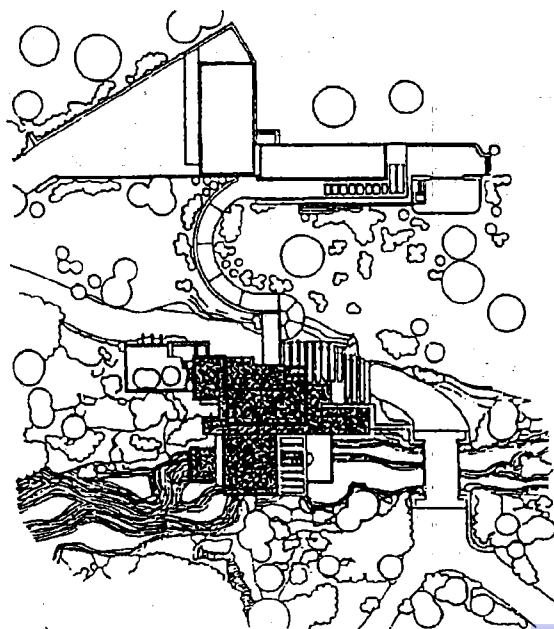
MẶT CẮT A

SECTION A



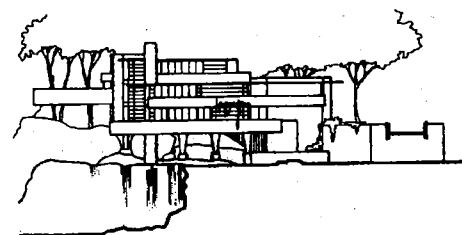
MẶT CẮT B

SECTION B



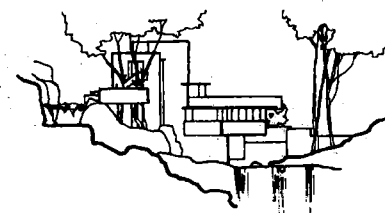
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



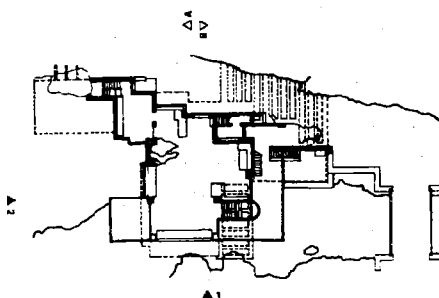
MẶT ĐỨNG 1

ELEVATION 1



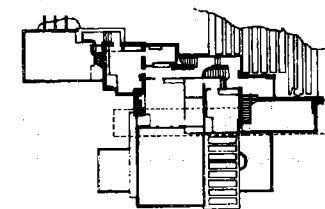
MẶT ĐỨNG 2

ELEVATION 2



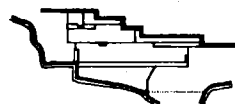
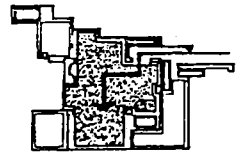
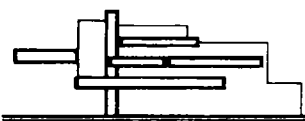
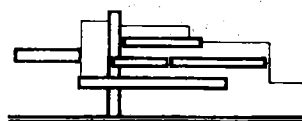
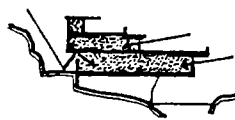
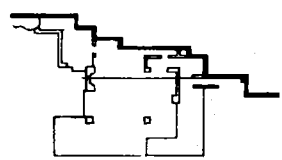
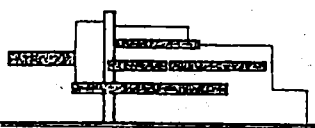
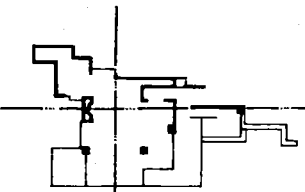
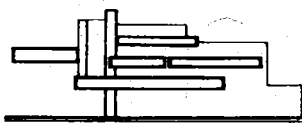
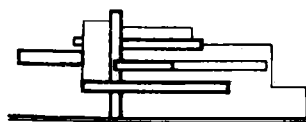
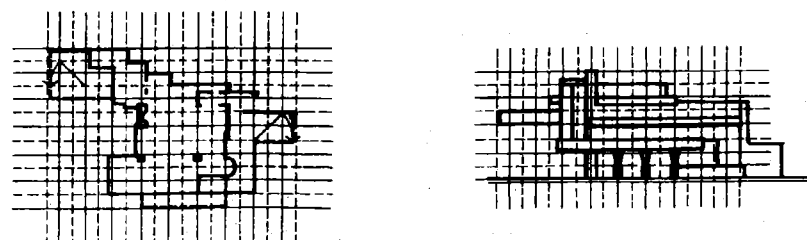
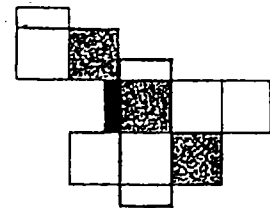
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KÌ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



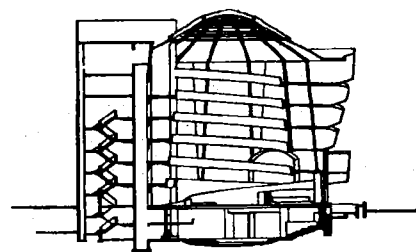
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

FRANK LLOYD WRIGHT

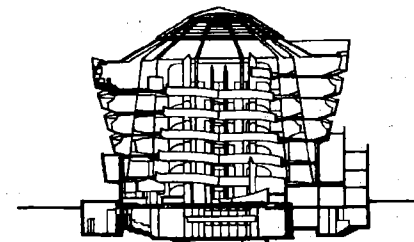
BẢO TÀNG SOLOMON R. GUGGENHEIM
NEW YORK, NEW YORK
1956

SOLOMON R. GUGGENHEIM MUSEUM
NEW YORK, NEW YORK
1956



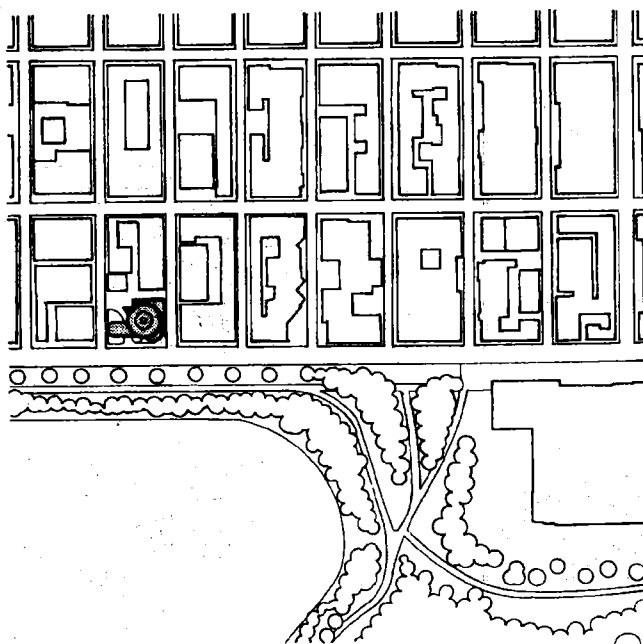
MẶT CẮT A

SECTION A



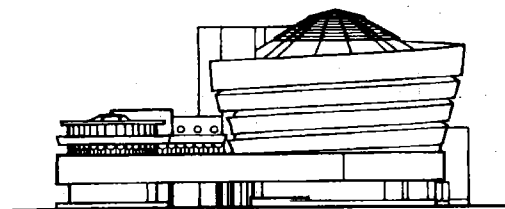
MẶT CẮT B

SECTION B



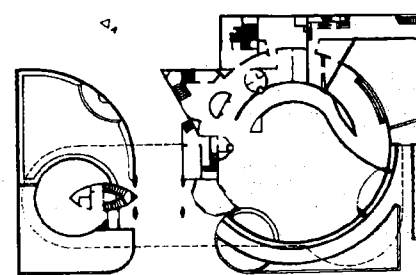
TỔNG MẶT BẰNG

SITE PLAN



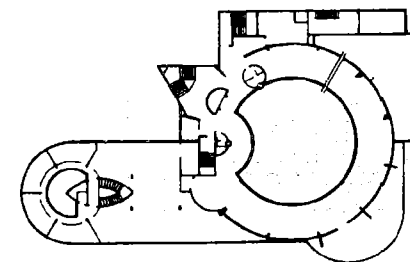
MẶT ĐÚNG 1

ELEVATION 1



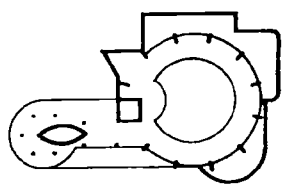
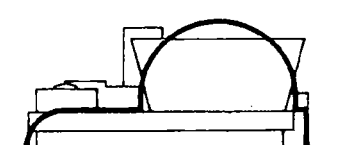
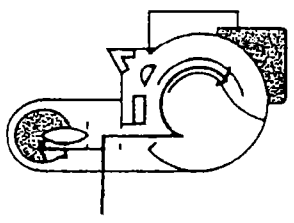
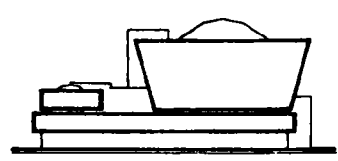
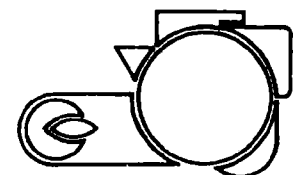
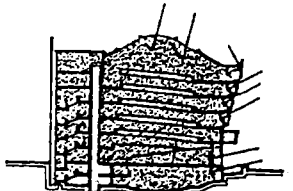
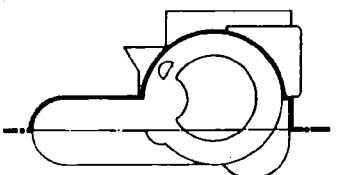
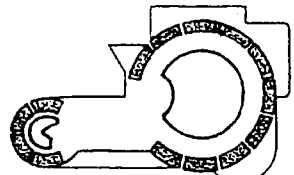
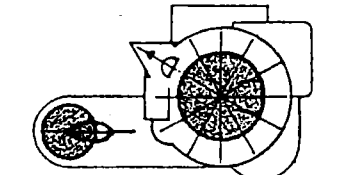
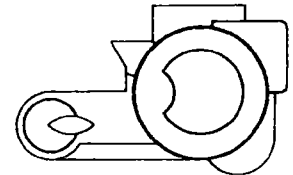
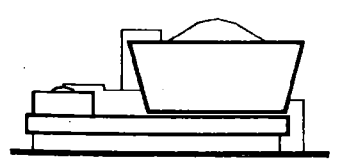
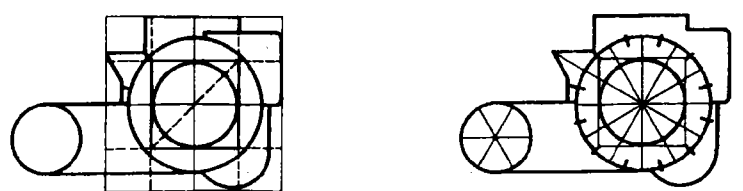
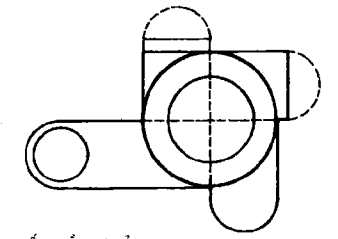
MẶT BẰNG TẦNG TRỆT

LOWER FLOOR PLAN



MẶT BẰNG TẦNG THƯỢNG

UPPER FLOOR PLAN

 KẾT CẤU STRUCTURE		 GIAO THÔNG ĐẾN KHÔNG GIAN SỬ DỤNG CIRCULATION TO USE	 ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ UNIT TO WHOLE	 TĂNG VÀ GIẢM ADDITIVE AND SUBTRACTIVE
 CHIẾU SÁNG TỰ NHIÊN NATURAL LIGHT	 MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT PLAN TO SECTION	 TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC REPETITIVE TO UNIQUE	 ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG SYMMETRY AND BALANCE	 ĐẲNG CẤP KHỐI HIERARCHY
 TỔ CHỨC KHỐI MASSING	 HÌNH KỈ HÀ GEOMETRY		 CẤU ĐỒ CƠ BẢN PARTI	



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CẤU TỬ HÌNH THỂ KIẾN TRÚC

CẤU TỨ HÌNH THỂ KIẾN TRÚC

Khi phân tích 88 công trình kiến trúc trong phần trước, chúng ta có thể thấy rõ phương pháp nghiên cứu thiết kế của mỗi kiến trúc sư. Phương pháp thiết kế trong rất nhiều tác phẩm của các kiến trúc sư có chỗ tương tự, tính tương tự này không liên quan gì với thời đại, phong cách, địa điểm, công năng của kiến trúc. Chúng tôi có thể quy nạp những điểm tương tự này vào chủ đề hoặc cấu tứ hình thể của kiến trúc, là việc đã sớm được sử dụng rộng rãi trong sự phát triển thiết kế kiến trúc.

Cấu tứ hình thể có thể lý giải là một loại khái niệm, người thiết kế có thể từ đó định hướng hoặc sáng tạo hình thể kiến trúc. Những cấu tứ này đem đến cho người thiết kế quyết sách tổ chức các phương diện, an bài hợp lý trình tự thiết kế, đồng thời ý thức được phương pháp sáng tạo hình thể. Người thiết kế vận dụng linh hoạt những cấu tứ này, có thể từng bước xác định hình thể kiến trúc và một loạt phương pháp thiết kế, làm cho tác phẩm của mình không rơi vào tầm thường. Vận dụng những trình tự khác nhau để tổ chức cấu tứ sẽ nhận được những kết quả khác nhau.

Trong phần này, cuốn sách giới thiệu những tác phẩm thiết kế của một số kiến trúc sư, những tác phẩm này biên tập theo phân loại cấu tứ hình thể, mỗi một loại cấu tứ đều diễn đạt theo cùng một phương thức. Theo sau thuyết minh là một loạt đồ giải, những đồ giải này là những diễn họa triển khai trong cùng phương án, nhưng không phải tất cả. Nội dung không thể hoàn bị, không thể đi sâu tất cả các cấu tứ, cũng không thể bao gồm tất cả công trình. Những đồ giải vận

dụng trong phần phân tích trước đây phải bổ sung thêm bằng những thực dụ khác mới đủ thuyết minh rõ một loại cấu tứ hình thể, và những đồ giải mà chúng tôi tuyển chọn đều biểu đạt tinh giản nhất cấu tứ hình thể đó, biểu hiện rõ phương thức biểu đạt đa dạng, đồng thời cũng đại biểu cho loại hình kiến trúc phổ biến nhất trong giai đoạn lịch sử dài nhất.

TỪ MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT HOẶC MẶT ĐỨNG

Mối quan hệ từ mặt bằng đến mặt cắt hoặc mặt đứng là nói quan hệ tương hỗ giữa hình dạng bình diện và chiều cao. Hình dạng trên 2 phương này ảnh hưởng lẫn nhau, chế ước lẫn nhau.

Mối quan hệ đơn giản nhất giữa mặt bằng và mặt cắt là cùng dạng, tức là đường nét hoàn toàn nhất trí. Mối quan hệ này có thể gọi là quan hệ một đối một, thí dụ, một khối tròn, mặt bằng và mặt cắt đều là hình tròn. Cũng có thể, một bộ phận của mặt này tương đương với tổng thể của mặt kia. Chẳng hạn, đồ hình và kích thước mặt cắt hoặc mặt đứng tương đồng với một nửa mặt bằng, như vậy sẽ xuất hiện mối quan hệ một với một nửa. Trường hợp đó, hình tròn trong mặt bằng trở thành hình nửa tròn trong mặt cắt, hình thành một bán cầu. Cũng có thể có trường hợp tương phản, hình dạng của toàn mặt bằng chỉ là một nửa của mặt cắt hoặc mặt đứng. Khi đó, mặt bằng, mặt cắt hoặc mặt đứng đều cùng một xích độ. Nếu mặt cắt là một nửa của mặt bằng, như khi trùng lặp sử dụng mặt cắt này cấu thành toàn bộ mặt bằng, có thể nhận được một hình dạng mặt bằng đối xứng một bên. Còn có trường hợp đặc thù, trùng hợp một bộ phận tương đồng



trong mặt bằng và mặt cắt, giống như sự xuất hiện trên không gian chủ thể của Biệt thự tròn.

Mặt bằng, mặt cắt hoặc mặt đứng cũng có thể có quan hệ tỷ lệ nhất định. Như đã nói trên đây, cục bộ dù rằng bất đồng trong quan hệ với tổng thể, nhưng trong quan hệ tỷ lệ, mặt bằng và mặt cắt cái nọ coi cái kia là một tổng thể, tuy rằng kích thước khác nhau. Để tìm hiểu sâu hơn nội dung của quan hệ tỷ lệ này, tốt nhất là phối hợp họa đồ mặt bằng và mặt cắt, không nên chỉ xem xét đường nét đơn lẻ của từng họa đồ. Tỷ suất thường dùng, cũng là tỷ suất tương đối phù hợp với hình kỷ hà cơ bản: 1 : 2, 2 : 3 và 1 : 5. Trong mỗi trường hợp trên đây, hình dạng mặt bằng, mặt cắt chỉ có thể có sự biến hoá kích thước trên một mặt. Khi tỷ suất 1 : 2, dạng thức mặt bằng, mặt cắt tương đồng, và một trong đó gấp đôi cái kia. Thí dụ, một hình tròn trên mặt bằng có thể là hình ô val nằm trên mặt cắt, chiều cao bằng một nửa chiều rộng. Tuy nhiên không phải mỗi một mặt bằng cục bộ trong mặt bằng chung đều thu nhỏ hoặc mở lớn cùng một tỷ suất trên mặt cắt hoặc mặt đứng. Chúng ta có thể thấy giải pháp của kiến trúc sư Hawksmoor ở Nhà thờ Christ, một mặt bằng lừng trong tổng bình đồ xuất hiện trên mặt cắt, tác giả đã thu nhỏ, ngược lại, một mặt bằng tầng ngoài khác tác giả mở lớn trên mặt cắt.

Khi hình dạng mặt bằng và mặt cắt hoặc mặt đứng tương tự, chúng ta gọi là quan hệ tương tự. Loại quan hệ này thường thấy nhất, và thông thường chỉ can thiệp vào cục bộ chứ không phải toàn bộ mặt bằng và mặt cắt. Sự sai khác giữa mặt bằng và mặt cắt có thể là do sự biến hoá ngữ hội của hình thể, sự biến động kích thước hoặc vị trí, hoặc là sự biến hoá cấp độ không quy tắc khi biến hoá ngữ hội hình thể. Một hình vuông trên mặt bằng hoặc mặt cắt có thể phối hợp với hình vòng cung. Khi biến động kích thước và vị trí, một bộ

phần trên phương nằm ngang sẽ tăng lớn hơn hoặc thu nhỏ lại trên phương thẳng đứng, hoặc là di dời vị trí chút ít. Trường hợp biến hoá cấp độ thì sử dụng một loại tỷ suất lệch cấp, biến hoá dật cấp từ từ trên mặt bằng hoặc mặt cắt, nhưng tỷ suất lệch cấp khác nhau.

Giữa mặt bằng và mặt cắt còn có thể xuất hiện quan hệ tương phản, khi đó hình dạng trên một mặt trong đó đồng thời tồn tại với hình dạng tương phản trên mặt kia. Chẳng hạn, bộ phận tổ hợp trong mặt bằng hoặc lớn, hoặc giản đơn, hoặc thực, hoặc tùy ý; và tương ứng, trên mặt cắt, lần lượt hoặc nhỏ, hoặc phức tạp, hoặc ảo, hoặc trật tự; như vậy, giữa mặt bằng và mặt cắt xuất hiện quan hệ tương phản.

Tuy rằng, trong quan hệ giữa mặt bằng và mặt cắt tồn tại các loại hình: tương đẳng, cục bộ với tổng thể, quan hệ tỷ lệ, tương tự và tương phản..., nhưng luôn luôn chế ước lẫn nhau, mặt này quyết định mặt kia, nhưng còn có một quan hệ nữa, đó là tính hạn định tương đối yếu nhưng tính ảnh hưởng rất lớn. Trong quan hệ của loại hình này, quyết sách của mặt bằng hoặc mặt cắt sẽ tạo điều kiện rộng rãi để lựa chọn mặt kia.

Giữa mặt bằng và mặt cắt cũng có thể xuất hiện quan hệ từ cục bộ đến tổng thể. Nói cụ thể hơn, một hình dạng trong đó đóng vai trò tổng thể, thu nhỏ lại trở thành bộ phận cục bộ trong hình dạng trên mặt kia. Trong loại quan hệ này, diện mạo của hình dạng tổng thể hiển nhiên trở thành một bộ phận cục bộ trọng yếu nhất trên mặt kia, nhưng kích thước thu nhỏ hơn. Thí dụ của loại hình này xuất hiện trong nhà ở Yano của kiến trúc sư Arata Isozaki. Ở đây, hình dạng hoàn chỉnh của mặt bằng tái xuất hiện trên cục bộ của mặt cắt.

Khu vực hoặc vị trí trọng điểm trong mặt bằng tương quan hô ứng với trọng điểm trên mặt cắt, giữa mặt bằng và mặt cắt có quan hệ tương hợp. Điều cơ bản nhất là phải xác định chuẩn xác vị trí trên



mặt bằng và mặt cắt đều xuất hiện sự biến hoá quan trọng, mặc dù hình dạng thực tế tương đối phức tạp. Trong phần 1 của cuốn sách đã phân tích kiến trúc Toà án Allegheny của kiến trúc sư H. H. Richardson là một thí dụ của loại quan hệ này.

Loại hình cuối cùng của mối quan hệ giữa mặt bằng và mặt cắt là sự diễn biến tương đồng hoặc chung một nguyên hình. Trong loại quan hệ này, hình dạng của mặt bằng và mặt cắt hình thành do quá trình diễn biến từ cùng một nguyên hình. Thí dụ Nhà thờ Thánh Maria degli Angeli của kiến trúc sư Filippo Brunelleschi, mặt bằng và mặt cắt đều là hai hình vuông quay một góc 45° và trùng hợp lại. Trong mặt bằng, hai hình vuông chỉ có một trung tâm, nhưng trong mặt cắt, một góc của một hình vuông tương giao với trung điểm của một cạnh của một hình vuông khác. Mặt bằng và mặt cắt đều hình thành từ quá trình diễn biến xuất phát từ 2 hình vuông lớn nhỏ bằng nhau, nhưng hình dạng nhận được cuối cùng lại khác nhau.

TỪ ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ

Quan hệ của đơn nguyên đối với tổng thể là một loại cấu tứ hình thể, nó can thiệp vào khái niệm của đơn nguyên, đồng thời chỉ dẫn nhận thức về những phương cách cụ thể liên kết đơn nguyên cấu thành hình thể kiến trúc.

Đơn nguyên là một thành tố chủ yếu, có thể nhận biết, phân biệt trong công trình kiến trúc. Nói chung, kích thước của đơn nguyên xấp xỉ hoặc là, trên mức độ nhất định nhỏ hơn tổng thể kiến trúc. Đơn nguyên tồn tại trong kiến trúc có thể bằng một số xích độ khác nhau. Tuy nhiên, với một bức tường chẳng hạn, có thể coi gạch là một đơn nguyên, nhưng với xích độ một công trình kiến trúc thì coi gạch là một đơn nguyên sẽ không có ý nghĩa, quan hệ giữa đơn nguyên và tổng thể của tất cả kiến trúc gạch đá đều như nhau. Cho

nên, đơn nguyên nói chung là thành tố tổ hợp như không gian chủ thể, không gian sử dụng, cấu kiện kết cấu, một khối tích hoặc là một tổ hợp các thành tố đó.

Mối quan hệ đơn giản nhất giữa đơn nguyên và tổng thể là sự tương đồng toàn khối tức là đơn nguyên cũng là tổng thể. Loại quan hệ này thường xuất hiện trong kiến trúc hình khối đơn độc giản đơn nhất. Thí dụ kim tự tháp Cheops, cấu trúc từ rất nhiều đá khối và đá phiến, tuy nhiên, cảm giác chủ yếu mà công trình này đem đến là toàn bộ diện mạo của nó. Lùi ra xa mà nói, thì loại cảm giác chủ yếu này có thể đã hàm chứa những chất cảm hoặc nhịp điệu nảy sinh từ chất liệu bề mặt rất nhỏ đó. Tương tự với trường hợp này, một số kiến trúc hiện đại phủ kính mặt ngoài, chung quy là hạng thứ 2 sau kiến trúc toàn khối cấu trúc bằng đá khối lớn.

Hình thức phổ biến nhất về mối quan hệ giữa đơn nguyên và tổng thể là tập hợp một số đơn nguyên cấu thành tổng thể. Tập hợp đơn nguyên là tổ chức đơn nguyên vào vị trí tiếp cận với nhau, đủ sức tạo được cảm giác rằng giữa các đơn nguyên tồn tại một mối liên hệ nào đó. Để biểu đạt mối quan hệ này, các đơn nguyên có thể hoặc là trực tiếp tiếp xúc hoặc là không tiếp xúc. Tổ hợp đơn nguyên sáng tạo một tổng thể có các phương pháp: nối tiếp, cách rời, trùng hợp.

Nối tiếp là phương pháp tập hợp phổ biến nhất. Trong loại quan hệ này, tất cả đơn nguyên đều nhìn thấy rõ, có thể cảm giác được một cách hoàn chỉnh, đồng thời, tập hợp nối tiếp diện liền diện, diện tiếp cạnh hoặc cạnh giáp cạnh. Chồng xếp là hình thức đặc thù diện tiếp diện.

Đơn nguyên cũng có thể tổ hợp cách rời nhưng có mối liên hệ tương hỗ, hình thành một tổng thể. Cách rời có thể biểu hiện sự giãn cách của thực thể, hoặc là bằng một phương thức nối kết nào đó giữa các



đơn nguyên đủ tạo cảm giác có sự cách rời. Cảm giác vừa liền vừa cách giữa các đơn nguyên chính là yếu lĩnh của phương thức tổ hợp này.

Trùng hợp cũng là một phương thức tập hợp. Bởi vì kiến trúc là loại hiện tượng 3 chiều, sự trùng hợp của phạm trù lập thể, là sự xuyên thấu lẫn nhau. Đơn nguyên trở thành một hình thể hoàn chỉnh cùng với đơn nguyên khác chiếm hữu chung một cục bộ hình thể hoặc không gian của nhau. Bộ phận trùng hợp có thể coi là phần chung của mỗi đơn nguyên, đồng thời cũng là sở hữu của chúng.

Đơn nguyên cũng có thể bao dung trong tổng thể kiến trúc. Trong mối quan hệ này, tổng thể của kiến trúc là hình thức biểu hiện chủ yếu, còn đơn nguyên ẩn chứa trong tổng thể kiến trúc. Khái niệm của loại quan hệ này là coi tổng thể kiến trúc như hấu bao chứa đựng đơn nguyên, trong đó, đơn nguyên là không gian hoặc cấu kiện kết cấu.

Tổng thể kiến trúc có thể lớn hơn, phong phú hơn tập hợp tất cả những đơn nguyên. Có thể giải thích như sau: tổng thể lớn hơn tổng các cục bộ. Một số bộ phận nào đó trong hình thể kiến trúc đóng vai trò như khung giá liên kết, bọc chứa, tổ chức liên hệ tất cả đơn nguyên. Hoặc có khi, chỉ tương tiếp với các đơn nguyên. Ở đây, khái niệm khối đệm rất quan trọng, khối đệm tạo nên sự phân biệt minh bạch giữa không gian bên trong với ngoại hình của kiến trúc.

TỪ TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC

Cấu tứ hình thể từ mối liên hệ giữa trùng lập và đơn độc, tức là cấu thành một hình thể kiến trúc bằng 2 loại tổ hợp xuất hiện nhiều lần và xuất hiện đơn độc. Nội dung cơ bản của loại cấu tứ này là làm thế nào lý giải chính xác sự khác biệt của đơn độc trong cùng đẳng cấp hoặc loại hình. Sự khác biệt này là nhận biết tính đơn độc trong đẳng

cấp bài trí, từ hệ tham chiếu của loại hình và biểu hiện đột xuất trong phạm trù đặc trưng trùng lập. Đối với trùng lập, định nghĩa của đơn độc phải gắn vào đặc trưng khác nhau của đồng loại đơn thể. Chẳng hạn, khối chỉ có thể đối chiếu so sánh với khối mới có thể xác định khối nào là đơn độc, nếu so sánh khối với cửa sổ, hoặc với kết cấu thì không thể nào phát hiện tính khác biệt của loại này, vì rằng đặc trưng tham chiếu khác nhau. Trong một kiến túc, đơn thể trùng lập và đơn độc có thể xuất hiện ở rất nhiều kích thước và tầng thứ khác nhau. Cũng giống như quan hệ giữa đơn nguyên và tổng thể, vấn đề then chốt là chọn phương thức có tác dụng chủ yếu để biểu đạt cấu tứ.

Trong phạm trù của kiến trúc học, đơn thể trùng lập và đơn độc, nói chung là chỉ 3 chiều, cho nên có thể bằng phương pháp biểu hiện mặt bằng mặt cắt thường dùng chuyển hoá biểu đạt. Đa số các trường hợp, trùng lập và đơn độc sẽ xuất hiện trên cùng một mặt bằng hoặc trên cùng một mặt cắt, Nhà thờ Thánh Maria degli Angeli của kiến trúc sư Filippo Brunelleschi là một thí dụ tách biệt xuất hiện trùng lập và đơn độc loại này.

Những đơn thể trùng lập phải qua cải biến lớn nhỏ, màu sắc, vị trí và phương hướng, cũng có thể trở thành đơn độc. Hình dạng, sự biến hoá phương thức kết hợp và hình kỷ hà, cũng có thể gia công đơn thể thành đơn độc. Khác biệt giữa sự biến hoá hình dạng và hình kỷ hà phụ thuộc vào mức độ sai khác giữa 2 loại đồ hình. Nếu đơn thể đơn độc có bộ phận tương đồng hình dạng với đơn thể trùng lập, đó là sự biến hoá hình dạng. Thí dụ, xoá một cạnh của hình vuông, thay vào đó một cung tròn, là sự biến hoá hình dạng. Nếu ngũ hội hình thể của thành tố đơn độc khác với thành tố trùng lập là sự biến hoá kỷ hà. Trường hợp đó, hình tròn trở thành đơn độc đối với hình vuông



trùng lặp. Sự biến hoá của phương thức kết hợp phát sinh trong trường hợp này thường gặp: hình thể hoặc hình dạng tương đồng tổ hợp từ 2 phương thức khác nhau rõ rệt. Thí dụ, khi một khối lập phương trong suốt liên kết với một loạt khối lập phương không trong suốt thì khối lập phương trong suốt là đơn độc.

Bộ phận đơn độc cũng có thể ở giữa sự bao vây của trùng lặp. Khi đó, bộ phận đơn độc vừa là trung tâm vừa vốn có hình dạng riêng giữa những đơn thể trùng lặp bao quanh nó. Đơn thể trùng lặp có thể tương hợp với biên của bộ phận đơn độc, nhưng không nhất thiết như vậy. Tuy nhiên, bất luận bố trí các đơn thể trùng lặp như thế nào, đều không thể cải đổi bộ phận đơn độc ở giữa. Ngược lại, cũng có thể đơn độc bao vây trùng lặp.

Hình thức bao vây đơn độc ở giữa còn một phương án khác: bộ phận đơn độc xác định từ cục bộ của bộ phận trùng lặp, phương án này khác với phương án điển hình trùng lặp bao vây đơn độc trên đây, phụ thuộc vào giải pháp hình thành bộ phận đơn độc. Trong trường hợp này, hình dạng hoặc hình khối của thể đơn độc không thể thoát ly hình dạng của đơn thể trùng lặp, nói cách khác, chí ít, hình thể của khối đơn độc biến đổi theo hình dạng hoặc sự biến hoá cục bộ của đơn thể trùng lặp.

Đơn độc và đơn thể trùng lặp có thể tổ hợp, cấu thành hình thể kiến trúc. Nhưng tổ hợp như thế nào, bộ phận trùng lặp đặt vào đơn độc hay bộ phận đơn độc đặt vào trùng lặp, quyết định một cách có ý thức sau khi nghiên cứu các quan hệ kích thước, hình dạng, vị trí hoặc những giải pháp tổ hợp nào đó. Nói chung, khi cái này đặt vào cái kia thì cái sau giữ địa vị trọng yếu.

Đơn thể đơn độc có thể hình thành từ đơn thể trùng lặp do trùng hợp, một hình dạng tương đồng trong đó chính là đơn độc. Cũng có khi,

bộ phận trùng lặp trong hình thể kiến trúc hoàn toàn xác định trước, bộ phận còn lại trở thành đơn độc, như vậy, có thể nói, đơn độc là sự khác biệt sau khi tinh giảm tất cả bộ phận trùng lặp của tổng thể kiến trúc.

Nếu như khoảng cách giữa các đơn nguyên khá gần, và tồn tại mối liên hệ nhất định nào đó, khi đó, đơn thể đơn độc có thể tách rời bộ phận trùng lặp, phương thức tách rời có thể trong thực tế, có thể trong cảm giác, tương tự như trường hợp của mối quan hệ giữa đơn nguyên và tổng thể. Bộ phận đơn độc có thể đặt trong một khu vực của trùng lặp, những đơn thể trùng lặp trong khu vực này phải thống nhất về kích thước, hình dạng, tức là cả khu vực trở thành một đơn nguyên lớn, như một mảng quảng trường, một lưới ô. Khối đơn độc đặt trong đó như là phân cắt ô lưới, do đó sự khác biệt giữa trùng lặp và đơn độc càng mạnh và rõ hơn.

Vị trí chiếm hữu của đơn thể cũng có thể làm cho nó trở nên đơn độc. Một điểm nổi trội trên một đường là nguyên lý cơ bản của tính đơn độc này. Cho nên, một đơn nguyên ở trung tâm, đoạn cuối của một thông đạo, hoặc là dịch một phần tử ra khỏi hàng của nó đều có thể trở thành một đơn độc. Có khi hai đầu của một dải cũng có thể giữ vai trò đơn độc, và liên hệ với các bộ phận trùng lặp trong dải.

PHƯƠNG PHÁP TĂNG VÀ GIẢM

Áp dụng phương pháp tăng và giảm để cấu tứ hình thể, tức là thiết kế theo cách tăng thêm hoặc cắt bỏ một bộ phận hình thể kiến trúc. Nguyên lý cơ bản của loại cấu tứ hình thể này là: thiết kế theo phương pháp tăng thì cục bộ có tác dụng chủ đạo rõ ràng. Còn phương pháp giảm thì tổng thể có tác dụng chủ đạo dứt khoát. Khi thiết kế theo phương thức tăng, trong tưởng tượng của người thiết kế, kiến trúc là tụ hợp tất cả những đơn nguyên xác định. Còn khi thiết



kế theo cách giảm, trước tiên tác giả lý giải kiến trúc là một tổng thể minh xác, sau đó cắt giảm một số cục bộ. Khi thiết kế kiến trúc, có thể vận dụng đồng thời cả 2 loại tưởng tượng này, nhưng phải phân tích rõ loại nào là chủ đạo mới có thể xác định phương thức tăng hay giảm. Nói chung, khi nghiên cứu hình thể kiến trúc, hai loại cấu tứ này có tác dụng cực kỳ to lớn, nhất là vấn đề tổ chức khối. Đương nhiên, cũng giống như tất cả những vấn đề hình thể, có thể cấu thành không gian trong phạm trù cấu tứ này. Tuy rằng tăng và giảm là hai phương thức cấu tứ hình thể thường vận dụng trên kích thước của tổng thể kiến trúc, nhưng cũng có thể thích dụng để thiết kế các xích độ khác, chẳng hạn cục bộ của kiến trúc hay là phòng ốc.

Phương pháp tăng và giảm không giống như các khái niệm khác, là phương pháp thông dụng nhất trong thiết kế cấu tứ. Khi đồng thời sử dụng hai cấu tứ này trong thiết kế, có thể đưa ra nhiều loại phương án. Động lực thiết kế phong phú sẽ phát huy đầy đủ nhờ vận dụng phối hợp hai loại cấu tứ này. Phương pháp và trình tự vận dụng phối hợp có rất nhiều loại và nhiều dạng, chẳng hạn, trước tiên cắt giảm một số cục bộ trong tổng thể tạo thành một hình thể, sau đó lại tăng một bộ phận, tạo nên một tổng thể thứ hai, lại cắt giảm một bộ phận... Trong cách cấu tứ này, mỗi lần tăng hoặc giảm sẽ hình thành một số hình tượng nhất định, từng bước xuất hiện những nhân tố chủ đạo trong cảm giác, và phương pháp tuần tự, đem đến nhiều cơ hội lựa chọn nhiều loại phương án.

ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG

Đối xứng và cân bằng là một loại cấu tứ hình thể, tức là thiết kế kiến trúc từ mối quan hệ đồng số lượng vô hình và hữu hình giữa các bộ phận cấu thành kiến trúc. Đối xứng và cân bằng trong kiến trúc học, xây dựng trên khái niệm: những đơn nguyên trong kiến trúc có thể

quy định cùng số lượng, đồng thời những thuộc tính của loại đồng lượng này có thể tri cảm được. Cân bằng và đối xứng nói chung sản sinh trong thuộc tính của sự đồng lượng này. Cân bằng và đối xứng đều là trạng thái ổn định của những thành tố tổ hợp, hình thành ở hai bên của một điểm hoặc một đường vô hình. Nói chung, cân bằng là sự cảm nhận của trực giác đối với những đơn thể (thành tố) tổ hợp. Nhưng, khi những thành tố tổ hợp kèm theo giá trị và ý nghĩa khác nhau thì cân bằng lại trở thành hiện tượng của một loại khái niệm.

Đối xứng là hình thức đặc thù của cân bằng. Bản chất của nó là tính trực giác. Đối xứng khác với cân bằng ở chỗ, số lượng đơn nguyên ở hai phía của trục đối xứng bằng nhau. Hình thức đối xứng quen thuộc với mọi người: dạng đối xứng trục, dạng đối xứng phản chiếu phản xạ mặt gương, giống như kiến trúc và ảnh của nó trong gương. Loại đối xứng này, hình dạng của đơn nguyên giống nhau, nhưng đối nghịch vị trí. Hình ảnh xuất hiện giữa 2 bên của một đơn nguyên giống nhau. Đối xứng dạng song trục hoặc song bên là đối xứng phản xạ trên hai phương.

Hình thức đối xứng thứ hai, các đơn thể quay quanh một tâm. Trường hợp này có một tâm vô hình, dạng đối xứng này khác với đối xứng trục. Tâm điểm có thể ở trong đồ hình, hoặc ở biên, hoặc ở ngoài đồ hình. Nếu như tâm quay ở trong đồ hình, sẽ hình thành dạng trùng hợp vòng. Nếu tâm quay trên 2 phương không đối xứng sẽ hình thành đối xứng kiểu cánh quạt. Ngoài nhân tố vị trí của tâm quay, còn có những nhân tố biến hoá quan trọng khác nữa như số lần quay và sự biến đổi cấp trong quá trình quay.

Đối xứng di động xuất hiện khi có sự di chuyển vị trí tương đối giữa các đơn nguyên đồng dạng về hình dáng, chiều hướng. Trong thiết kế, loại đối xứng này còn có thể thực hiện bằng phương pháp sau: tập hợp nhiều đơn nguyên đồng dạng thành một dải, tổ chức quan hệ

đối xứng giữa 2 đơn nguyên bất kỳ trong đó. Hình dạng của nó không nhất định là một đường thẳng, có thể có rất nhiều hình dạng khác nhau. Trong thiết kế, có thể sử dụng nhiều lần di chuyển. Thí dụ, nhà ở kiểu sân trong của kiến trúc sư Jorn Utzon đã sử dụng 2 nhóm đơn nguyên quan hệ đối xứng nhưng phương hướng khác nhau.

Đối xứng là chỉ sự tương đồng về số lượng đơn nguyên xuất hiện ở 2 phía của điểm hoặc đường, nhưng cân bằng thì số lượng đơn nguyên của mỗi bên hiển nhiên khác nhau, hình thức biểu hiện khác nhau. Hình thành trạng thái cân bằng do tương quan các hình khối, chiều hướng, vị trí, kích thước, hình dạng, thực, ảo. Cân bằng hình khối cảm nhận từ mối liên hệ giữa đồng lượng đơn nguyên có ngữ hội hình thể khác nhau, một đơn nguyên có thể là hình tròn, còn đơn nguyên khác lại là hình chữ nhật.

Ngoài sự biến đổi chiều hướng đề cập trong dạng đối xứng phản xạ và quay, những đơn nguyên tương đồng vốn có khả năng thay đổi chiều hướng nhiều hơn, cũng có thể cấu thành quan hệ cân bằng. Khoảng cách tương đối giữa đơn nguyên và trục cân bằng có thể xác định sự cân bằng vị trí, rất giống với khái niệm cân bằng trọng lượng của đòn cân.

Những đơn nguyên lớn nhỏ khác nhau, nếu cân bằng tính chất, thì khoảng cách đến trục cân bằng của nó sẽ bằng nhau. Trong quan hệ cân bằng này, sự khác biệt lớn nhỏ có thể lấy được sự cân bằng nhờ phương pháp cường điệu những thuộc tính khác đối với đơn nguyên nhỏ hơn, do đó trục cân bằng vẫn có thể định vị ở giữa. Khi một bộ phận có tính trọng yếu hơn, chẳng hạn, một khối bảo thạch có thể cân bằng với một bộ phận lớn hơn rất nhiều nhưng thứ yếu. Thí dụ, hai đơn thể lớn nhỏ khác nhau, có thể sử dụng vật liệu đặc biệt cho

đơn thể nhỏ cũng có thể cấu thành quan hệ cân bằng với trục cân bằng ở giữa.

Cân bằng còn phân biệt có cân bằng hai hướng, ba hướng của những hình thể khác nhau. Cân bằng hoặc là cân bằng thị giác đối với hình thể là do xử lý diện tích hoặc khối. Sự phân biệt này biểu hiện trên hai hướng của mặt đứng, nhưng kiến trúc là hiện tượng ba chiều. Trong quan hệ này cần phải nghiên cứu xử lý một loạt những đặc trưng biểu hiện của số lượng, hình dạng, cách thức ...; chẳng hạn mở hay đóng, ít hay nhiều, giản đơn hay phức tạp.

Cuối cùng, hai đồng lượng về khối cũng có thể sản sinh sự cân bằng trong so sánh thực ảo. Bởi vì nội dung bao hàm trong đó là quan hệ đồng lượng của khối và không gian, cho nên quan hệ này biểu hiện đầy đủ nhất bản chất của kiến trúc học. Theo ý nghĩa đó, một tháp thực có thể cân bằng với quảng trường ảo.

HÌNH KHỐI VÀ LƯỚI Ô

Với vai trò cấu tứ hình thể, hình khối là sự lợi dụng nguyên lý khối học bình diện và khối học khối tích để sáng tạo hình thể. Tất cả kiến trúc đều tồn tại các thức, các dạng hình khối. Nhưng, với cấu tứ hình thể, phải tập trung chính xác trong thiết kế hình thể của các tầng thứ khác nhau.

Phương pháp vận dụng cơ bản nhất loại cấu tứ này là tổ hợp hình cơ bản thành hình thể hoặc không gian để cấu thành hình dạng tổng thể của kiến trúc. Cho nên một công trình kiến trúc có thể là một hình tròn, một hình vuông, một hình tam giác, một hình lục giác, một hình bát giác hoặc bất kỳ một loại đơn thể nào có thể miêu tả và cảm nhận được là hình thể khối. Tuy rằng, hình khối không phải đều áp dụng cho các bộ phận của tổ hợp kiến trúc, nhưng hình khối cơ bản phải giữ vai trò trọng yếu và có thể sờ thấy được, đây là một tất yếu.



Tuy rằng kiến trúc có thể cấu thành từ một hình kỉ hà, nhưng cũng có thể cấu thành từ tổ hợp một số hình kỉ hà. Tức là, một hình tròn có thể kết hợp với hình vuông hình thành một kiến trúc. Tương tự như vậy, hai hoặc nhiều hơn hai hình cơ bản có thể tổ hợp với nhau, trong đó mỗi một hình đều có thể biểu hiện là một hình hoàn chỉnh. Những hình thể này không nhất thiết phải xuất hiện cụ thể, nhưng chí ít, mỗi hình phải ám thị cho thấy. Phương thức tổ hợp như sau: đặt một hình kỉ hà vào giữa một hình khác, hoặc là kết nối, hoặc là trùng hợp với một hình khác. Khi một hình kỉ hà ở trong một hình kỉ hà khác, hình kỉ hà ở trong có thể là một vật thể, một gian phòng, một sảnh, một vùng xác định, hoặc là một không gian ổn định.

Một hình thức đặc hữu của trùng hợp hình kỉ hà trong kiến trúc là sự trùng hợp giữa một hình chữ nhật với một hình tròn tương đối nhỏ. Một hoặc một số hình tròn có thể trùng hợp với một cạnh hoặc một góc của hình chữ nhật. Phương thức trùng hợp này có thể nhận được nhiều hình dạng khác nhau, bao gồm một hình tròn gắn trên trung tuyến của cạnh dài. Hình tròn gắn ở góc của hình chữ nhật, tâm ở ngay góc, hoặc là hình tròn cắt một cạnh của hình chữ nhật.

Giống như có thể tập hợp nhiều hình kỉ hà khác nhau, và cũng có thể tổ hợp những hình kỉ hà tương tự. Thí dụ, kiến trúc có thể tổ hợp hai hình tròn, hoặc ba hình tam giác, hoặc hai hình sáu cạnh lớn nhỏ bằng nhau hoặc khác nhau. Nếu như tổ hợp 2 hình vuông lớn nhỏ giống nhau bằng những phương thức khác nhau sẽ xuất hiện những hiện tượng đặc biệt rất hứng thú.

Khi tương hợp đồng biên hai hình vuông giống nhau sẽ hình thành hình chữ nhật tỷ lệ 2: 1, và cũng có thể trùng hợp hai hình vuông giống nhau thành hình chữ nhật tỷ lệ nhỏ hơn 2: 1, hoặc là sau khi tách rời 2 hình vuông sẽ ám thị một hình chữ nhật lớn hơn tỷ lệ đó.

Thông thường khối hoặc không gian ám thị xuất hiện sau khi trùng hợp hoặc tách rời sẽ được áp dụng vào những mục đích đặc biệt, chẳng hạn lối vào, sảnh chính của kiến trúc. Trùng hợp hai hình vuông và quay quanh trục tâm sẽ hình thành một hình bát giác. Cũng có thể tổ hợp liên kết một góc của một hình vuông với một diện của một hình vuông khác.

Đặc điểm vốn có khi tổ hợp hình vuông, là có thể gia tăng bằng bội số của hình vuông, cũng có thể phân đều bình quân. Đặc điểm nổi bật của loại tổ hợp này là có thể cấu thành một hình vuông khác lớn hơn. Tổ hợp 4 hình vuông theo cách 2×2 sẽ nhận được một hình vuông lớn có 4 phần bằng nhau hoặc bằng 4 lần hình vuông thành phần. Tương tự như vậy, tổ hợp 9 hình vuông theo 3×3 hoặc mở rộng hơn.

Tổ hợp 9 hình vuông, bao gồm 3 loại hình vuông, mỗi hình đều có đặc điểm tự thân. Bốn hình vuông ở 4 góc kẹp giữa 2 hình vuông mỗi bên. Bốn hình vuông ở giữa các cạnh ép giữa 3 diện mỗi bên. Cuối cùng, một hình ở giữa hoàn toàn bị bao vây. Chính hình vuông trung tâm này tạo nên một loại cấu đồ đặc biệt của tổ hợp 9 hình vuông. Bố cục này nhấn mạnh hình vuông hoặc không gian trung tâm. Còn đặc trưng của tổ hợp 4 hình vuông là điểm trung tâm.

Trong cấu đồ của mô thức 9 hình vuông, lấy ra một số hình vuông, bảo lưu nguyên vị những hình vuông còn lại, có thể tạo nên những biến hoá khác nhau, thí dụ, chỉ giữ lại 8 hình vuông ở mặt biên sẽ hình thành một khối vuông rỗng. Chỉ giữ lại hình vuông ở 4 góc và trung tâm sẽ hình thành chữ X. Bỏ hình vuông ở góc sẽ còn lại hình dấu +. Bỏ hình vuông giữa trên hai cạnh đối nhau sẽ hình thành chữ H. Cuối cùng, bỏ hình vuông ở góc và hai hình vùng kế cận sẽ còn lại hình bậc thang. Một số hình thể có thể diễn biến từ một bộ phận của hình kỉ hà cơ bản. Nói rõ hơn, là một mảng phân cắt có thể là



một nửa hình tròn, hình vuông hoặc một tam giác v.v... Hơn thế nữa, nếu tổ hợp một số loại hình kỉ hà có thể tạo nên những hình dạng phức tạp hơn. Tuy rằng những hình dạng phức tạp này rõ ràng hình thành qua quá trình diễn biến từ các hình kỉ hà, nhưng không thể nào miêu tả bằng ngôn ngữ kỉ hà học giản đơn. Một loại diễn biến hình kỉ hà khác nữa là từ một số vị trí trên bản thân kiến trúc ám thị một hình kỉ hà lớn hơn. Thí dụ, Viện dưỡng lão của kiến trúc sư Robert Venturi, định vị quan hệ tổ hợp trong 1 tam giác lớn.

Bằng một số diễn biến nào đó khi ghép hai hình vuông có thể nhận được 3 loại hình chữ nhật tỷ lệ cạnh khác nhau, đều nhỏ hơn tỷ lệ cạnh 2: 1. Loại thứ nhất là hình chữ nhật cạnh dài bằng $\sqrt{2}$, sau khi quay 45° đường chéo của hình vuông. Hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,5: 1 tạo thành từ cách ghép nửa hình vuông với một hình vuông. Loại thứ ba, hình chữ nhật tỷ lệ vàng, tức là lấy trung điểm của một cạnh hình vuông làm tâm quay, sau khi quay với bán kính bằng cạnh huyền của nửa hình vuông đó, hình thành cạnh dài của hình chữ nhật. Những loại hình vuông trên đây thường sử dụng hoặc là đơn độc hoặc là tổ hợp để cấu thành kiến trúc hoặc là cục bộ kiến trúc.

Thông qua phương thức quay, chuyển dịch, trùng hợp, vận dụng linh hoạt các loại hình kỉ hà có thể phát triển một loạt những hình dạng khác. Vận dụng linh hoạt nhiều hình dạng, qua quá trình vận động nội tại, có thể tổng hợp sáng tạo được những hình thể càng phức tạp hơn. Thí dụ, có thể vận dụng kết hợp quay và trùng hợp. Quay, tức là xoay tròn một hoặc một số bộ phận quanh một trung tâm. Tất cả các bộ phận đều có thể cùng một tâm quay, cũng có thể khác tâm quay. Vận động quay, tự nhiên sẽ thay đổi chiều hướng các bộ phận can thiệp. Những hình dạng đặc biệt có được từ phép quay là một vòng xích liên kết hai đơn thể dạng thanh, chiều hướng khác nhau. Vòng

xích liên kết thanh hoặc điểm, thực tế cũng là một hình tượng trong kiến trúc, nhưng trong một số trường hợp khác lại là vô hình.

Khi vận dụng phương thức chuyển dịch, tuy rằng các bộ phận cũng dịch động nhưng khác với quay, phương hướng vẫn không đổi. Tuy tính chất của dịch chuyển thường theo phương thẳng, nhưng dịch chuyển theo hướng đường chéo có thể có được kết quả phong phú, đa dạng, vì rằng khi dịch chuyển vị trí của một bộ phận sẽ thu được sự biến hoá trên 2 phương. Dịch chuyển cũng có thể lý giải là sự trượt tương đối giữa hai bộ phận. Khi xuất hiện trường hợp này, giữa 2 bộ phận trượt nhau. Thường nảy sinh trong cảm nhận một không gian thứ ba, có thể điều hoà khe hở giữa 2 bộ phận.

Tổ hợp hai loại đồ hình sẽ sáng tạo được một loại hình thứ ba, đây là đặc trưng độc đáo vốn có của trùng hợp. Sau khi trùng hợp một số hình dạng đơn giản có thể nhận được những hình dạng phức tạp hơn trên tổng thể của hình thể. Căn cứ vào đặc tính này của trùng hợp, những hình dạng có cùng diện tích có thể hoàn toàn khác với nguyên hình trùng hợp.

Hình phóng xạ, hình cánh quạt và hình xoáy ốc... đều có chung đặc tính, là cùng xuất phát từ tâm điểm. Nhận ra hình dạng phóng xạ là do kiến trúc vốn chứa nhiều đơn thể, mỗi đơn thể đều trọng yếu như nhau, và đều từ một trung tâm vươn ra ngoài theo tuyến phóng xạ, đồng thời có thể liên kết với những đơn thể khác bố trí tập trung. Hình xoáy ốc và hình cánh quạt động thái mạnh hơn hình phóng xạ. Hình xoáy ốc xuất phát từ một trung tâm, vận động xoay hướng đều đặn. Hình cánh quạt tổ hợp từ một số nhánh liên kết dạng dải, những nhánh này liên hệ tại cùng một hạt nhân ở giữa, hoặc là đầu liên kết của các nhánh ám thị một nhân vô hình. Trục tâm của những đơn thể này không thể giao nhau tại một điểm. Chẳng qua, xuất hiện khoảng cách theo quy luật phóng xạ giữa các nhánh đơn thể và liên kết các



nhánh với nhau, quan hệ giữa các nhánh hoàn toàn bình đẳng. Cảm nhận quay là động thái hàm ẩn của hình cánh quạt.

Ô lưới phát triển từ sự trùng lặp những hình kỉ hà cơ bản. Phương pháp trùng lặp là tổ hợp lặp đi lặp lại nhiều lần các hình kỉ hà một cách linh hoạt. Trong khái niệm, lưới ô phát triển vô hạn, quan hệ giữa các đơn thể trong khu vực lưới ô đều giống nhau. Lưới ô có thể miêu tả sự tương giao giữa các đường song song nhau. Khoảng cách giữa các đường song song có thể trùng lặp, có thể biến đổi. Đơn giản nhất là lưới ô cách đều. Nếu biến đổi khoảng cách lưới trục sẽ nhận được hình thức bố cục phức tạp hơn. Mỗi loại tiết tấu khoảng cách, nếu liên kết với một loại tiết tấu khác, có thể xác định một hình thức lưới ô mới có đặc tính riêng. Nếu "a", "b", "c" biểu thị khoảng cách một lưới ô, nhưng tần suất xuất hiện của "a" trên ô thứ tự của lưới ô, như vậy, các ô sẽ là "a, b, c, a, b, c, a, b,..." nhưng cũng có thể "a, b, b, a, c, c, a, b..." hoặc là "a, b, c, a, c, b, a, b..."

Mặt khác của lưới ô là quan hệ giữa hai nhóm trục song song. Hai nhóm trục có thể tương giao vuông góc, cũng có thể không vuông góc. Nếu là tương giao vuông góc, khoảng cách đều, sẽ cấu thành lưới ô vuông. Nếu khoảng cách trục lưới khác nhau, nhưng trong mỗi nhóm trục, khoảng cách bằng nhau, tương giao góc sẽ hình thành lưới ô hình chữ nhật. Nếu hai nhóm trục lưới tương giao không vuông góc sẽ tạo thành lưới ô hình bình hành...

Trong một lưới ô, yếu tố cấu thành then chốt là 2 nhóm lưới trục tuy ý tương giao với nhau. Tuy nhiên, chỉ có điểm tương giao không đủ để thuyết minh chính xác về một lưới ô. Chẳng hạn, một loạt nhiều giao điểm có thể bài trí một lưới ô vuông, nhưng nếu những giao điểm này liên kết bằng những phương thức khác nhau, cũng có thể cấu thành lưới ô hình bình hành, hoặc hình tam giác.

Điều quan trọng để nhận thức toàn diện lưới ô là phương pháp liên kết trục lưới và giao điểm. Như đã nói ở trên, hai yếu tố này, trong khái niệm, tất yếu cùng song tồn và hoàn toàn khẳng định, nhưng cũng có thể sự tồn tại hữu hình của một ô trong đó ám chỉ một ô khác vô hình. Cũng có nghĩa là, chỉ ít, bằng 2 điểm hoặc 2 giao điểm có thể ám chỉ một đường, một trục. Nếu như phạm vi một lưới ô đủ để hiển thị mô thức của nó, thì có thể cắt bỏ một giao điểm hoặc một bộ phận đường trục trong đó. Người thiết kế có thể đặt nội dung ý đồ của mình vào ô lưới ẩn ảo này. Phương pháp liên kết trục lưới và giao điểm của lưới ô sẽ bộc lộ trọng điểm của thiết kế hoặc tiết tấu của tổ hợp. Giống như hình kỉ hà cơ bản, có thể cấu thành kiến trúc bằng phương thức xoay chuyển, dịch dời và trùng hợp.

MÔ THỨC HÌNH DẠNG

Mô thức hình dạng, sử dụng để cấu tứ hình thể, để mô tả bố cục tương đối những bộ phận của kiến trúc. Mô thức là chủ đề cơ bản nhất, là lực đẩy trong sáng tạo không gian, quần thể không gian hoặc là quần hợp hình thể. Những mô thức cơ bản như sau: mô thức trung tâm, mô thức dải, mô thức tụ tập, mô thức đồng tâm, mô thức hướng tâm, mô thức 2 tâm hoặc 2 nhân.

Mô thức trung tâm có thể quy nạp vào 2 nội dung sau:

- Bộ phận trung ương giữ địa vị chủ đạo nhất.
 - Không gian trung ương giữ vai trò tổ chức những không gian khác.
- Sự khác biệt chủ yếu giữa 2 nội dung này là phương cách xử lý bộ phận trung tâm. Nội dung thứ nhất là hướng thẳng tới hoặc là đi vòng quanh trung tâm. Nội dung thứ hai là đi xuyên qua trung tâm. Mô thức trung tâm còn có nội dung thứ ba, trung tâm là một khối thực, thí dụ khối xây lò sưởi, nhưng chưa đề cập trong cuốn sách này.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Trong mô thức lấy trung tâm làm chủ đạo, trung tâm là điểm tập trung, không gian sử dụng chủ yếu nhất đặt ở vị trí này. Nếu như trung tâm này có mái che, thì hình thể mái che thường ở giữa, cao, chung quanh thấp, chẳng hạn khối bán cầu hoặc cung tròn, hình vỏ trái cây, hoặc là tháp nhọn. Như vậy, khái niệm trung tâm càng được nhấn mạnh nhờ hình dạng của mái che. Đặc trưng trước tiên của không gian trung tâm chủ đạo là diện mạo chung của hình thể kiến trúc hầu như do trung tâm này tạo thành. Không gian này có thể là trọng yếu nhất về công năng, cũng có thể là trọng yếu nhất về ý nghĩa của tính tượng trưng. Có một số trường hợp trung tâm được coi như một thánh địa, có trường hợp không phải là thánh địa nhưng không thể nói là không trọng yếu. Hình dạng của mô thức này có thể là một hình thể đơn độc hoặc là một tổ hợp không gian từ trung tâm khuếch triển hướng ngoại. Những không gian khuếch triển này có thể sản sinh những mô thức rất phức tạp. Mỗi một không gian khuếch triển đều làm cho trung tâm nổi trội hơn, còn chính nó lùi về vị trí thứ yếu. Sự khuếch triển quá mức, trên mức độ nào đó làm mờ yếu tính trọng yếu của bản thân trung tâm. Điều khó khăn cơ bản nhất của mô thức này là làm thế nào bố trí được lối vào đồng thời bảo giữ được vai trò của trung tâm là bộ phận trọng yếu nhất, tập trung nhất. Lý tưởng nhất, lối vào bố trí ngay ở trung tâm, hoặc là bố trí nhiều lối vào liên tục ở 4 chung quanh, cách đều đến trung tâm. Thực tế rất khó thực hiện ý tưởng này.

Trong mô thức lấy trung tâm làm chủ đạo, tuyến giao thông có thể hướng thẳng tới không gian trung ương, hoặc là vòng quanh không gian trung ương. Cho nên, trung ương cũng có khả năng là không gian ngoài nhà, đi vòng quanh, không xuyên qua trung tâm. Thí dụ hành lang vòng quanh một giếng trời nhiều tầng, người đi vòng quanh, khoảng trống là bộ phận chủ đạo ở giữa. Trong loại cấu trúc

này, không gian trung ương không nhất định ảnh hưởng tới ngoại quan.

Một loại mô thức khác của trung tâm là sử dụng trung tâm để tổ chức không gian. Trong loại mô thức này, không gian trung tâm có thể đóng vai trò là không gian phụ trợ tổ chức giao thông, nút giao thông. Kiến trúc cung tròn thức cổ điển là thí dụ về loại không gian này. Có thể bộc lộ rất rõ ở ngoại quan, về hình thể, có thể thống nhất toàn khối kiến trúc, nhưng về mặt công năng, không phải là không gian sử dụng trọng yếu. Hình thức này, cũng giống như hình thức trung tâm chủ đạo, nhưng không nhất định hiển lộ ra bề mặt, có thể là một khoảng trống, như một giếng trời của công trình, nhưng chỉ là sử dụng cho giao thông.

Những loại hình thức trình bày trên đây đều xây dựng trên khái niệm trung tâm, còn mô thức dải, ngược lại đặt trọng điểm trên trục và vận động. Vấn đề then chốt nhất hàm chứa trong nội dung của hình thức dải là thông đạo và phương hướng. Mô thức dải, có thể quy nạp gồm 2 dạng. Sự khác biệt giữa 2 dạng này quyết định do mối quan hệ của hai yếu tố, một là không gian sử dụng, hai là, bằng thông lộ nào đi tới không gian sử dụng. Mô thức thứ nhất, thông lộ tách rời khỏi không gian sử dụng, gọi là khung cấu trúc. Mô thức thứ hai, thông lộ xuyên qua không gian sử dụng, những không gian này xâu kết với nhau tương tự như xâu chuỗi.

Khung cấu trúc là không gian phụ trợ, song hành với chuỗi không gian hoặc bộ phận độc lập. Thông thường, thông lộ công cộng có thể liên kết tổ hợp những bộ phận không có quan hệ trực tiếp với nhau. Khung cấu trúc có thể giữ vai trò chủ yếu trong hình thể kiến trúc, cũng có thể ẩn tàng ở bên trong. Trường hợp sau, khung cấu trúc chỉ là hành lang đơn hoặc kép. Khi đó các bộ phận trong tổ hợp có thể đối xứng hoặc không đối xứng dọc theo khung cấu trúc. Về tính

chất, khung cấu trúc không có sự khác biệt đẳng cấp, cũng không có chiều dài cố định, chính những đối tượng phục vụ xác định giới hạn của nó. Một số hạng mục kiến trúc khác, như cửa vào sẽ ảnh hưởng tới hình dạng thực tế và lộ trình kinh lịch của khung cấu trúc. Thông thường, thừa nhận khung cấu trúc là những đường thẳng, nhưng cũng có thể uốn lượn trở thành không gian quây hợp, để tiện tập trung điểm nhìn, rút ngắn chiều dài, hoặc là để thích ứng với một số điều kiện bên ngoài nào đó. Trong nội bộ một kiến trúc, có thể không chỉ có một khung cấu trúc. Sự đan kết và những đặc trưng đan kết của khung cấu trúc có thể hình thành địa vị đẳng cấp hoặc vùng cấu trúc đặc thù.

Loại hình thứ hai của mô thức dải có thể mô tả như sau: những không gian liên kết với nhau và xuất hiện sự vận động từ cái này đến cái kia, do đó, thông đạo có thể xuyên qua các không gian, tuần tự từ không gian này đến không gian kia, khi đó, hình dạng, vị trí, khoảng cách của cửa mở giữa các không gian quyết định hình dạng của thông đạo, trên mức độ rất lớn, có thể nhìn thông suốt thông đạo. Sự khai triển các khối không gian có thể làm cho thông đạo thêm phong phú, đa biến.

Loại mô thức dải này có thể giúp chúng ta phương pháp cấu tứ theo cách diễn tiến tuần tự một cách phù hợp. Mô thức diễn tiến sẽ lý giải sau, nhưng chủ yếu cần tìm hiểu hình thức dải từ không gian đến không gian, thông thường là diễn tiến tuần tự. Cho nên, có thể đặt trọng điểm ở một không gian bất kỳ trong dải. Trọng điểm có thể tại khởi điểm của thông đạo, dọc theo thông đạo, ở giữa hoặc ở điểm cuối của thông đạo.

Phương thức tụ tập là sự hợp quần không gian và hình thể, không xác định mô thức. Tất cả các đơn nguyên, bất luận là hình thể hoặc không gian, phải kề sát nhau, nhưng quan hệ không có quy luật. Vì

rằng phương thức tập hợp không có điều kiện tiên quyết, tính tùy nghi này cho phép các đơn nguyên có thể không quy tắc. Có thể tụ tập không gian vào trong một hình thể hoàn chỉnh, đồng thời, phương pháp tụ tập ảnh hưởng hoặc là quyết định tới hình thể 3 chiều. Hình thể tập hợp, có thể tái phân cắt không gian, nhưng những bộ phận phân cắt này không có tác dụng trọng yếu trong hình thể.

Phương thức đồng tâm giống như hiện tượng khi ném viên sỏi xuống mặt nước. Rất nhiều đơn nguyên hình dạng khác nhau đều có cùng một trung tâm. Hình thức này cũng có thể coi là hình thức xếp lớp, đơn nguyên này tiếp nối với mặt ngoài của đơn nguyên kia. Đặc điểm của phương thức đồng tâm, trước tiên phải xem xét có bao nhiêu vòng, sau đó, chú ý đến các vòng, tuy rằng đồng tâm, nhưng không nhất định có cùng một ngữ hội hình thể.

Mô thức xâu chuỗi có một số đặc trưng nào đó giống phương thức đồng tâm. Hai loại mô thức này đều có một số đơn nguyên ở trong một đơn nguyên khác, nhưng mô thức xâu chuỗi, trung tâm của mỗi đơn nguyên riêng biệt, nói chung còn có những bộ phận chung khác, như là biên của một thanh hoặc nhiều thanh, hoặc là một tuyến trung tâm. Trong cấu trúc hình thể và không gian đều có thể thực hiện mô thức xâu chuỗi hoặc đồng tâm, những mô thức này đều hàm ẩn tính chất tầng lớp.

Một mô thức vốn có hai tâm điểm trọng yếu như nhau, có thể gọi là mô thức song tâm. Điều trọng yếu để lý giải song tâm là khái niệm khu vực hoặc phạm vi có biên giới rõ ràng. Khu vực này có thể là thực hoặc ảo. Nếu là ảo, thì khu vực đó có thể làm một gian phòng, một không gian nội thất tương đối lớn, hoặc là một không gian ngoại ốc như sân trong của một công trình.

Nếu coi kiến trúc như là một khối, thì khu vực này là thực. Trong hai khu vực ảo hoặc thực, song tâm đều ở trong khu vực. Do đó, nếu khu vực là ảo, song tâm sẽ hình thành căn cứ vào thực thể trong không gian nhất định. Nếu khu vực là thực, song tâm sẽ là không gian lõm trong khối, bộ phận còn lại có thể coi như khối đệm.

Đặc tính cơ bản của phương thức song nhân vốn có hai bộ phận trọng yếu đồng cấp, hai bộ phận này là hai hình thể, tổ hợp thành tổng thể kiến trúc, giữa hai hình thể hình thành một trục đối xứng hoặc cân bằng. Hai bộ phận này có thể tương đồng, nhưng cũng có thể khác nhau do sự biến hoá hình kỉ hà, phương hướng, hình dạng hoặc là trạng thái giữa hai hình thể hạt nhân có thể có không gian thứ ba đóng vai trò liên kết, nhưng không phải là vấn đề bản chất. Thông thường, khối liên kết này là không gian thứ yếu hoặc trung tính, và không ở trong hai bộ phận trọng yếu. Tuy rằng, trong trường hợp ngẫu nhiên cũng có thể là không gian sử dụng quan trọng, hoặc là bức tường thực. Cửa vào thường đặt giữa hai bộ phận quan trọng này, hoặc là mở vào một bộ phận, sau đó theo một lối đi, vào bộ phận thứ hai.

DIỄN TIẾN

Chủ đề diễn hình của kiến trúc bao gồm sự diễn tiến cấu tứ hình thể. Diễn tiến là quá trình biến hoá mô thức, từ hình thái này đến hình thái khác. Khái niệm bao hàm của diễn tiến là sự biến đổi tuần tự và nhiều lần, không phải gấp bội. Cho nên, để xác nhận loại mô thức này, thông thường, ít nhất cần phải có hơn hai lần biến hoá. Đăng cấp khối, hoán chuyển, biến hình, trung gian... đều là những hình thức diễn tiến thông thường cần phải thảo luận trong cuốn sách này. Những hình thức diễn tiến thông thường và phạm trù diễn tiến rộng lớn có sự khác biệt, hình thức diễn tiến thông thường chỉ diễn tiến có

giới hạn, là một bộ phận của diễn tiến rộng. Diễn tiến có thể vô cùng, nhưng diễn tiến thông thường thì có hạn, mỗi loại hình diễn tiến đều có khởi điểm riêng. Trong nhánh rẽ của diễn tiến hữu hạn, đặc trưng mỗi cấp biến hoá đều có liên hệ rõ hơn với cấp biến hoá dưới nó, chứ không phải độc lập với nhau. Tương tự như vậy, có thể nhận thức các cấp biến hoá căn cứ vào đường biên giới. Thí dụ, một vật lớn trong trường hợp này sẽ trở thành nhỏ trong một trường hợp khác.

Đăng cấp khối là cấp bậc địa vị của các bộ phận cùng thuộc tính. Do mức độ trọng yếu của các bộ phận có khác nhau, cho nên hình thành sự khác biệt địa vị. Từ thần thánh đến thế tục, từ lớn đến nhỏ, từ đồ hình đến khối đệm, từ trung tâm đến biên canh, từ phụ trợ đến bị phụ trợ, từ cao đến thấp, từ ít tới nhiều và từ trong ra ngoài đều là các loại đăng cấp khối thường gặp trong kiến trúc, có khi chỉ đơn độc hoặc có khi là tổ hợp mấy loại. Có một số trường hợp, trước khi tìm hiểu tính trọng yếu cần phải chú trọng xác định thuộc tính. Thí dụ, thứ tự địa vị từ lớn đến nhỏ, từ nhỏ đến lớn, trong kiến trúc đều thấy không rõ.

Trong một kiến trúc, bộ phận ở vị trí đầu tiên trong đăng cấp khối thường thông qua sự diễn tiến ở một số tầng để cường điệu thêm. Thí dụ, Miếu thần Horus ở Edfu đã sử dụng nhiều loại đăng cấp khối để cường điệu không gian cung phụng thần chủ. Đăng cấp khối trên những kiến trúc này thể hiện và ủng hộ những đức tin của xã hội đối với tôn giáo và thể chế xã hội đăng cấp. Đăng cấp khối của miếu thần trên kiến trúc căn cứ vào mức độ trọng yếu khác nhau từ thần thánh đến thế tục xử lý từ nhỏ đến lớn, từ một đến hai, từ tối đến sáng, từ phòng ốc đến quảng trường, từ khép kín đến khai mở. Cửa vào khu vực khác nhau cũng khác nhau, cửa vào khu vực thế tục là cửa lớn. Những phòng mang tính thần thánh đều có cửa đóng kín,

càng thần thánh cửa càng nhỏ. Sự thay đổi độ cao của nền đất, tổ chức mặt dốc hoặc dật cấp tượng trưng sự di chuyển hướng tới khu vực thần thánh. Chỗ thần thánh nhất sử dụng tường để ngăn cách với ngoại giới, cũng là để bảo vệ, hơn nữa thu lại nhỏ nhất, tối nhất và đóng kín nhất, cũng là khu vực hình thức căn phòng hoàn chỉnh nhất trong miếu, ở đây, dành riêng cho thiếu số tín đồ và cung phụng thần chủ, tương đối với thần chủ là thần thứ, đặt trong không gian mọi nơi trong miếu đều có thể nhìn thấy. Một sân đình trực tiếp ngay sau cửa lớn gọi là "sân chúng sinh", không gian rất lớn, lộ thiên, trong thần miếu đây là quảng trường, khác hẳn một căn phòng.

Trong một số kiến trúc khác, các kiến trúc sư thường sử dụng những trang sức phong phú nhất, nhiều màu mạnh nhất, vật liệu quý trọng nhất, cao cấp nhất để hiển thị đẳng cấp tối quan trọng trong đẳng cấp khối. Vị trí, như là trung tâm hoặc đoạn cuối của một trục tuyến, cũng có thể cường điệu tính đặc thù của một không gian hoặc hình thể. Nói chung, phạm là những đặc tính nào đó có thể sử dụng để hiện rõ những đặc thù hoặc những quý trọng của bộ phận này hơn hẳn so với bộ phận kia, đều có thể coi là một thủ pháp thiết kế, làm cho cục bộ của kiến trúc trở thành địa vị trọng yếu.

Chuyển hoá là sự diễn tiến có hạn độ, trong phương thức diễn tiến này, không có sự cải đổi hình thể. Phương thức diễn hình của sự cải đổi là từ khai mở đến đóng kín, từ trong nhà ra ngoài nhà, từ đơn giản đến phức tạp, từ động thái đến tĩnh thái, từ cá thể đến tập thể, từ một loại kích thước đến một loại kích thước khác. Giống như đẳng cấp khối, chuyển hoá có giới hạn nhất định, và khác với đẳng cấp khối là trạng thái đoạn cuối của chuyển hoá không có mấy giá trị, có nghĩa là, đơn giản không hàm ý rằng quan trọng hơn phức tạp và ngược lại. Xem xét trạng thái đoạn cuối trường hợp đồng cấp, trạng thái các cá thể trong đoạn cuối tất yếu cũng đồng cấp. Như Aldo van

Eyck đã nói "bên trong" (in between) và "hiện tượng phát sinh" (twin phenomena) rất có giá trị để lý giải sự chuyển hoá và nội lực vốn có của sự chuyển hoá. Trong chuyển hoá, cần thiết có một loạt các bước trung gian. Các cấp biến hoá giữa trạng thái chung cực của chuyển hoá đều có tác dụng thúc đẩy đối với hai phía, cho nên sẽ hình thành một khối liên kết trạng thái của hai phía.

Biến hình là một loại mô thức diễn tiến, trong loại diễn tiến này, đường biên của bản thân đối tượng phát sinh sự biến hoá, tương tự như chuyển hoá, nhưng phương diện biến hoá hình dạng càng cụ thể hơn. Sự biến hoá hình dạng loại này đều ảnh hưởng tới hai và ba chiều của hình thể. Một hệ tham chiếu đa loại hình tượng là rất cần thiết, như vậy mới có thể cảm giác được sự biến hoá từ hình thể này đến hình thể khác. Biến hình không chỉ là sự so sánh 2 hình thể, mà là một loạt sự biến hoá hình thể, trong đó, mỗi một hình thể không có sự phân biệt địa vị đẳng cấp.

Thức trung gian khác với thức diễn tiến thông thường khác, trong thức trung gian, trạng thái đoạn cuối nằm ngoài bản thân của kiến trúc trung gian. Kiến trúc trung gian có thể coi như một cây cầu, hoặc là một đoạn kết nối, liên hệ giữa 2 trạng thái. Do đó, khối trung gian không thể coi là một khối độc lập, mà là một khối nối kết trước sau. Để vận dụng thức trung gian đóng vai trò là một loại cấu tứ hình thể, cần có sự giải thích mối liên hệ trước sau xuất hiện trong kiến trúc. Nói chung, cần có một mức độ tư duy trừu tượng nhất định mới có thể thuyết minh được. Thí dụ, Trung tâm lễ khách ở Tân Harmony của kiến trúc sư Richard Meier đã trừu tượng dòng sông bên công trình như một bức tường hình sóng, và các ô phố phía đối diện là những hình kỷ hà vuông góc. Cách giải thích này bao hàm tối thiểu hai loại trạng thái, công trình trở thành mối liên hệ giữa hai trạng thái tự nhiên trước sau, cũng có thể là mối liên hệ giữa hai kiến

trúc trước sau. Do đó, kiến trúc mới là trung gian giữa hai kiến trúc, hoặc là giữa hai hoàn cảnh tự nhiên, hoặc là giữa một kiến trúc với một hoàn cảnh tự nhiên.

Trong loại cấu tứ này, kiến trúc trung gian cũng có thể coi là một mảng nhỏ trong một mảng lớn. Thông qua phương thức trung gian, công trình kiến trúc điều hoà sự khác biệt tồn tại trong mối liên hệ trước sau. Trong kiến trúc trung gian, có thể bằng các loại thủ pháp biểu hiện để điều chỉnh hình thể của kiến trúc, đủ sức phản ánh trạng thái ra bên ngoài. Có thể chọn một loại trạng thái và tái hiện trên một loại hình thể nào đó ở cục bộ của kiến trúc, sau đó, hoán đổi chọn một trạng huống bên ngoài khác giống hơn. Còn có một tính khả năng khác, kiến trúc trung gian như là một trung điểm giữa hai hoàn cảnh bên ngoài, hoặc là một yếu tố trong chuỗi.

THU NHỎ

Thu nhỏ là một loại cấu tứ hình thể, trong loại cấu tứ này, một hình dạng trong kiến trúc xuất hiện trùng lặp, nhưng nhỏ hơn. Khối thu nhỏ có thể xuất hiện bằng hai phương thức: là một bộ phận của tổng thể, hoặc từ lớn thu nhỏ lại. Loại hình thứ nhất, thu nhỏ tổng thể kiến trúc, hoặc là một bộ phận lớn của tổng thể, sau đó gắn trở lại thành cục bộ của kiến trúc. Trong trường hợp đó, nói chung, một mảng thu nhỏ đặt bên trong tổng thể. Còn có thể chọn một phương thức khác, một đơn nguyên lớn tổ hợp với ít nhất một nguyên cùng dạng đã thu nhỏ, cấu thành một kiến trúc hoặc một bộ phận của kiến trúc. Đơn nguyên thu nhỏ có thể xuất hiện trùng lặp hoặc thu nhỏ thêm một lần nữa. Trong loại hình này, đơn nguyên thu nhỏ thường liên kết theo sau đơn nguyên lớn hơn, chứ không phải ở trong đơn nguyên lớn hơn. Trong hai loại hình trên đây, nhất là loại hình một bộ phận của kiến trúc, thu nhỏ có thể bao hàm sự biến đổi trạng thái

từ thực đến ảo. Thí dụ, một hình dạng trong đó, khi đồng kích thước là một thực thể hoặc là một khối, nhưng ở một kích thước khác có thể là ảo hoặc là không gian.

Một đặc tính của loại hình thu nhỏ trở thành một bộ phận của tổng thể: khi đối diện với cục bộ có thể hiểu được tổng thể bởi vì bộ phận cục bộ vốn ẩn chứa khả năng truyền tín hiệu của tứ cấu trúc. Loại hình này siêu vượt tính trực giác thành tính khái niệm. Do đó, chỉ cần quan sát một gian phòng, một sảnh, một hình dạng của kiến trúc thì đủ để suy tưởng, nhận biết được toàn mao của kiến trúc. Giữa mặt bằng và mặt cắt cũng tồn tại khả năng truyền thông tin theo khái niệm này. Khi đó, tổng thể của mặt bằng hoặc mặt cắt có thể thu nhỏ và tái xuất hiện trên mặt kia. Thí dụ, mặt cắt của một không gian hoặc một gian phòng có thể tương đương với mặt bằng của tổng thể kiến trúc, như nhà ở Yano của kiến trúc sư Isozaki.

Mặt khác, trong loại hình thu nhỏ, từ lớn thu nhỏ, từ một bộ phận có thể khái quát được chỉ là một bộ phận khác chứ không phải toàn mao, cho nên, loại hình này chỉ lưu giữ tính trực giác thuần túy. Trong đa số trường hợp, tổ hợp trong kiến trúc khối lớn thu nhỏ biểu thị rằng bộ phận từ trọng yếu đến thứ yếu, cho nên, phần thứ yếu của kiến trúc xuất hiện ở bộ phận thu nhỏ. Thí dụ điển hình của trường hợp này là không ít những không gian phụ trợ trong kiến trúc đều nhỏ, bao quát những không gian phụ trợ trong ý nghĩa thực tế hoặc cả trong những ý nghĩa khác. Giải thích trường hợp điển hình này, còn có một trường hợp tương phản rất có ý nghĩa, tức là nhỏ nhưng càng đột xuất hơn, vì vậy càng quan trọng hơn. Trung tâm thị chính ở Saynatsalo, Phần Lan của kiến trúc sư Alvar Aalto là một thí dụ, chỗ nhỏ trong đó là phòng họp, trong mô thức thu nhỏ từ lớn biến thành nhỏ thì đó là bộ phận càng trọng yếu hơn.

TỪ MẶT BẰNG ĐẾN MẶT CẮT (HOẶC MẶT ĐỨNG)

Mặt bằng, mặt cắt và mặt đứng biểu hiện kiến trúc trên bình diện và chiều cao. Xác định một mặt trong đó sẽ quyết định hay ảnh hưởng tới hình thể của mặt kia. Sau đây là những thí dụ thuyết minh các loại quan hệ giữa các mặt đó: quan hệ tương đồng, quan hệ một với một nửa, quan hệ tương tự, quan hệ tỷ lệ, quan hệ tương phản.

QUAN HỆ TƯƠNG ĐỒNG

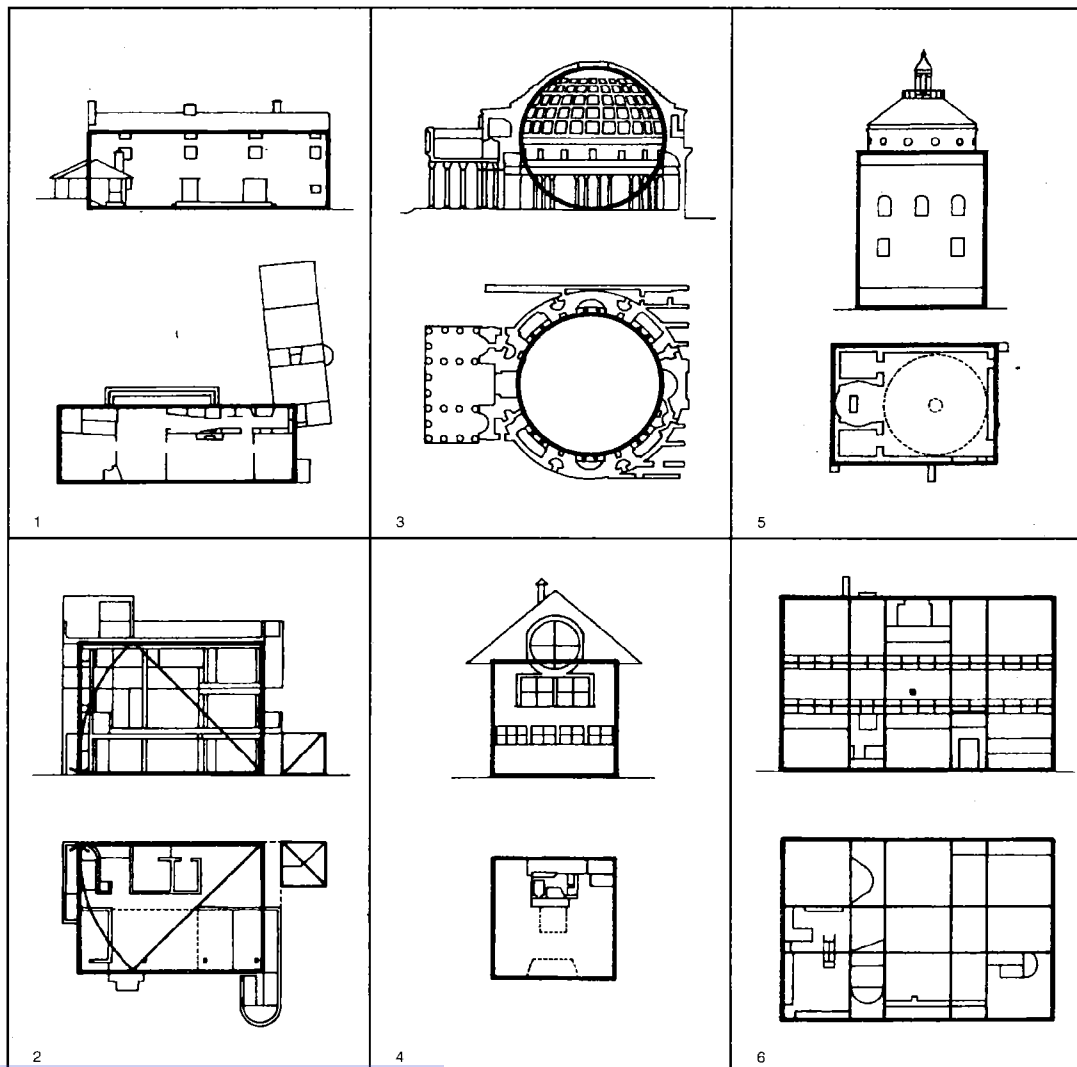
Khi mặt bằng, mặt cắt (hoặc mặt đứng) giống nhau thì giữa các mặt có quan hệ trực tiếp. Hình thức đơn giản nhất của loại quan hệ này bao quát trong hình dạng tổng thể của kiến trúc.

H.1. Nhà ở Snellman: hình chữ nhật của nhà chính biến thành đồ hình của mặt đứng, trừ mái; H.5. Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo: hình chữ nhật của tổng mặt bằng xuất hiện trùng lặp trên khối chính của mặt đứng; H.2. Nhà ở Smith: mặt bằng và mặt cắt đều sử dụng hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,4. Nhà nhỏ bên ngoài là khối lập phương, mặt bằng và mặt cắt đều dùng phương thức giống nhau để liên kết lâu chính; H.3. Đền Pantheon: hình tròn trong không gian chính của mặt bằng quyết định hình dạng nội ốc của mặt bằng đó. Mái tròn của không gian này là một bán cầu, độ cao đỉnh mái bằng đường kính của hình tròn trong mặt bằng, không gian này, thực tế rất gần với hình thể khối cầu; H.4. Nhà ở Carl Tucker III: là một khối lập phương, trừ mái; H.6. Biệt thự Stein: ngoại hình mặt bằng và mặt đứng tương đồng, không những tương đồng trên tổng thể mà còn tương đồng cả hoa lưới trên hai diện.

1. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918
2. SMITH HOUSE
RICHARD MEIER
1965-1967

3. PANTHEON
ARCHITECT UNKNOWN
c. 100
4. CARLL TUCKER III HOUSE
ROBERT VENTURI
1975

5. OLD SACRISTY
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421
6. VILLA STEIN
LE CORBUSIER
1927



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

QUAN HỆ MỘT VỚI MỘT NỬA

Hình dạng của mặt bằng hoặc mặt cắt có thể tương đồng với hình dạng của một bộ phận trên mặt kia.

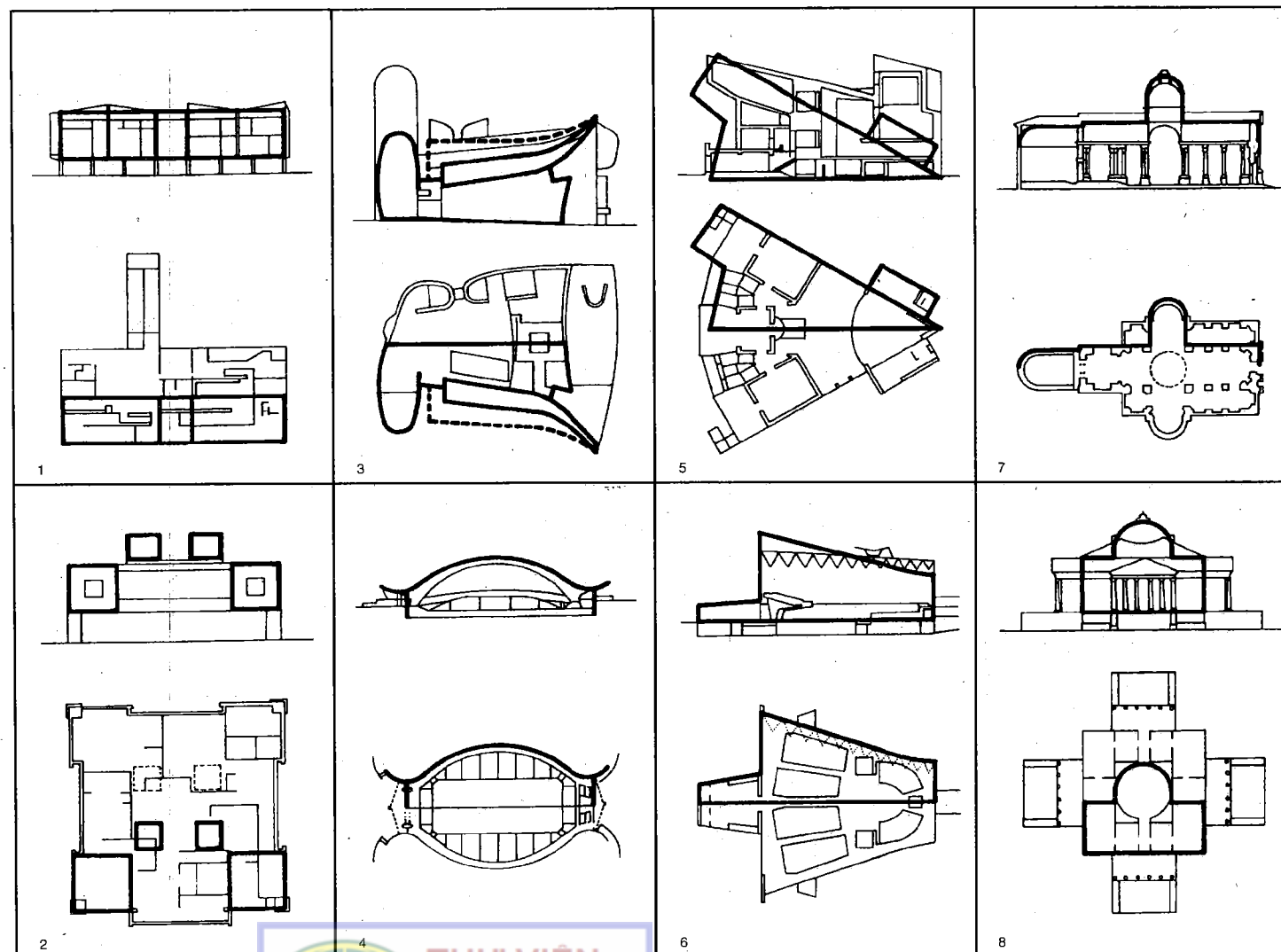
H.1. Tòa nhà triển lãm Stockholm: tường trên mặt cắt tương đồng với một nửa trên mặt bằng; H.2. Nhà ở Nakayama: cửa mái hình vuông lớn ở vị trí chủ yếu và cửa mái hình vuông nhỏ, tổ hợp thành bộ phận trọng yếu trên mặt đứng, và xuất hiện trùng lặp trong mặt bằng; H.3. Nhà thờ Đức mẹ - Ronchamp: một nửa mặt bằng, trên cơ bản, xuất hiện trên mặt đứng, bức tường dày trong mặt bằng tương đương với mái; H.4. Nhà thi đấu khúc côn cầu Yale: sử dụng kiểu dáng mái cong để tạo hình hai biên của mặt bằng; H.5. Cầu lạc bộ Rusakov, H.6. Tu viện Thánh John: một nửa mặt bằng tương tự như ngoại hình tổng thể của mặt cắt; H.7. Nhà thờ Thánh Giorgio Maggiore: hình dạng của mái chính giống như một nửa hình dạng mặt bằng của không gian này; H.8. Biệt thự Tròn: một nửa mặt bằng tương tự ngoại hình của mặt đứng chính.

1. STOCKHOLM EXHIBITION HALL
LE CORBUSIER
1962
2. NAKAYAMA HOUSE
ARATA ISOZAKI
1964

3. CHAPEL AT RONCHAMP
LE CORBUSIER
1950-1955
4. YALE HOCKEY RINK
EERO SAARINEN
1956-1958

5. RUSAKOV CLUB
KONSTANTIN MELNIKOV
1927
6. ST. JOHN'S ABBEY
MARCEL BREUER
1953-1961

7. SAN GIORGIO MAGGIORE
ANDREA PALLADIO
1565
8. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571



QUAN HỆ TƯƠNG TỰ

Khi hình dạng của mặt bằng và mặt cắt đại thể tương tự nhau - là quan hệ tương tự. Trong mối quan hệ này sự khác biệt của ngữ hội hình thể, kích thước, vị trí hoặc là sự biến đổi cấp không quy tắc... đều chỉ rõ rằng là quan hệ tương tự chứ không phải tương đồng.

H.1. Toà nhà Florey, H.2. Viện học tập nghiên cứu thực nghiệm vị thành niên: đều có mặt bằng và mặt cắt hình chữ U; H.5. Nhà thờ Scottis, H.6. Ngôi nhà Poplar Forest, H.9. Ngôi nhà Salutation, H.16. Ngân hàng nông dân quốc gia: mặt bằng và mặt đứng kích thước lớn nhỏ khác nhau; H.13. Nhà ở Hines: trên hai mặt đều xuất hiện sự khác biệt về kích thước; H.7. Toà nhà quỹ tài trợ Ford, H.14. Biệt thự trên suối, H.15. Trung tâm văn hoá Wolfsburg, H.17. Tổng bộ công ty Enso - Gutzeit, H.18. Nhà hát Besancon: sự khác biệt giữa mặt bằng và mặt cắt là do xuất hiện hình thức biến hoá dật cấp; H.8. Thư viện Exeter, H.10. Toà nhà Sever, H.11. Nhà thờ Redentore: sự khác biệt giữa mặt bằng và mặt cắt là ở chỗ ngữ hội hình thể; H.12. Nhà thờ St. Clement Danes: sự di chuyển vị trí tạo nên sự khác biệt giữa mặt bằng và mặt cắt; H.4. Khách sạn hội nghị: ngữ hội hình thể và kích thước của mặt bằng và mặt cắt đều có sự biến đổi; H.3. Khoa lịch sử - Đại học Cambridge: do ngôn từ hình thể và sự biến hoá dật cấp làm cho mặt bằng và mặt đứng trở nên tương tự chứ không phải tương đồng.

1. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966

2. ADULT LEARNING LABORATORY
ROMALDO GIURGOLA
1972

3. CAMBRIDGE HISTORY FACULTY
JAMES STIRLING
1964

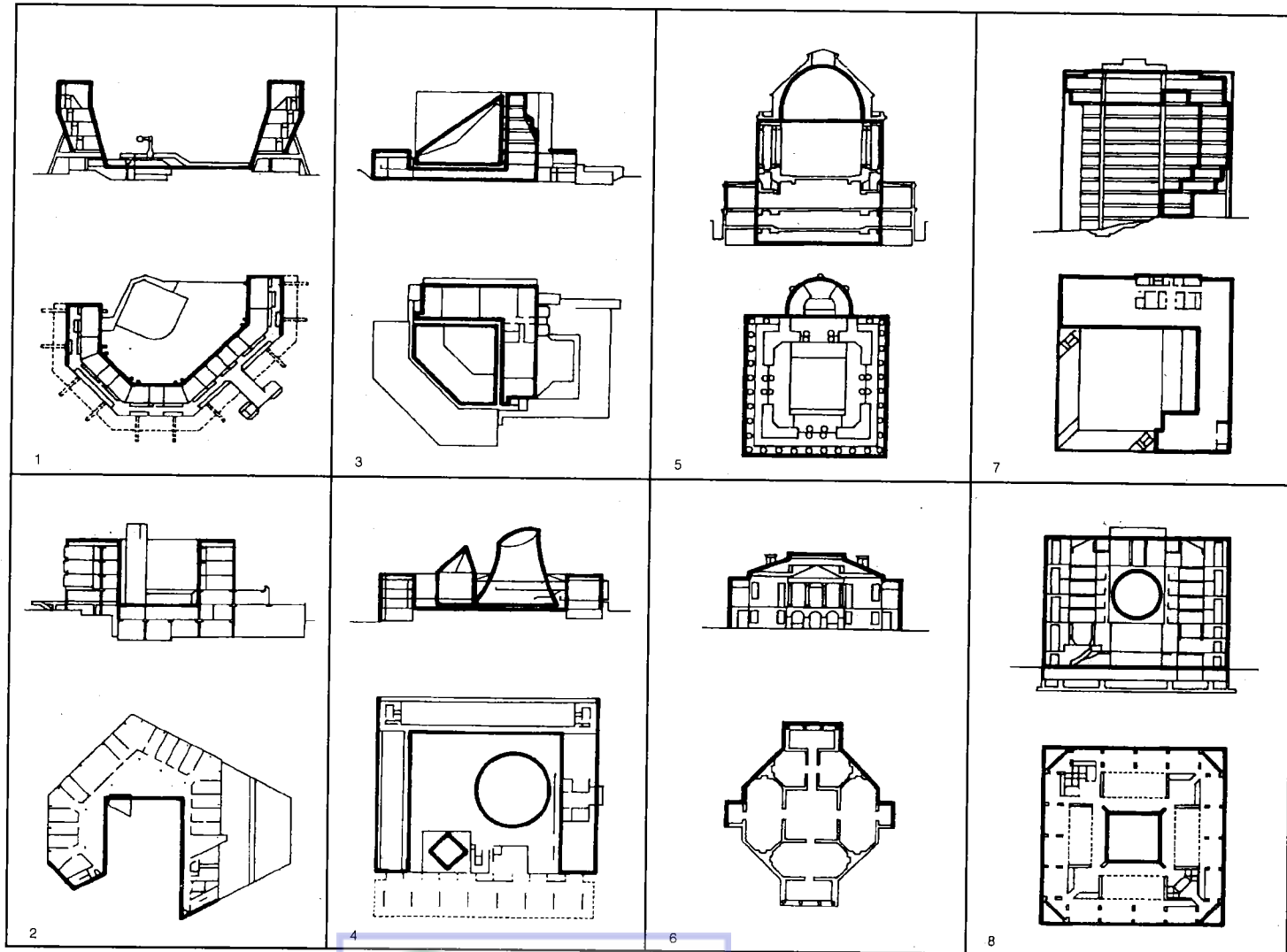
4. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963

5. TEMPLE OF THE SCOTTISH RITE
JOHN RUSSELL POPE
1910

6. POPLAR FOREST
THOMAS JEFFERSON
c. 1806

7. THE FORD FOUNDATION BUILDING
ROCHE-DINKELLOO
1963-1968

8. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

9. THE SALUTATION
EDWIN LUTYENS
1911

10. SEVER HALL
HENRY HOBSON RICHARDSON
1878-1880

11. REDENTORE CHURCH
ANDREA PALLADIO
1576-1591

12. ST. CLEMENT DANES
CHRISTOPHER WREN
1680

13. HINES HOUSE
CHARLES MOORE
1967

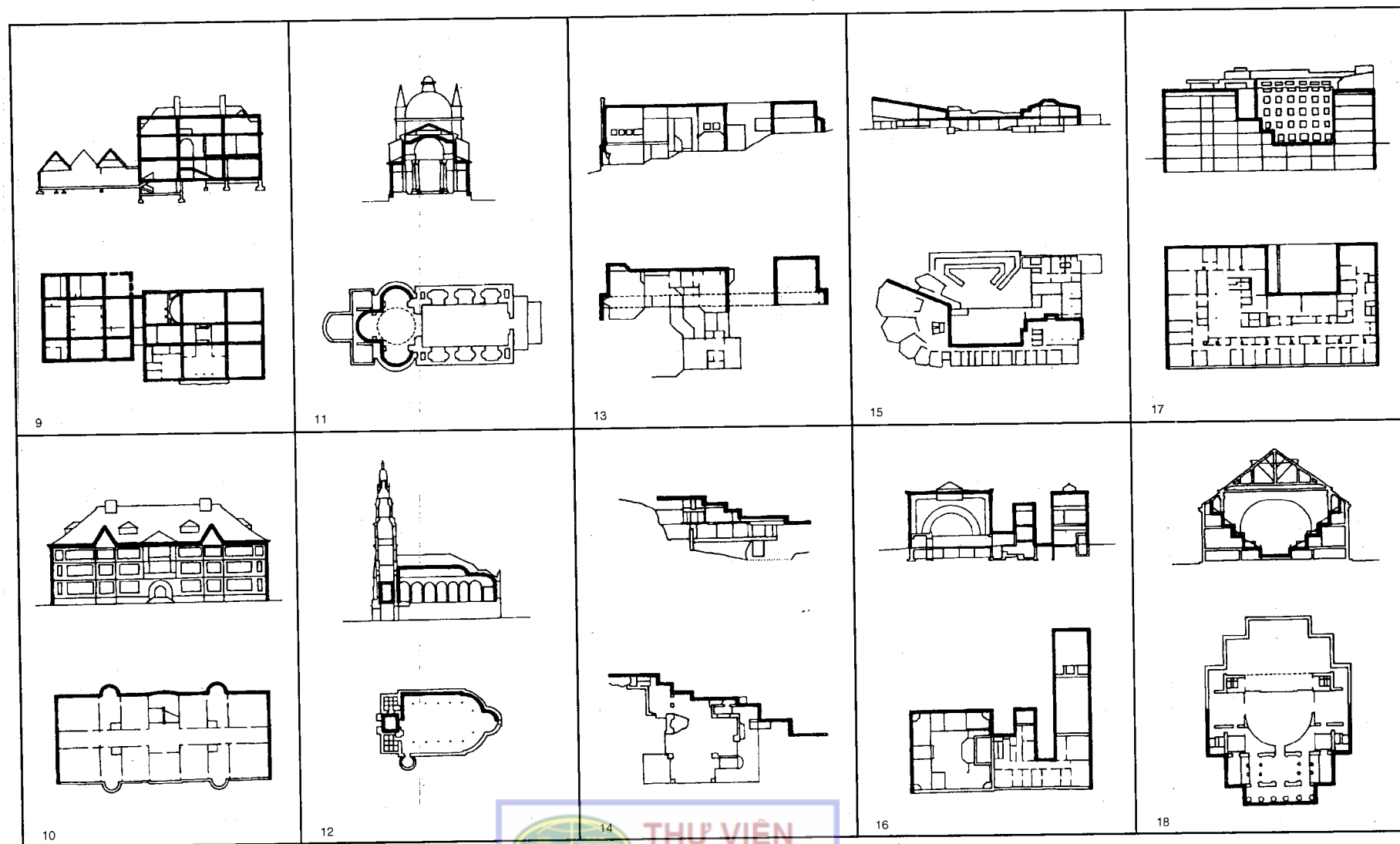
14. FALLINGWATER
FRANK LLOYD WRIGHT
1935

15. WOLFSBURG CULTURAL CENTER
ALVAR AALTO
1958-1962

16. NATIONAL FARMERS' BANK
LOUIS SULLIVAN
1907-1908

17. ENSO-GUTZEIT HEADQUARTERS
ALVAR AALTO
1959-1962

18. THEATER IN BESANCON FRANCE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775



QUAN HỆ TỶ LỆ

Quan hệ tỷ lệ giữa mặt bằng và mặt cắt (hoặc mặt đứng), đều so sánh đối ứng trên cơ sở tổng thể hoàn chỉnh, nhưng có sự biến đổi kích thước trên một mặt nào đó. Sự liên hệ giữa 2 mặt không chỉ ở hình dạng đường bao ngoài của mặt bằng và mặt cắt. Trong quan hệ tỷ lệ, đa số các thí dụ hình dạng mặt cắt đều nhỏ hơn mặt bằng.

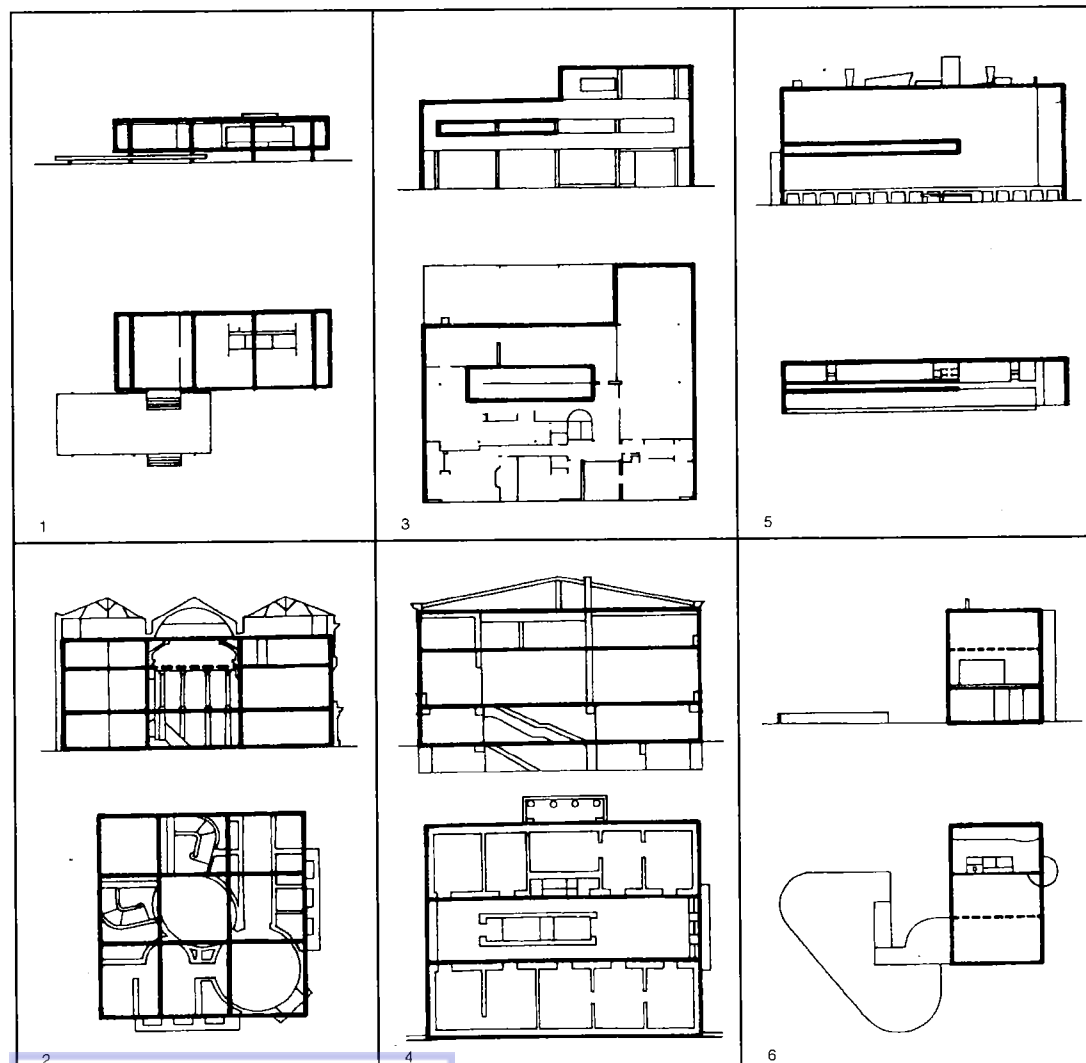
H.5. Chung cư, H.10. Dinh thự ở Cadenazzo: là các trường hợp ngoại lệ; H.11. Bách hoá tổng hợp Carson Pirie và Scott: những biến hoá trên mặt bằng thu nhỏ trên mặt đứng, nhưng số lượng các biến hoá tăng lên; H.7. Nhà thờ Christ: biến đổi tỷ lệ trên mặt bằng và mặt cắt, tương phản

về hiện tượng: hình dạng mặt cắt tầng trong khuếch đại trên mặt bằng, nhưng hình dạng mặt cắt tầng ngoài thu nhỏ trên mặt bằng; H.13. Biệt thự Khuner: tỷ suất biến hoá trên mặt bằng và mặt đứng khác nhau trong từng bộ phận; H.14. Nhà ở Peter Brant, H.15. Toà án Lister: ngữ hội hình thể đều ít nhiều có thay đổi; H.1. Nhà ở Farnsworth, H.2. Khách sạn Montmorency, H.3. Biệt thự Savoye, H.4. Dinh thự ở Berlin, H.6. Dinh thự Charof, H.8. Nhà thờ St. Mary Woolnoth, H.9. Trung tâm âm nhạc Lang, H.12. Viện nghiên cứu sinh học - Đại học Salk: tỷ lệ mặt cắt nhỏ hơn mặt bằng, nhưng chỉ có một số bộ phận hình dạng bên trong nào đó, chứ không phải tất cả.

1. FARNSWORTH HOUSE
LUDWIG MIES VAN DER ROHE
1945-1950
2. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769

3. VILLA SAVOYE
LE CORBUSIER
1929-1931
4. RESIDENCE IN BERLIN
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1823

5. UNITE D'HABITATION
LE CORBUSIER
1947-1951
6. CHAROF RESIDENCE
GWATHMEY-SIEGEL
1974-1976



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

7. CHRIST CHURCH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1715-1729

8. ST. MARY WOOLNTH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1716-1724

9. LANG MUSIC BUILDING
ROMALDO GIURGOLA
1973

10. RESIDENCE IN CADENAZZO
MARIO BÖTTA
1970-1971

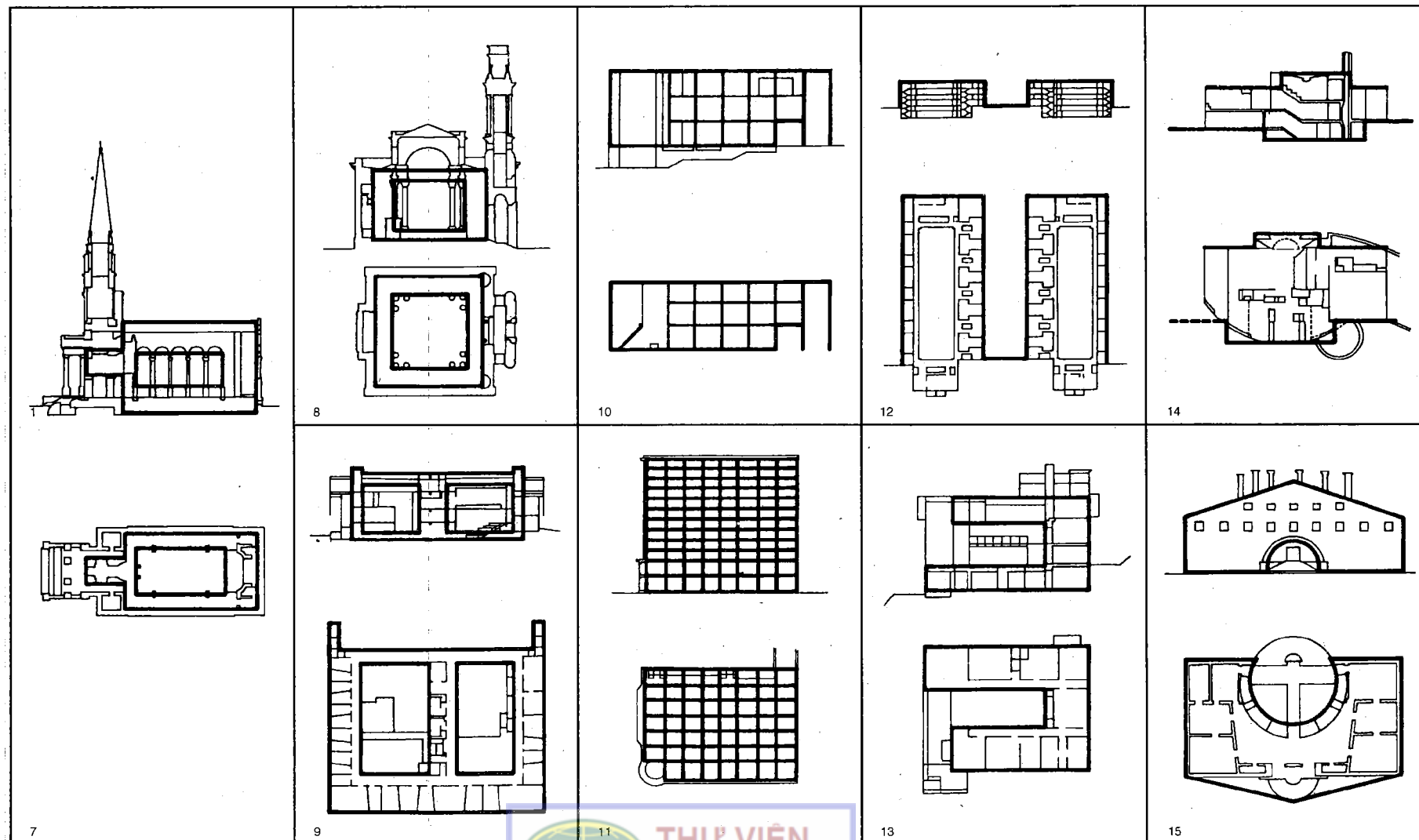
11. CARSON PIRIE AND SCOTT STORE
LOUIS SULLIVAN
1899-1903

12. SALK INSTITUTE
LOUIS I KAHN
1959-1965

13. KHUNER VILLA
ADOLF LOOS
1930

14. PETER BRANT HOUSE
ROBERT VENTURI
1973

15. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921



1. FIRESTATION NUMBER 4
ROBERT VENTURI
1966
2. ST. MARY LE BOW
CHRISTOPHER WREN
1670-1683

3. LEICESTER ENGINEERING BUILDING
JAMES STIRLING
1959
4. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928

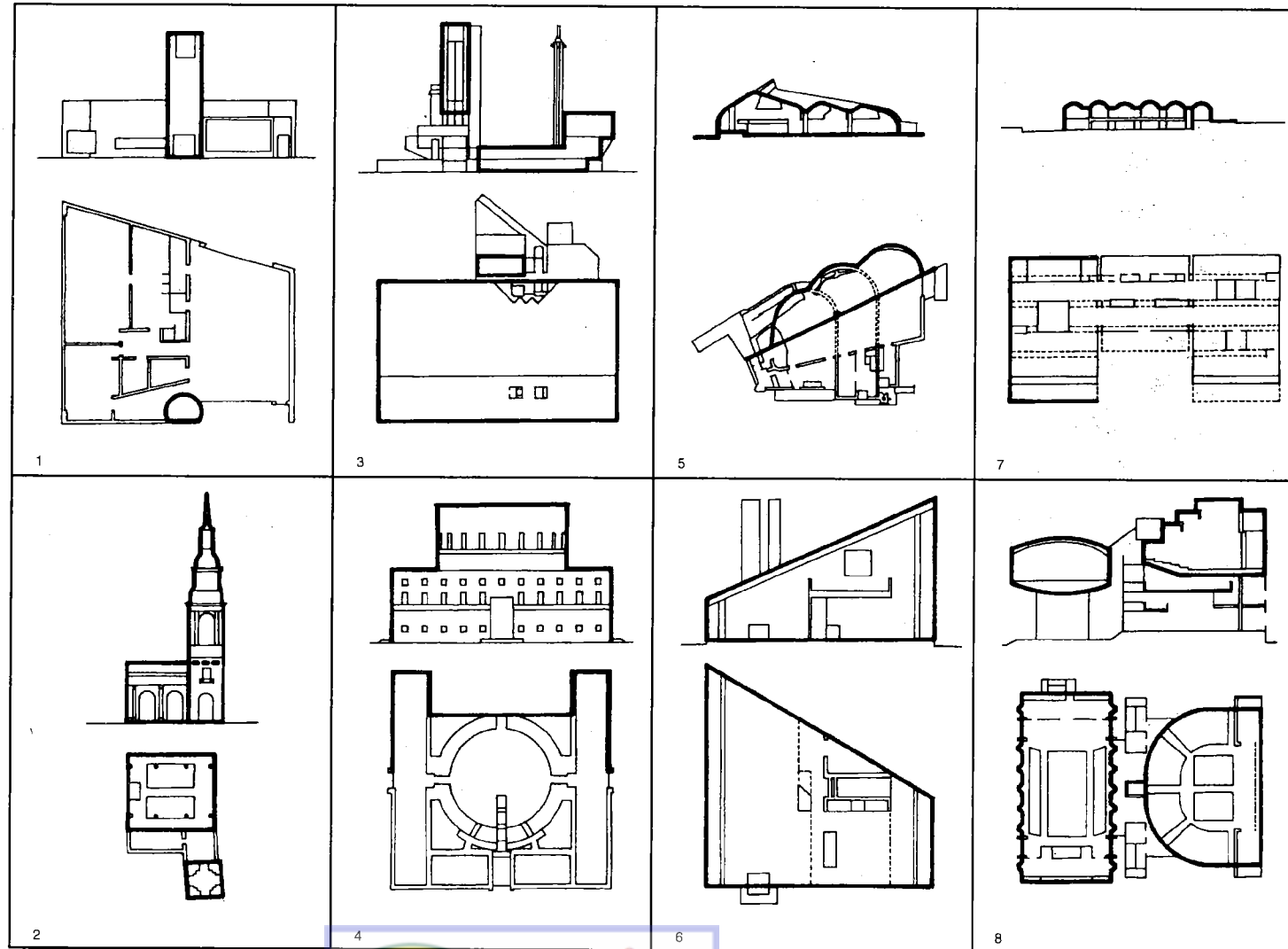
5. VOUKSENNISKA CHURCH, IMATRA
ALVARO AALTO
1956-1958
6. WEEKEND HOUSE
EDWARD LARABEE BARNES
1963

7. KIMBALL ART MUSEUM
LOUIS I. KAHN
1966-1972
8. ANNEX TO OITA MEDICAL HALL
ARATA ISOZAKI
1970-1972

QUAN HỆ TƯƠNG PHẢN

Khi liên kết mặt bằng và mặt cắt có hình dạng tương phản với nhau thì mặt bằng và mặt cắt có quan hệ tương phản.

H.1. Trạm cứu hỏa số 4, H.2. Nhà thờ St. Mary Le Bow: hình dạng mặt bằng khá nhỏ nhưng là bộ phận trọng yếu trên mặt cắt hoặc mặt đứng; H.3. Viện công trình Leicester: 2 lần xuất hiện trên mặt đứng, hình dạng mặt bằng lớn nhưng không quan trọng, ngược lại bộ phận cấu thành chủ yếu nhất trên mặt đứng lại rất nhỏ trên mặt bằng; H.4. Thư viện công cộng Stockholm: phương thức biểu hiện dạng quan hệ tương phản này là quan hệ thực ảo: trên mặt đứng, nổi lên một khối tròn hình cái trống, trên mặt bằng là một hình tròn; H.5. Nhà thờ Vouksenniska - Imatra: 3 hình cong tròn lớn xuyên kết vào nhau, tương ứng, trên mặt cắt là 3 hình thu nhỏ dần; H.6. Biệt thự cuối tuần: cạnh dài trên mặt bằng là cạnh ngắn trên mặt cắt, và ngược lại cạnh ngắn trên mặt cắt, và ngược lại cạnh ngắn cao hơn; H.7. Bảo tàng nghệ thuật Kimball: hình dạng mặt bằng đơn giản liên kết với mặt cắt phức tạp; H.8. Tòa nhà Viện y học Oita: hai hình dạng trên mặt đứng (một cung đơn giản và một đặt cấp vuông góc) hoàn toàn tương phản với đặc trưng hình dạng trên mặt bằng.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TỪ ĐƠN NGUYÊN ĐẾN TỔNG THỂ

Quan hệ từ đơn nguyên đến tổng thể là một loại cấu trúc hình thể, bằng phương thức nhất định liên kết một số đơn nguyên với một số đơn nguyên khác hoặc một tổng thể, sáng tạo thành một hình thể kiến trúc. Sau đây là những thí dụ thuyết minh gồm các phương thức sau: đơn nguyên bằng tổng thể, đơn nguyên bao hàm trong tổng thể, tổng thể lớn hơn tập hợp các đơn nguyên, tập hợp đơn nguyên cấu thành tổng thể.

ĐƠN NGUYÊN BẰNG TỔNG THỂ

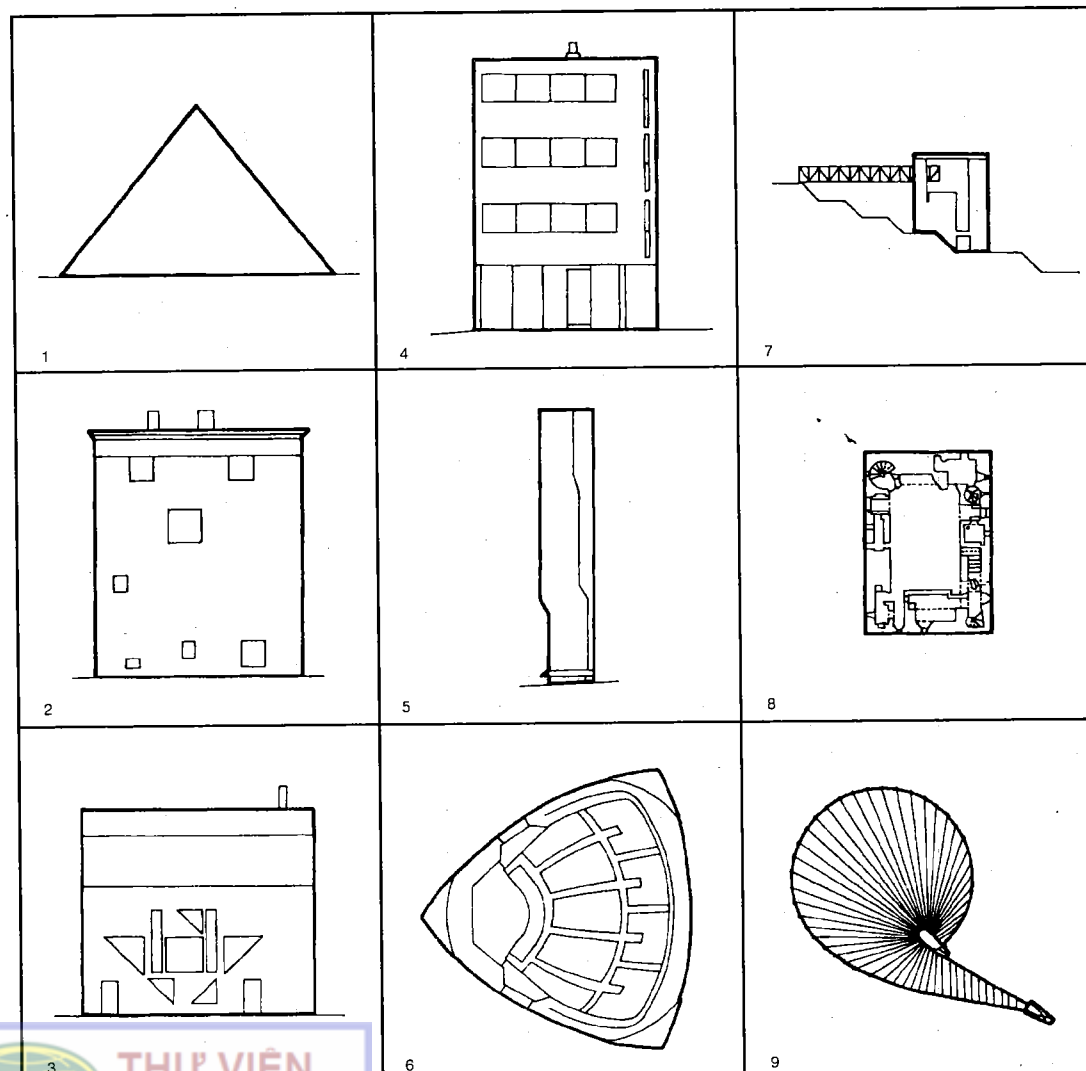
Đơn nguyên bằng tổng thể là quan hệ trực tiếp nhất giữa đơn nguyên và tổng thể.

H.1. Kim tự tháp Cheops, H.2. Nhà ở Rufer: vật liệu bề mặt, màu sắc và hình thể được xử lý đồng nhất đơn nguyên với tổng thể; H.3. Toà nhà Frog Hollow: vận dụng màu đen thống nhất mái, tường và cửa sổ thành một thực thể; H.4. Ngôi nhà tại Weissenhof, H.7. Nhà ở độc hộ tại Riva San Vitale: vừa là đơn nguyên, vừa là tổng thể; H.5. Toà nhà Liên hợp quốc: lưới ô thống nhất như là một giới hạn ngoài bao một đơn nguyên cũng là một tổng thể; H.6. Hội trường Kresge: tương tự một lát cắt khối cầu, vừa là đơn nguyên vừa là tổng thể; H.8. Tháp Elphinstone: hình thể dạng khối đơn giản bọc ngoài một bức tường dày, vật liệu và màu thống nhất tạo sự tương đồng đơn nguyên và tổng thể; H.9. Cung Olympic nhỏ: hình thể độc đáo tạo cho đơn nguyên tương đồng với tổng thể.

1. PYRAMID OF CHEOPS
ARCHITECT UNKNOWN
c. 3733 B.C.
2. RUFER HOUSE
ADOLF LOOS
1922
3. FROG HOLLOW
STANLEY TIGERMAN
1973-1974

4. HOUSE AT WEISSENHOF
LE CORBUSIER
1927
5. U.N. PLAZA
ROCHE-DINKELOO
1969-1975
6. KRESGE AUDITORIUM
EERO SAARINEN
1955

7. RESIDENCE IN RIVA SAN VITALE
MARIO BOTTA
1972-1973
8. ELPHINSTONE TOWER
ARCHITECT UNKNOWN
16th CENTURY
9. SMALL OLYMPIC ARENA
KENZO TANGE
1961-1964



ĐƠN NGUYÊN BAO HÀM TRONG TỔNG THỂ

Quan hệ đơn nguyên bao hàm trong tổng thể, đơn nguyên ở đây ý chỉ cấu kiện kết cấu, không gian sử dụng hoặc là hợp khối không gian sử dụng. Tổng thể là hình tượng đóng vai trò chủ đạo, còn đơn nguyên không hiển lộ ra ngoài.

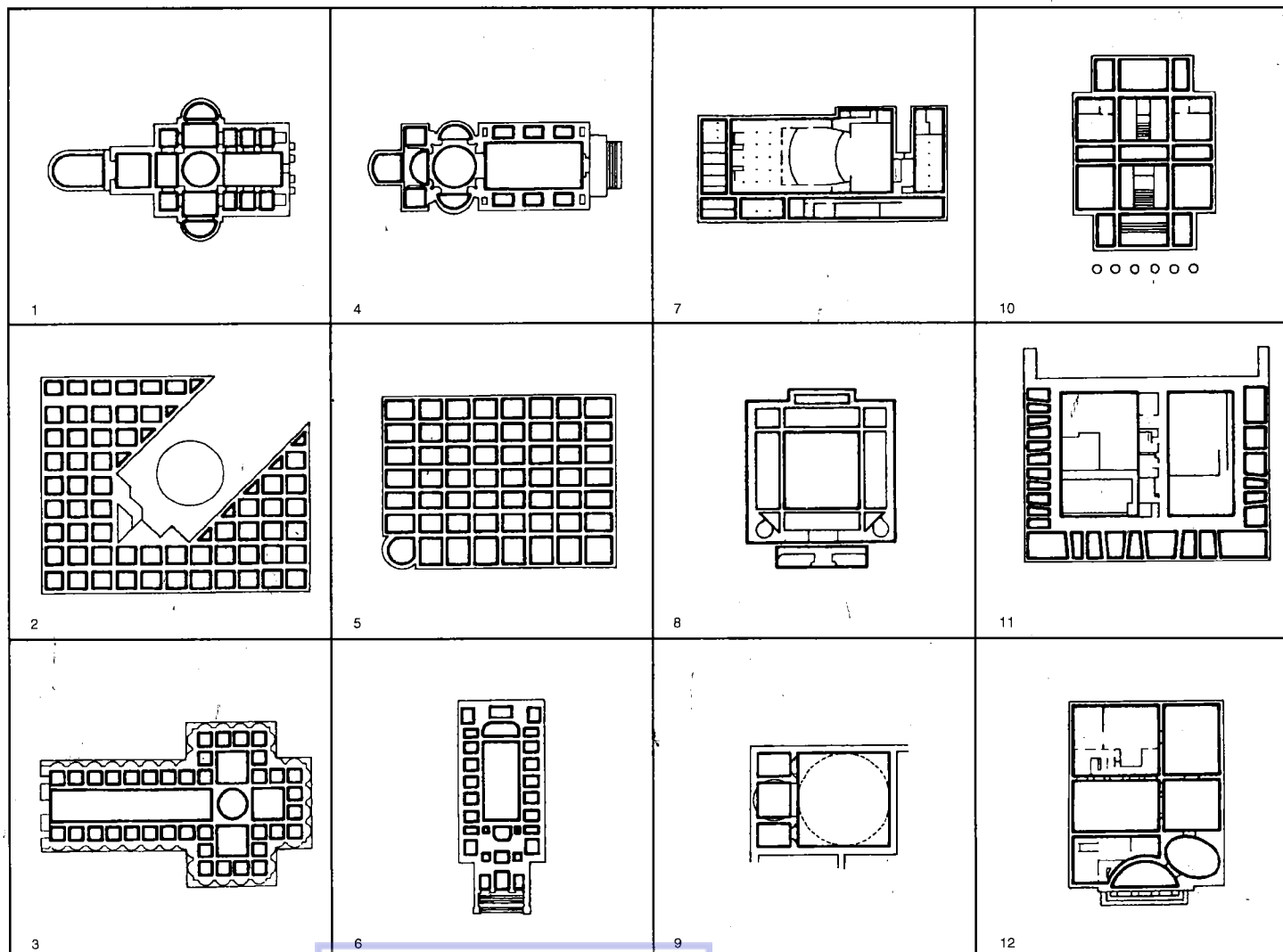
H.1. Nhà thờ San Giorgio Maggiore, H.3 Nhà thờ San Spirito, H.4. Nhà thờ Redentore, H.6. Nhà thờ Christ: hàm chứa một số hình dạng đơn nguyên không gian, những đơn nguyên này đều nhấn mạnh sự phân khu lớn về mặt hình thể; H.2. Câu lạc bộ sinh viên, H.5. Bách hoá tổng hợp Carson Pirie và Scott: đơn nguyên là những môđun kết cấu; H.7. Toà nhà hội nghị: đơn nguyên là một hợp khối không gian sử dụng và thường phân chia loại hình theo mục đích sử dụng; H.8. Nhà thờ Thánh Mary Woolnoth: tổ chức những đơn nguyên không gian nhỏ quanh không gian chủ thể ở giữa; H.9. Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo: khối không gian lập thể cấu thành đơn nguyên chủ thể, còn mái treo dạng cung tròn lại hình thành một số đơn nguyên thứ yếu; H.10. Nhà ở Director: đơn nguyên tương hợp với không gian sử dụng và không gian giao thông; H.11. Trung tâm âm nhạc Lang, H.12. Khách sạn Guimard: đơn nguyên là tổ hợp một số không gian lớn và nhỏ.

1. SAN GIORGIO MAGGIORE
ANDREA PALLADIO
1560-1580
2. STUDENT UNION
ROMALDO GIURGOLA
1974
3. SAN SPIRITO
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434

4. REDENTORE CHURCH
ANDREA PALLADIO
1576
5. CARSON PIRIE AND SCOTT STORE
LOUIS SULLIVAN
1899-1903
6. CHRIST CHURCH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1715-1729

7. AUDITORIUM BUILDING
LOUIS SULLIVAN
1887-1890
8. ST. MARY WOOLNOTH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1716-1724
9. OLD SACRISTY
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421-1440

10. DIRECTOR'S HOUSE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775-1779
11. LANG MUSIC BUILDING
ROMALDO GIURGOLA
1973
12. HOTEL GUIMARD
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1770



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

TỔNG THỂ LỚN HƠN TẬP HỢP CÁC ĐƠN NGUYÊN

H.1. Thư viện Exeter: không gian ở giữa không phải là không gian sử dụng, cho nên không phải là một đơn nguyên; H.2. Thư viện công cộng Tredyffrin: tổng thể lớn hơn không gian sử dụng chủ yếu cấu thành từ khung kết cấu; H.3. Khách sạn Montmorency, H.4. Tòa nhà Tendering, H.5. Thư viện J. Pierpont Morgan, H.6. Ngôi nhà Annaglee, H.12. Dinh hội nghị Finlandia: đơn nguyên cấu thành những không gian sử dụng chủ yếu, những không gian thứ yếu có tính phụ trợ chỉ là những khối đệm; H.7. Miếu thần Horus: đơn nguyên là những khối kiến trúc lớn đặt trong một tổng thể tường vây bốn xung quanh, cắt bỏ một số đơn nguyên trong đó sẽ hình thành một khối không gian ngoài nhà; H.8. Khách sạn hội nghị: đơn nguyên là 2 hình thể độc đáo đặt trong tổng thể, các nhóm không gian sử dụng bố trí xung quanh, hình thành không gian quá độ; H.9. Biệt thự trên suối: những đơn nguyên biểu hiện trên mặt đứng là hình thể của ô văng và ống khói. Những bộ phận này biểu hiện từ sự so sánh với các bộ phận khác của kiến trúc; H.10. Biệt thự Musgum: tường bao quanh xác định một tổng thể lớn hơn tổ hợp các đơn nguyên; H.11. Chung cư ở Sea Ranch: đơn nguyên là những không gian cư trú, còn tổng thể bao các không gian trung ương và những không gian phụ trợ theo các không gian cư trú.

1. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972

2. TREDYFFRIN LIBRARY
ROMALDO GIURGOLA
1976

3. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769

4. TENDERING HALL
JOHN SOANE
1784-1790

5. J. PIERPONT MORGAN LIBRARY
Mc.KIM, MEAD, AND WHITE
1906

6. ANNAGLEE
RICHARD CASTLE
1740-1770

7. TEMPLE OF HORUS
ARCHITECT UNKNOWN
237 B.C.-57 B.C.

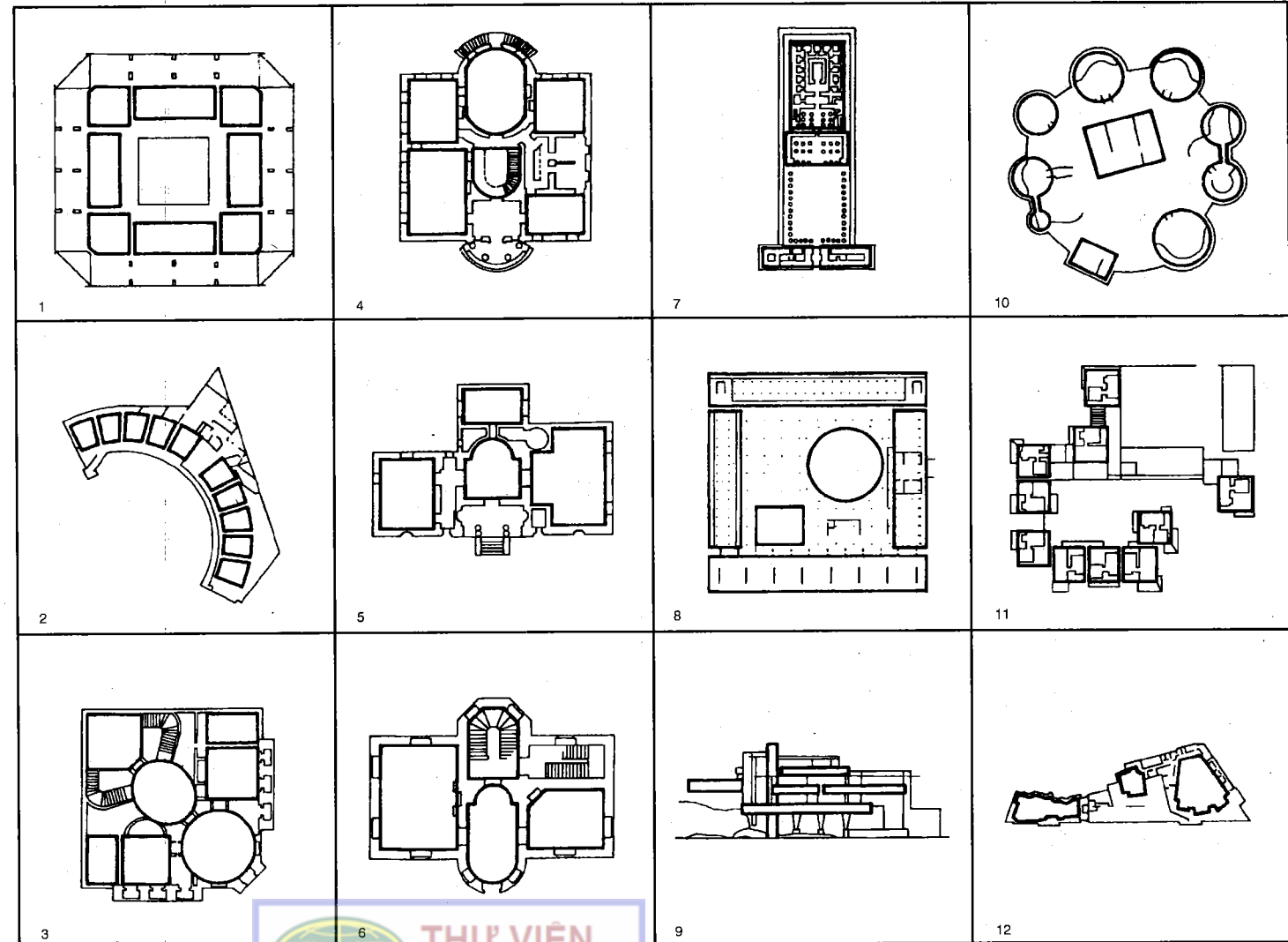
8. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963

9. FALLINGWATER
FRANK LLOYD WRIGHT
1935

10. MUSGUM VILLAGE
ARCHITECT UNKNOWN
DATE UNKNOWN

11. SEA RANCH CONDOMINIUM
CHARLES MOORE
1964-1965

12. FINLANDIA HALL
ALVAR AALTO
1967-1971



TẬP HỢP ĐƠN NGUYÊN CẤU THÀNH TỔNG THỂ

Tập hợp đơn nguyên cấu thành tổng thể có nghĩa là bố cục các đơn nguyên kế nhau, đủ tạo cảm giác về mối liên hệ giữa các đơn nguyên. Mối quan hệ này hình thành những phương thức: liên kết, trùng hợp, cách rời.

LIÊN KẾT ĐƠN NGUYÊN

Khi liên kết đơn nguyên cấu thành tổng thể, có thể nhìn thấy rõ từng đơn nguyên trong đó, cảm giác được sự tồn tại, tiếp diện giữa các đơn nguyên.

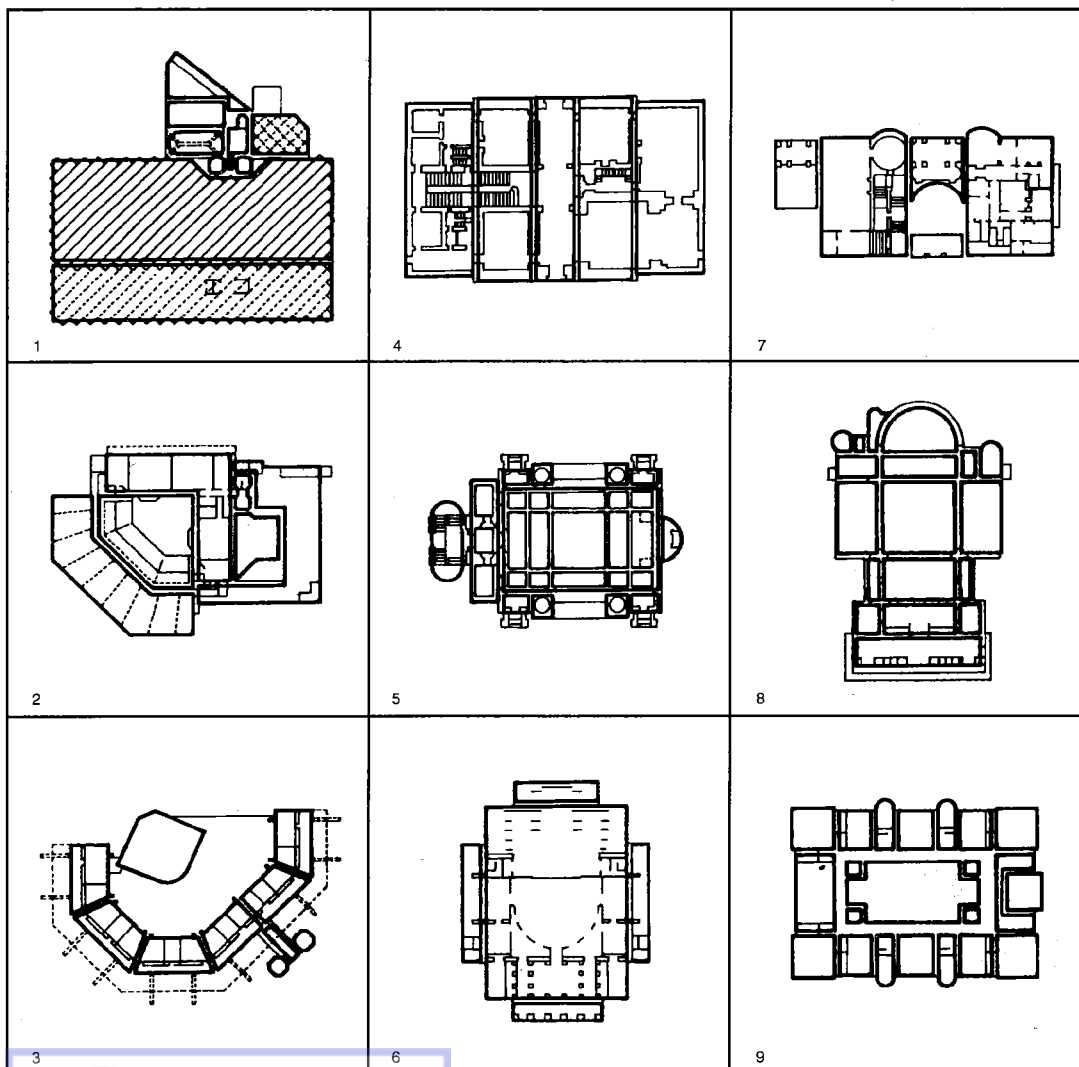
H.1. Viện công trình Leicester, H.2. Khoa lịch sử - Đại học Cambridge, H.3. Toà nhà Florey: thể hiện phương thức liên kết; H.4. Lâu đài Easton Neston, H.7. Lâu đài Nashdom: tụ tập các đơn nguyên làm nổi trội lõi vào ở giữa theo kiểu cổ điển; H.5. Nhà thờ St. George: hình thể kiến trúc kết hợp với đơn nguyên không gian; H.6. Nhà hát Besancon, H.8. Nhà thờ Tam thánh: đơn nguyên bao quanh một hình thể trung ương chủ đạo; H.9. Toà

án Allegheny, H.13. Trung tâm thị chính Saynatsalo: đơn nguyên là tổ hợp những không gian sử dụng, các tổ hợp này kết nối quanh một sảnh trung ương; H.12. Nhà thờ Vouksenniska, H.14. Trung tâm văn hoá Wolfsburg, H.15. Viện an dưỡng Paimio: những tổ hợp liên kết lại hình thành bản thân tổng thể kiến trúc; H.10. Nhà thờ Nhất ngôi: tổ hợp hai nhóm đơn nguyên; H.11. Bảo tàng Guggenheim: sử dụng một đơn nguyên thứ ba liên kết đơn nguyên lớn, nhỏ khác nhau; H.16. Biệt thự Tròn: đơn nguyên đối xứng ở bốn mặt của không gian trung ương; H.19. Nhà thờ Karlskirche: liên kết đối xứng những không gian sử dụng; H.17. Trạm cứu hoả số 4: tổng thể tổ hợp từ một số khối tích lớn và một số không gian liên kết; H.18. Nhà ở Peter Brant, H.20. Thư viện công cộng Stockholm, H.21. Nhà thờ Thánh Maria Degli Angeli: đơn nguyên ở bốn phía xung quanh hình thể hoặc không gian trung ương; H.22. Biệt thự Savoye, H.23. Bảo tàng mỹ thuật Kimball: đơn nguyên liên kết là những kết cấu; H.24. Tu viện nữ dòng Dominican: tổ hợp nhiều hình thể, trong những hình thể này đều bao hàm những đơn nguyên không gian.

1. LEICESTER ENGINEERING BUILDING
JAMES STIRLING
1959
2. CAMBRIDGE HISTORY FACULTY
JAMES STIRLING
1964
3. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966

4. EASTON NESTON
NICHOLAS HAWKSMOOR
c. 1695-1710
5. ST. GEORGE-IN-THE-EAST
NICHOLAS HAWKSMOOR
1714-1729
6. THEATER IN BESANCON, FRANCE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775

7. NASHDOM
EDWIN LUTYENS
1905-1909
8. TRINITY CHURCH
HENRY HOBSON RICHARDSON
1872-1877
9. ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1883-1888



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

10. UNITY TEMPLE
FRANK LLOYD WRIGHT
1906

11. GUGGENHEIM MUSEUM
FRANK LLOYD WRIGHT
1956

12. VOUKSENNISKA CHURCH, IMATRA
ALVAR AALTO
1956-1958

13. SAYNATSALO TOWN HALL
ALVAR AALTO
1950-1952

14. WOLFSBURG CULTURAL CENTER
ALVAR AALTO
1958-1962

15. PAIMIO SANITORIUM
ALVAR AALTO
1929-1933

16. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571

17. FIRESTATION NUMBER 4
ROBERT VENTURI
1966

18. PETER BRANT HOUSE
ROBERT VENTURI
1973

19. KARLSKIRCHE
JOHANN FISHER VON ERLACH
1715-1737

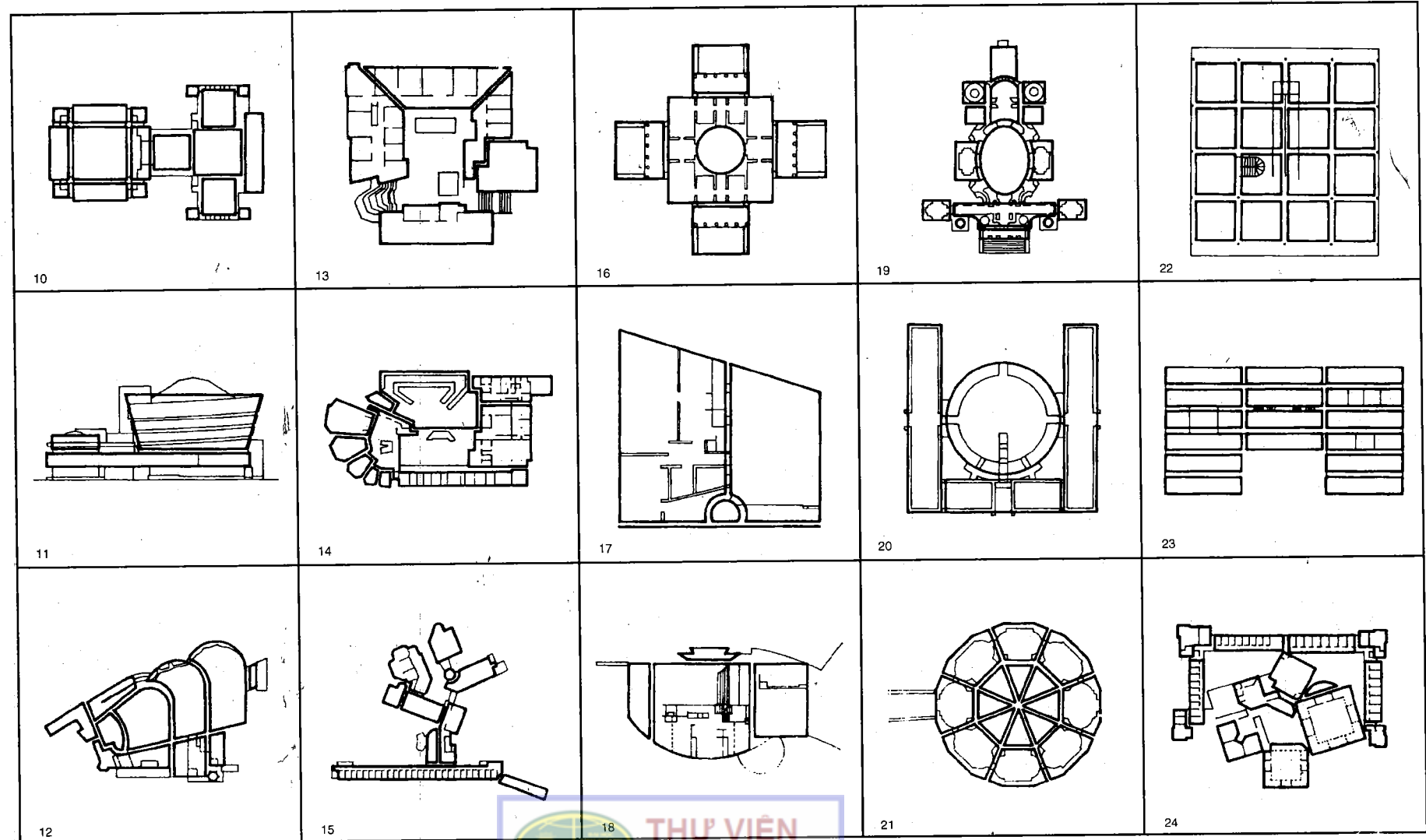
20. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928

21. SAN MARIA DEGLI ANGELI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434

22. VILLA SAVOYE
LE CORBUSIER
1928-1931

23. KIMBALL ART MUSEUM
LOUIS I. KAHN
1966-1972

24. CONVENT FOR DOMINICAN SISTERS
LOUIS I. KAHN
1965-1968



1. **SEVER HALL**
HENRY HOBSON RICHARDSON
1878-1880
2. **FREDERICK G. ROBIE HOUSE**
FRANK LLOYD WRIGHT
1909
3. **YALE ART AND ARCHITECTURE**
PAUL RUDOLPH
1958

4. **LISTER COUNTY COURTHOUSE**
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921
5. **CARLL TUCKER III HOUSE**
ROBERT VENTURI
1975
6. **ERDMAN HALL DORMITORIES**
LOUIS I. KAHN
1960-1965

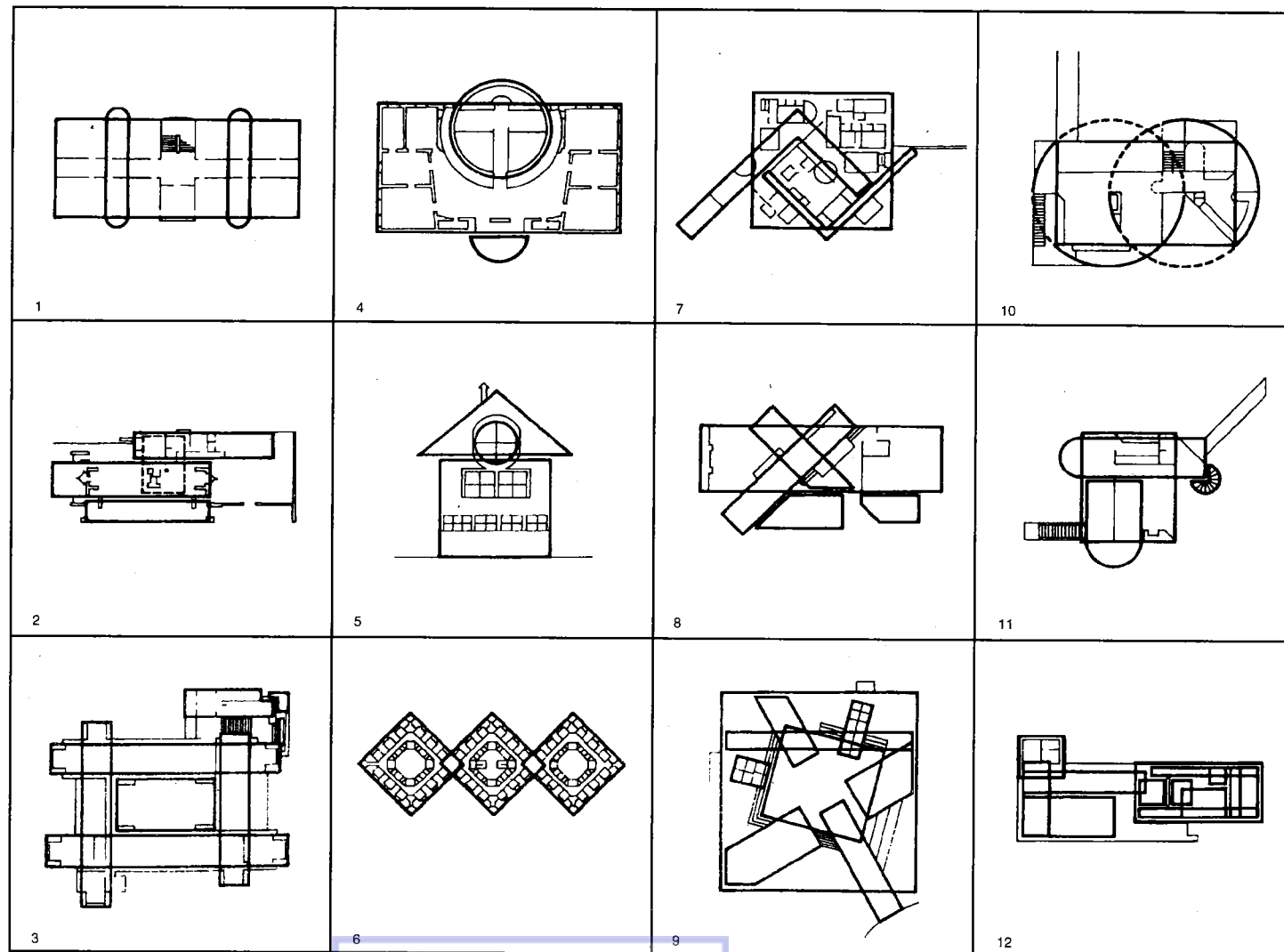
7. **OCCUPATIONAL HEALTH CENTER**
HARDY-HOLZMAN-PIEFFER
1973
8. **PRATT RESIDENCE**
HARDY-HOLZMAN-PIEFFER
1974
9. **SALISBURY SCHOOL**
HARDY-HOLZMAN-PIEFFER
1977

10. **RESIDENCE IN BRIDGEHAMPTON**
GWATHMEY-SIEGEL
1969-1971
11. **COOPER RESIDENCE**
GWATHMEY-SIEGEL
1968-1969
12. **BARCELONA PAVILLION**
LUDWIG MIES VAN DER ROHE
1929

ĐƠN NGUYÊN TRÙNG HỢP

Bằng sự xuyên kết giữa các khối lập thể, đơn nguyên có điều kiện trùng hợp hình thành tổng thể.

H.1. Toà nhà Sever: trùng hợp bốn đơn nguyên thấp hình chữ nhật với khối chủ thể dài; H.2. Nhà ở Frederick G. Robie: khối phía trên liên kết vuông góc hai đầu của khối dưới nghịch phương; H.3. Toà nhà Khoa kiến trúc và mỹ thuật - Đại học Yale: trùng hợp các khối, xác định một không gian trong; H.4. Toà án Lister: một phần của chủ thể hình tròn ngậm trong khối trung gian; H.5. Nhà ở Carll Tucker III: hình tròn thống nhất mái tam giác và khối kiến trúc vuông; H.6. Ký túc xá Erdman: trùng hợp mấy góc đơn nguyên tạo sự liên thông giao thông; H.7. Trung tâm bảo vệ sức khoẻ chức nghiệp, H.8. Dinh thự Pratt, H.9. Trường Salisbury: trùng hợp một số nhóm đơn nguyên chủ thể quay hướng khác nhau; H.10. Dinh thự ở Bridgehampton: hàm ẩn trùng hợp hai hình tròn, và trùng hợp với một hình chữ nhật; H.11. Dinh thự Cooper: những hình thể trùng hợp cấu thành sự phân cắt không gian, đồng thời ám chỉ hình dạng một hình cánh quạt không hoàn toàn; H.12. Cung CHLB Đức - Viện Bảo tàng trung bày quốc tế - Barcelona: trùng hợp các khối không gian xâu kết phức tạp, thẳng góc, tương giao, xuyên giao và hàm ẩn.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. DEERE WEST OFFICE BUILDING
ROCHE-DINKELLOO
1975-1976

2. OLYMPIC ARENA
KENZO TANGÉ
1961-1964

3. RESIDENCE IN STABIO, SWITZERLAND
MARIO BOTTA
1981

4. COLLEGE LIFE INSURANCE COMPANY
ROCHE-DINKELLOO
1967-1971

5. RESIDENCE ON MT. DESERT ISLAND
EDWARD LARABEE BARNES
1975

6. PAUL MELLON ARTS CENTER
I. M. PEI
1970-1973

7. EVERSON MUSEUM OF ART
I. M. PEI
1968

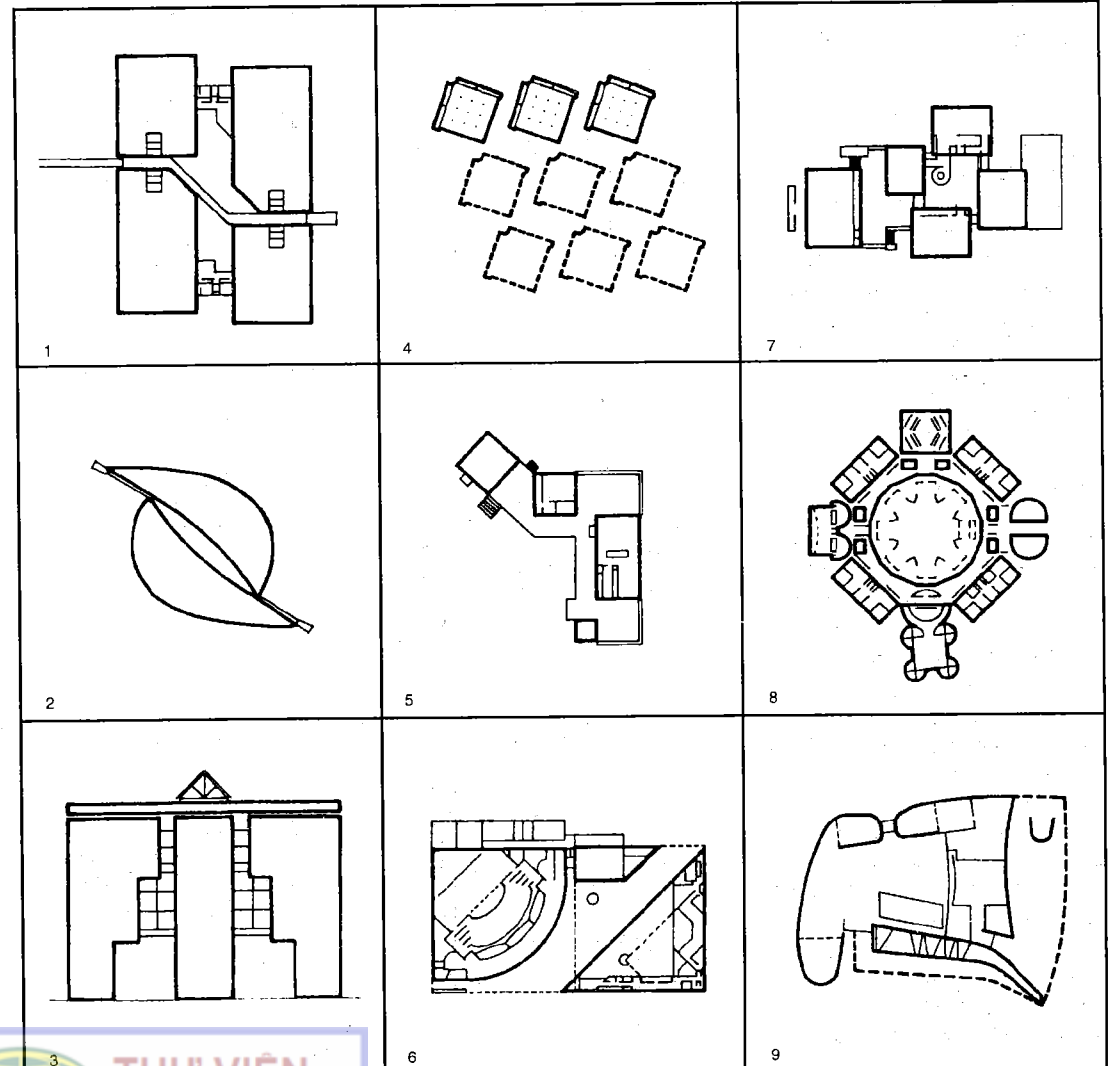
8. NATIONAL ASSEMBLY
LOUIS I. KAHN
1962-1974

9. CHAPEL AT RONCHAMP
LE CORBUSIER
1950-1955

ĐƠN NGUYÊN CÁCH RỜI

Những đơn nguyên hữu quan cũng có thể cách rời, phương thức cách rời có thể cách rời hoàn toàn, hoặc là sử dụng một khối nối tiếp tạo cảm giác phân cách.

H.1. Tòa nhà văn phòng Deere West: cách rời các đơn nguyên bằng một thông đạo và một sân trong; H.2. Cung Olympic nhỏ, H.3. Dinh thự ở Stabio - Thụy Sĩ: sử dụng kính để tạo cảm giác phân cách; H.4. Công ty bảo hiểm học viện nhân thọ: các đơn nguyên đều cách rời, chỉ ở một tầng nào đó có cầu nối nhỏ, nhẹ; H.5. Dinh thự ở Mt. Desert Island: sử dụng một mặt phẳng để thống nhất các đơn thể cách rời; H.6. Trung tâm nghệ thuật Paul Mellon: những hình thể cách rời chung một mái che; H.7. Bảo tàng nghệ thuật Everson: kính tạo cảm giác cách rời giữa các đơn nguyên; H.8. Cung hội nghị quốc gia, H.9. Nhà thờ Đức mẹ - Ronchamp: cũng sử dụng kính để tạo sự phân cách.



TỪ TRÙNG LẬP ĐẾN ĐƠN ĐỘC

Cấu tứ hình thể bằng mối quan hệ giữa trùng lập và đơn độc là một phương thức thiết kế kiến trúc. Phương thức này thực chất là xác định mối quan hệ giữa các thành tố vốn có của kiến trúc hoặc là trùng lập, hoặc là đơn lẻ. Những thí dụ sau thuyết minh các quan hệ: trùng lập bao vây đơn độc, đơn độc là biến hình của trùng lập, đơn độc chen vào trùng lập, đơn độc xác định từ trùng lập.

TRÙNG LẬP BAO VÂY ĐƠN ĐỘC

Đơn nguyên trùng lập vây quanh đơn nguyên đơn độc, khi đó, bộ phận đơn độc là một hình thể có ranh giới, có rất nhiều những đơn nguyên giống nhau vây xung quanh.

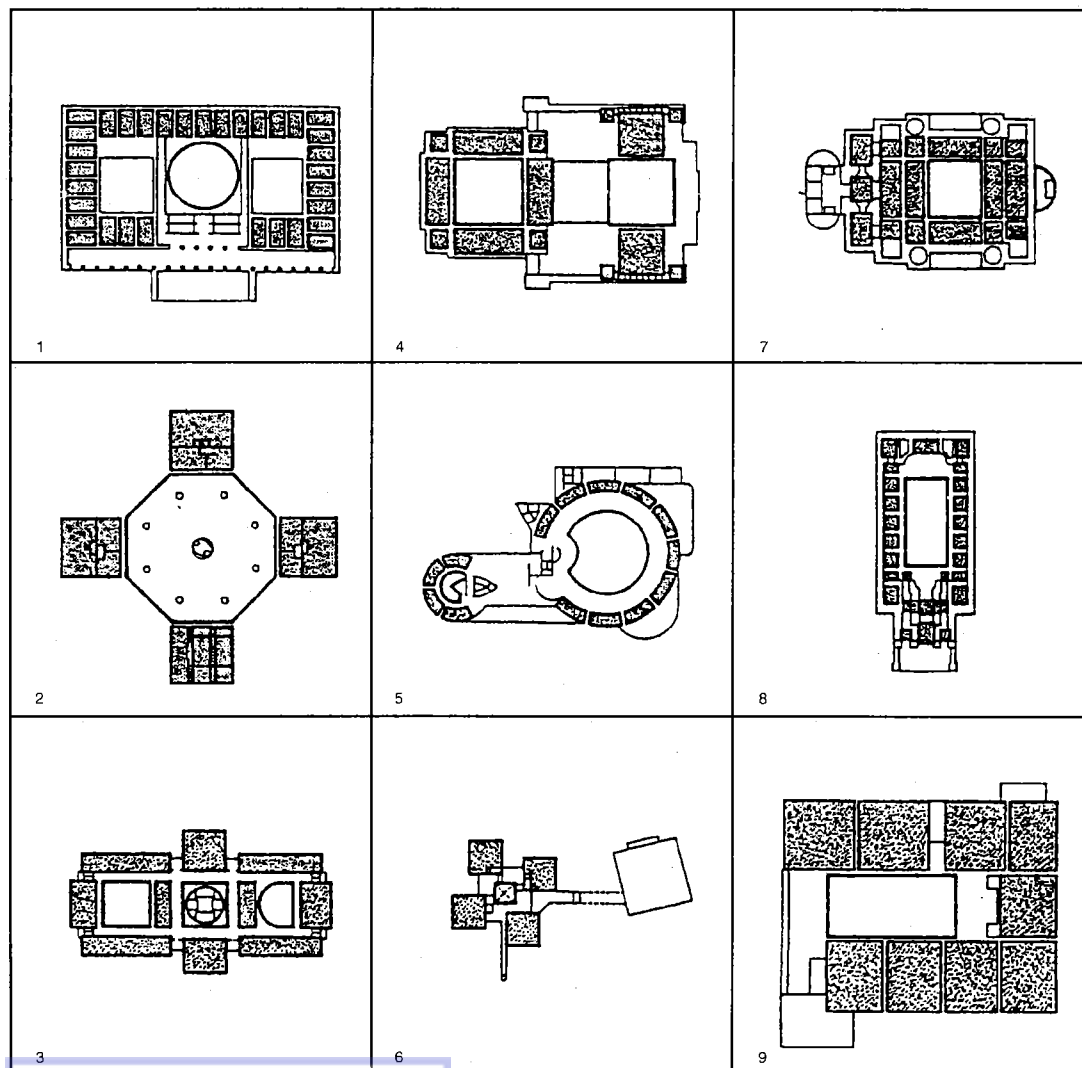
H.1. Viện bảo tàng Altes, H.10. Toà nhà Florey, H.18. Khách sạn hội nghị: bộ phận đơn độc ở giữa không gian khá lớn hình thành do những đơn nguyên trùng lập vây quanh; H.2. Hunting Lodge: bao vây trung tâm đơn độc; H.16. Viện học tập,

nghiên cứu, thực nghiệm vị thành niên: bao vây cục bộ đơn nguyên đơn độc; H.3. Toà nhà hội nghị Rhode Island State, H.4. Nhà thờ Nhất ngôi, H.23. Nhà thờ San Spirito: đơn nguyên đơn độc trong vòng bao vây; H.5. Bảo tàng Guggenheim, H.13. Tu viện nữ dòng Dominican, H.15. Toà nhà hội nghị, H.17. Trung tâm âm nhạc Lang: đơn nguyên đơn độc trung tâm trong vòng vây cục bộ; H.6. Viện tư liệu khảo cổ Shenboku: đơn thể trùng lập hình thành một hình cánh quạt; H.9. Biệt thự Khuner, H.22. Thư viện công cộng Stockholm: đều là hình chữ U; H.7. Nhà thờ St. George, H.11. Khoa lịch sử - Đại học Cambridge, H.12. Nhà thờ Tam thánh, H.23. Nhà thờ San Spirito: là những thí dụ về hai loại hình đơn thể trùng lập; H.8. Nhà thờ Christ, H.20. Biệt thự Foscari: sự liên hệ giữa đơn nguyên trùng lập và đơn độc không chỉ có một loại phương thức; H.14. Thư viện Exeter, H.19. Nhà hát Besancon, H.21. Biệt thự Tròn: đơn nguyên đơn độc ở giữa, hoàn toàn trong vòng vây kín; H.24. Nhà thờ Thánh Maria Degli Angeli: trung tâm đơn độc trong vòng vây của hai nhóm đơn nguyên trùng lập, một nhóm là không gian, một nhóm là kết cấu.

1. **ALTES MUSEUM**
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1824
2. **HUNTING LODGE**
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1822
3. **RHODE ISLAND STATE CAPITOL**
McKIM, MEAD, AND WHITE
1895-1903

4. **UNITY TEMPLE**
FRANK LLOYD WRIGHT
1906
5. **GUGGENHEIM MUSEUM**
FRANK LLOYD WRIGHT
1956
6. **SHENBOKU ARCHIVES**
FUMIHIKO MAKI
1970

7. **ST. GEORGE-IN-THE-EAST**
NICHOLAS HAWKSMOOR
1714-1729
8. **CHRIST CHURCH**
NICHOLAS HAWKSMOOR
1715-1729
9. **KHUNER VILLA**
ADOLF LOOS
1930



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

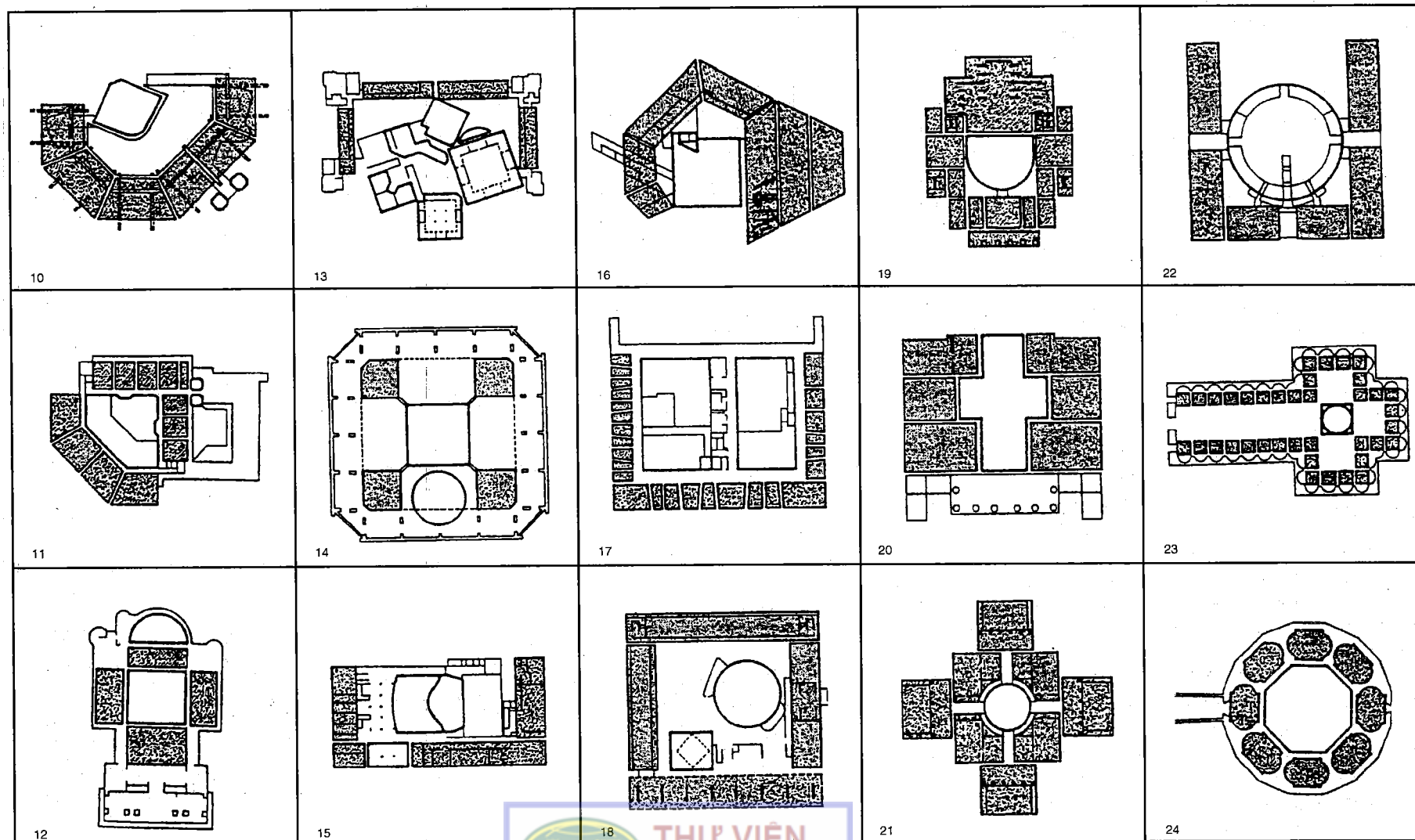
10. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966
11. CAMBRIDGE HISTORY FACULTY
JAMES STIRLING
1964
12. TRINITY CHURCH
HENRY HOBSON RICHARDSON
1872-1877

13. CONVENT FOR DOMINICAN SISTERS
LOUIS I. KAHN
1965-1968
14. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972
15. AUDITORIUM BUILDING
LOUIS SULLIVAN
1887-1890

16. ADULT LEARNING LABORATORY
ROMALDO GIURGOLA
1972
17. LANG MUSIC BUILDING
ROMALDO GIURGOLA
1973
18. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963

19. THEATER IN BESANCON, FRANCE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775
20. VILLA FOSCARI
ANDREA PALLADIO
c. 1549-1563
21. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571

22. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928
23. SAN SPIRITO
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434
24. SAN MARIA DEGLI ANGELI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434-1436



ĐƠN ĐỘC LÀ BIẾN HÌNH CỦA TRÙNG LẬP

Thông qua các phép biến hoá về kích thước, hình dạng, đường bao, chiều hướng, hình kỷ hà, sắc điệu, phương thức liên kết, đơn thể trùng lập có thể biến hình trở thành đơn độc. Sự biến đổi về hình dạng và hình kỷ hà tương tự, đồng thời có mối liên hệ, nhưng thông thường, sự biến đổi hình kỷ hà nhiều hơn.

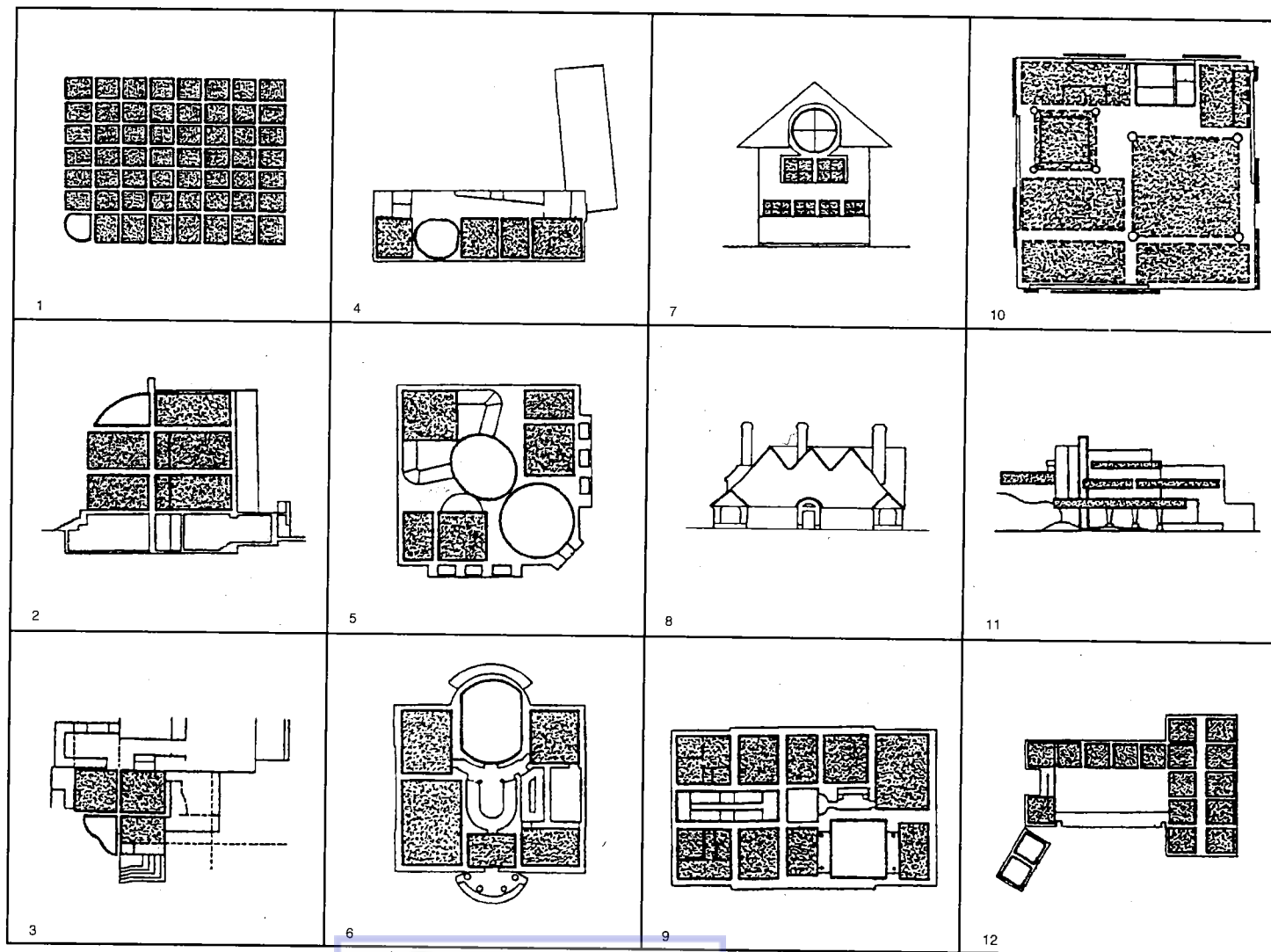
H.1. Bách hoá tổng hợp Carson Pirie và Scott, H.4. Nhà ở Snellman, H.5. Khách sạn Montmorency: khối đơn độc xuất hiện do sự biến đổi hình kỷ hà; H.6. Toà nhà Tendering, H.7. Nhà ở Carl Tucker III: tương tự, đều là sự biến đổi hình kỷ hà; H.2. Nhà ở Steiner, H.3. Nhà ở Alexander: sự biến đổi hình dạng; H.9. Lâu đài Easton Neston: sự biến đổi kích thước đã tạo nên hai tầng không gian đơn độc; H.10. Nhà ở Moore: những phương thức liên kết khác nhau giữa các đơn nguyên trùng lập cấu thành khối đơn độc; H.11. Biệt thự trên suối, H.12. Bảo tàng mỹ thuật Gumma: bộ phận đơn độc hình thành từ sự biến đổi phương hướng giữa các đơn thể trùng lập.

1. CARSON PIRIE AND SCOTT STORE
LOUIS SULLIVAN
1899-1903
2. STEINER HOUSE
ADOLF LOOS
1910
3. ALEXANDER HOUSE
MICHAEL GRAVES
1971-1973

4. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918
5. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769
6. TENDERING HALL
JOHN SOANE
1784-1790

7. CARLL TUCKER III HOUSE
ROBERT VENTURI
1975
8. HOMEWOOD
EDWIN LUTYENS
1901
9. EASTON NESTON
NICHOLAS HAWKSMOOR
c. 1695-1710

10. MOORE HOUSE
CHARLES MOORE
1962
11. FALLINGWATER
FRANK LLOYD WRIGHT
1935
12. GUMMA MUSEUM OF FINE ARTS
ARATA ISOZAKI
1971-1974



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. **TEMPLE OF ARTEMIS**
PAEONIUS AND DEMETRIUS
C. 356 B.C.
2. **KIMBALL ART MUSEUM**
LOUIS I. KAHN
1966-1972
3. **INSTITUTE FOR ADVANCED STUDIES**
GBQC
1968-1972

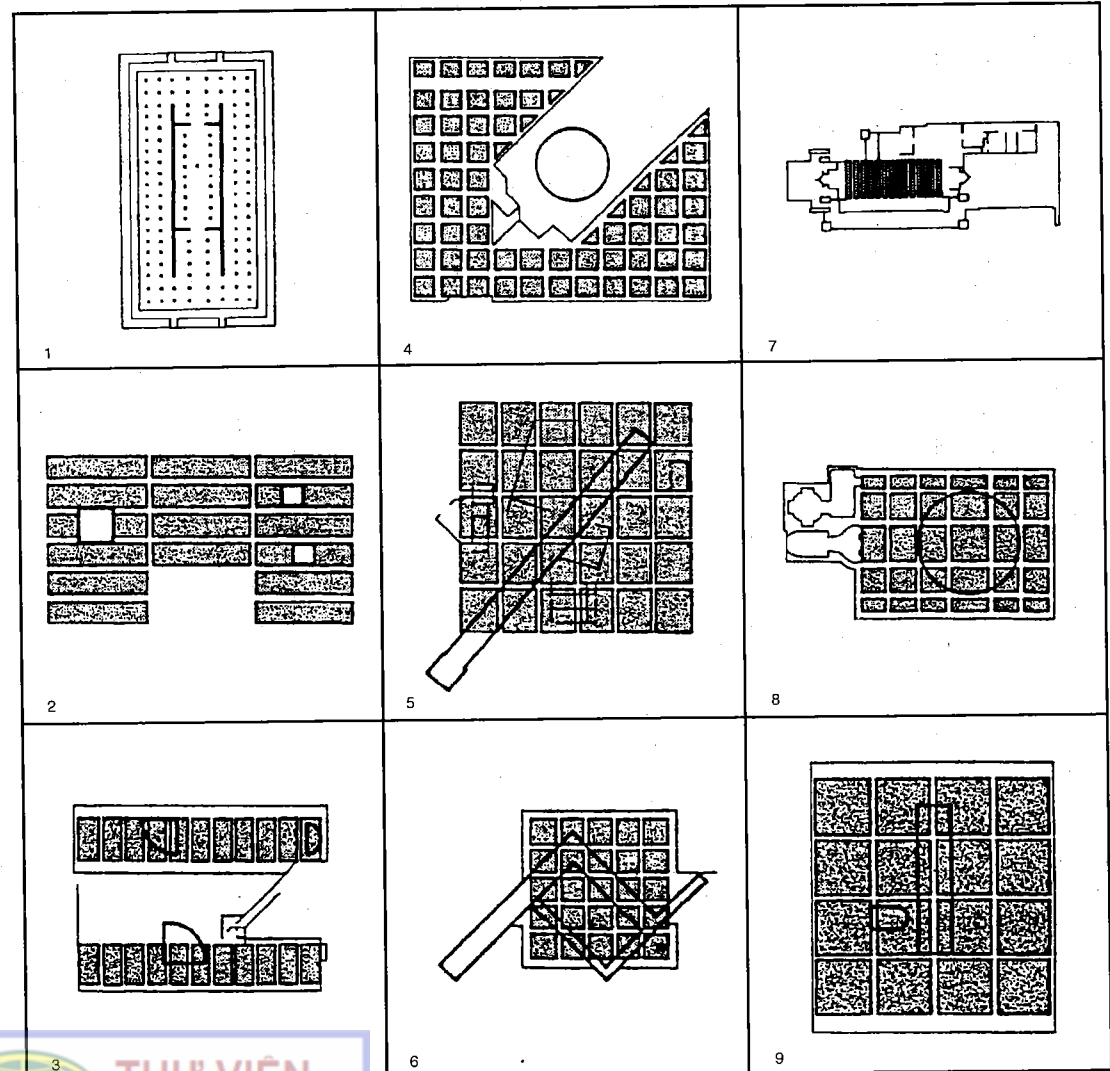
4. **STUDENT UNION**
ROMALDO GIURGOLA
1974
5. **BROOKLYN CHILDREN'S MUSEUM**
HARDY-HOLZMAN-PFIEFFER
1977
6. **OCCUPATIONAL HEALTH CENTER**
HARDY-HOLZMAN-PFIEFFER
1973

7. **FREDERICK G. ROBIE HOUSE**
FRANK LLOYD WRIGHT
1909
8. **ST. STEPHENS WALBROOK**
CHRISTOPHER WREN
1672-1687
9. **VILLA SAVOYE**
LE CORBUSIER
1928-1931

ĐƠN ĐỘC TRONG KHU VỰC TRỪNG LẬP

Một lưới ô hoặc một khu vực hình thành từ sự tổ hợp đồng dạng những đơn nguyên tương đồng, một khối đơn độc chèn vào trong đó.

H.1. Miếu thần Artemis: trong vùng lưới cột chen vào các bức tường;
H.2. Viện bảo tàng nghệ thuật Kimball, H.4. Câu lạc bộ sinh viên: trong không gian khai mở chen một hệ khối kết cấu hình thành đơn nguyên đơn độc; H.3. Viện nghiên cứu tu nghiệp cao cấp: khối kĩ hà đơn độc đặt thẳng vào lưới kết cấu; H.5. Viện bảo tàng thiếu nhi Brooklyn: đường thông đạo xoay chuyển phương hướng trong lưới kết cấu hình thành khối đơn độc; H.6. Trung tâm bảo vệ sức khỏe chức nghiệp: một cửa mái xoay chuyển phương hướng trong lưới ô vuông là khối đơn độc; H.7. Nhà ở Frederic G. Robie: một khối lò cắt rời khu vực kết cấu; H.8. Nhà thờ St. Stephens Walbrook: chen vào một mái; H.9. Biệt thự Savoye: hai thông đạo vuông góc cắt rời khối.



ĐƠN ĐỘC CHÈN VÀO TRÙNG LẬP

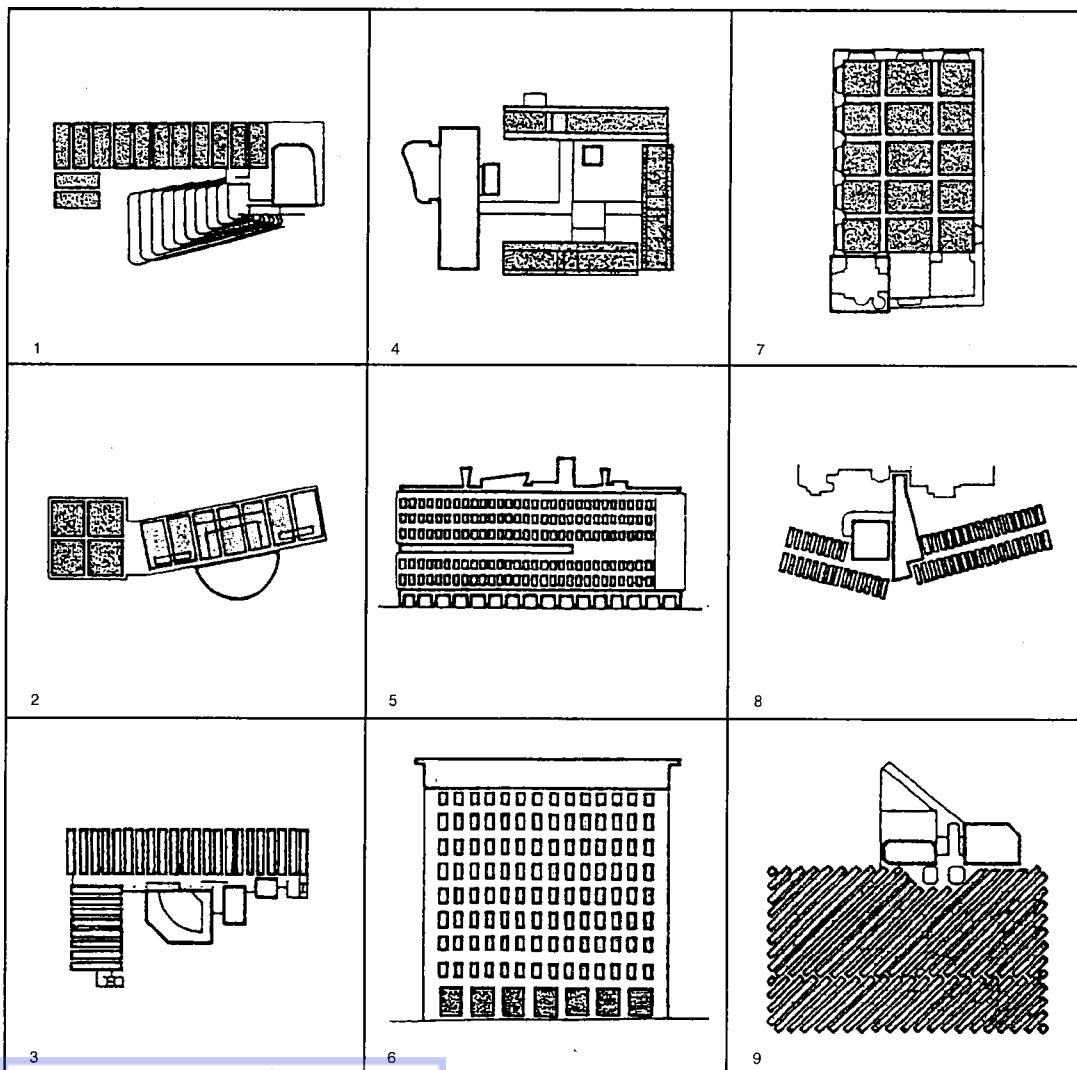
Có khi xích độ và thể lượng của bộ phận trùng lập đóng vai trò quan trọng, khi đó, khối đơn độc coi như bộ phận thêm vào trong trùng lập.

H.1. Tòa thị chính Seinajoki: khối đơn độc tiếp nối ở cuối bộ phận trùng lập, trở thành đoạn kết thúc; H.2. Tòa thị chính Kamioka: khối đơn độc chèn ở trung điểm của dãy trùng lập; H.3. Viện khoa học Boyer: ba đơn nguyên đơn độc đặt trong kịch trường hàm ẩn sự hoạt động; H.4. Tu viện La Tourette: đơn độc và trùng lập kết hợp cấu thành một hành lang khép; H.5. Nhà chung cư: trên mặt đứng, đặt khối đơn độc đặc biệt ở đỉnh và đế của khối chính; H.6. Tòa nhà Wainwright: khối mái là bộ phận đơn độc, hình thành một khối kết thúc khác hẳn; H.7. Tu viện St. Nicholas Cole: khối đơn độc đặt ở phía trước; H.8. Trường chuyên khoa Olivetti: hai khối đơn độc liên kết chèn giữa đơn nguyên trùng lập; H.9. Viện công trình Leicester: hai khối đơn độc tựa sát vào chủ thể.

1. SEINAJOKI TOWN HALL
ALVAR AALTO
1962-1965
2. KAMIOKA TOWN HALL
ARATA ISOZAKI
1976-1978
3. BOYER HALL OF SCIENCE
GBQC
1970-1972

4. CONVENT OF LA TOURETTE
LE CORBUSIER
1957-1960
5. UNITE D'HABITATION
LE CORBUSIER
1946-1952
6. WAINWRIGHT BUILDING
LOUIS SULLIVAN
1890-1891

7. ST. NICHOLAS COLE ABBEY
CHRISTOPHER WREN
1671-1681
8. OLIVETTI TRAINING SCHOOL
JAMES STIRLING
1969
9. LEICESTER ENGINEERING BUILDING
JAMES STIRLING
1959



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. COLOSSEUM
ARCHITECT UNKNOWN
70-82

2. ST. LEOPOLD AM STEINHOF
OTTO WAGNER
1905-1907

3. ST. ANTHOLIN
CHRISTOPHER WREN
1678-1691

4. HOUSE OF THE MENANDER
ARCHITECT UNKNOWN
c. 300 B.C.

5. BOSTON PUBLIC LIBRARY
McKIM, MEAD, AND WHITE
1898

6. SAYNATSALO TOWN HALL
ALVARO AALTO
1950-1952

7. YALE ART AND ARCHITECTURE
PAUL RUDOLPH
1958

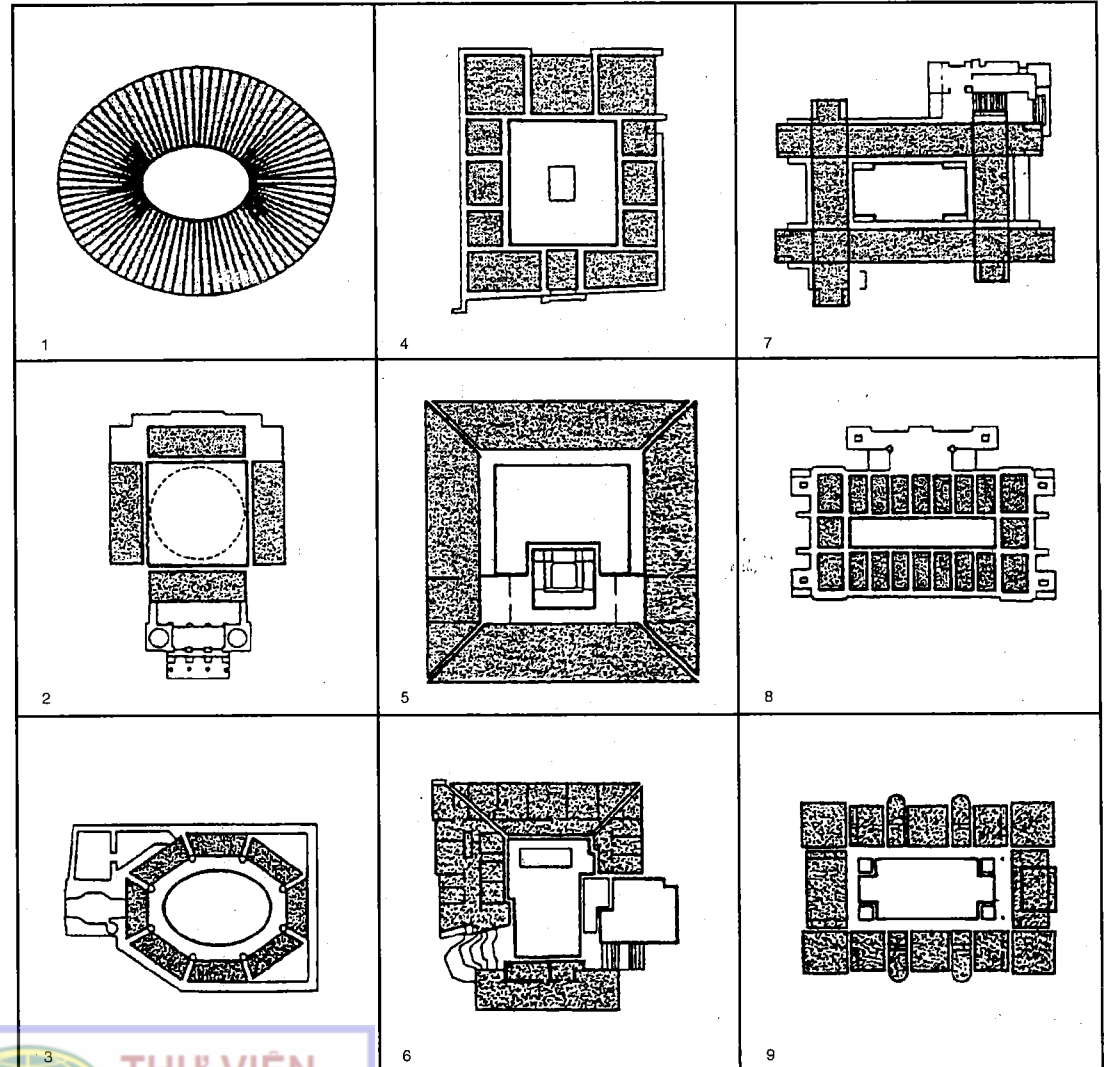
8. LARKIN BUILDING
FRANK LLOYD WRIGHT
1903

9. ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1883-1888

ĐƠN ĐỘC XÁC ĐỊNH TỪ TRÙNG LẬP

Khi cấu thành khối đơn độc từ hình dạng của tổ hợp trùng lập tức là đơn độc xác định từ trùng lập. Tất cả những thí dụ loại này, khối đơn độc có thể ở trong nội ốc, có thể ở ngoại ốc.

H.1. Đấu trường Colosseum, H.4. Ngôi nhà Menander, H.5. Thư viện công cộng Boston: bố cục rất nhiều đơn nguyên trùng lập cấu thành một không gian rộng lớn ngoài nhà; H.6. Trung tâm thị chính Saynatsalo, H.9. Toà án Allegheny: cũng tương tự; H.2. Nhà thờ St. Leopold, H.3. Nhà thờ St. Antholin: khối đơn độc hiển lộ ra ngoại quan của không gian lớn trong nhà; H.7. Khoa kiến trúc và mỹ thuật - Đại học Yale, H.8. Toà nhà Larkin: không gian đơn độc nhiều tầng giống như trung tâm hội tụ của không gian trùng lập ở xung quanh.



PHƯƠNG PHÁP TĂNG VÀ GIẢM

Tăng thêm và giảm bớt tức là tăng thêm hay giảm bớt một bộ phận của tổng thể để cấu thành hình thể kiến trúc, là một phương pháp cấu tứ hình thể. Cấu tứ bằng phương pháp tăng thêm, các bộ phận cục bộ đều quan trọng; cấu tứ bằng phương pháp giảm bớt thì tổng thể quan trọng.

PHƯƠNG PHÁP GIẢM

Tất cả những thí dụ sau đây đều sử dụng biện pháp cắt bỏ một góc của hình vuông đơn giản để thiết kế kiến trúc.

H.1. Ngôi nhà Homewood: nền nâng và cửa vào đều hình thành từ phương pháp cắt giảm; H.2. Tòa nhà Wainwright: thiết kế một sân trời lấy ánh sáng; H.3. Viện bảo tàng mỹ thuật Hoa Kỳ ở Whitney: cho thấy bộ phận cắt bỏ của mặt cắt tạo điều kiện để các tầng thấp đón được ánh sáng, đồng thời hình thành mối liên hệ thoải mái của kiến trúc đường phố; H.4. Biệt thự Savoye: bộ phận cắt giảm trong giới hạn ở phần chịu lực; H.5. Thư viện công cộng Stockholm: sau khi cắt giảm một mảng lớn hình thành một sân trong, đặt vào sân trong một hình trụ tròn; H.6. Nhà ở Vanna Venturi, H.7. Tổng bộ công ty Enso - Gutzeit: cũng tương tự, cắt giảm để tạo cửa vào và nhằm mục đích dẫn ánh sáng vào phòng; H.8. Thư viện Exeter: giữa phòng, một không gian lớn là kết quả của cắt giảm; H.9. Câu lạc bộ sinh viên: không gian lớn ngoài nhà có cửa vào và một số không gian ngoài nhà tương đối nhỏ, đều kết quả sau khi cắt giảm.

1. HOMEWOOD
EDWIN LUTYENS
1901

2. WAINWRIGHT BUILDING
LOUIS SULLIVAN
1890-1891

3. WHITNEY MUSEUM OF AMERICAN ART
MARCEL BREUER
1966

4. VILLA SAVOYE
LE CORBUSIER
1928-1931

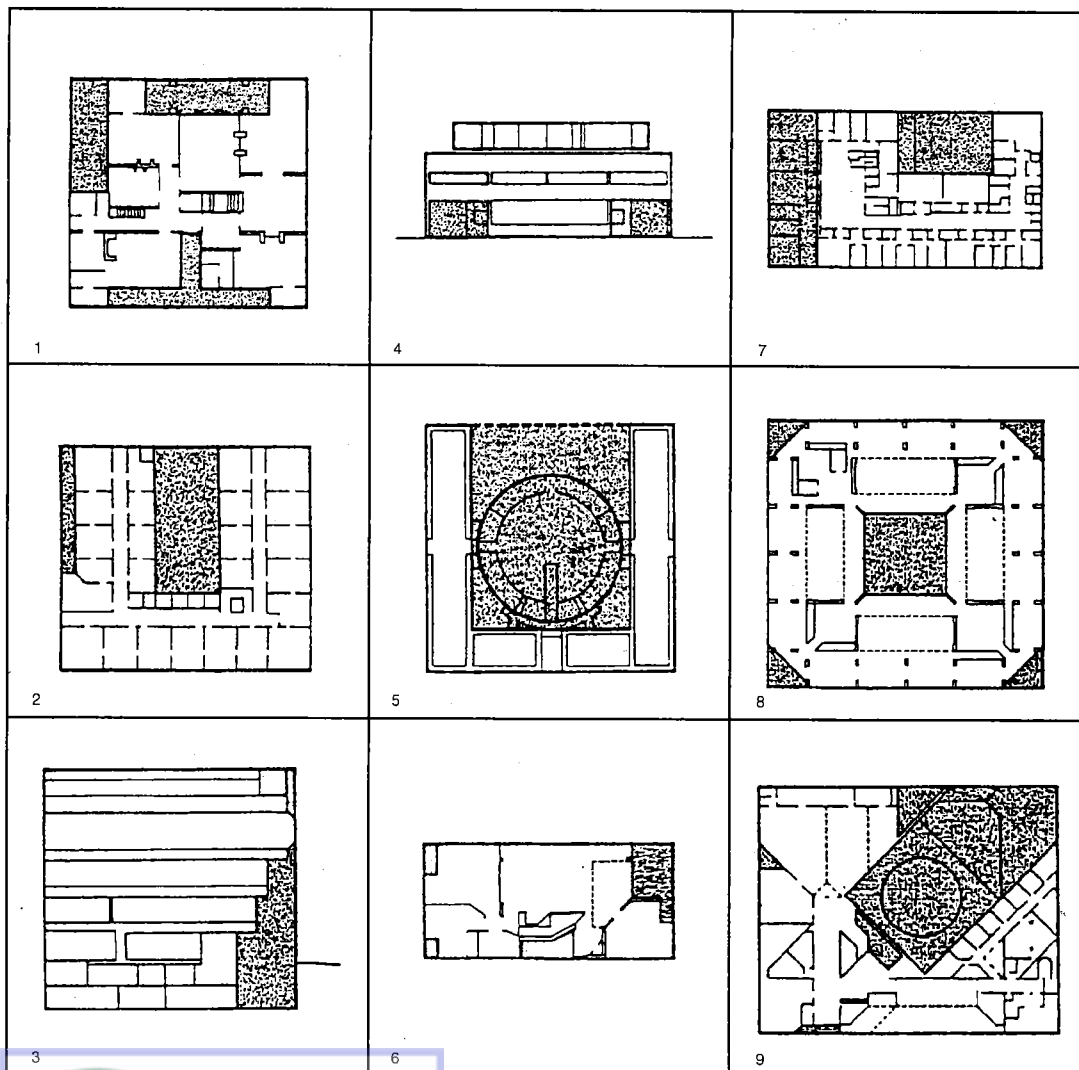
5. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928

6. VANNA VENTURI HOUSE
ROBERT VENTURI
1962

7. ENSO-GUTZEIT HEADQUARTERS
ALVARO AALTO
1959-1962

8. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972

9. STUDENT UNION
ROMALDO GIURGOLA
1974



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PHƯƠNG PHÁP TĂNG

Thiết kế theo phương pháp tăng tức là các bộ phận đóng vai trò quan trọng.

H.1. Biệt thự mái Tròn: bốn bộ phận ghép ở bốn phía xung quanh đơn nguyên trung tâm; H.2. Trung tâm nghiên cứu y học Richards: xuất hiện một chuỗi đơn nguyên tầng thêm, tháp thiết bị tầng thêm vào mỗi phòng nghiên cứu hình thành một tổ hợp đơn nguyên. Những đơn nguyên tổ hợp này cùng với những đơn nguyên tổ hợp tương tự khác liên kết với trung tâm thiết bị ở giữa; H.3. Ngôi nhà Salutation: đơn nguyên nhỏ là của nhân viên phục vụ liên kết với khối chủ thể; H.4. Toà án Lister: một không gian sử dụng lớn gắn vào trong kiến trúc chủ thể; H.5. Toà nhà Florey: tụ tập một chuỗi khối, cấu thành một không gian ngoài nhà, đồng thời bố trí trong đó một không gian công cộng đơn độc; H.6. Chung cư ở Sea Ranch: mỗi một đơn nguyên đều là tập hợp nhiều loại hình thể, và đều chung một mái nhà; H.7. Nhà thờ Nhất ngôi: hai kiến trúc chủ thể cấu thành từ sự liên kết 2 nhóm đơn nguyên trùng lặp, tương giao vuông góc với nhau; H.8. Toà án Allegheny: tổ hợp các bộ phận hình thành một không gian mở ở giữa; H.9. Nhà thờ St. George: tập hợp một số đơn nguyên nhỏ quanh hai bên lề đường; H.10. Trung tâm văn hoá Wolfsburg: cấu thành từ tập hợp những không gian sử dụng; H.11. Nhà thờ San Maria Degli Angeli, H.12. Nhà thờ San Vitale: một loạt những không gian nhỏ bao quanh một không gian lớn.

1. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571

2. RICHARDS RESEARCH BUILDING
LOUIS I. KAHN
1959-1961

3. THE SALUTATION
EDWIN LUTYENS
1911

4. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921

5. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966

6. SEA RANCH CONDOMINIUM
CHARLES MOORE
1964-1965

7. UNITY TEMPLE
FRANK LLOYD WRIGHT
1906

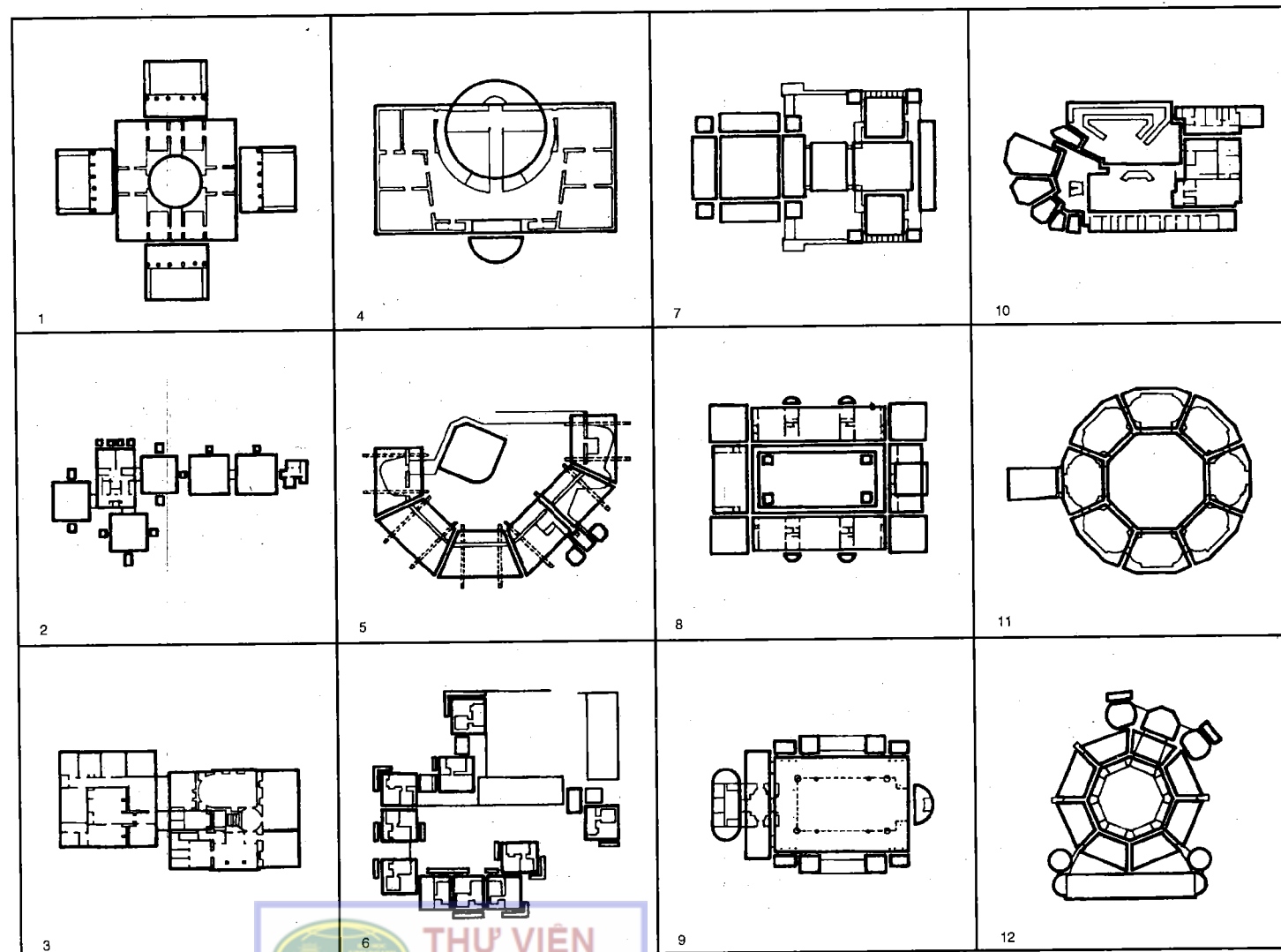
8. ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1883-1888

9. ST. GEORGE-IN-THE-EAST
NICHOLAS HAWKSMOOR
1714-1729

10. WOLFSBURG CULTURAL CENTER
ALVAR AALTIO
1958-1962

11. SAN MARIA DEGLI ANGELI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434-1436

12. SAN VITALE
ARCHITECT UNKNOWN
c. 530-548



ĐỐI XỨNG VÀ CÂN BẰNG

Cấu tứ hình thể bằng phương thức đối xứng và cân bằng là sáng tạo hình thể kiến trúc thông qua xác lập mối quan hệ đẳng lượng trên trục giác hoặc khái niệm giữa các thành tố tổ hợp. Những thí dụ thuyết minh sau đây, qua các nội dung: đối xứng, cân bằng hình dạng, cân bằng hình kị hà, cân bằng thực và ảo... hình thành các kiểu đối xứng và cân bằng dạng trục, song trục, quay, chuyển hoán...

ĐỐI XỨNG

Đối xứng là hình thức đặc biệt của cân bằng, khi bố trí số lượng đơn nguyên giống nhau ở hai bên một trục vô hình hay quanh một điểm.

H.1. Viện nghiên cứu sinh học - Đại học Salk: trục đối xứng xuyên qua không gian lớn ngoài nhà; H.2. Nhà ở Director, H.3. Nhà thờ Nhất

thờ Redentore, H.6. Nhà thờ San Spirito: trục đối xứng xuyên qua không gian sử dụng chủ yếu; H.7. Nhà thờ Thánh Maria Degli Angeli: đối xứng kiểu phóng xạ, nhưng do bố trí hai cửa vào đối nhau nên đồng thời chuyển thành đối xứng trục; H.8. Toà án Lister, H.9. Thư viện công cộng Stockholm: trục đối xứng đều xuyên qua không gian chủ yếu trong nhà; H.10. Miếu thần Venus và Rome: trục đối xứng 2 hướng xuyên qua giữa không gian chủ yếu; H.11. Thư viện Exeter: trục đối xứng cắt đôi không gian chủ yếu; H.12. Biệt thự mái Tròn: trục đối xứng cắt đôi diện tích giao thông; H.13. Tháp St. Mark: trong đối xứng quay có 4 đơn nguyên xoay quanh một điểm; H.14. Lâu đài Del Monte: có 8 đơn nguyên bao quanh; H.15. Nhà thờ St. John Nepomuk: có 5 đơn nguyên bao quanh; H.16. Nhà thờ S. Ivo, H.17. Nhà thờ Pilgrimage, H.18. Nhà thờ Sepulchral: mỗi nhà thờ đều có 3 đơn nguyên bao quanh; H.19. Ký túc xá St. Andrews, H.20. Trường trung học Morbio Inferiore: đơn nguyên là những phòng ốc hoặc tổ hợp phòng ốc, cấu thành đối xứng hình thành dạng dây; H.21. Ngôi nhà Atrium: hai nhóm đơn nguyên tổ hợp chuyển hướng.

1. SALK INSTITUTE
LOUIS I. KAHN
1959-1965

2. DIRECTOR'S HOUSE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775-1779

3. UNITY TEMPLE
FRANK LLOYD WRIGHT
1906

4. CHRIST CHURCH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1715-1729

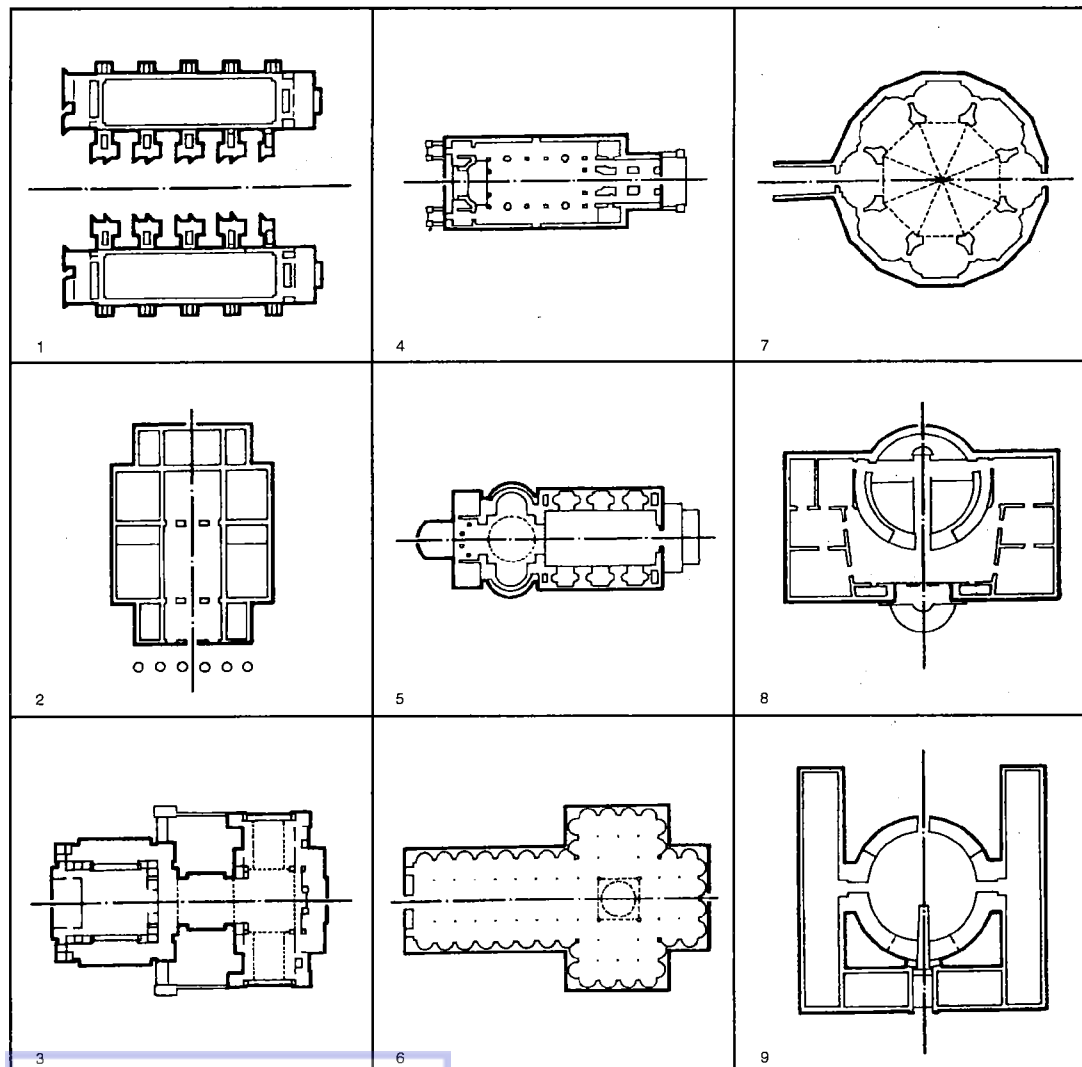
5. REDENTORE CHURCH
ANDREA PALLADIO
1576-1591

6. SAN SPIRITO
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434

7. SAN MARIA DEGLI ANGELI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434-1436

8. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921

9. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

10. TEMPLE OF VENUS AND ROME

HADRIAN
123-135

11. EXETER LIBRARY

LOUIS I. KAHN
1967-1972

12. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571

13. ST. MARK'S TOWER

FRANK LLOYD WRIGHT
1929

14. CASTLE DEL MONTE

ARCHITECT UNKNOWN
c. 1240

15. ST. JOHN NEPOMUK CHURCH

JAN BLAZEJ SANTINI-AICHEL
1719 -1720

16. S. IVO DELLA SAPIENZA

FRENCESCO BORROMINI
1642-1650

17. PILGRIMAGE CHURCH

GEORG DIENTZENHOFER
1684 - 1689

18. SEPULCHRAL CHURCH

JOHN SOANE
1796

19. ST. ANDREWS DORMITORY

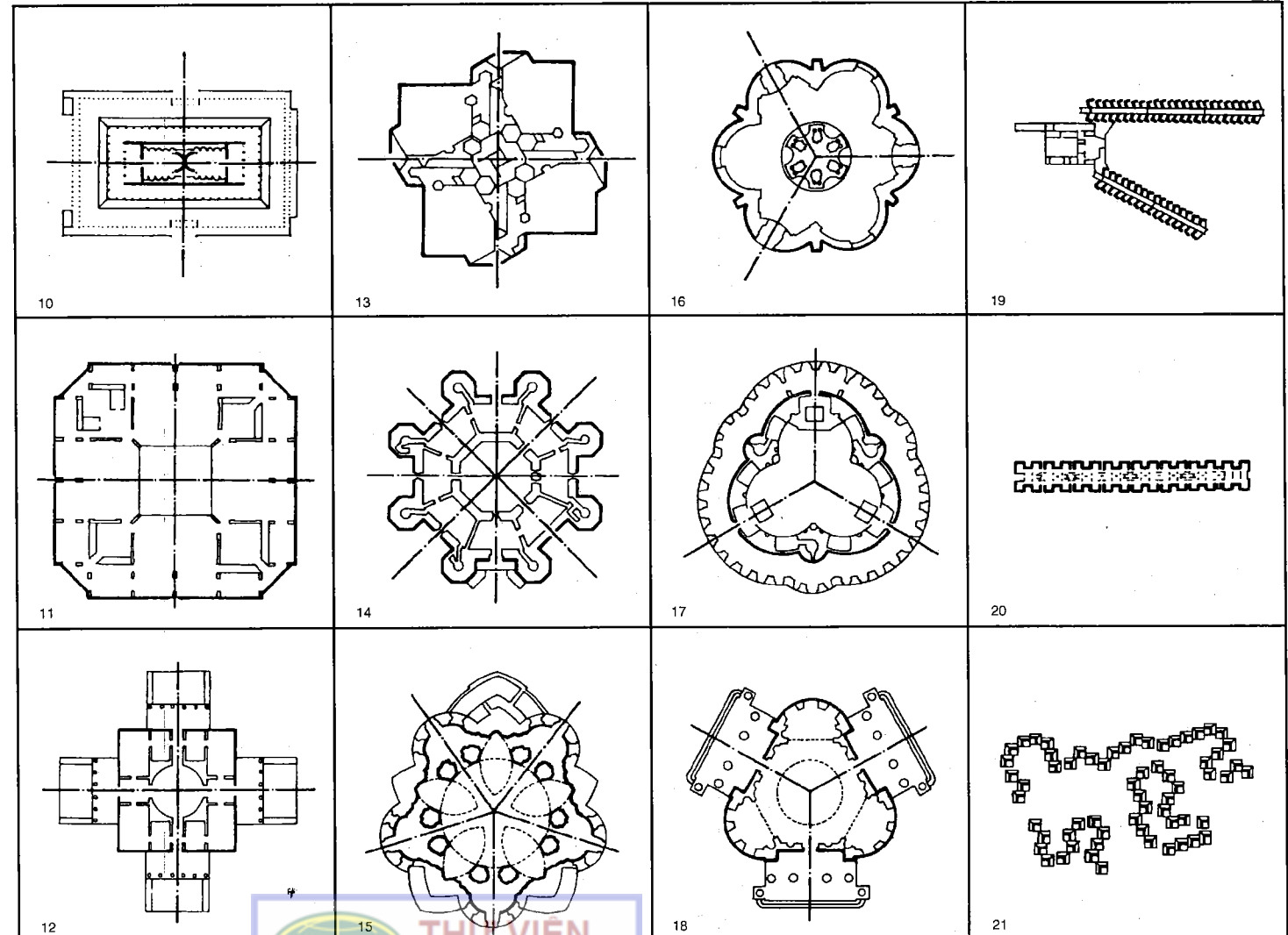
JAMES STIRLING
1964

20. SCHOOL IN MORBIO INFERIORE

MARIO BOTTA
1972 -1977

21. ATRIUM HOUSING

JORN UTZON
1956



CÂN BẰNG HÌNH DẠNG

Cân bằng hình dạng là mối quan hệ đẳng lượng giữa các thành tố tổ hợp hình dạng khác nhau.

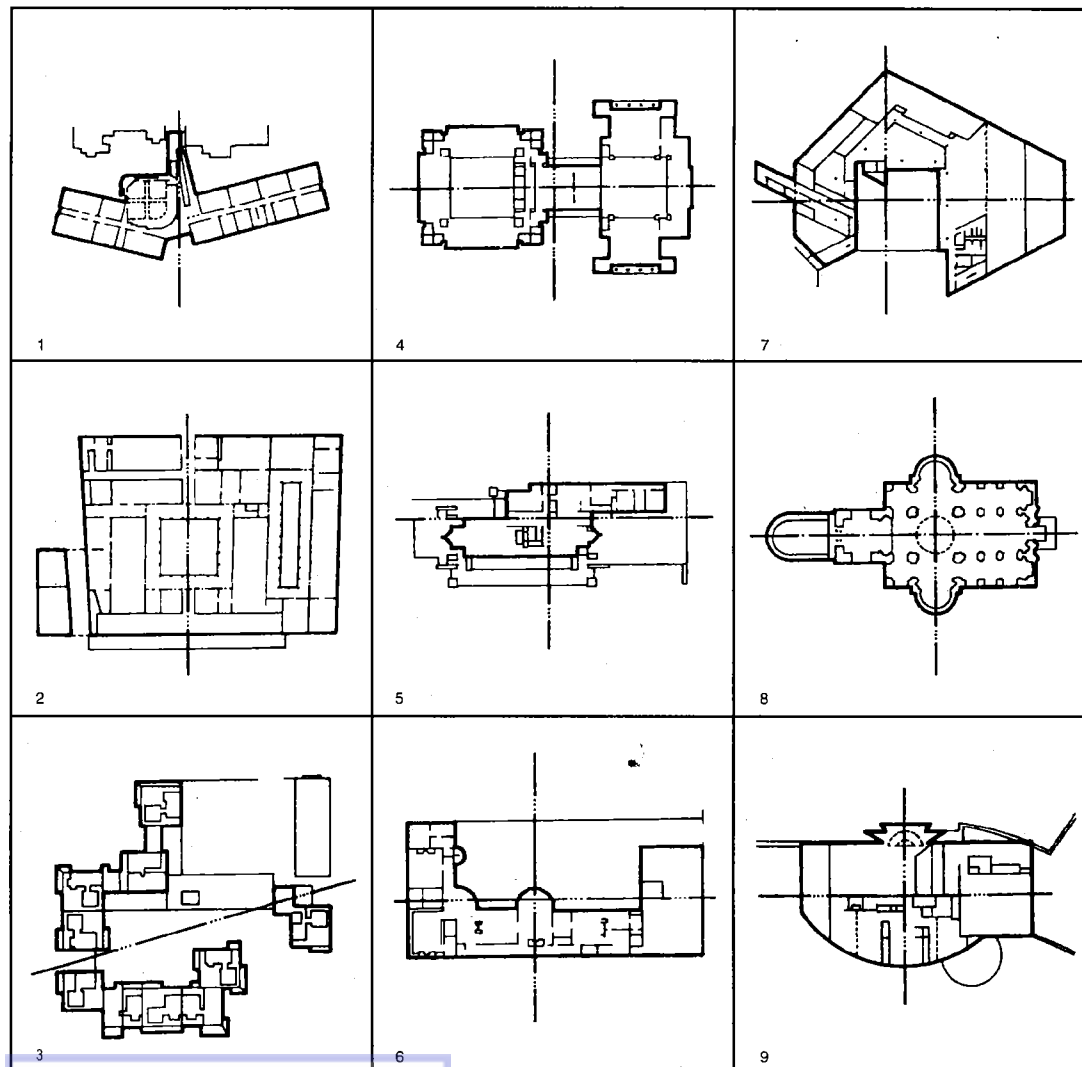
H.1. Trường chuyên khoa Olivetti: kiến trúc xây dựng mới cân bằng với kiến trúc cũ, trong đó thêm vào chỗ tiếp giáp giữa khối ngấn và khối dài một không gian hình dạng đặc biệt và đẳng lượng; H.2. Cò nhivien: một ví dụ về cân bằng khối, một bên có một sân lộ thiên, bên kia bố trí thêm một đơn nguyên phụ; H.3. Chung cư Sea Ranch: trục cân bằng chéo góc, một bên là sáu đơn nguyên cư trú, một bên có 4 đơn nguyên và 2 kho xe; H.4. Nhà thờ Nhất ngôi: hai nhân trong như nhau, biến hình khác nhau do bố cục khác nhau những đơn nguyên thứ yếu ở xung quanh; H.5. Nhà ở Frederick G. Robie, H.6. Nhà ở J.J. Glessner: tách hai bộ phận công và tư hình thành một trục cân bằng; H.7. Viện học tập, nghiên cứu, thực nghiệm vị thành niên: trục cân bằng hình thành từ hình kỷ hà và khối thực; H.8. Nhà thờ San Giorgio Maggiore: một phương thì đối xứng, còn phương kia thì cân bằng giữa những hình dạng phức tạp và đơn giản, phân biệt phản ánh hai khu vực thần thánh và thế tục; H.9. Nhà ở Peter Brant: sự khác biệt hình dạng xuất hiện trên mặt biến đổi giữa mặt đất và khối; H.10. Nhà thờ Đức mẹ - Ronchamp, H.14. Trung tâm giáo xứ Riola: tương ứng, một trường hợp là mặt bằng, một trường hợp là mặt cắt:

đơn nguyên lớn đơn độc và cân bằng với các đơn nguyên nhỏ xuất hiện nhiều lần; H.11. Biệt thự trên suối: không gian khép kín nhỏ cân bằng với không gian mở lớn; H.15. Khách sạn Guimard: bên ngoài thì đối xứng, nhưng do ba không gian ở lớn di dời vị trí nên trở thành quan hệ cân bằng; H.16. Tòa nhà Florey: trục cân bằng xuất hiện giữa đôi tháp phân lượng khả năng với một bên là không gian đơn độc; H.17. Trung tâm thị chính Saynatsalo: một không gian độc đáo, cắt rời, cân bằng với phần còn lại; H.23. Tòa án Lister, H.13. Bảo tàng nghệ thuật Dulwich: một phương là đối xứng, còn phương kia ở công trình thứ nhất sử dụng sự khác biệt giữa mặt đất công cộng để cấu thành quan hệ cân bằng, đối với công trình thứ 2 sử dụng sự chênh lệch lớn nhỏ để cấu thành quan hệ cân bằng; H.18. Tòa nhà hội nghị: tòa nhà cân bằng hai phương với khoảng trống của khối chính; H.19. Lâu đài Easton Neston: 2 không gian 2 tầng đơn độc tạo nên sự khác biệt hình dạng; H.20. Ngôi nhà Homewood: quan hệ cân bằng xuất hiện giữa 2 trục bố cục trước sau, lệch một ít; H.21. Nhà ở Snellman: không gian phụ trợ và không gian sử dụng chính có sự biến đổi hình dạng trên cả hai phương; H.22. Nhà chung cư: đường chuyển hàng định vị trục cân bằng ở dưới phần cắt giảm và ở trên phần tăng thêm; H.12. Viện công trình Leicester: diện thẳng đứng và diện nằm ngang khác nhau; H.24. Nhà ở Vanna Venturi: quan hệ đối xứng chuyển thành quan hệ cân bằng do cách thức của cửa sổ.

1. OLIVETTI TRAINING SCHOOL
JAMES STIRLING
1969
2. OSPEDALE DEGLI INNOCENTI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421-1445
3. SEA RANCH CONDOMINIUM
CHARLES MOORE
1964-1965

4. UNITY TEMPLE
FRANK LLOYD WRIGHT
1906
5. FREDERICK G. ROBIE HOUSE
FRANK LLOYD WRIGHT
1909
6. J. J. GLESSNER HOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1885 - 1887

7. ADULT LEARNING LABORATORY
ROMALDO GIURGOLA
1972
8. SAN GIORGIO MAGGIORE
ANDREA PALLADIO
1560 -1580
9. PETER BRANT HOUSE
ROBERT VENTURI
1973



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

10. CHAPEL AT RONCHAMP
LE CORBUSIER
1950-1955

11. FALLINGWATER
FRANK LLOYD WRIGHT
1936

12. LEICESTER ENGINEERING BUILDING
JAMES STIRLING
1959

13. DULWICH GALLERY
JOHN SOANE
1811-1814

14. RIOLA PARISH CENTER
ALVAR AALTO
1970

15. HOTEL GUIMARD
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1770

16. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966

17. SAYNATSALO TOWN HALL
ALVAR AALTO
1950-1952

18. AUDITORIUM BUILDING
LOUIS SULLIVAN
1887-1890

19. EASTON NESTON
NICHOLAS HAWKSMOOR
c 1695-1710

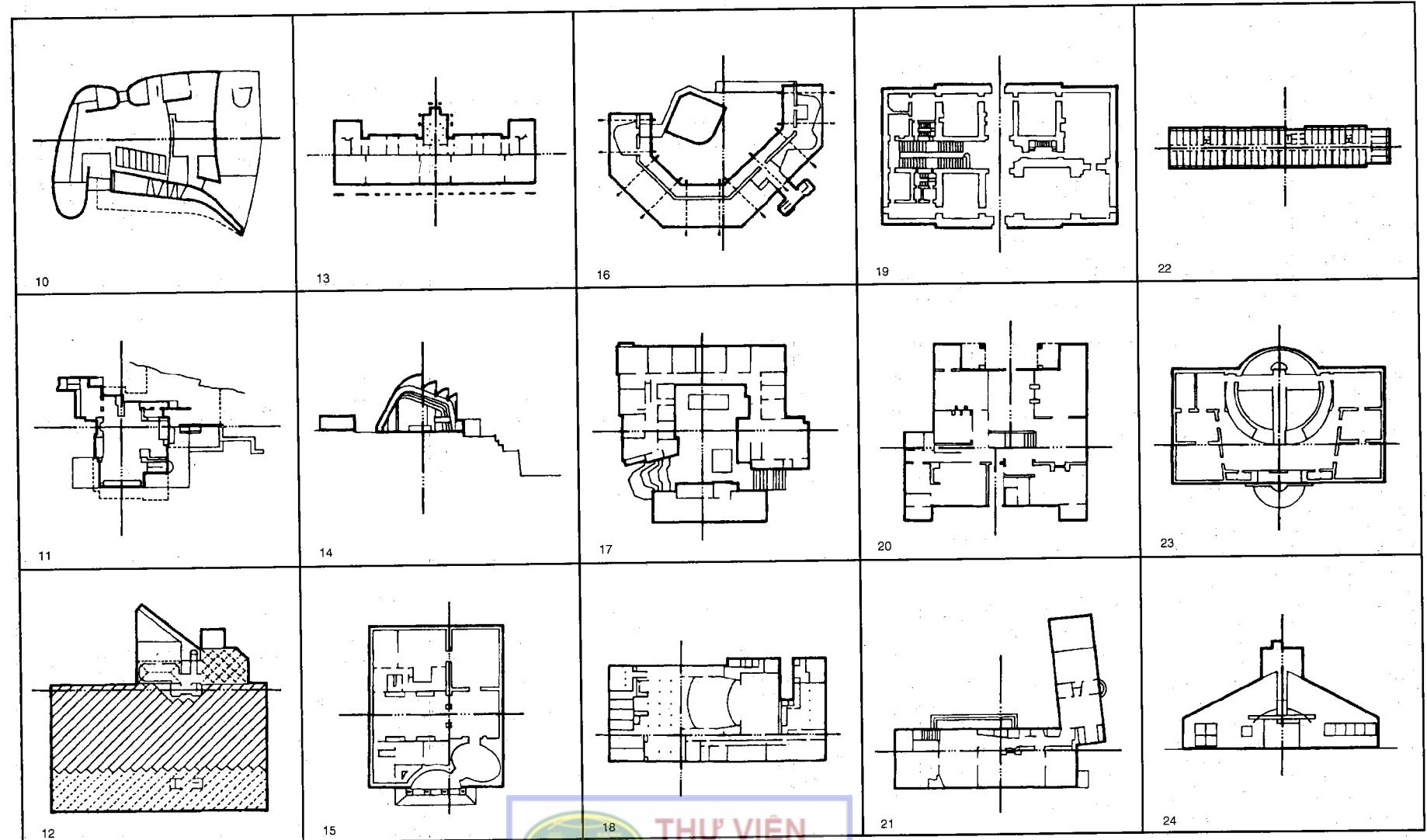
20. HOMEWOOD
EDWIN LUTYENS
1901

21. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918

22. UNITE D'HABITATION
LE CORBUSIER
1946-1952

23. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921

24. VANNA VENTURI HOUSE
ROBERT VENTURI
1962



CÂN BẰNG HÌNH KỈ HÀ

Trong quan hệ cân bằng hình kỉ hà, cân bằng khối tổ hợp hai bên, ngữ hội hình thể khác nhau.

H.1. Nhà thờ St. Paul: một bức tường phân cách không gian phụ trợ hình chữ nhật với lễ bái đường hình nửa tròn; H.2. Toà nhà Viện y học Oita, H.3. Trung tâm nghệ thuật Paul Mellon: những hình kỉ hà đơn giản khác nhau cân bằng với nhau; H.4. Đài thiên văn Berlin, H.5. Nhà thờ Redentore: một khối đơn, phân cắt thành nhiều mảng hình thể cân bằng với một tập hợp hình thể; H.6. Nhà thờ San Marta: tổ hợp hai hình tròn biểu hiện bằng phương thức khác nhau; H.7. Nhà thờ Vouksenniska: hai loại hình thể ngữ hội khác nhau liên kết trên một thông đạo chủ yếu, tạo cảm giác vươn xa; H.8. Trung tâm văn hoá Wolfsburg: cấu thành từ sự khác nhau của ngữ hội hình thể, tạo cảm giác vươn xa; H.9. Thư viện công cộng Tredyffrin: hình kỉ hà cùng tròn cân bằng với nét thẳng ở phía đối; H.10. Công trình Domus Aurea: hình kỉ hà khác nhau, cân bằng 2 phía trục vuông góc; H.11. Nhà thờ S. Maria: trục cân bằng hình thành từ hình kỉ hà và với phương vị khác nhau; H.12. Ý đồ kiến trúc của KTS. Donato Bramante: sử dụng hai hình kỉ hà hoàn chỉnh, hoàn toàn khác nhau để thuyết minh bản chất của khái niệm cân bằng.

1. ST. PAUL'S CHURCH
LOUIS SULLIVAN
1910-1914

2. ANNEX TO OITA MEDICAL HALL
ARATA ISOZAKI
1970-1972

3. PAUL MELLON ARTS CENTER
I. M. PEI
1970-1973

4. OBSERVATORY IN BERLIN
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1835

5. REDENTORE CHURCH
ANDREA PALLADIO
1576-1591

6. SAN MARTA CHURCH
COSTANZO MICELA
1746

7. VOUKSENNISKA CHURCH, IMATRA
ALVAR AALTO
1950-1952

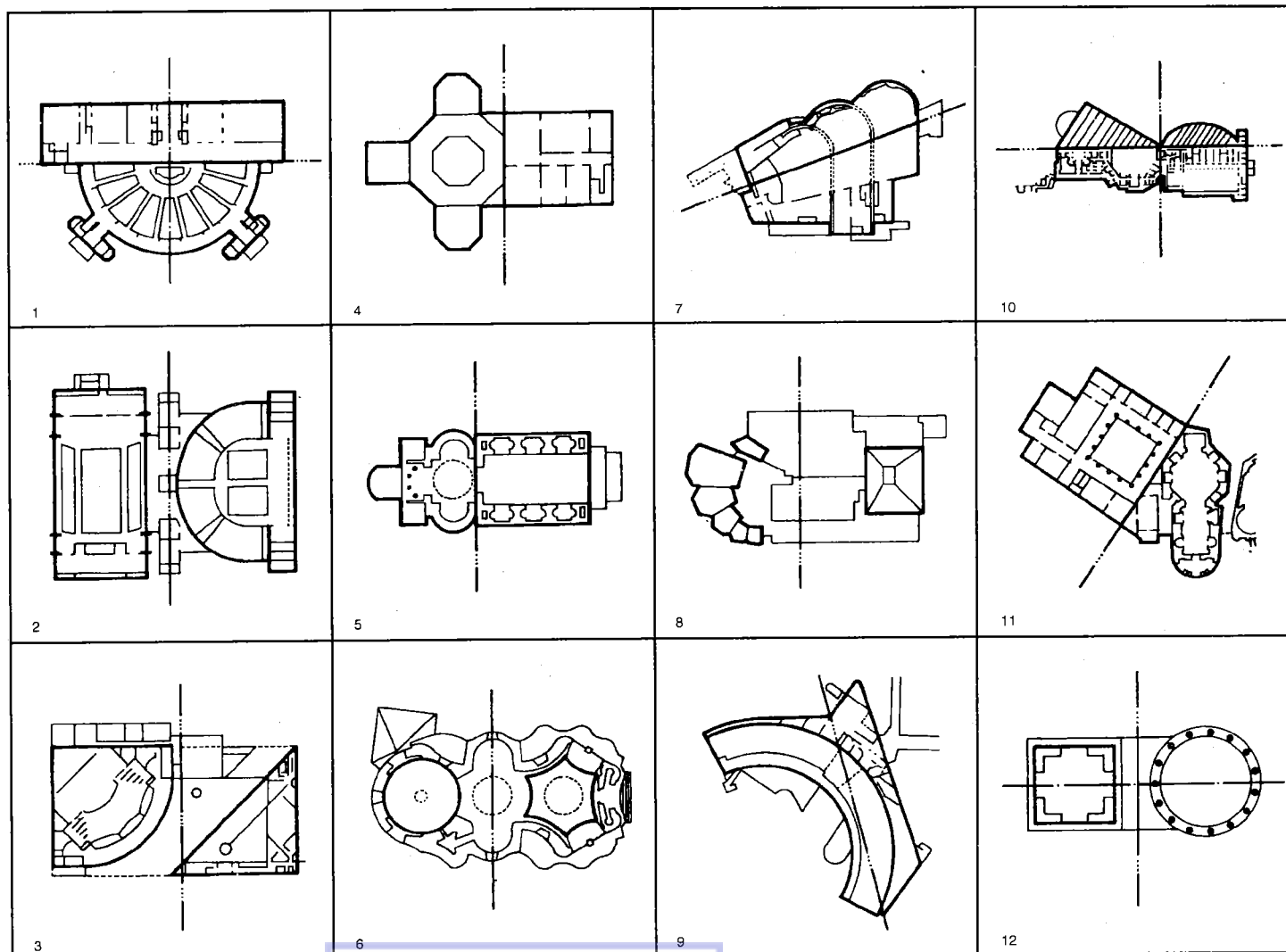
8. WOLFSBURG CULTURAL CENTER
ALVAR AALTO
1958-1962

9. TREDYFFRIN PUBLIC LIBRARY
ROMALDO GIURGOLA
1976

10. DOMUS AUREA
SEVERUS AND CELER
c. 64

11. S. MARIA DELLA PACE
DONATO BRAMANTE
1478-1483

12. ARCHITECTURAL SETTING
DONATO BRAMANTE
1473



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CÂN BẰNG THỰC VÀ ẢO

Trong quan hệ cân bằng thực và ảo, sự đẳng lượng giữa các thành tố tổ hợp, chẳng qua là sự khác nhau về phương thức biểu hiện (như thực và không).

H.1. Nhà ở Smith: diện tích không gian ở khép kín cân bằng với diện tích công cộng khai mở; H.2. Trung tâm âm nhạc Lang: hai không gian sử dụng chủ yếu: một lễ đường bao bọc và một đại sảnh khai mở; H.3. Trung tâm văn hoá Wolfsburg: một bên là sự cân bằng hình dạng khác nhau, còn bên kia là sự cân bằng giữa không gian đặc thù cực lớn với khối phòng ốc; H.4. Nhà ở Hanselmann, H.6. Lễ bái đường Woodland, H.7. Nhà ở Crooks: kiến trúc là hình thể thực, còn lối vào, sảnh là phương thức biểu hiện ảo; H.5. Trung tâm năng lượng: cũng tương tự như trên, kiến trúc là thực còn công viên lân cận là ảo; H.8. Tòa nhà Quỹ tài trợ Ford: phòng sưởi bằng kính trong phòng là ảo, còn văn phòng là thực; H.9. Biệt thự Savoye: sự khác biệt giữa diện tích cư trú trong và ngoài xác định trục cân bằng thực và ảo.

1. SMITH HOUSE
RICHARD MEIER
1965-1967

2. LANG MUSIC BUILDING
ROMALDO GIURGOLA
1973

3. WOLFSBURG CULTURAL CENTER
ALVARO AALTO
1958-1962

4. HANSELMANN HOUSE
MICHAEL GRAVES
1967

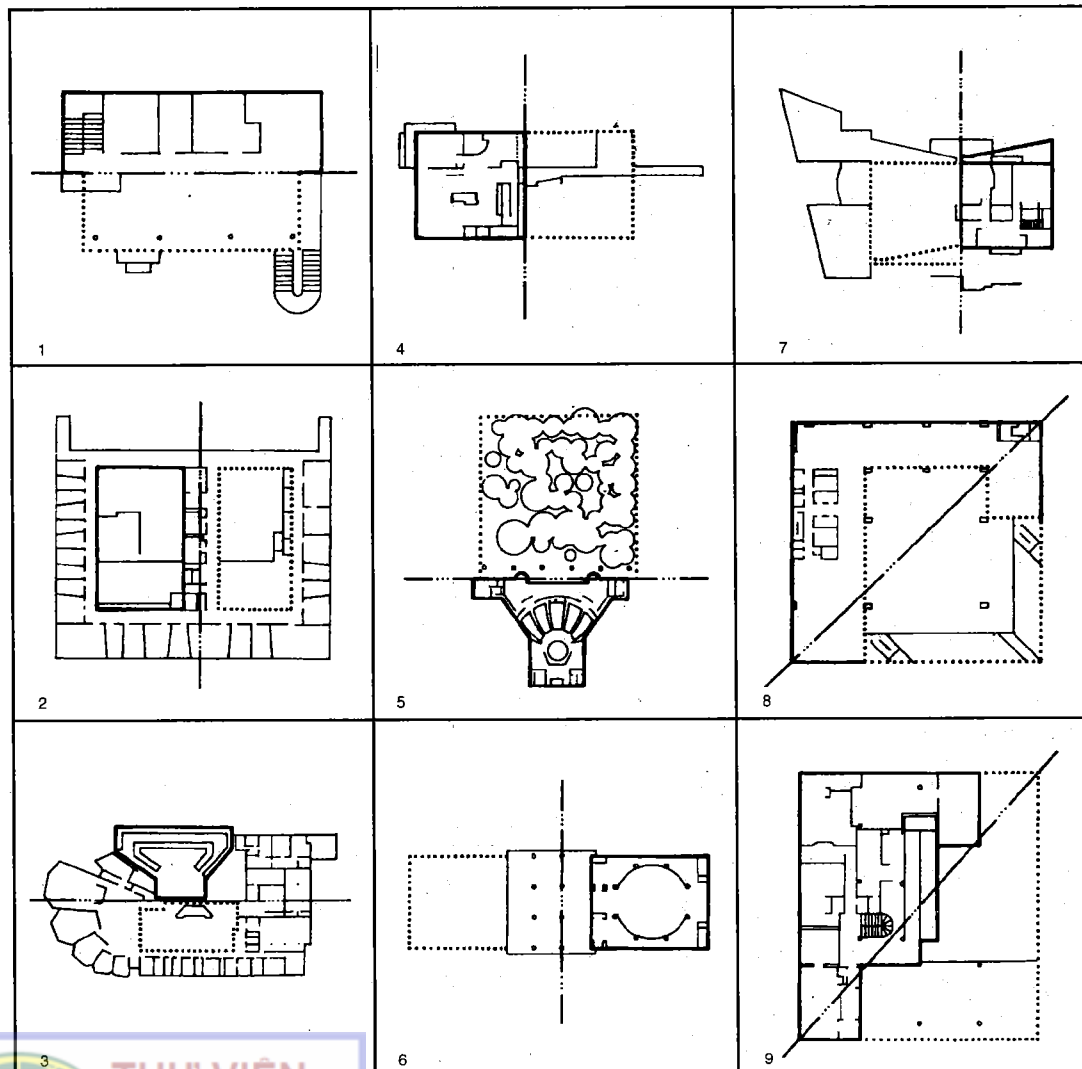
5. POWER CENTER
ROCHE-DINKELOO
1965-1971

6. WOODLAND CHAPEL
ERIK GUNNAR ASPLUND
1918-1920

7. CROOKS HOUSE
MICHAEL GRAVES
1976

8. THE FORD FOUNDATION BUILDING
ROCHE-DINKELOO
1963-1968

9. VILLA SAVOYE
LE CORBUSIER
1928-1931



HÌNH KỈ HÀ

Tổ hợp hình kỉ hà là một phương thức cấu tứ hình thể, tức là vận dụng khái niệm kỉ hà học mặt bằng và lập thể để xác định hình thể kiến trúc. Ngoài những hình kỉ hà cơ bản, còn có thể tổ hợp các hình kỉ hà đơn giản, tăng và giảm, diễn biến, thu nhỏ, lưới ô.

HÌNH KỈ HÀ CƠ BẢN

Hình kỉ hà cơ bản nhất xác định hình thể kiến trúc là hình vuông.

H.1. Nhà ở Moore, H.2. Nhà ở Carll Tucker III, H.3. Nhà ở Rufer, H.4. Nhà thờ St. Eligio Degli Orefici, H.5. Nhà thờ St. Mary Woolnoth, H.6. Biệt thự Savoye, H.7. Dinh thự ở Riva San Vitale, H.8. Thư viện công cộng Boston, H.9. Nhà trưng bày mỹ thuật quốc gia: hình thể kiến trúc là hình vuông; Hình thể kiến trúc là hình tròn: H.10. Miếu tròn, H.11. Nhà thờ nhỏ Kresge, H.13. Nhà thờ St. Costanza, H.14. Toà nhà tròn - Đại học Virginia, H.15. Miếu thần Pantheon: hình thể kiến trúc là hình tròn; H.12. Nhà ở Melnikov: hình thể kiến trúc là tổ hợp hai hình tròn; Hình thể kiến trúc là hình tam giác: H.16. Cầu lạc bộ Rusakov, H.17. Toà nhà Arena, H.18. Nhà thờ và trung tâm giáo xứ Hyvinkaa: hình thể kiến trúc là hình tam giác; Hình thể kiến trúc là hình 6 cạnh: H.19. Nhà thờ Cơ đốc Bắc, H.20. Nhà thờ Negev Synagogue, H.21. Nhà thờ nhỏ Pfeiffer: hình thể kiến trúc là hình 6 cạnh; H.22. Nhà thờ Tin lành chính thống, H.23. Ngôi nhà Poplar Forest, H.24. Nhà thờ San Maria: hình thể kiến trúc phát triển từ hình 8 cạnh.

1. MOORE HOUSE
CHARLES MOORE
1962

2. CARLL TUCKER III HOUSE
ROBERT VENTURI
1962

3. RUFER HOUSE
ADOLF LOOS
1922

4. ST. ELIGIO DEGLI OREFICI
RAPHAEL
1509

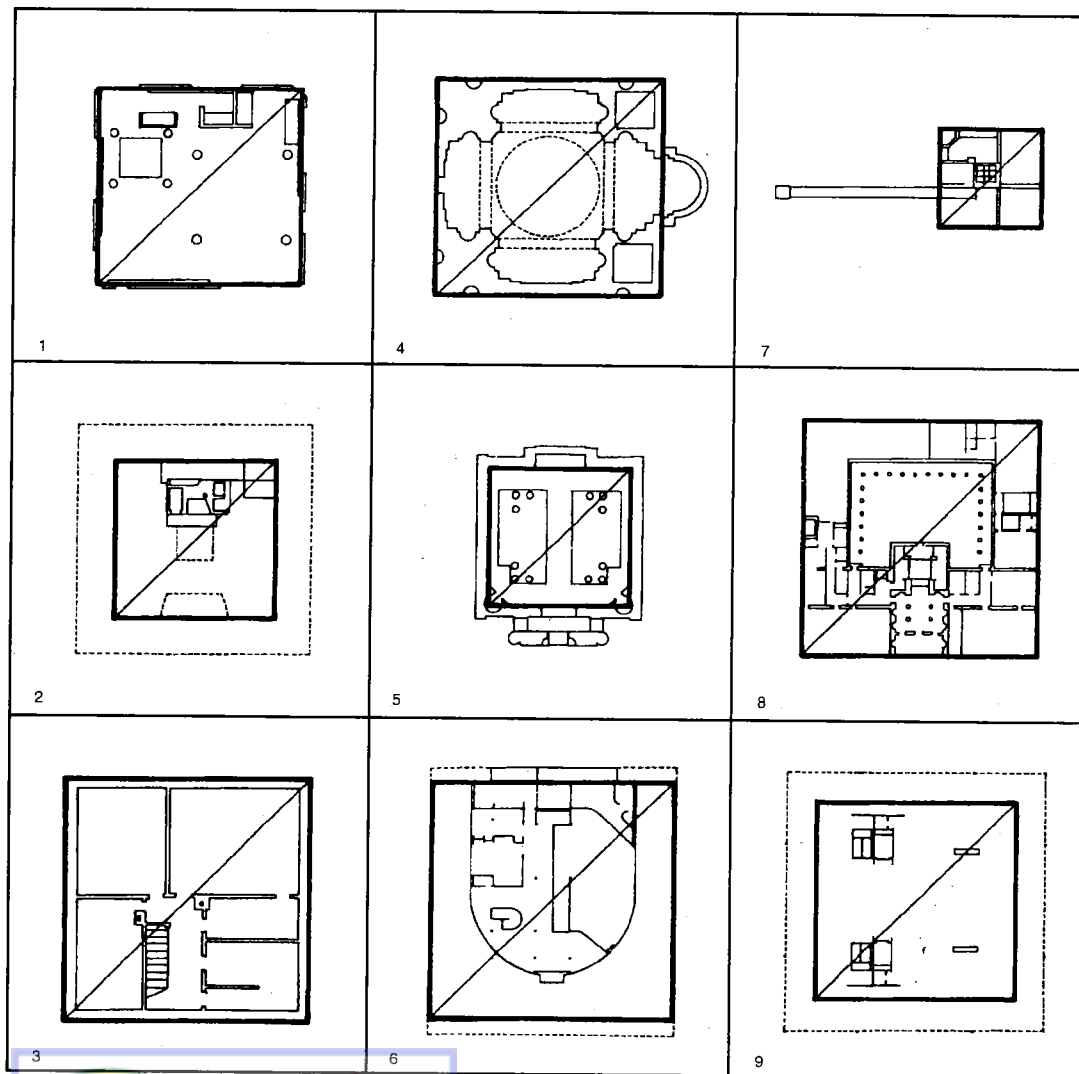
5. ST. MARY WOOLNETH
NICHOLAS HAWKSMOORE
1716-1724

6. VILLA SAVOYE
LE CORBUSIER
1928-1931

7. RESIDENCE IN RIVA SAN VITALE
MARIO BOTTA
1972-1973

8. BOSTON PUBLIC LIBRARY
McKIM, MEAD, AND WHITE
1898

9. NEW NATIONAL GALLERY
LUDWIG MIES VAN DER ROHE
1968



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

10. THOLOS
POLYKLEITOS THE YOUNGER
c. 365 B.C.

11. KRESGE CHAPEL
EERO SAARINEN
1955

12. MELNIKOV HOUSE
KONSTANTIN MELNIKOV
1927

13. ST. COSTANZA
ARCHITECT UNKNOWN
c. 350

14. UNIVERSITY OF VIRGINIA ROTUNDA
THOMAS JEFFERSON
1826

15. PANTHEON
ARCHITECT UNKNOWN
c. 100

16. RUSAKOV CLUB
KONSTANTIN MELNIKOV
1927

17. ARENA BUILDING
LARS SONCK
1923

18. CHURCH AND CENTER IN HYVINKAA
AARNO RUUSUVUORI
1959-1961

19. NORTH CHRISTIAN CHURCH
EERO SAARINEN
1959-1963

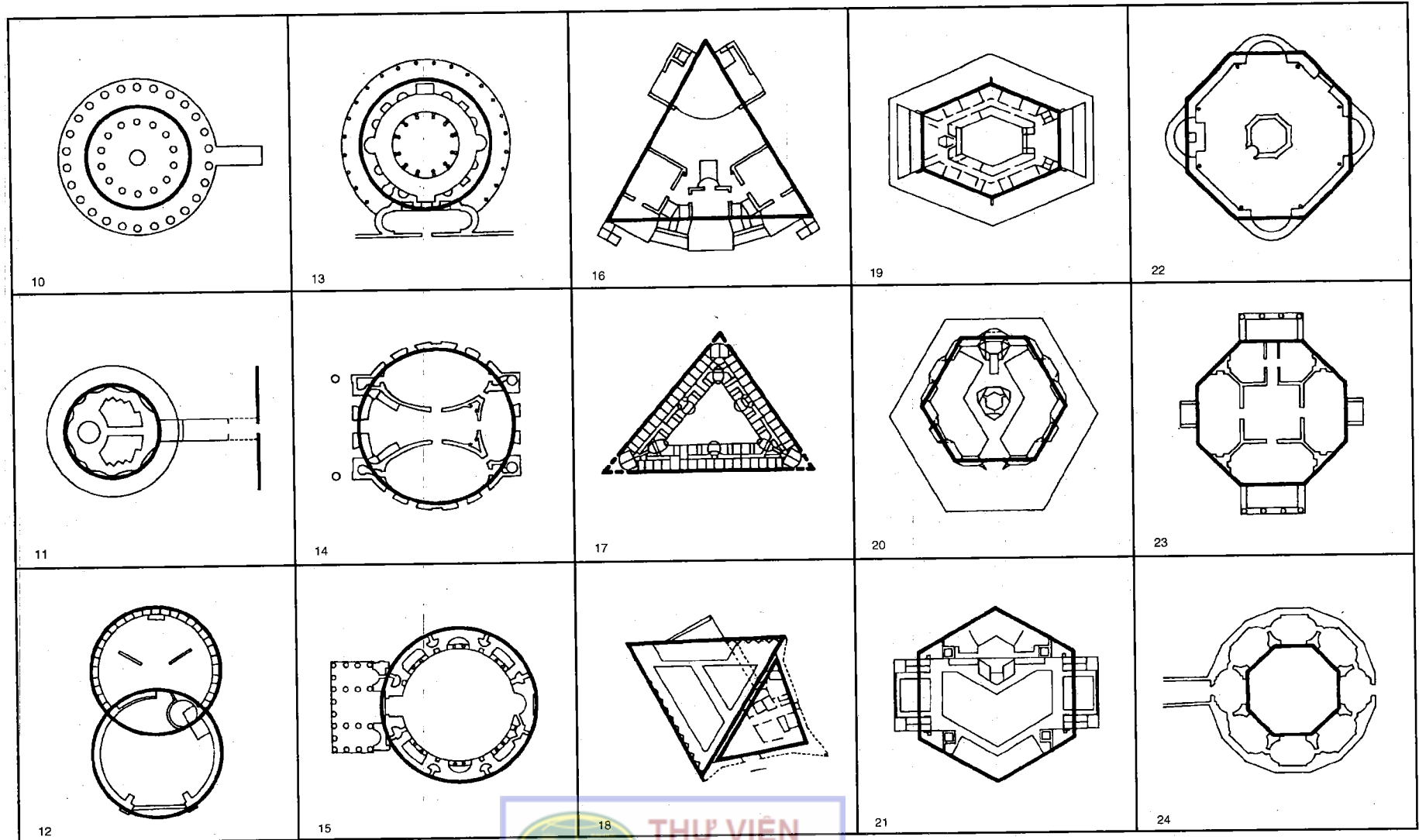
20. NEGEV SYNAGOGUE
SVI HECKER
1967-1969

21. PFEIFFER CHAPEL
FRANK LLOYD WRIGHT
1938

22. BAPTISTRY OF THE ORTHODOX
ARCHITECT UNKNOWN
c. 425

23. POPLAR FOREST
THOMAS JEFFERSON
c. 1806

24. SAN MARIA DEGLI ANGELI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434



HÌNH TRÒN VÀ HÌNH VUÔNG

H.1. Biệt thự mái Tròn, H.2. Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo, H.3. Nhà thờ San Pietro, H.4. Toà nhà Đại học Johns Hopkins: trong những phương thức tổ hợp này, hình tròn và hình vuông đều có hình dáng hoàn chỉnh, nhận dạng dễ dàng và cùng có một trung tâm; H.6. Lễ bái đường Woodland: bao hàm một hình tròn hoàn chỉnh; H.5. Thư viện công cộng Stockholm: bao hàm một hình vuông âm thị khá rõ ràng và một hình tròn hoàn chỉnh; H.7. Cung vua Charles V: hình tròn là một đại sảnh; H.8. Lăng mộ Caecilia Metella: nhân trong là một hình tròn; H.9. Thư viện Exeter: lỗ cửa hình tròn trên mặt đứng; H.10. Nhà thờ St. Peter, H.11. Toà nhà hải quan Hợp chủng quốc Hoa Kỳ: hình vuông bao

hàm trong một hình thể lớn hơn; H.12. Nhà thờ lớn Thánh Mary: hình vuông tiếp cạnh với hình tròn; H.13. Viện bảo tàng nghệ thuật Dusseldorf: gồm hai hình vuông và hai hình tròn; H.14. Nhà triển lãm Arnheim, H.15. Khách sạn hội nghị: hình tròn bao hàm trong hình vuông; H.16. Tổng bộ kỹ sư đoàn Columbus: 4 hình tròn ở 4 góc hình vuông; H.17. Khách sạn Montmorency: hình vuông bao hàm một hình tròn và một hình tròn biến hình; H.18. Cung Olympic, H.19. Lăng mộ ở Tarquinia: hình tròn bao hàm một hình vuông; H.20. Xưởng thiết kế của Aalto: trong hình vuông, hình tròn hình thành do sự di động vị trí cung tròn; H.21. Nhà thờ nhỏ Sforza: một hình tròn ẩn bao hàm 1 hình vuông; Hình 22. Nhà thờ Cathedral, H.23. Nhà ở Carl Tucker III, H.24. Nhà ở Vanna Venturi: là tổ hợp của hình tròn, hình vuông và hình tam giác.

1. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571

2. OLD SACRISTY
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421-1440

3. TEMPIETTO OF SAN PIETRO
DONATO BRAMANTE
1502

4. JOHNS HOPKINS UNIVERSITY HALL
JOHN RUSSELL POPE
c. 1930

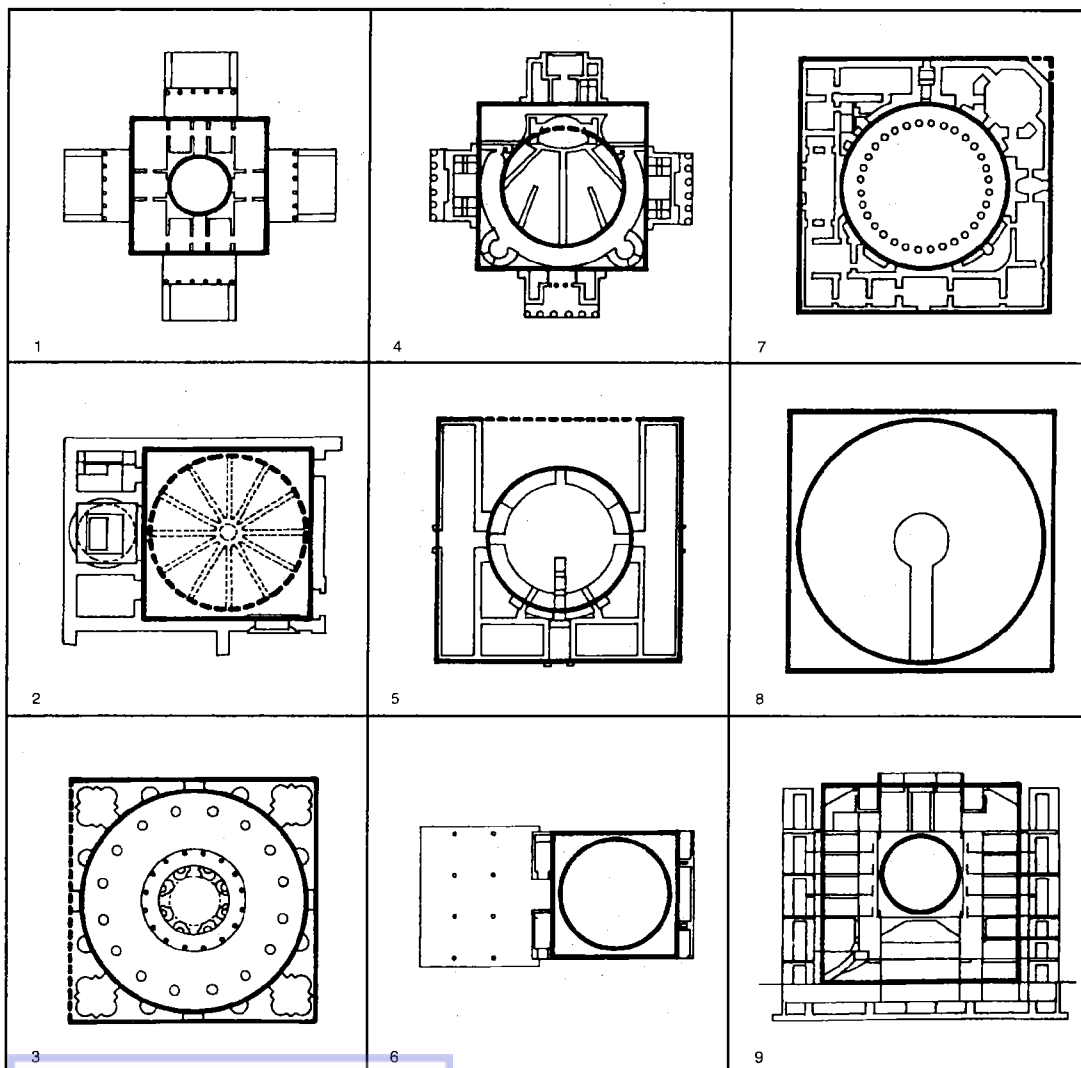
5. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928

6. WOODLAND CHAPEL
ERIK GUNNAR ASPLUND
1918-1920

7. PALACE OF CHARLES V
PEDRO MACHUCA
1527

8. TOMB OF CAECILIA METELLA
ARCHITECT UNKNOWN
c. 25 B.C.

9. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

10. ST. PETER'S
MICHELANGELO
1506-1626

11. UNITED STATES CUSTOMSHOUSE
TOWN AND DAVIS
1833-1842

12. ST. MARY'S CATHEDRAL
BENJAMIN HENRY LATROBE
1814-1818

13. DUSSELDORF MUSEUM OF ART
JAMES STIRLING
1980

14. PAVILION IN ARNHEIM
ALDO VAN EYCK
1966

15. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963

16. KNIGHTS OF COLUMBUS BUILDING
ROCHE-DINKELOO
1965-1969

17. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769

18. OLYMPIC ARENA
KENZO TANGE
1961-1964

19. TOMB AT TARQUINIA
ARCHITECT UNKNOWN
c. 600 B.C.

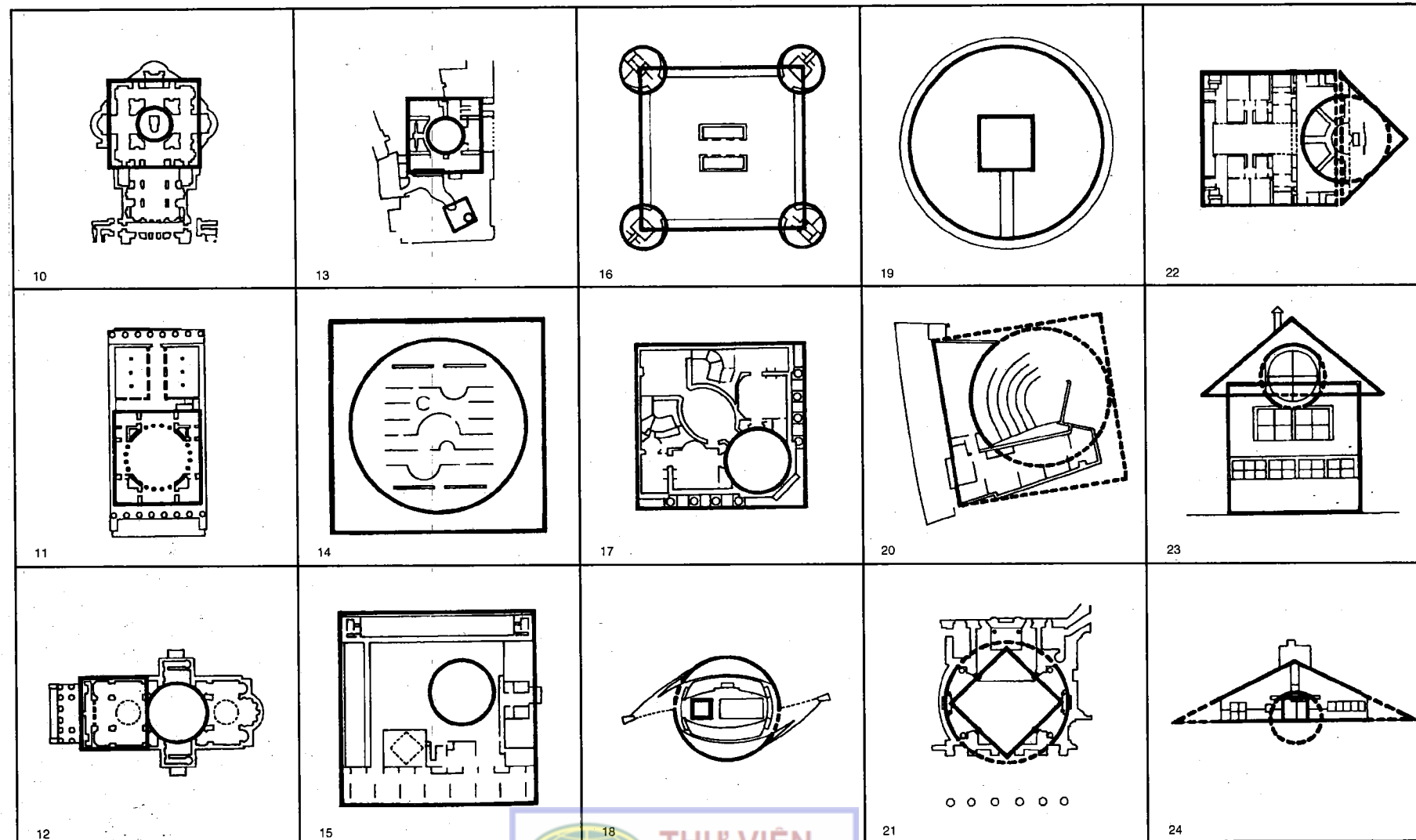
20. AALTO STUDIO HOUSE
ALVAR AALTO
1955

21. SFORZA CHAPEL
MICHELANGELO
c. 1558

22. CATHEDRAL
EDWARD LARABEE BARNES
1977

23. CARLI, TUCKER III HOUSE
ROBERT VENTURI
1975

24. VANNA VENTURI HOUSE
ROBERT VENTURI
1962



TRÙNG HỢP HÌNH CHỮ NHẬT VÀ HÌNH TRÒN

Hình chữ nhật trùng hợp với một hình tròn khá nhỏ là một phương thức cụ thể về tổ hợp hình kị hà.

H.1. Toà án Lister, H.2. Nhà của người bảo vệ công viên, H.3. Sông bạc ở Rome, H.4. Nhà tắm nước nóng Caracalla, H.5. Nhà ở James Swan: đều gắn một nửa không gian sử dụng chủ yếu hình tròn ở giữa cạnh dài của hình chữ nhật; H.6. Dinh thự Massagno: cũng tương tự, hình tròn là cầu thang khá nhỏ; H.7. Lâu đài Castlegar: hình chữ nhật trùng hợp với hình quả trứng ở giữa cạnh dài; H.8. Toà nhà Tendering: hình chữ nhật trùng hợp với một hình tròn và một hình quả trứng; H.9. Toà nhà Austin: hai hình tròn trùng hợp trên cạnh dài, cạnh đối diện ở cửa vào trùng hợp một hình tròn nhỏ; H.10. Nhà ở F.I. Higginson: hai hình tròn trùng hợp ở hai góc đối như là ám thị đường chéo của hình chữ nhật; H.11. Đài thiên văn Tateshina: hai hình tròn xuất hiện cùng một phía; H.12. Nhà thờ Wheels: bốn hình tròn lớn nhỏ trùng hợp đối góc hình chữ nhật; H.13. Lâu đài Rait, H.14. Lâu đài Pitfichie: hình tròn trùng hợp ở một góc của hình chữ nhật; H.15. Lâu đài Chambord: tất cả các góc đều trùng hợp hình tròn.

1. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921

2. GREEN PARK RANGER'S HOUSE
ROBERT ADAMS
1768

3. CASINO IN ROME
WILLIAM CHAMBERS
1754

4. THERMAE OF CARACALLA
ARCHITECT UNKNOWN
212-216

5. JAMES SWAN HOUSE
CHARLES BULFINCH
1796

6. RESIDENCE IN MASSAGNO
MARIO BOTTA
1979

7. CASTLEGAR
RICHARD MORRISON
1807

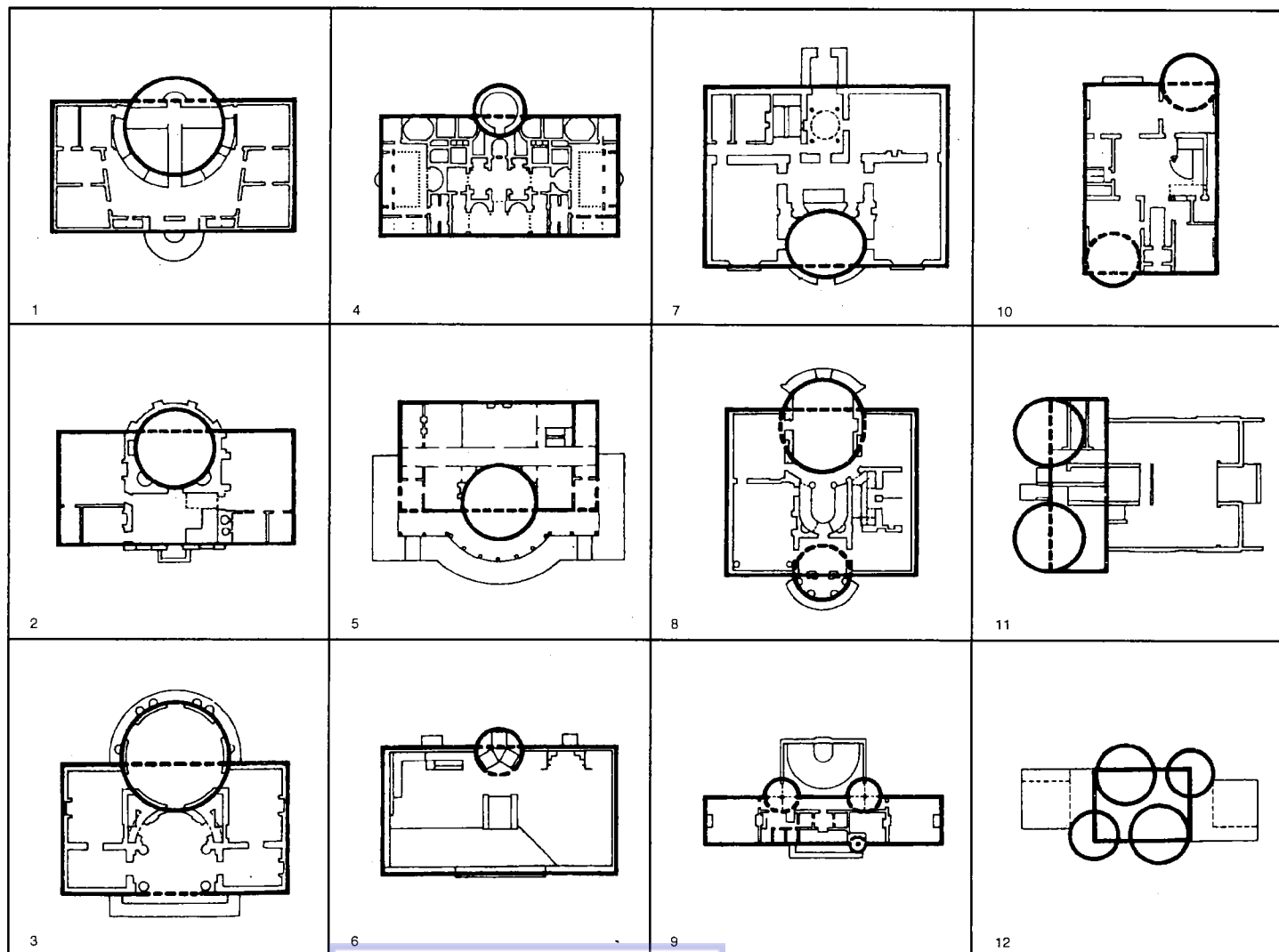
8. TENDERING HALL
JOHN SOANE
1784-1790

9. AUSTIN HALL
HENRY HOBSON RICHARDSON
1881-1884

10. F. L. HIGGINSON HOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1881-1883

11. TATESHINA PLANETARIUM
KISHO KUROKAWA
1976

12. WHEELS OF HEAVEN CHURCH
ALDO VAN EYCK
1966



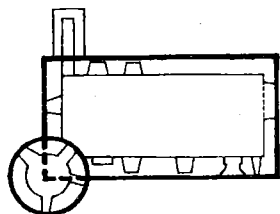
THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

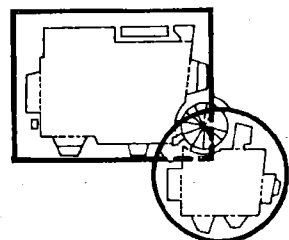
13. RAIT CASTLE
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1300

14. PITFICHE CASTLE
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1550

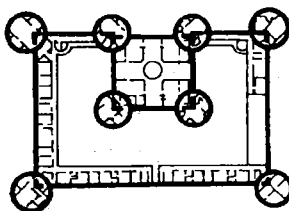
15. CHATEAU DE CHAMBORD
DOMENICA DA CORTONA
1519-1547



13



14



15

HAI HÌNH VUÔNG

H.1. Toà nhà Sever, H.2. Nhà thờ Christ, H.3. Nhà ở Vanna Venturi: đều tổ hợp từ hai hình vuông tiếp cận; H.4. Nhà ở Peter Brant: tổ hợp hai hình vuông ngoại tiếp nửa vòng tròn, hai hình vuông này đồng thời xác định biên của toàn mặt bằng; H.5. Lâu đài Easton Neston: trùng hợp hai hình vuông hình thành một không gian cộng đồng là đại sảnh ở giữa; H.6. Toà án Allegheny: bố trí lầu tháp tại không gian trùng hợp; H.7. Biệt thự Trissino, H.8. Toà nhà Drayton: đều trùng hợp hai hình vuông, xác định không gian sử dụng trung ương và lối vào; H.9. Cung Farnese: hai hình vuông tiếp cận xác định ranh giới của diện đứng chính.

1. SEVER HALL
HENRY HOBSON RICHARDSON
1878-1880

2. CHRIST CHURCH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1715-1729

3. VANNA VENTURI HOUSE
ROBERT VENTURI
1962

4. PETER BRANT HOUSE
ROBERT VENTURI
1973

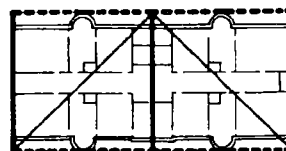
5. EASTON NESTON
NICHOLAS HAWKSMOOR
c. 1695-1710

6. ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1883-1888

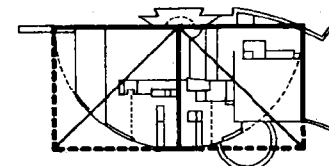
7. VILLA TRISSINO
ANDREA PALLADIO
1576

8. DRAYTON HALL
ARCHITECT UNKNOWN
1738-1742

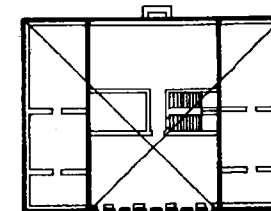
9. FARNESE PALACE
ANTONIO DA SANGALLO
1534



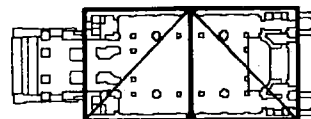
1



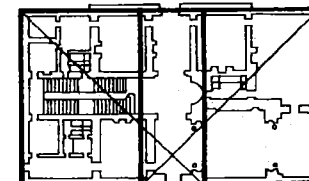
4



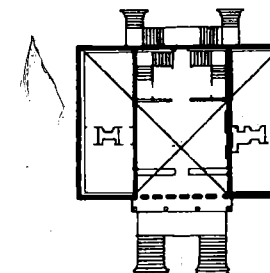
7



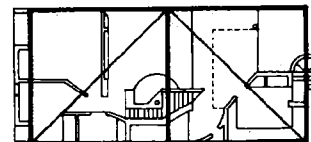
2



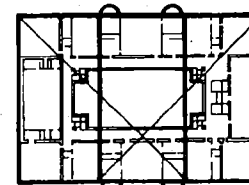
5



8



3



6



9



TRẬN ĐỒ 9 HÌNH VUÔNG

Tổ hợp ba hàng, ba dãy hình vuông tiếp diện sẽ hình thành trận đồ 9 hình vuông, là một hình vuông lớn hơn. Đây là hình thể kỉ hà theo phương thức kinh điển. Tổ hợp khối vuông 3×3 gọi là trận đồ 9 hình vuông, dù rằng, trong đó các khối thành tố không nhất định là hình vuông.

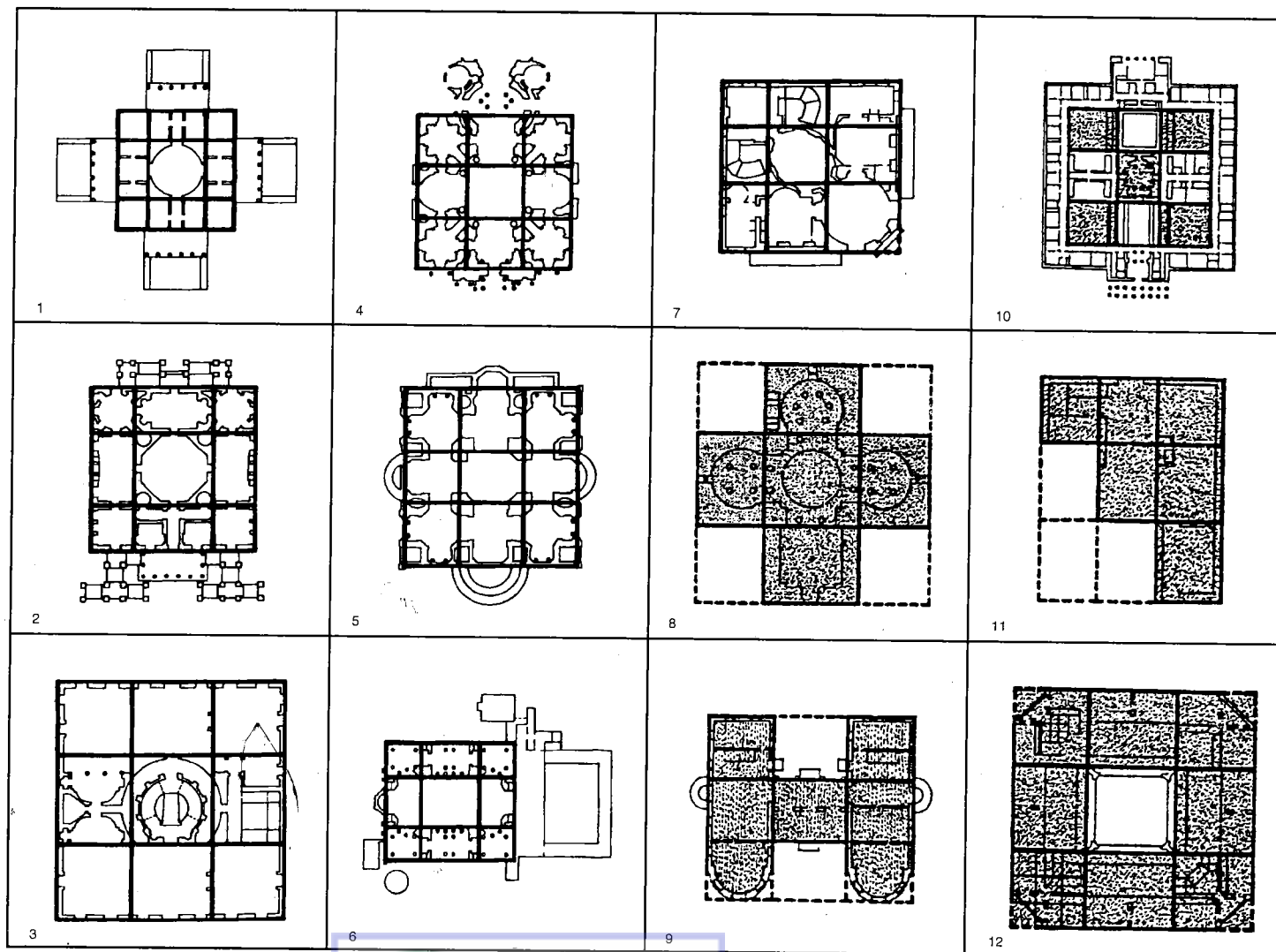
H.1. Biệt thự mái Tròn, H.2. Nhà ở Chiswick, H.3. Nhà ở York, H.4. Nhà thờ St. Louis Des Invalides, H.5. Nhà thờ Thánh Maria Di Carignano: đều là những thí dụ về hình thể theo phương thức kinh điển này; H.6. Nhà thờ Thánh Sophia, H.7. Khách sạn Montmorency: đều tổ hợp theo trận đồ 9 hình chữ nhật. Trong bố cục 9 ô, chọn ra một số bộ phận và tổ hợp lại, có thể sáng tạo được những hình thức đặc biệt: H.8. Nhà thờ San Frutuoso De Montelios: lấy ra 4 khối góc, còn lại hình chữ "+"; H.9. Toà nhà hội nghị Williamsburg: lấy ra khối biên ở giữa, sẽ còn lại hình chữ "H"; H.10. Toà án tối cao Hợp chủng quốc Hoa Kỳ: khối trung tâm và một số phòng lớn liên tiếp cấu thành hình chữ "X"; H.11. Nhà nghỉ cuối tuần: triển khai hình dật cấp; H.12. Thư viện Exeter: hình thành không gian trống hình vuông ở giữa.

1. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571
2. CHISWICK HOUSE
LORD BURLINGTON
1729
3. YORK HOUSE
WILLIAM CHAMBERS
1759

4. ST. LOUIS DES INVALIDES
JULES HARDOUIN MANSART
1676
5. SAN MARIA DI CARIGNANO
GALEAZZO ALESSI
1552
6. HAGIA SOPHIA
ANTEMIOUS OF TRALLES
532

7. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769
8. SAN FRUTUOSO DE MONTELIOS
ARCHITECT UNKNOWN
665
9. THE CAPITOL AT WILLIAMSBURG
ARCHITECT UNKNOWN
1701

10. UNITED STATES SUPREME COURT
CASS GILBERT
1935
11. WEEKEND HOUSE
LE CORBUSIER
1935
12. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

BỐN HÌNH VUÔNG

Cấu đồ 4 hình vuông là tổ hợp 2 ô $\times$ 2 ô diện tiếp diện, tạo thành hình kỉ hà một trung tâm.

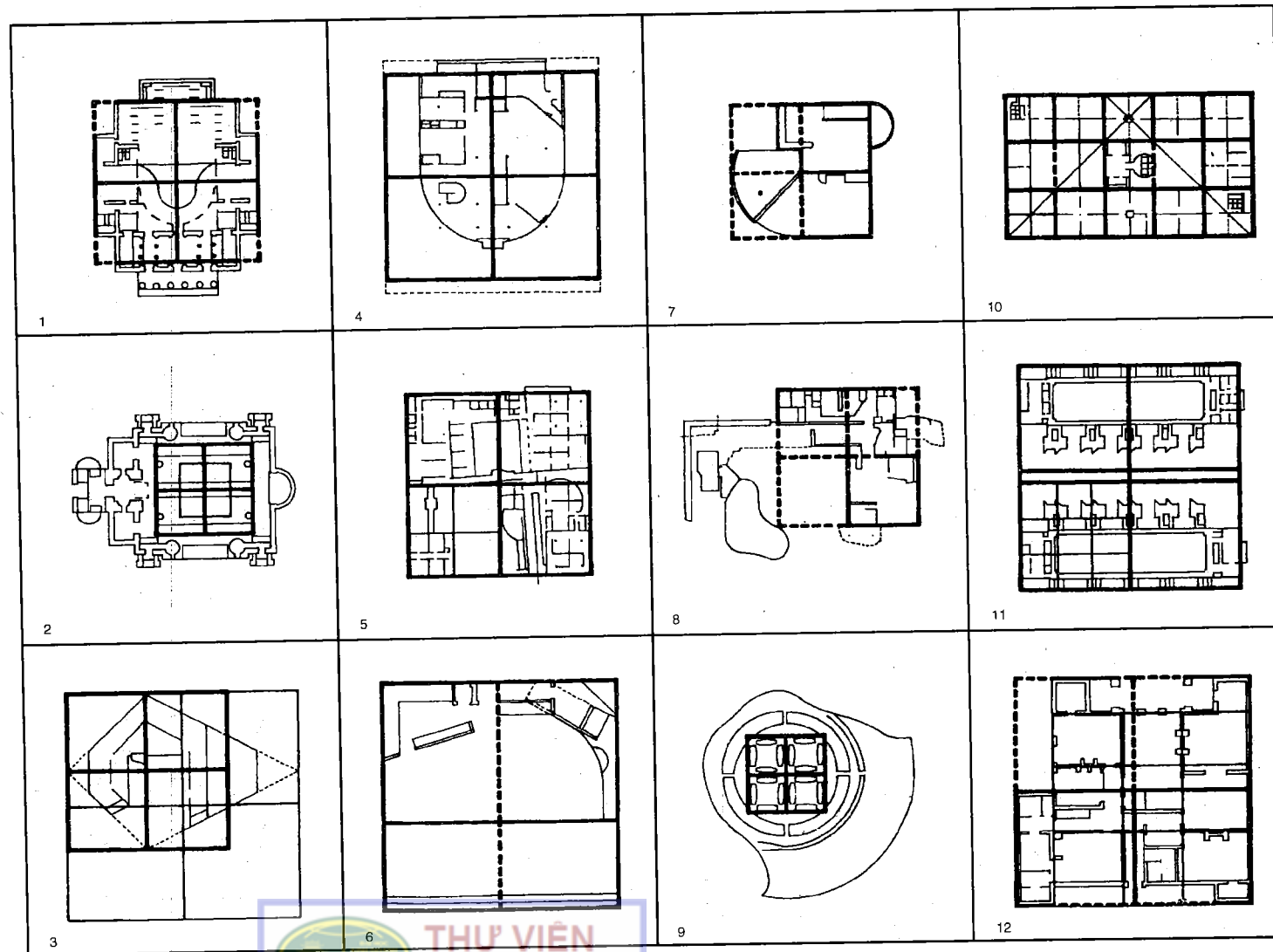
H.9. Pháo đài Viking: là một thí dụ rõ ràng nhất; H.1. Nhà hát Besancon - Pháp, H.4. Biệt thự Savoye: mặt bằng tổng thể là tổ hợp 4 hình vuông; H.2. Nhà thờ St. George: không gian bên trong cũng là tổ hợp 4 hình vuông; H.3. Viện học tập nghiên cứu thực nghiệm vị thành niên, H.5. Bảo tàng nghệ thuật trang sức: cũng sử dụng tổ hợp 4 hình vuông, trong đó kiến trúc nguyên hữu là 1/4 của tổ hợp 4 hình vuông, tổ hợp này xoay trở thành lớn hơn 1/4 của tổ hợp; H.6. Nhà ở Trubek: hai cặp hình vuông khác nhau; H.7. Nhà Elia: hàm ẩn tổ hợp 4 hình vuông, giao tiếp với một tâm xác định; H.8. Biệt thự Mairea: ba hình vuông là hình thể kiến trúc, một hình vuông là hoa viên; H.10. Trung tâm nghệ thuật Vương quốc Anh tại Yale: tổng mặt bằng là tổ hợp 9 và 4 hình vuông, cũng là trùng hợp hai tổ hợp 9 hình vuông trong đó, mỗi một ô lại phân cắt thành 4 hình vuông; H.11. Viện nghiên cứu sinh học - Đại học Salk: ngược lại thí dụ 10; H.12. Ngôi nhà Homewood: trong trận đồ 9 hình vuông chứa tổ hợp 4 hình vuông và chung hai đường biên.

1. THEATER IN BESANCON FRANCE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775
2. ST. GEORGE-IN-THE-EAST
NICHOLAS HAWKSMOOR
1714-1729
3. ADULT LEARNING LABORATORY
ROMALDO GIURGOLA
1972

4. VILLA SAVOYE
LE CORBUSIER
1928-1931
5. MUSEUM OF DECORATIVE ARTS
RICHARD MEIER
1981
6. TRUBEK HOUSE
ROBERT VENTURI
1972

7. ELIA-BASH HOUSE
GWATHMEY-SIEGEL
1971-1973
8. VILLA MAIREA
ALVAR AALTO
1937-1939
9. VIKING FORTRESS
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1000

10. YALE CENTER FOR BRITISH ART
LOUIS I. KAHN
1969-1974
11. SALK INSTITUTE
LOUIS I. KAHN
1959-1965
12. HOMEWOOD
EDWIN LUTYENS
1901



HÌNH CHỮ NHẬT TỶ LỆ CẠNH 1,4 VÀ 1,6

Lấy đường chéo của hình vuông làm bán kính, quay một góc 45° thành cạnh dài của hình chữ nhật 1,4 cạnh ngắn. Lấy đường chéo của nửa hình vuông làm bán kính, quay một góc 45° sẽ tạo thành hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,6.

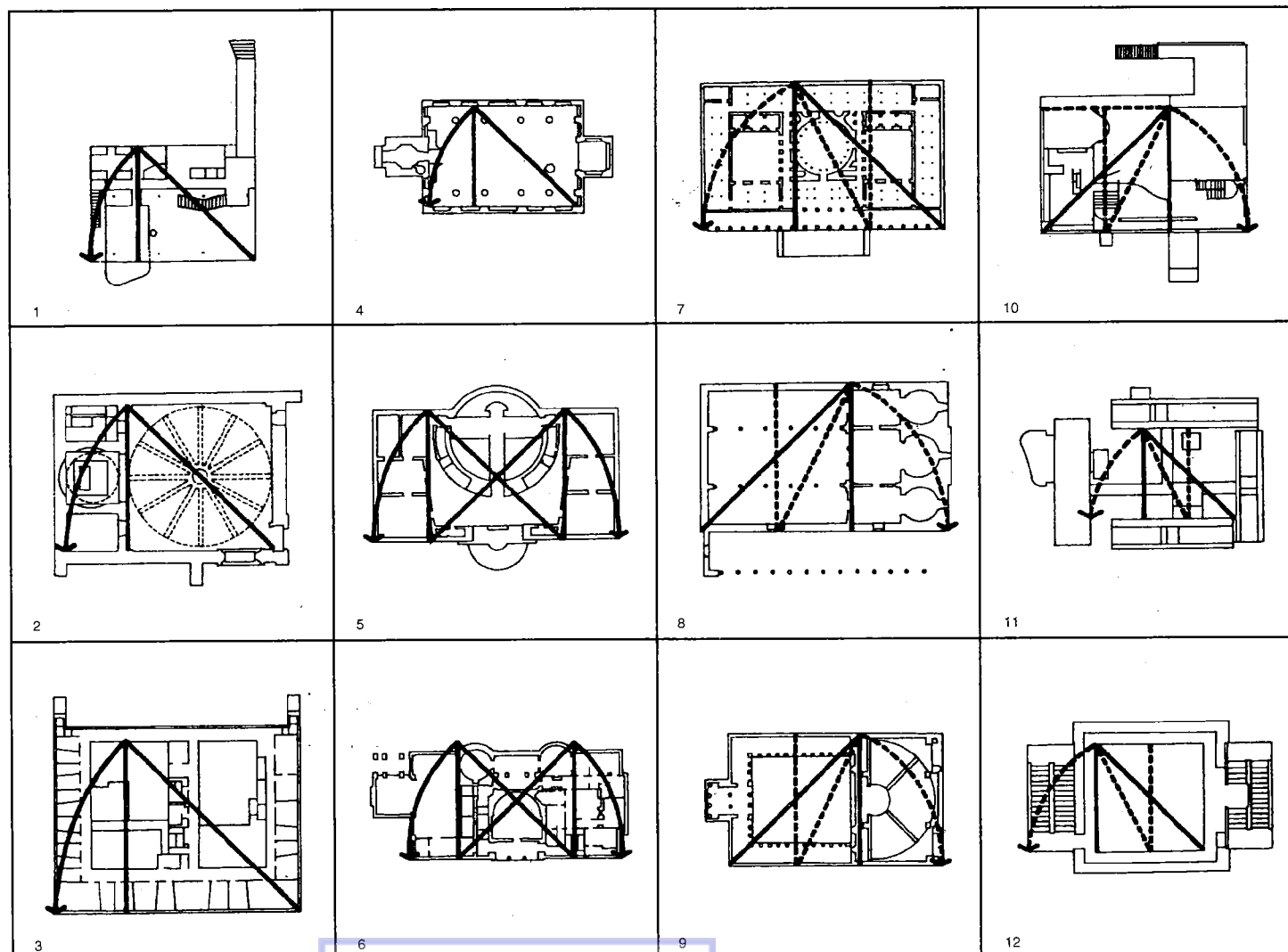
H.1. Dinh thự Shamberg, H.2. Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo, H.3. Trung tâm âm nhạc Lang, H.4. Nhà thờ St. James: tổng mặt bằng đều là hình chữ nhật tỷ lệ 1,4; H.5. Toà án Lister, H.6. Lâu đài Nashdom: mặt bằng hình thành từ phép quay 45°, bán kính quay là 2 đường chéo của hình vuông, đường chéo của nửa hình vuông là bán kính, quay 45° sẽ tạo thành hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,6; H.7. Viện bảo tàng Altes, H.8. Nhà thờ San Miguel, H.9. Toà nhà hội đồng Miletos: tổng mặt bằng đều là hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,6; H.10. Biệt thự Stein: ngoài bộ phận tầng thêm, đều cấu thành trong phạm vi hình chữ nhật; H.11. Tu viện Tourette: sử dụng hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,6 để xác định mặt bằng bên trong tu viện; H.12. Nhà hát Del Mondo: mặt bằng tổ hợp từ 2 hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,4; đồng tâm ở 1 góc hình vuông. Hình vuông lớn hơn xác định hình dạng tổng thể bậc cấp, hình vuông nhỏ hơn là giới hạn biên của khu vực ngồi.

1. SHAMBERG RESIDENCE
RICHARD MEIER
1972-1974
2. OLD SACRISTY
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421-1440
3. LANG MUSIC BUILDING
ROMALDO GIURGOLA
1973

4. ST. JAMES
CHRISTOPHER WREN
1674-1687
5. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921
6. NASHDOM
EDWIN LUTYENS
1905-1909

7. ALTES MUSEUM
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1823-1830
8. SAN MIGUEL
ARCHITECT UNKNOWN
913
9. COUNCIL CHAMBER OF MILETOS
ARCHITECT UNKNOWN
170 B.C.

10. VILLA STEIN
LE CORBUSIER
1927
11. CONVENT OF LA TOURETTE
LE CORBUSIER
1957-1960
12. IL TEATRO DEL MONDO
ALDO ROSSI
1979



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

PHÁT TRIỂN HÌNH KỈ HÀ

Những hình kỉ hà cơ bản, qua tổ hợp, phân cắt, giảm bớt, có thể phát triển đa hình, đa dạng nhiều hình thể khác nhau.

H.1. Nhà ở Snellman: tổ hợp liên tiếp ba hình vuông; H.2. Khách sạn Guimard: tổ hợp hai hình vuông và bốn hình chữ nhật tỷ lệ cạnh 1,4; H.3. Ngôi nhà One-half: tổ hợp nửa hình tròn, nửa hình vuông theo đường chéo và nửa hình vuông cạnh bằng đáy của tam giác; H.4. Nhà thờ New Lutheran, H.5. Nhà ở Herbert Jacobs: tổ hợp từ sự diễn biến cục bộ hai hình tròn đồng tâm; H.6. Nhà thờ Wies Pilgramage: hình thành từ hai vòng tròn khác tâm; H.7. Nhà thờ Orivesi: hình thành từ bộ phận diện tích do hai hình tròn trùng hợp; H.8. Nhà thờ Thánh Carlo: cấu thành từ diễn biến cục bộ 4 hình tròn; H.9. Nhà hát Opera Sydney: sử dụng một loạt những hình thể phức tạp, đều là những mảng cắt từ lớp lớp các khối cầu; H.10. Ngân hàng bưu điện tín dụng, H.11. Viện dưỡng lão, H.12. Lâu đài Hoàng gia: mặt bằng diễn biến từ hình tam giác, hình tam giác của hai thí dụ H.11 và H.12 là ám thị ảo từ các góc của kiến trúc, H.12 còn là tổ hợp 2 hình tam giác.

1. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918

2. HOTEL GUIMARD
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1770

3. ONE-HALF HOUSE
JOHN HEJDUK
1966

4. NEW LUTHERAN CHURCH
ADRIEN DORTSMAN
1668

5. HERBERT JACOBS HOUSE
FRANK LLOYD WRIGHT
1948

6. WIES PILGRAMAGE CHURCH
JOHAN & DOMINIKUS ZIMMERMAN
1754

7. ORIVESI CHURCH
HEKKI SIREN
1961

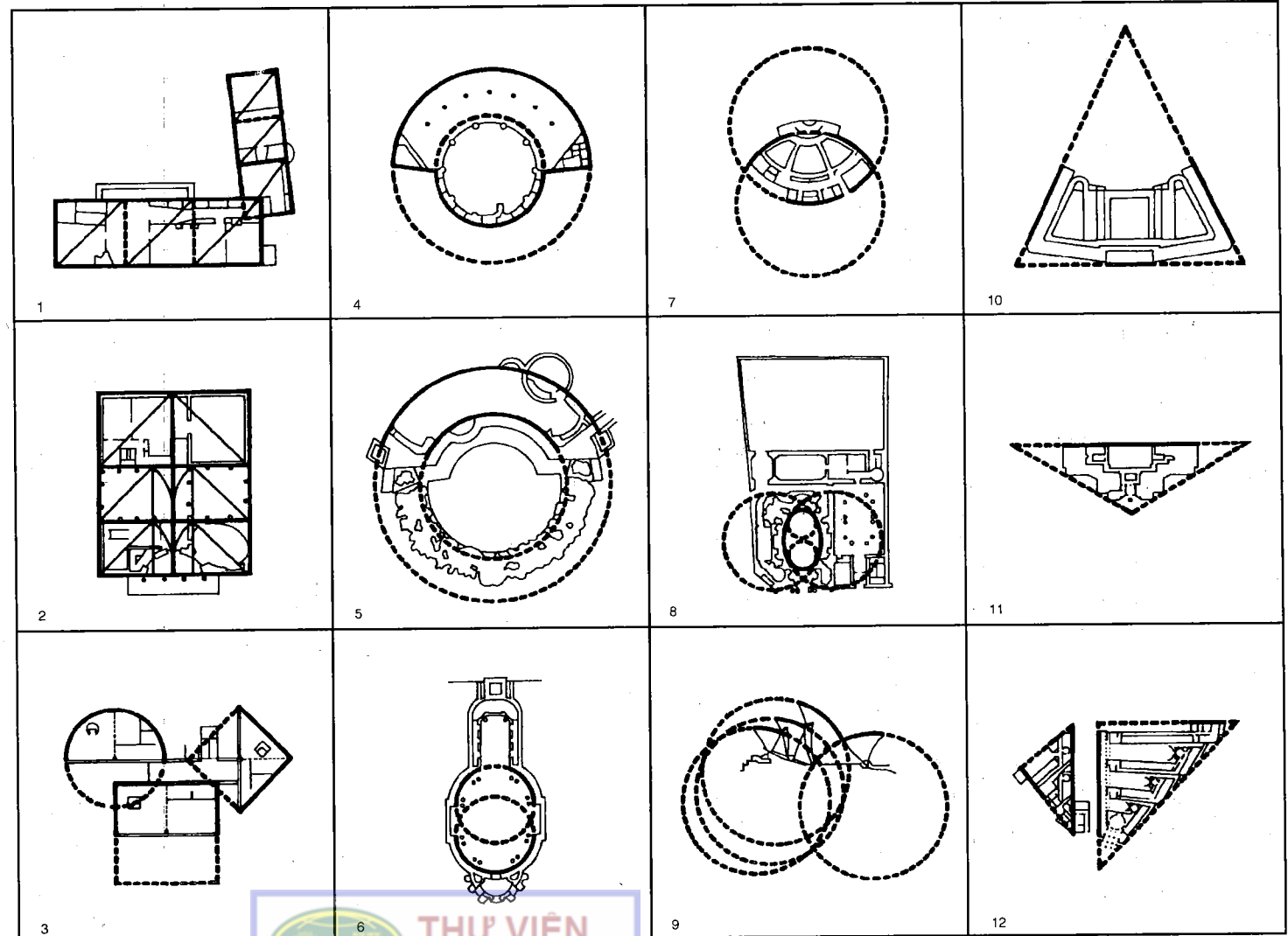
8. SAN CARLO ALLE QUATTRO FONTANE
FRANCESCO BORROMINI
1638 - 1641

9. SYDNEY OPERA HOUSE
JORN UTZON
1957 - 1968

10. POST OFFICE SAVINGS BANK
OTTO WAGNER
1904 - 1906

11. GUILD HOUSE
ROBERT VENTURI
1961

12. ROYAL CHANCELLERY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1922



XOAY, DỊCH CHUYỂN VÀ TRÙNG HỢP

Là những phương thức biểu hiện hình kĩ hà thường áp dụng trong sáng tác kiến trúc.

H.1. Nhà thờ San Maria Degli Angeli: hai hình vuông đồng tâm xoay 45°; H.2. Nhà thờ Thánh Spirito: sử dụng 3 nhóm hình vuông, mỗi nhóm đều là tổ hợp 2 hình vuông xoay; H.3. Trung tâm bảo vệ sức khoẻ chức nghiệp: tổ hợp 2 hình vuông khác nhau, vừa xoay vừa trùng hợp; H.4. Nhà ở Norman Fisher: hình dạng mặt bằng là tổ hợp 2 hình vuông giống nhau nhưng xoay chuyển, giữa 2 hình vuông rất ít tiếp điểm liên kết; H.5. Ngân hàng Lander: một khối tròn trở thành một khung tựa cho 2-hình thể khác quay; H.6. Toà nhà New York Herald, H.7. Ký túc xá St. Andrews, H.8. Nhà ở Cuno, H.9. Nhà ở Snellman: là những thí dụ về phương thức xoay-khối chữ nhật dài xoay quanh không gian trùng hợp cộng đồng; H.10. Toà nhà văn phòng Deere West: sự biến đổi trục giao thông nhấn mạnh sự chuyển dịch vị trí không gian công cộng; H.11. Trung tâm Carpenter: hai hình dạng tương tự tổ hợp tương nghịch nhau, dịch chuyển vị trí ở phía dốc giao thông; H.12. Khoa lịch sử - Đại học Cambridge: dịch chuyển vị trí và tổ hợp theo phương đường chéo của hình vuông cấu thành không gian sử dụng chủ yếu.

1. SAN MARIA DEGLI ANGELI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434-1436

2. SAN SPIRITO
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434

3. OCCUPATIONAL HEALTH CENTER
HARDY-HOLZMAN-PFIEFFER
1973

4. NORMAN FISHER HOUSE
LOUIS I. KAHN
1960

5. LANDERBANK
OTTO WAGNER
1883-1884

6. NEW YORK HERALD BUILDING
McKIM, MEAD, AND WHITE
1894

7. ST. ANDREWS DORMITORY
JAMES STIRLING
1964

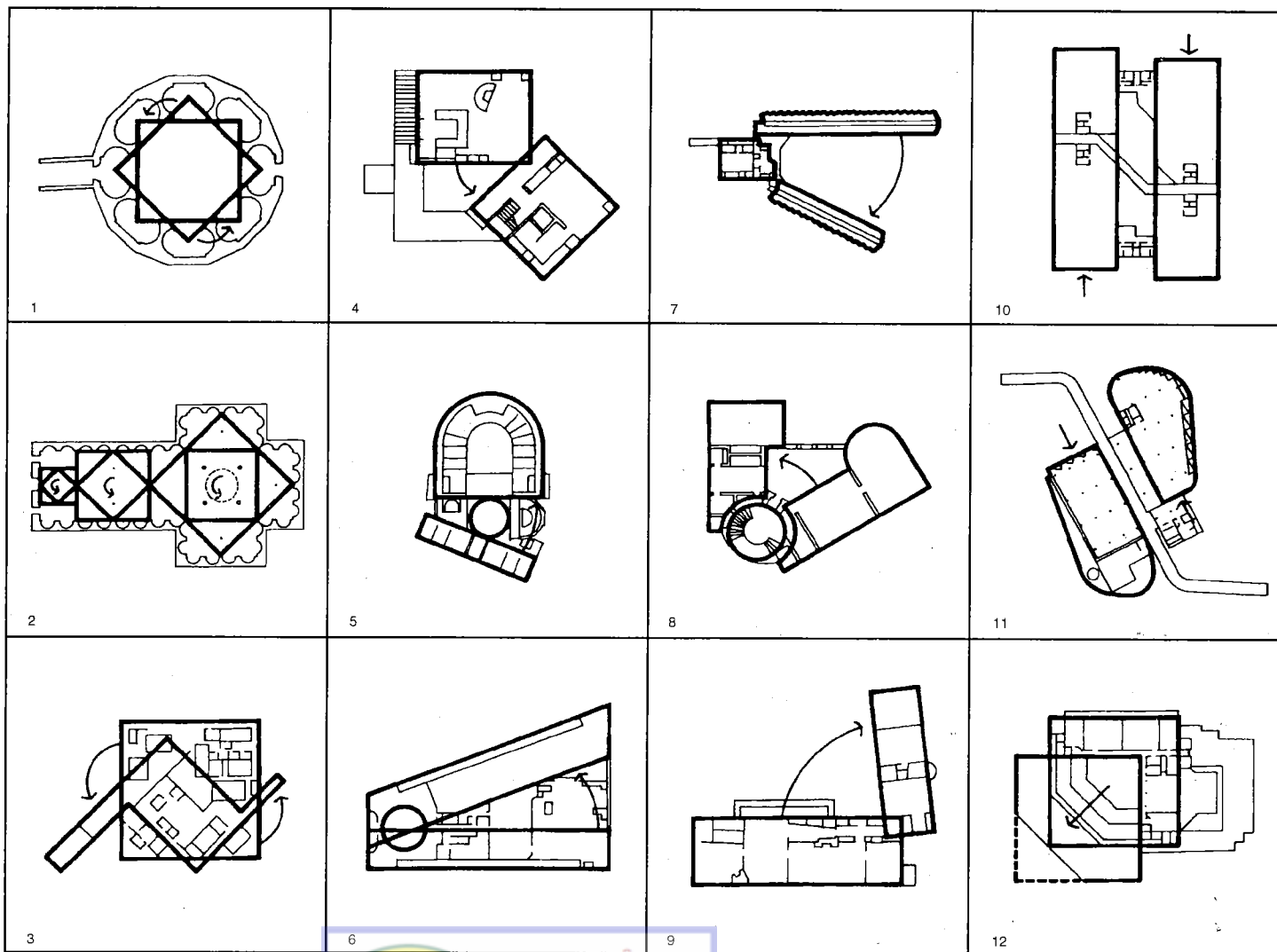
8. CUNO HOUSE
PETER BEHRENS
1906-1907

9. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918

10. DEERE WEST OFFICE BUILDING
ROCHE-DINKELLOO
1975-1976

11. CARPENTER CENTER
LE CORBUSIER
1961-1963

12. CAMBRIDGE HISTORY FACULTY
JAMES STIRLING
1964



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

HÌNH CẢNH QUẠT, HÌNH PHÓNG XẠ, HÌNH XOÁY ỐC

Ba loại hình thể hoặc không gian: hình cánh quạt, hình phóng xạ, hình xoáy ốc đều có chung một trung tâm hoặc một khởi điểm. Hình cánh quạt là khối dạng dải xoay quanh một nhân trong rõ rệt, bố cục có quy luật.

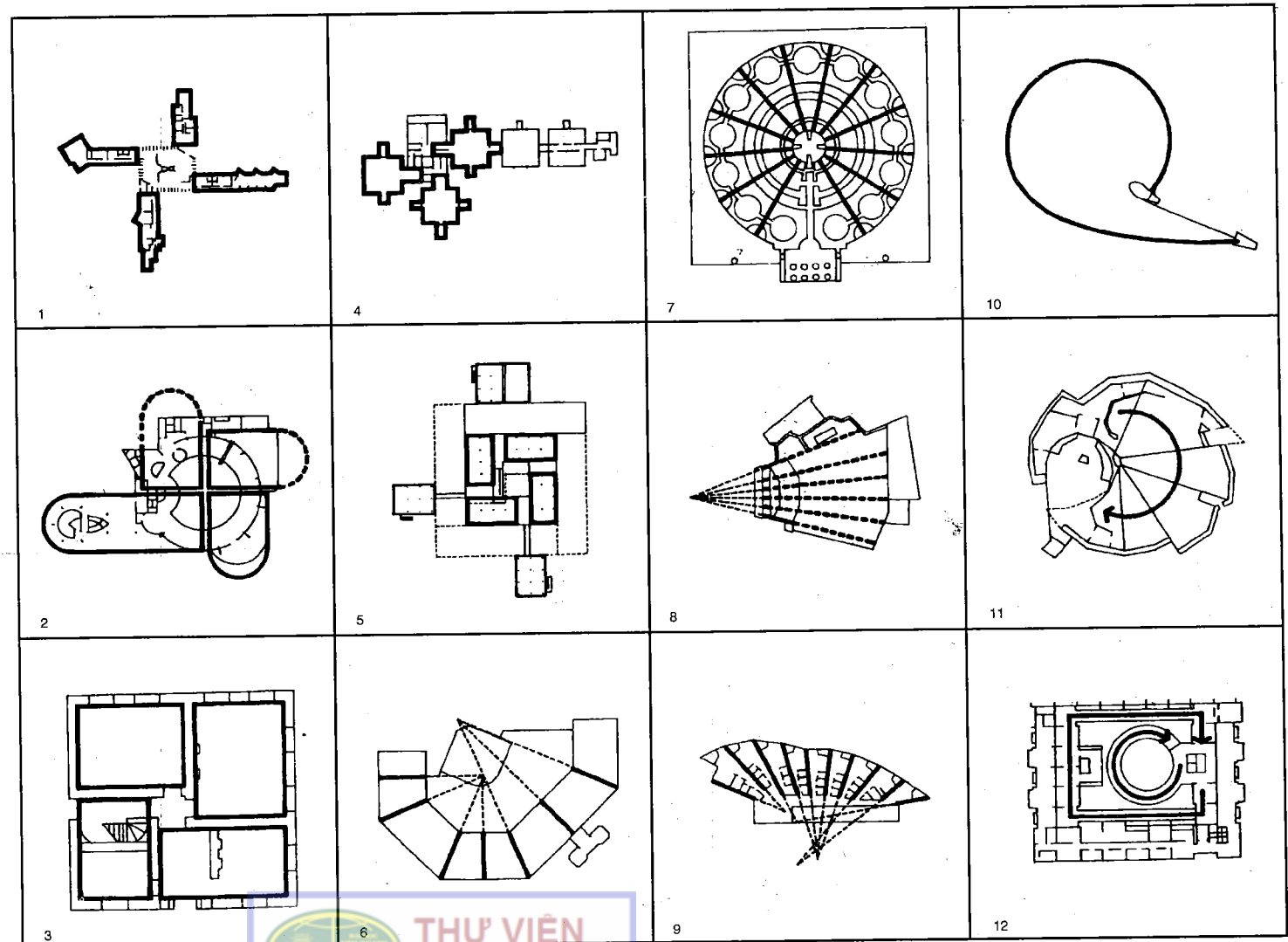
H.1. Ngôi nhà cánh quạt;
H.2. Bảo tàng Guggenheim: tổ hợp xoay quanh một nhân trong vô hình;
H.3. Tòa nhà New Park: những không gian tiếp cận xoay quanh một nhân giao thông nhỏ như kiểu cánh quạt;
H.4. Trung tâm nghiên cứu Y học Richards: ba đơn nguyên khá phức tạp xoay quanh một trung tâm thiết bị, cấu thành hình cánh quạt;
H.5. Bảo tàng ở Ahmedabad - Ấn Độ: tổ hợp hai hình cánh quạt, một ở bên trong hành lang, một cấu thành từ 3 hình thể kiến trúc và kết nối với kiến trúc chủ thể;
H.6. Tòa nhà Florey: có 2 tâm phóng xạ, một loạt những đơn thể phóng xuất từ một tâm (hoặc rõ ràng, hoặc ám thị);
H.7. Lăng Augustus: là hình phóng xạ kinh điển nhất;
H.8. Nhà thờ trung tâm giáo xứ Wolfsburg: kết cấu xuất phát từ một tâm;
H.9. Chung cư Neur Vahr: tương đều xuất phát từ một số trung tâm;
H.10. Cung Olympic nhỏ: tổ hợp kiểu xoáy ốc;
H.11. Nhà thờ St. Antonius;
H.12. Thủy cung New England: cấu thành từ 2 hình xoáy ốc, ở giữa là một hình tròn, chung quanh là cạnh thẳng.

1. WINGSPREAD
FRANK LLOYD WRIGHT
1937
2. GUGGENHEIM MUSEUM
FRANK LLOYD WRIGHT
1966
3. NEW PARK
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1775

4. RICHARDS RESEARCH BUILDING
LOUIS I. KAHN
1957-1961
5. MUSEUM AT AHMEDABAD, INDIA
LE CORBUSIER
1953-1957
6. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966

7. MAUSOLEUM OF AUGUSTUS
ARCHITECT UNKNOWN
c. 25 B.C.
8. WOLFSBURG PARISH CENTER CHURCH
ALVAR AALTO
1960-1962
9. NEUR VAHR APARTMENTS
ALVAR AALTO
1958-1962

10. SMALL OLYMPIC ARENA
KENZO TANGE
1961-1964
11. ST. ANTONIUS CHURCH
JUSTUS DAHINDEN
1966-1969
12. NEW ENGLAND AQUARIUM
CAMBRIDGE SEVEN ASSOCIATES
1962



LƯỚI Ô

Lưới ô cấu thành do tổ hợp trùng lặp những hình kỉ hà cơ bản

H.1. Biệt thự Foscari, H.2. Chung cư Sea Ranch, H.3. Toà nhà Crown, H.4. Miếu thần Apollo: đều tổ hợp trong lưới ô vuông; H.5. Biệt thự trên suối, H.6. Tổng bộ công ty Enso-Gutzeit: tổ hợp trong lưới ô phân biệt chủ thứ, nặng nhẹ khác nhau; H.7. Bách hoá tổng hợp Carson Pirie và Scott, H.8. Thư viện Sainte Genevieve, H.12. Miếu thần Hera thứ IV: trục thẳng góc của lưới ô đồng nhất với kết cấu; H.9. Nhà ở Farnsworth, H.10. Toà nhà Larkin, H.11. Nhà máy điện cao thế A.E.G., H.13. Viện bảo tàng nghệ thuật Kimball, H.14. Nhà tắm Trenton, H.15. Nhà thờ Thánh Sebastiano: đều là những thí dụ tạo hình trong lưới ô hoa; H.16. Toà nhà hội nghị Nebraska State, H.17. Nhà thờ Đức mẹ - Pari, H.18. Nhà ở Visser: tạo hình trong ba ô lưới hoa; H.19. Dinh thự Jorgine Boomer, H.21. Nhà thờ giáo phái Nhất thể: tạo hình trên lưới ô tam giác đều; H.20. Toà nhà phía Đông Viện mỹ thuật Quốc gia: tạo hình trên lưới ô tam giác cân; H.22. Viện công trình - Đại học Leicester, H.23. Toà nhà hội nghị, H.24. Văn phòng Turun Sanomat: cho thấy sự dịch chuyển vị trí xuất hiện trong ô lưới chỗ tiếp hợp của chủ thể hoặc không gian; H.25. Thư viện - Học viện Wells: xuất hiện tại vùng ô lưới cấu thành từ sự trùng hợp và xoay chuyển ô lưới; H.26. Toà nhà Anker, H.27. Cung mỹ thuật Gumma: tạo hình trong ô lưới xoay chuyển.

1. **VILLA FOSCARI**
ANDREA PALLADIO
c. 1549-1563

2. **SEA RANCH CONDOMINIUM**
CHARLES MOORE
1964-1965

3. **CROWN HALL**
LUDWIG MIES VAN DER ROHE
1950-1956

4. **TEMPLE OF APOLLO**
PAEONIUS AND DAPHNIS
c. 310 B.C.

5. **FALLINGWATER**
FRANK LLOYD WRIGHT
1935

6. **ENSO-GUTZEIT HEADQUARTERS**
ALVAR AALTO
1959-1962

7. **CARSON PIRIE AND SCOTT STORE**
LOUIS SULLIVAN
1899-1903

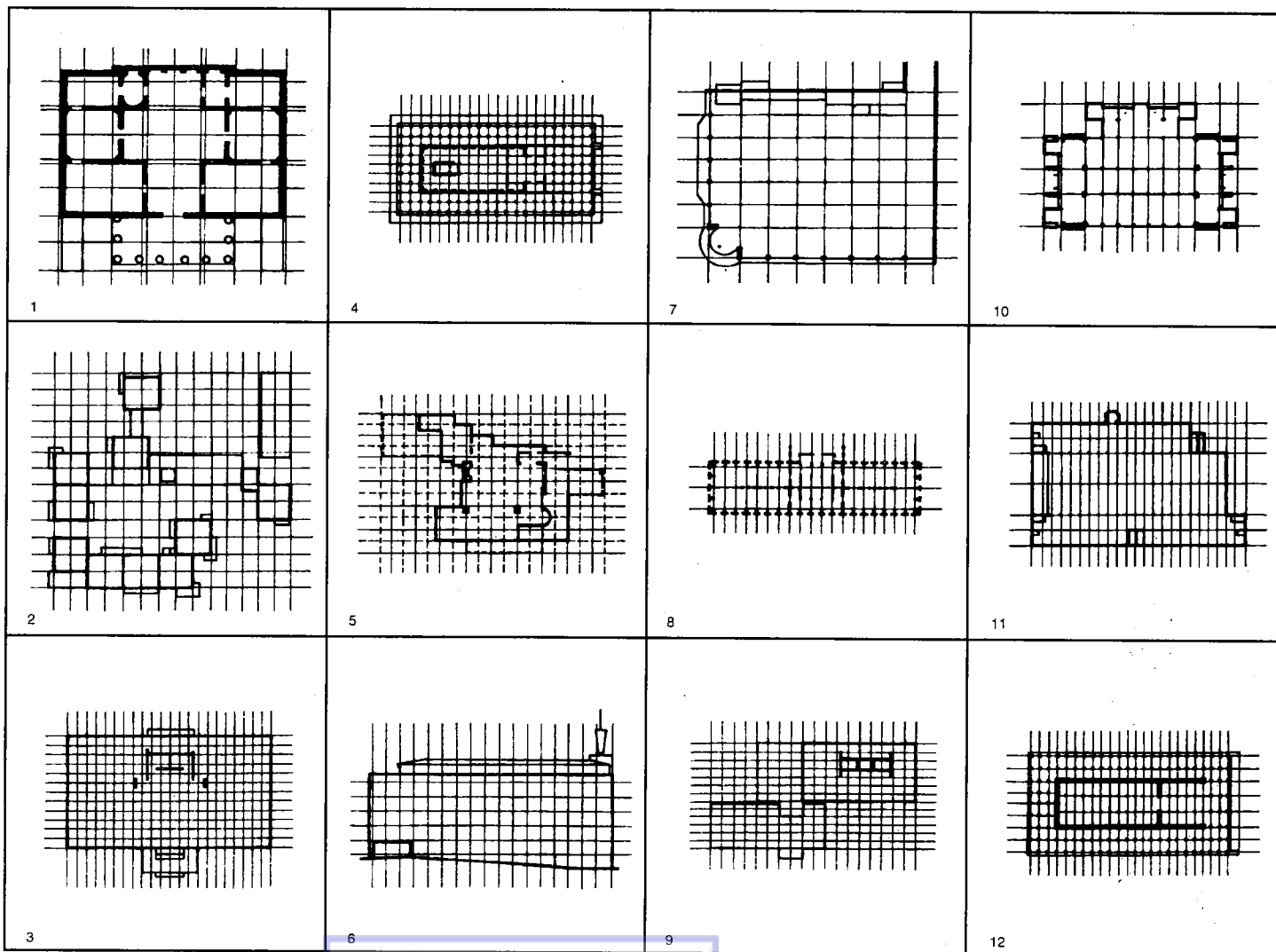
8. **SAINTE GENEVIEVE LIBRARY**
HENRI LABROUSTE
1838-1850

9. **FARNSWORTH HOUSE**
LUDWIG MIES VAN DER ROHE
1945-1950

10. **LARKIN BUILDING**
FRANK LLOYD WRIGHT
1903

11. **A.E.G. HIGH TENSION FACTORY**
PETER BEHRENS
1910

12. **FOURTH TEMPLE OF HERA**
RHOIKOS OF SAMOS
575 B.C.-550 B.C.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

13. KIMBALL ART MUSEUM
LOUIS I. KAHN
1966-1972

14. TRENTON BATH HOUSE
LOUIS I. KAHN
1955-1956

15. SAN SEBASTIANO
LEON BATTISTA ALBERTI
1459

16. NEBRASKA STATE CAPITOL
BERTRAM GOODHUE
1924

17. NOTRE DAME CATHEDRAL
ARCHITECT UNKNOWN
1163-c. 1250

18. VISSER HOUSE
ALDO VAN EYCK
1975

19. JORGINE BOOMER RESIDENCE
FRANK LLOYD WRIGHT
1953

20. EAST WING OF NATIONAL GALLERY
I. M. PEI
1975-1978

21. UNITARIAN CHURCH
FRANK LLOYD WRIGHT
1949

22. LEICESTER ENGINEERING BUILDING
JAMES STIRLING
1959

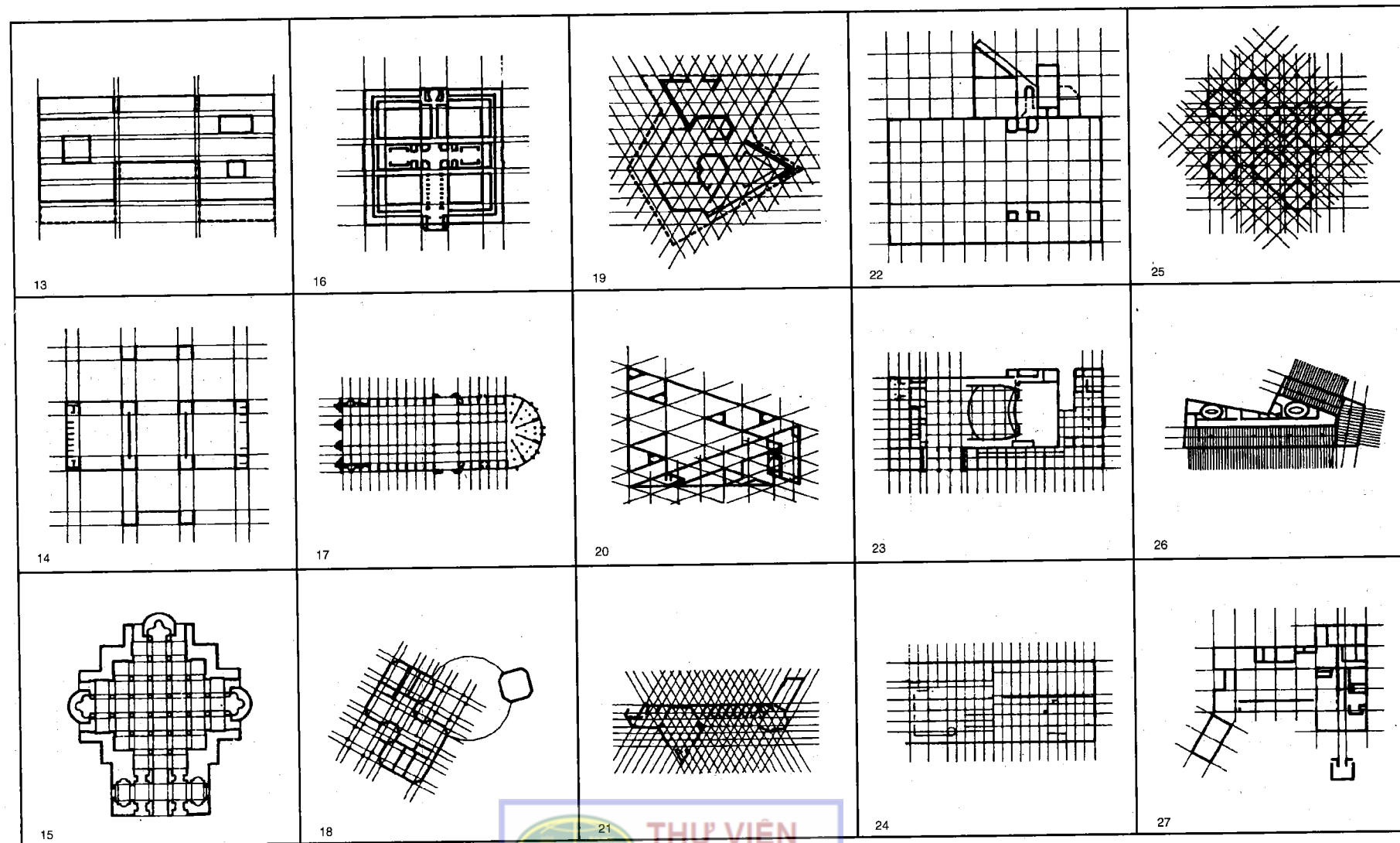
23. AUDITORIUM BUILDING
LOUIS SULLIVAN
1887-1890

24. TURUN SANOMAT OFFICES
ALVAR AALTO
1927-1929

25. WELLS COLLEGE LIBRARY
SKIDMORE-OWINGS-MERRILL
1968

26. THE ANKER BUILDING
OTTO WAGNER
1895

27. GUMMA MUSEUM OF FINE ARTS
ARATA ISOZAKI
1971-1974



MÔ THỨC HÌNH DẠNG

Mô thức hình dạng miêu tả bố cục tương đối giữa các bộ phận kiến trúc, tổ chức thiết kế không gian, không gian với quần hợp hình thể, mô thức là chủ đề cơ bản. Những thí dụ sau, nội dung gồm: mô thức dạng dải, trung tâm, song trung tâm, tụ tập, bao bọc, đồng tâm và song nhân.

MÔ THỨC DẠNG DẢI: MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

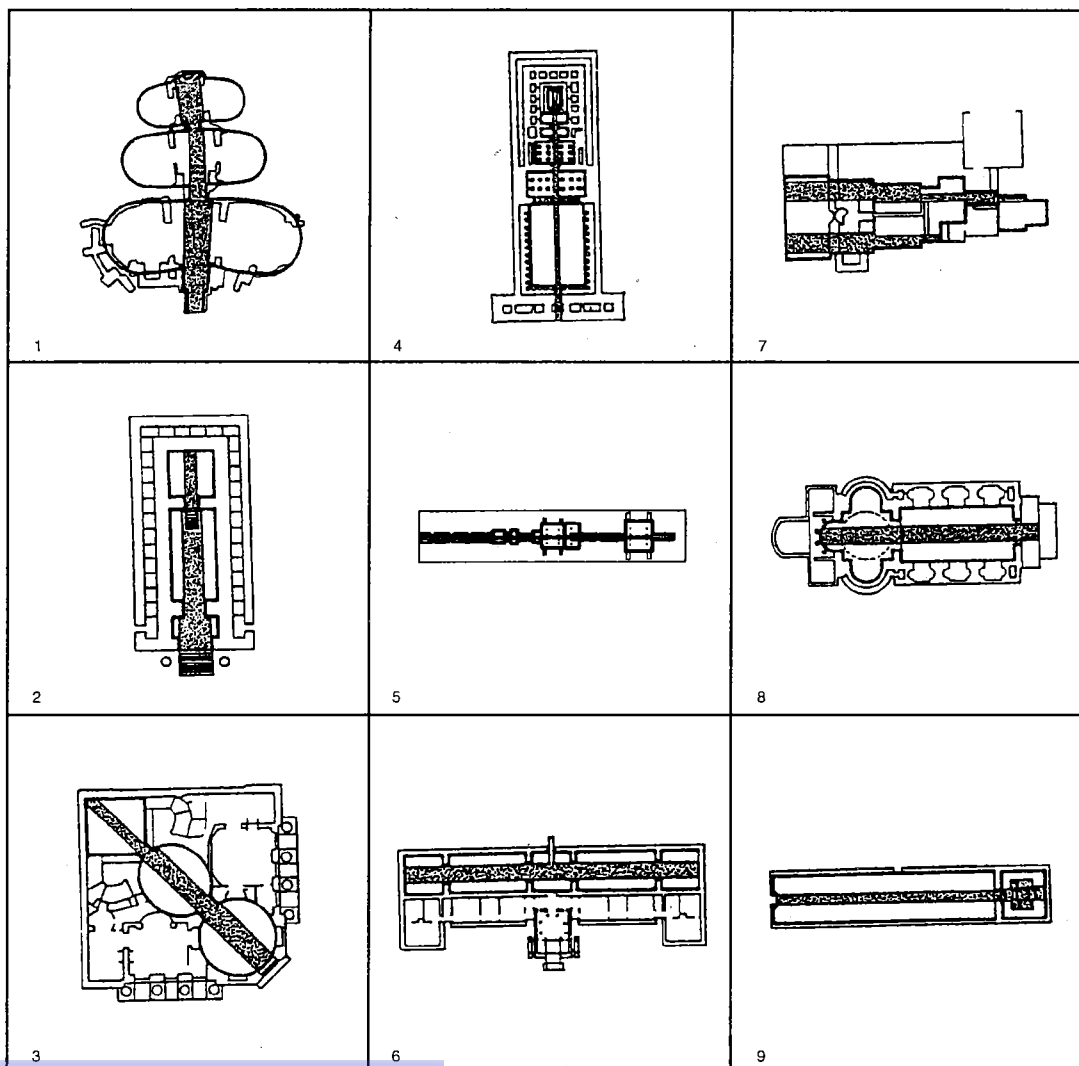
Hình dạng thông đạo xuyên qua không gian sử dụng có 2 loại, đồng thời đều là một tuyến dài. Loại thứ nhất, không gian nối tiếp không gian, giao thông đi từ không gian đến không gian. Loại thứ hai, tuyến giao thông theo chiều dọc, ở vị trí hợp lý trong một không gian.

H.1. Miếu thần ở Tarxien - Malta: không gian liên kết theo trục ngang, do đó, mỗi không gian trên phương dọc trở thành 3 không gian tiềm ẩn; H.2. Miếu thần Solomon, H.4. Miếu thần Horus: trong một chuỗi không gian, cao trào của kiến trúc ở khởi điểm và chung điểm của thông đạo; H.3. Khách sạn Montmorency: thông đạo ở tầng 2 quay ngược trở về, cho nên khởi điểm và chung điểm của thông đạo trên dưới đối ứng nhau; H.5. Lăng Setnakht: những không gian trong dải vừa theo hướng ngang vừa theo hướng dọc, theo sự biến hoá đó tạo nên cao trào; H.6. Nhà trưng bày nghệ thuật Dulwich: cửa vào ở giữa không gian liên kết của dải; H.7. Ngôi nhà ở trung tâm Pennsylvania: trung tâm của không gian liên kết là tâm thực, còn tuyến giao thông đi theo biên; H.8. Nhà thờ Redentore, H.9. Thư viện Laurentian: tổ hợp một không gian đơn lẻ với một dải. Giáo đường Redentore, Lăng mộ Setnakht, tương tự, cao trào dọc trên tuyến thông đạo.

1. TEMPLE AT TARXIEN, MALTA
ARCHITECT UNKNOWN
2100 B.C.-1900 B.C.
2. SOLOMON'S TEMPLE
ARCHITECT UNKNOWN
1000 B.C.
3. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769

4. TEMPLE OF HORUS
ARCHITECT UNKNOWN
237 B.C.-57 B.C.
5. TOMB OF SETNAKHT
ARCHITECT UNKNOWN
13th CENTURY B.C.
6. DULWICH GALLERY
JOHN SOANE
1811-1814

7. HOUSE IN CENTRAL PENNSYLVANIA
HUGH NEWELL JACOBSEN
1980
8. REDENTORE CHURCH
ANDREA PALLADIO
1576-1591
9. LAURENTIAN LIBRARY
MICHELANGELO
1525



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MÔ THỨC DẠNG DẢI: CÔNG NĂNG GIAO THÔNG

Thông đạo trong dải nếu như cách rời với không gian sử dụng là phương thức hành lang.

H.1. Kiến trúc hành lang cổ ở Sikyon - Hy Lạp: hình thể đơn giản nhất của loại mô thức này; H.2. Tòa nhà huấn luyện thể thao: là phương án hành lang điển hình. Thể loại này, hành lang là nhân tố quan trọng đầu tiên quyết định hình thể; H.3. Nhà thờ ở Bagsvaerd: bao hàm ngữ hội hình thể trùng lặp, đồng thời bài trí các không gian sử dụng; H.4. Pháo đài Shannon, H.5. Nhà ở Snellman: dạng hành lang bên; H.6. Ký túc xá Baker: cho thấy giao thông dạng dải không nhất thiết là tuyến thẳng hoặc 2 bên đối xứng; H.7. Nhà chung cư: tuyến giao thông rất quan trọng trên mặt cắt; H.8. Tòa nhà Florey, H.9. Ký túc xá St. Andrews: ở ngoài nhà có thể nhìn thấy tuyến giao thông, và cho thấy thông đạo không nhất thiết phải thẳng; H.10. Nhà ở Stern: hành lang giao nhau; H.11. Trung tâm Beaubourg: hai dải hành lang song song nhau, một dải sử dụng cho giao thông đứng, một dải dùng cho giao thông ngang; H.12. Nhà ở Pearson: áp dụng 2 loại hình hành lang mô thức dạng dải.

1. STOA IN SIKYON, GREECE
ARCHITECT UNKNOWN
c. 300

2. PHYSICAL EDUCATION FACILITY
KALLMAN-MCKINNELL
1970

3. CHURCH IN BAGSVAERD, DENMARK
JORN UTZON
1973-1976

4. FORT SHANNON
ARCHITECT UNKNOWN
1800-1835

5. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918

6. BAKER DORMITORY
ALVAR AALTO
1947-1948

7. UNITE D'HABITATION
LE CORBUSIER
1946-1952

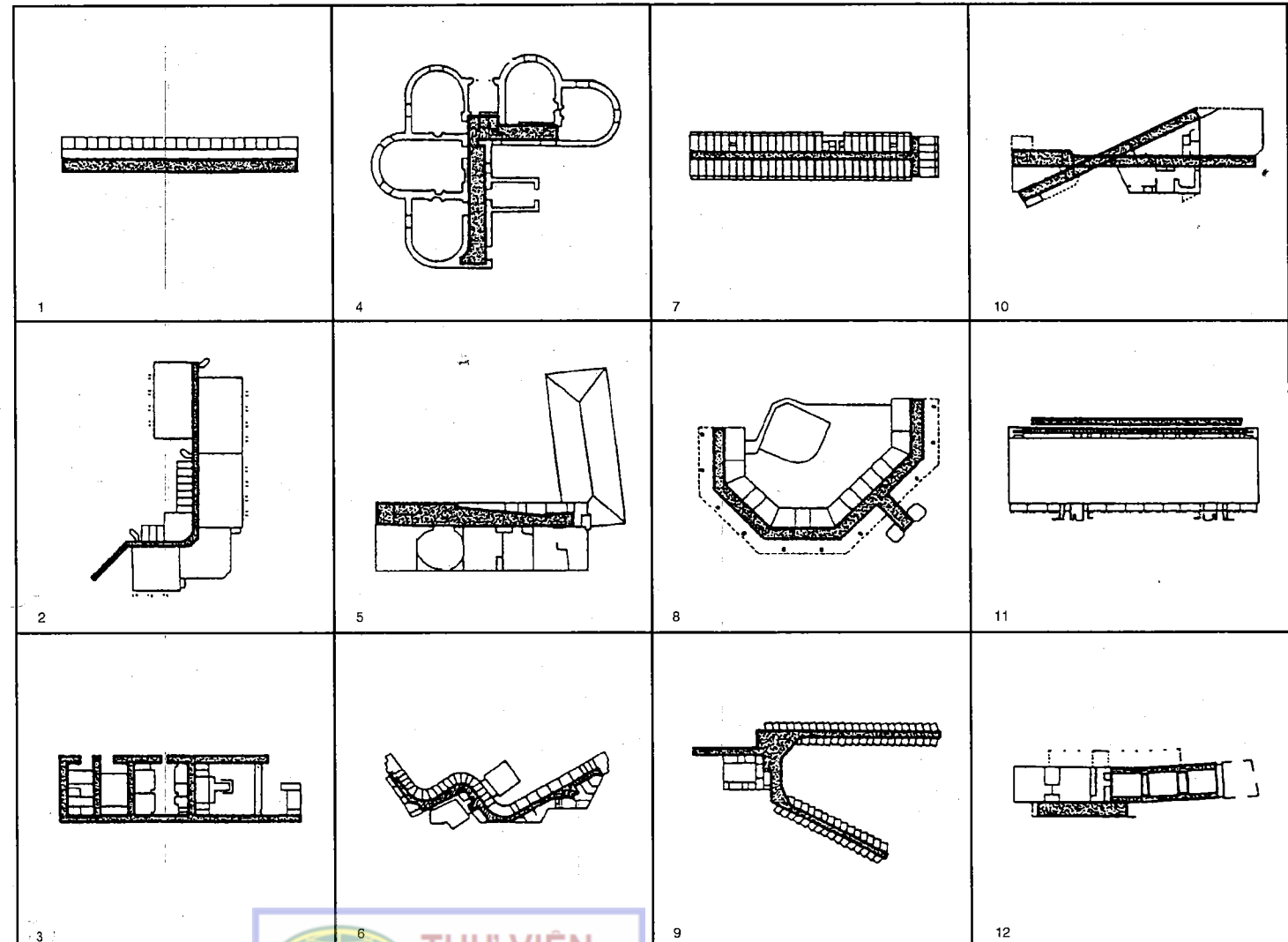
8. FLOREY BUILDING
JAMES STIRLING
1966

9. ST. ANDREWS DORMITORY
JAMES STERLING
1964

10. STERN HOUSE
CHARLES MOORE
1970

11. CENTRE BEAUBOURG
PIANO AND ROGERS
1972-1977

12. PEARSON HOUSE
ROBERT VENTURI
1957



MÔ THỨC TRUNG TÂM: MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đặt không gian quan trọng nhất ở vị trí trung tâm, các mô thức không gian khác bố trí quanh không gian này, gọi là mô thức trung tâm.

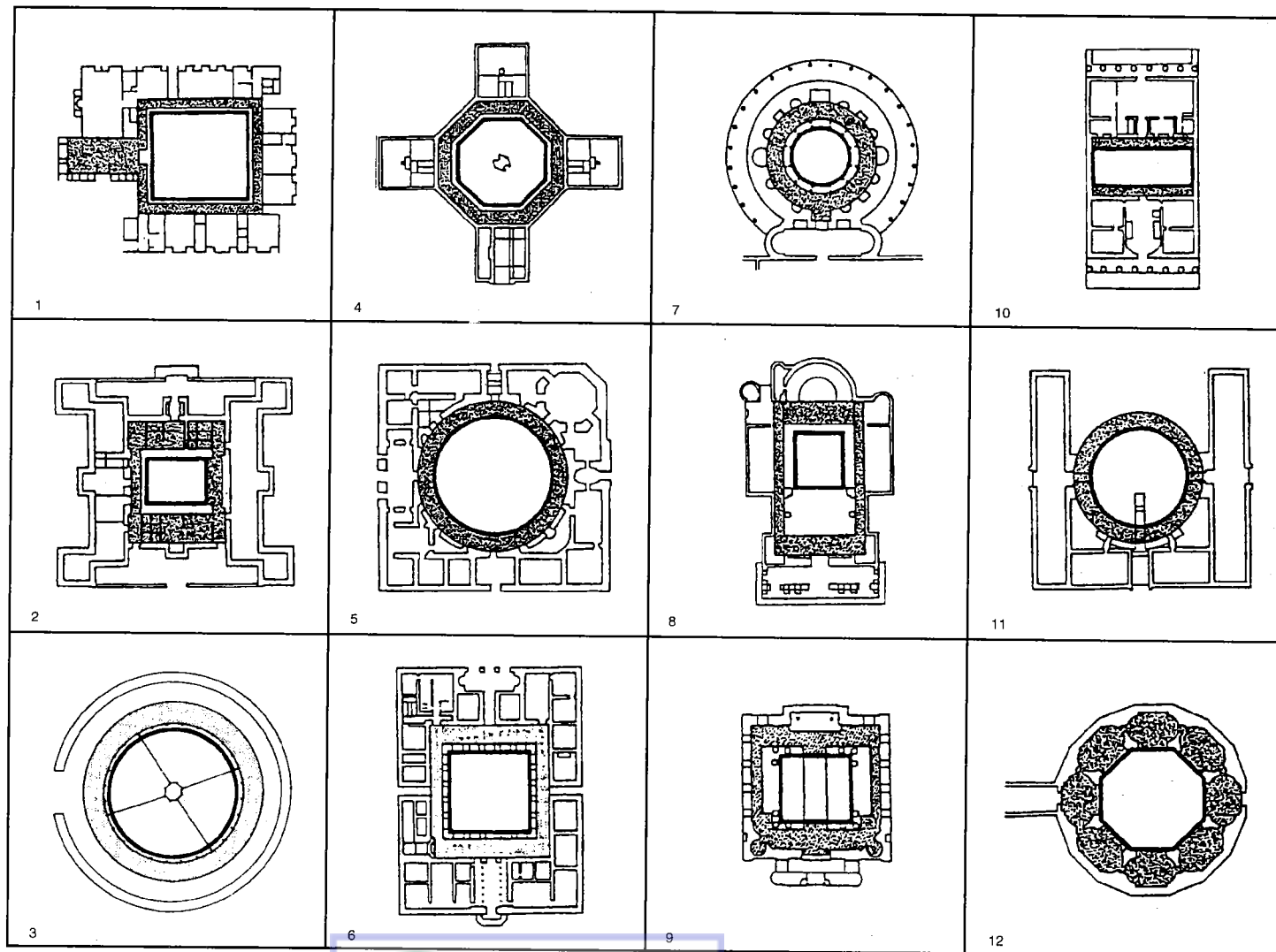
H.1. Nhà thờ giáo phái Nhất thể thứ I, H.2. Toà nhà Wollaton: đại sảnh ở giữa, chiếu sáng từ trên xuống, vẽ hình thể giữ địa vị chủ đạo, những không gian nhỏ hơn và giao thông cách rời bao quanh; H.3. Kho chứa cỏ: giao thông vây quanh đồng cỏ khô ở giữa, đồng cỏ khô này mang ý nghĩa tượng trưng, có tính trọng yếu về mặt hình thức và công năng; H.4. Hunting Lodge: giao thông bao quanh đại sảnh hình bát giác ở giữa, những không gian nhỏ hơn chỉ ở 4 mặt; H.5. Vương thất Charles V, H.6. Cung Farnese: không gian trung ương là một đại sảnh, hành lang cột là lối giao thông; H.7. Nhà thờ St. Costanza: trung ương là nơi thần thánh nhất; H.8. Nhà thờ Tam thánh, H.9. Nhà thờ St. Mary Woolnoth: trung tâm đặt trong một không gian lớn hơn; H.10. Ngân hàng thứ II Hợp chủng quốc Hoa kỳ: không gian quan trọng nhất ở giữa, tuyến giao thông ẩn và không gian nhỏ hơn ở 2 bên; H.11. Thư viện công cộng Stockholm: giao thông chạy xung quanh không gian trung ương; H.12. Nhà thờ Thánh Maria Degli Angeli: một không gian trung ương chủ đạo bọc trong những không gian nhỏ, giao thông xuyên qua những không gian này. Tức là bao bọc trên phương ngang và phương đứng không gian trung ương.

1. **FIRST UNITARIAN CHURCH**
LOUIS I. KAHN*
1959-1967
2. **WOLLATON HALL**
ROBERT SMYTHSON
1580-1588
3. **SHAKER BARN**
ARCHITECT UNKNOWN
1865

4. **HUNTING LODGE**
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1822
5. **PALACE OF CHARLES V**
PEDRO MACHUCA
1527
6. **FARNESE PALACE**
ANTONIO DA SANGALLO
1534

7. **ST.COSTANZA**
ARCHITECT UNKNOWN
c. 350
8. **TRINITY CHURCH**
HENRY HOBSON RICHARDSON
1872-1877
9. **ST. MARY WOOLNETH**
NICHOLAS HAWKSMOOR
1716-1724

10. **SECOND BANK OF THE U.S.**
WILLIAM STRICKLAND
1818-1824
11. **STOKHOLM PUBLIC LIBRARY**
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928
12. **SAN MARIA DEGLI ANGELI**
FILIPPO BRUNELLESCHI
1434-1436



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MÔ THỨC TRUNG TÂM: CÔNG NĂNG GIAO THÔNG

H.1. Biệt thự mái Tròn, H.2. Toà nhà hội nghị Bắc Carolina, H.3. Toà nhà quốc hội Hợp chủng quốc Hoa Kỳ: đều là mô hình kiến trúc tròn thức cổ điển, trong đó, không gian trung ương mặc dù trên ngoại hình đóng vai trò chủ đạo, nhưng thực tế có tác dụng giao thông và tổ chức những không gian khác; H.4. Ngôi nhà ở Ur, H.5. Khách sạn Beauvais: sảnh là biến hình của kiến trúc tròn thức cổ điển. Trong những kiến trúc này, đại sảnh là bộ phận chủ yếu của mặt bằng, đồng thời sử dụng để tổ chức giao thông và những không gian nhỏ, nhưng không hiển lộ ra mặt ngoài; H.6. Nhà ở Bloemenwerf, H.7. Nhà ga xe lửa Baltimore - Ohio, H.8. Toà nhà Burn, H.9. Ngôi nhà Salutation: không gian trung ương sử dụng để tổ chức giao thông đứng và kiến trúc chiều cao; H.10. Thư viện Exeter: không gian trung ương trên tầng chính và mái tròn, còn các tầng trên giao thông vòng quanh không gian này; H.11. Tu viện La Tourette: đại sảnh có 2 loại hình mô thức trung tâm, có khi tuyến giao thông như chạy vòng khép kín đại sảnh, có khi có thể xuyên qua đại sảnh; H.12. Toà nhà Stratford: không gian trung ương là không gian sử dụng chủ yếu, giống như kiến trúc tròn, tuyến giao thông xuyên qua không gian nhỏ của nó.

1. LA ROTONDA
ANDREA PALLADIO
1566-1571

2. NORTH CAROLINA STATE CAPITOL
TOWN AND DAVIS
1833-1840

3. UNITED STATES CAPITOL
THORNTON-LATROBE-BULFINCH
1793-1830

4. HOUSE IN UR
ARCHITECT UNKNOWN
2000 B.C.

5. HOTEL DE BEAUVAIS
ANTOINE LE PAUTRE
1656

6. BLOEMENWERF HOUSE
HENRY VAN DE VELDE
1895-1896

7. BALTIMORE-OHIO RAILROAD DEPOT
FRANK FURNESS
1886

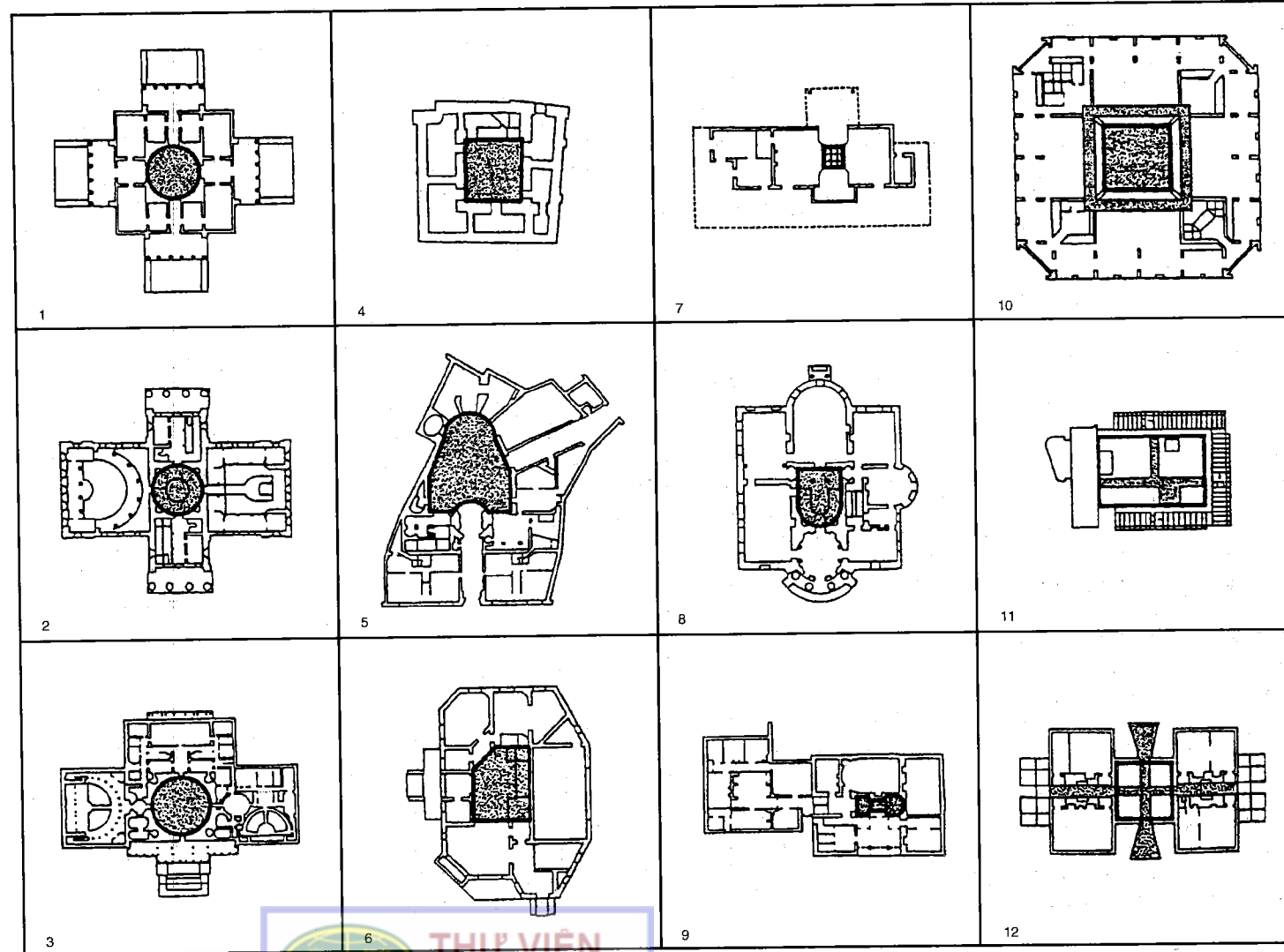
8. BURN HALL
JOHN SOANE
c 1785

9. THE SALUTATION
EDWIN LUTYENS
1911

10. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972

11. CONVENT OF LA TOURETTE
LE CORBUSIER
1957-1960

12. STRATFORD HALL
ARCHITECT UNKNOWN
1725



MÔ THỨC SONG TRUNG TÂM

Mô thức song trung tâm tức là một vùng hoặc một khu vực có 2 trung tâm quan trọng như nhau.

H.1. Miếu thần Venus và Rome: có 2 không gian chủ yếu giống nhau, tương nghịch phương hướng, ở giữa các không gian khác của miếu. Mỗi một trung tâm đều là một khối thực đặt trong khu vực trống, hình dạng tương tự; H.2. Miếu thần Horyu-Ji, H.3. Chợ ở Leptis Magna - Lybia: khu vực như vậy là khoảng trống ngoài nhà; H.4. Nhà ở Moore, H.5. Khách sạn hội nghị: khu vực này là một gian phòng và một không gian trong phòng; H.6. Lăng Brion - Vega: một trung tâm là một khối thực trong khoảng trống ngoài nhà, một trung tâm khác là một phòng bên trong kiến trúc. Nếu khu vực là thực thì điểm trung tâm có thể là ảo khắc tạo từ thực; H.7. Lâu đài Dover: ảo đều là những phòng chủ yếu; H.8. Học viện mỹ thuật Pennsylvania: ảo đều ở vị trí đặc biệt, những bộ phận còn lại của kiến trúc chỉ là phần đệm. Những bộ phận ảo này cũng có thể coi là song trung tâm để tổ chức không gian xung quanh, đồng thời dẫn ánh sáng vào bên trong kiến trúc; H.9. Trung tâm nghệ thuật Vương quốc Anh ở Yale, H.10. Cô nhi viện, H.11. Toà nhà Chancellery, H.12. Chung cư Mila: đều cấu trúc như trên.

1. TEMPLE OF VENUS AND ROME
HADRIAN
123-135

2. HORYU-JI TEMPLE
ARCHITECT UNKNOWN
607

3. MARKET IN LEPTIS MAGNA, LYBIA
ARCHITECT UNKNOWN
8 B.C

4. MOORE HOUSE
CHARLES MOORE
1962

5. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963

6. BRION-VEGA CEMETARY
CARLO SCARPA
1970-1972

7. DOVER CASTLE
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1180

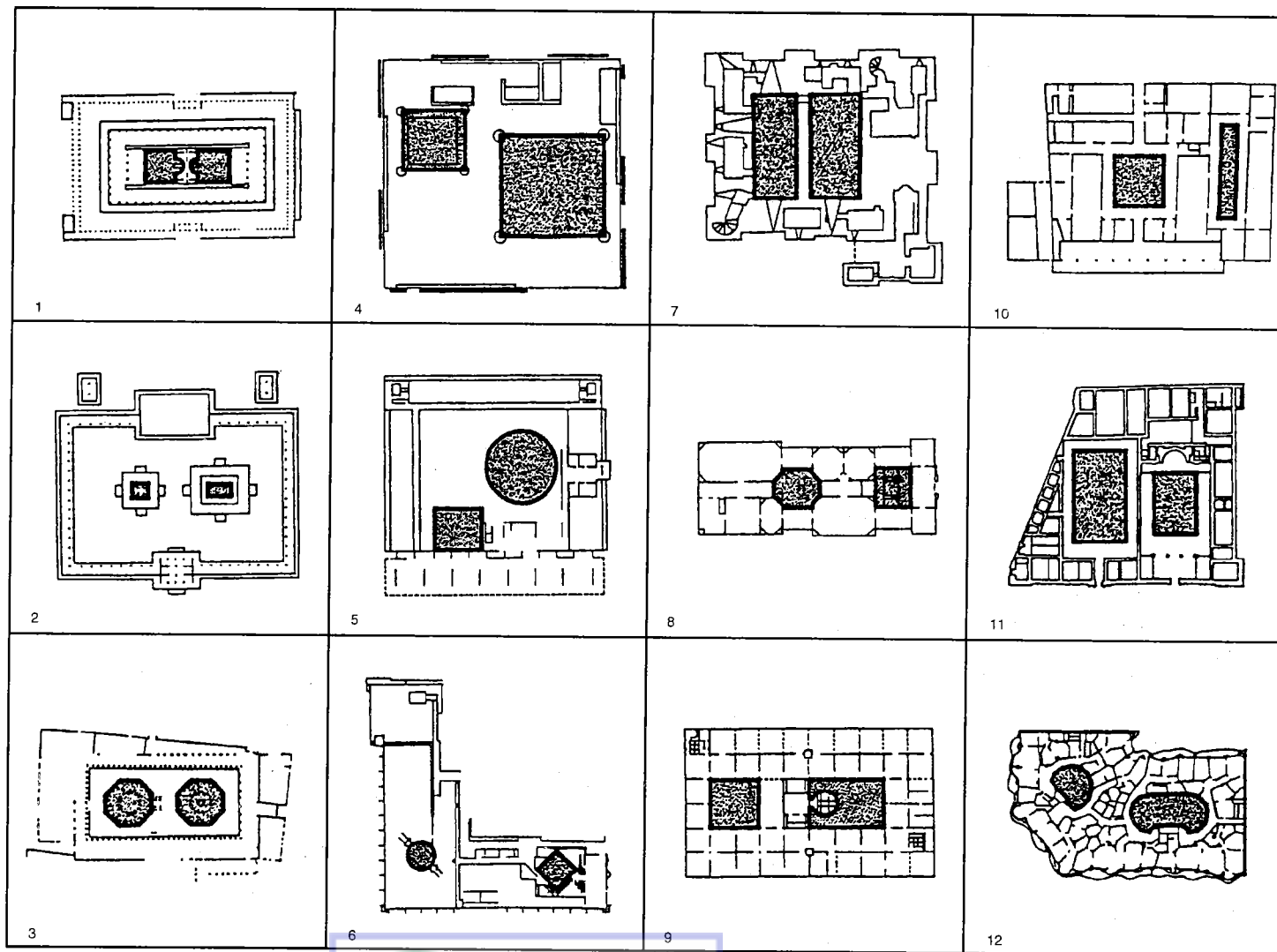
8. PENNSYLVANIA ACADEMY OF ART
FRANK FURNESS
1872

9. YALE CENTER FOR BRITISH ART
LOUIS I. KAHN
1969-1974

10. OSPEDALE DEGLI INNOCENTI
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421-1445

11. CHANCELLERY PALACE
ARCHITECT UNKNOWN
1483-1517

12. CASA MILA
ANTONIO GAUDI
1905-1907



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MÔ THỨC TỤ TẬP

Tập hợp những không gian hoặc hình thể mô thức không xác định gọi là mô thức tụ tập. Tập hợp không gian có thể xác định hình thể kiến trúc, hoặc ít ra có ảnh hưởng rất lớn tới hình thể kiến trúc.

H.1. Tháp Luân Đôn, H.4. Nhà ở W. Watts Sherman: là những thí dụ tập hợp không gian; H.2. Pháo đài gần Rudesheim, H.3. Ngôi nhà Vizier Nakht: tụ tập những không gian trong một không gian đã xác định ngoại hình; H.5. Nhà ở D.L. James: hai loại mô thức tập hợp trên đây đều thể hiện rõ nét, nhưng mô thức càng quan trọng hơn là không gian tập hợp xác định sự biến hoá hình thể; H.6. Lâu đài Olavinlinna - Phần Lan, H.7. Lâu đài Soborg - Đan Mạch: vừa là tụ tập không gian, vừa là tụ tập hình thể; Một chuẩn tắc của mô thức tụ tập là giữa các đơn thể tụ tập phải tựa sát nhau. H.8. Trung tâm bảo vệ sức khoẻ chức nghiệp: đã tạo được bố cục khoảng cách và tập hợp các hình thể thành một không gian lớn hơn. Những hình thể tập hợp trong không gian có thể tái phân cắt, nhưng những phần không gian phân cắt không nên quá lớn; H.9. Tu viện nữ dòng Dominican, H.10. Ngôi nhà ở Tucker Town, H.11. Trường chuyên khoa Olivetti, H.12. Lâu đài Fonthill - Mercer: đều là tổ hợp theo mô thức tụ tập.

1. TOWER OF LONDON
ARCHITECT UNKNOWN
1070-1090

2. FORTRESS NEAR RODESHEIM
ARCHITECT UNKNOWN
1000-1050

3. HOUSE OF VIZIER NAKHT
ARCHITECT UNKNOWN
1372 B.C.-1350 B.C.

4. W. WATTS SHERMAN HOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1874

5. D. L. JAMES HOUSE
GREENE AND GREENE
1918

6. OLAVINLINNA CASTLE, FINLAND
ARCHITECT UNKNOWN
1475

7. CASTLE IN SOBORG, DENMARK
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1150

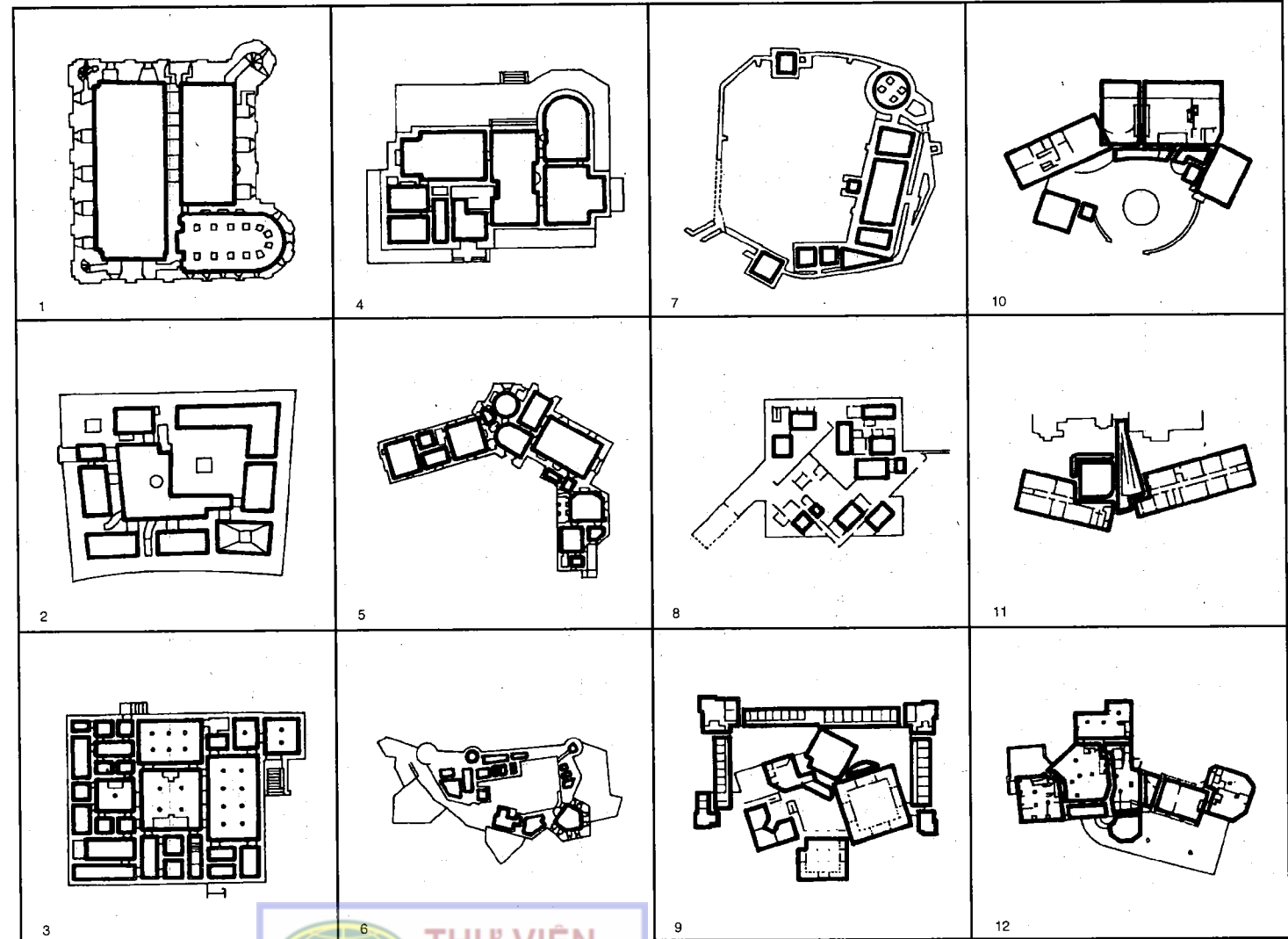
8. OCCUPATIONAL HEALTH CENTER
HANDY-HOLZMAN-PIEFFER
1973

9. CONVENT FOR DOMINICAN SISTERS
LOUIS I. KAHN
1965-1968

10. HOUSE IN TUCKER TOWN, BERMUDA
ROBERT VENTURI
1975

11. OLIVETTI TRAINING SCHOOL
JAMES STIRLING
1969

12. FONTHILL-MERCER CASTLE
HENRY MERCER
1908-1910

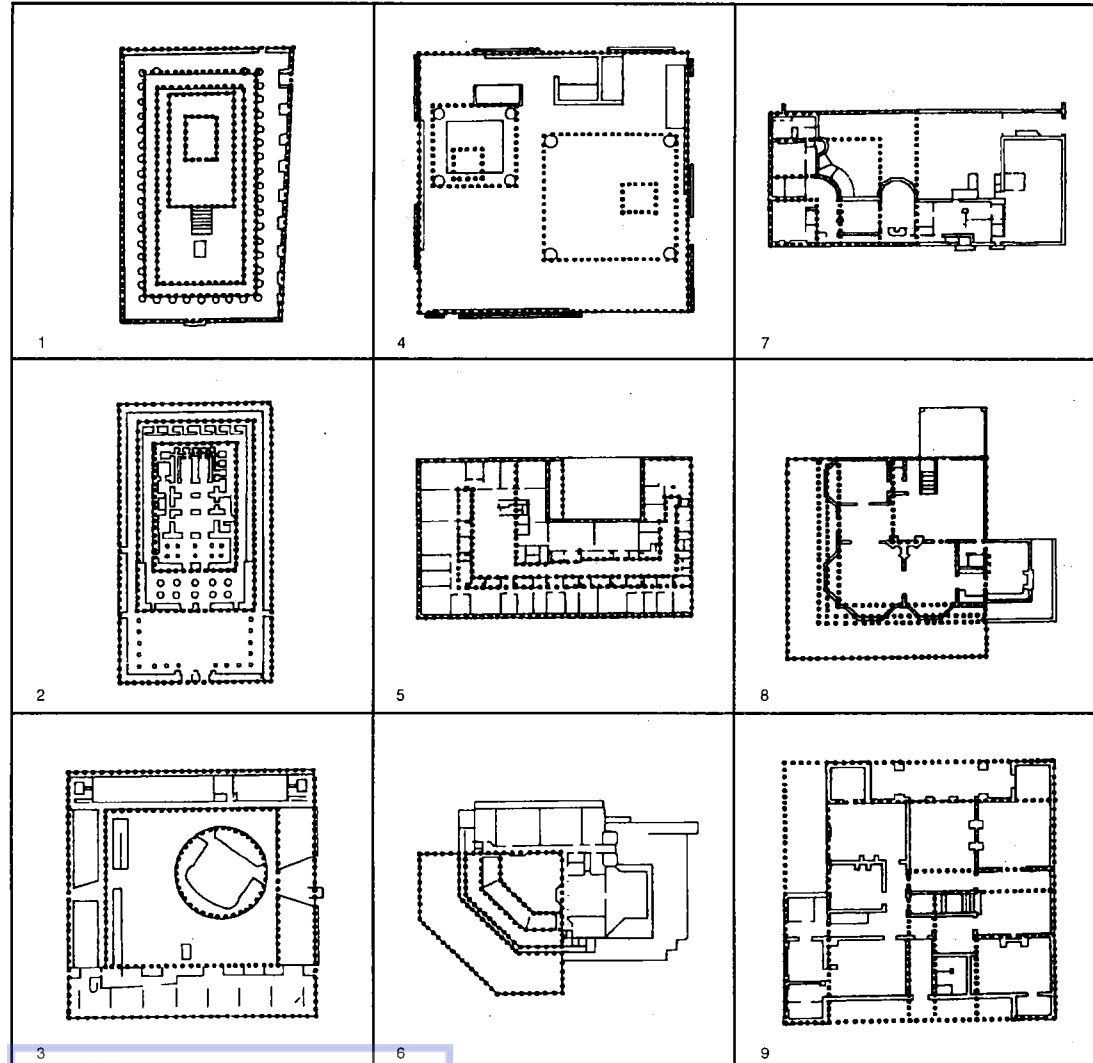


MÔ THỨC BAO BỌC

Trong mô thức bao bọc, mỗi một đơn nguyên liên kết tuần tự trong một đơn nguyên lớn hơn và mỗi đơn nguyên đều có một trung tâm riêng.

H.1. Miếu thần Apollo, H.2. Miếu thần Kom Ombo: các đơn nguyên có cùng tuyến trung tâm; H.3. Khách sạn hội nghị: hình kỉ hà biến đổi, cho thấy các đơn nguyên trong mô thức bao bọc không nhất định phải có cùng ngữ hội hình thể; H.4. Nhà ở Moore: hàm chứa hai mô thức bao bọc, các đơn nguyên bao bọc không cùng trung tâm, có thể một bộ phận nào đó của chúng giống nhau về hình dạng; H.5. Tổng bộ công ty Enso - Gutzeit: những đơn nguyên trong vòng bao cùng có 2 đường biên và một góc; H.6. Khoa lịch sử - Đại học Cambridge, H.7. Nhà ở Glessner, H.8. Nhà ở Chandler, H.9. Ngôi nhà Homewood: các đơn nguyên bài trí trong vòng bao theo phương của đường chéo.

- | | | |
|---|---|--|
| 1. TEMPLE OF APOLLO
ARCHITECT UNKNOWN
c. 400 B.C. | 4. MOORE HOUSE
CHARLES MOORE
1962 | 7. J. J. GLESSNER HOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1885-1887 |
| 2. TEMPLE OF KOM OMBO
ARCHITECT UNKNOWN
181 B.C.-30 A.D. | 5. ENSO-GUTZEIT HEADQUARTERS
ALVAR AALTO
1959-1962 | 8. CHANDLER HOUSE
BRUCE PRICE
1885-1886 |
| 3. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963 | 6. CAMBRIDGE HISTORY FACULTY
JAMES STIRLING
1964 | 9. HOMEWOOD
EDWIN LUTYENS
1901 |



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

MÔ THỨC ĐỒNG TÂM

Mô thức đồng tâm hàm nghĩa mỗi một đơn nguyên, theo trật tự, liên kết với nhau trong một đơn nguyên lớn hơn, những đơn nguyên này có cùng một trung tâm. H.1. Thư viện Exeter: tổ hợp đồng tâm những hình kỉ hà đơn giản; H.2. Thư viện công cộng Stockholm: tổ hợp những hình thể đơn giản, ngũ hội khác nhau; H.3. Miếu thần Pantheon - Pari: tổ hợp những đơn nguyên phức tạp, nhưng trên cơ bản vẫn là trùng lặp; H.4. Nhà thờ Thánh Stefano Rotondo: trùng lặp những hình tròn đơn giản, nhưng liên kết theo phương thức khác nhau; H.5. Toà án Allegheny: tổ hợp các hình dạng đồng tâm có công năng khác nhau; H.6. Nhà thờ Nhất ngôi: chỉ có không gian chủ yếu, các tầng thứ đồng tâm; H.7. Tu viện Fontevrault, H.8. Biệt thự Farnese, H.9. Nhà thờ Thánh Lorenzo: cho thấy các đơn nguyên đồng tâm, nhưng hình kỉ hà khác nhau, cho nên hình thành một hình dạng phức tạp; H.10. Nhà thờ St. George: sử dụng 2 mô thức bao bọc và đồng tâm; H.11. Nhà hát Besancon: trong mô thức bao bọc hàm chứa nửa mặt bằng khác, do đó có thể coi tổng mặt bằng theo mô thức đồng tâm; H.12. Miếu thần Parthenon: tầng ngoài là đồng tâm nhưng vào trong chuyển thành mô thức bao bọc.

1. EXETER LIBRARY
LOUIS I. KAHN
1967-1972

2. STOCKHOLM PUBLIC LIBRARY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1920-1928

3. PANTHEON IN PARIS, FRANCE
JACQUES GERMAIN SOUFFLOT
1756-1797

4. SAN STEFANO ROTONDO
ARCHITECT UNKNOWN
468-483

5. ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1883-1888

6. UNITY TEMPLE
FRANK LLOYD WRIGHT
1906

7. FONTEVRAULT ABBEY
ARCHITECT UNKNOWN
1115

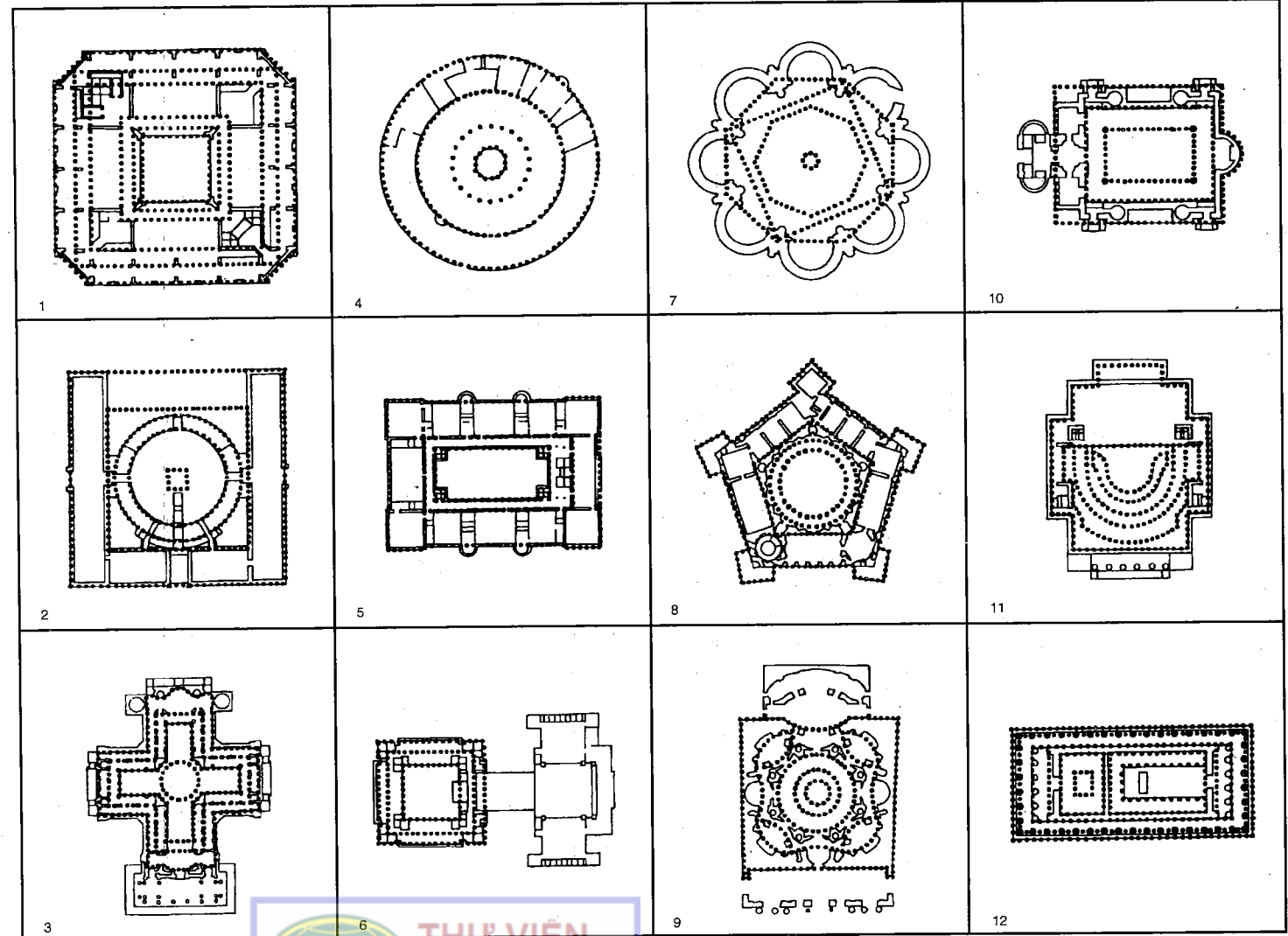
8. VILLA FARNESE
GIACOMO DA VIGNOLA
1559-1564

9. SAN LORENZO
GUARINO GUARINI
1666-1679

10. ST. GEORGE-IN-THE-EAST
NICHOLAS HAWKSMOOR
1714-1729

11. THEATER IN BESANCON, FRANCE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775

12. PARTHENON
ICTINUS
447-430 B.C.



MÔ THỨC SONG NHÂN

Mô thức song nhân bao hàm 2 bộ phận quan trọng như nhau. Mỗi liên kết khối nối giữa 2 nhân có thể là hình thể kiến trúc của lối vào, một cây cầu, một không gian trống, một thực thể hoặc ảo...

H.1. Nhà ở Robinson, H.2. Toà nhà hội nghị ở Williamsburg, H.4. Nhà thờ Nhất ngôi; H.3. Toà nhà Stratford: khối nối là không gian sử dụng chủ yếu; H.5. Cung Nữ hoàng: khối nối là cây cầu; H.6. Ngân hàng bưu điện tín dụng, H.7. Lâu đài Nashdom, H.8. Trường chuyên khoa Olivetti: khối nối là mối liên kết âm thị; H.9. Viện nghiên cứu sinh học - Đại học Salk: khối nối là một mảng không gian trống; H.10. Toà nhà Viện

y học Oita, H.11. Cung văn hoá Helsinki, H.12. Trung tâm nghệ thuật Paul Mellon: đều tổ hợp cách rời hai hình kế hoạch khác nhau; H.13. Nhà thờ St. Paul, H.19. Trung tâm hội nghị Dipoli: liên kết trực tiếp 2 hình kế hoạch khác nhau; H.14. Đài thiên văn Berlin, H.15. Nhà thờ Redentore: tổ hợp 2 hình thể đơn giản và phức tạp với nhau; H.16. Nhà ở Farnsworth, H.17. Học viện Hoa kỳ ở Rome, H.18. Trung tâm năng lượng: tổ hợp 2 nhân đơn thể một thực, một ảo; H.20. Trung tâm Carpenter, H.21. Ngôi nhà Norman Fisher: 2 đơn thể có chiều hướng khác nhau; H.22. Trung tâm âm nhạc Lang, H.23. Nhà ở Frederick G. Robie: 2 đơn thể có thể tương tự về hình thức nhưng công năng khác nhau; H.24. Gian triển lãm tại Zurich: mô thức song nhân biểu hiện trên mặt đứng.

1. ROBINSON HOUSE
MARCEL BREUER
1947

2. THE CAPITOL AT WILLIAMSBURG
ARCHITECT UNKNOWN
1701

3. STRATFORD HALL
ARCHITECT UNKNOWN
1725

4. UNITY TEMPLE
FRANK LLOYD WRIGHT
1906

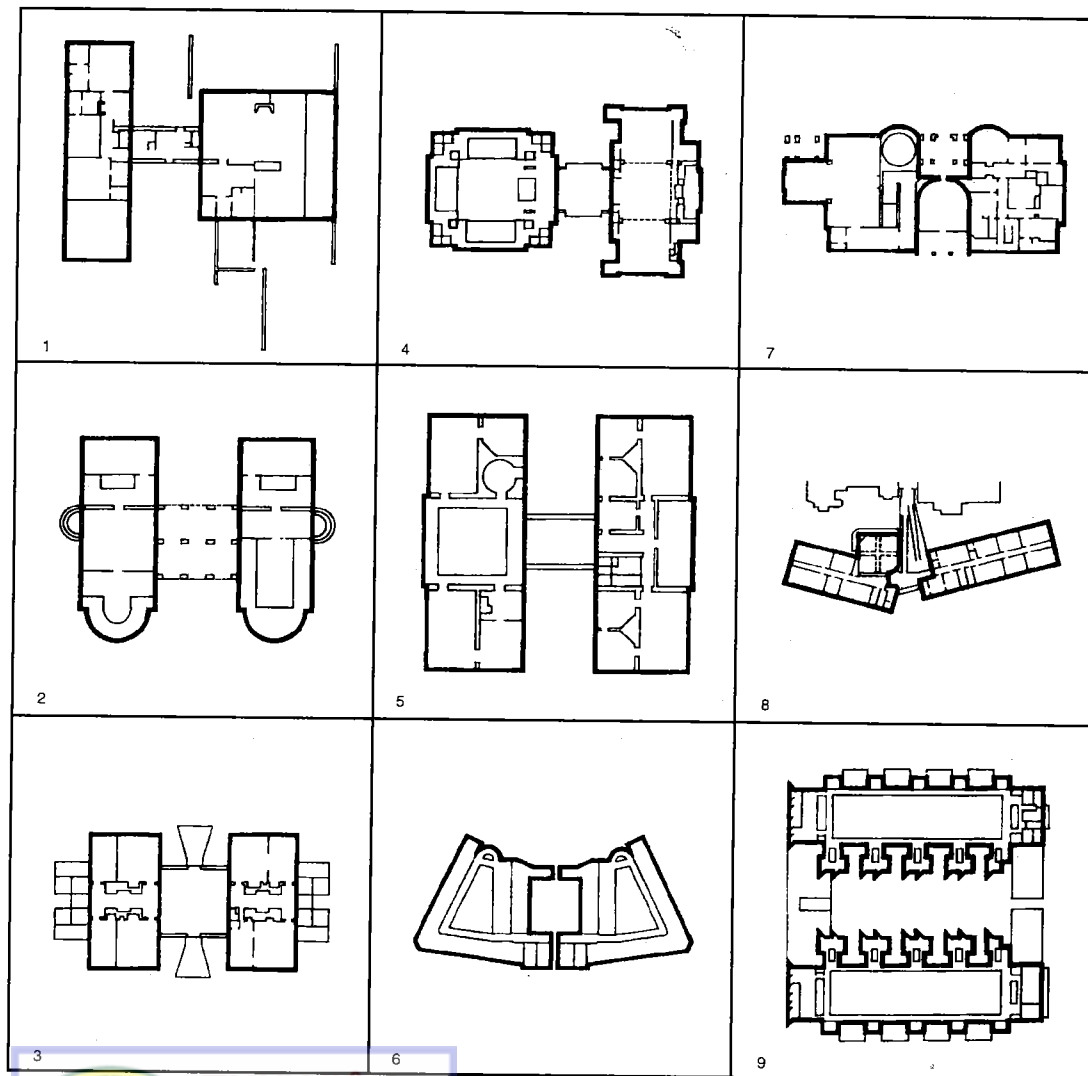
5. THE QUEEN'S HOUSE
INIGO JONES
1629-1635

6. POST OFFICE SAVINGS BANK
OTTO WAGNER
1904-1906

7. NASHDOM
EDWIN LUTYENS
1905-1909

8. OLIVETTI TRAINING SCHOOL
JAMES STIRLING
1969

9. SALK INSTITUTE
LOUIS I. KAHN
1959-1965



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

10. ANNEX TO OITA MEDICAL HALL
ARATA ISOZAKI
1970-1972

11. HOUSE OF CULTURE IN HELSINKI
ALVAR AALTO
1955-1958

12. PAUL MELLON ARTS CENTER
I. M. PEI
1970-1973

13. ST. PAUL'S CHURCH
LOUIS SULLIVAN
1910-1914

14. OBSERVATORY IN BERLIN
KARL FRIEDRICH SCHINKEL
1835

15. REDENTORE CHURCH
ANDREA PALLADIO
1576-1591

16. FARNSWORTH HOUSE
LUDWIG MIES VAN DER ROHE
1945-1950

17. THE AMERICAN ACADEMY IN ROME
McKIM, MEAD, AND WHITE
1913

18. POWER CENTER
ROCHE-DINKELDOO
1965-1971

19. DIPOLI CONFERENCE CENTER
REIMA PIETILÄ
c. 1966

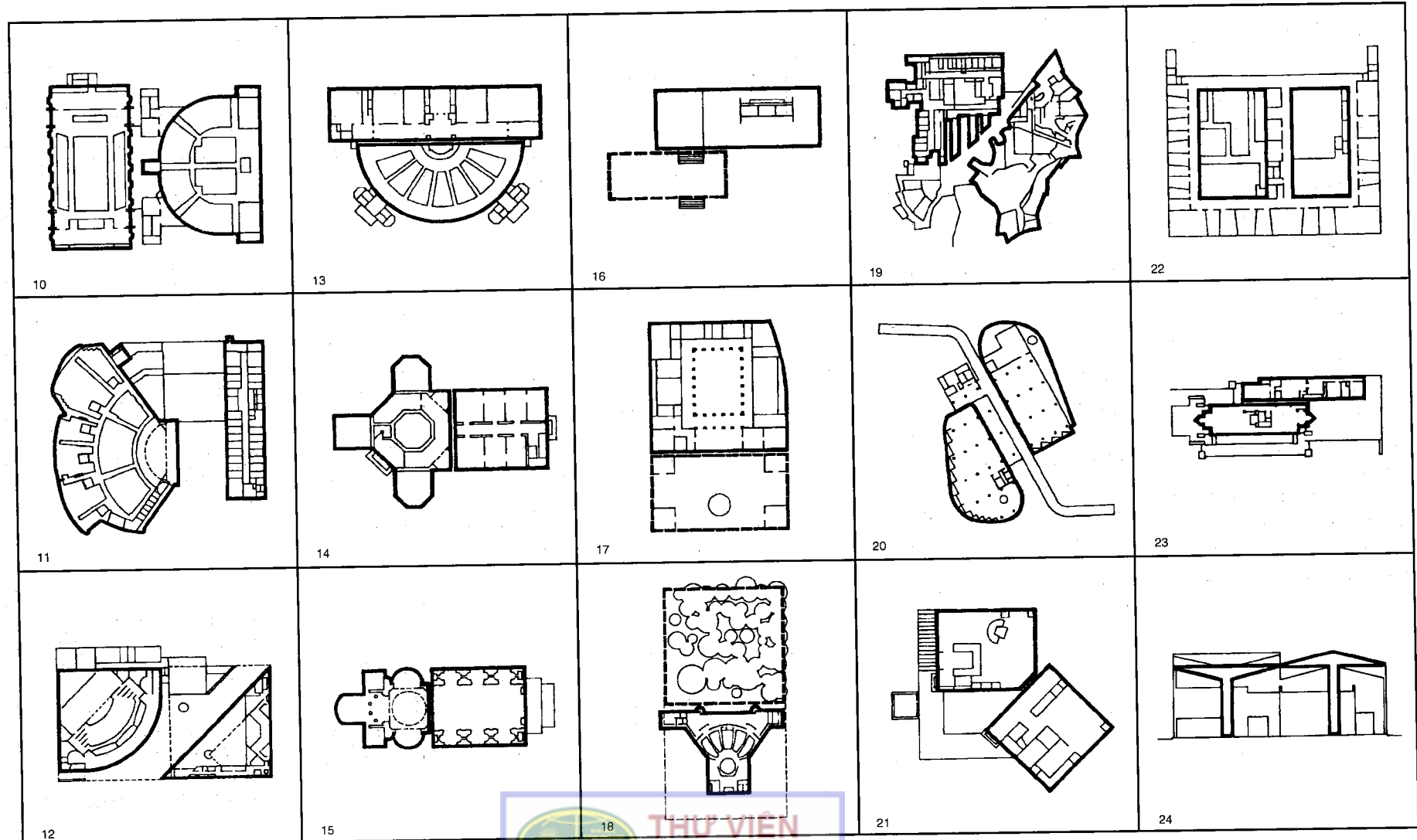
20. CARPENTER CENTER
LE CORBUSIER
1961-1963

21. NORMAN FISHER HOUSE
LOUIS I. KAHN
1960

22. LANG MUSIC BUILDING
ROMALDO GIURGOIA
1973

23. FREDERICK G. ROBIE HOUSE
FRANK LLOYD WRIGHT
1909

24. EXHIBITION PAVILION IN ZURICH
LE CORBUSIER
1964-1965



DIỄN TIẾN

Diễn tiến là cách biến hoá tuần tự, biến hoá âm thị một quá trình vận động từ một trạng thái hoặc thuộc tính tới một trạng thái hoặc thuộc tính khác. Tính chất của biến hoá xác định loại hình diễn tiến. Sau đây, giới thiệu một số loại hình diễn tiến: đẳng cấp hình thể, chuyển hoán, biến hình, trung gian.

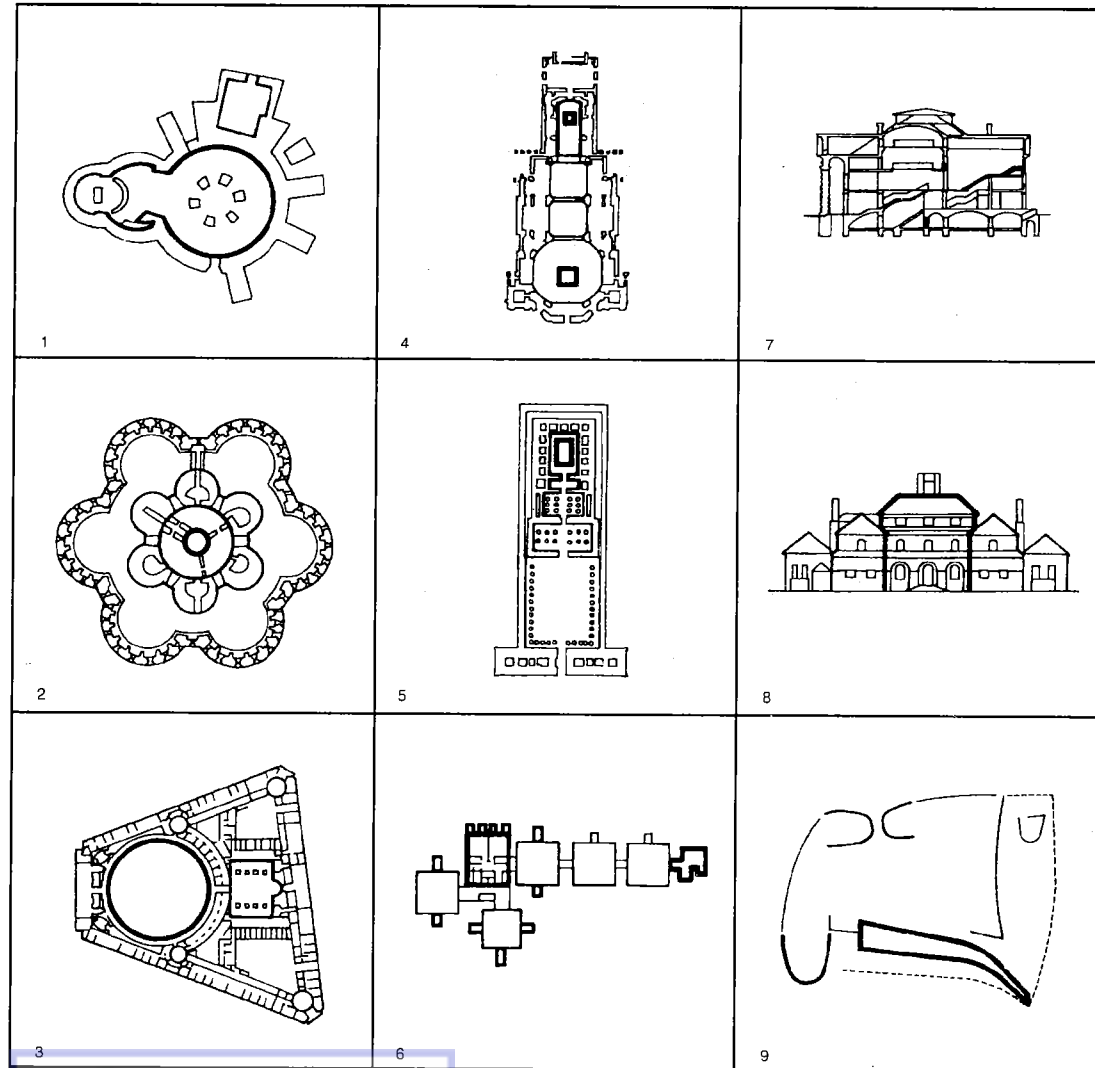
ĐẲNG CẤP KHỐI

Đẳng cấp hình thể nội dung là an bài theo thứ tự, địa vị, căn cứ vào phạm trù thuộc tính nào đó của các đơn thể, cho nên giá trị và tính trọng yếu của mỗi đơn thể quyết định do sự tồn tại hoặc không tồn tại của thuộc tính đó.

H.1. Nhà thờ Osterlars: đẳng cấp hình thể xác định từ mức độ lớn nhỏ của không gian bên trong; H.2. Lâu đài Deal: thuộc mô thức đồng

tâm, biểu hiện một kiểu trật tự hướng tâm, càng vào trung tâm, không gian càng trọng yếu; H.3. Tổng bộ cảnh sát: đẳng cấp hình thể quyết định do mức độ lớn nhỏ, mức độ hoàn chỉnh, ấn tượng của hình thể và không gian. Phạm vi đẳng cấp ở đây bao gồm từ hình dạng chủ yếu tới tính bối cảnh, tính chèn đệm; H.4. Tu viện Einsiedeln, H.5. Miếu thần Horus, H.7. Nhà ở Director: thể hiện đẳng cấp hình thể từ thần thánh đến thế tục. Sự khác biệt giữa 3 công trình này là ở chỗ: đối với Tu viện Einsiedeln không gian thần thánh xuất hiện ở 2 nơi, còn ở Miếu thần Horus và Nhà ở Director lại xuất hiện trên một phương nào đó ở chung đoạn. Ở ví dụ cuối cùng trong đó, là biểu hiện đẳng cấp hình thể trên mặt cắt; H.6. Trung tâm nghiên cứu y học Richards: đẳng cấp hình thể là quá trình tiến triển không gian: từ không gian thiết bị tập trung đến không gian thiết bị đơn lẻ, tiếp đến là không gian phi thiết bị; H.8. Ngôi nhà Heathcote: trật tự địa vị thể hiện trên mặt đứng, an bài căn cứ khoảng cách xa gần tới trung tâm; H.9. Nhà thờ Đức mẹ - Ronchamp: đẳng cấp hình thể tùy thuộc vào sự biến hoá cao độ và mức độ phức tạp của lỗ cửa sổ.

- | | | |
|--|---|--|
| 1. OSTERLARS CHURCH
ARCHITECT UNKNOWN
12th CENTURY | 4. EINSIEDELN ABBEY
KASPAR MOOSBRUGGER
1719-1735 | 7. DIRECTOR'S HOUSE
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1775-1779 |
| 2. DEAL CASTLE
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1540 | 5. TEMPLE OF HORUS
ARCHITECT UNKNOWN
237 B.C.-57 B.C. | 8. HEATHCOTE
EDWIN LUTYENS
1906 |
| 3. POLICE HEADQUARTERS
HACK KAMPMANN
1918-1924 | 6. RICHARDS RESEARCH BUILDING
LOUIS I. KAHN
1967-1961 | 9. CHAPEL AT RONCHAMP
LE CORBUSIER
1950-1955 |



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

CHUYỂN HOÁN

Chuyển hoán là một loại đặc trưng của biểu hiện, hàm chỉ sự biến hoá tuần tự trong phạm vi giới hạn.

H.1. Viện dưỡng lão: một bên tường hình dạng đơn giản, chuyển hoán dần tới hình dạng phức tạp; H.2. Miếu thần ở Tarxien - Malta, H.3. Viện khoa học Boyer, H.4. Ngôi nhà Faun, H.5. Tòa nhà trung tâm Pennsylvania: là những thí dụ chuyển hoán lớn nhỏ; H.6. Nhà thờ Tam thánh - Ukrainian, H.7. Công trình phía Nam ở Monte Alban, H.8. Nhà ở Moore: cũng là những thí dụ chuyển hoán lớn nhỏ; H.9. Lễ bái đường Pazzi, H.10. Lễ bái đường Woodland, H.11. Khách sạn hội nghị, H.12. Biệt thự trên suối: đều biểu hiện quá trình chuyển hoán từ khai mở đến khép kín.

1. GUILD HOUSE
ROBERT VENTURI
1961

2. TEMPLE IN TARXIEEN, MALTA
ARCHITECT UNKNOWN
2100 B.C.-1900 B.C.

3. BOYER HALL OF SCIENCE
GBQC
1970-1972

4. HOUSE OF THE FAUN
ARCHITECT UNKNOWN
2nd CENTURY B.C.

5. HOUSE IN CENTRAL PENNSYLVANIA
HUGH NEWELL JACOBSEN
1980

6. HOLY TRINITY UKRAINIAN CHURCH
RADOSLAV ZUK
1977

7. SOUTH PLATFORM AT MONTE ALBAN
ARCHITECT UNKNOWN
c. 500

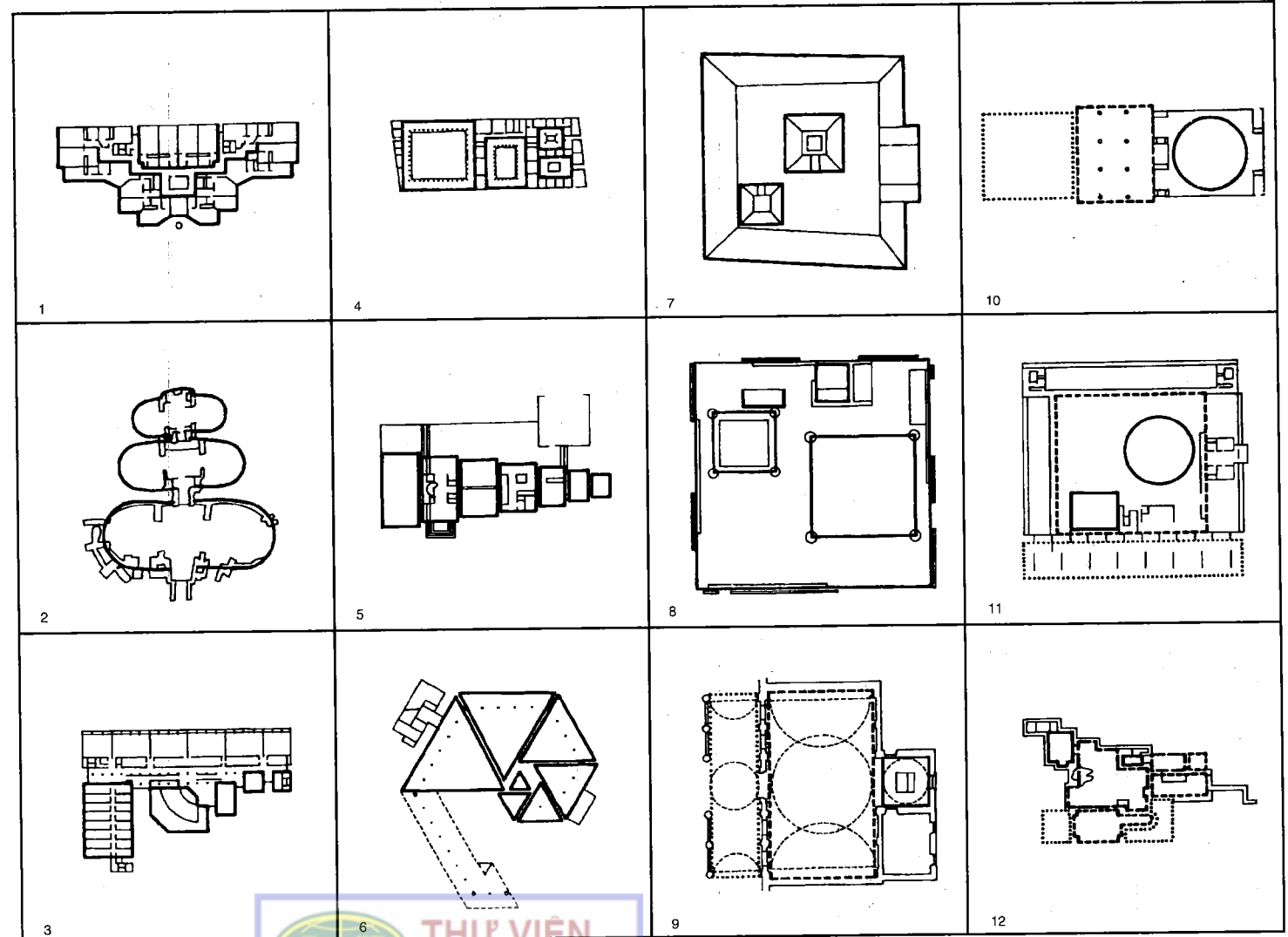
8. MOORE HOUSE
CHARLES MOORE
1962

9. PAZZI CHAPEL
FILIPPO BRUNELLESCHI
1430-1461

10. WOODLAND CHAPEL
ERIK GUNNAR ASPLUND
1918-1920

11. THE PALACE OF ASSEMBLY
LE CORBUSIER
1953-1963

12. FALLINGWATER
FRANK LLOYD WRIGHT
1935



1. SAN LORENZO
GUARINO GUARINI
1666-1679

2. FONTEVRAULT ABBEY
ARCHITECT UNKNOWN
1115

3. HADRIAN'S MARITIME THEATER
ARCHITECT UNKNOWN
125-135

4. SAN MARIA DELLA CONSOLAZIONE
ARCHITECT UNKNOWN
1508

5. NATIONAL ASSEMBLY IN DACCA
LOUIS I. KAHN
1962-1974

6. ST. MARY'S CATHEDRAL
KENZO TANGE
1963

7. CHURCH AT FIRMINY
LE CORBUSIER
1963

8. LISTER COUNTY COURTHOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1921

9. ADULT LEARNING LABORATORY
ROMALDO GIURGOLA
1972

10. KARLSKIRCHE
JOHAN FISHER VON ERLACH
1715-1737

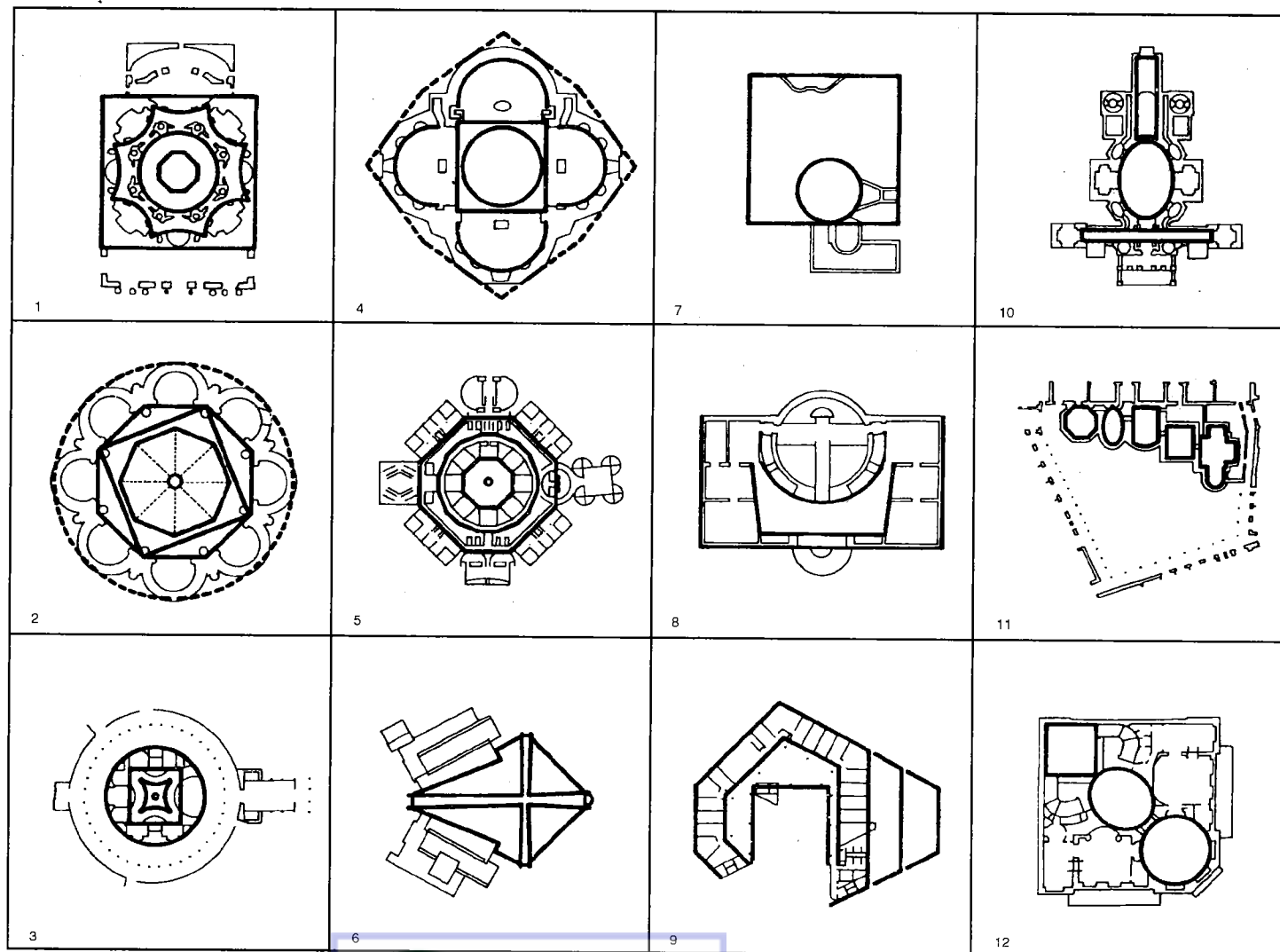
11. BATHS AT OSTIA, ITALY
ARCHITECT UNKNOWN
c. 150

12. HOTEL DE MONTMORENCY
CLAUDE NICHOLAS LEDOUX
1769

BIẾN HÌNH

Biến hình là sự biến hoá tuần tự từ loại hình thể này đến loại hình thể khác.

H.1. Nhà thờ Thánh Lorenzo - KTS. Guarino Guarini, H.2. Tu viện Fontevault, H.3. Nhà hát Hadrian's Maritime, H.4. Nhà thờ Thánh Maria Della Consolazione, H.5. Cung hội nghị Quốc gia ở Dacca: đều biến hình theo thức đồng tâm. Trong những kiến trúc đó, hình thể ở giữa, thông qua những biến hoá và diễn tiến cho tới một hình thể khác ở xung quanh; H.6. Nhà thờ lớn Thánh Mary: từ hình thoi biến thành hình chữ thập; H.7. Nhà thờ ở Firminy: từ hình vuông biến thành hình tròn. Cả 2 thí dụ H.6 và H.7 đều theo phương thẳng đứng, từ tầng trệt đến mái đều xuất hiện biến hình; H.8. Toà án Lister, H.9. Viện học tập nghiên cứu thực nghiệm vị thành niên: là những thí dụ về bộ phận trọng yếu trong kiến trúc biến hình từ ngoài vào trong; H.10. Nhà thờ Karlskirche: sự biến hoá phương hướng và hình thể tương cận; H.11. Phòng tắm Ostia, H.12. Khách sạn Montmorency: dễ dàng nhận thấy sự biến hình của các đơn nguyên tương cận.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

1. ROYAL CHANCELLERY
ERIK GUNNAR ASPLUND
1922
2. EURAM BUILDING
HARTMAN-COX
1971
3. ALAJARVI TOWN HALL
ALVAR AALTO
1966

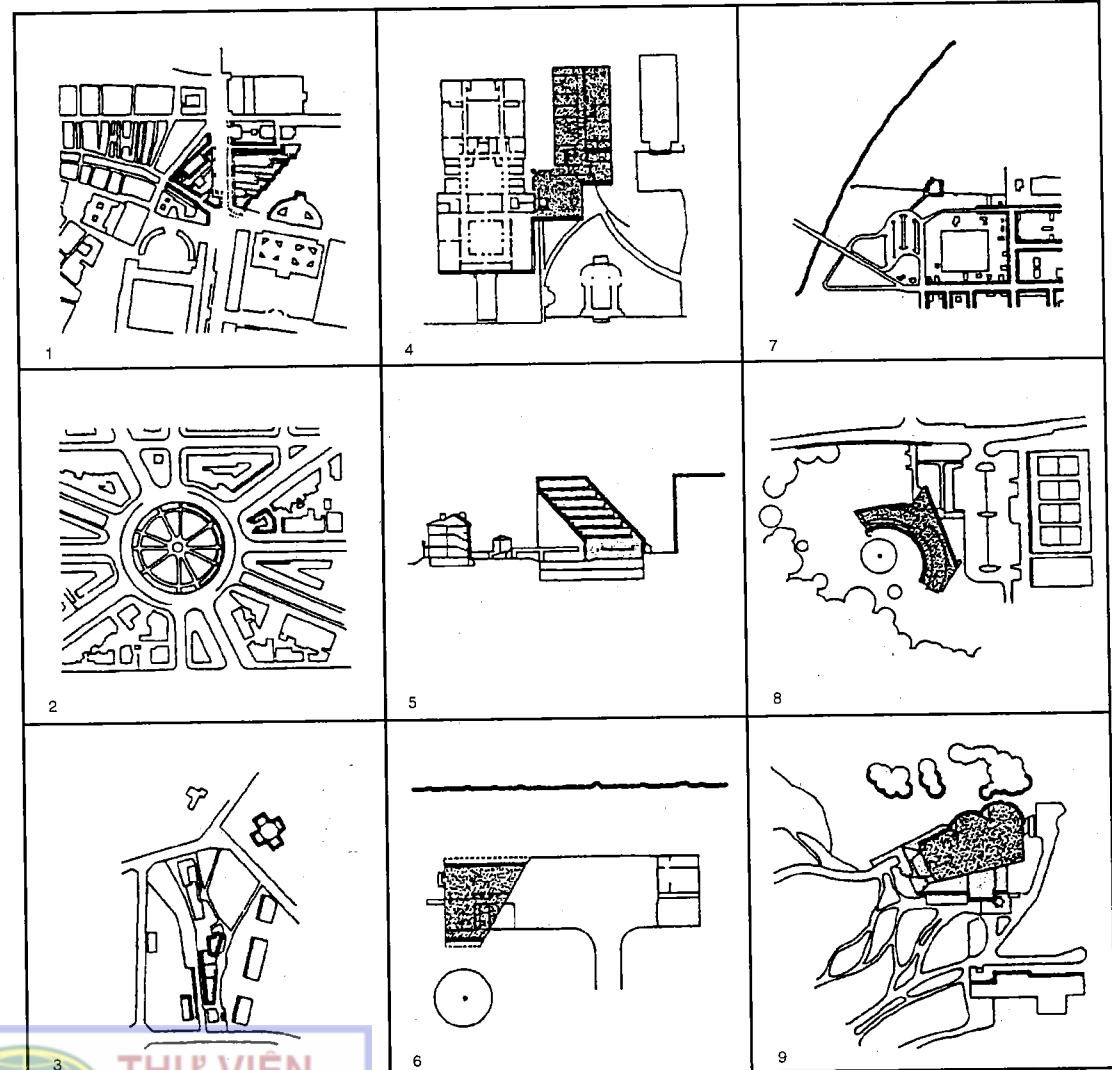
4. ALLEN ART MUSEUM ADDITION
ROBERT VENTURI
1973-1976
5. AIA HEADQUARTERS
ROMALDO GIURGOLA
1967
6. WEEKEND HOUSE
EDWARD LARABEE BARNES
c. 1963

7. THE ATHENEUM
RICHARD MEIER
1975-1979
8. TREDYFFRIN PUBLIC LIBRARY
ROMALDO GIURGOLA
1976
9. VOUKSENNISKA CHURCH, IMATRA
ALVAR AALTO
1956-1958

TRUNG GIAN

Trung gian là một loại hình thể nào đó đặt vào giữa 2 hoàn cảnh bên ngoài bản thân kiến trúc. Phương thức diễn tiến này thường xuất hiện giữa 2 hoàn cảnh tự nhiên, giữa 2 kiến trúc, hay một hình thể kiến trúc và một hoàn cảnh tự nhiên.

H.1. Lâu đài Hoàng gia, H.2. Toà nhà Euram, H.3. Toà thị chính Alajarvi, H.4. Bảo tàng nghệ thuật Allen, H.5. Tổng bộ A.I.A: thiết kế các khối trung gian nhằm hài hoà hiện trạng hoàn cảnh kiến trúc; H.6. Biệt thự cuối tuần: chèn vào giữa 2 hoàn cảnh tự nhiên, một bên là dòng chảy, một bên xuôi theo mặt bằng dòng chảy, một bên cây xanh trên phương vuông góc; H.7. Trung tâm lễ khách, H.8. Thư viện công cộng Tredyffrin, H.9. Nhà thờ Vouksenniska: khối trung gian ở giữa một bên là hình thái tự nhiên và một bên là hình thể kiến trúc. Trung tâm lễ khách ở giữa, một bên là dòng sông uốn cong, một bên là khu phố ô cờ. Thư viện công cộng Tredyffrin, kiến trúc chen vào giữa, một bên là dải cây xanh và một bên là hoàn cảnh kiến trúc ô vuông. Trong thiết kế Nhà thờ Vouksenniska, đặt kiến trúc trung gian vào giữa một kiến trúc khác và khối cây xanh liên tục tự nhiên.



THU NHỎ

Thu nhỏ có thể thu nhỏ tổng thể hoặc là một bộ phận trọng yếu của kiến trúc. Sau khi thu nhỏ kích thước, khối thu nhỏ có thể bao hàm trong tổng thể kiến trúc như là một bộ phận hay cũng có thể là một đơn thể tổ hợp thêm vào hình thể ban đầu.

THU NHỎ, GHÉP NHỎ VÀO LỚN

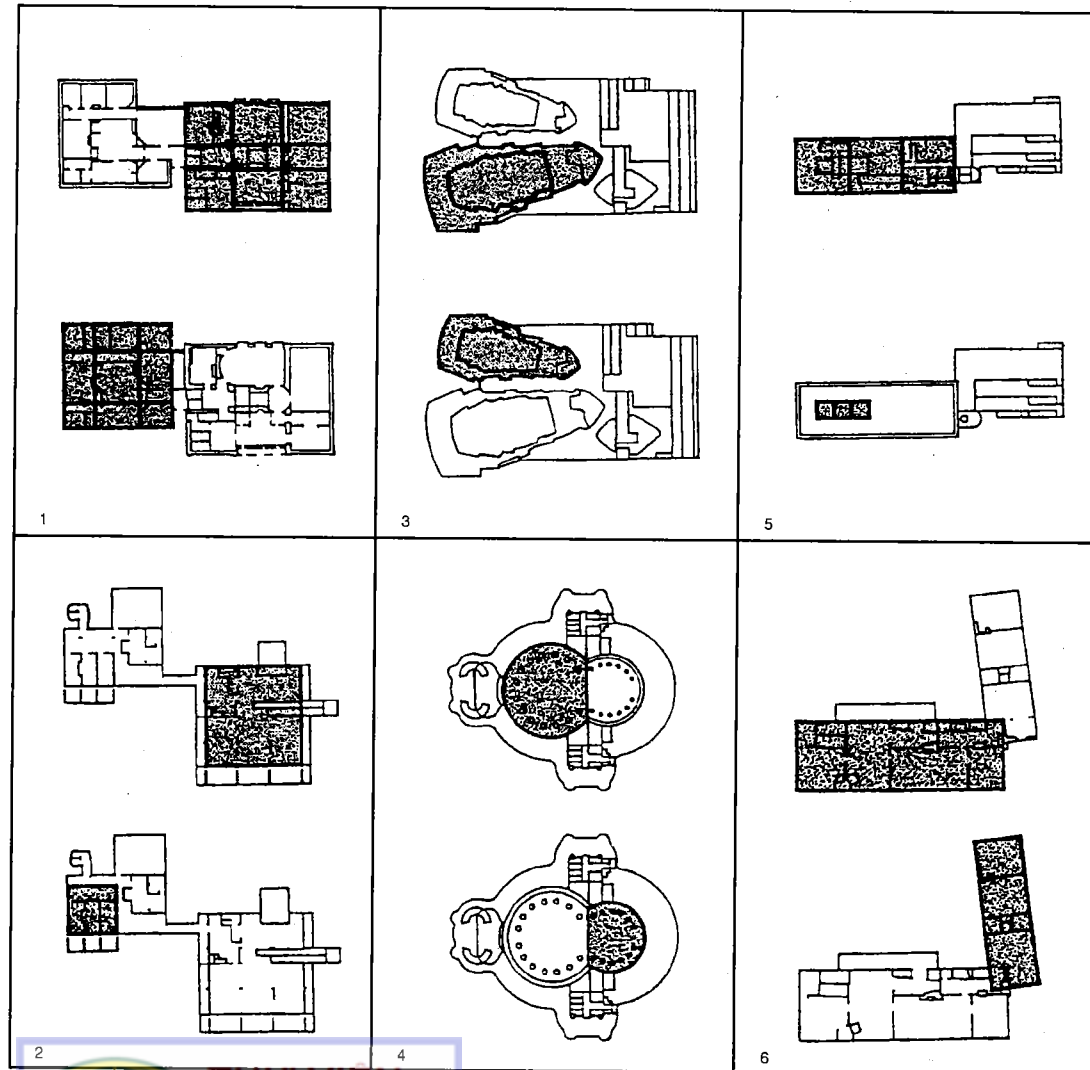
Hình thể thu nhỏ thường giữ vai trò phụ trợ trong tổng thể.

H.1. Ngôi nhà Salutation, H.2. Biệt thự Shodhan, H.5. Tòa nhà Shukosha, H.6. Nhà ở Snellman, H.7. Nhà ở Frederick G. Robie, H.8. Nhà ở Avery Coonley, H.9. Nhà thờ Nhất ngôi: hình thể thu nhỏ giữ vai trò phụ trợ, nhưng xuất hiện trên mặt đứng; H.3. Nhà hát Opera Sydney, H.4. Goetheanum I, H.11. Nhà hát Mummern, H.12. Nhà hoá táng Woodland, H.13. Nhà ở Travis Van Buren, H.14. Tòa nhà trung tâm giáo xứ Wolfsburg: hình thể thu nhỏ trong tổng thể kiến trúc đều có công năng tương tự. Trong hình thức thu nhỏ, ghép nhỏ vào lớn, mỗi kích thước không gian giới hạn chỉ có một hình thể; H.10. Lâu đài Del Monte: rất nhiều đơn nguyên nhỏ ghép vào khối nguyên thủy, vận dụng cấu trúc thu nhỏ rất lý thú khi thiết kế mở rộng; H.15. Nhà ở Claghorn: bộ phận mở rộng chính là thu nhỏ kiến trúc nguyên thủy; H.16. Trung tâm thị chính Saynatsalo: gian hội nghị chính là tổng thể thu nhỏ.

1. THE SALUTATION
EDWIN LUTYENS
1911
2. VILLA SHODHAN
LE CORBUSIER
1951

3. SYDNEY OPERA HOUSE
JORN UTZON
1957-1968
4. GOETHEANUM I
RUDOLF STEINER
1913-1920

5. SHUKOSHA BUILDING
ARATA ISOZAKI
1974-1975
6. SNELLMAN HOUSE
ERIK GUNNAR ASPLUND
1917-1918



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

7. **FREDERICK G. ROBIE HOUSE**
FRANK LLOYD WRIGHT
1909

8. **AVERY COONLEY HOUSE**
FRANK LLOYD WRIGHT
1907

9. **UNITY TEMPLE**
FRANK LLOYD WRIGHT
1906

10. **CASTLE DEL MONTE**
ARCHITECT UNKNOWN
c. 1240

11. **MUMMERS THEATER**
JOHN M. JOHANSEN
1970

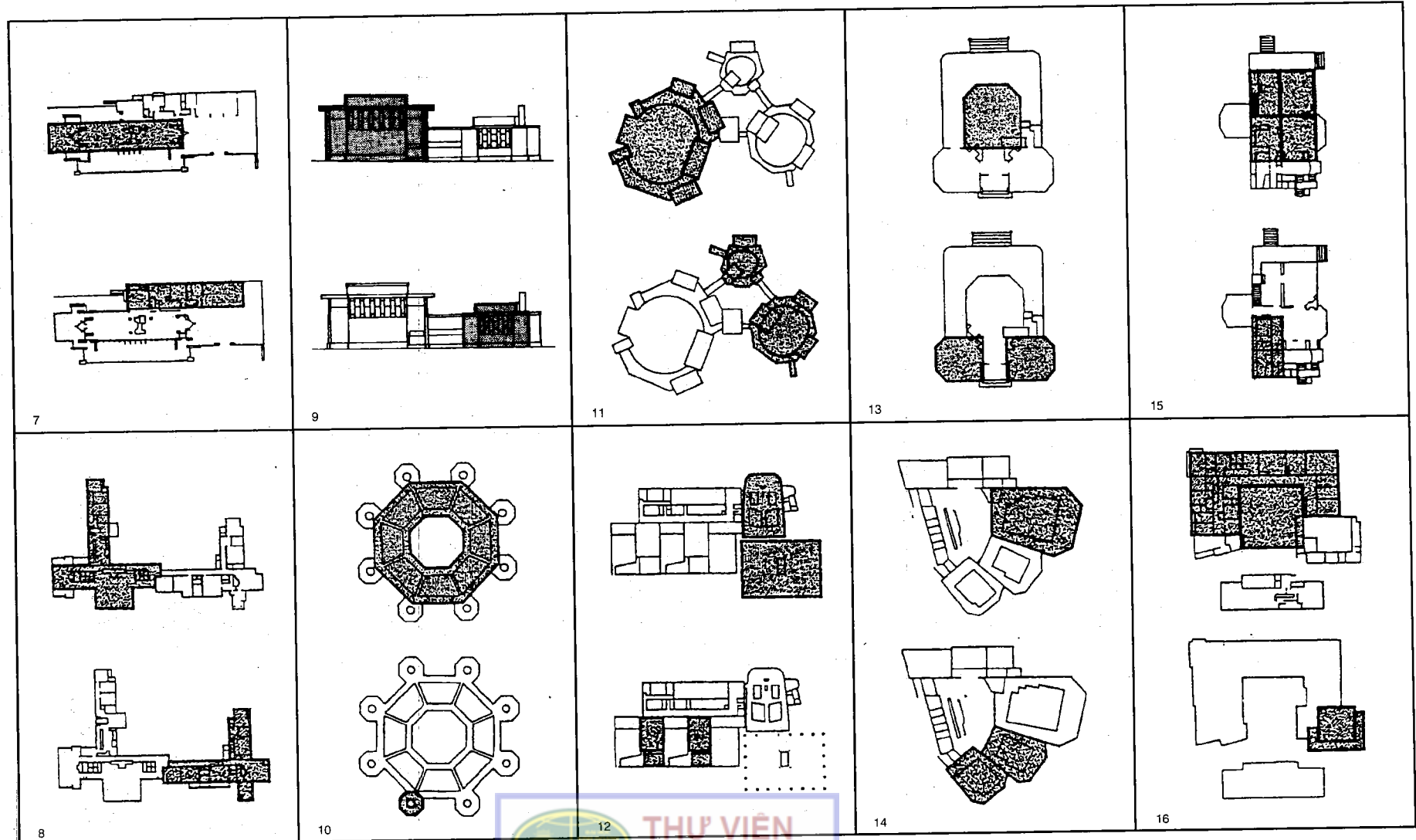
12. **WOODLAND CREMATORIUM**
ERIK GUNNAR ASPLUND
1935-1940

13. **TRAVIS VAN BUREN HOUSE**
BRUCE PRICE
1885

14. **WOLFSBURG PARISH CENTER HALL**
ALVAR AALTO
1960-1962

15. **CLAGHORN HOUSE**
MICHAEL GRAVES
1974

16. **SAYNATSALO TOWN HALL**
ALVAR AALTO
1950-1952



TỔNG THỂ THU NHỎ THÀNH CỤC BỘ

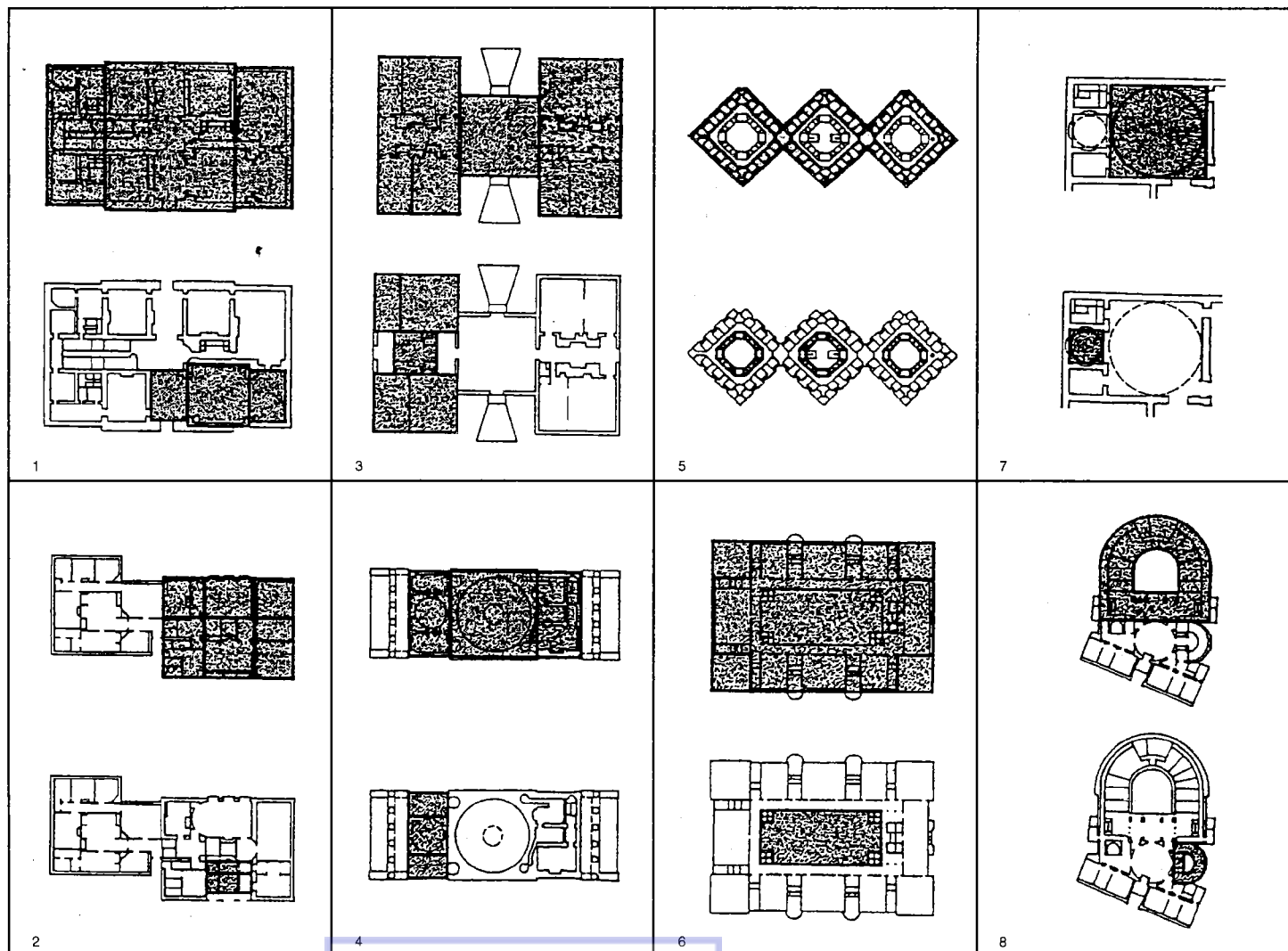
H.1. Lâu đài Easton Neston, H.2. Ngôi nhà Salutation, H.3. Toà nhà Stratford, H.4. Ngân hàng Pennsylvania: một gian phòng chủ yếu, một không gian hoặc một tổ hợp không gian chính là hình ảnh thu nhỏ của tổng thể kiến trúc; H.5. Ký túc xá Erdman, H.6. Toà án Allegheny, H.14. Viện dưỡng lão: cũng sử dụng giải pháp tương tự; H.7. Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo, H.8. Ngân hàng Lander: cục bộ trong tổng thể: một không gian, một cầu thang chủ yếu đều là những hình thể thu nhỏ của một hình thể hoặc một không gian chủ yếu nhất trong tổng thể; H.9. Nhà thờ Christ, H.10. Nhà thờ St. Clement Danes: cũng tương tự như trên, trong đó không gian tương cận giới hạn bằng cột là hình thu nhỏ của tháp lầu và kiến trúc; H.11. Nhà ở Moore: 2 bộ phận thu nhỏ là hình ảnh của tổng thể; H.12. Nhà thờ St. Mary: trung đoạn thu nhỏ thành mái cong và không gian tương cận nhỏ hơn; H.13. Ngôi nhà Heathcote: thu nhỏ hình dạng mặt bằng phía hướng ra vườn hoa, hình thành cửa vào; H.15. Miếu thần Parthenon: không gian hình thành do tường và cột thu nhỏ lần lượt đối nhau; H.16. Nhà ở Hanselmann: ngoại hình tổ hợp với khối thực và ảo của kiến trúc phía trước thu nhỏ lại thành không gian sử dụng chủ yếu; H.17. Nhà ở Yano: mặt bằng thu nhỏ cấu thành một bộ phận của mặt cắt; H.18. Nhà ở Carl Tucker III: thu nhỏ mặt đứng thành khối lõm sâu bên trong.

1. EASTON NESTON
NICHOLAS HAWKSMOOR
c. 1695-1710
2. THE SALUTATION
EDWIN LUTYENS
1911

3. STRATFORD HALL
ARCHITECT UNKNOWN
1725
4. BANK OF PENNSYLVANIA
BENJAMIN HENRY LATROBE
1798-1800

5. ERDMAN HALL DORMITORIES
LOUIS I. KAHN
1960-1965
6. ALLEGHENY COUNTY COURTHOUSE
HENRY HOBSON RICHARDSON
1883-1888

7. OLD SACRISTY
FILIPPO BRUNELLESCHI
1421-1440
8. LANDERBANK
OTTO WAGNER
1883-1884



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

9. CHRIST CHURCH
NICHOLAS HAWKSMOOR
1715-1729

10. ST. CLEMENT DANES
CHRISTOPHER WREN
1680

11. MOORE HOUSE
CHARLES MOORE
1962

12. ST. MARY'S CATHEDRAL
BENJAMIN HENRY LATROBE
1814-1818

13. HEATHCOTE
EDWIN LUTYENS
1906

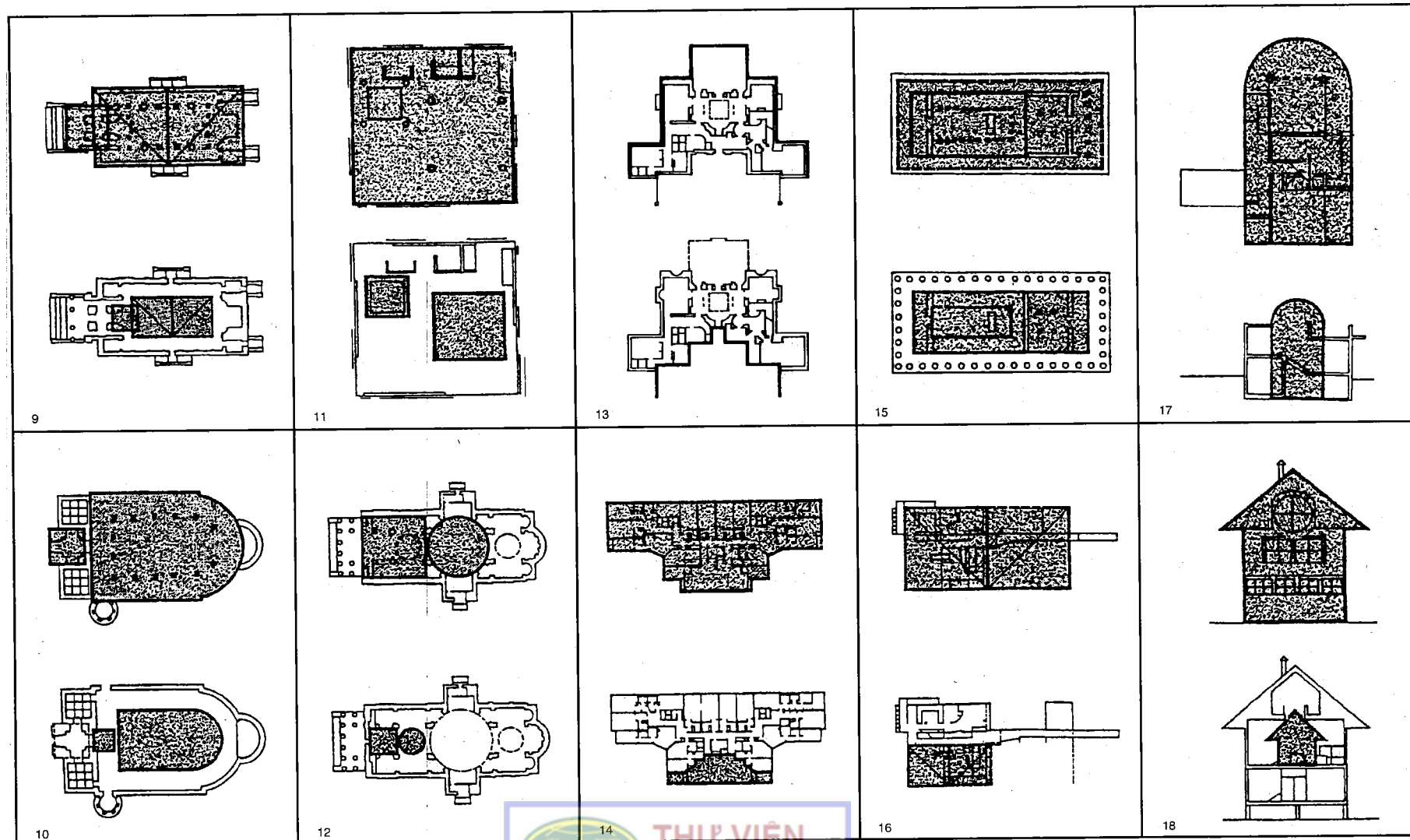
14. GUILD HOUSE
ROBERT VENTURI
1961

15. PARTHENON
ICTINUS
447 B.C-430 B.C.

16. HANSELMANN HOUSE
MICHAEL GRAVES
1967

17. YANO HOUSE
ARATA ISOZAKI
1975

18. CARLL TUCKER III HOUSE
ROBERT VENTURI
1975



KIẾN TRÚC SƯ VÀ TÁC PHẨM

Trong cuốn sách, biên liệt trùng lặp các tư liệu ở hai danh lục: danh lục kiến trúc sư; danh lục công trình kiến trúc. Trong danh lục kiến trúc sư, bao gồm niên đại sinh hoạt của mỗi kiến trúc sư như chúng ta đã biết, cùng những công trình kiến trúc do kiến trúc sư thiết kế, kèm theo niên đại ra đời của mỗi công trình. Sau cùng là số thứ tự trong sách. Chúng tôi không dịch danh lục thứ 2, vì đã có đủ trong danh lục kiến trúc sư.

Aalto, Alvar 1898 - 1976

Tòa thị chính Alajarvi 1966/268
Ký túc xá Baker 1947 - 1948/256
Tổng bộ công ty Enso - Gutzeit 1959 - 1962/24, 216, 233, 253, 261
Dinh hội nghị Finlandia 1967 - 1971/222
Cung văn hóa Helsinki 1955 - 1958/264
Chung cư Neur Vahr 1958 - 1962/252
Viện an dưỡng Paimio 1929 - 1933/224
Trung tâm giáo xứ Riola 1970/238
Văn phòng thiết kế Aalto 1955/244
Trung tâm thị chính Saynatsalo 1950 - 1952/20, 224, 232, 238, 270
Tòa thị chính Seinajoki 1962 - 1965/231
Văn phòng Turun Sanomat 1927 - 1929/254
Biệt thự Maireia 1937 - 1939/248
Nhà thờ Vouksenniska 1956 - 1958/22, 219, 224, 239, 268
Trung tâm văn hóa Wolfsburg 1958 - 1962/26, 216, 224, 234, 240

Nhà thờ trung tâm giáo xứ Wolfsburg 1960 - 1962/252

Tòa nhà trung tâm giáo xứ Wolfsburg 1960 - 1962/270

Adams, Robert 1728 - 1792

Nhà của người bảo vệ công viên 1768/245

Alberti, Leon Battista 1404 - 1472

Nhà thờ San Sebastiano 1459/254

Alessi, Galeazzo 1512 - 1572

Nhà thờ San Maria Di Carignano 1552/247

Ando, Tadao 1941 -

Nhà thờ - Mt. Rokko 1985 - 1986/28

Nhà thờ trên nước 1985 - 1988/30

Antemius of Tralles thế kỷ 6

Nhà thờ Hagia Sophia 532/247

Asplund, Erik Gunnar 1885 - 1940

Tòa án Lister 1917 - 1921/36, 218, 225, 234, 235, 238, 245, 249, 269

Lâu đài Hoàng gia 1922/250, 268

Nhà ở Snellman 1917 - 1918/32, 213, 229, 238, 250, 251, 256, 269



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Thư viện công cộng Stockholm 1920 - 1928/ 38, 219, 224, 238, 233, 235, 243, 257, 262

Lễ bái đường Woodland 1918 - 1920/ 34, 240, 243, 266

Nhà hỏa táng Woodland 1935 - 1940/ 260

Barnes, Edward Larabee 1922 -

Nhà thờ Cathedral 1977/ 244

Dinh thự ở Mt. Desert Island 1975/ 226

Biệt thự cuối tuần 1963/ 219, 268

Behrens, Peter 1864 - 1940

Nhà máy điện cao thế A. E. G 1910/ 253

Nhà ở Cuno 1906 - 1907/ 251

Bohlin, Peter Q. 1937 -

Nhà ở Gaffney 1977 - 1980/ 42

Nhà ở Gates 1990 - 1993/ 46

Ngôi nhà ở Adirondacks 1987 - 1992/ 44

Nhà nghỉ cuối tuần của Eric Q. Bohlin 1973 - 1975/ 40

Bohlin và Powell *xem Peter Q. Bohlin*

Bohlin Cywinski Jackson *xem Peter Q. Bohlin*

Bohlin Cywinski Jackson/James Cutler Architects

xem Peter Q. Bohlin

Botta, Mario 1943 -

Nhà ở Bianda 1987 - 1989/ 52

Nhà thờ San Giovanni Battista 1986 - 1995/ 50

Dinh thự ở Cadenazzo, Ticino: 1970 - 1971/ 218

Dinh thự ở Massagno, Thụy Sĩ 1979/ 245

Dinh thự ở Riva San Vitale 1972 - 1973/ 48, 220, 241

Dinh thự ở Stabio 1981/ 217

Trường trung học Morbio Inferiore 1972 - 1977/ 236

Nhà thờ Beato Odorico 1987 - 1992/ 54

Borromini, Francesco 1599 - 1667

Nhà thờ San Carlo 1638 - 1641/ 250

Nhà thờ S. Ivo 1642 - 1650/ 236

Boyle, Richard (Lord Burlington) 1694 - 1753

Nhà ở Chiswick 1729/ 247

Bramante, Donato 1444 - 1514

Ý đồ kiến trúc 1473/ 239

Nhà thờ Thánh Maria 1478 - 1483/ 239

Nhà thờ San Pietro 1502/ 243

Breuer, Marcel 1902 - 1981

Nhà ở Robinson 1947/ 263

Tu viện St. John 1953 - 1961/ 214

Bảo tàng mỹ thuật Whitney 1966/ 233

Brunelleschi, Filippo 1377 - 1446

Lễ đường - Nhà thờ Thánh Lorenzo 1421 - 1440/ 56, 213, 221, 243, 249, 271

Cô nhi viện 1421 - 1445/ 58, 237, 259

Lễ bái đường Pazzi 1430 - 1461/ 266

Nhà thờ Thánh Maria Degli Angeli 1434 - 1436/ 60, 224, 228, 234, 235, 242, 251, 257

Nhà thờ San Spirito 1434/ 62, 221, 228, 235, 251

Bulfinch, Charles 1763 - 1844

Nhà ở James Swan 1796/ 245

Burlington, Earl *xem Boyle, Richard*

Cambridge Seven Associates

Thủy cung New England 1962/ 251

Castle, Richard C. 1695 - 1751

Ngôi nhà Annaglee 1740 - 1770/ 222

Chambers, William 1726 - 1796

Sòng bạc ở Rome 1754/ 245

Nhà ở York 1759/ 247

Cortona, Domenica da khoảng 1470 - 1549

Lâu đài Chambord 1519 - 1547/ 246

Dahinden, Justus 1925 -

Nhà thờ St. Antonius 1966 - 1969/ 252

Dientzenhofer, Georg 1643 - 1689

Nhà thờ Kappel Pilgrimage 1684 - 1689/ 236

Dortsman, Adrien 1625 - 1682

Nhà thờ New Lutheran 1668/ 250

Fehn, Sverre 1924 -

Bảo tàng Glacier 1991/ 66

Biệt thự Busk 1990/ 64

Fischer Von Erlach, Johann 1656 - 1723

Nhà thờ Karlskirche 1715 - 1737/ 224, 267

Furness, Frank 1839 - 1912

Ga xe lửa Baltimore - Ohio 1886/ 258

Học viện mỹ thuật Pennsylvania 1872/ 259

Gaudi, Antonio 1852 - 1926

Chung cư Mila 1905 - 1907/ 259

G. B. Q. C. *xem Geddes, Brecher, Qualls, và Cunningham*

Geddes, Brecher, Qualls, và Cunningham

Viện khoa học Boyer 1970 - 1972/ 231, 266

Viện nghiên cứu tu nghiệp cao cấp 1968 - 1972/ 230

Gilbert, Cass 1859 - 1934

Tòa án tối cao Hợp chủng quốc Hoa Kỳ 1935/ 247

Giurgola, Romaldo 1920 - *xem Michell/Giurgola*

Goodhue, Bertram 1869 - 1924

Tòa nhà hội nghị Nebraska State 1924/ 254

Graves, Michael 1934 -

Nhà ở Alexander 1971 - 1973/ 229

Nhà ở Claghorn 1974/ 270

Nhà ở Crooks 1976/ 240

Nhà ở Hanselmann 1967/ 240, 272

Greene, Charles Sumner 1868 - 1957 *xem Anh em Greene*

Greene, Henry Mather 1870 - 1954 *xem Anh em Greene*

Anh em Greene

Nhà ở D.L. James 1918/ 260

Guarini, Guarino 1624 - 1683

Nhà thờ San Lorenzo 1666 - 1679/ 262, 267

Gwathmey, Charles 1938 - *xem Gwathmey - Siegel*

Gwathmey - Siegel

Dinh thự Charof 1974 - 1976/ 217

Dinh thự Cooper 1968 - 1969/ 225

Dinh thự Elia 1971 - 1973/ 248

Dinh thự ở Bridgehampton 1969 - 1971/ 225

Hadrian 76 - 138

Miếu thần Venus và Rome 123 - 135/ 236, 259

Hardy, Hugh 1932 - *xem Hardy - Holzman - Pfieffer*

Hardy - Holzman - Pfieffer

Bảo tàng thiếu nhi Brooklyn 1977/ 230

Trung tâm bảo vệ sức khỏe chức nghiệp 1973/ 22, 230, 251, 260

Dinh thự Pratt 1974/ 225

Trường Salisbury 1972/ 225

Hartman - Cox

Tòa nhà Euram 1971/ 268

Hawksmoor, Nicholas 1661 - 1736

Nhà thờ Chris, Spitalfields 1715 - 1729/ 80, 218, 221, 222, 235, 246, 272

Lâu đài Easton Neston *khoảng* 1695 - 1710/ 76, 223, 229, 238, 246, 251, 271

Nhà thờ St. George 1714 - 1729/ 78, 223, 227, 234, 248, 262

Nhà thờ St. Mary Woolnoth 1716 - 1724/ 82, 218, 221, 241, 257

Hecker, Svi 1931 -

Nhà thờ Negev Synagogue 1967 - 1969/ 242

Hejduk, John 1929 -

Nhà ở One - half 1966/ 250

Ictinus thế kỉ 5 trước Công nguyên

Miếu thần Parthenon 447 - 430 *trước Công nguyên*/ 262, 272

Isozaki, Arata 1931 -

Tòa nhà Viện y học Oita 1970 - 1972/ 219, 239, 264

Bảo tàng mỹ thuật Gumma 1971 - 1974/ 229, 254

Tòa thị chính Kamioka 1976 - 1978/ 231

Nhà ở Nakayama 1964/ 214

Tòa nhà Shukosha 1974 - 1975/ 269

Nhà ở Yano 1975/ 272

Jacobsen, Hugh Newell 1929 -

Tòa nhà trung tâm Pennsylvania 1980/ 255, 266

Jefferson, Thomas 1743 - 1826

Nhà ở Poplar Forest *khoảng 1806/ 215, 242*

Tòa nhà tròn - Đại học Virginia 1826/ 242

Johansen, John M. 1916 -

Nhà hát Mummery 1970/ 270

Jones, Inigo 1573 - 1652

Cung Nữ hoàng 1629 - 1635/ 263

Kahn, Louis I. 1901 - 1974

Tu viện nữ dòng Dominican 1965 - 1968/ 224, 228, 260

Tòa nhà tức xá Erdman 1960 - 1965/ 225, 271

Thư viện Exeter 1967 - 1972/ 90, 215, 220, 228, 233, 236, 243, 247, 258, 262

Nhà thờ giáo phái Nhất thể thứ I 1959 - 1967/ 257

Nhà ở Fisher 1960/ 251, 264

Bảo tàng nghệ thuật Kimball 1966 - 1972/ 90, 219, 224, 230, 254

Cung hội nghị Quốc gia Dacca 1962 - 1974/ 226, 267

Trung tâm nghiên cứu y học Richards 1957 - 1961/ 84, 234, 252, 265

Viện nghiên cứu sinh học - Đại học Salk 1959 - 1965/ 86, 218, 235, 248, 263

Nhà tắm Trenton 1955 - 1956/ 254

Trung tâm nghệ thuật Vương quốc Anh ở Yale 1969 - 1974/ 248, 251, 259

Kallman và McKinnell

Tòa nhà huấn luyện thể thao Exeter 1970/ 256

Kampmann, Hack 1856 - 1920

Tổng bộ cảnh sát 1918 - 1924/ 265

Kurokawa, Kisho 1934 -

Đài thiên văn Tateshina 1976/ 243

Labrouste, Henri 1801 - 1875

Thư viện Genevieve 1838 - 1850/ 253

Latrobe, Benjamin Henry 1764 - 1820

Ngân hàng Pennsylvania 1798 - 1800/ 271

Nhà thờ lớn St. Mary 1814 - 1818/ 244, 272

Le Corbusier 1887 - 1965

Trung tâm Carpenter 1961 - 1963/ 251, 264

Nhà thờ Firminy - Vert 1963/ 267

Tu viện La Tourette 1957 - 1960/ 231, 249, 258

Ngôi nhà ở Weissenhof 1927/ 220

Bảo tàng Ahmedabad 1953 - 1957/ 252

Nhà thờ Đức mẹ - Ronchamp 1950 - 1955/ 96, 214, 226, 238, 265

Khách sạn hội nghị 1953 - 1963/ 98, 215, 222, 228, 244, 259, 261, 266

Tòa nhà triển lãm Stockholm 1962/ 214

Chung cư 1946 - 1952/ 94, 217, 231, 238, 256

Biệt thự Savoye 1928 - 1931/ 94, 217, 224, 230, 233, 240, 241, 248



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Biệt thự Shodhan 1951/ 269

Biệt thự Stein 1927/ 249

Nhà nghỉ cuối tuần 1935/ 247

Cung triển lãm Zurich 1964 - 1965/ 244

Ledoux, Claude Nicholas 1735 - 1806

Nhà ở Director 1775 - 1779/ 106, 221, 235, 265

Khách sạn Guimard 1770/ 102, 221, 238, 250

Khách sạn Montmorency 1769/ 100, 217, 222, 229, 244, 247, 255, 267

Nhà hát Besancon 1775/ 104, 216, 223, 228, 248, 262

Le Pautre, Antione 1614 - 1691

Khách sạn Beauvais 1656/ 258

Loos, Adolf 1870 - 1933

Biệt thự Khuner 1930/ 218, 227

Nhà ở Rufer 1922/ 220, 241

Nhà ở Steiner 1910/ 229

Lutyens, Edwin 1869 - 1944

Ngôi nhà Heathcote 1906/ 112, 215, 272

Ngôi nhà Homewood 1901/ 108, 229, 233, 238, 248, 261

Lâu đài Nashdom 1905 - 1909/ 110, 223, 249, 263

Ngôi nhà Salutation 1911/ 114, 216, 234, 258, 269, 271

Mckim, Mead, và White

Học viện Hoa Kỳ ở Rome 1913/ 264

Thư viện công cộng Boston 1898/ 232, 241

Thư viện J. Pierpont Morgan 1906/ 222

Tòa nhà New York Herald 1894/ 251

Tòa nhà hội nghị Rhode Island State 1895 - 1903/ 227

Machuca, Pedro 1485 - 1550

Vương thất Charles V 1527/ 243, 257

Maki, Fumihiko 1928 -

Viện tư liệu khảo cổ Shenboku 1970/ 227

Mansart, Jules Hardouin 1645 - 1708

Nhà thờ Thánh Louis Des Invalides 1676/ 247

Meier, Richard 1934 -

Bảo tàng nghệ thuật trang sức 1981/ 248

Nhà ở Shamburg 1972 - 1974/ 249

Nhà ở Smith 1965 - 1967/ 116, 213, 240

Trung tâm lễ khách 1975 - 1979/ 218, 268

Khách sạn triển lãm và hội nghị Ulm 1986 - 1992/ 120

Diễn đàn Weishaupt 1987 - 1992/ 222

Melnikov, Konstantin 1890 - 1974

Nhà ở Melnikov 1927/ 242, 251

Cầu lạc bộ Rusakov 1927/ 214, 242

Mercer, Henry 1856 - 1930

Lâu đài Mercer 1908 - 1910/ 260

Michela, Costanzo 1684 - 1754

Nhà thờ Thánh Marta 1746/ 239

Michelangelo 1475 - 1564

Thư viện Laurentian 1525/ 255

Nhà thờ nhỏ Sforza 1558/ 244

Nhà thờ Thánh Peter 1506 - 1626/ 244

Mitchell/Giurgola

Viện học tập nghiên cứu thực nghiệm vị thành niên 1972/ 68,
215, 228, 237, 248, 267

Tổng bộ A. I. A 1967/ 268

Trung tâm âm nhạc Lang 1973/ 70, 218, 221, 228, 240, 249, 264

Câu lạc bộ sinh viên Plattsburg 1974/ 72, 221, 230, 233

Thư viện công cộng Tredyffrin 1976/ 74, 222, 239, 268

Moore, Charles W. 1925 - 1993

Nhà ở Burns 1974/ 130

Nhà ở Hines 1967/ 128, 216

Nhà ở Moore, Orinda 1962/ 116, 229, 241, 259, 261, 266, 272

Chung cư ở Sea Ranch 1964 - 1965/ 126, 222, 234, 237, 253

Nhà ở Stern 1970/ 256

Moosbrugger, Kaspar 1656 - 1723

Tu viện Einsiedeln 1719 - 1735/ 265

Morrison, Richard 1767 - 1849

Lâu đài Castlegar 1807/ 245

Paeonius (Paionios) và Daphnis

Miếu thần Apollo *khoảng 310 trước công nguyên/ 253*

Paeonius (Paionios) và Demetrius

Miếu thần Artemis *khoảng 356 trước công nguyên/ 230*

Palladio, Andrea 1508 - 1580

Biệt thự mái Tròn (xem biệt thự Capra)

Nhà thờ Redentore 1576 - 1591/ 138, 216, 221, 235, 239, 255, 264

Nhà thờ San Giorgio Maggiore 1560 - 1580/ 134, 214, 221, 237

Biệt thự Capra (Almerico) 1566 - 1571/ 136, 214, 224, 228, 234,
236, 243, 247, 258

Biệt thự Foscari *khoảng 1549 - 1563/ 132, 228, 253*

Biệt thự Trissino 1553 - 1576/ 246

Pei, Ieoh Ming 1917 -

Tòa nhà phía Đông Viện mỹ thuật Quốc gia 1975 - 1978/ 254

Viện bảo tàng mỹ thuật Everson 1968/ 226

Trung tâm nghệ thuật Paul Mellon 1970 - 1973/ 226, 239, 264

Piano và Rogers

Trung tâm Beaubourg 1972 - 1977/ 256

Pietilia, Reima 1923 - 1993

Trung tâm hội nghị Dipoli 1966/ 264

Polykleitos The Younger thế kỷ 4 trước công nguyên

Miếu Tròn *khoảng 365 trước công nguyên/ 242*

Pope, John Russell 1874 - 1937

Tòa nhà Đại học Johns Hopkins *khoảng 1930/ 243*

Nhà thờ Scottis 1910/ 215

Price, Bruce 1845 - 1903

Nhà ở Chandler 1885 - 1886/ 261

Nhà ở Van Buren 1885/ 270

Raphael 1483 - 1520

Nhà thờ St. Eligio Degli Orefici 1509/ 241

Rhoikos of Samos khoảng 540 trước Công nguyên

Miếu thần Hera thứ IV 575 - 550 trước Công nguyên/ 253

Richardson, Henry Hobson 1838 - 1886

Tòa án Allegheny 1883 - 1888/ 136, 223, 232, 234, 246, 262, 271

Tòa nhà Austin 1881 - 1884/ 245

Nhà ở J. J. Glessner 1885 - 1887/ 246, 237, 261

Nhà ở F. L. Higginson 1881 - 1883/ 245

Tòa nhà Sever 1878 - 1880/ 142, 216, 225, 246

Nhà ở W. Watts Sherman 1874/ 250

Nhà thờ Tam thánh 1872 - 1877/ 140, 223, 228, 257

Roche, Kevin 1922 - xem Roche Dinkeloo

Roche Dinkeloo

Công ty bảo hiểm học viện nhân thọ 1967 - 1971/ 226

Tòa nhà văn phòng Deere West 1975 - 1976/ 226, 251

Tổng bộ kỹ sư đoàn Columbus 1965 - 1969/ 244

Trung tâm năng lượng 1965 - 1971/ 240, 264

Tòa nhà Quỹ tài trợ Ford 1963 - 1968/ 215, 240

Tòa nhà Liên hợp quốc 1969 - 1975/ 220

Rossi, Aldo 1931 -

Nhà hát Del Mondo 1979/ 249

Rudolph, Paul 1918 -

Khoa kiến trúc và mỹ thuật - Đại học Yale 1958/ 225, 232

Ruusuvouri, Aarno 1925 -

Nhà thờ Hyvinkaa 1959 - 1961/ 242

Saarinen, Eero 1910 - 1961

Hội trường Kresge 1955/ 220

Nhà thờ nhỏ Kresge 1955/ 242

Nhà thờ North Christian 1959 - 1963/ 242

Nhà thi đấu khúc côn cầu Yale 1956 - 1958/ 214

Sangallo, Antonio da 1484 - 1546

Cung Farnese 1534/ 246, 257

Santini - Aichel, Jan Blazej thế kỷ 18

Nhà thờ Thánh John Nepomuk 1719 - 1720/ 236

Scarpa, Carlo 1906 - 1978

Lăng Brion - Vega 1970 - 1972/ 259

Schinkel, Karl Friedrich 1781 - 1841

Bảo tàng Altes 1824/ 227, 249

Hunting lodge 1822/ 227, 257

Đài thiên văn Berlin 1835/ 239, 264

Đình thự ở Berlin 1823/ 217

Severus và Celer thế kỷ I

Công trình Domus Aurea *khoảng 64/ 239*

Siren, Hekki 1918 -

Nhà thờ Orivesi *1961/ 250*

Skidmore, Owings và Merrill

Thư viện Học viện Wells *1968/ 254*

Smythson, Robert khoảng 1535 - 1614

Tòa nhà Wollaton *1580 - 1588/ 257*

Soane, John 1753 - 1837

Tòa nhà Burn *khoảng 1785/ 258*

Nhà trưng bày nghệ thuật Dulwich *1811 - 1814/ 238, 255*

Nhà thờ Sepulchral *1796/ 236*

Tòa nhà Tendering *1784 - 1790/ 222, 229, 245*

Sonck, Lars 1870 - 1956

Tòa nhà Arena *1923/ 242*

Soufflot, Jacques Germain 1713 - 1780

Miếu thần Pantheon, Pari, Pháp *1756 - 1797/ 262*

Steiner, Rudolf 1861 - 1925

Geotheanum I *1913 - 1920/ 269*

Stirling, James 1926 - 1992

Khoa lịch sử - Đại học Cambridge *1964/ 150, 215, 222, 228, 251, 261*

Bảo tàng nghệ thuật Dusseldorf *1980/ 244*

Tòa nhà Florey *1966/ 152, 215, 223, 228, 234, 238, 252, 256*

Viện công trình Leicester *1959/ 148, 219, 223, 231, 238, 254*

Trường chuyên khoa Olivetti *1969/ 154, 231, 237, 260, 263*

Ký túc xá St. Andrews *1964/ 236, 251, 256*

Strickland, William 1787 - 1854

Ngân hàng thứ II Hợp chủng quốc Hoa Kỳ *1818 - 1824/ 257*

Sullivan, Louis Henry 1856 - 1924

Tòa nhà hội nghị *1887 - 1890/ 156, 221, 228, 238, 254*

Bách hóa tổng hợp Carson Pirie và Scott *1899 - 1903/ 160, 218, 221, 229, 253*

Ngân hàng nông dân Quốc gia *1907 - 1908/ 162, 216*

Nhà thờ St. Paul *1910 - 1914/ 239, 264*

Tòa nhà Wainwright *1890 - 1891/ 158, 231, 233*

Tange, Kenzo 1913 -

Nhà thờ lớn St. Mary *1963/ 267*

Cung Olympic *1961 - 1964/ 244*

Cung Olympic nhỏ *1961 - 1964/ 220, 226, 252*

Terragni, Giuseppe 1904 - 1943

Chung cư Fascio *1932 - 1936/ 166*

Chung cư Novocomum *1927/ 164*

Trường mẫu giáo Sant Elia *1936 - 1937/ 168*

Biệt thự Bianca *1937/ 170*

Thornton, William 1759 - 1828

Toà nhà quốc hội Hợp chủng quốc Hoa Kỳ *1793 - 1830/ 257*

Tigerman, Stanley 1930 -

Ngôi nhà Frog Hollow 1973 - 1974/ 220

Town và Davis

Tòa nhà hội nghị Bắc Carolina 1833 - 1840/ 258

Tòa nhà hải quan Hợp chủng quốc Hoa Kỳ 1833 - 1842/ 244

Utzon, Jorn 1918 -

Ngôi nhà Atrium 1956/ 236

Nhà thờ Bagsvaerd 1973 - 1976/ 256

Nhà hát Opera Sydney 1957 - 1968/ 250, 269

Không rõ Kiến trúc sư

Nhà thờ Tin lành chính thống *khoảng* 425/ 242

Nhà tắm Ostia, Ý *khoảng* 150/ 267

Tòa nhà hội nghị Williamsburg 1701/ 247, 263

Lâu đài Del Monte *khoảng* 1240/ 236, 270

Lâu đài Soborg, Đan mạch *khoảng* 1150/ 260

Tòa nhà Chancellery 1483 - 1517/ 259

Kim tự tháp Cheops *khoảng* 3733 trước Công nguyên/ 220

Đấu trường Colosseum 70 - 82/ 232

Tòa nhà hội đồng Miletos 170 trước Công nguyên/ 249

Lâu đài Deal *khoảng* 1540/ 265

Lâu đài Dover *khoảng* 1180/ 259

Tòa nhà Drayton 1738 - 1742/ 246, 251

Tháp Elphinstone *thế kỷ* 16/ 220

Tu viện Fontevrault 1115/ 262, 267

Pháo đài gần Rudesheim 1000 - 1050/ 260

Pháo đài Shannon 1800 - 1835/ 256

Nhà hát Hadrian Maritime 125 - 135/ 267

Miếu thần Horgu - Ji 607/ 259

Ngôi nhà ở Ur 2000 trước Công nguyên/ 258

Ngôi nhà Menander *khoảng* 300 trước Công nguyên / 232

Ngôi nhà Faun *thế kỷ* 2 trước Công nguyên/ 266

Ngôi nhà Vizier Nakht 1372 - 1350 trước Công nguyên/ 260

Chợ Leptis Magna 8 trước Công nguyên/ 259

Lăng Augustus *khoảng* 25 trước Công nguyên/ 252

Biệt thự Musgum *không rõ niên đại*/ 222

Tòa nhà New Park *khoảng* 1775/252

Nhà thờ Đức mẹ, Paris 1163 - *khoảng* 1250/ 254

Lâu đài Olavinlinna 1475/ 260

Nhà thờ Osterlars *thế kỷ* 12/ 265

Miếu thần Pantheon *khoảng* 100/ 213, 242

Lâu đài Pitfichie *khoảng* 1550/ 246

Lâu đài Rait *khoảng* 1300/ 246

Nhà thờ St. Constanza *khoảng* 350/ 242, 257

Nhà thờ Thánh Frutoso, Montelios 665/ 247

Nhà thờ Thánh Maria Consolazione 1508/ 267
 Nhà thờ San Miguel 913/ 249
 Nhà thờ Thánh Stefano Rotondo 468 - 483/ 262
 Nhà thờ Thánh Vitale *khoảng* 530 - 548/ 234
 Kho chứa cỏ 1865/ 257
 Miếu thần Solomon 1000 *trước Công nguyên*/ 255
 Công trình phía Nam Monte Alban *khoảng* 500/ 266
 Kiến trúc hành lang cổ Sikyon *khoảng* 300/ 256
 Tòa nhà Stratford 1725/ 258, 263, 271
 Miếu thần Tarxien, Malta 2100 - 1900 *trước Công nguyên*/ 255, 266
 Miếu thần Apollo *khoảng* 400 *trước Công nguyên*/ 261
 Miếu thần Horus, Edfu 237 - 57 *trước Công nguyên*/ 222, 255, 265
 Miếu thần Kom Ombo 181 *trước Công nguyên* - 30 *sau Công nguyên*/ 261
 Nhà tắm nước nóng Caracalla 212 - 216/ 245
 Lăng mộ Tarquinia *khoảng* 600 *trước Công nguyên*/ 244
 Lăng mộ Caecilia Metella *khoảng* 25 *trước Công nguyên*/ 243
 Lăng mộ Setnakht *thế kỷ* 13 *trước Công nguyên*/ 255
 Tháp Luân Đôn 1070 - 1090/ 260
 Pháo đài Viking *khoảng* 1000/ 248

Van Der Rohe, Ludwig Mies 1886 - 1969

Cung CHLB Đức - Viện bảo tàng trưng bày Quốc tế, Barcelona
 1928 - 1929/ 172, 225

Tòa nhà Crown (Viện thiết kế kiến trúc và quy hoạch đô thị)
 1950 - 1956/178, 253

Nhà ở Farnsworth 1945 - 1950/ 176, 217, 253, 264

Nhà trưng bày mỹ thuật Quốc gia 1968/ 241

Nhà ở Tugendhat 1928 - 1930/ 174

Van De Velde, Henry 1863 - 1957

Nhà ở Bloemenwerf 1895 - 1896/ 258

Van Eyck, Aldo 1918 -

Cung triển lãm Arnheim 1966/ 244

Nhà ở Visser 1975/ 254

Nhà thờ Weels 1966/ 245

Venturi, Robert 1925 - xem Venturi và Rauch

Venturi và Rauch

Bảo tàng nghệ thuật Allen 1973 - 1976/ 268

Nhà ở Brant 1973/ 184, 218, 224, 237, 246

Trạm cứu hỏa số 4 1966/ 182, 219, 224

Viện dưỡng lão 1961/ 250, 266, 272

Ngôi nhà ở Tucker Town, Bermuda 1975/ 260

Nhà ở Pearson 1957/ 256

Nhà ở Trubek 1972/ 248

Nhà ở Tucker 1975/ 186, 213, 225, 229, 241, 244, 272

Nhà ở Venturi 1962/ 180, 233, 238, 242, 246

Vignola, Giacomo da 1507 - 1573

Biệt thự Farnese 1559 - 1564/ 262

Wagner, Otto 1841 - 1918

Tòa nhà Anker 1895/ 254

Nhà thờ Thánh Leopold Am Steinhol 1905 - 1907/ 232

Ngân hàng Lander 1883 - 1884/ 251, 281

Ngân hàng bưu điện tín dụng 1904 - 1906/ 250, 263

Wren, Christopher 1632 - 1723

Nhà thờ St. Antholin 1678 - 1691/ 232

Nhà thờ St. Clement Danes 1680/ 216, 272

Nhà thờ St. James 1674 - 1687/ 249

Nhà thờ St. Mary Le Bow 1670 - 1683/ 219

Tu viện St. Nicholas Cole 1671 - 1681/ 231

Nhà thờ Thánh Stephens Walbrook 1672 - 1687/ 230

Wright, Frank Lloyd 1867 - 1959

Dinh thự Boomer 1953/ 254

Nhà ở Coonley 1907/ 270

Bảo tàng mỹ thuật Guggenheim 1956/ 194, 224, 227, 252

Nhà ở Johnson 1937/ 250

Nhà ở Jacobs 1948/ 252

Nhà ở Kaufmann (Biệt thự trên suối) 1935/ 192, 216, 222, 229, 238, 253, 266

Tòa nhà Larkin 1903/ 232, 253,

Nhà thờ nhỏ Pfeiffer 1938/ 242

Nhà ở Robie 1909/ 190, 225, 230, 237, 264, 270

Tháp Thánh Mark 1929/ 236

Nhà thờ giáo phái Nhất thể 1949/ 254

Nhà thờ Nhất ngôi 1906/ 188, 224, 227, 234, 235, 237, 262, 263, 270

Anh em Zimmerman

Nhà thờ Wies 1754/ 250

Zimmerman, Dominikus 1685 - 1766 xem Anh em Zimmerman

Zimmerman, Johan 1680 - 1758 xem Anh em Zimmerman

Zuk, Radoslav không rõ năm sinh

Nhà thờ Tam thánh Ukranian 1977/ 266